SachViet.vn
KHO TÀNG TRI THỨC VIỆT

HÀ-LẠC DÃ-PHU
VIỆT VIÊM TỬ

TỬ-VI ĐẨO BÍ

BIỆN CHỨNG HỌC

財 天梁 化權	子 七殺 大耗	妻 裁 袁 歲破	胞 廉貞 帝旺
胖 紫微 化科	黎太祖 大英雄		命 白虎 風閣
移 天機 化祿 巨門			親 破軍 文昌
奴 貪狼 天空	官 太陽 化忌	田 天府 武曲	福 天同 相軍

ĐỨC LÊ-LỢI
Vua

HÀ LẠC DÃ PHU VIỆT VIÊM TỬ

TỬ VI ÁO BÍ
BIỆN CHỨNG HỌC

Phát đoan từ

1. Một lời nói của bậc đạl nhân, Đức Trạng-Trình: Hoành sơn nhất đái, túc dĩ dung thân, đã giúp cho nhà Nguyễn hơn hai trăm năm vương nghiệp, và hơn một thế kỷ đế nghiệp.

2. Cao-Bằng tuy tiểu khả diên sổ thế, mà họ Mạc đã rút lui về đất Cao-Bằng, giữ được nghiệp hơn sáu mươi năm.

3. Cũng một lờl: Kim tuế bất nẫm, nhĩ đẳng thu điền đương dụng cựu cốc (năm nay mất mùa hãy lấy thóc cũ làm giống) mà họ Trịnh biết nghe theo, với thời gian hơn hai trăm năm phi vương phi bá quyền thiên hạ, đã không đoạt ngôi nhà Lê, với bối cảnh một quốc gia lấy tinh thần Nho giáo làm ánh sáng tuyệt đối tôn quân, có vua lạl có chúa, mà quyền hành tập trung ở Chúa cả.

Phải chăng các bậc quân-vương đã biết tin tưởng vào sự quán-thông của Cụ Trình-Quốc-Công, mà nước nhà mớl có một giai đoạn lịch sử hy hữu vậy.

Đối lạl Trung-Quốc sử minh chứng cho ta thấy chỉ có một triều đạl nhà Tống, là không sát hạl các công thần cả tân cựu triều, lạl cùng đồng bàn ẩm tửu, chan chứa hạnh phúc thái bình thông cảm, mãn tiệc lạl được chia của cải trong kho, kẻ lui về điền viên lạc đạo, không sợ bị vấn tội cựu triều, người ở lại phò tá chấn hưng tân triều thêm thịnh đạt.

Vì nguyên nhân thời mạt Đường loạn-lạc, bà thân mẫu gánh hai con đi tỵ nạn, cậu Triệu-Khuôn-Dẫn và Triệu-Khuôn-Nghĩa trạc độ năm ba tuổl gặp đức Trần-Đoàn tạl núi Phú-sơn, là nơi tiên sinh thường lai vãng thưởng ngoạn, tiên sinh mới hỏi bà : hà vật lão ẩu, bà trả lời đưa hai con đi tránh loạn, tiên sinh tự nói : Nhất đỡm lưỡng thái bình thiên tử (một vai mà hai ông vua Thái-Bình), rồi hỏi bà, muốn có tiền bà bán trái núi trước mặt kia cho tôi, bà trả lời núi của Vua sao tôi bán được, tiên sinh nói cứ bán cho tôi không sao, đoạn bà xé áo của mình và hai con, lấy miếng vải nhỏ bỏ vào ống đũa, coi như văn tự, trao cho tiên sinh để thọ lãnh 10 lạng bạc.

Thấm thoát thoi đưa, thời lai phong tống, 2 cậu nhỏ này trải qua thời loạn, đã nghiễm nhiên trở thành hai vị tướng được hiệu lệnh đi tiễu giặc.

Xuất phát binh quyền tớl cầu Trần-Kiều thì quay trở về, hạ Vua Đường xuống để lên ngôi báu, là Tống-Thái-Tổ tức vua Triệu-Khuôn-Dẫn, khi băng hà truyền ngôi cho em là Triệu-Khuôn-Nghĩa.

Khi ở ngôi cửu ngũ, chắc có nhiều vị quần thần trình lên kế hoạch, dùng hay nên giết tiên sinh, vì sợ là bậc có tài, nên mới có việc nhiều lần sứ thần vời ra làm việc, cho tiền bạc châu báu, gái đẹp, thu thuế và bức bách đuổi đi, tiên sinh không nhận bất kể điều chi, chỉ kính cẩn nói xin hỏi lại Thái-Hoàng Thái-Hậu sẽ rõ tự sự, và dâng vua Thái-Tổ mấy vần thơ để tỏ ý mình.

Thơ

Băng vi cơ phách ngọc vi tai

Nhục hạ quân vương Tống đáo lai

Xử sỹ bất tri vu giáp mộng

Không lao thần nữ hạ dương đài.

Phải chăng khi biết được chuyện bán đất, và tư-tưởng thoát-tục của tiên sinh, thời hiển nhiên là bậc thần tiên-tri, hơn nữa những quốc sách an bang tế thế, đàm luận với sứ thần nhiều lần qua lại cũng được dâng lên Tống-Thái-Tổ nên triều đạl này mới có việc làm phi thường được lịch sử khen tặng là đệ nhất nhân đức vậy.

Đến đời vua Tống-Nhân-Tôn phong tặng tiên sinh tôn danh Hi Di.

Khi sinh tiền, tiên sinh là một bậc bác học uy thâm tu luyện tại núi Phù-sơn đắc đạo mà lập ra môn Tử vi đẩu số, căn cứ vào phương-vị tinh-tú ảnh-hưởng, mà biết vận hành họa phúc của con người và quốc gia.

Nghiên cứu hiểu biết cao bao nhiêu, thời lòng ngưỡng mộ đối với tiên-sinh càng nghiêm-cẩn bấy nhiêu, vì biết được hoạ phúc của một người, là biết được cả muôn người.

Nếu hiểu biết là đường sáng, là kim chỉ nam, hướng dẫn ta đạt được tận thiện mỹ về cách xử thế và hành trang, để vươn lên trong cuộc sống cạnh tranh sinh tồn này.

Biết bao nhiêu vết tích của dân tộc Lạc-Việt ta đã để lại trên 18 bình nguyên Trung-Quốc, ra đi phiêu bồng, rồi định nghiệp trên giải đất tuy nhỏ bé, nhưng cẩm tú, đã quay cuồng vô ý thức trong cuộc chiến bi oa chử nhục, mà chịu cảnh xuyên-huyết sơn-hài, hiền-mẫu chinh-phu, cô-nhi quả-phụ, từ thành thị tới thôn quê, thật là tang thương đến cả hoa cỏ này. Phải chăng biết là cần thiết, là cứu cánh của dân tộc ta, vì chỉ có biết mới sống, biết cái thế hoàng long Việt-Nam, biết cái thế bát tự phân lưu hư hoa Hanoi, biết cái thế thần quy long mã lạc hà đồ Saigon, biết cái thế nam phương bính đinh hỏa, hỏa thăng lên vùn vụt, để hồi đầu cố tổ, lập lại một Việt bang xuân thái, ngũ bách niên thiên hạ vậy.

Vì ý nghĩ biết bất kể phương diện nào cũng thiết dụng, hơn nữa Tử-vi đẩu-số tuy là môn lý-học áo-bí, vi-diệu, nhưng ngày nay, hiển nhiên các nhà thông thái đã chứng nghiệm qua các thiên văn đài và viễn vọng kính, là khoa toán học tinh đẩu, nếu sự lập thành, nhất nhất phải dùng đến sách vở, sẽ vấp biết bao cản trở, và dễ đưa tới chán nản.

Nhưng nếu nhập tâm được các quy luật qua một số bài thơ và lập được lá số trên bàn tay, tất sẽ lợi dụng được tất cả thời gian nhàn rỗi, trong giường ngủ, ngoài đường phố, trên xe trên tàu, hay cùng nhau đàm đạo, đều có thể suy-luận, khảo-sát, để thăng tiến mau trên con đường lý-học được.

Nên tôi mạo muội xuất bản cuốn sách này, không kể tài hèn sơ thiển, thật là múa rìu qua mặt Lỗ-Ban, cũng không ngoài lòng sở vọng trên vậy.

Kính mong các bậc cao minh thứ tha chỉ giáo và chư vị niệm tình.

Kính đề

tại Thủ-đô Saigon Mạnh Thu năm Nhâm Tý.

HÀ LẠC DÃ PHU VIỆT VIÊM TỬ

Chương 1

CÁCH LẬP THÀNH MỘT LÁ SỐ TỬ-VI TRÊN GIẤY

KHỞI SỰ ĐỊNH CUNG

1- Lấy một tờ giấy chia làm 12 ô (cung) tùy theo khuôn giấy lớn nhỏ:

6 Tỵ	7 Ngọ	8 Mùi	9 Thân
5 Thìn			10 Dậu
4 Mão			11 Tuất
3 Dần	2 Sửu	1 Tý	12 Hợi

HÌNH VẼ THÍ DỤ

Mỗi Ô được định danh là một cung.

Khởi từ cung ghi số 1 là cung tý,

Ô số 2 là cung Sửu

Ô số 3 là cung Dần

Ô số 4 là cung Mão

Ô số 5 là cung Thìn

Ô số 6 là cung Tỵ

Ô số 7 là cung Ngọ

Ô số 8 là cung Mùi

Ô số 9 là cung Thân

Ô số 10 là cung Dậu

Ô số 11 là cung Tuất

Và Ô số 12 là cung Hợi.

2- Áp dụng của 12 chi:

Thập nhị địa chi là tên dùng, để chỉ 12 năm như thường, nghe nói tuổI Tý, tuổI Dần, tuổi Hợi…được dùng để chỉ cho 12 cung trong 1 lá số, thường gọI là Địa Bàn, mà vị trí ở địa bàn này không thay đổI như hình trên, khởI từ cung Tý… tớI cung Hợi.

An xong 12 cung cố định rồi, còn một khoảng trống giữa dùng để ghi danh hiệu, năm, tháng, giờ sinh.

a- Đương số thuộc Âm hay Dương.

thuộc Nam hay Nữ

Vì nam có âm nam, hay dương nam

và nữ có âm nữ , hay dương nữ

b- Đương số mạnh thuộc hành nào của ngũ hành.

c- Và thuộc cục nào của ngũ cục.

khoảng trống giữa được gọl là cung Thiên Bàn.

THÍ DỤ CUNG THIÊN BÀN Ô 13

	Ô 13 Ông và Bà Vũ-Văn-Việt sinh ngày____tháng____ giờ, năm Bính Dần Dương Nam Hỏa mạng Mộc tam cục		

Tùy theo nam hay nữ mà ghi ở cung Thiên Bàn, và ba mục trên sẽ được phân định, nhưng tạm gác lại để định giờ sinh trước.

3- Phép định giờ

Một ngày và một đêm là 24 giờ đồng hồ. cứ 2 giờ của đồng hồ là 1 giờ theo âm lịch để tính số Tử-vi.

Và giờ âm lịch được tính kể từ không giờ tức là 24 giờ đến 2 giờ là giờ Tý, và cứ tuần tự tính 2 giờ của đồng hồ là 1 giờ âm lịch là Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất và giờ Hợi tức là 22 giờ tới 24 giờ.

LIỆT KÊ THEO GIỜ HIỆN HÀNH

Từ	0 giờ	đến	2 giờ	là	giờ	:	TÝ
Từ	2 giờ	đến	4 giờ	là	giờ	:	SỬU
Từ	4 giờ	đến	6 giờ	là	giờ	:	DẦN
Từ	6 giờ	đến	8 giờ	là	giờ	:	MÃO
Từ	8 giờ	đến	10 giờ	là	giờ	:	THÌN
Từ	10 giờ	đến	12 giờ	là	giờ	:	TỴ
Từ	12 giờ	đến	14 giờ	là	giờ	:	NGỌ
Từ	14 giờ	đến	16 giờ	là	giờ	:	MÙI
Từ	16 giờ	đến	18 giờ	là	giờ	:	THÂN
Từ	18 giờ	đến	20 giờ	là	giờ	:	DẬU
Từ	20 giờ	đến	22 giờ	là	giờ	:	TUẤT
Từ	22 giờ	đến	24 giờ	là	giờ	:	HỢI

4- Định phân cung số

Khoa Tử-vi được chia thành 12 cung là các cung kê sau:

Mạnh-viên để chỉ tính mạnh của mình.

Huynh-đệ Chỉ anh em.

Phu-quân (thê thiếp) tùy theo Nam hay Nữ.

Tử-tức Chỉ con cái.

Tái-bạch Chỉ tiền của.

Tật-ách Chỉ bệnh hoạn.

Thiên-ri Chỉ xuất ngoại.

Nô-bộc bạn bè và gia nhân.

Quan-lộc Nghề nghiệp, hoạn lộ.

Điền-trạch Cửa nhà ruộng vườn.

Phúc-đức Phúc ấm của nhà mình.

Phụ-mẫu Cha mẹ.

Và 1 cung thứ 13 nữa là cung Thân, chỉ cuộc đờI mình sẽ phong trần hay vinh hoa ra sao.

5-Phép an cung mạnh.

Biết được giờ sinh thuộc chi nào của giờ Âm lịch theo Tý Sửu rồi.

- Bắt đầu tính từ cung Dần (cung số 3) là tháng giêng.
- MỗI cung một tháng, tính theo chiều thuận tớI tháng sinh.
- Kể luôn cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều nghịch tớI giờ sinh, ngưng tại cung nào.

Kể cung ấy là cung mạnh.

và viết Mạnh viên vào cung ấy.

CHIỀU THUẬN VÀ CHIỀU NGHỊCH

Chiều thuận và chiều nghịch được tính theo vòng kim đồng hồ.

THÍ DỤ Ở TỬ VI:

Người sinh tháng 4 giờ Dần.

An cung Mạnh, tháng sinh tính thuận.

Khởi tháng giêng ở cung Dần

tháng hai ở cung Mão

tháng ba ở cung thìn

tháng tư tới cung Tỵ cho người sinh tháng tư, như vậy là thuận theo kim đồng hồ.

An Mạnh giờ sinh tính nghịch.

Khởi giờ Tý ở cung Tý là cung ngưng lại là tháng tư.

Giờ Sửu ở cung Thìn.

Giờ Dần ở cung Mão cho người sinh giờ Dần, như vậy là nghịch theo kim đồng hồ.

Sau khi ghi Mạnh-viên rồi, kế tiếp theo chiều nghịch.

An các cung khác là Huynh, Thê (Phu nếu là phái Nữ), Tử, Tài, Ách, Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ, cho đủ 12 cung, chỉ cần viết tắt 1 chữ như vậy là đủ hiểu.

6-Phép an Thân

Kể cung Dần là tháng giêng, mỗi cung một tháng.

Tính theo chiều thuận tới tháng sinh.

Kể luôn cung ấy là giờ Tý.

Tính luôn theo chiều thuận tới giờ sinh

Ngưng lại cung nào, an Thân ở cung ấy.

vị trí Thân chỉ ở 6 cung.

Mạnh, Thê (Phu), Tài, Ri, Quan, Phúc.

Nếu ở vào 6 cung khác là sai.

7- Phép tìm cục:

Khi an xong Mạnh và Thân, muốn an được 2 chòm sao Tử-vi và chòm sao Thiên-phủ, phải căn cứ vào hàng thiên-can của tuổi, và mạnh an ở cung nào mới tìm ra Cục được.

Thập thiên can là :

Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu
Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý

được chia đi đôi với nhau để tìm cục.

như: Giáp Kỷ

Ất Canh

Bính Tân

Đinh Nhâm

Mậu Quý

Nên luôn luôn nhớ là:

1- Phải biết Thiên-can của tuổi can là gì.

2- Mạnh cư ở cung nào trong 12 cung. Thường gọl là ngũ cục như sau:

1- Thủy nhị cục
2- Mộc tam cục
3- Kim tứ cục
4- Thổ ngũ cục
5- Hỏa lục cục

8- BẢNG LIỆT KÊ 10 HÀNG CAN VÀ CUNG AN MẠNH ĐỂ TÌM CỤC.

BẢNG 1 CỦA TUỔI GIÁP VÀ KỶ

Cung An Mạnh	**Cục**
TÝ SỬU	THỦY nhị cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	HỎA lục cục
THÌN TỴ	MỘC tam cục
NGỌ MÙI	THỔ ngũ cục
THÂN DẬU	KIM tứ cục

BẢNG 2 CỦA TUỔI ẤT VÀ CANH

Cung An Mạnh	**Cục**
TÝ SỬU	THỔ lục cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	THỔ ngũ cục
THÌN TỴ	KIM tứ cục
NGỌ MÙI	MỘC tam cục
THÂN DẬU	THỦY nhị cục

BẢNG 3 CỦA TUỔI BÍNH VÀ TÂN

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	THỔ ngũ cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	MỘC tam cục
THÌN TỴ	THỦY nhị cục
NGỌ MÙI	KIM tứ cục
THÂN DẬU	HỎA lục cục

BẢNG 4 CỦA TUỔI ĐINH VÀ NHÂM

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	MỘC tam cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	KIM tứ cục
THÌN TỴ	HỎA lục cục
NGỌ MÙI	THỦY nhị cục
THÂN DẬU	THỔ ngũ cục

BẢNG 5 CỦA TUỔI MẬU VÀ QUÝ

Cung An Mạnh	Cục
TÝ SỬU	KIM tứ cục
DẦN MÃO TUẤT HỢI	THỦY nhị cục
THÌN TỴ	THỔ ngũ cục
NGỌ MÙI	HỎA lục cục
THÂN DẬU	MỘC tam cục

9- Phép an sao Tử-vi

Tử-vi an theo cục và ngày sinh.

Vậy phải tìm xem Tử-vi cố định ở vị trí nào trên 12 cung.

Và Tử-vi tinh đổi vị trí tùy theo mỗi cục.

Bảng kê Tử-vi theo 5 cục

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

THỦY NHỊ CỤC

8 – 9	10 – 11	12 - 13	14 – 15
6 – 7 – 30			16 – 17
4 – 5 – 28 – 29			18 – 19
2 – 3 – 26 – 27			20 - 21

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

MỘC TAM CỤC

4 – 12 – 14	7 – 15 – 17	10 – 18 – 20	13 – 21 – 23
1 – 9 – 11			16 – 24 - 26
6 – 8			19 –27 –29
3 – 5	2 – 28	25	22 – 30

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

KIM TỨ CỤC

6 – 16 – 19 – 25	10 – 20 – 23 – 29	14 – 21 – 27	18 - 28
2 – 12 – 15 – 21			22
8 – 11 – 17			26
4 – 7 – 13	3 – 9	5	1 – 30

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

THỔ NGŨ CỤC

8 – 20 – 24	1 – 13 – 25 – 29	6 – 18 – 30	11 – 23
3 – 15 – 19 – 27			16 – 28
10 – 14 – 22			21
5 – 9 – 17	4 – 12	7	2 – 26

Vị trí của Tử-vi theo ngày sinh thuộc

HỎA LỤC CỤC

10-24-29	2-16-30	8-22	14-28
4-18-23			1-20
12-17-27			7-26
6-11-21	5-15-25	9-19	3-13

Khi biết được vị trí và an Tử-vi xong, theo chiều nghịch mà an Thiên-cơ, bỏ cách một cung an Thái-dương tiếp theo Vũ-khúc, đến Thiên-Đồng, bỏ cách hai cung và an sao Liêm-Trinh.

Tử vi tinh hệ gồm 6 sao.

Tử vi, thiên cơ, Thái dương, Vũ khúc, Thiên đồng và Liêm Trinh.

10- Phép an chòm sao Thiên-phủ:

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát, Phá-quân.

Chòm sao thiên phủ an theo chiều thuận, các sao liên tiếp theo các cung, chỉ trừ sao Phá-quân thì bỏ cách đi 3 cung như sau:

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát mỗi cung 1 sao, và bỏ cách 3 cungmới an sao Phá-quân ở cung thứ 4.

TÌM VỊ TRÍ SAO THIÊN-PHỦ

Muốn biết sao Thiên-phủ ở cung nào, xin coi trên bảng ghi vị trí của sao Tử-vi và Thiên-phủ hiện hành trên 12 cung.

A - BẢNG VỊ TRÍ THIÊN-PHỦ ĐỐI CHIẾU TỬ-VI

Tử-Vi	Tử-Vi	Tử-Vi	Tử-vi Thiên-Phủ
Tử-Vi			Thiên-Phủ
Tử-Vi			Thiên-Phủ
Tử-Vi Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ

Nếu muốn an số trên bàn tay, nên nhập tâm hai bản đốI chiếu vị trí Thiên-phủ với Tử-vi này, riêng 2 câu ca an Tử-vi và Thiên-phủ ở mục Tử-vi an trên bàn tay.

Riêng cung dần và cung Thân thì Tử-vi và Thiên-phủ bao giờ cũng cư đồng cung.

B - BẢNG VỊ TRÍ THIÊN-PHỦ ĐỐI CHIẾU TỬ-VI

Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Thiên-Phủ	Tử-vi Thiên-Phủ
Thiên-Phủ			Tử-vi
Thiên-Phủ			Tử-vi
Tử-Vi Thiên-Phủ	Tử-vi	Tử-vi	Tử-vi

Hai cung Tỵ và Hợi :

Tử-Vi ở cung Tỵ thì Thiên-Phủ ở HợI cung ; và Thiên-Phủ ở cung Tỵ thì Tử-Vi ở Hợi cung.

THÍ DỤ BẢNG A

Tử-Vi ở cung Mùi sao Thiên-Phủ ở cung Dậu.

Tử-Vi ở cung Ngọ sao Thiên-Phủ ở cung tuất.

Tử-Vi ở cung Tỵ sao Thiên-Phủ ở cung Hợi.

Tử-Vi ở cung Thìn sao Thiên-Phủ ở cung Tý.

Tử-Vi ở cung Mão sao Thiên-Phủ ở cung Sửu.

Và Vị trí của Tử-Vi Thiên-Phủ cũng ngược lạI như ở Bảng B.

Như vậy là đã lập được một số lá gồm có Mạnh và Thân đủ 12 cung.

An luôn được chòm sao Tử-Vi gồm 6 sao và chòm sao Thiên-Phủ gồm 8 sao.

Cộng lại là 14 chính tinh.

CHƯƠNG 2

CÁCH LẬP THÀNH TỬ-VI TRÊN BÀN TAY

1– Khi đã biết được năm tháng, ngày giờ sinh.

– Để ngửa bàn tay trái, và hình dung các cung trên bàn tay theo một số lá số Tử-vi an trên giấy, sẽ có các cung như hình vẽ.

Tập nhìn đi nhìn lại cho quen các địa chỉ, tức là các Cung từ Cung Tý số 1.

Cung Sửu	số 2
Cung Dần	số 3
Cung Mão	số 4
Cung Thìn	số 5
Cung Tỵ	số 6
Cung Ngọ	số 7
Cung Mùi	số 8
Cung Thân	số 9
Cung Dậu	số 10
Cung Tuất	số 11
Và Cung Hợi	số 12

thường gọi là địa-bàn gồm 12 cung, mà 12 địa chỉ Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi, gắn liền với cung cố-định không thay đổi.

2– Cách an mạnh:

– Sau khi phân định được vị trí của 12 cung, nhất là cung Dần và biết giờ sinh thuộc chi nào của Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi.

– Dùng ngón tay cái để tính số.

– Bắt đầu tính cung Dần là tháng giêng.

– Mỗi cung một tháng, tính theo chiều thuận đến tháng sinh.

– Kể cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều nghịch tới giờ sinh.

– Ngưng tại cung nào, an Mạnh ở cung ấy.

– Kể tiếp an các cung khác theo chiều nghịch, nhưng chỉ dùng một chữ đầu như Mạnh, Huynh,…Phụ mà thôi

như Mạnh-Viên

Huynh-đệ

Thê-thiếp (hay Phu-quân)

Tử-tức

Tài-bạch

Tật-ách hay giải ách

Thiên-ri

Nô-bộc
Quan-lộc
Điền-trạch
Phúc-đức
và cuối cùng là Phụ-mẫu

3– Các công thức cần phải nhập tâm để an Tử-vi trên bàn tay.

1– Thuộc lòng và nhìn nhận vị-trí mười hai cung trên bàn tay.

2– Danh đề của 12 tuổi.
Tên của 12 cung.
và 12 giờ sinh.

đều lấy chung ở thập nhị địa chỉ là :

Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ
Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi

Nên thuộc lòng theo thứ tự của 12 địa chỉ này để dễ dàng về sau.

3– Nhập tâm các danh từ trên 12 cung, bằng cách vắn tắt chỉ dùng 12 chữ đầu của các cung.

Mạnh, Huynh, Thê, Tử, Tài, Ách
Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ

❋

TỬ-VI NAM MẠNH CA

Tử-vi thiên trung đệ nhất tinh.
Mạnh Thân tương ngộ phúc tài hưng.
Nhược phùng tướng tá cung trung hội.
Phú quý song toàn bá lạnh danh.

TẬP ĐỐI CHIẾU HÌNH VẼ BÀN TAY 12 CUNG
Và hình vẽ lá số 12 cung trên giấy

HÌNH VẼ 1 LÁ SỐ TRÊN GIẤY

6 Tỵ	7 Ngọ	8 Mùi	9 Thân
5 Thìn			10 Dậu
4 Mão			11 Tuất
3 Dần	2 Sửu	1 Tý	12 Hợi

◄—— An thuận An nghịch ——►

1- Tập nhìn nhận vị trí cung Dần để biết an MẠNH và THÂN.
2- Vị trí cung Tý
3- Vị trí cung Ngọ
4- Vị trí cung Thìn
5- Vị trí cung Tuất
6- 2 cung Thìn và Tuất dùng để khởi tính các sao.

HÌNH VẼ BÀN TAY GỒM 12 CUNG

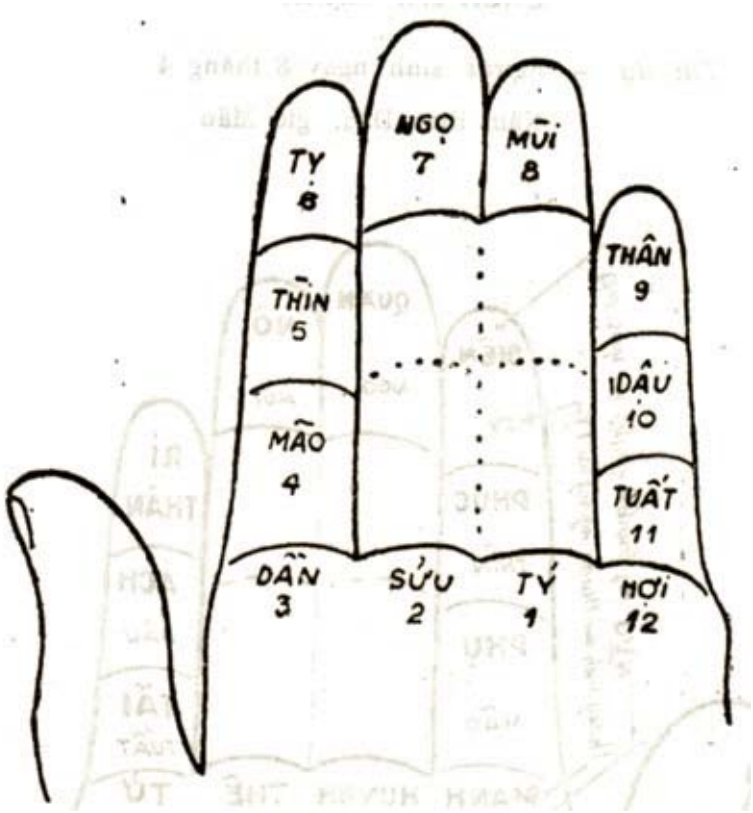

1 - Tập nhìn nhận vị-trí cung Dần để biết mà an MẠNH và THÂN

2 - Vị trí cung Tý

3 - Vị trí cung Ngọ

4 - Vị trí cung Thìn

5 - Vị trí cung Tuất

2 cung Thìn và Tuất dùng để khởi tính nhiều các sao sau này

Áp dụng trên bàn tay

CÁCH LẬP MẠNH

Thí dụ : người sinh 8 tháng 4

Năm Bính Dần Mão

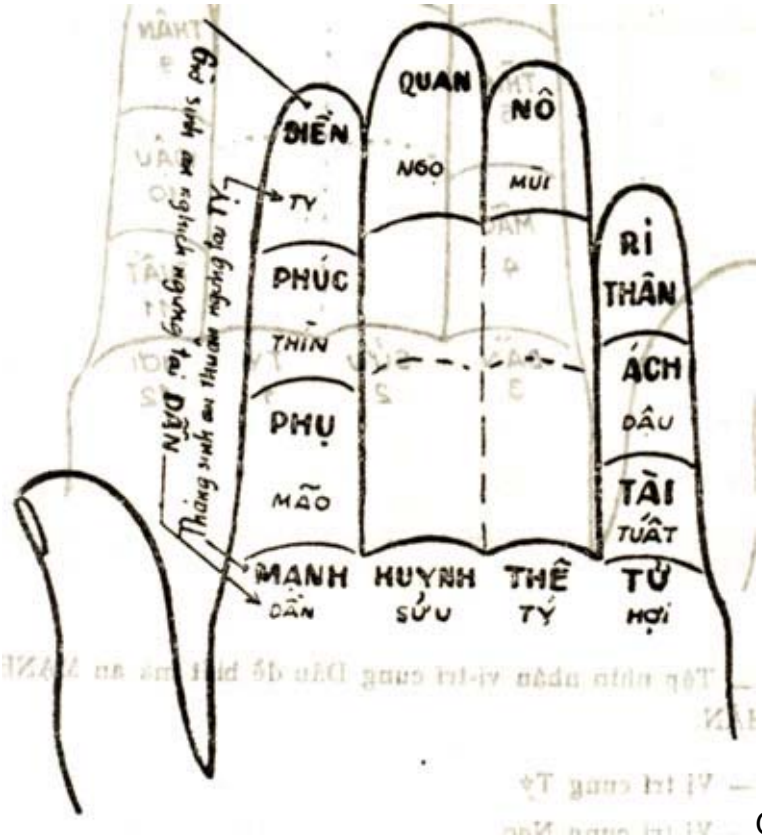

GHI NHẬN : Tháng sinh tính thuận tới cung Tý ngưng lại

Giờ sinh tính nghịch với cung Mão ngưng lại

Áp dụng trên bàn tay

CÁCH LẬP THÂN

Khởi từ cung Dần là tháng giêng

Tính thuận tới tháng sinh

Ngưng lại cung nào

Kề cung ấy là giờ Tý

Tính thuận tới giờ sinh

Ngưng tại cung nào
Lập Thân ở cung ấy.

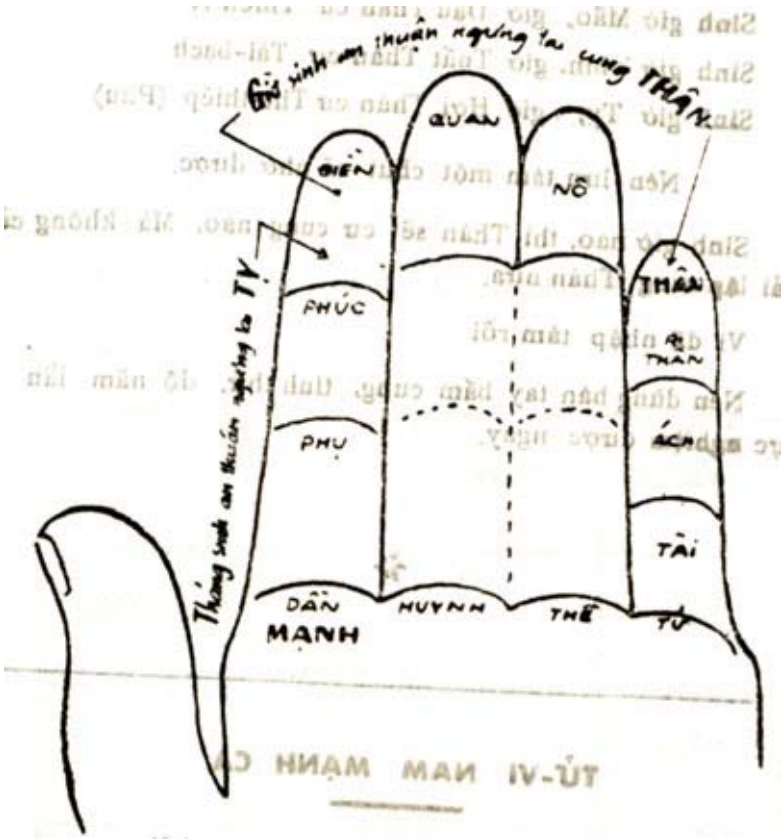

NHẬN XÉT:

Thân lập tại cung Thiên-Ri vì:

- Tháng sinh tính thuận ngưng tại cung Tỵ.
- Giờ sinh tính thuận ngưng tại cung Thân.

BẢNG LIỆT KÊ CUNG THÂN

Thân cư tại các cung theo giờ sinh

Sinh giờ Tý thì Mạnh và Thân cư đồng cung
Sinh giờ Ngọ thì Mạnh và Thân cũng đồng cung
Sinh giờ Sửu, giờ Mùi Thân cư Phúc-đức
Sinh giờ Dần, giờ Thân Thân cư Quan-lộc
Sinh giờ Mão, giờ Dậu Thân cư Thiên-ri
Sinh giờ Thìn, giờ Tuất Thân cư Tài-bạch
Sinh giờ Tỵ, giờ Hợi Thân cư Thê-thiếp (Phu)

Nên lưu tâm một chút sẽ nhớ được.

Sinh giờ nào, thì Thân sẽ cư cung nào, Mà không cần phải lập cung Thân nữa.
Vì đã nhập tâm rồi
Nên dùng bàn tay bấm cung, tính thử, độ năm lần sẽ thực nghiệm được ngay.

❋

TỬ-VI NAM MẠNH CA

Hỏa Linh Dương Đà lai tương hội.
Thất Sát đồng cung đa bất quý.
Khi nhân cô độc cánh hình thương.
Nhược thị không-môn vi cát lợi.

5- Nhập tâm các cung xung chiếu theo hình mũi tên.

1- Cần ghi nhớ vị trí 4 cung Thìn – Tuất
Và Sửu – Mùi

để làm tiêu chuẩn, giúp cho sự nhập tâm các cung khác, vì 2 cung Thìn, Tuất để khởi tính các sao. Và 2 cung Sửu, Mùi thường hay có cách giáp biên.

ĐỐI CHIẾU

HÌNH VẼ CÁC CUNG CƯ CHIẾU TRÊN GIẤY

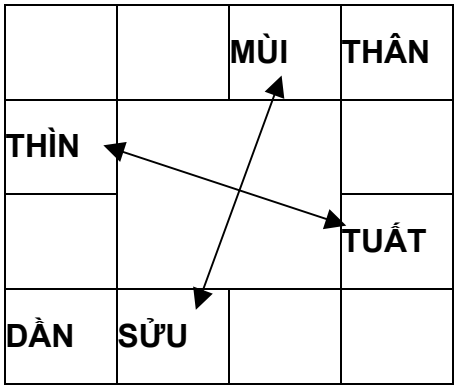

4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi thường gọl là *Tứ-Mộ*

Nhận định vị trí các cung

HÌNH VẼ CÁC CUNG XUNG CHIẾU TRÊN BÀN TAY

4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi thường gọl là *Tứ-Mộ*

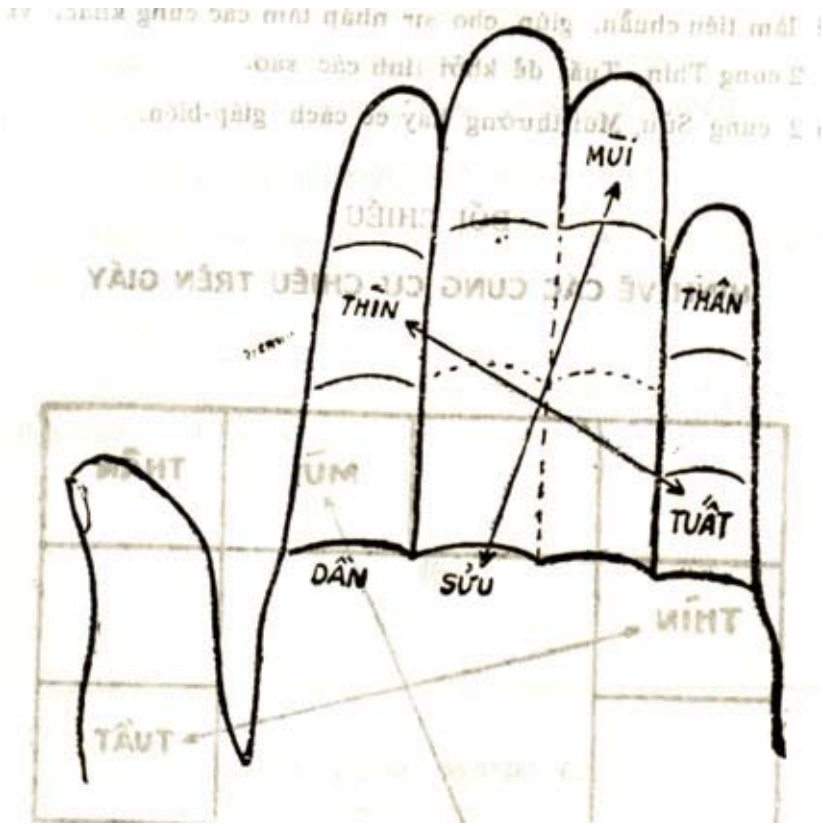

Nên luôn tập ghi nhớ các cung trên bàn tay.

2 cung Thìn Tuất xung chiếu để an các sao THUẬN NGHỊCH.

2 cung Sửu Mùi thường có cách GIÁP BIÊN.

6-Phép Định Cục.

PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT

1- Đây là một mục rất quan trọng, và coi như khó nhất của khoa Tử-vi lập thành, nên lưu tâm cẩn thận.

2- Trước hết phải tìm xem tuổi thuộc can nào của thập thiên-can là:

Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu
Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quý

Đã được xếp sẵn song-hành cùng nhau cho việc tìm cục như sau:

Giáp Kỷ

Ất Canh

Bính Tân

Đinh Nhâm

Mậu Quý

coi như một bài thơ, đọc xuôi luôn là:

Giáp Kỷ, Ất Canh, Bình Tân, Đinh Nhâm, Mậu Quý

Cứ 2 chữ một chữ, như Giáp Kỷ, rồi Ất Canh v.v…

Để sau này gặp tuổi có can nào, đọc câu thơ của can ấy lên, sẽ biết được cục của nó là cục gì ngay.

NHẬN XÉT:

Cần nhận xét bài thơ sau đây, vì trong mỗi chữ, đều có sẵn bộ chấm thủy, bộ mộc, chữ Kim, chữ Hỏa, chữ Thổ, như thế có thể biết ngay thuộc cục nào của ngũ cục.

Thí dụ: Chữ Giang có Chấm Thủy : sẽ là Thủy nhị cục.
Chữ Đăng có bộ Hỏa : sẽ là Hỏa lục cục.
Chữ Giá có bộ Mộc : sẽ là Mộc tam cục.
Chữ Bích có bộ Thổ : sẽ là Thổ ngũ cục.
Chữ Ngân có bộ Kim : sẽ là Kim tứ cục.

NHẬP TAM BÀI THƠ TÌM CỤC NÀY

GIÁP KỶ Giang Đăng Giá Bích Ngân

ẤT CANH Yên Cảnh Tích Mai Tân

BÍNH TÂN Đề Liễu Ba Ngân Trúc

ĐINH NHÂM Mai Tiễn Chước Hải Trần

MẬU QUÝ Ngân Ba Đôi Chước Liễu

Ngũ hành lập cục tẩu như vân

Tuất Hợi nhị cung vô điểm chí

Cục tòng Dần Mão cục ví chân.

❈

THIÊN-CƠ NAM MẠNH CA

Cơ-Nguyệt Thiên-Lương hợp Thái-dương.
Thường nhân phú túc trí điền trang.
Quan viên đắc ngộ Khoa Quyền Lộc.
Chức vị cao thiên diện Đế Vương.

BẢNG LIỆT KÊ CÁC CHỮ CỦA BÀI THƠ

NẾU BIẾT CHỮ HÁN

vì nếu chữ Hán, đọc chữ Giang có chấm thủy, đã biết ngay là thủy nhị cục rồi.

Các chữ kia cũng đều như thế cả

		Giáp Kỷ		
Giang	Đăng	Giá	Bính	Ngân
Thủy 2 cục	Hỏa 6 cục	Mộc 3 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục

		Ất Canh		
Yên	Cảnh	Tích	Mai	Tâm
Hỏa 6 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục	Mộc 3 cục	Thủy 2 cục

		Bính Tân		
Đề	Liễu	Ba	Ngân	Trúc
Thổ 5 cục	Mộc 3 cục	Thủy 2 cục	Kim 4 cục	Hỏa 6 cục

		Đinh Nhâm		
Mai	Tiển	Chước	HảI	Trần
Mộc 3 cục	Kim 4 cục	Hỏa 6 cục	Thủy 2 cục	Thổ 5 cục

		Mậu Quý		
Ngân	Ba	Đôi	Chước	Liễu
Kim 4 cục	Thủy 2 cục	Thổ 5 cục	Hỏa 6 cục	Mộc 3 cục

CHÚ Ý: Khi tính cục thì cứ 2 cung, kể là một chữ trong bài thơ.

Thí dụ: Chữ Giang chung cả hai cung Tý và Sửu

Chữ Đăng chung cả hai cung Dần và Mão

a) Tất cả 5 câu thơ để tìm cục, cùng khởI từ cung Tý Sửu

b) và 1 chữ là cục chung của hai cung, khi thấy cung Mạnh cư ở hai cung ấy.

c) Hai cung Dần và Mão thuộc cục nào, thì hai cung Tuất và Hợi thuộc cục ấy.

Là do nghĩa ở hai câu thơ cuốI cùng.

Tuất Hợi nhị cung vô điểm chí

Cục lòng Dần Mão cục vi chân.

TẬP NẠP ÂM VÀ BẤM CUNG

Thí dụ : Tuổi sinh thuộc can Giáp hay Kỷ.

1- Tự hình dung Giáp hay Kỷ trong trí nhớ.

2- Miệng nạp âm Giang, thời ngón tay cái bắt đầu chấm vào cung Tý rồi Sửu (vì hai cung Tý Sửu ăn chung một chữ Giang, hay bất kể chữ nào của bài thơ, cũng một chữ tính chung cho 2 cung cả)

3- Kế tiếp miệng nạp âm Đăng tay bấm vào 2 cung Dần rồi Mão.

Kế tiếp miệng nạp âm Giá tay bấm vào 2 cung Thìn rồi Tỵ.

Kế tiếp miệng nạp âm Bích tay bấm vào 2 cung Ngọ rồi Mùi.

Kế tiếp miệng nạp âm Ngân tay bấm vào 2 cung Thân rồi Dậu.

4- Như thế là hết câu thơ nạp âm của hàng can Giáp và Kỷ nhưng còn thiếu hai cung Tuất và Hợi chưa có Cục. Hãy lấy cục của hai Cung Mão Dần làm cục cho 2 cung Tuất Hợi.

Đấy là cách tập nạp âm bấm cung cho tất cả các hàng can của bài thơ.

Khi nạp âm điểm cung, nên nhớ gặp Mạnh tại cung nào, ngưng tạl cung ấy, cũng như nạp âm ngưng tại chữ nào là cục ấy vậy.

Bảng liệt kê, Mạnh cư cung nào, thuộc cục nào.

Thí dụ : Tuổi thuộc hành can:

Giáp Kỷ

Dùng câu thơ

Giang Đăng Giá Bích Ngân

Mạnh cư cung Tý và Sửu gặp chữ Giang là Thủy nhị cục

Mạnh cư cung Dần và Mão gặp chữ Đăng là Hỏa lục cục

Mạnh cư cung Thìn và Tỵ gặp chữ Giá là Mộc tam cục

Mạnh cư cung Ngọ và Mùi gặp chữ Bích là Thổ ngũ cục

Mạnh cư cung Thân và Dậu gặp chữ Ngân là Kim tứ cục

Mạnh cư cung Tuất và Hợi gặp chữ Đăng là Hỏa lục cục

Hai cung Tuất và Hợi là Đăng vì cũng như Dần Mão.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI GIÁP KỶ

GIANG ĐĂNG GIÁ BÍCH NGÂN

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục

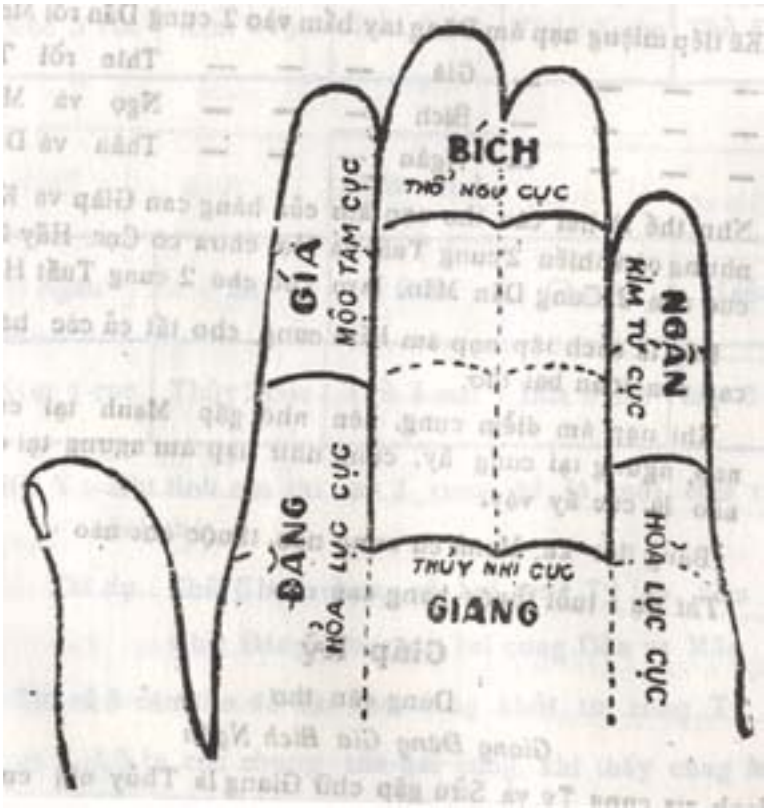

GHI NHỚ:1- Mạnh cư 2 cung tính chung 1 cục

2- Cục của 2 cung Dần Mão là cục của hai cung Tuất Hợi

3- 2 quy luật này áp dụng chung cho cả 10 hàng can

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI ẤT CANH

YÊN CẢNH TÍCH MAI TÂN

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục

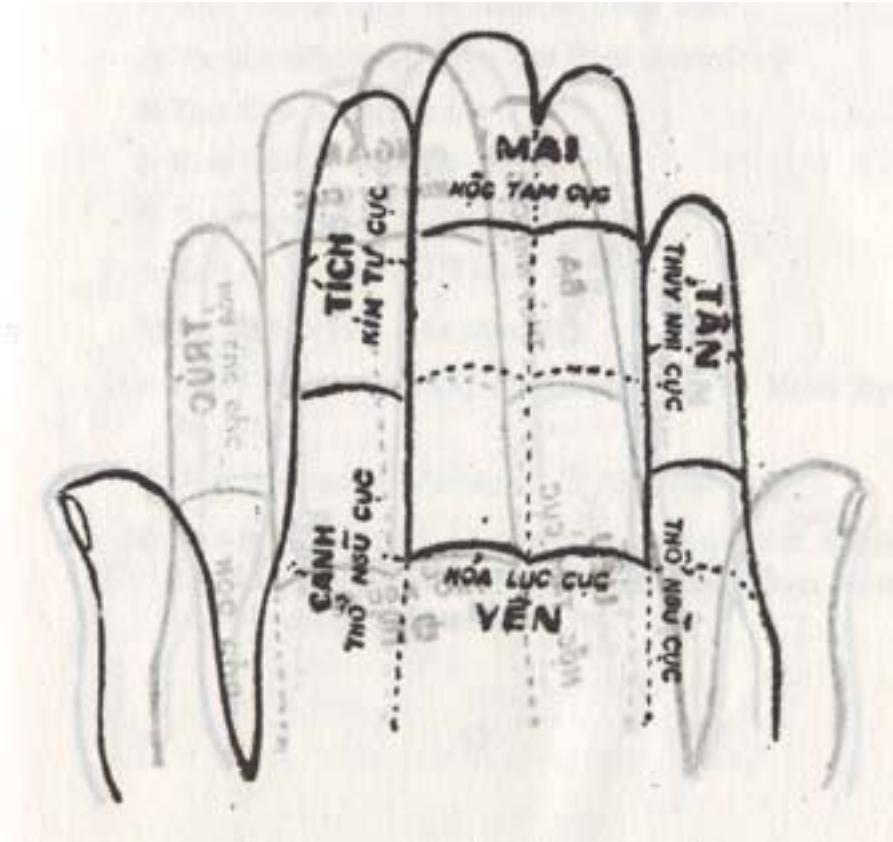

Mạnh cư cung Tý Sửu là Hỏa lục cục
Mạnh cư cung Dần Mão là Thổ ngũ cục
Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Kim tứ cục
Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Mộc tam cục
Mạnh cư cung Thân Dậu là Thủy nhị cục
Mạnh cư cung Tuất Hợi là Thổ ngũ cục

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC
TUỔI BÍNH TÂN
ĐỀ LIỄU BA NGÂN TRÚC

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục

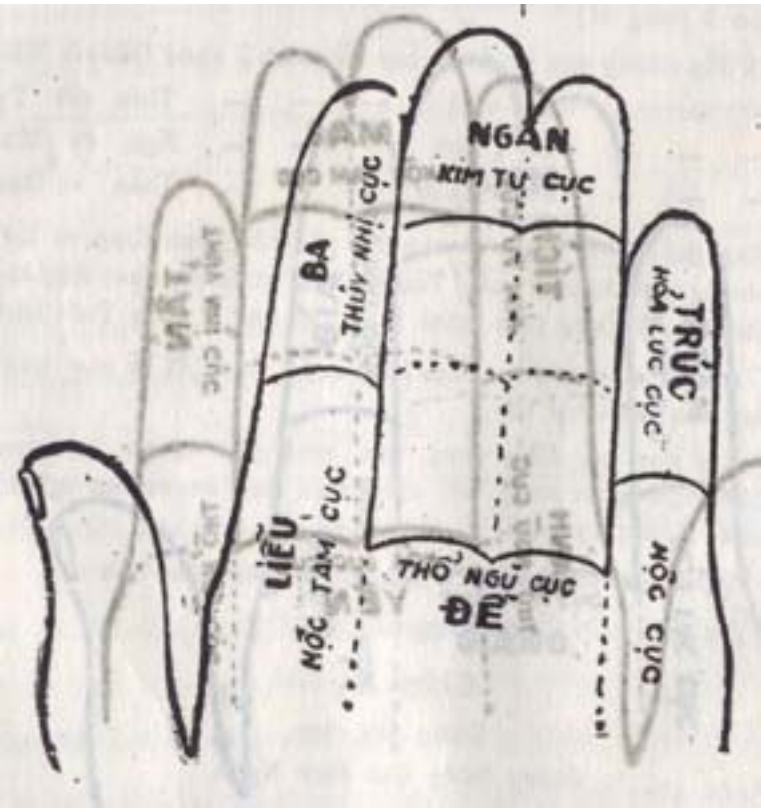

Mạnh cư cung Tý Sửu là Thổ ngũ cục

Mạnh cư cung Dần Mão là Mộc tam cục

Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Thủy nhị cục

Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Kim tứ cục

Mạnh cư cung Thân Dậu là Hỏa lục cục

Mạnh cư cung Tuất Hợi là Mộc tam cục

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỤC

TUỔI ĐINH NHÂM

MAI TIỄN CHƯỚC HẢI TRẦN

Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cục

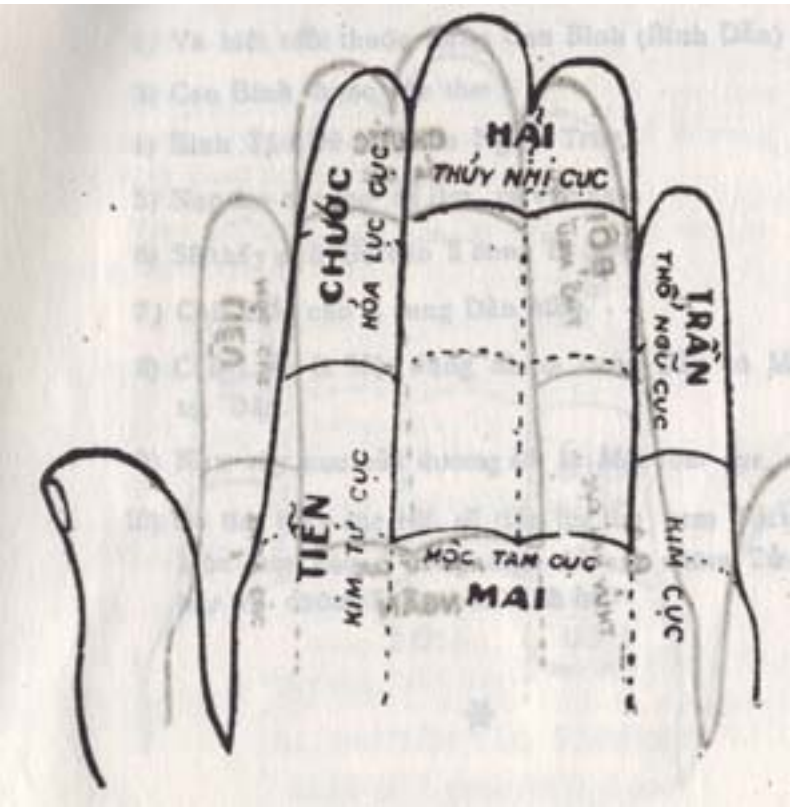

Mạnh cư cung Tý Sửu là Mộc tam cục
Mạnh cư cung Dần Mão là Kim tứ cục
Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Hỏa lục cục
Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Thủy nhị cục
Mạnh cư cung Thân Dậu là Thổ ngũ cục
Mạnh cư cung Tuất Hợi là Kim tứ cục

HÌNH VẼ ÁP DỤNG TÌM CỰC
TUỔI MẬU QUÝ
NGÂN BA ĐÔI TRƯỚC LIỄU
Mạnh ngồi 2 cung tính 1 cực

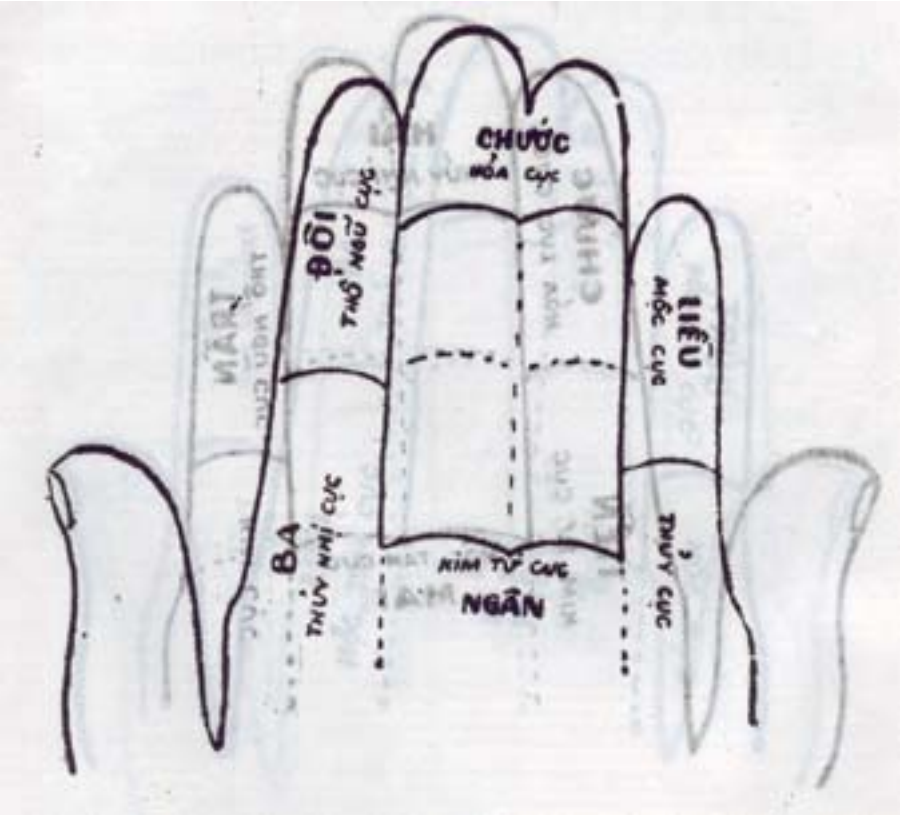

Mạnh cư cung Tý Sửu là Kim tứ cục
Mạnh cư cung Dần Mão là Thủy nhị cục
Mạnh cư cung Thìn Tỵ là Thổ ngũ cục
Mạnh cư cung Ngọ Mùi là Hỏa lục cục
Mạnh cư cung Thân Dậu là Mộc tam cục
Mạnh cư cung Tuất Hợi là Thủy nhị cục

THÍ DỤ ĐỂ TÌM CỤC

Đương số sinh ngày mồng 8 tháng 4
Năm Bính Dần giờ Mão

1) Như trên đã lập được Mạnh tại cung Dần
2) Và biết tuổi thuộc hàng Can Bính (Bính Dần)
3) Can Bính thuộc câu thơ:
4) Bính Tân Đề Liễu Ba Ngân Trúc
5) Nạp âm câu thơ để tìm ra cục nào
6) Sẽ thấy chữ Đề cho hai cung Tý Sửu
7) Chữ Liễu cho hai cung Dần Mão
8) Chữ Liễu là Mộc đụng nhằm cung Dần có mạnh lập tại Dần
9) Như vậy cục của đương số là Mộc tam cục
10) Đã tìm thấy cục rồi, sẽ tiếp tục tìm xem Tử vi thuộc Mộc tam cục ở cung nào, để an chòm Tử vi tinh hệ và chòm Thiên phủ tinh hệ.

❋

THÁI DƯƠNG NAM MẠNH CA

Mạnh lý Dương phùng phúc thọ nùng.
Cánh kim Quyền Lộc lưỡng tương phùng.

Khôi Xương Tả Hữu lai tương tấu.

ÁP DỤNG TÌM CỤC
Cho đương số sinh ngày mồng 8 tháng 4
Năm Bính Dần giờ Mão.

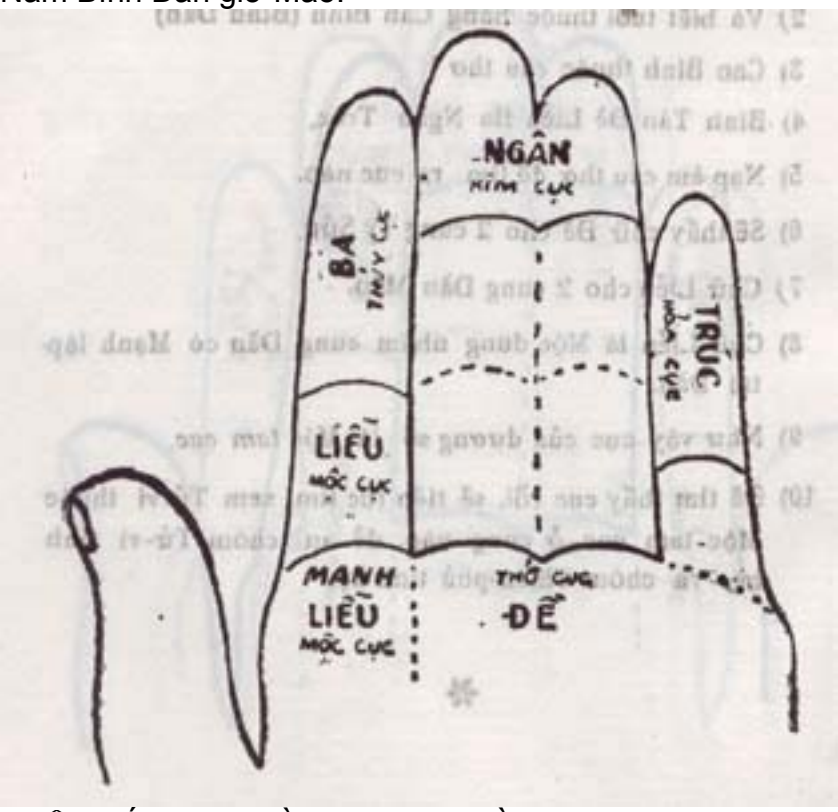

NHẬN XÉT: Sinh mồng 8-4 Bính Dần, giờ Mão
Mạnh cư cung Dần
Nạp âm Liễu nhằm cung Dần.
Và cục là Mộc tam cục

1- Định cục:
Theo phương pháp thứ 2
KHÔNG CẦN BIẾT CHỮ HÁN

A- Nếu biết chữ hán, thì bài thơ trên thật là đơn giản. Vì đọc đến đâu sẽ biết ngay được cục gì, vì mỗi chữ Giang, Đăng hay các chữ khác của bài thơ định cục đều có các chữ kim, chữ mộc hay chữ thủy ẩn ở trong.

Nhưng nếu không biết chữ Hán, thì nên theo phương pháp dưới đây để dễ ghi nhớ hơn, thường là phương pháp của các thầøy hành nghề thiếu thị giác.

Trên mặt bàn tay trái, sau khi phân chia ra vị trí các cung thập nhị địa chi.

Ta hãy chia bàn tay thành 2 phần:

a) PHẦN TRÊN CÓ CÁC CUNG:
Cung Thìn Tỵ
Cung Ngọ Mùi
Và cung Thân Dậu

b) PHẦN DƯỚI CÓ CÁC CUNG:
Cung Dần Mão
Cung Tý Sửu
Và cung Tuất Hợi

B- NGUYÊN TẮC ĐỊNH CỤC

Mạnh cư hai cung kề lại là một cục

1) Vi thập thiên can như một bài thơ nhập tâm,
Nhập tâm luôn thứ tự thập can này.
Vì chỉ có năm hàng thứ tự mà thôi.
Và hai hàng can đều dùng chung 1 câu thơ để nạp âm tìm cục.

THƠ

Giáp Kỷ
ất Canh
Bính Tân
Đinh Nhâm
Mậu Quý

Thí dụ: Nói tới hàng can Mậu hay Quý, biết ngay là thuộc thứ thự hàng thứ 5
Nói tới hàng can Bính Tân, biết ngay là thuộc thứ tự hàng thứ 3.
Bài thơ thập can này áp dụng cho cả 6 cung thuộc nửa bàn tay trên.
Và 6 cung thuộc nửa bàn tay dưới

2) Bài thơ *Mộc Thổ Kim Định cục*
Cho *6 cung thuộc nửa bàn tay trên*
Nhập tâm luôn các chữ Mộc Thổ Kim Thủy Hỏa dưới đây như một bài thơ
Vì là bài thơ, dùng để nạp âm định cục cho 6 cung phần trên bàn tay
6 cung phần trên, nhập lại 2 cung một, thành ra chỉ còn có 3 cung để định cục
Vì nguyên tắc định cục, cứ 2 cung của Mạnh cư, là một chữ của bài thơ định cục

BÀI THƠ ĐỊNH CỤC
Của 6 cung thuộc nửa trên của bàn tay

Mộc Thổ Kim
Kim Mộc Thủy
Thủy Kim Hỏa
Hỏa Thủy Thổ
Thổ Hỏa Mộc

NGUYÊN TẮC ĐỂ GHI NHỚ

Vì bài thơ thập can có 5 hàng
Bài thơ định cục cũng có 5 hàng
Thí dụ1: Khi muốn tìm cục cho tuổi thuộc can Giáp hay can Kỷ. Đoc hàng thứ nhất của bài thơ định cục Mộc Thổ Kim dùng ngón tay cái bấm vào 6 cung trên của bàn tay. Cứ 1 chữ Mộc, hay Thổ hay Kim ăn chung 2 cung.
Thấy Mạnh cư cung nào
Nạp âm ngưng tại cung ấy.
Nạp âm gặp chữ Mộc biết là Mộc tam cục.
Nạp âm gặp chữ Thổ biết là Thổ ngũ cục.
Nạp âm gặp chữ Kim biết là Kim tứ cục.

TÌM CỤC HÀNG CAN ẤT VÀ CANH

Thí dụ 2: Muốn tìm cục cho 2 can ất Canh.
Đọc câu Kim Mộc Thủy mà nạp âm.
ất Canh thuộc thứ tự hàng 2.

Kim Mộc Thủy cũng thuộc thứ tự hàng 2 của bài thơ định cục.

TÌM CỤC 2 CAN BÍNH TÂN
Thí dụ 3: Muốn tìm cục cho 2 can Bính và Tân.
Đọc câu Thủy Kim Hỏa mà nạp âm.
Bính Tân thuộc thứ tự hàng 3.
Thủy Kim Hỏa cũng thuộc thứ tự hàng 3 của bài thơ định cục.

TÌM CỤC 2 CAN ĐINH VÀ NHÂM
Thí dụ 4: Muốn tìm cục cho 2 can Đinh và Nhâm.
Đọc câu Hỏa Thuỷ Thổ mà nạp âm.
Đinh Nhâm thuộc thứ tự hàng 4.
Hỏa Thủy Thổ cũng thuộc hàng 4 của bài thơ định cục.

TÌM CỤC 2 CAN MẬU VÀ QUÝ
Thí dụ 5: Muốn tìm cục cho 2 can Mậu và Quý.
Đọc câu Thổ Hỏa Mộc mà nạp âm.
Mậu Quý thuộc thứ tự hàng 5.
Thổ Hỏa Mộc cũng thuộc hàng 5 của bài thơ định cục.

❋

VŨ KHÚC NAM MẠNH CA

Vũ-khúc thủ mạnh hóa vi quyền.
Cát diệu lai lâm phúc thọ tuyền.
Chí khí chênh vênh đa xuất chúng
Siêu phàm nhập thánh hướng nhân tiền.

ĐỊNH CỤC
Áp dụng cho 6 cung thuộc nửa trên bàn tay

CAN GIÁP KỶ
Thơ Mộc Thổ Kim

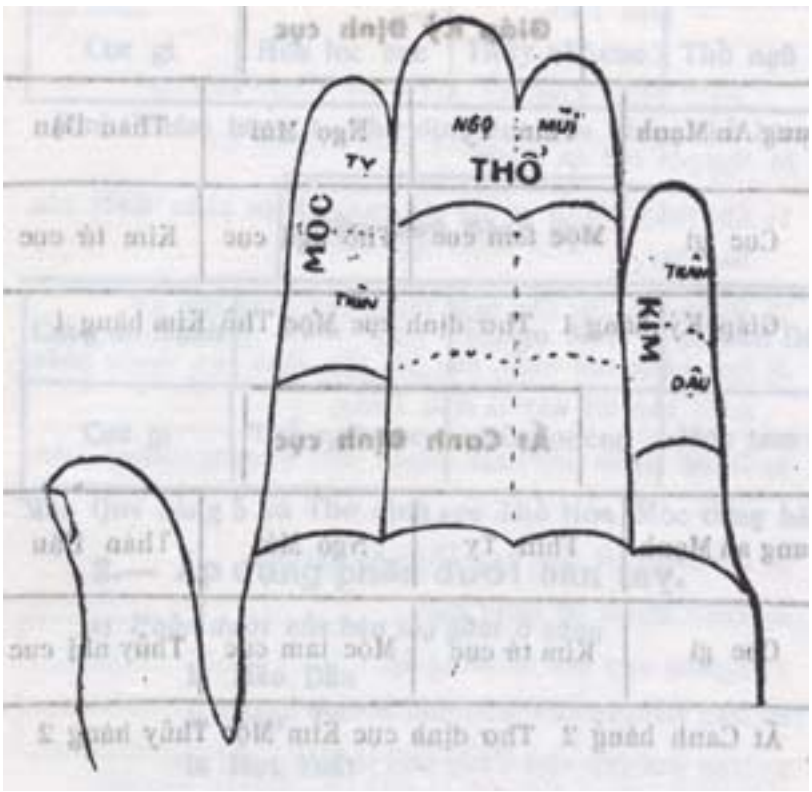

Giáp Kỷ Định Cục		
Cung An Mạnh		
Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Mộc 3 cục	Thổ 5 cục	Kim 4 cục

BẢNG TÌM CỤC CỦA THẬP THIÊN CAN
Áp dụng 6 cung phần trên bàn tay

Giáp Kỷ Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Mộc tam cục	Thổ ngũ cục	Kim tứ cục

Giáp Kỷ hàng 1 Thơ định cục Mộ Thổ Kim hàng 1

ất Canh Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Kim tứ cục	Mộc tam cục	Thủy nhị cục

ất Canh hàng 2 Thơ định cục Kim Môc Thủy hàng 2

Bính Tân Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Hỏa nhị cục	Kim tứ cục	Thủy lục cục

Đinh Nhâm Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Hỏa lục cục	Thủy nhị cục	Thổ ngũ cục

Đinh Nhâm hàng 4 Thơ định cục Hỏa Thủy Thổ hàng 4

Mậu Quý Định Cục			
Cung An Mạnh	Thìn Tỵ	Ngọ Mùi	Thân Dậu
Cục gì	Thổ ngũ cục	Hỏa lục cục	Mộc tam cục

Mậu Quý hàng 5 và Thơ định cục Thủy Hỏa Thổ cũng hàng 5

2- Áp dụng phần dưới bàn tay
a) *Phần dưới của bàn tay gồm 6 cung*
là Mão Dần
là Sửu Tý
là Hợi Tuất
cũng dùng bài thơ thập thiên can, và chỉ cần ghi nhớ thứ tự 5 hàng của nó
Và nhập tâm bài thơ dưới đây, để định cục cho 4 cung Mão, Dần, Sửu, Tý ở phần dưới bàn tay.
Vì 2 cung Mão Dần thuộc cục nào.
2 cung Tuất Hợi thuộc cục ấy.
Hơn nữa nguyên tắc định cục, thời 2 cung nhập chung 1 cục. Nên tại sao bài thơ này chỉ có 2 chữ mà thôi.

BÀI THƠ
Định cục phần dưới bàn tay
Hỏa Thủy
Thổ Hỏa
Mộc Thổ
Kim Mộc
Thủy Kim

b) *Nguyên tắc áp dụng*
1) Khi thấy mạnh cư tại các cung thuộc phần dưới của bàn tay.
2) Muốn tìm cục cho tuổi thuộc can Giáp hay Kỷ.
3) Đọc hàng thứ nhất của bài thơ định cục, thuộc phần dưới bàn tay này là Hỏa Thủy.
4) Dùng ngón tay cái bấm vào 4 cung Mão, Dần, Sửu, Tý.
5) Cứ mỗi chữ Hỏa hay Thủy ăn hai cung.
6) Thấy Mạnh cư cung nào.
7) Ngưng nạp âm tại cung ấy.
8) Nạp âm gặp chữ Hỏa biết là Hỏa lục cục.
9) Nạp âm gặp chữ Thủy biết là Thủy nhị cục.
10) Nếu Mạnh cư cung Tuất Hợi, thì lấy cục của 2 cung Mão Dần làm cục của 2 cung Tuất Hợi.

PHẦN CÒN LẠI

1) Muốn tìm cục cho 2 can *Ất Canh.*
Đọc câu thơ thứ 2 *Thổ Hỏa* để nạp âm.

2) Muốn tìm cục cho 2 can *Bính Tân*.
Đọc câu thơ thứ 3 *Mộc Thổ* để nạp âm.

3) Muốn tìm cục cho 2 can *Đinh Nhâm.*
Đọc câu thơ thứ 4 *Kim Mộc* để nạp âm.

4) Muốn tìm cục cho 2 can *Mậu Quý*.
Đọc câu thơ thứ 5 *Thủy Kim* để nạp âm.

Riêng cục của 2 cung *Tuất Hợi* là cục của 2 cung *Dần Mão*.

BẢNG TÌM CỤC CỦA THẬP THIÊN CAN

Áp dụng 4 cung phần dưới bàn tay.

Giáp kỷ định cực

Cung an Mạnh Cục gì	Mão Dần Hỏa lục cục	Sửu Tý Thủy nhị cục

Cục của 2 cung Mão Dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Ất Canh định cục

Cung an Mạnh Cục gì	Mão Dần Thổ ngũ cục	Sửu Tý Hỏa lục cục

Cục của 2 cung Mão dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Bính Tân định cục

Cung an Mạnh Cục gì	Mão Dần Mộc tam cục	Sửu Tý Thổ ngũ cục

Cục của 2 cung Mão Dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Đinh Nhâm định cục

Cung an Mạnh Cục gì	Mão Dần Kim tứ cục	Sửu Tý Mộc tam cục

Cục của 2 cung Mão Dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

Mậu Quý định cục

Cung an Mạnh Cục gì	Mão Dần Thủy nhị cục	Sửu Tý Kim tứ cục

Cục của 2 cung Mão dần là cục của 2 cung Tuất Hợi

CƯỚC CHÚ: Xin quan sát kỹ càng các hình 13 –14 – 15 làm thí dụ, để áp dụng định cục cho 4 hàng can đôi còn lạl là Ất Canh, Bính Tân, Đinh Nhâm, Mậu Quý không có hình vẽ bàn tay làm thí dụ.

Cùng một định luật tìm cục này, khi đã hiểu biết nguyên tắc của tuổl Giáp và Kỷ một cách kỹ càng, sau khi tập nạp âm và bấm cung, sẽ rất dễ dàng cho các tuổl khác khi muốn tìm cục.

HÌNH VẼ TÌM CỤC CỦA TUỔI
GIÁP VÀ KỶ
Thí dụ cho phần cho phần dưới của bàn tay

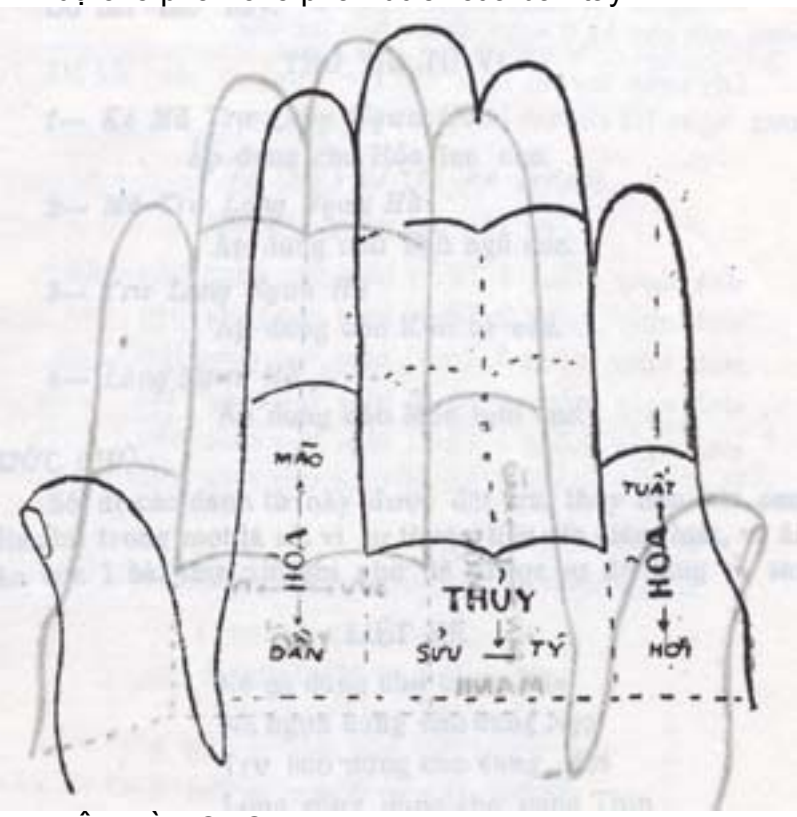

NẠP ÂM TÌM CỤC

Chữ Hỏa chung cho 2 cung Dần Mão là Hỏa lục cục.
Chữ Thủy chung cho 2 cung Sửu Tý là Thủy nhị cục.
Hai cung Tuất Hợl bỏ trống không phải nạp âm.
Vì cục của 2 cung Dần Mão là cục của 2 cung Tuất Hợl

GHI NHớ:

Mạnh cư 2 cung tính chung 1 cục.
Cung Mạnh gặp chữ Hỏa là Hỏa lục cục.
Cung Mạng gặp chữ Thủy là Thủy nhị cục.

CÁCH TÌM CỤC
Một thí dụ chung để nhận xét.
Đương số sinh ngày mồng 8 thánh 4
Năm Bính Dần giờ Mão.

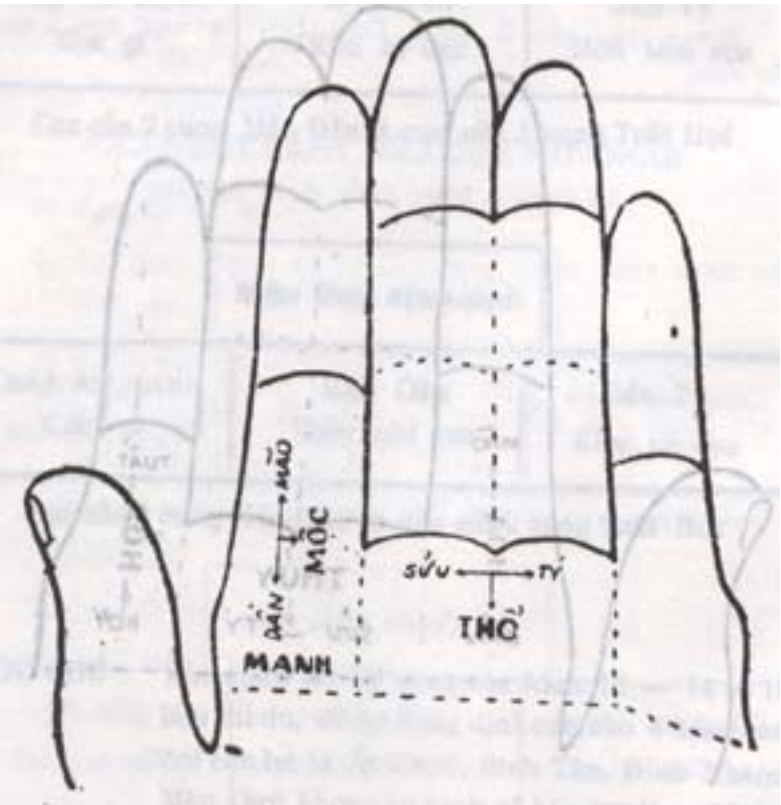

Như trên đã lập được Mạnh tạl cung Dần.
Và biết tuổl thuộc hàng can Bính (Bính Dần).
Cung dần ở phần dưới của bàn tay.
Can Bính thuộc câu thơ thứ 3 Mộc Thổ.
nạp âm của câu thơ Mộc Thổ để tìm cục gì.
sẽ thấy chữ Mộ cgặp Manh tạl cung Dần.
như vậy là đương số thuộc Mộc tam cục.

Tiếp tục tìm Tử-vi ở cung nào, để an chòm Tử-vi tinh hệ và chòm sao Thiên-phủ tinh-hệ.

PHƯƠNG PHÁP TÌM TỬ-VI

Sau khi đã định được cục tiếp tục tìm Tử-vi.
Nguyên tắc tìm Tử-vi ở cung nào.
Do bài thơ này.

THƠ TÌM TỬ-VI

1- Kẻ Mã Trư Long Ngưu Hổ
Áp dụng cho Hỏa lục cục.
2- Mã Trư Long Ngưu Hổ
Áp dụng cho Thổ ngũ cục.
3- Trư Long Ngưu Hổ
Áp dụng cho Kim tứ cục.
4- Long Ngưu Hổ
Áp dụng cho Mộc tam cục.

CƯỚC CHÚ:

Sở dĩ các danh từ này được đặt ra, thay cho các cung (địa chỉ) trong 1 lá số, vì sự thuận tiện các niêm luật, và âm vận của 1 bài thơ, xin ghi nhớ để được sự dễ dàng về sau.

LIỆT KÊ

Kê gà dùng cho cung Dậu
Mã ngựa dùng cho cung Ngọ
Trư heo dùng cho cung Hợl
Long rồng dùng cho cung Thìn

Ngưu trâu dùng cho cung Sửu
Hổ cọp dùng cho cung Dần
Còn lại 6 danh từ khác nữa
Thố mèo dùng cho cung Mão
Xà rắn dùng cho cung Tỵ
Dương dê dùng cho cung Mùi
Hầu khỉ dùng cho cung Thân
Khuyển chó dùng cho cung Tuất
Thử chuột dùng cho cung Tý

Hỏa Lục Cục Dụng

Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ

Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ là vị trí Tử-vi cư tại 6 cung, trong 1 chu kỳ 6 ngày, thuộc Hỏa lục cục.

Lấy ngón tay cái bấm vào các cung có tên Kê Mã Trư Long Hổ cho tớI khi nhập tâm được.

BẢNG AN TỬ-VI CHU KỲ

Tập bấm vào cung như sau

Sinh ngày mồng 1 Tử-vi bấm vào cung Dậu : Kê
Sinh ngày mồng 2 Tử-vi bấm vào cung Ngọ : Ngựa
Sinh ngày mồng 3 Tử-vi bấm vào cung Hợi : Heo
Sinh ngày mồng 4 Tử-vi bấm vào cung Thìn : Long
Sinh ngày mồng 5 Tử-vi bấm vào cung Sửu : Ngưu
Sinh ngày mồng 6 Tử-vi bấm vào cung Dần : Hổ
Mỗi chu kỳ là 6 ngày
Mà Kê Mã Long Trư Hổ là 6 chữ
Theo thứ tự Kê là thứ 1
Theo thứ tự Mã là thứ 2
Theo thứ tự Trư là thứ 3
Theo thứ tự Long là thứ 4
Theo thứ tự Ngưu là thứ 5
Theo thứ tự Hổ là thứ 6

Khi nói tớI sinh ngày mồng 1 biết ngay là Kê
Khi nói tớI sinh ngày mồng 2 biết ngay là Trư
Khi nói tớI sinh ngày mồng 3 biết ngay là Hổ

Tập nạp âm và bấm cung cung cho quen, để khi nói tới Kê, Trư hay Hổ, s ẽ bi ết ngay là cung Dậu, Hợi hay Dần.

Biết b ấm vào cung để an Tử-vi từ mồng 1 tớI mồng 6 theo qui luật Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ, mà không bị.

CÁCH CHUYỂN TỬ-VI

của Chu Kỳ 2 (theo ngày sinh)

Thí dụ sinh ngày mồng 9
Lấy 9 trừ di 1 chu kỳ 6 ngày, sẽ còn thừa lại 3 ngày.
Đương nhiên coi 3 ngày còn lại này như sinh ngày mồng 3 vậy.
Nếu sinh ngày mồng 3
ThờI sẽ trở lại như ngày sinh từ ngày mồng 1 tớI mồng 6.
Trư là thứ tự thứ 3 đã an Tử-vi của chu kỳ 1.
Và Trư là cung Hợi.
Cung HợI chuyển thuận đi 1 cung là cung Tý.
Tức là Tử-vi sẽ an ở cung Tý
Vì sinh mồng 9 là chu kỳ 2, nên phải chuyển thêm 1 cung
Và cứ thế mà chuyển thuận thêm mỗI cung cho mỗI chu kỳ theo ngày sinh.

PHƯƠNG PHÁP CHUYỂN CUNG
Tùy theo chu kỳ
của Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ
Lấy ngày sinh trừ đi bao nhiêu lần 6.
Còn dư lại bao nhiêu ngày kể là 1 chu kỳ.
1 chu kỳ này công với bao nhiêu lần 6, là số dư căn cứ để chuyển bấy nhiêu cung cho Tử-vi.
Thí dụ: sinh ngày 28
Bốn lần 6 là 24 : 4 x 6 : 24
Lấy 28 – 24 : còn lại 4 ngày
4 ngày dư lại kể là 1 chu kỳ
Lấy 4 + 1 : 5 tức là chu kỳ thứ 5
Phải chuyển thuận Tử-vi đi cung 5
ÁP DỤNG: Đương nhiên coi 4 ngày còn lại như sinh ngày mồng 4 của chu kỳ 1 để an Tử-vi.
Nếu sinh ngày mồng 4.
Thì sẽ trở lại như sinh ngày mồng 1 đến mồng 6
Mà Long là thứ tự thứ 4 để an Tử-vi của chu kỳ 1.
Và Long là cung Thìn
Cung Thìn chuyển thuận đi 5 cung là cung Thân
Tức là Tử-vi sẽ an ở cung Thân
Vì sinh ngày 28 là chu kỳ thứ 5 vậy.
CƯỚC CHÚ:
Xin xem các hình vẽ ở sau để đối chiếu và kiểm điểm.
1- Vị trí của Tử-vi theo các cục
2- Và phương pháp chuyển cung, tùy theo chu kỳ tính theo ngày sinh.
3- Lấy ngày sinh trừ cho bao nhiêu chu kỳ, số ngày sinh thừa lại, đương nhiên coi như sinh từ mồng 1 tới ồng 6 mà an Tử-vi theo lúc ban đầu.

✵

THIÊN ĐỒNG NAM MẠNH CA
Thiên-đồng tọa mạnh tính ôn lương.
Phúc lộc du du thọ cánh trường.
nhược thị phúc nhân cư miếu vượng.
định giao thực lộc dự truyền dương.

Vị trí của Tử-vi thuộc
HỎA LỤC CỤC
Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ
(1 chu kỳ là 6 ngày)

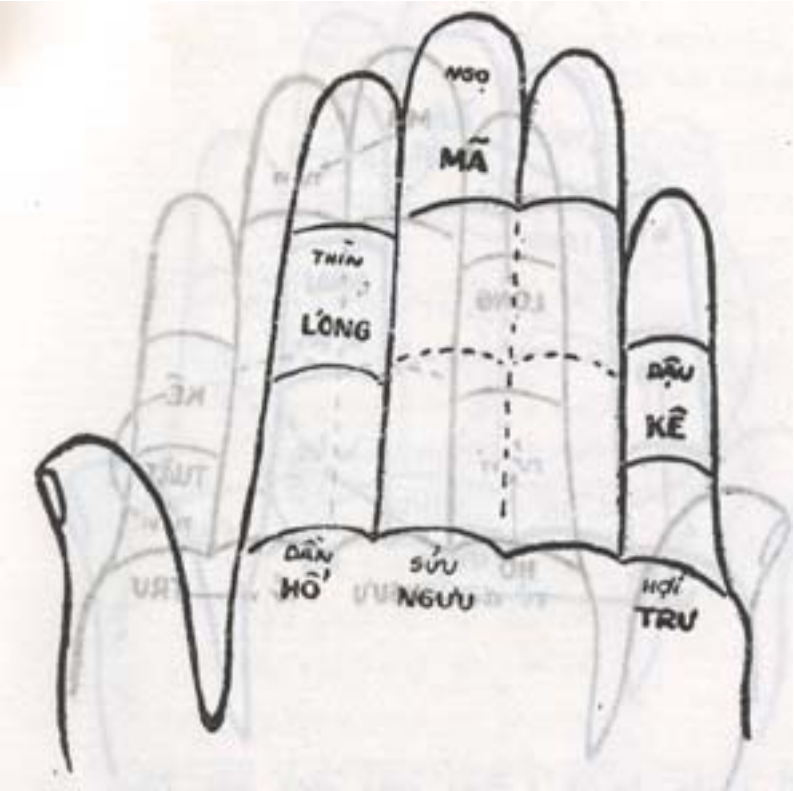

Biết được quy luật của Hỏa lục cục là Tử-vi an tạl 6 cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ.

Sinh mồng 1 Tử-vi an tạl Dậu là Kê.
Sinh mồng 2 Tử-vi an tạl Ngọ là Mã.
Sinh mồng 3 Tử-vi an tại Hợi là Trư.
Sinh mồng 4 Tử-vi an tại Thìn là Long.
Sinh mồng 5 Tử-vi an tại Sửu là Ngưu.
Sinh mồng 6Tử-vi an tại Dần là Hổ.

Chu k ỳ 2 chuyển Tử-vi thuận 1 cung
Sinh từ 7-8-9-10-11-12 thuộc

HỎA LỤC CỤC

Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

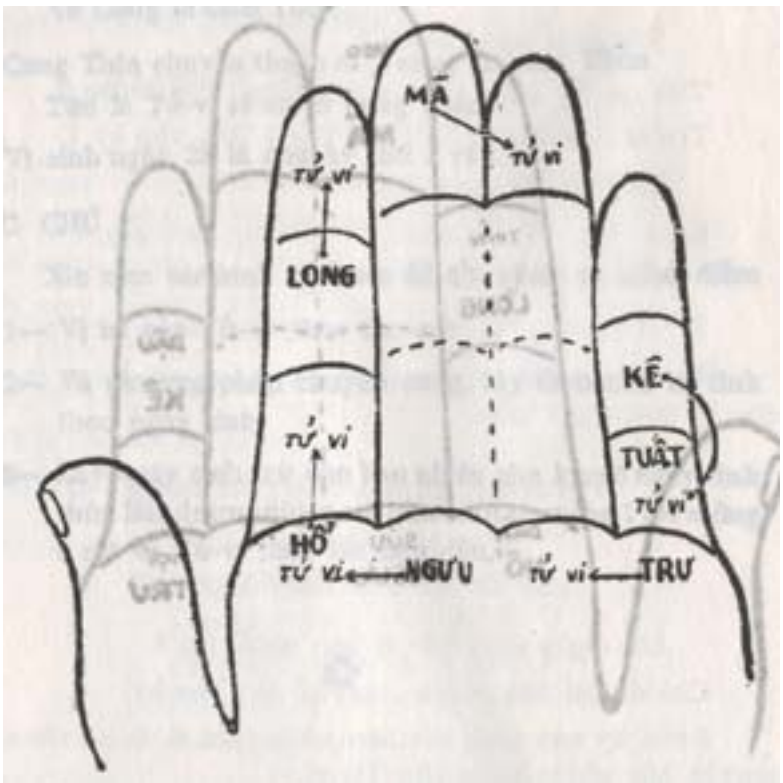

Vì thuộc chu kỳ 2 theo ngày sinh nên Tử-vi tạl các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ phải chuyển thuậ 1 cung.

Sinh mồng 7 Tử-vi tại Kê là Dậu sang cung Tuất.
Sinh mồng 8 Tử-vi tại Mã là Ngọ sang cung Mùi.
Sinh mồng 9 Tử-vi tại Trư là Hợi sang cung Tý.
Sinh mồng 10 Tử-vi tại Long là Thìn sang cung Tỵ.
Sinh mồng 11 Tử-vi tại Ngưu là Sửu sang cung Dần.
Sinh mồng 12 Tử-vi tại Hổ là Dần sang cung Mão.

Chu kỳ 3 thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 3
Sinh từ 13-14-15-16-17-18 thuộc
HỎA LỤC CỤC
Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ

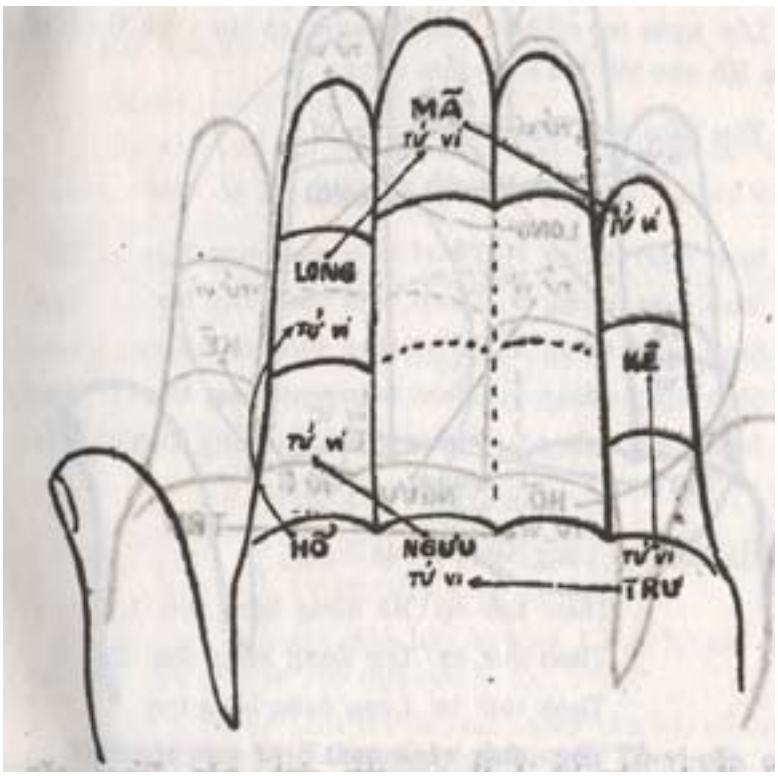

Vì thuộc chu kỳ 3 theo ngày sinh nên Tử-vi tạl các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ phảl chuyển thuận sang cung thứ 3

Sinh ngày 13 Tử-vi căn cứ ở Kê sang cung Hợi.
Sinh ngày 14 Tử-vi căn cứ ở Mã sang cung Thân.
Sinh ngày 15 Tử-vi căn cứ ở Trư sang cung Sửu.
Sinh ngày 16 Tử-vi căn cứ ở Long sang cung Ngọ.
Sinh ngày 17 Tử-vi căn cứ ở Ngưu sang cung Mão.
Sinh ngày 18 Tử-vi căn cứ ở Hổ sang cung Thìn.

Chu kỳ 4 thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 4
Sinh từ 19-20-21-22-23-24 thuộc
HỎA LỤC CỤC
Áp dụng Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ

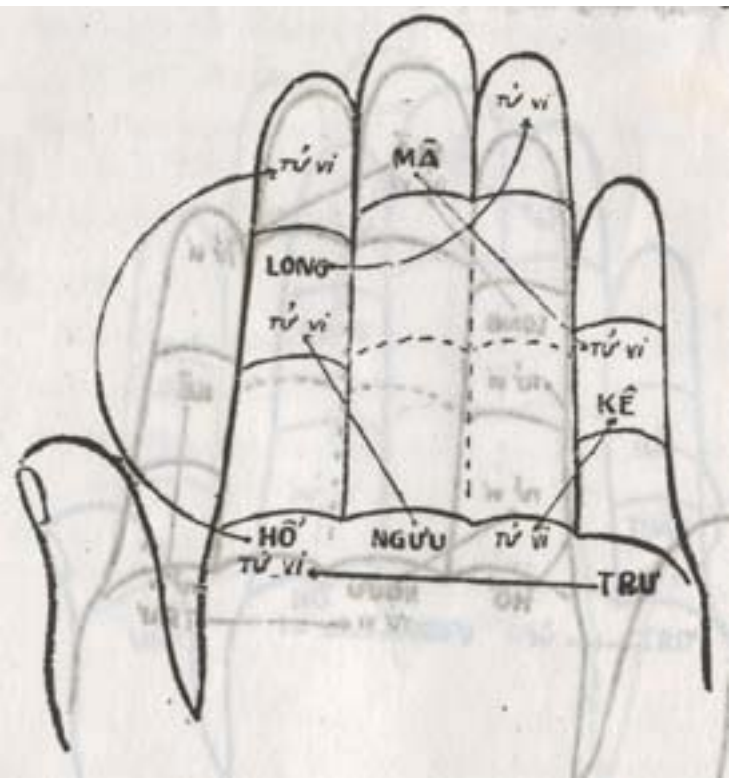

Vì thuộc chu kỳ 4 theo ngày sinh nên Tử-vi căn cứ tạl các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ phảl chuyển sang cung thứ 4.

Sinh ngày 19 Tử-vi căn cứ ở Kê sang cung Tý.
Sinh ngày 20 Tử-vi căn cứ ở Mã sang cung Dậu.
Sinh ngày 21 Tử-vi căn cứ ở Trư sang cung Dần.
Sinh ngày 22 Tử-vi căn cứ ở Long sang cung Mùi.
Sinh ngày 23 Tử-vi căn cứ ở Ngưu sang cung Thìn.
Sinh ngày 24 Tử-vi căn cứ ở Hổ sang cung Tý.

Chu kỳ 5 thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 5
Sinh từ 25-26-27-28-29-30 thuộc
HỎA LỤC CỤC
Vị trí Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

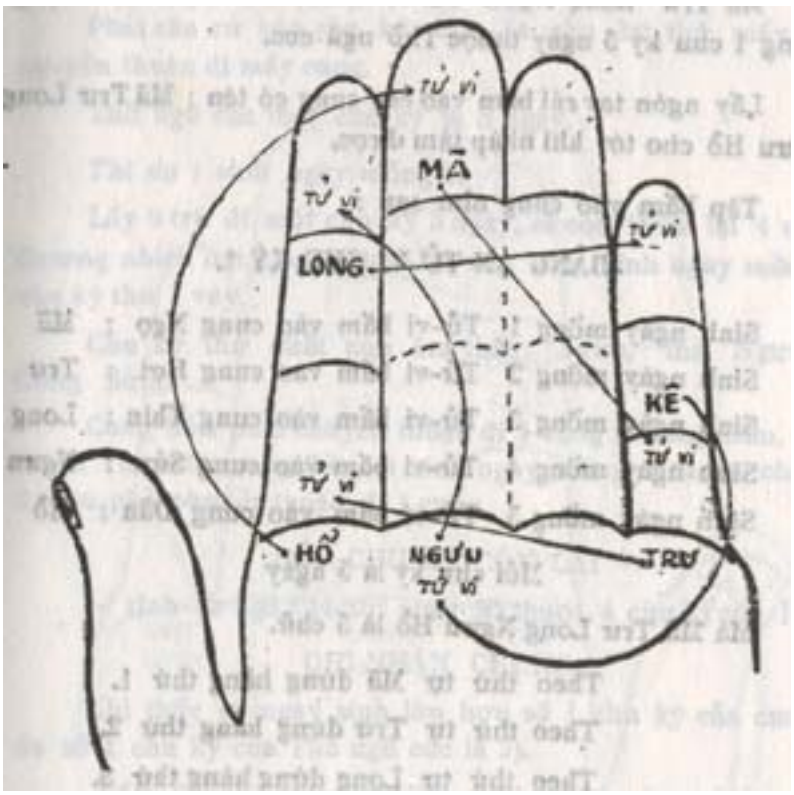

Vì thuộc chu kỳ 5 theo ngày sinh, nên Tử-vi căn cứ tạl các cung Kê Mã Trư Long Ngưu Hổ phảl chuyển thuận sang cung thứ 5.

Sinh ngày 25 Tử-vi căn cứ tạl Kê sang cung Sửu.
Sinh ngày 26 Tử-vi căn cứ tạl Mã sang cung Mão.
Sinh ngày 27 Tử-vi căn cứ tạl Trư sang cung Tuất.
Sinh ngày 28 Tử-vi căn cứ tạl Long sang cung Thân.
Sinh ngày 29 Tử-vi căn cứ tạl Ngưu sang cung Tỵ.
Sinh ngày 30 Tử-vi căn cứ tạl Hổ sang cung Ngọ.

Phương pháp tìm Tử-vi

Thổ ngũ cục dụng

Mã Trư Long Ngưu Hổ

Mã Trư Long Ngưu Hổ là vị trí Tử-vi cư tạl 5 cung, trong 1 chu kỳ 5 ngày thuộc Thổ ngũ cục.

Lấy ngón tay bấm vào các cung có tên Mã Trư Long Ngưu Hổ cho tớl khi nhập tâm được.

Tập bấm vào cung như sau:

BẰNG AN TỬ-VI CHU KỲ

Sinh ngày mồng 1 Tử-vi bấm vào cung Ngọ : Mã.
Sinh ngày mồng 2 Tử-vi bấm vào cung hợl : Trư.
Sinh ngày mồng 3 Tử-vi bấm vào cung Thìn : Long.
Sinh ngày mồng 4 Tử-vi bấm vào cung Sửu : Ngưu.
Sinh ngày mồng 5 Tử-vi bấm vào cung Dần : Hổ.

Mỗi chu kỳ là 5 ngày

Mà Mã Trư Long Ngưu Hổ là 5 chữ.

Theo thứ tự Mã đứng hàng thứ 1.
Theo thứ tự Trư đứng hàng thứ 2.
Theo tứ tự Long đứng hàng thứ 3.
Theo thứ tự Ngưu đứng hàng thứ 4.

Theo thứ tự Hổ đứng hàng thứ 5.

_ Khi nói tớI sinh ngày mồng 2, biết an Tử-vi ở Trư.

_ Hay là sinh ngày mồng 5, biết an Tử-vi tạI cung Hổ.

Để sau này không bị lầm cung này sang cung khác. tập bấm nhập tâm được 5 cung, để an Tử-vi sinh từ mồng 1 tới mồng 5, thời các chu kỳ còn lại sẽ không có sự lầm lở nữa.

CÁCH CHUYỂN TỬ-VI

của chu kỳ 2 (theo ngày sinh)

Phương pháp chuyển Tử-vi theo chu kỳ ngày sinh của Thổ ngũ cục, cũng như cách chuyển cung của Hỏa lục cục.

Phải căn cứ vào chu kỳ sinh, là chu kỳ thứ mấy, mà chuyển thuận đi mấy cung.

Thổ ngũ cục một là 5 ngày.

Thí dụ: sinh ngày mồng 9.

Lấy 9 trừ đi 1 chu kỳ 5 ngày, sẽ còn thừa lạI 4 ngày. Đương nhiên coi 4 ngày thừa lại nàu như sinh ngày mồng 4 chu kỳ thứ 1 vậy.

Chu kỳ thứ 1 nạp âm thấy Ngưu, mà Ngưu là Cung Sửu.

Cung sửu phảI chuyển thuận đi 1 cung là cung Dần. tức là an Tử-vi tạI cung Dần, vì sinh ngày mồng 9 thuộc chu kỳ 2 nên phảI chuyển thuận đ 1 cung.

BỐN CHU KỲ CÒN LẠI

_ Sinh từ ngày 11 tớI ngày 30 thuộc 4 chu kỳ còn lại.

GHI NHẬN CHUNG

Khi thấy số ngày sinh lớn hơn số 1 chu kỳ của cục (thí dụ số 1 chu kỳ của Thổ ngũ cục là 5)

Lấy số ngày sinh trừ đi bao nhiêu chu kỳ, số thừa lạI cứ đương nhiên coi như như sinh thuộc chu kỳ thứ 1, nạp âm Mã Trư Long Ngưu Hổ đụng cung nào lấy cung ấy làm căn cứ để chuyển Tử-vi đi mấy cung, là tùy theo sinh thuộc chu kỳ thứ mấy.

CƯỚC CHÚ: Xin xem các hình vẽ ở sau để đốI chiếu và kiểm điểm vị trí của Tử-vi theo cục.

Và phương pháp chuyển cung tùy theo ngày sinh thuộc chu kỳ thứ mấy mà chuyển mấy cung.

Vị trí của Tử-vi thuộc

THỔ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ

(1 chu kỳ là 5 ngày)

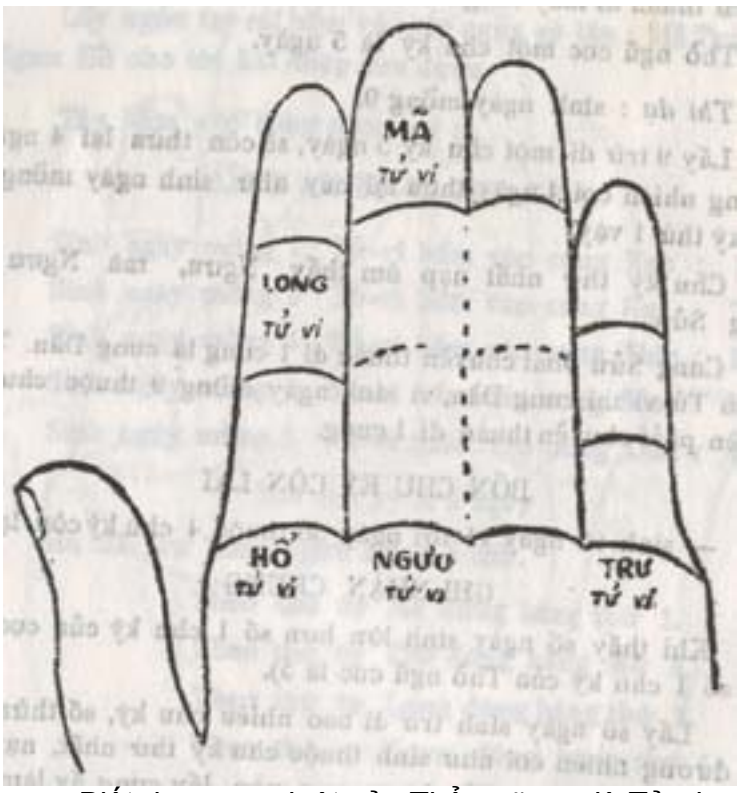

Biết được quy luật của Thổ ngũ cục là Tử-vi an tạl 5 cung Mã Trư Long Ngưu Hổ.
Sinh ngày mồng 1 Tử-vi an tại Ngọ : Mã.
Sinh ngày mồng 2 Tử-vi an tạl Hợl : Trư.
Sinh ngày mồng 3 Tử-vi an tạl Thìn : Long.
Sinh ngày mồng 4 Tử-vi an tạl Sửu : Ngưu.
Sinh ngày mồng 5 Tử-vi an tạl Dần : Hổ.

Chu kỳ 2 chuyển Tử-vi thuận 1 cung
Sinh từ ngày 6-7-8-9-10 thuộc

THỔ NGŨ CỤC

Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển.

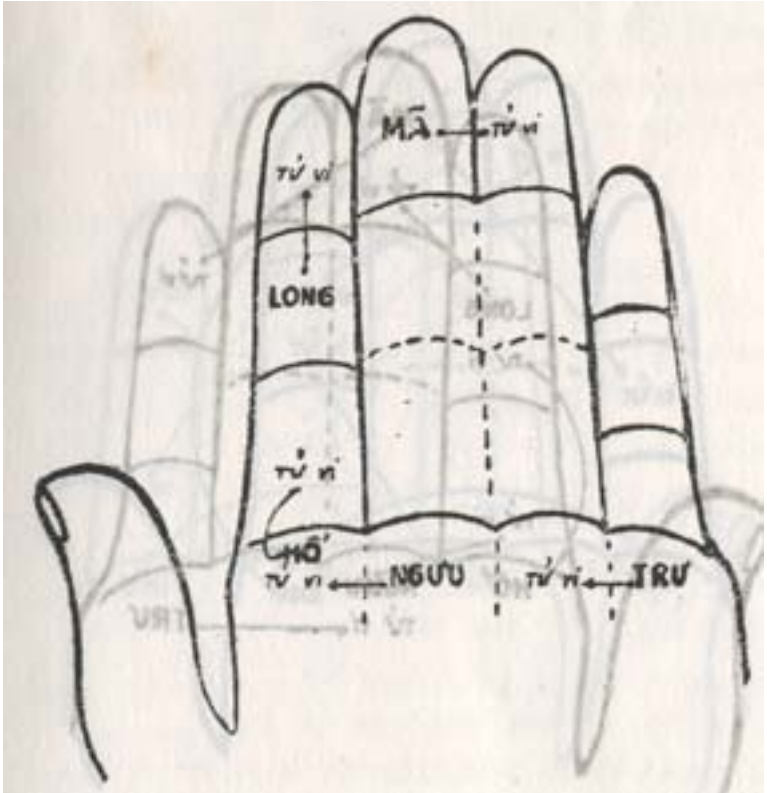

Vì thuộc chu kỳ 2 theo ngày sinh, nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải chuyển thuận sang cung thứ 2.

Sinh ngày 6 Tử-vi an tạl Mã chuyển sang cung Mùi.
Sinh ngày 7 Tử-vi an tạl Trư chuyển sang cung Tý.
Sinh ngày 8 Tử-vi an tạl Long chuyểng sang Tỵ.
Sinh ngày 9 Tử-vi an tạl Ngưu chuyển sang cung Dần.
Sinh ngày 10 Tử-vi an tạl Hổ chuyển sang cung Mão.

Chu kỳ 3 thuận chuyển Tử-vi sang cung 3
Sinh ngày 11-12-13-14-15 thuộc
THỔ NGŨ CỤC
Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

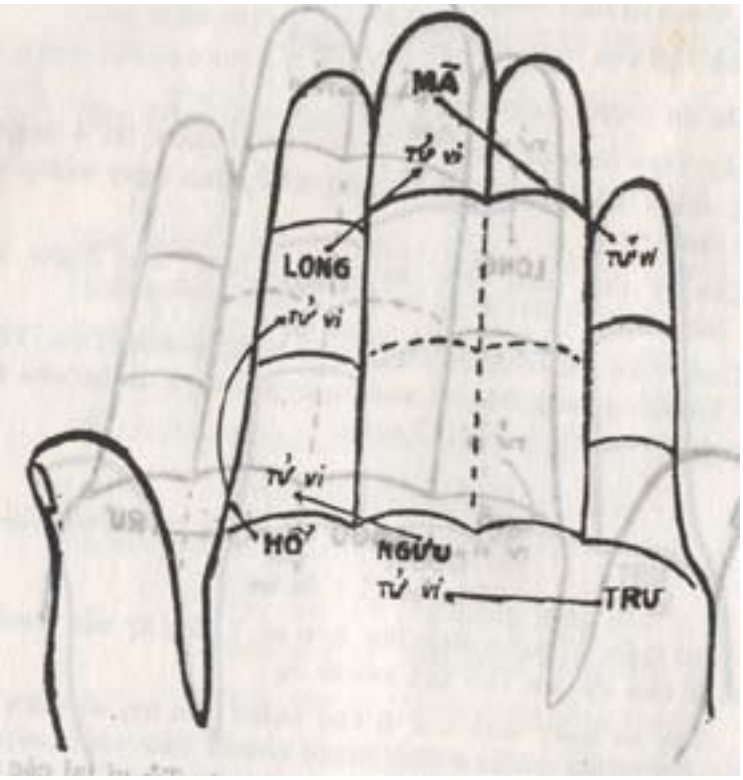

Vì thuộc chu kỳ 3 theo ngày sinh, Nên Tử-vi tạl các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phảl thuận chuyển sang cung 3.

Sinh ngày 11 Tử-vi an tại Mã chuyển sang cung Thân.
Sinh ngày 12 Tử-vi an tại Trư chuyển sang cung Sửu.
Sinh ngày 13 Tử-vi an tại Long chuyển sang cung Ngọ.
Sinh ngày 14 Tử-vi an tại Ngưu chuyển sang cung Mã.
Sinh ngày 15 Tử-vi an tại Hổ chuyển sang cung Thìn.

Chu kỳ 4 thuận chuyển Tử-vi sang cung 4
Sinh ngày 16-17-18-19-20 thuộc
THỔ NGŨ CỤC
Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển.

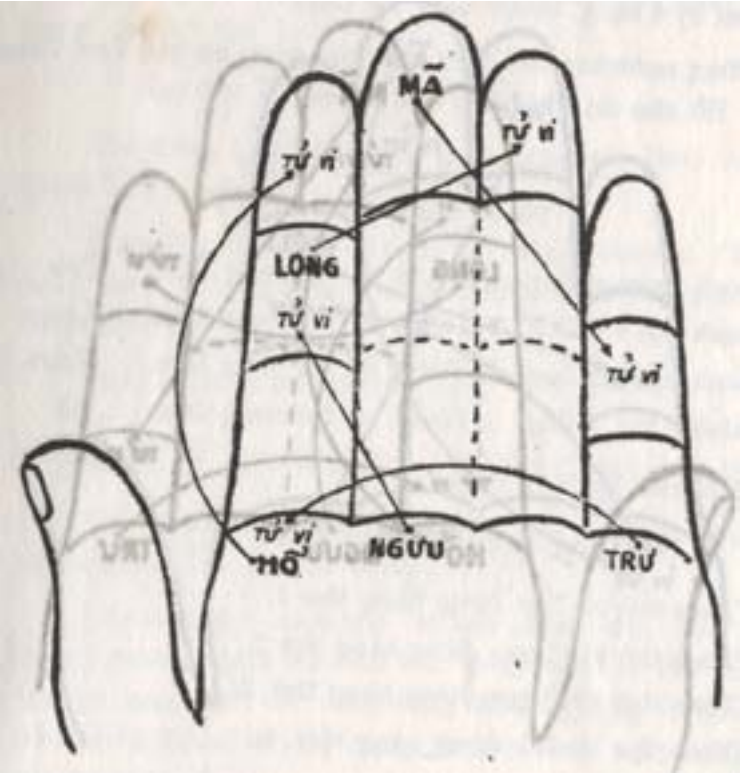

Vì thuộc chu kỳ 4 theo ngày sinh, nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 4

Sinh ngày 16 Tử-vi an tại Mã chuyển sang cung Dậu.
Sinh ngày 17 Tử-vi an tại Trư chuyển sang cung Dần.
Sinh ngày 18 Tử-vi an tại Long chuyển sang cung Mùi.
Sinh ngày 19 Tử-vi an tại Ngưu chuyển sang cung Thìn.
Sinh ngày 20 Tử-vi an tại Hổ chuyển sang Tỵ.

Chu kì 5 thuận chuyển Tử-vi sang cung 5
Sinh ngày 21-22-23-24-25 thuộc
THỔ NGŨ CỤC

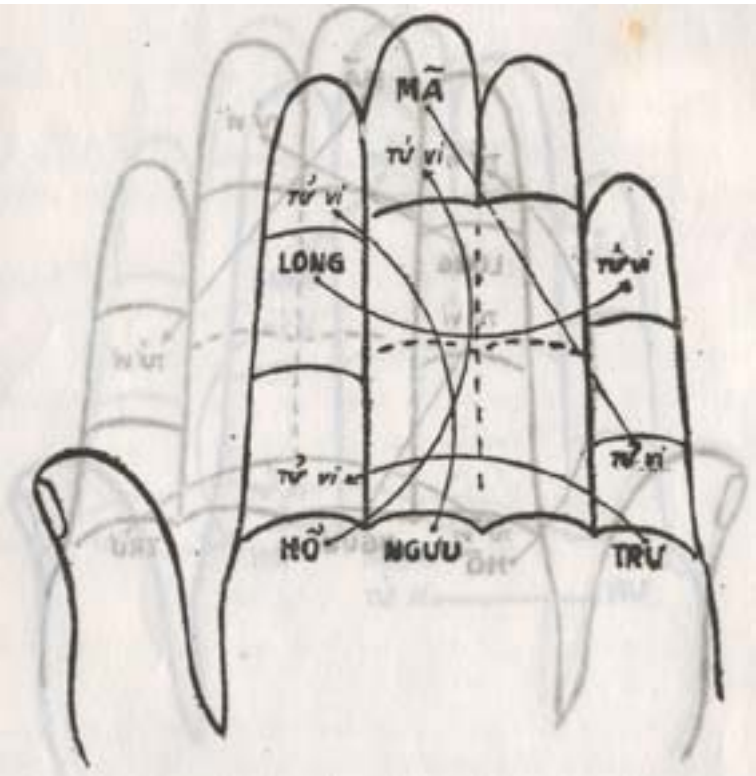

Vì ngày sinh thuộc chu kì 5, nên tử vi tại các cung Mã Ngư Long Trư Hổ Phải thuận chuyển sang cung 5

Sinh ngày 21 căn cứ Tử-vi tại Mã chuyển sang cung Tuất

Sinh ngày 22 căn cứ Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Mão

Sing ngày 23 căn cứ Tử-vi tại Long chuyển sang cung Thân

Sinh ngày 24 căn cứ Tử- vi tại Ngưu chuyển sang cung Tỵ

Sinh ngày 25 căn cứ Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ngọ

Chu kì 6 chuyển Tử-vi sang cung 6
sinh ngày 26-27-28-29-30 thuộc
THỔ NGŨ CỤC
Áp dụng Mã Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

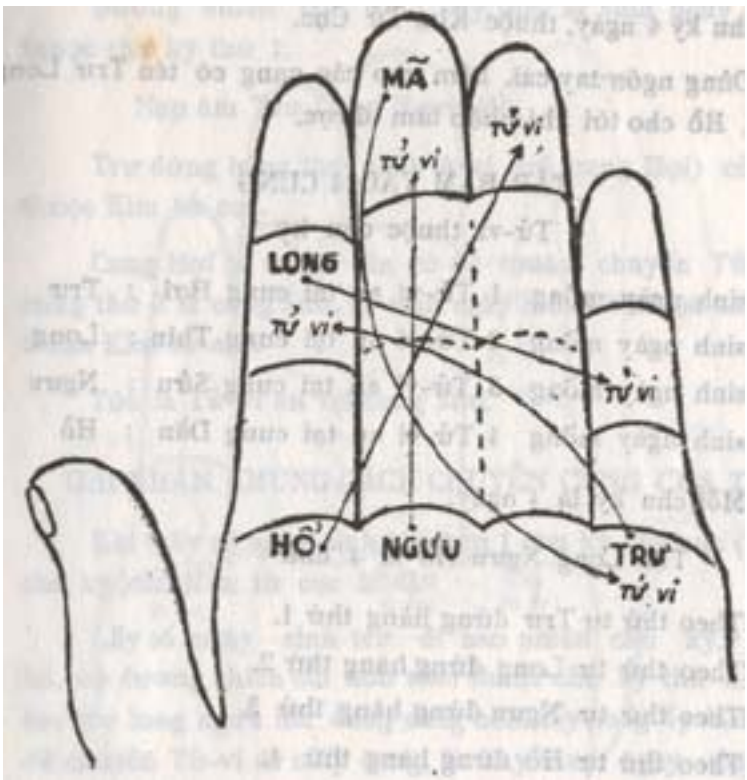

Vì ngày sinh thuộc chu kì 6, nên Tử-vi tại các cung Mã Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sangg cung 6

Sinh ngày 26 Căn cứTử-vi tại Mã chuyển sang cung Hợi.

Sinh ngày 27 Căn cứTử-vi tại Trư chuyển sang cung Thìn.

Sinh ngày 28 căn cứ Tử-vi tại Long chuyển sang cung Dậu.

Sinh ngày 29 Căn cứ Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 30 Căn cứ Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mùi.

Phương pháp tìm Tử-vi

Kim Tứ Cục dụng

Trư Long Ngưu Hổ

Trư Long Ngưu Hổ là vị trí Tử-vi cư tại cung 4, trong 1 chu kỳ 4 ngày, thuộc Kim tứ cục.

Dùng ngón tay cái bấm vào các cung có tên Trư Long, Ngưu Hổ cho tới khi nào nhập tâm được.

TẬP BẤM VÀO 4 CUNG

Tử-vi thuộc chu kỳ 4

Sinh ngày mồng 1 Tử-vi an tại cung Hợi : Trư.

Sinh ngày mồng 2 Tử-vi an tại cung Thìn : Long.

Sinh ngày mồng 3 Tử-vi an tại cung Sửu : Ngưu.

Sinh ngày mồng 4 Tử-vi an tại cung Dần : Hổ.

Trư Long Ngưu Hổ là 4 chữ

Theo thứ tự Trư đứng hàng thứ 1.

Theo thứ tự Long đứng hàng thứ 2.

Theo thứ tự Ngưu đứng hàng thứ 3.

Theo thứ tự Hổ đứng hàng thứ 4.

Khi nói tới sinh ngày mồng 2, biết an Tử-vi ở cung Long.

Khi nói tới sinh ngày mồng 4, bấm được Tử-vi ở cung Hổ ngay hầu tránh được sự lầm lở sau này.

NGUYÊN TẮC CHUYỂN TỬ-VI
của chu kỳ 3 (theo ngày sinh)

Nguyên tắc chuyển Tử-vi, tùy theo ngày sinh để tính chu kỳ.

Thí dụ: sinh ngày mồng 8

Một chu kỳ của Kim tứ cục là 4 ngày.

Lấy 9 trừ đi 2 chu kỳ 4 ngày (2x4 : 8).

số còn lạl 9-8 : 1, tức là còn 1 ngày.

Đương nhiên coi số 1 này như là sinh ngày mồng 1 thuộc chu kỳ thứ 1.

Nạp âm Trư Long Ngưu Hổ

Trư đứng hàng thứ 1 là vị trí (cung Hợi) của Tử-vi thuộc Kim tứ cục.

Cung Hợl là cung căn cứ để thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 3 là cung Sửu, vì sinh ngày mồng 9 thuộc chu kỳ thứ 3 của Kim tứ cục.

Tức là Tử-vi an tạl cung Sửu.

GHI NHẬN CHUNG CÁCH CHUYỂN CUNG CỦA TỬ-VI

Khi thấy số ngày sinh lớn hơn 1 chu kỳ của cục (thí du: chu kỳ của Kim tứ cục là 4).

lấy số ngày sinh trừ đi bao nhiêu chu kỳ, số thừa lạl cứ đương nhiên coi như sinh thuộc hcu kỳ thứ 1, nạp âm Trư Long Ngưu Hổ đụng cung nào lấy cung ấy làm căn cứ để chuyển Tử-vi đi mấy cung, là tùy theo ngày sinh thuộc chu kỳ thứ mấy.

CƯỚC CHÚ: xin xem các hình vẽ để đốl chiếu và kiểm điểm các vị trí của Tử-vi theo cục.

❋

Vị trí của Tử-vi thuộc
KIM TỨ CỤC
Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ
(1chu kỳ là 4 ngày)

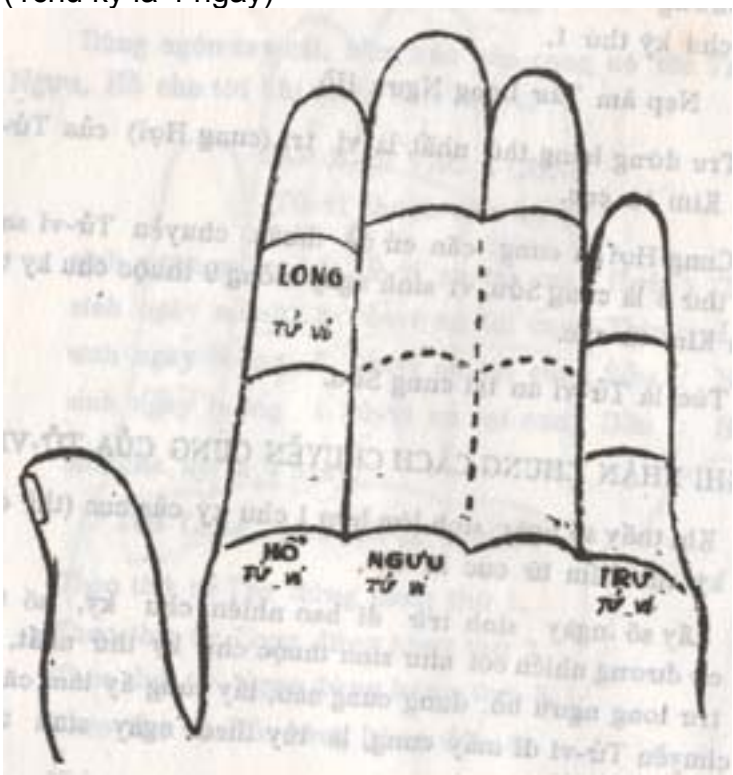

Biết được qui luật Kim tứ cục là Tử-vi tạl 4 cung Trư Long Ngưu Hổ

Sinh ngày mồng 1 Tử-vi cư tại Hợl : Trư

Sinh ngày mồng 2 Tử-vi cư tại Thìn : Long

Sinh ngày mồng 3 Tử-vi cư tại Sửu : Ngưu

Sinh ngày mồng 4 Tử-vi cư tại Dần : Hổ

Chu kỳ 2 chuyển thuận Tử-vi 1 cung
Sinh ngày 5-6-7-8 thuộc
KIM TỨ CỤC
Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

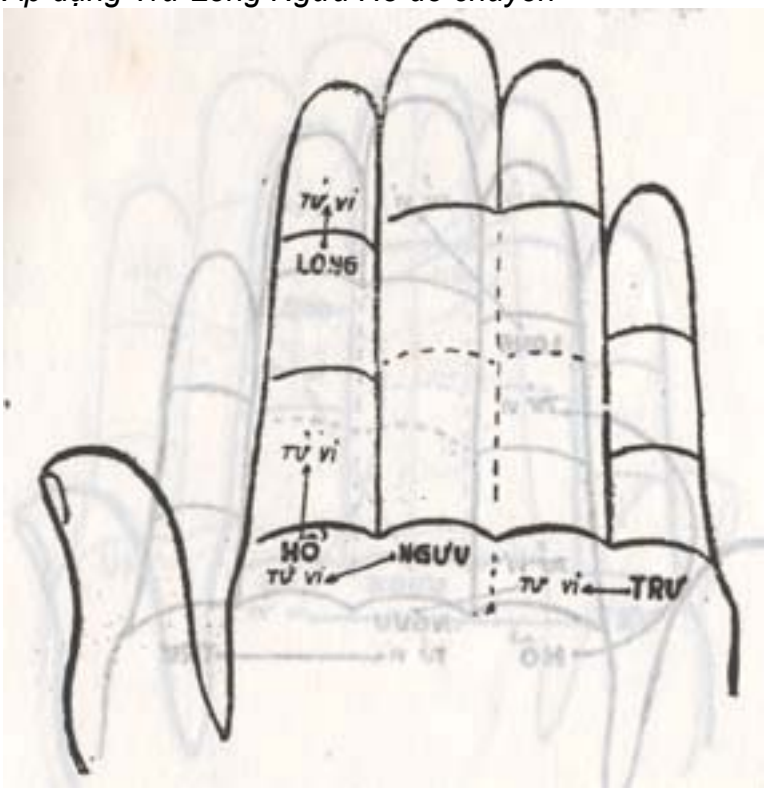

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 2, nên Tử-vi ở các cung Trư Long Ngưu Hổ chuyển thuận sang cung 2.

Sinh ngày mồng 5 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Tý.
Sinh ngày mồng 6 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tỵ.
Sinh ngày mồng 5 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Dần.
Sinh ngày mồng 5 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mão.

Chu k ỳ 3 chuyển thuận sang cung 3
Sinh ngày 9-10-11-12 thuộc
KIM TỨ CỤC
Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

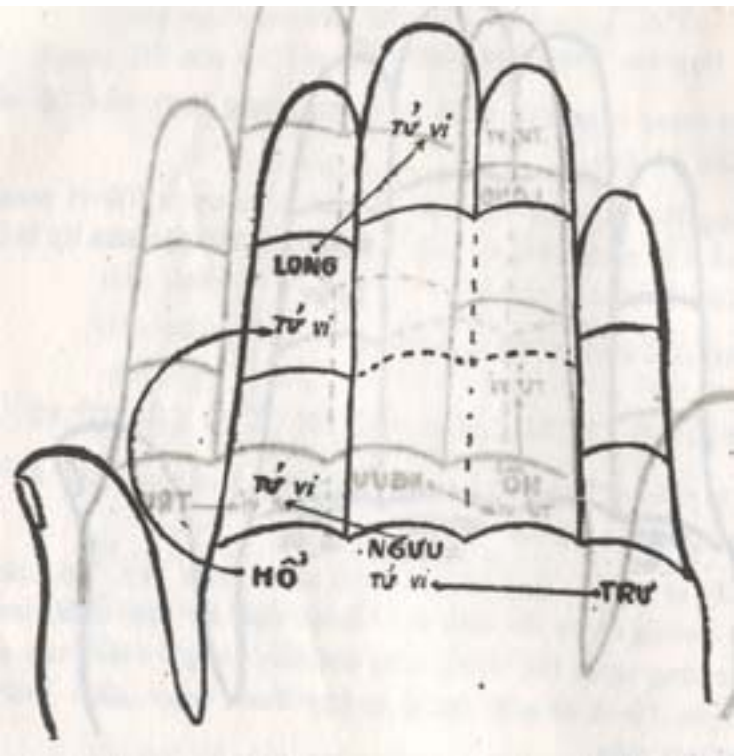

vì ngày sinh thuộc chu kỳ 3, nên Tử-vi ở các cung Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 3.

Sinh ngày 9 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Sửu
Sinh ngày 10 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ
Sinh ngày 11 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mão
Sinh ngày12 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Thìn

Chu kỳ 4 chuyển thuận thuận Tử-vi sang cung 4
Sinh ngày 13-14-15-16 thuộc
KIM TỨ CỤC
Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

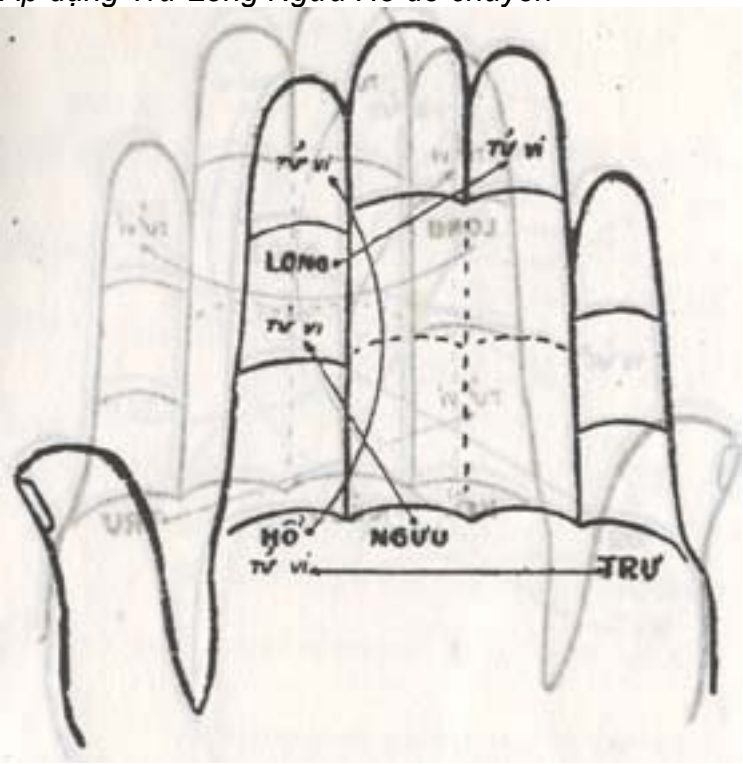

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 4, nên Tử-vi ở các cung Trư Long Ngưu Hổ , phải thuận chuyển sang cung 4.

Sinh ngày 13 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Dần.

Sinh ngày 14 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Mùi.

Sinh ngày 15 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Thìn.

Sinh ngày 16 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Tỵ.

Chu kỳ 5 thuận chuyển Tử-vi sang cung 5.
Sinh ngày 17-18-19-20 thuộc
KIM TỨ CỤC
Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

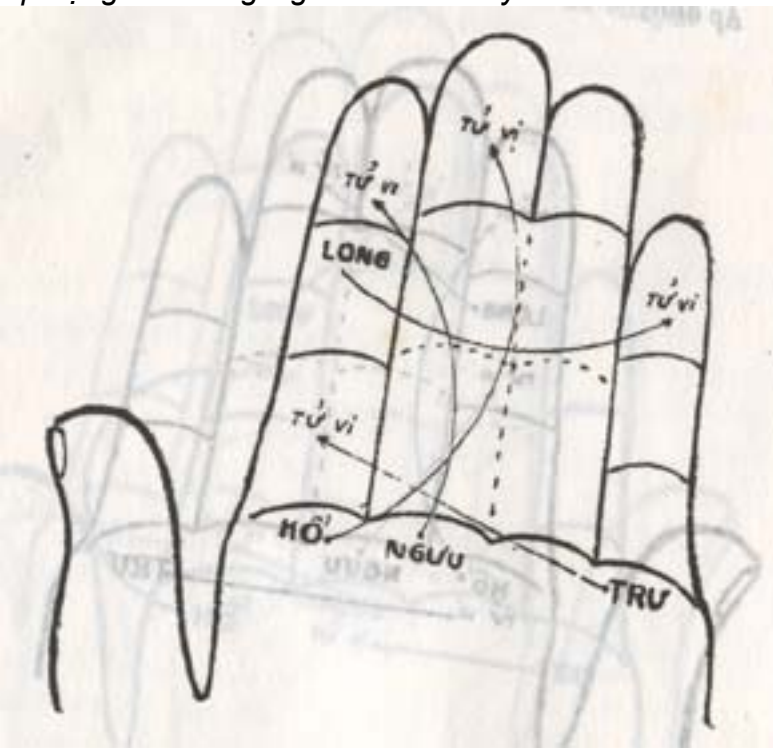

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 5, nên Tử-vi tạl cung Trư Long Ngưu Hổ , phải thuận chuyển sang cung 5.

Sinh ngày 17 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Mão.

Sinh ngày 18 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Thân.

Sinh ngày 19 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Tỵ.

Sing ngày 20 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ngọ.

Chu kỳ 6 chuyển thuận Tử-vi sang cung 6
Sinh ngày 21-22-23-24 thuộc
KIM TỨ CỤC
Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

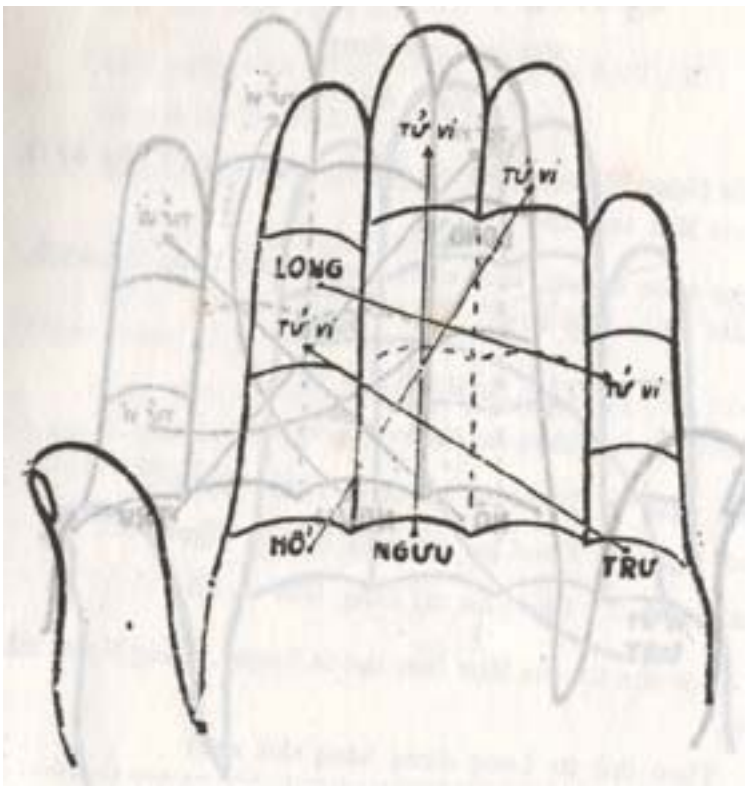

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 6, nên Tử-vi tạl các cung Trư Long Ngưu Hổ phảl thuận chuyển sang cung 6.

Sinh ngày 21 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Thìn

Sinh ngày 22 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Dậu.

Sinh ngày 23 Tử-vi tại Ngư chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 24 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mùi.

Chu kỳ 7 chuyển thuận Tử-vi sang cung 7

Sinh ngày 25-26-27-28 thuộc

KIM TỨ CỤC

Áp dụng Trư Long Ngưu Hổ để chuyển

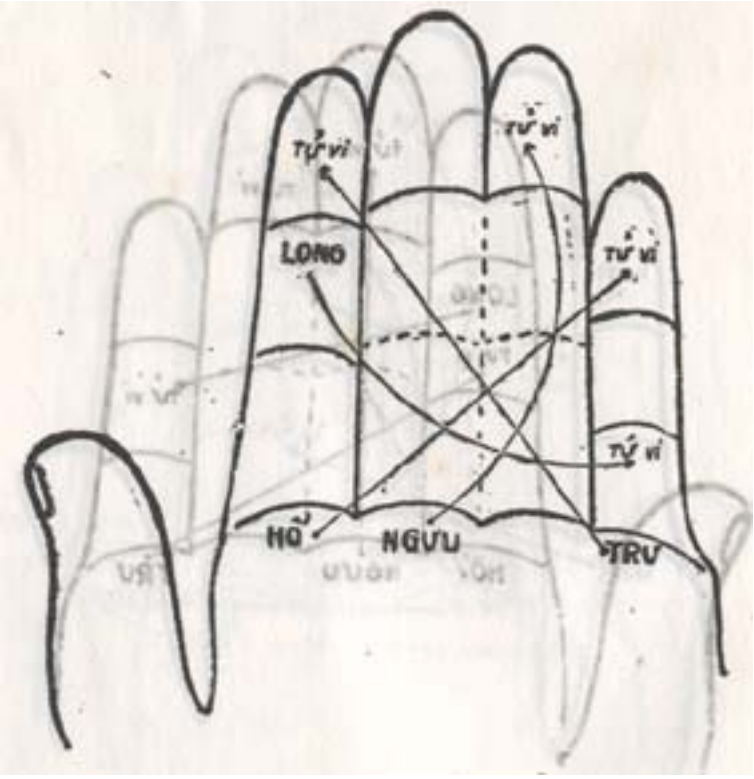

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 7, nên Tử-vi tại các cung Trư Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 7.

Sinh ngày 25 Tử-vi tại Trư chuyển sang cung Tỵ.

Sinh ngày 26 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tuất.

Sinh ngày 27 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mùi.

Sinh ngày 28 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Thân.

Chu kỳ 8 chuyển thuận Tử-vi sang cung 8

Sinh ngày 29 và 30 thuộc

KIM TỨ CỤC

Áp dụng Trư Long để chuyển

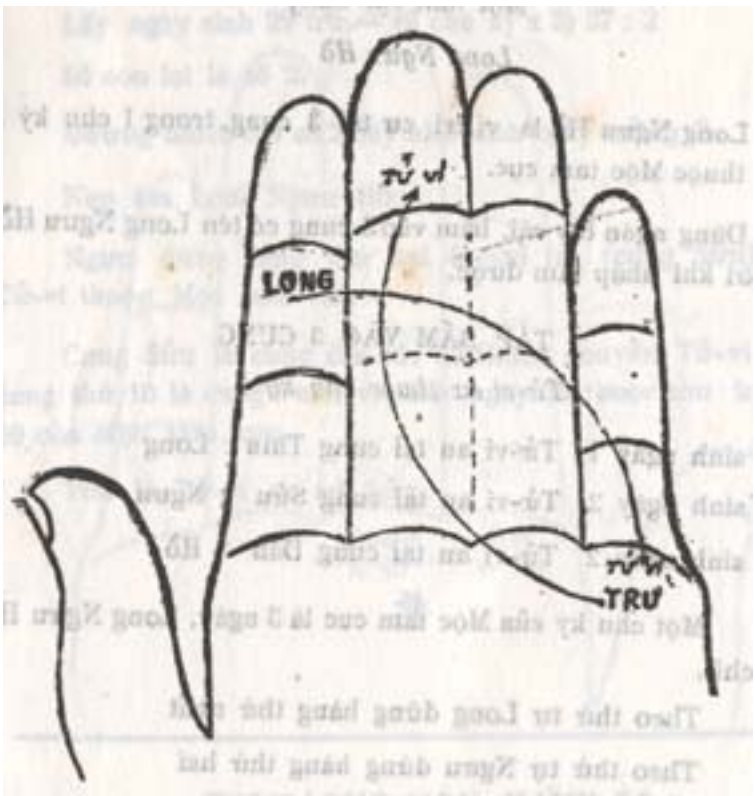

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 8, nên Tử-vi tại 2 cung Trư, Long phải thuận chuyển sang cung 8.

Sinh ngày 29 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ

Sinh ngày 30 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Hợi

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ tìm Tử-vi

Phương pháp tìm Tử-vi

Mộc tam cục dụng

Long Ngưu Hổ

Long Ngưu Hổ là vị trí cư tại 3 cung trong 1 chu kỳ 3 ngày thuộc Môc tam cục

Dùng ngón tay cái bấm vào 3 cung có tên Long Ngưu Hổ cho tới khi nhập tâm được.

TẬP BẤM VÀO 3 CUNG

Tử-vi cư thuộc chu kỳ 1

Sinh ngày 1: Tử-vi an tại cung Thìn : Long

Sinh ngày 2 Tử-vi an tại cung Sửu : Trâu

Sinh ngày 3 Tử-vi an tại cung Dần : Hổ

Một chu kỳ của Mộc tam cục là 3 ngày, Long Ngưu Hổ là 3 chữ.

Theo thứ tự Long đứng hàng thứ nhất

Theo thứ tự Ngưu đứng hàng thứ hai

Theo thứ tự Hổ đứng hàng thứ ba

TẬP BẤM CUNG CHO THẬT NHẬP TÂM

Khi nói tới sinh ngày mồng 1, an ngay được Tử-vi ở cung Long.

Khi nói tới sinh ngàu mồng 3, an ngay được Tử-vi ở cung Hổ để sau này chuyển cung được dễ dàng.

NGUYÊN TẮC CHUYỂN TỬ-VI

Mấy cung tùy theo chu kỳ của ngày sinh

Nguyên tắc chuyển Tử-vi đi bao nhiêu cung, là tùy theo bấy nhiêu chu kỳ tính theo ngày sinh.

Thí dụ: sinh ngày 29

Lấy ngày sinh 29 – (9 chu kỳ x 3) 27:3

Số còn lạl là số 2

Đương nhiên coi số 2 này như sinh ngày mồng 2

Nạp âm Long Ngưu Hổ

Ngưu đứng hàng thứ 2 là vị trí (cung Sửu)của Tử-vi thuộc Mộc tam cục

Cung Sửu là cung căn cứ, để thuận chuyển Tử-vi sang cung thứ 10 là cung Tuất. vì sinh ngày 29 thuộc chu kỳ thứ 10 của Mộc tam cục

tức Tử-vi an tại Sửu.

❋

THAM LANG NAM MạNH CA

Tứ Mộ cung trung phúc khí nùng
Đề bing chỉ nhật lập biên công.
Hỏa-Linh cùng hộl thành vi quý
Danh chấn chư di định hữu phong

Vị trí của Tử-vi thuộc
MỘC TAM CỤC
Áp dụng Long Ngưu Hổ
(1 chu kỳ là 3 ngày)

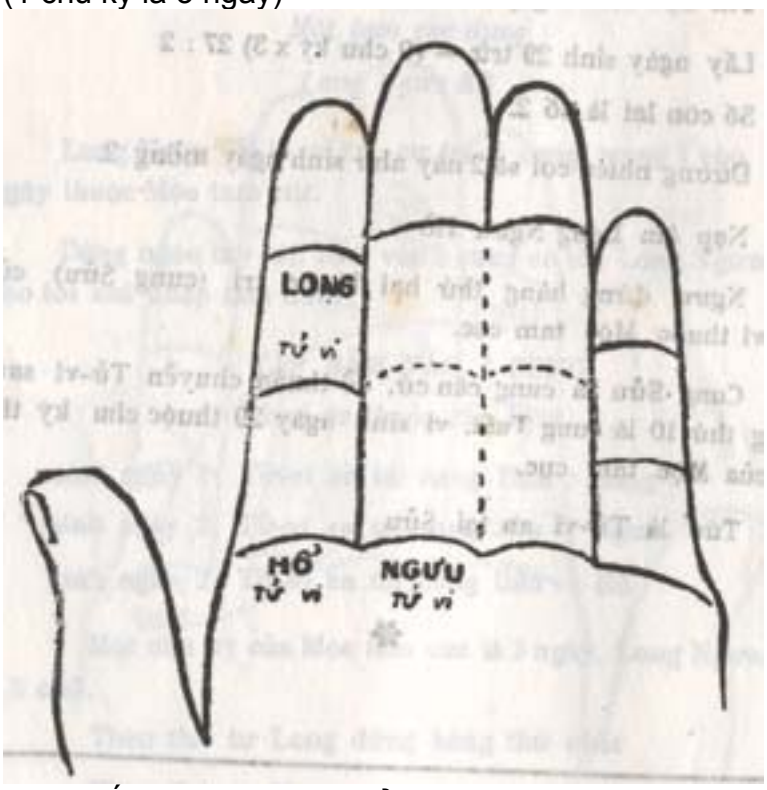

Biết được qui luật của Mộc tam cục là Trư Long Ngưu Hổ-vi cư tạl 3 cung Long Ngưu Hổ .

Sinh ngày 1 Tử-vi tại cung Thìn : Long

Sinh ngày 2 Tử-vi cư tại Sửu : Ngưu

Sinh ngày 3 Tử-vi cư tại Dấn : Hổ

Chu kỳ 2 chuyển thuận Tử-vi sang cung 2
Sinh ngày4-5-6 thuộc
MỘC TAM CỤC
Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

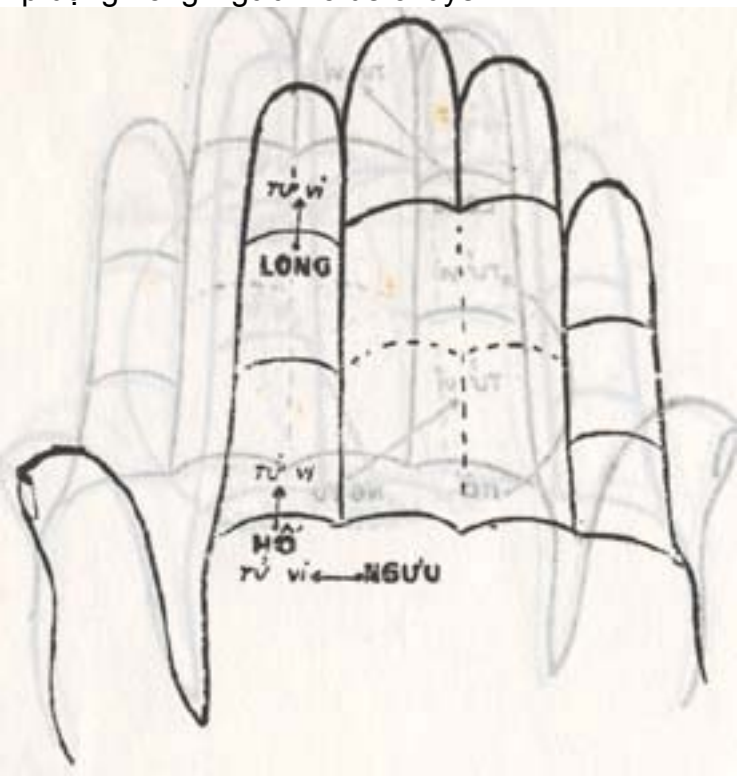

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 2, nên Tử-vi ở các cung Long Ngưu Hổ phải chuyển sang cung 2.

Sinh ngày 4 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tỵ.

Sinh ngày 5 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Dần.

Sinh ngày 6 Tử-vi tại chuyển sang cung Mão.

Chu kỳ 3 thuận chuyển Tử-vi sang cung 3
Sinh ngày 7-8-9 thuộc
MỘC TAM CỤC
Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

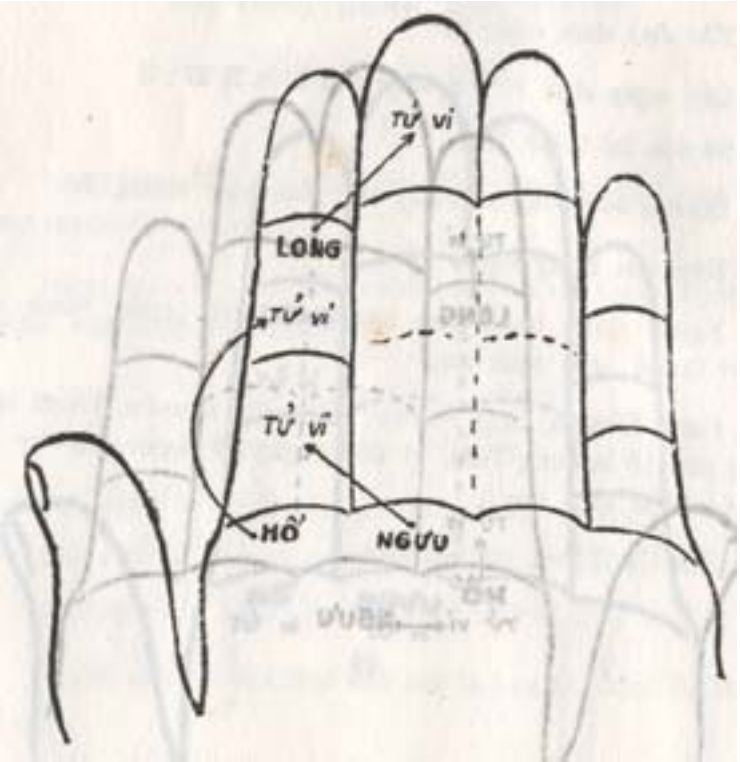

Vì ngày sinh thuộc chu k ỳ 3, nên Tử-vi ở các cung Long Ngưu Hổ phảI chuyển thuận sang cung 3.

Sinh ngày 7 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 8 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mão.

Sinh ngày 9 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Thìn.

Chu kỳ 4 chuyển thuận Tử-vi sang cung 4

Sinh ngày 10-11-12 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

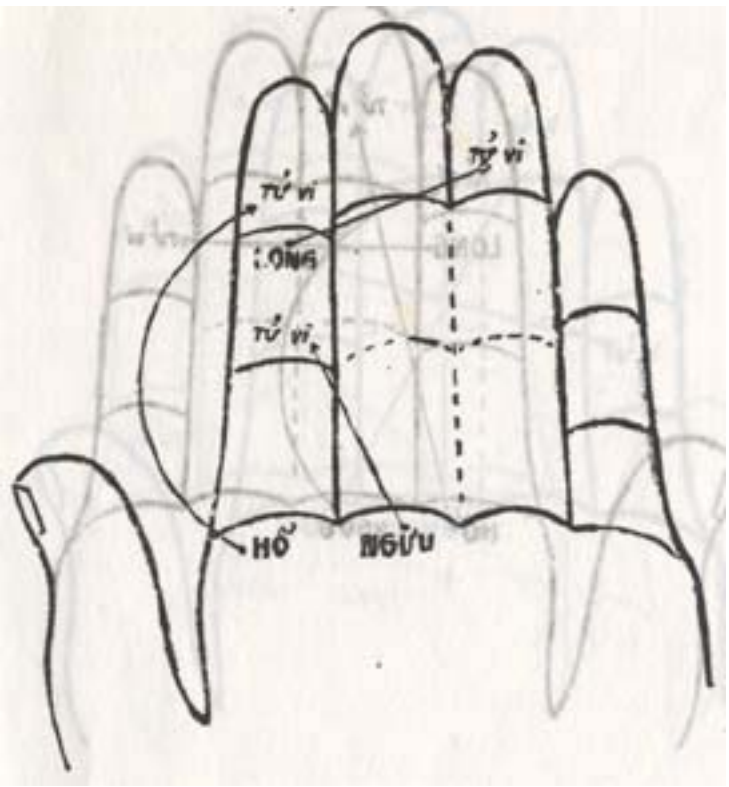

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 4, nên Tử-vi tạl các cung Long Ngưu Hổ phảl thuận chuyển sang cung 4.

Sinh ngày 10 tử-vi tại Long chuyển sang cung Ngọ.

Sinh ngày 11 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Thìn.

Sinh ngày 12 Tử-vi tạl Hổ chuyển sang cung Tỵ.

Chu kỳ 5 chuyển thuận Tử-vi sang cung 5

Sinh ngày 13 – 14 – 15 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

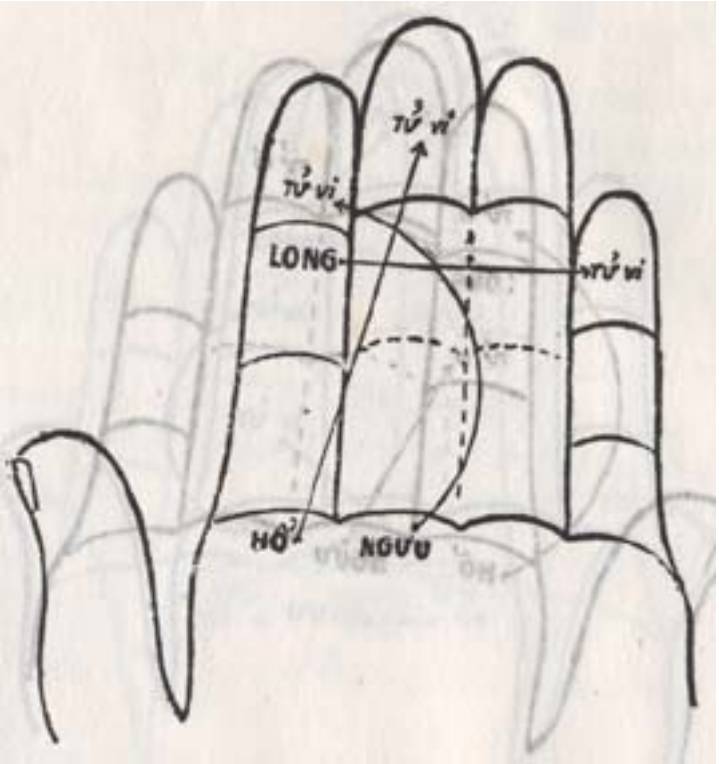

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 5 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 5.

sinh ngày 13 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Thân

sinh ngày 14 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Tỵ

sinh ngày 15 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Ngọ.

Chu kỳ 6 chuyển thuận Tử-vi sang cung 6

Sinh ngày 16 – 17 – 18 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

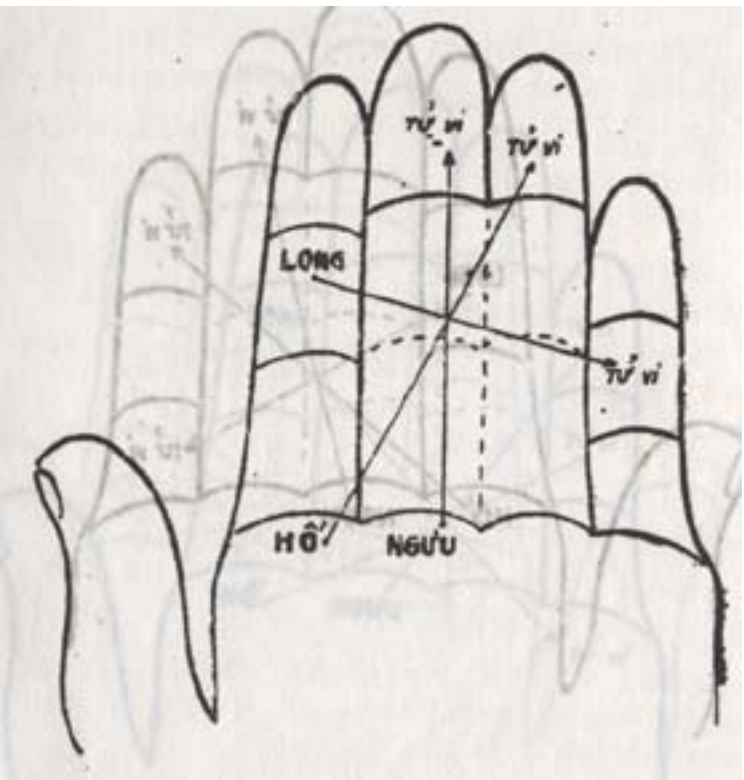

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 6 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 6.

sinh ngày 16 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Dậu

sinh ngày 17 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Ngọ.

sinh ngày 18 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Mùi.

Chu kỳ 7 chuyển thuận Tử-vi sang cung 7

Sinh ngày 19 – 20 – 21 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

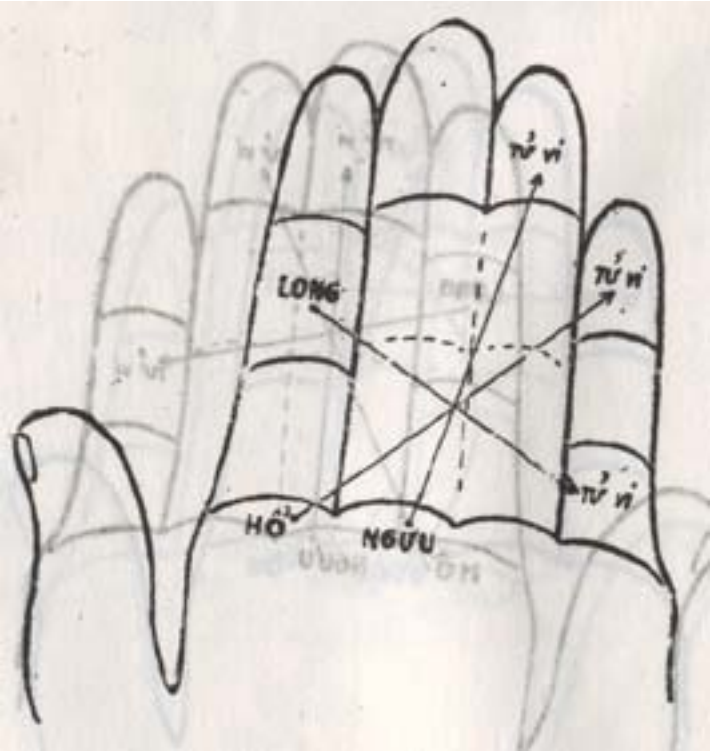

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 7 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 7.

sinh ngày 19 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tuất.

sinh ngày 20 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Mùi

sinh ngày 21 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Thân.

Chu kỳ 8 chuyển thuận Tử-vi sang cung 8

Sinh ngày 22 – 23 – 24 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

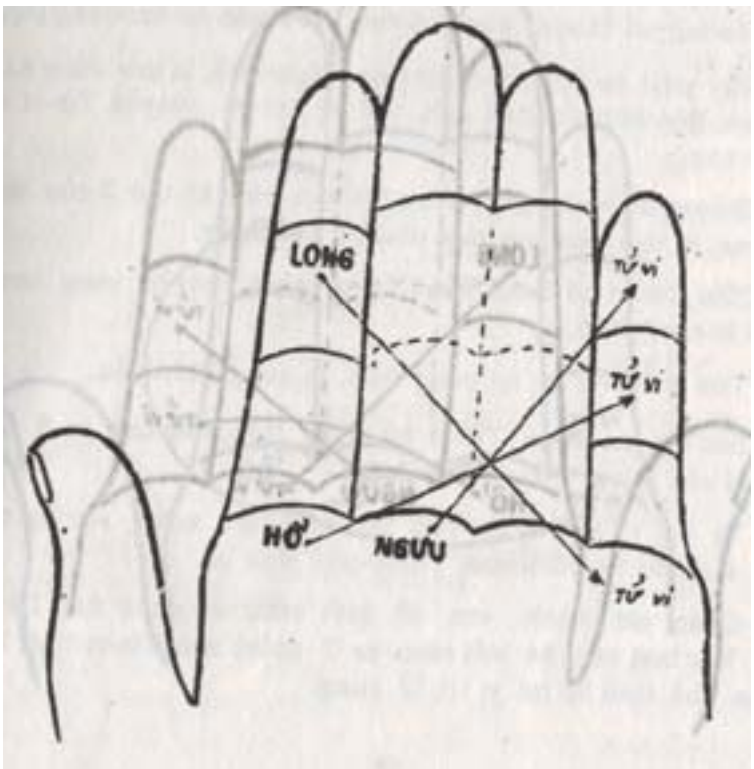

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 8 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 8.

sinh ngày 22 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Hợi.

sinh ngày 23 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Thân.

sinh ngày 24 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Dậu.

Chu kỳ 9 chuyển thuận Tử-vi sang cung 9

Sinh ngày 25 – 26 – 27 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

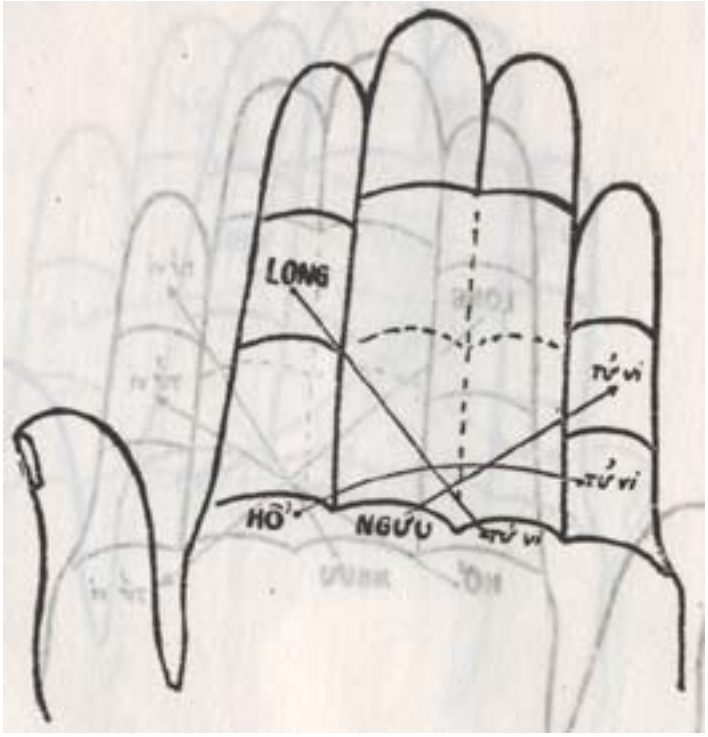

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 9 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 9.

sinh ngày 25 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Tý.

sinh ngày 26 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Dậu.

sinh ngày 27 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Tuất.

Chu kỳ 10 chuyển thuận Tử-vi sang cung 10

Sinh ngày 28 – 29 – 30 thuộc

MỘC TAM CỤC

Áp dụng Long Ngưu Hổ để chuyển

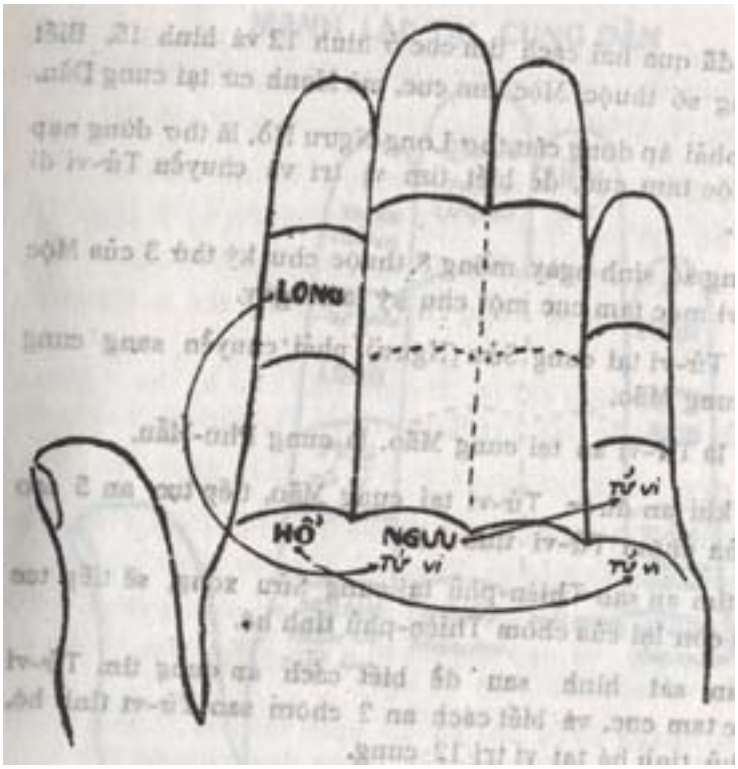

Vì ngày sinh thuộc chu kỳ 10 nên Tử-vi tại các cung Long Ngưu Hổ phải thuận chuyển sang cung 10.

sinh ngày 28 Tử-vi tại Long chuyển sang cung Sửu.

sinh ngày 29 Tử-vi tại Ngưu chuyển sang cung Tuất.

sinh ngày 30 Tử-vi tại Hổ chuyển sang cung Hợi.

Cách tìm Tử-vi an tại cung nào thuộc

MỘC TAM CỤC

Thí dụ của đương số sinh

Ngày mồng 8 tháng 4 giờ Mão

Năm Bính Dần

Như đã qua hai cách tìm cục ở hình 12 và hình 15. Biết rằng đương số thuộc Mộc tam cục, mà Mạnh cư tại cung Dần.

Vậy phải áp dụng câu thơ Long Ngưu Hổ, là thơ dùng nạp âm cho Mộc tam cục, để biết tìm vị trí và chuyển Tử-vi đi mấy cung.

Đương số sinh ngày mồng 8 thuộc chu kỳ thứ 3 của Mộc tam cục, vì mộc tam cục của một chu kỳ là 3 ngày.

Nên Tử-vi tại cung Sửu (Ngưu) phải chuyển sang cung thứ 3 là cung Mão.

Tức là Tử-vi an tại cung Mão, là cung Phụ-Mẫu.

Sau khi an được Tử-vi tại cung Mão, tiếp tục an 5 sao còn lại của chòm Tử-vi tinh hệ.

Và tìm an sao Thiên-phủ tại cung Sửu xong, sẽ tiếp tục an 7 sao còn lại của chòm Thiên-phủ tinh hệ.

Quan sát hình sau để biết cách áp dụng tìm Tử-vi theo Mộc tam cục, và biết cách an 2 chòm sao Tử-vi tinh hệ, Thiên-phủ tinh hệ tại vị trí 12 cung.

❋

THIÊN-PHỦ NAM MẠNH CA

Hỏa Linh Dương Đà tam phương hội.
Vì nhân gian trá đa lao lục.
Không-Kiếp đồng viên bất vi giai.
Chỉ tại không-môn đã hưởng phúc.

Nguyên tắc an chòm Tử-vi tinh hệ

Và Thiên Phủ tinh hệ.

Áp dụng Long Ngưu Hổ tầm Tử-vi thuộc

MỘC TAM CỤC

Đương số sinh ngày mồng 8 tháng 4 giờ mão

Năm Bính Dần

MẠNH LẬP TẠI CUNG DẦN

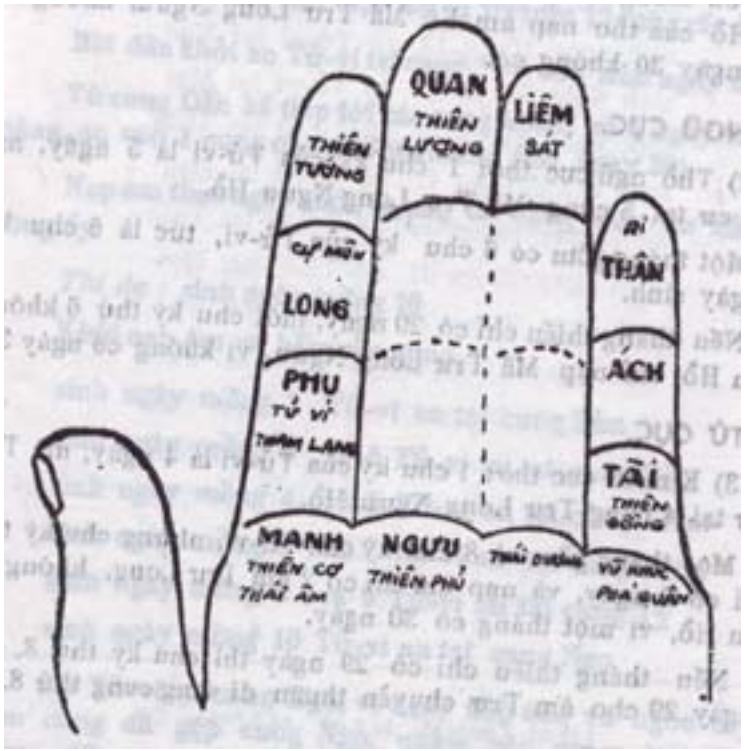

TRÍCH GHI : Tử-vi Tham-Lang đồng cư Phụ mẫu cung.

2 sao Thiên-Cơ và Thái-âm đồng cư Mạnh cung.

Cung Thân cư Thiên-ri của đương số vô chính hiệu.

Hội chung Mạnh Tài Quan : Cơ Nguyệt Đồng

Lương tác lại nhân, là cách thuộc phú đoán của Tử-vi.

GHI NHẬN CHUNG

về chu kỳ ngày sinh trong một tháng của 4 cục

HỎA LỤC CỤC

1) Hỏa lục cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 6 ngày, vậy một tháng gồm có 5 chu kỳ của Tử-vi, tức là 5 chu kỳ của ngày sinh.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thời chu kỳ thứ 5 thiếu một âm Hổ của thơ nạp âm Kê Mã Trư Long Ngưu, không có Hổ vì ngày 30 không có.

THỔ NGŨ CỤC

2) Thổ ngũ cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 5 ngày, mà Tử-vi cư tại 5 cung Mã Trư Long Ngưu Hổ.

Một tháng gồm có 6 chu kỳ của Tử-vi, tức là 6 chu kỳ của ngày sinh.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thời chu kỳ thứ 6 không có âm Hổ, chỉ nạp âm Kê Mã Trư Long Ngưu, vì không có ngày 30.

KIM TỨ CỤC

3) Kim tứ cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 4 ngày, mà Tử-vi cư tại 4 cung Trư Long Ngưu Hổ.

Một tháng gồm có 8 chu kỳ của Tử-vi, nhưng chu kỳ thứ 8 chỉ có 2 ngày, và nạp âm chỉ còn 2 âm Trư Long, không có Ngưu Hổ, vì một tháng có 30 ngày.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thì chu kỳ thứ 8, chỉ có ngày 29 cho âm Trư chuyển thuận đi sang cung thứ 8.

MỘC TAM CỤC

4) Mộc tam cục thời 1 chu kỳ của Tử-vi là 3 ngày, mà Tử-vi cư tạl 3 cung Long Ngưu Hổ.

Một tháng gồm có 10 chu kỳ của Tử-vi, chính là 10 chu kỳ của ngày sinh.

Nếu tháng thiếu chỉ có 29 ngày, thời chu kỳ thứ 10 chỉ có 2 ngày, cúng như khi nạp âm không cần đến âm Hổ, vì không có ngày 30.

THỦY NHỊ CỤC

Định luật của Tử-vi trên 12 cung

ĐỊNH LUẬT CỦA TỬ-VI

THUỘC THỦY NHỊ CỤC

TRÊN VỊT TRÍ 12 CUNG

Riêng Thủy nhị cục, việc tìm vị trí trên 12 cung rất dễ dàng.

Bắt đầu khởi an Tử-vi tạl cung Sửu nếu sinh ngày mồng 1.

Từ cung Dần kế tiếp đến các cung khác, cứ 2 ngày liên tiếp nhau, an vào 1 cung cho đến hết tháng (tới ngày 30).

Nạp âm theo ngày sinh, ngưng tại cung nào, an Tử-vi tại cung ấy.

Thí dụ : sinh ngày mồng 10

Khởi nạp âm và bấm vào cung.

sinh ngày mồng 1 Tử-vi an tại cung Sửu

sinh ngày mồng 2 và 3 Tử-vi an tại cung Dần

sinh ngày mồng 4 và 5 Tử-vi an tại cung Mão

sinh ngày mồng 6 và 7 Tử-vi an tại cung Thìn

sinh ngày mồng 8 và 9 Tử-vi an tại cung Tỵ

sinh ngày mồng 10 Tử-vi an tại cung Ngọ

An Tử-vi tạl cung Ngọ, vì ngày nạo âm, và ngón tay cái bấm cung đã gặp cung Ngọ, nhằm vào ngày sinh là ngày mồng 10.

Nếu sinh ngày 29 hay 30, khởi nạp ngày mồng 1 tạl cung Sửu, bắt đầu từ cung Dần trở đi, miệng nạp tay bấm vào các cung, cứ tuần tự cho tới khi miệng nạp âm tớl ngày 29 hay 30 tạl cung nào, ngưng tại cung ấy và an Tử-vi tạl cung đó.

BẢNG KÊ TỬ-VI TẠI 12 CUNG

Theo Thủy nhị cục

sinh ngày	1			an Tử-vi tại	SỬU
sinh ngày	2	và	3	an Tử-vi tại	DẦN
sinh ngày	4	và	5	an Tử-vi tại	MÃO
sinh ngày	6	và	7	an Tử-vi tại	THÌN
sinh ngày	8	và	9	an Tử-vi tại	TỴ
sinh ngày	10	và	11	an Tử-vi tại	NGỌ
sinh ngày	12	và	13	an Tử-vi tại	MÙI
sinh ngày	14	và	15	an Tử-vi tại	THÂN
sinh ngày	16	và	17	an Tử-vi tại	DẬU
sinh ngày	18	và	19	an Tử-vi tại	TUẤT
sinh ngày	20	và	21	an Tử-vi tại	HỢI
sinh ngày	22	và	23	an Tử-vi tại	TÝ
sinh ngày	24	và	25	an Tử-vi tại	SỬU
sinh ngày	26	và	27	an Tử-vi tại	DẦN
sinh ngày	28	và	29	an Tử-vi tại	MÃO
sinh ngày	30			an Tử-vi tại	THÌN

❋

LIÊM-TRINH NAM MẠNH CA

Liêm-trinh tọa mạnh hiệu nhàn cung.
Bẩn phá Kinh-dương Hỏa cánh trung.
Túng hữu Tài Quan vị bất mỹ.
Bình sinh hà rĩ đắc thung dung.

THỦY NHỊ CỤC

Thuận khởi an Tử-vi ngày mồng 1 tại cung Sửu
Từ cung Dần, 2 ngày kể từ 1 cung cho tới hết tháng.

VỊ TRÍ TỬ-VI TRÊN 12 CUNG

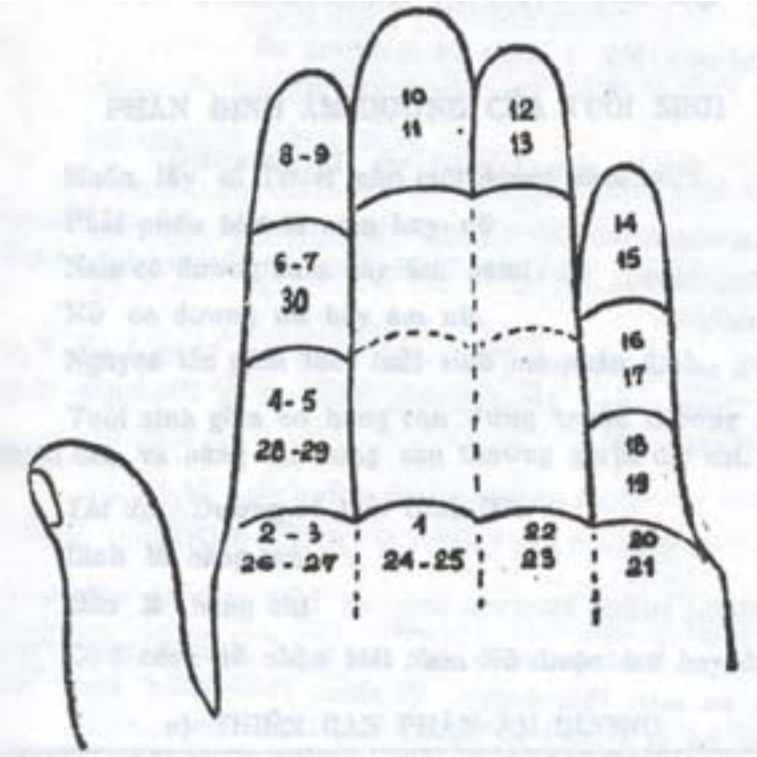

Ghi nhận : sinh mồng 1 an Tử-vi tại Sửu cung
sinh mồng 24 và 25 an Tử-vi tại Sửu cung
sinh mồng 28 và 29 an Tử-vi tại Mão cung

❋

CHƯƠNG 3

NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH ÂM DƯƠNG

CỦA TUỔI SINH

NGUYÊN TẮC AN CHÒM TỬ-VI TINH-HỆ

VÀ CHÒM THIÊN-PHỦ TINH-HỆ

PHÂN ĐỊNH ÂM DƯƠNG CỦA TUỔI SINH

Muốn lấy số Tử-vi cho một người nào.

Phải phân biệt là nam hay nữ.

Nam có dương nam hay âm nam

Nữ có dương nữ hay âm nữ.

Nguyên tắc phải theo tuổi sinh mà phân định.

Tuổi sinh gồm có hàng can đứng trước thường gọi là thiên can, và hàng chi đứng sau thường gọi là địa chi.

Thí dụ : Đương số tuổi Bính-Dần

Bính là hàng can

Dần là hàng chi

Có 2 cách để nhận biết Nam Nữ thuộc âm hay dương.

a) THIÊN CAN PHÂN ÂM DƯƠNG

Dương	Giáp	Bính	Mậu	Canh	Nhâm
Âm	Ất	Đinh	Kỷ	Tân	Quý

b) ĐỊA CHI PHÂN ÂM DƯƠNG

Dương	Tý	Dần	Thìn	Ngọ	Thân	Tuất
Âm	Sửu	Mão	Tỵ	Mùi	Dậu	Hợi

Căn cứ theo hàng can hay hàng chi mà định âm dương.

Thí dụ : Nam :Bính Dần là dương nam

Quý Hợi là âm nam.

Thí dụ : Nữ :Giáp Tý là dương nữ

Tân Sửu là âm nữ.

Phép an Tử-vi và Thiên-phủ.

An chòm sao Tử-vi gồm 6 chính tinh là : Tử-vi, Thiên-Cơ, Thái-dương, Vũ-khúc, Thiên-đồng và Liêm-trinh theo chiều nghịch.

Và an chòm sao Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát và Phá-quân theo chiều thuận.

Cách an chòm sao Tử-vi tinh hệ

NHẬP TÂM CÂU CA QUYẾT DƯỚI

Miệng xướng danh sao nào, tay bấm cung để an sao ấy.

Tử-vi, Thiên-cơ, cách nhất (tức là bỏ đi một cung trống không an sao) Thái-dương, Vũ-khúc, Thiên-đồng cách nhị (tức là bỏ đi 2 cung không an sao) Liêm-trinh.

Những dòng tiểu chú trong dấu ngoặc để hiểu chứ không đọc lên.

Cách an chòm sao Thiên-phủ tinh hệ

Cần nhập tâm hai bảng A và B là vị trí Thiên-phủ, đối chiếu với vị trí của Tử-vi ở chương mục 1.

NHẬP TÂM THIÊN-PHỦ CA QUYẾT DƯỚI

Thiên-phủ, Thái-âm, Tham-lang, Cự-môn, Thiên-tướng, Thiên-lương, Thất-sát cách tam (tức là bỏ trống 3 cung không an sao) Phá-quân.

Xin nhớ tìm xem Thiên-phủ an ở cung nào, rồi mới bắt đầu an Thiên-phủ.

KIỂM ĐIỂM LẠI CÁC MỤC.

Đã lập Mạnh hình số 3 và lập được 12 cung.

Đã an được Thân hình số 4.

Đã tìm được cục là Mộc tam cục hình 12 và hình 15.

Phân định âm dương của đương số là Dương nam.

Áp dụng Long Ngưu Hổ thuộc Mộc tam cục để tìm.

An được Tử-vi tại cung (vị trí) nào.

An được chòm Tử-vi tinh-hệ gồm 6 chính tinh.

An được chòm Thiên-phủ tính-hệ gồm 8 chính tinh.

Tới đây là mọi sự khó khăn đã qua, và đương nhiên trở thành người an được số Tử-vi trên tay.

Mục an các sao khác, trung tinh, tiểu tinh sẽ song hành với việc nghiên cứu về khoa Tử-vi đẩu số, thấm nhuần với thời gian, để đi sâu vào đường lý học.

Riêng việc nhập tâm các ca quyết và an sao nếu muốn nhanh chóng thời chỉ một tuần lễ khắc xong.

CHƯƠNG MỤC **AN TINH ĐẨU**

1- Tương quan cung địa chỉ, Cung số và Cách.

2- Nhập tâm các bài ca quyết.

3- Bí quyết an sao trên bàn tay.

Nguyên tắc an tinh đẩu

VÀ VỊ TRÍ 12 CUNG

Trước khi an sao, cần nhận định vị trí các cung đối chiếu, hợp chiếu thường được gọi ở Tử-vi là xung chiếu, tam hợp và nhị hợp, để dễ phần an sao và khỏi bị lầm lẫn sau này.

Hơn nữa nhất là lập thành Tử-vi trên bàn tay, các cung như tam Hợp cục.

THÍ DỤ : Thân Tý Thìn
Dần Ngọ Tuất
Tỵ Dậu Sửu
Hợi Mão Mùi

12 cung trên lá số như Mạnh, Huynh, Thê, Tử, Tài, Ách, Ri, Nô, Quan, Điền, Phúc, Phụ.

THÍ DỤ : Mạnh Tài Quan
Huynh Ách Điền
Thê Ri Phúc
Tử Nô Phụ

THÍ DỤ : Thấy Mạnh cư cung Thân, thì Tài cư Thìn và Quan cư cung Tý ở 1 tam hợp cục.

cũng như các sao chính tinh (14 chính diệu) thường hợp lại thành các cách :

Tử Phủ Vũ Tướng cách
Sát Phá Tham cách
Hay Là Sát Phá Vũ Liêm Tham cách
Cơ Nguyệt Đồng Lương cách
Nhật Nguyệt cách

Sẽ kết hợp trên vị trí các cung tam hợp như Thân Tý Thìn Hợi Mão Mùi chẳng hạn, hay tại các cung Mạnh Tài Quan Thê Ri Phúc.

Vì 4 Tam hợp cục, cùng với 12 cung số và các cách Tử Phủ hay Nhật Nguyệt, có sự tương quan cùng nhau trên vị trí, nên khi biết được cung Mạnh tại tam hợp cục này, có sao nào, cách nào, có thể biết ngay được, các cung tam hợp khác có cách gì.

Nên tại sao các nhà hành nghề thiếu thị giác, khi biết được sao nào cư cung Mạnh, hay là Mạnh Tài Quan có cáchnào, lại có thể biết ngay trên các cung tam hợp có cách gì, hoặc Huynh Ách Điền có cách gì, hay Tử Nô Phụ cư tại tam cục nào.

Vì sự tương quan tam hợp cục, với các cung Mạnh Tài Quan, cũng như sự liên hợp các cách Tử Phủ, Sát Phá với tam hợp cục, và Mạnh Tài Quan nên biết được 1 cung hay 1 sao, là có thể tính chung đựơc toàn thể 12 cung số vậy.

TAM HỢP CỤC LÀ 3 CUNG CHIẾU LẪN CHO NHAU

Thí dụ : Mạnh Tài Quan
Huynh Ách Điền
Thê Ri Phúc
Tử Nô Phụ

✵

THÁI-ÂM NAM MẠNH CA

Thái-âm nguyên thị thủy chi tinh
Thân Mạnh phùng chi phúc tự sinh
Dậu Tuất Hợi viên vi đắc địa
Quang huy dương hiền tinh danh hanh

TƯƠNG QUAN 12 CUNG

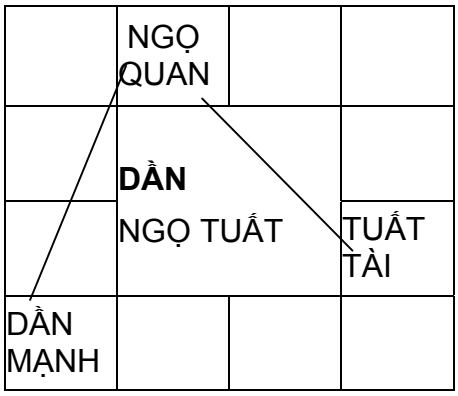

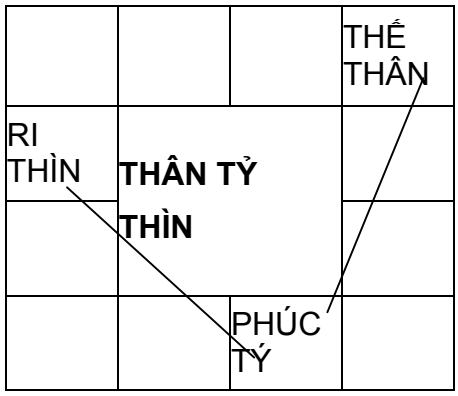

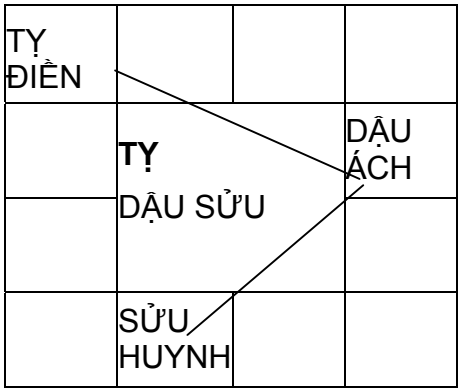

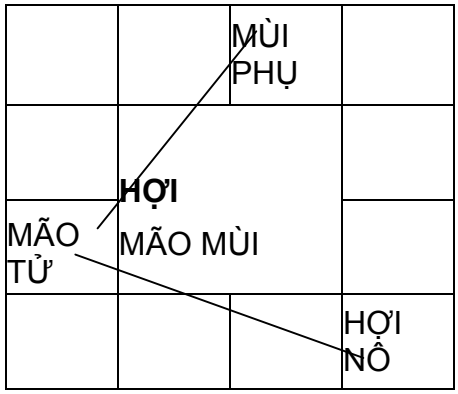

12 CUNG XUNG CHIẾU

CUNG XUNG CHIẾU là 2 cung đối chiếu lẫn nhau

Thí dụ : Mạnh và Ri bao giờ cũng là cung xung chiếu nhau.

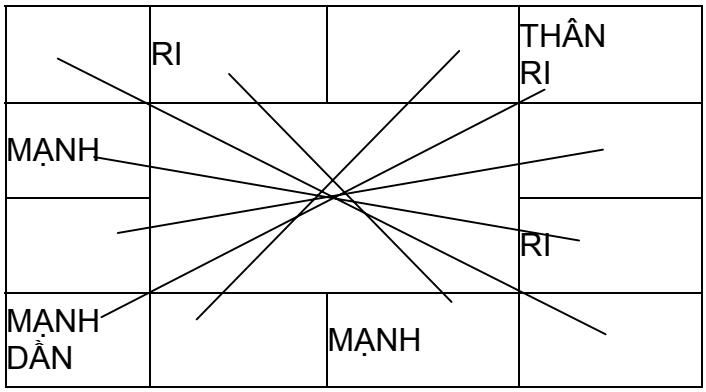

BIỂU LÝ NHỊ HỢP 12 CUNG

TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN
THÌN			DẬU
MÃO			TUẤT
DẦN	SỬU	TÝ	HỢI

12 cung nhị hợp

Tý hợp Sửu

Dần hợp Hợi

Mão hợp Tuất

Thìn hợp Dậu

Tỵ hợp Thân

Ngọ hợp Mùi

Phương pháp an chư-tinh

Cung Thìn Tuất là 2 cung để khởi tính sao.

An Tả-phụ • Hữu bật

gọl tắt là TẢ HỮU hay PHỤ BẬT

Tính theo tháng sinh

AN TẢ-PHỤ :

Cung Thìn kể là tháng giêng *tính thuận* đến *tháng sinh*, mỗl cung 1 tháng.

Ngưng tạl cung nào, an Tả-phụ ở cung ấy.

Thí dụ : sinh tháng 4 an Tả-phụ ở tại cung Mùi.

AN HỮU-BẬT :

Cung Tuất kể là tháng giêng *tính ngịch* đến *tháng sinh*, mỗl cung 1 tháng.

Ngưng tạl cung nào, an Hữu-bật ở cung ấy.

Thí dụ : sinh tháng 4 an Hữu-bật ở tại cung Mùi.

An Tam-thai • Bát-tọa

gọl tắt là THAI TỌA

Tính theo ngày sinh

TAM-THAI :

Cung có sao Tả-phụ, kể là mồng 1, *tính ngịch tới ngày sinh*, ngưng tạl cung nào, an Tam-Thai tại cung ấy.

Thí dụ : sinh mồng 8 tháng 4

An Tam-thai ở tại cung Dần.

An Bát-tọa ở tại cung Tý.

BÁT-TỌA :

Cung có sao Hữu-bật, kể là mồng 1, *tính ngịch tới ngày sinh*, ngưng tạl cung nào, an Bát-tọa tại cung ấy.

PHỤ-BẬT, THAI-TỌA THƠ

Tả-phù Thìn thuận tháng sinh
Hữu-bật nghịch Tuất đinh ninh chăng là
Tả-phù thuận khởi Tam-thai
Hữu-bật nghịch Tọa khởl bài ngày sinh

Cách tập an sao lúc đầu

Vì lúc khởl đầu, không tránh khỏl sự bỡ ngỡ, nên lấy một lá số có đủ 12 cung, rồl thử tính 2 sao Phụ Bật và Thai Tọa theo như cách an ở trên, sẽ chóng quen và nhập tâm, sẽ thấy hiện ra sao Tả-hữu tạl các cung như ở dưới.

Thìn Tuất là hai cung

để khỏl tính cho bộ sao Tả-hữu.

Vậy sinh tháng giêng Tả tại Thìn, Hữu tại Tuất

sinh tháng 7 Tả tại Tuất , Hữu tại Thìn

sinh tháng 4 Tả Hữu đồng cung tại Mùi

sinh tháng 10 Tả Hữu đồng cung tại Sửu.

Sinh tháng 3 tháng 5 giáp biên Tả-Hữu tại cung Mùi.

Sinh tháng 9 tháng 11 giáp biên Tả-Hữu tại cung Sửu.

❋

Đọc đi đọc lại và nhận xét chừng mấy lượt sẽ nhập tâm được ngay, tới khi cần lấy số, nói tới sinh tháng nào, đã biết ngay không phải tính tới nữa.

Cũng một bộ sao Tả-Hữu này, liên quan tới các sao khác, khi cùng khởi thuận nghịch tạl 2 cung Thìn Tuất, vị trí đồng cung và giáp biên cung như nhau cả.

Kiểm điểm 2 sao Thai-Tọa

Căn cứ 2 sao Tả-Hữu ở cung nào mới khỏi an được 2 sao Thai-Tọa.

Thí dụ : Tả Hữu tạl 2 cung Thìn Tuất.

Người sinh ngày mồng 1

Người sinh ngày mồng

Người sinh ngày 13

Người sinh ngày 23

Thời Thai tọa sẽ đồng cung với Tả-Hữu tại 2 cung Thìn Tuất.

Thí dụ : Tả-Hữu tạl 2 cung Sửu Mùi.

Nếu sinh ngày mồng 1-13 và ngày 25 thời Thai-Tọa sẽ đồng cung với Tả-Hữu tại 2 cung Sửu Mùi.

Thí dụ : Thai-Tọa có cách Giáp biên Sửu Mùi.

Nếu sinh ngày mồng 2-6-8 ngày 12, ngày 14 ngày 18-20-24-26 và ngày 30 sẽ thấy Thai-Tọa giáp biên tại 2 cung Sửu Mùi.

Kiểm điểm 2 sao Xương khúc

Xem cách an sao này ở dưới.

Thí dụ : Xương Khúc vì an theo giờ sinh.

Người sinh giờ Tý an Khúc tại Thìn, Xương tại Tuất.

Người sinh giờ Ngọ an Khúc tại Tuất, Xương tại Thìn.

Người sinh giờ Mão an Khúc Xương đồng cung tại Mùi.

Người sinh giờ Dậu an Khúc Xương đồng cung tại Sửu.

Kiểm điểm 2 sao Long Phượng

Vì 2 sao này an theo năm sinh.

Người sinh năm Tý an Long tại Thìn, Phượng tại Tuất.

Người sinh năm Ngọ an Long tại Tuất, Phượng tại Thìn.

Người sinh năm Mão an Long Phượng đồng cung tại Mùi.

Người sinh năm Dậu an Long Phượng đồng cung tại sửu.

Sinh năm Dần, năm Thìn an Long Phượng giáp biên tại Mùi.

Sinh năm Thân, năm Tuất an Long Phượng giáp biên tại Sửu.

Kiểm điểm 2 sao Quang-Quý

2 sao này an theo ngày sinh và căn cứ cung có sao Khúc Xương.

Thí dụ : Khúc Xương cư tại Thìn Tuất

Người sinh mồng 2, mồng 8-14-20-26, Quang Quý sẽ đồng cung với Khúc Xương tại Thìn Tuất.

THÍ DỤ KHÚC XƯƠNG CƯ TẠI SỬU MÙI

Người sinh mồng 1 và mồng 3.

Người sinh mồng 7 và mồng 9.

Người sinh mồng 13 và mồng 15.

Người sinh mồng 19 và mồng 21.

Người sinh mồng 25 và mồng 27,

sẽ thấy Quang Quý giáp biên tại 2 cung Sửu Mùi.

QUY LUẬT ĐỂ GHI NHỚ

Trên đây là các bộ sao đứng đầu trung và tiểu tính, sau khi kiểm điểm có thể mỗI ngườI sẽ phát hiện được một cách nhớ khác nhau, để sau này khi tính số, nói tớI sinh nam tháng ngày nào, khắc biết ngay vị trí cung an rồI, nên tạI sao các ngườI hành nghề thiếu thị giác, lạI không cần tính mà có thể an được đúng cung.

Sau khi đã tìm được quy luật rồI, không sợ sai cung nữa và cứ thử kiểm điểm như trên đây mớI hiểu rõ, sự liên quan của các bộ sao này, tạI các cung giáp và cách đồng cư một sung được.

Nên ghi lấy phần kiểm điểm để tập áp dụng lúc nhàn rỗi.

Cách an hai sao Văn-xương • Văn-khúc

Gọi tắt là KHÚC-XƯƠNG

An theo giờ sinh.

VĂN KHÚC :

Kể cung Thìn là giờ Tý, *tính thuận tớI giờ sinh*, ngưng tạI cung nào, an Văn-khúc tạI cung ấy.

Thí dụ : sinh giờ Mão, an Văn-khúc tạI cung Mùi.

VĂN XƯƠNG:

Kể cung Tuất là giờ Tý, *tính nghịch tớI giờ sinh*, ngưng tạI cung nào, an Văn-xương tạI cung ấy.

Thí dụ : sinh giờ Mão, an Văn-xương tạI cung Mùi.

An Ân-quang • Thiên-quý

Gọi tắt là QUANG-QUÝ, an theo ngày sinh.

ÂN-QUANG :

Tìm Văn-Xương ở cung nào, kể cung ấy là ngày mồng 1, *tính thuận tớI ngày sinh*, ngưng tại cung nào, lùi lại 1 cung an Ân-quang ở cung ấy.

THIÊN-QUÝ :

Tìm Văn-Khúc ở cung nào, kể cung ấy là ngày mồng 1, *tính nghịch tớI ngày sinh*, ngưng tại cung nào, lùi lại 1 cung an Thiên-quý ở cung ấy.

Thí dụ : sinh mồng 8, Văn-xương tạl Mùi, an Ân-quang tạl cung Sửu.

Văn Khúc tạl Mùi, an Thiên-quý tại cung Sửu.

An bộ thai-phụ • Phong-cáo

Gọi tắt là THAI-CÁO

Bộ sao Thai-Cáo này có 2 cách an.

Cách 1 - Theo giờ sinh.

THAI-PHỤ :

Kể cung Ngọ là giờ Tý, *tính thuận tớl giờ sinh*, ngưng tạl cung nào, an Thai-phụ tạl cung ấy.

PHONG-CÁO :

Kể cung Dần là giờ Tý, *tính thuận tớl giờ sinh*, ngưng tạl cung nào, an Phong-cáo tạl cung ấy.

Cách 2 – Căn cứ vào cung của sao Văn-Khúc

Trươc 2 cung là sao Thai-phụ

Sau 2 cung là sao Phong-Cáo

Thí dụ : sao Văn-Khúc ở cung Mùi

An Thai-phụ ở cung Dậu

An Phong-cáo ở cung Tỵ

THƠ NHẬP TÂM

AN SAO XƯƠNG KHÚC, THAI-CÁO, QUANG-QUÝ

Theo giờ sao lập tinh thông

Tuất cung khởl Tý nghịch tòng Văn-Xương

Văn-Khúc Thìn thuận cho tường

Ngọ Thai, Dần Cáo, thuận đường chớ sai

Khúc-Xương nghịch thuận Quý-Quang

Quý nghịch Quang thuận lùi sang một vì

LỜI BAN

Hiện nay không thống nhất về việc an sao Ân-Quang Thiên-Quý.

Khi thì an Ân-Quang nghịch như sao Văn-Xương, vì luận rằng sao Văn-Xương khởl an nghịch tạl Tuất, thờl Ân-Quang cũng phảl an nghịch như sao Văn-Xương.

Lại an Thiên-Quý thuận và luận rằng sao Văn Khúc khởl thuận tạl Thìn, thờl Thiên Quý cũng phảl an thuận như sao Văn Khúc.

Nhưng khi xét qua các sách

Thí dụ : Tam-Thai tòng Tả-phụ thuận khởl,

chí ư sinh nhật an Tam-Thai.

Bát-Tọa tòng Hữu-Bật nghịch khởI,

chí ư sinh nhật an Bát-Tọa .

Ân-Quang tầm Văn-Xương thuận khởI, chí ư sinh nhật, thoái nhất vị thị Ân-Quang.

Thiên-Quý tầm Văn-Khúc nghịch khởI, chí ư sinh nhật, thoái nhất vị thị Thiên-Quý.

An bộ sao Long-trì Phượng-các

Và sao Giảl-thần

Gọi tắt là LONG PHƯỢNG, an theo năm sinh.

LONG-TRÌ :

Cung Thìn kể cung Dần là giờ Tý, *tính thuận tớI năm sinh*, ngưng tạI cung nào, an Long-Trì tạI cung ấy.

PHƯỢNG-CÁC :

Cung Tuất kể cung Dần là giờ Tý, *tính nghịch tớI năm sinh*, ngưng tạI cung nào, an Phượng-Các tạI cung ấy.

THƠ

Long Phượng Thìn Tuất niên sinh

Long Phượng thuận nghịch in luôn Giải thần

An bộ sao Thiên-Khôi Thiên-Việt

Gọi tắt là KHÔI-VIỆT

THƠ

Giáp Mậu thị Ngưu Dương
Ất Kỷ Thử Hầu hương
Canh Tân phùng Mã Hổ
Nhâm Quý Thố Xà tàng
Bính Đinh Trư Kẻ vị
Thử thị quý nhân phương.

Thí dụ : Người sinh tuổi Giáp tuổi Mậu

An Thiên-Khôi ở Sửu, an Thiên-Việt ở Mùi

Người sinh tuổi Ất tuổi Kỷ

An Thiên-Khôi ở Tý, an Thiên-Việt ở Thân

Người sinh tuổi Canh tuổi Tân

An Thiên-Khôi ở Ngọ, an Thiên-Việt ở Dần

Người sinh tuổi Nhâm tuổi Quý

An Thiên-Khôi ở Mão, an Thiên-Việt ở Tỵ

Người sinh tuổi Bính tuổi Đinh

An Thiên-Khôi ở Hợi, an Thiên-Việt ở Dậu

LỜI BAN

Bộ sao Thiên-Khôi, Thiên-Việt

Bộ sao này hiện nay cũng chia thành 2 phái, an ở cung khác nhau.

Vì cũng có nhiều sách in khác nhau, như Giáp Mậu, Canh nhập chung 3 can và an ở Ngưu Dương (Sửu Mùi)

Vì căn cứ như bài thơ

Thiên-Khôi Thiên-Việt cùng là quý nhân

Giáp Mậu Canh Ngưu quần, Dương ký

Ất Kỷ kia xuôi ngược Thử Hầu

Tân phùng Mã Hổ vào ra

có lẽ đã bị nhầm chữ Ngưu canh là trâu cày.

Tao Vì thập thiên can dùng chung cho các khoa lý số, và nhất là hai sao Khôi - Việt , vừa là phương vị quí nhân, và Thiên Ất quý nhân .

Nên ở sách Thần Phong chính tông , chuyên về thiên can ,phương vị sinh khắc của ngũ hành thuộc niên , nguyệt , nhật , thời.

Bộ Thiên-cơ hội-nguyên chuyên về địa lý .

Bộ Dương trạch tam yếu chuyên về nhà cửa.

Bộ Xích ngọc kinh chuyên tứ thuỷ pháp .

đều ghi là *Canh tân sơn* Ngọ Dần vì quý nhân .

Chữ sơn là tượng trưng cho long , mà long là giải đất , về phong thuỷ pháp thường gọi là sơn thuỷ , tức là giải đất thuộc Canh hay Tân , thì Ngọ Dần là phương vị quý nhân.

KẾT LUẬN : Giáp Mậu ở Ngưu Dương và Canh Tân là Mã Hổ .

quyết không phải hoài nghi vậy.

An 2 sao Thiên - quan quý nhân và Thiên - phúc quý nhân.

gọi tắt là QUAN–PHÚC, an theo hàng can

Sinh tuổI Giáp an Thiên Quan ở cung Mùi .

Thiên phúc ở cung Dậu .

Sinh tuổI Ất an Thiên Quan ở cung Thìn.

Thiên phúc ở cung Thân.

Sinh tuổI Bính an Thiên Quan ở cung Tỵ .

Thiên phúc ở cung Tý.

Sinh tuổI Đinh an Thiên Quan ở cung Dần.

Thiên phúc ở cung Hợi.

Sinh tuổi Mậu an Thiên Quan ở cung Mão.

Thiên phúc ở cung Mão.

Sinh tuổi Kỷ an Thiên Quan ở cung Dậu.

Thiên phúc ở cung Dần.

Sinh tuổi Canh an Thiên Quan ở cung Hợi.

Thiên phúc ở cung Ngọ.

Sinh tuổi Tân an Thiên Quan ở cung Dậu.

Thiên phúc ở cung Tỵ.

Sinh tuổi Nhâm an Thiên Quan ở cung Tuất.

Thiên phúc ở cung Ngọ.

Sinh tuổi Quý an Thiên Quan ở cung Ngọ.

Thiên phúc ở cung Tỵ.

THÍ DỤ : Người sinh tuổi Bính .

An Thiên – quan ở cung Tỵ , an Thiên – phúc ở cung Tý .

THƠ

Thiên quan Thiên phúc Giáp đàm Mùi Kê.
Ất Thìn, Thân, Bính về Tỵ Tý.
Đinh Dần cung, Hợi vị tương lâm.
Mậu lâm Mão, Kỷ Dậu Dần .
Canh thời Hợi Ngọ, còn Tân Dậu Xà .
Nhâm Tuất Ngọ, Quý Ngọ Xà .
Thiên Nguyệt đức thuận, Kê Xà hồi hương .

CƯỚC CHÚ.

Riêng người sinh tuổi Mậu, 2 sao Quan-Phúc an đồng cung ở Mão cả .

Còn các tuổi khác, căn cứ bài thơ mà an. Thiên –quan đứng trước, Thiên phúc đứng sau, thời các cung cũng thế, cung Mùi trước và cung Kê sau, nên Thiên quan an ở cung Mùi và Thiên phúc an ở cung Kê.

An bộ sao Thiên-đức ● Nguyệt-đức

Gọi tắt là THIÊN-NGUYỆT Đức, an theo năm sinh.

NGUYỆT-ĐỨC :

Cung Tỵ kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Nguyệt -Đức ở cung ấy .

Thí dụ : Sinh năm Dần, an Nguyệt -Đức tại cung Mùi.

THIÊN-ĐỨC :

Cung Dậu kể năm Tý, *tính thuận tớI năm sinh*, ngưng tạI cung nào, an Thiên-Đức ở cung ấy .

Thí dụ : Sinh năm Dần an Thiên-đức tạI cung HợI .

An 3 sao : Đào-hoa ● Hồng-loan ● Thiên-kỳ

GọI tắt là ĐÀO HỒNG HỶ an theo năm sinh.

AN ĐÀO-HOA:

NgườI sinh năm Thân Tý Thìn an Đào-Hoa tạI Dậu

_ _ Dần Ngọ Tuất an Đào-Hoa tạI Mão

_ _ Tỵ Dậu Sửu an Đào-Hoa tạI Ngọ

_ _ HợI Mão Mùi an Đào-Hoa tạI Tý

Thí dụ : NgườI sinh năm Dần, an Đào Hoa tạI cung Mão

AN HỒNG-LOAN :

Kể cung Mão là năm Tý, tính nghịch tớI năm sinh, ngưng tạI cung nào, an Hồng-Loan tạI cung ấy .

Thí dụ : NgườI sinh năm Dần, an Hồng Loan tạI cung Sửu.

THIÊN-HỶ :

Căn cứ sao Hồng-Loan ở cung nào, tìm cung xung chiếu của cung có sao Hồng-Loan để an Thiên-hỷ.

Thí dụ : Hồng-Loan ở cung Mão, an Thiên-hỷ ở cung Dậu.

NHẬN XÉT : Bao giờ hai sao Hồng-Loan và Thiên-hỷ cũng ở cung xung chiều vớI nhau.

THƠ

Niên chỉ sao ấy cũng hay
Mão cung khởI Tý, nghịch bày Hồng-Loan
ĐốI xung Thiên-hỷ một đoàn
Đào hoa Dần Ngọ, Tuất giàn Mão cung
Thân Tý Thìn, lập Dậu trung
Năm Tỵ Dậu Sửu ở trong Ngọ vì
HợI Mão Mùi an về Tý lạI

An bộ sao tứ Hoá

Hoá -lộc, Hoá - quyền, Hoá -khoa, Hoá -kỵ

GọI tắt là Lộc, Quyền, Khoa, Kỵ

An theo hàng can và sao.

BẢNG LIỆT KÊ 10 HẠNG CAN, MÀ TỨ HOÁ
SẼ HỘI ĐỒNG CUNG VỚI CÁC SAO

SINH TUỔI GIÁP

Liêm-Trinh	Phá-Quân	Vũ-Khúc	Thái-Dương
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI ẤT

Thiên-Cơ	Thiên-Lương	Tử-Vi	Thái-Âm
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI BÍNH

Thiên-Đồng	Thiên-Cơ	Văn-Xương	Liêm-Trinh
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI ĐINH

Thái-Âm	Thiên-Đồng	Thiên-Cơ	Cự-Môn
Hoá-Lộc	Hoá-Quyền	Hoá-Khoa	Hoá-Kỵ

SINH TUỔI MẬU

Tham-Lang	Thái-Âm	Hữu-Bát	Thiên-Cơ
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI KỶ

Vũ-Khúc	Tham-Lang	Thiên-Lương	Văn-Khúc
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI CANH

Thái-Dương	Vũ-Khúc	Thiên-Đồng	Thái-Âm
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI TÂN

Cự-Môn	Thái-Dương	Văn-Khúc	Văn-Xương
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI NHÂM

Thiên-Lương	Tử-Vì	Thiên-Phủ	Vũ-Khúc
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

SINH TUỔI QUÝ

Phá-Quân	Cự-Môn	Thái-Âm	Tham-Lang
Lộc	Quyền	Khoa	Kỵ

NHẬN XÉT:

1- Người sinh tuổi Canh, bao giờ cũng có cách tam hoá liên châu, vì 3 sao Thái-Dương, Vũ-Khúc, Thiên-Đồng an theo chiều nghịch, liền với nhau 3 cung của chòm tử vi tính hệ .

2- Người sinh tuổi Tân, thì cách tam hoá khó nhất, vì hai sao Cự -Môn, Thái-Dương hay đồng cung, và hai sao Văn-Khúc, Văn-Xương, an theo chiều nghịch nhau, nên khó đứng liền cung nhau được.

THƠ

Giáp Liêm Phá Vũ Dương vi bạn
Ất Cơ Lương Tử Nguyệt giao xâm
Bính Đồng Cơ Xương Liêm-trinh địa
Đinh Nguyệt Đồng Cơ Cự-Môn tầm
Mậu Tham Nguyệt Bật Cơ vị chủ
Kỷ Vũ Tham Lương Văn-khúc đoan
Canh Nhật Vũ Đồng Âm vi chính
Tân Cự Nhật Khúc Xương tầm
Nhâm Lương Tử Phủ Vũ-khúc đoan
Quý Phá Cự Nguyệt Tham-Lang đình.

CƯỚC CHÚ .- Theo thứ tự từ Lộc, tới Quyền, tới Khoa, tới Kỵ; cũng như Liêm, tới Phá, tới Vũ, rồi tới Dương an với Hoá Kỵ cuối cùng.

Các can khác cũng cùng một nguyên tắc.

An 2 sao Thiên-tài ●Thiên-thọ

Gọi tắt là Tài-Thọ, an theo năm sinh, căn cứ cung Mạnh và cung Thần.

THIÊN-TÀI :

Cung Mạnh kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào an Thiên-tài ở cung ấy.

Thí dụ : Sinh năm Dần, lập Mạnh tại Dần, an Thiên tài ở cung Thìn.

THIÊN-THỌ :

Cung Thân kể năm Tý, *tính thuận tới năm sinh*, ngưng tại cung nào, an Thiên-Thọ ở cung ấy .

Thí dụ : Sinh năm Dần, lập Thân ở cung Thân, an Thiên-Thọ tại cung Tuất.

An 2 sao Thiên-thương ●Thiên-sứ

THIÊN-THƯƠNG: An cố định với cung Nô-Bộc

THIÊN-SỨ : Bao giờ cũng an tại cung giải ách.

An 2 sao Thiên-Khốc ●Thiên-Hư

Gọi tắt là KHỐC-HƯ, an theo năm sinh

THIÊN-KHỐC :

Kể cung Ngọ là năm Tý, *tính nghịch tới năm sinh* ngưng tại cung nào, an Thiên-khốc tại cung ấy.

THIÊN-HƯ :

Cung Ngọ kể năm Tý, *tính theo chiều thuận tớI năm sinh* ngưng tạI cung nào an Thiên-hư tạI cung ấy .

Thí dụ :Sinh năm Dần, an Thiên-khốc tạI cung Thìn, an Thiên-hư tạI cung Thân.

An 2 Thiên-la ●Địa võng

GọI tắt là LA-VÕNG

THIÊN-LA : Bao giờ cũng an ở cung Thìn

ĐỊA-VÕNG: Bao giờ cũng an cố định ở cung Tuất.

THƠ AN

4 bộ Tài-Thọ, Thương-Sứ, Khốc-Hư, La-Võng

Thân cung thuận Thọ, Mạnh cung thuận Tài

Nô thương, GiảI Sứ an bài

Ngọ cung nghịch Khốc, Ngọ đài thuận Hư

Thìn Tuất La-Võng yên cư

An 2 sao Cô-thần ●Quả-tú

GọI tắt là CÔ-QUẢ, theo năm sinh.

1) Sinh năm Dần Mão Thìn
   An sao Cô-Thần tạI cung Tỵ
   An sao Quả-Tú tạI cung Sửu
2) Sinh năm Tỵ Ngọ Mùi
   An sao Cô-Thần tạI cung Thân
   An sao Quả-Tú tạI cung Thìn
3) Sinh năm Thân Dậu Tuất
   An sao Cô-Thần tạI cung HợI
   An sao Quả-Tú tạI cung Mùi
4) Sinh năm HợI Tý Sửu
   An sao Cô-Thần tạI cung Dần
   An sao Quả-Tú tạI cung Tuất

   Thí dụ: Sinh năm Dần, an sao Cô-Thần tạI Tỵ cung, an sao Quả-Tú tạI Sửu cung.

THƠ

Cô Quả Tài Trạch miếu đường
Người Dần Thìn Mão đôi phường Xà-Ngưu
Tỵ Ngọ Mùi, Thân Thìn đòi vị
Tuất Dậu Thân, phương Hợi phương Mùi
Hợi Tý Sửu, Cô Dần, Tuất Quả
Tử Phủ phùng danh quả nhân xưng .

An sao Thiên-hình

Thuận theo tháng sinh

THIÊN HÌNH:

Cung Dậu kể tháng Giêng , *tính thuận tới tháng sinh*, ngưng tại cung nào, an Thiên-hình tại cung ấy .

Thí dụ: Sinh tháng 4, an Thiên- hình tại Tý cung.

An 2 sao Thiên-riêu Thiên-y

gọi tắt là Riêu-Y, thuận theo tháng sinh.

Riêu-Y bao giờ cũng ở đồng cung .

Kể cung Sửu là tháng Giêng, tính thuận tới tháng sinh.

Ngưng tại cung nào an Riêu-Y ở cung ấy .

THÍ DỤ : Sinh tháng 4 , an Thiên-Riêu,Y tại cung Thìn.

THƠ

Thiên hình tính nết rất hung .
Thuận tìm tháng đẻ tận cùng Dậu cung.
Thiên riêu dâm đãng phiêu bồng.
Thuận tìm sinh tháng Sửu cung hồi đầu .

An sao Thiên-Mã

Gọi tắt là Mã an theo năm sinh.

Sinh 3 năm Thân Tý Thìn, an Thiên Mã ở cung Dần .

Sinh 3 năm Dần Ngọ Tuất, an Thiên Mã ở cung Thân.

Sinh 3 năm Tỵ Dậu Sửu , an Thiên Mã ở cung Hợi.

Sinh 3 năm Hợi Mão Mùi , an Thiên Mã ở cung Tỵ.

THÍ DỤ : a) Người sinh năm Dần .
An sao Thiên –Mã tại cung Thân.
b) Người sinh năm Mùi.

Thiên Mã an tại cung Tỵ.

An sao Hoa-Cái

Tuỳ theo năm sinh .

Người sinh các năm Thân Tý Thìn.

An sao Hoa-cái tại cung Thìn.

Người sinh các năm Dần Ngọ Tuất.

An sao Hoa-cái tại cung Tuất .

Người sinh các năm Tỵ Dậu Sửu

An sao Hoa-cái tại cung Sửu.

Người sinh các năm Hợi Mão Mùi.

An sao Hoa-cái tại cung Mùi.

THÍ DỤ : sinh tuổi Dần, Hoa-cái an tại cung Tuất .

Sinh tuổi Mão, an Hoa-cái tại cung Mùi

CƯỚC CHÚ : Có 2 cách để giúp trí nhớ.

Vì Thiên-Mã và Hoa-cái thường hay có cách giáp, nên nhớ hai sao để an đồng thời.

Cách 1 – Thơ

Mã trước, Cái sau, để áp dụng vào Hổ và Long

Thân Tý Thìn, Mã Cái Hổ Long

Dần Ngọ Tuất, Thân Tuất trung

Năm Tỵ Dậu Sửu, Trư cung Ngưu tàng

Hợi Mão Mùi ở Xà Dương .

Cách 2

Tên các năm khi đọc lên .

a) *Thí dụ :* Thân Tý Thìn, thì Thiên- Mã an ở cung đối xung với chữ đầu là chữ Thân .

b) Tỵ Dậu Sửu, thì Thiên-Mã sẽ an ở cung xung chiếu với cung Tỵ là cung Hợi, và Thiên-Mã ở cung Hợi.

Thí dụ an sao Hoa-cái - Coi 12 tuổi như 4 tam hợp cuộc. Nên Thân Tý Thìn, an Hoa-cái ở cung Thìn (ở chữ Thìn cuối cùng của Thân Tý Thìn).

Dần Ngọ Tuất , an Hoa-cái ở cung Tuất

Tỵ Dậu Sửu , an Hoa-cái ở Sửu chữ cuối cùng.

Hợi Mão Mùi , an Hoa-cái ở cung Mùi.

CẦN NHỚ : Thiên-mã ở cung xung chiếu của chữ đầu của 4 tam hợp cuộc, và an Hoa-cái ở chữ cuối cùng .

An sao Phá-toái

Tuỳ theo năm sinh.

Sinh các năm Tý Ngọ Mão Dậu an Phá-toái ở Tỵ .

_ _ Dần Thân Tỵ Hợi an Phá-toái ở Dậu

_ _ Thìn Tuất Sửu Mùi an Phá-toái ở Sửu.

Thí dụ : Người sinh năm Dần , an sao Phá-toái ở cung Dậu.

THƠ

Tý Ngọ Mão Dậu Rắn nằm hang
Dần Thân Tỵ Hợi Gà khua vang
Thìn tuất Sửu Mùi Trâu Phá- toái.

An sao Kiếp- sát

tuỳ theo năm sinh

Sinh các năm Thân Tý Thìn, an kiếp sát tại cung Tỵ

_ _ Dần Ngọ Tuất _ _ _ Hợi

_ _ Tỵ Dậu Sửu _ _ _ Dần

_ _ Hợi Mão Mùi _ _ _ Thân

Thí dụ: Người sinh năm Ngọ an Kiếp-sát ở cung Hợi.

THƠ KIẾP SÁT

Kiếp- sát phá hoại tan hoang
Thân Tý Thìn ấy ở hang rắn cùng.
Hợi Mão Mùi, Khỉ ngó trông,
Tuổi Dần Ngọ Tuất , Lợn lồng đòi ăn
Tỵ Dậu Sửu, Kiếp tại Dần
Ngộ Kình Đà ấy cái thân chẳng còn.

An sao Đẩu-quân

Thường gọi là Nguyệt- tướng, tuỳ theo tháng sinh.

ĐẨU QUÂN

Kể cung có sao Thái-tuế là tháng giêng, tính nghịch tới tháng sinh, ngưng tại cung nào, kể cung ấy là giờ Tý , tính thuận tới giờ sinh, ngưng tại cung nào an Đẩu-quân tại cung ấy.

Thí dụ: Người sinh năm Dần tháng 4 giờ Mão, an Đẩu-quân ở cung Dần

THƠ

Đẩu quân xảo trá muôn bề

Thái tuế khởl nghịch, tính về tháng sinh
Tháng sinh khởl , Tý rành rành
Đẩu-quân thuận tính, tìm thờl sinh hương.

An sao Thiên- trù

tuỳ theo hàng can của năm sinh.

Sinh tuổl Giáp Đinh an Thiên - trù tạl Tỵ

_ _	Ất Mậu Tân		_	_	_	Ngọ
_ _	Bính	_	_	_	_	Tý
_ _	Kỷ	_	_	_	_	Thân
_ _	Canh	_	_	_	_	Dần
_ _	Nhâm	_	_	_	_	Dậu
_ _	Quý	_	_	_	_	Tuất

Thí dụ: sinh năm Mậu hay Tân, an Thiên trù ở cung Ngọ

THƠ

Ngựa Trù Tân Ất Mậu
Rắn ghét cực Giáp Đinh
Chuột tầm Bính, Kê nhâm, Khuyển quý
Cọp hồl Canh, Khỉ Kỷ quí hương.

An sao Lưu- niên văn tinh

Tuỳ theo hàng can của năm sinh

Sinh tuổl Giáp an Lưu-niên văn tinh tạl Tý

Sinh tuổl Ất an Lưu-niên văn tinh tạl Ngọ

Sinh tuổl Bính Mậu an Lưu-niên văn tinh tạl Thân

_ _	Đinh Kỷ	_	_	_	_	Dậu
_ _	Canh	_	_	_	_	Hợl
_ _	Tân _	_	_	_	_	Tý
_ _	Nhâm	_	_	_	_	Dần

Sinh tuổl Quý an Lưu-niên văn tinh tạl Mão

Thí dụ: Người sinh năm Bính, an Lưu-niên Văn tinh tạl cung Thân

THƠ LƯU-NIÊN VĂN TINH

Giáp Tỵ Ất Ngọ, Bính bù Mậu Thân
Đinh Kỷ Dậu, Nhâm tạl Dần
Lưu – niên Quý Mão, tuổi Tân Tý vì.

An sao Lưu- hà

Tuỳ theo hàng can của năm sinh

Sinh tuổI Giáp an Lưu- hà tạI cung Dậu

_ _	Ất _	_ _ _ _ _	Tuất
_ _	Bính	_ _ _ _ _	Mùi
_ _	Đinh	_ _ _ _ _	Thân
_ _	Mậu	_ _ _ _ _	Tỵ
_ _	Kỷ _	_ _ _ _ _	Ngọ
_ _	Canh	_ _ _ _ _	Thìn
_ _	Tân	_ _ _ _ _	Mão
_ _	Nhâm	_ _ _ _ _	HợI

Sinh tuổI Quý an Lưu- hà tạI cung Dần

Thí dụ *: NgườI sinh tuổI Bính , an Lưu- hà tạI cung Mùi*

THƠ

Giáp Kê, Ất Khuyển, mạnh Lưu hà
Bính Mùi, Đinh Hầu, Mậu kiên Xà
Kỷ Ngọ, Canh Thìn , Tân Mão vị
Nhâm Trư, Quý Hổ thị can gia.

An 2 sao Thiên -GiảI, Địa- giảI

thuận theo năm sinh.

THIÊN GIẢI:

Kể cung Thân là tháng giêng, *tính thuận tớI tháng sinh* ngưng tạI cung nào, an Thiên -giảI tạI cung ấy.

Thí dụ: NgườI sinh tháng 4, an Thiên - giảI ở cung HợI

ĐỊA GIẢI:

Kể cung Mùi là tháng giêng, *tính thuận tớI tháng sinh* ngưng tạI cung nào , an Địa - giảI tại cung ấy .

Thí dụ: *NgườI sinh tháng 4 , an Địa giảI tạI cung Tuất*

THƠ

Tháng sinh Thiên , Địa giảI bần
Thiên Thân, Mùi Địa thuận tầm quê hương.

An 2 sao Hoả- tinh , Linh- tinh

GọI tắt là HOẢ LINH, tuỳ theo giờ và năm sinh.

HOẢ- TINH:

Nam khởI Hoả - tinh trước, và Linh sau.

LINH TINH :

Nữ khởI Linh- tinh trước và Hoả sau.

Hai sao Hoả - tinh và Linh-tinh cùng an thuận cả , tuỳ theo năm sinh để biết , khởI Hoả- tinh và Linh- tinh ở 2 cung nào, và tuỳ theo giờ sinh khởI thuận , ngưng tạI cung nào, an Hoả -tinh và Linh- tinh ở cung ấy .

Nam nhân sinh năm	*Cung Khởi Hoả*	*Cung khởI Linh*
Thân Tý Thìn	Dần	Tuất
Dần Ngọ Tuất	Sửu	Mão
Tỵ Dậu Sửu	Mão	Tuất
HợI Mão Mùi	Dậu	Tuất

Nữ nhân sinh năm	*Cung khởI Linh*	*Cung khởI Hoả*
Thân Tý Thìn	Dần	Tuất
Dần Ngọ Tuất	Sửu	Mão
Tỵ Dậu Sửu	Mão	Tuất
HợI Mão Mùi	Dậu	Tuất

1) THÍ DỤ: Nam sinh năm Dần giờ Mão, khởI tính Hoả tinh ở cung Sửu , và an Hoả-tinh tạI cung Thìn.

KhởI tính thuận Linh- tinh ở cung Mão, và an Linh- tinh tạI cung Ngọ.

2) THÍ DỤ: Nữ sinh năm Dần giờ Mão, khởI tính thuận Linh-tinh ở cung Sửu, an Linh- tinh tạI cung Thìn.

Và khởI tính Hoả-tinh ở cung Mão, và an Hoả-tinh tạI cung Ngọ.

THƠ

Thân Tý Thìn nhân , Dần Tuất tường.
Dần Ngọ Tuất nhân , Sửu Mão vị .
Tỵ Dậu Sửu nhân, Mão Tuất phương.
HợI Mão Mùi nhân ,Dậu Tuất phường.
Nam tiên khởI Hoả, Nữ tiên Linh.

An sao Thái túê và các sao liên hệ

Sinh năm nào, an Thái tuế ở cung ấy.

Thí dụ : NgườI sinh năm Dần, an Thái tuế tạI cung Dần.

An 4 sao Thiên- Không ●Thiếu- dương,

Quán- sách và Trực-phù

THIÊN KHÔNG, THIẾU DƯƠNG:

Khi an Thái- tuế rồI , an luôn cung đàng trước 2 sao Thiên không ,và Thiếu- dương.

QUÁN SÁCH ,TRỰC PHÙ:

Và cung sau Thái- tuế, an 2 sao Quán-sách, Trực- phù.

Thí dụ : Thái- tuế ở cung Dần.

An Thiên-không , Thiếu –dương tạI cung Mão và an 2 sao Quán- sách, Trực-phù tạI cung Sửu.

Vòng Thái-tuế gồm 12 sao, an thuận mỗI cung một sao là :

Thái-tuế, Thiếu- dương, Tang- môn, Thiếu- âm, Quan- phù, Tử-phù, Tuế-phá, Long-đức, Bạch- hổ, Phúc-đức, Điếu- khách, Trực-phù.

Thí dụ : An Thái tuế tạI cung Dần rồi.

An Thiếu-dương tạI cung Mão

_	Tang-môn	_	_	Thìn
_	Thiếu-âm	_	_	Tỵ
_	Quan-phù	_	_	Ngọ
_	Tử-phù	_	_	Mùi
_	Tuế-phá	_	_	Thân
_	Long-đức	_	_	Dậu
_	Bạch-hổ	_	_	Tuất
_	Phúc-đức	_	_	HợI
_	Điếu-khách	_	_	Tý
_	Trực-phù	_	_	Sửu

Coi 12 sao từ Thái-tuế tớI Trực-phù, như một bài thơ đọc xuôi luôn theo thứ tự, Thiếu- dương v.v…Trực-phù.

Riêng 2 sao Thiếu-dương và Trực-phù, lúc học nhập tâm thứ tự, thì đọc cho đủ 12 sao.

Nhưng khi áp dụng in sao trên bàn tay, hoặc in vào lá số, thì thực hành an luôn sao Thiên-dương cùng vớI Thiên-không, và an luôn sao Trực-phù vớI Quan-sách đồng cung.

CỨ NHỚ THEO BÀI THƠ LÁ.

Còn như Thái-tuế niên cư
MườI hai cung ấy cứ như địa bàn
Tuế tiền nhất vị thị Thiên-Thiếu
Hậu nhất vị Quán-sách, Trực-phù.

NHẬN XÉT NHẬP TÂM

Thái tuế trước có 2 sao Thiên –không, Thiếu- dương

và sau có 2 sao Quan- sách, Trực- phù.

Thái- tuế, tuế- phá thường gọI là bộ lưỡng tuế, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

1) Thí dụ: Thái tuế ở cung Dần

Thì tuế phá ở cung Thân

Thái tuế ở cung Thân

Thì bao giờ Tuế- phá cũng ở cung Dần.

2) Thí dụ : 2 sao Tang- môn và Bạch- hổ, thường gọl là bộ Tang Hổ, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

Tang- môn ở cung Mão

Thì Bạch- hổ cư cung Dậu

Nếu Tang Môn ở cung Dậu

Thì bao giờ Bạch- hổ cũng cư cung Mão

Nên thực tập tuỳ theo trên giấy, hay trên tay, căn cứ theo như trên, tự khắc sẽ hiểu được qui luật của các sao trên vị trí 12 cung, để sau này khi nói tớl sinh năm nào, sẽ biết ngay các sao, an theo năm sinh cư cung nào, không cần phảl tính tớl nữa.

Cùng một quy luật trên 12 cung mà áp dụng.

1) Các sao an theo năm sinh

2) Các sao an theo tháng sinh

3) Các sao an theo ngày sinh

4) Các sao an theo giờ sinh.

Có sự gần như t ương đồng tạl các cung , nên tạl sao các thầy hành nghề thiếu thị giác , không cần phảl dùng bàn tay mà vẫn biết đư ợc, tới khi đã thuộc nhập tâm, thờl lạl không thể sai nên phảl dùng công thức từng sao để tính , thờl việc an sao đòi hỏl một sự chú trọng hầu như tuyệt đốl , cũng chưa chắc hoàn hảo được.

An sao Lộc- tồn và các sao liên hệ

LỘC TỒN:

1) Tuỳ theo hàng can của tuổl sinh mà định cung để an sao Lộc-tồn.

2) Vòng sao Lộc- tồn sẽ an thuận , nếu là dương nam , âm nữ.

3) Và vòng sao Lộc -tồn sẽ an nghịch nếu là âm nam, dương nữ.

Thí dụ : Ngườl sinh tuổl Bính, Lộc- tồn an tạl Tỵ cung .

Ngườl sinh tuổl Bính là dương nam, nên các sao của vòng Lộc- tồn sẽ an thuận , mỗl sao một cung.

Sinh năm Giáp an Lộc-tồn tạl cung Dần

_ _ Ất _ _ _ _ _ Mão

Sinh năm Bính Mậu an Lộc- tồn tạl cung Tỵ

_ _ Đinh Kỷ _ _ _ _ Ngọ

Sinh năm Canh an Lộc-tồn tạl cung Thân

_ _ Tân _ _ _ _ _ Dậu

_ _ Nhâm _ _ _ _ Hợl

Sinh năm Quý an Lộc- tồn tạl cung Tý

THƠ

Giáp Dần , Ất Mão , Bính Mậu Tỵ
Đinh Kỷ Ngọ , Canh Thân
Tân Dậu , Nhâm Hợi , Quý Lộc Tý
Lộc- tồn tiền hậu an ngay Kình-Đà.

BÁC SỸ :

Lộc- tồn bao giờ cũng đồng cung với sao Bác- Sỹ nên khi an Lộc-tồn, không nên quên Bác-sỹ.

An Kình- dương và Đà- la : Kình-dương và Đà-la bao giờ cũng ở hai bên sao Lộc-tồn.

Nên khi an Lộc-tồn , Bác-Sỹ xong, nên an ngay Kình-dương ở cung đằng trước Lộc-tồn.

Và an sao Đà-La ở cung sau liền với cung có sao Lộc-tồn.

Thí dụ : Lộc tồn ở cung Tỵ

An Kình-dương tại cung Ngọ

An sao Đà-la ở cung Thìn.

Vòng sao Lộc-tồn, ngoài 3 sao Bác-Sỹ, Kình-dương Đà-la còn 11 sao đi theo là:

Lộc-tồn, Lực-Sỹ, Thanh-long, Tiểu-Bao, Tướng-quân, Tấu-thư, Phi-liêm, Hỷ- thần, Bệnh-phù, Đại-hao, Phục-bệnh, Quan-phủ.

Coi 12 sao Lộc-tồn Bác-Sỹ, Lực-Sỹ như một bài thơ đọc xuôi luôn theo thứ tự.

Thí dụ : Lộc-tồn,Bác-sỹ, Lực-Sỹ v.v…tới Quan phủ.

Tuỳ theo thuận nghịch , an mỗi sao một cung sau khi đã an Lộc-tồn.

Thí dụ : An thuận cho người Dương Nam và Âm Nữ

thấy Lộc-tồn tại cung Tỵ

An lực-sỹ tại cung Ngọ, cùng với Kình Dương

Thanh Long tại Mùi cung

Tiểu Hao tại Thân cung

Tướng Quân tại Dậu cung

Tấu Thư tại Tuất cung

Phi Liêm tại H ợi cung

Hỷ Thần tại T ý cung

Bệnh phù tại S ửu cung

Đại Hao tại Dần cung

Phục Binh tại Mão cung

An Quan Phủ tại Thìn cung,cùng với Đà La.

Ngược lại nếu an Lộc tồn nghịch cho người âm nam và dương nữ sẽ thấy.

Sao Lực Sỹ đồng cung với sao Đà La ở Thìn. Và sao Quan Phủ đồng cung với sao Kình Dương tại Ngọ.

NHẬN XÉT ĐỂ GHI NHỚ

1) Lộc-tồn bất cư tứ mộ,là sao Lộc tồn không bao giờ cư ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi cả.

Vì can có 10 hàng can , Lộc tồn theo can , lại có hai hàng can nhập một như: Bính Mậu thì Lộc tồn tại Tỵ, và hai can Đnh Kỷ thì Lộc tồn tại Ngọ, cũng coi như Lộc tồn chỉ có 8 hàng can , nên không có Lộc tồn ở tứ mộ được.

2)Nên nhận định vị trí 4 sao của vòng Lộc tồn để sau này không cần tính mà khắc được , là các sao tướng Quân, Phục-bình, Tiểu-hao, Đại-hao.

a)Hai sao Tướng quân, Phục-bình thường gọi là bộ Tướng Phục, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

b)2 sao Tiểu-hao, Đại-hao thường gọi là song Hao, bao giờ cũng ở cung xung chiếu nhau.

Thí dụ : Sao Tiểu-hao cư cung Tỵ

Thì sao Đại-hao bao giờ cũng ở cung Hợi.

An sao Tràng-sinh và các sao liên hệ

Tuỳ theo Cục và Âm Dương

1) TRÀNG –SINH:

Muốn an Tràng-sinh trước hét phải biết thuộc ccục nào.Và thuộc dương nam âm nữ, để định cung an Tràng sinh, để khởi thuận hay khởi nghịch.

2) ĐỊNH CUNG AN TRÀNG-SINH THEO CỤC VÀ ÂM DƯƠNG

Dương nam âm nữ, Mộc tam cục, an Tràng sinh tại cung Hợi, thuận khởi .

Dương nam âm nữ, Kim tứ cục , an Tràng sinh tại Tỵ cung, thuận khởi.

Dương nam âm nữ, Hoả lục cục, an Tràng sinh tại cung Dần, thuận khởi

Dương nam âm nữ, Thuỷ nhị cục và Thổ ngũ cục, an Tràng sinh tại Thân cung, thuận khởi.

3) ĐỊNH CUNG AN TRÀNG-SINH THEO CỤC VÀ ÂM DƯƠNG

Âm nam dương nữ , Mộc tam cục ,an Tràng-sinh tại Mão cung ,nghịch khởi.

Âm nam dương nữ , Kim tứ cục ,an Tràng-sinh tại Dậu cung ,nghịch khởi.

Âm nam dương nữ , Hoả lục cục ,an Tràng-sinh tại Ngọ cung ,nghịch khởi.

Âm nam dương nữ , Thuỷ nhị cục và Thổ ngũ cục ,an Tràng-sinh tại Tý cung ,nghịch khởi.

Thí dụ :Dương nam Mộc tam cục , an Tràng sinh tại Hợi thuận khởi .

Âm nam Mộc tam cục, an Tràng sinh tại Mão cung và nghịch khởi.

4) Vòng Tràng-sinh gồm 12 sao tuỳ theo thuận khởi, hay nghịch khởi , an mỗi sao 1 cung là: Tràng-sinh, Mộc-dục, Quang-đới, Lâm-quang, Đế-vượng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt, Thai, Dưỡng.

5) Đương nhiên coi như một bài thơ đọc xuôi cho tới nhập tâm từ Tràng-sinh, Mộc-dục…cho tới Thai , Dưỡng.

An Tràng-sinh và 11 sao liên hệ.

a)Thí dụ:Mộc tam cục, dương nam âm nữ thuận khởi.

An Tràng-sinh tại cung Hợi.

An Mộc-dục tại cung Tý.

An Quang-đới tại cung Sửu.

An Lâm-quang tại cung Dần.

An Đế-vượng tại cung Mão.

An sao Suy tại cung Thìn.

An sao Bệnh tại cung Tỵ.

An sao Tử tại cung Ngọ.

An sao Mộ tại cung Mùi.

An sao Tuyệt tại cung Thân.

An sao Thai tại cung Dậu.

An sao Dưỡng tại cung Tuất.

b) Thí dụ:Mộc tam cục âm nam hay dương nữ an nghịch khởi tại Mão cung.

An Tràng-sinh tại cung Mão.

An Mộc-dục tại cung Dần

An Quang-đới tại cung Sửu.

An Lâm-quang tại cung Tý.

An Đế-vượng tại cung Hợi.

An sao Suy tại cung Tuất

An sao Bệnh tại cung Dậu.

An sao Tử tại cung Thân.

An sao Mộ tại cung Mùi.

An sao Tuyệt tại cung Ngọ.

An sao Thai tại cung Tỵ.

An sao Dưỡng tại cung Thìn.

NHẬN ĐỊNH ĐỂ GHI NHỚ

1) 2 sao Tràng-sinh và Bệnh bao giờ cũng ở cung xung chiếu với nhau.

Tràng-sinh an tại cung Mão

Thì sao Bệnh an tại cung Dậu.

Nếu Tràng-sinh tại cung Dậu.

Thì sao Bệnh bao giờ cũng ở Mão cung.

2) 2 sao Đế-Vượng và Thai bao giờ cũng ở cung xung chiếu với nhau.

Khi đế-vượng an tại cung Mão

Thì sao Thai bao giờ cũng ở cung Dậu.

Nếu Thai cư cung Mão.

Thì Đế-vượng cư tại Dậu cung.

THƠ AN TRÀNG- SINH

Dương nam âm nữ thuận hành
Người Kim tứ cục Sinh dành Tỵ cung
Hoả cục tràng đóng tại Dần
Người Mộc tam cục có phần Hợi hương
Thân cung Thuỷ Thổ biên cương
Tràng-sinh qua mục nghịch phương an bài
Aâm nam dương nữ nghịch đương
Hoả cục Ngọ đường , Mão chính Mộc tam
Xét tra Kim cục Dậu gia
Thuỷ Thổ cục lấy Tý toà nhằn ai .

An 2 sao Địa-kiếp, Địa-không

Gọi tắt là KIẾP KHÔNG

Theo giờ sinh Kiếp thuận , Không nghịch

ĐỊA-KIẾP:

Kể cung Hợi là giờ Tý, tính thuận tới giờ sinh , ngưng tại cung nào an Địa kiếp tại cung ấy .

ĐỊA-KHÔNG:

Kể cung Hợi là giờ Tý, tính nghịch tới giờ sinh , ngưng tại cung nào an Địa không tại cung ấy .

Thí dụ : Người sinh giờ Mão

An Địa-kiếp tại cung Dần , an Địa-không tại cung Thân.

THƠ

Kiếp không khởi tự Hợi cung
Không nghịch kiếp thuận , long hung tuỳ thời

NHẬN XÉT ĐỂ GHI NHỚ

1) KIẾP KHÔNG ĐỒNG CUNG

Sinh giờ Tý : Kiếp Không đồng cung tại Hợi

Sinh giờ Ngọ: Kiếp Không đồng cung tại Tỵ

2) KIẾP KHÔNG GIÁP BIÊN:

Sinh giờ Sửu, giờ Hợi: Kiếp Không giáp biên tại Hợi

Sinh giờ Tỵ, giờ Mùi: Kiếp Không giáp biên tại Tỵ

3) KIẾP KHÔNG CƯ 2 CUNG XUNG CHIẾU NHAU:

Sinh giờ Mão: Kiếp an tại Dần.

Và an Không tại Thân cung

Sinh giờ Dậu: an Địa-kiếp tại cung Thân

Và an Địa-không tại cung Dần

Tập bấm cung ở bàn tay 2 sao Địa-kiếp, Địa-không này , an theo giờ sinh , sẽ nhập tâm được sinh giờ nào , có cách đồng cung , giờ nào có cách giáp biên , và giờ nào sẽ cư cung xung chiếu nhau, để sau không phải tính tới Kiếp Không khi lấy số.

An Mạnh-chủ

Tuỳ theo năm sinh.

Người sinh năm Tý an Mạnh chủ với Tham-lang

Người sinh năm Sửu Hợi an Mạnh chủ với Cư-môn

_ _ _ Dần Tuất__ _ _ Lộc-tồn

_ _ _ Mão Dậu__ _ _ Văn-khúc

Người sinh năm Ngọ an Mạnh chủ với Phá-quân

_ _ _ Thân Thìn an Mạnh chủ với Liêm -trinh

_ _ _ Mùi Tỵ _ _ _ _ Vũ-khúc

An Thân- chủ

Người sinh năm Tý an Thân chủ với Linh-tinh

_ _ _ Sửu Mùi _ _ _ Thiên-tướng

_ _ _ Ngọ _ _ _ Hoả-tinh

_ _ _ Dần Thân_ _ Thiên-lương

_ _ _ Mão Dậu _ _ Thiên-đồng

_ _ _ Thìn Tuất _ _ Văn-xương

_ _ _ Tỵ Hợi _ _ _ Thiên-cơ.

Thơ an Mạnh-chủ

Mạnh –chủ sao lại kể ra
Tuổi Hợi, tuổi Sửu cùng nhà Cự –môn
Dần Tuất Hợi với Lộc-tồn
Mão Dần Văn Khúc Chuột còn Tham-Lang
Vũ-khúc Rắn trắng Dê vàng
Liêm trinh Rồng Khỉ, Ngựa hàng Phá quân

Thơ an Thân- chủ

Thân –chủ ngộ hãm thời hung
Người mà tuổi Tý hội cùng Linh-tinh
Tuổi Ngọ sao Hoả một mình
Sửu Mùi Thiên-tướng Thiên-lương Thân Dần
Thiên-đồng Mão Dậu xuất thân
Thiên cơ Tỵ Hợi một phần không sai
Thìn Tuất Văn-xương an bài
Đồng cung Thân Mạnh mấy ai sành tầy.

An sao Triệt-lộ

Gọi tắt là Triệt

TRIỆT:

Tuỳ theo hàng can của tuổi sinh, mà định cung an sao Triệt.

Sao Triệt cư giữa vị trí của 2 cung

SINH THUỘC CAN	CUNG AN TRIỆT
Giáp Kỷ	Thân Dậu
Ất Canh	Mùi Ngọ
Bính Tân	Thìn Tỵ
Đinh Nhâm	Dần Mão
Mậu Quý	Tý Sửu

BẢNG KÊ TRIỆT AN TẠI 10 CUNG

BÍNH TÂN	ẤT CANH	GIÁP KỶ
ĐINH NHÂM	MẬU QUÝ	

Thí dụ: Người sinh năm Bính Dần hay Tân Tỵ

An Triệt ở giữa 2 cung Thìn và Tỵ

THƠ AN TRIỆT

Triệt không thời Giáp Kỷ Hầu Kê
ất Canh Mùi Ngọ đi về
Bính Tân Thìn Tỵ vẫn nề xưa nay
Đinh Nhâm Dần Mão sánh bày
Mậu Quý Tý Sửu phương này lạ thay.

An sao Tuần không

Gọi tắt là TUẦN

TUẦN:

Muốn an sao Tuần, phải tính xem tuổi sinh thuộc Giáp nào trong Lục giáp.

Vì sao Tuần an theo giáp, thường gọi là con nhà giáp nào, thí dụ:Giáp Tý, Giáp Tuất.

Tuần cũng cư ở vị trí giữa 2 cung như sao Triệt.

Tính thấy tuổi sinh thuộc Giáp nào

Một Giáp là 10 tuổi	Cung an Tuần
Khởi từ Giáp Tý tới Quý Dậu	Tuất + Hợi
Khởi từ Giáp Tuất tới Quý Mùi	Thân + Dậu
Khởi từ Giáp Thân tới Quý Tỵ	Ngọ + Mùi
Khởi từ Giáp ù Ngọ tới Quý Mão	Thìn +
Khởi từ Giáp Thìn tới Quý Sửu	Dần + Mão
Khởi từ Giáp Dần tới Quý Hợi	Tý + Sửu

BẢNG KÊ TUẦN AN TẠI 12 CUNG

GIÁP NGỌ	GIÁP THÂN	GIÁP TUẤT
GIÁP THÌN	GIÁP DẦNÙ	GIÁP TÝ

Xem bảng kê dưới :

Phải tính tuổi sinh thuộc con nhà Giáp nào, để an sao Tuần tại cung nào.

Người sinh tuổi	:Thuộc Giáp nào	:Cung an Tuần
Ất Sửu hay Nhâm Thân	:Giáp Tý	:Tuất Hợi
Ất Hợi hay Nhâm Ngọ	:Giáp Tuất	: Thân Dậu
Ất Dậu hay Nhâm Thìn	:Giáp Thân	:Ngọ Mùi
Ất Mùi hay Nhâm	:Giáp Ngọ	:Thìn Tỵ
Ất Tỵ hay Nhâm Tý	:Giáp Thìn	: Dần Mão
Ất Mão hay Nhâm Tuất	:Giáp Dần	:Tý Sửu

Cách ghép can chỉ để biết thuộc Giáp nào trong 6 Giáp, vì Thiên can chỉ có 10 hàng , mà địa chỉ có 12.

1)Bắt đầu lấy chữ đầu của hàng can là Giáp, đem ghép với chữ đầu của hàng chi, thành ra Giáp Tý , nếu cứ ghép xuôi tới 10 hàng , thì chữ Quý cuối cùng của 10 hàng can sẽ gặp địa- chi Dậu, như vậy là hết 1 Giáp, và các tuổi từ Giáp Tý tới Quý Dậu sẽ thuộc con nhà Giáp Tý.

2)Lại tiếp tục lấy chữ đầu của hàng can là Giáp , ghép với chữ Tuất của hàng chi còn lại, nhập chung lại sẽ thấy Giáp Tuất, và cứ như thế , thứ tự nạp xuôi , tới khi chữ Quý cuối cùng bên hàng can , gặp chữ nào ở bên địa-chi, tức là hết một Giáp , như vậy tuổi từ Giáp Tuất tới Quý Mùi đều thuộc con nhà Giáp Tuất cả.

3)Cứ thứ tự nạp xuôi như trên , sẽ thấy hiện ra 5 vòng địa-chi hợp với 6 vòng Thiên can , cho đủ 60 năm , mới đủ 6 giáp.

Vì Thiên can có 10 hàng , phải 6 lần mới đủ 60 năm.

Và địa-chi có 12, chỉ 5 lần đã đủ 60 năm, nên khi ghép can với chi , mới thấy thừa lại 2 hàng địa-chi , ngay từ giáp đầu là Giáp Tý, và phải ghép đủ với nhau 60 năm mới thấy bên Thiên can tới chữ Quý, thì bên địa-chi cũng tới chữ Hợi :

Như vậy , năm Giáp Tý là năm khởi đầu của một vòng 60 năm và năm Quý Hợi là năm cuối cùng của 1 vòng 60 năm. Và trong 1 vòng 60 năm , gồm đủ tục Giáp như ta thường thấy .

THƠ AN TUẦN

Tuần không tính nghịch vòng quanh
Giáp Tý Tuất Hợi ngóng trông đêm ngày
Giáp Tuất Thân Dậu giãi bày
Giáp Ngọ Thìn Tỵ Giáp Thân Ngọ Mùi
Giáp Thìn Dần Mão nhớ ai
Giáp Dần Tý Sửu không sai một phần .

CÁCH AN SAO TUẦN TRÊN BÀN TAY

Phải tính tuổi sinh thuộc con nhà giáp nào , để an sao Tuần trên 12 cung.

Thập can có 10 hàng là:

Giáp ất Bính Đinh Mậu Kỷ Canh Tân Nhâm Quý.

COI NHƯ MỘT BÀI THƠ

Đọc ngược lại nhập tâm là :

Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính ất Giáp.

Nguyên tắc : Bấm tuổi sinh vào cung địa bàn ,rồi đọc ngược , và bấm ngược hàng can , bắt đầu từ can tuổi sinh tới Giáp, vì chữ Giáp là đầu của thập can .

Thí dụ : Người sinh tuổi Bính Dần

-Bấm can Bính vào cung Dần ,rồi đọc ngược hàng can Bính Ất Giáp.

Sẽ thấy :Bính ở cung Dần
ất ở cung Sửu
Và Giáp ở cung Tý

Như vậy biết ngay, tuổi Bính Dần thuộc con nhà Giáp Tý, an sao Tuần ở giữa hai cung Tuất Hợi.

✵

CỰ MÔN NAM MẠNH CA

Cự môn Tý Ngọ nhị cung phùng.
Cục trung đắc ngộ rĩ vi vinh.
Tam hợp hoá cát Khoa Quyền Lộc
Quan cao cực phẩm y tử bác.

NGUYÊN TẮC AN SAO TUẦN

Sao Tuần an theo lục giáp

Vị trí lục giáp trên bàn tay

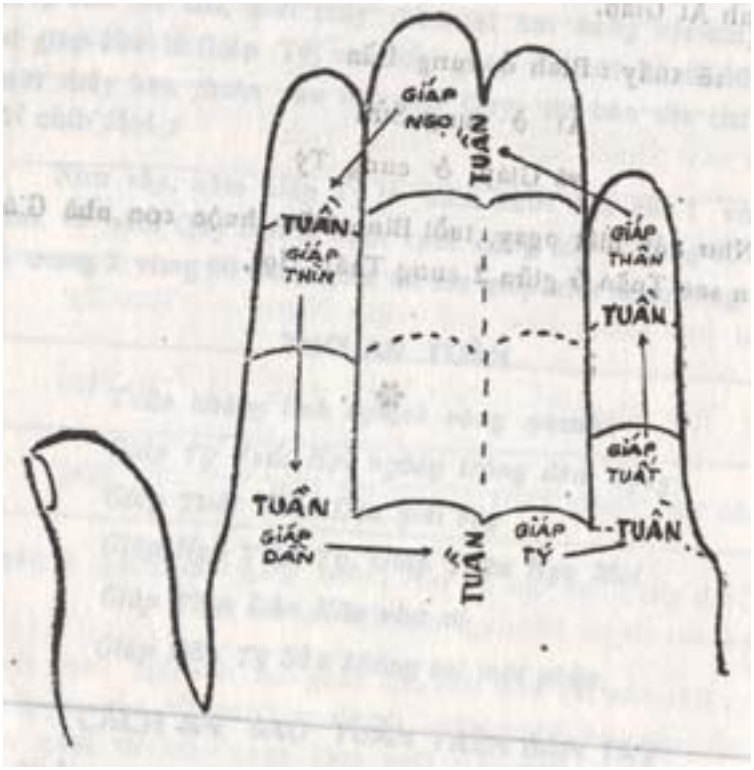

1) Giáp Tý ở cung Tý an sao Tuần tại Tuất Hợi.
2) Giáp Tuất ở cung Tuất an sao Tuần tại Thân Dậu.
3) Giáp Thân ở cung Thân an sao Tuần tại Ngọ Mùi.
4) Giáp Ngọ ở cung Ngọ an sao Tuần tại Thìn Tỵ.
5) Giáp Thìn ở cung Thìn an sao Tuần tại Dần Mão.
6) Giáp Dần ở cung Dần an sao Tuần tại Tý Sửu.

MỘT GIÁP CÓ 10 TUỔI TỪ GIÁP TÝ TỚI QUÝ DẬU

Hình vẽ áp dụng an sao Tuần.

Thí dụ :người sinh tuổi Bính Dần

Thuộc con nhà giáp nào

NGUYÊN TẮC TÌM TUỔI THUỘC GIÁP NÀO

Bất kể tuổi sinh nào , nạp ngược và bấm cung ngược , khởi từ can tuổi sinh , tới khi giáp gặp cung nào, tức là tuổi sinh thuộc Giáp ấy.

Nạp âm và bấm nghịch Bính Ất Giáp .

Bính tại cung Dần.

Ất tại cung Sửu

Giáp tại cung Tý,như vậy tuổi sinh thuộc Giáp Tý

An sao Tuần ở Ất Hợi.

MỘT GIÁP CÓ 10 TUỔI KHỞI TỪ GIÁP TỚI QUÝ

Áp dụng tìm an sao Tuần.

Thí dụ :người sinh tuổi ất Hợi

Thuộc con nhà giáp nào

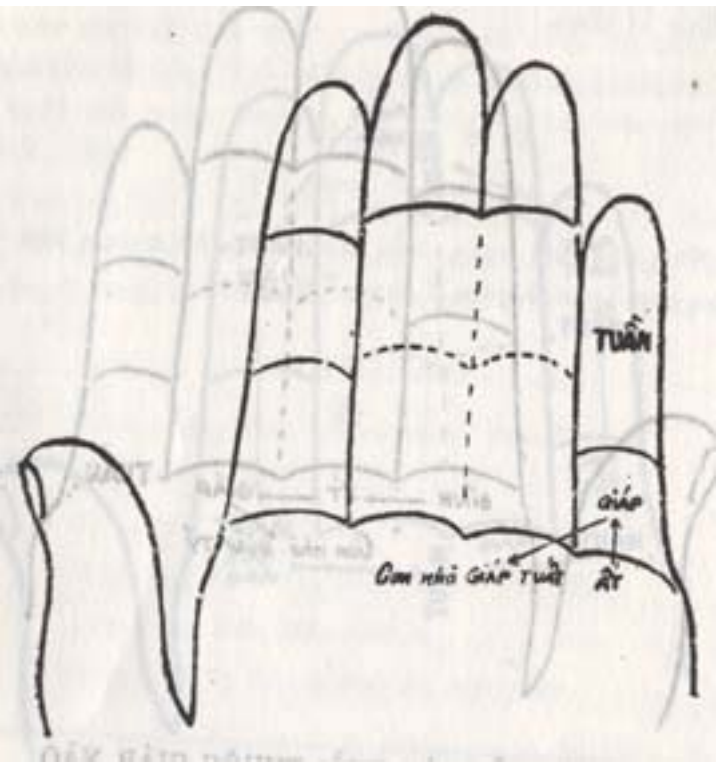

NGUYÊN TẮC : Bất kể tuổi sinh nào , nạp ngược hàng can ,cho tới khi giáp gặp cung nào, tức là tuổi sinh thuộc Giáp ấy.

Nạp âm và bấm ngược hàng can: Ất Giáp .

Bấm Ất vào cung Hợi.

Giáp vào cung Tuất, như vậy tuổi Ất Hợi thuộc

Giáp Tuất.

An sao Tuần tại Thân Dậu cung.

GIÁP ĐỨNG ĐẦU , QUÝ ĐỨNG CUỐI LÀ 1 GIÁP

Áp dụng tuổi sinh thuộc Giáp nào

Thí dụ :người sinh tuổi Đinh Hợi

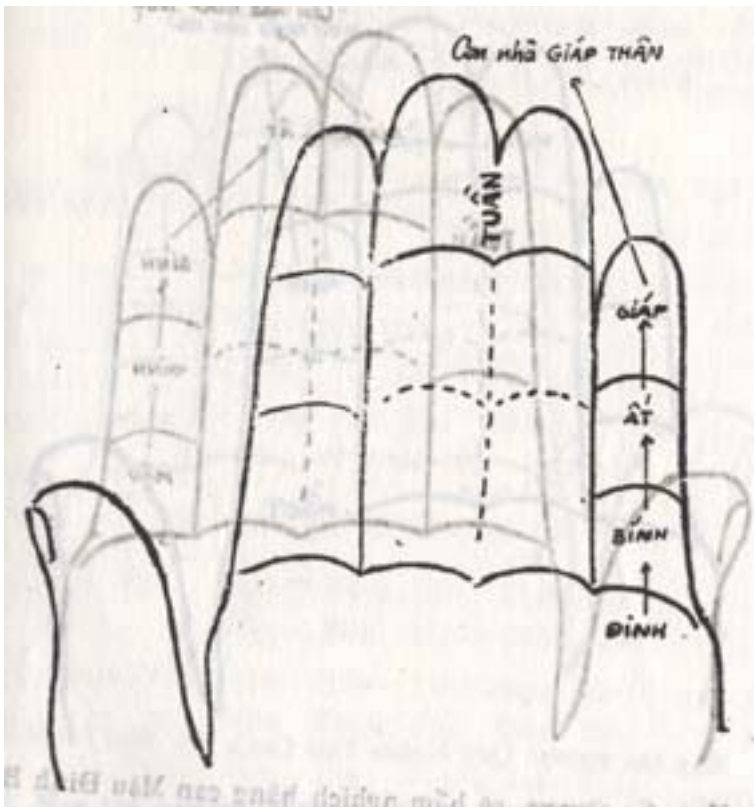

Nạp âm ngược hàng can Đinh Bính Ất Giáp.

Bấm Đinh tại cung Hợi tức là tuổi sinh.

Bính tại cung Tuất.

Ất tại cung Dậu

Giáp tại cung Thân, tuổi sinh thuộc Giáp Thân.

An sao Tuần tại Ngọ Mùi.

10 TUỔI THUỘC GIÁP NGỌ

Giáp Ngọ, Ất Mùi, Bính Thân, Đinh Dậu, Mậu Tuất.

Kỷ Hợi, Canh Tý, Tân Sửu, Nhâm Dần, Quý Mão.

Áp dụng tìm tuổI thuộc giáp nào.

Thí dụ: NgườI sinh tuổI Mậu Tuất.

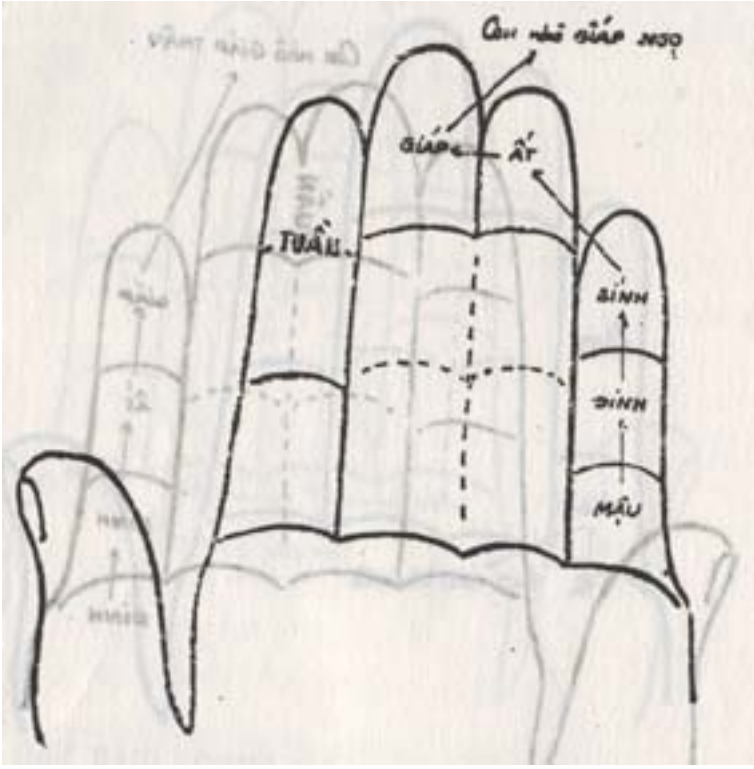

Nạp âm ngược và bấm ngược hàng can Mậu Đinh Bính Ất Giáp.

1) Bấm Mậu vào cung Tuất.
2) Bấm Đinh vào cung Dậu
3) Bấm Bính vào cung Thân
4) Bấm Ất vào cung Mùi
5) Bấm Giáp vào cung Ngọ

Như vậy tuổI sinh thuộc con nhà Giáp Ngọ.

An sao tuần vào cung Thìn Tỵ.

10 TUỔI THUỘC GIÁP THÌN

Giáp Thìn, Ất Tỵ, Bính Ngọ, Đinh Mùi, Mậu Thân.

Kỷ Dậu, Canh Tuất, Tân Hợi, Nhâm Tý, Quý Sửu.

Áp dụng tìm tuổI thuộc giáp nào.

Thí dụ: NgườI sinh tuổI Đinh Mùi.

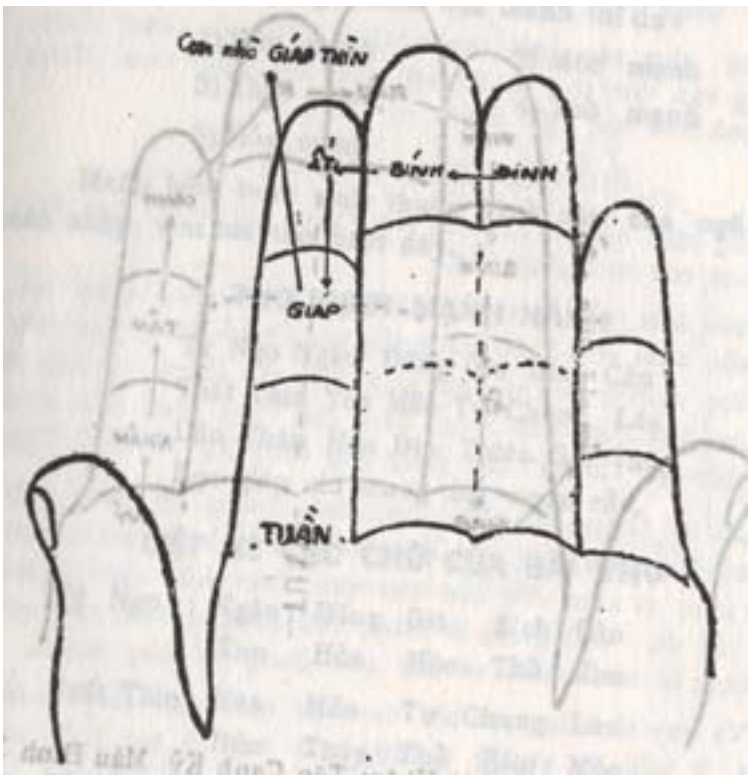

Nạp âm ngược hàng can áp dụng cho tất cả các tuổi.

1)Bấm Đinh vào cung Mùi.

2)Bấm Bính vào cung Ngọ

3)Bấm Ất vào cung Tỵ

4)Bấm Giáp vào cung Thìn

Như vậy tuổI sinh Đinh Mùi thuộc Giáp Thìn.

An sao tuần tại cung Dần Mão.

10 TUỔI THUỘC GIÁP DẦN

Giáp Dần, Ất Mão, Bính Thìn, Đinh Tỵ, Mậu Ngọ.

Kỷ Mùi, Canh Thân, Tân Dậu, Nhâm Tuất, Quý Hợi.

Áp dụng tìm tuổI thuộc giáp nào.

Thí dụ: NgườI sinh tuổI Quý Hợi.

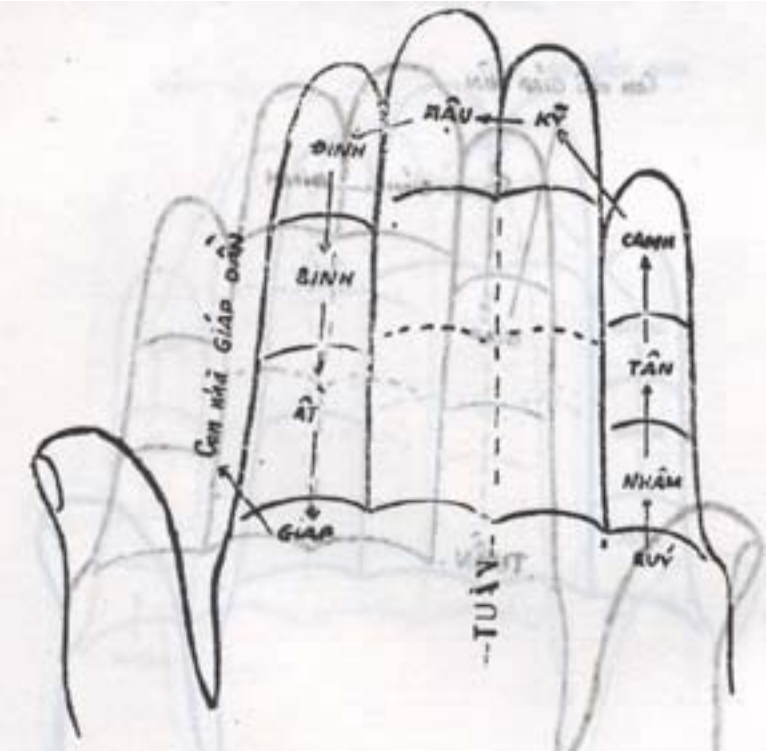

Nạp âm ngược Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp.

1) Bấm Quý vào Hợi 2) Bấm Nhâm vào cung Tuất.

3) Bấm Tân vào cung Dậu 4) Bấm Canh vào cung Thân.

5) Bấm Kỷ vào cung Mùi 6) Bấm Mậu vào cung Ngọ .

7) Bấm Đinh vào cung Tỵ 8) Bấm Bính vào cung Thìn .

9) Bấm Ất vào cung Mão 10)Bấm Giáp vào cung Dần.

Như vậy tuổi sinh Quý Hợi thuộc con nhà Giáp Dần.

An sao tuần vào cung Tý Sửu.

Phương Pháp

Định ngũ hành Bản Mạnh

BẢN MẠNH NGŨ HÀNH :

Mạnh có ngũ hành của mạnh thí dụ:

1)Kim mạnh 2)Mộc mạnh

3)Thuỷ mạnh 4)Thổ mạnh

5)Hoả mạnh

Muốn biết tuổi sinh thuộc hành nào của ngũ hành nên nhập tâm bài thơ dưới đây.

THƠ ĐỊNH MẠNH HÀNH

Tý Ngọ Ngân Đăng Gia Bích Câu

Tuất Thìn Yên Mãn tự Chung Lâu
Dần Thân Hán Địa Thiêu Sài Thấp
Lục giáp chi trung bất ngoạl cầu .

LIỆT KÊ CÁC CHỮ CỦA BÀI THƠ

Tý Ngọ :	Ngân	Đăng	Giá	Bích	Câu
	Kim	Hoả	Mộc	Thổ	Kim
Tuất Thìn :	Yên	Mãn	Tự	Chung	Lâu
	Hoả	Thuỷ	Thổ	Kim	Mộc
Dần Thân:	Hán	Địa	Thiêu	Sài	Thấp
	Thuỷ	Thổ	Hoả	Mộc	Thuỷ

NHẬN XÉT ĐỂ GHI NHỚ

Giáp Tý và Giáp Ngọ thiếu 1 hành thuỷ, lạl có 2 hành kim, vì chữ đầu Ngân Kim chữ cuốl Câu Kim.

Giáp Dần và Giáp Thân thiếu 1 hành Kim, lạl có 2 hành Thuỷ, vì chữ đầu Hán Thuỷ, chữ cuốl thấp cũng là Thuỷ.

Chỉ có Giáp Thìn và Giáp Tuất gồm đủ 5 hành.

PHÂN ĐỊNH BÀI THƠ

Hai chữ Tý Ngọ của câu thơ đầu , dùng cho Giáp Tý và Giáp Ngọ.

Hai chữ Tuất Thìn là chữ phù đầu cuả câu thơ thứ hai, dùng cho Giáp Tuất và Giáp Thìn.

Cũng như các tuổl thuộc Giáp Dần và Giáp Thân, thờl dùng câu thơ thứ ba để nạp âm , mà định xem Mạnh thuộc hành nào của ngũ hành

PHẦN ÁP DỤNG BÀI THƠ

Cũng như nguyên tắc của sao Tuần, khi muốn tìm tuổl sinh thuộc con nhà Giáp nào.

Muốn biết tuổl sinh thuộc hành nào , dùng ngón tay cái bấm tuổl năm sinh vào cung địa bàn , (mỗl hàng can một cung) đọc ngược từ can năm sinh đến can Giáp(vì Giáp là hàng can đầu của thập can) , Giáp gặp cung nào , tuổl sinh thuộc Giáp ấy . Thí dụ can Giáp gặp cung Ngọ là Giáp Ngọ.

Lạl từ Giáp dùng bài thơ, tính thuận tớl tuổl sinh , thấy tuổl sinh gặp chữ nào của câu thơ, thì biết Mạnh thuộc hành nào , vì năm chữ của câu thơ, thờl mỗl chữ là một hành, thí dụ : chữ giang là thuỷ chữ đăng là hoả, nên gặp chữ đăng là hoả mạnh , và gặp chữ giang là thuỷ mạnh.

NGUYÊN TẮC THU NGẮN

1)Nạp âm ngược hàng can tìm tuổl thuộc Giáp nào?

2)Tính thuận câu thơ tớl tuổl sinh.

3)Gặp chữ nào Mạnh thuộc hành ấy.

4)Nạp nghịch hàng can , mỗl can một cung.

5)Nạp thuận câu thơ, mỗI chữ ăn 2 cung.

CƯỚC CHÚ: Xem các hình vẽ để tập nạp âm , tính xem Mạnh thuộc hành nào của ngũ hành.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI BÍNH DẦN**

Thuộc HỎA MẠNH

10 tuổi thuộc Giáp Tý

Áp dụng thơ: Ngân Đăng Giá Bích Câu

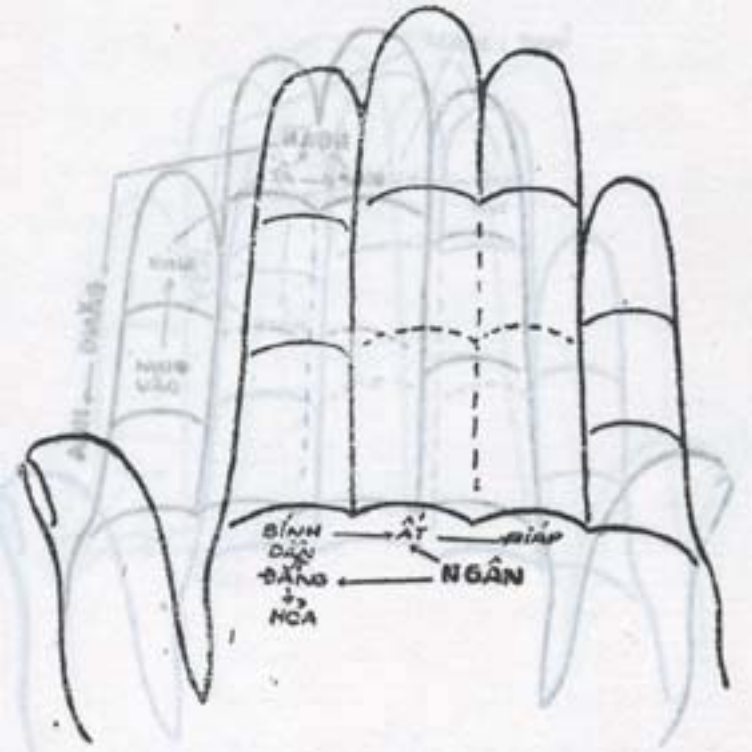

- Khởi sự bấm Bính vào cung Dần, Ất vào cung SửuThân, Giáp vào cung Tý, như vậy tuổi Bính Dần thuộc Giáp Tý.
- Giáp Tý và Giáp Ngọ đều dùng chung câu thơ.
- Tý Ngọ Ngân Đăng Giá Bích Câu. Thơ tính thuận.
- Bấm Ngàn vào cung Tý và cung Sửu.
- Đăng vào cung Dần ngưng lại vì là tuổi Bính Dần.
- Chữ Đăng là hỏa, nên biết tuổi Bính Dần là Mạnh Hỏa.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI ĐINH DẬU**

Thuộc HỎA MẠNG

Các tuổi thuộc Giáp Ngọ

Thơ: Ngân Đăng Giá Bích Câu, 1 chữ ăn hai cung

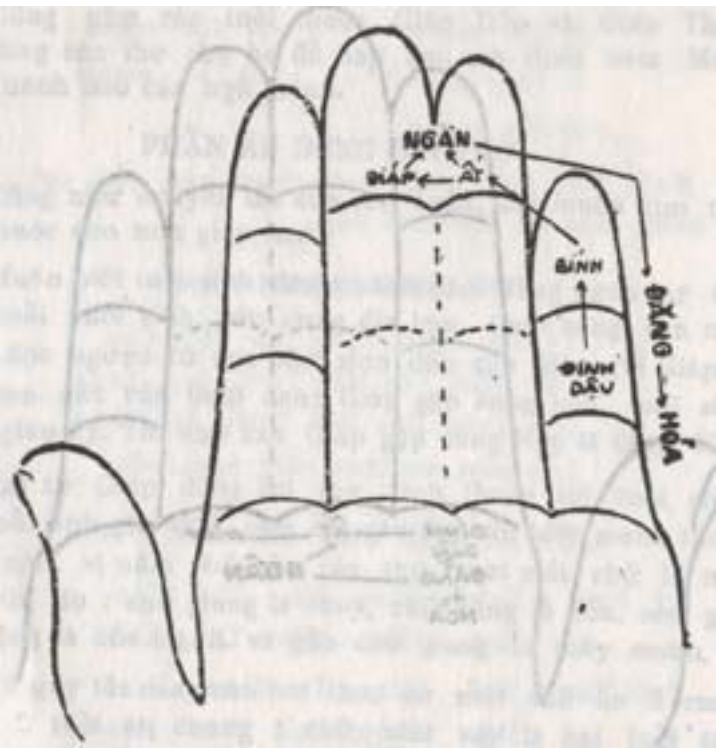

- Khởi sự bấm Đinh vào cung Dậu, Bính vào cung Thân, Ất vào cung Mùi, Giáp vào cung Ngọ, tức là tuổi Đinh Dậu thuộc Giáp Ngọ.
- Thơ Giáp Ngọ: Ngân Đăng Gía Bích Câu.
- Bấm thuận Ngàn vào cung Ngọ và cung Mùi.

  Bấm thuận Đăng vào cung Thân và cung Dậu, ngưng lại vì là tuổi Đinh Dậu.
- Tuổi Đinh Dậu gặp chữ Đăng là hỏa tức là Hỏa Mạng.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI ĐINH MÙI**

Tuổi ĐINH MÙI là THỦY MẠNH

Các tuổi thuộc Giáp Thìn, các tuổi thuộc Giáp Tuất

Áp dụng một câu thơ: Yên Mãn tự Chung Lâu

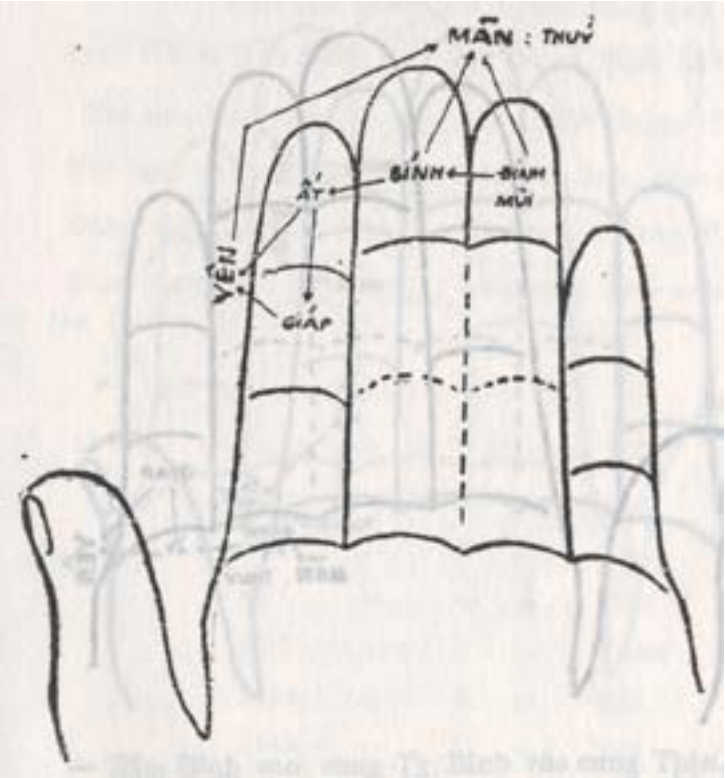

- Bắt đầu bấm Đinh vào cung Mùi, Bính vào cung Ngọ, Ất vào cung Tỵ, Giáp vào cung Thìn, là tuổi Đinh Mùi thuộc Giáp Thìn.
- Giáp Thìn dùng thơ: Yên Mãn Tự Chung Lâu tính thuận.
- Bấm Yên vào cung Thìn và cung Tỵ, Bấm Mãn vào cung Ngọ và cung Mùi.
- Chữ Mãn là Thủy gặp ở Mùi, tức là tuổi Đinh Mùi thuộc Thủy Mạnh.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI BÍNH TÝ**

Tuổi BÍNH TÝ là THỦY MẠNG.

Giáp Thìn, Giáp Tuất dùng câu thơ

Yên Mãn Tự Chung Lâu

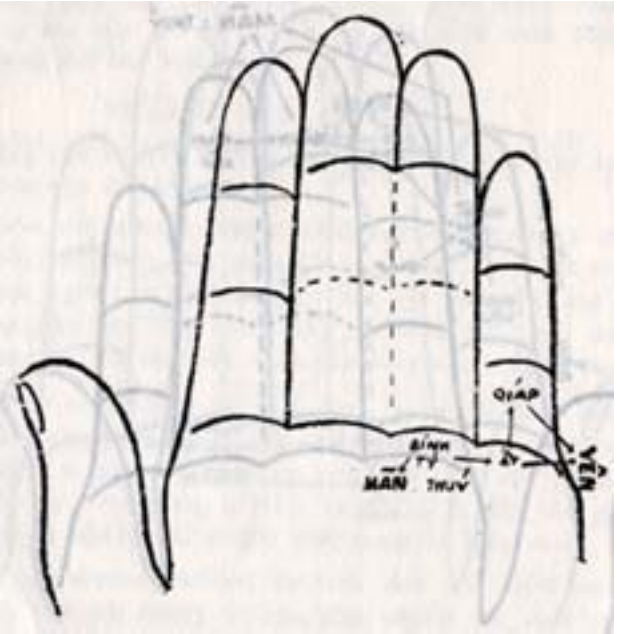

- Bắt đầu bấm Binh vào cung Tỵ, Ất vào cung Hợi, Giáp vào cung Tuất, thời biết tuổi Bính Tý thuộc Giáp Tuất.
- Giáp Tuất cũng dùng thơ Yên Mãn Tự Chung Lâu tính thuận.
- Bắt đầu bấm Yên vào hai cung Tuất và cung Hợi, bấm Mãn vào cung Tý, như vậy tuổi Bính Tý là Thủy mạng vì Mãn là Thủy, gặp ở cung Tý, tức là tuổi Bính Tý.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI ĐINH TỴ**.

Tuổi ĐINH TỴ thuộc THỔ MẠNH.

Giáp Dần và Giáp Thân dùng chung câu thơ.

Hán Địa Siêu Sài Thấp

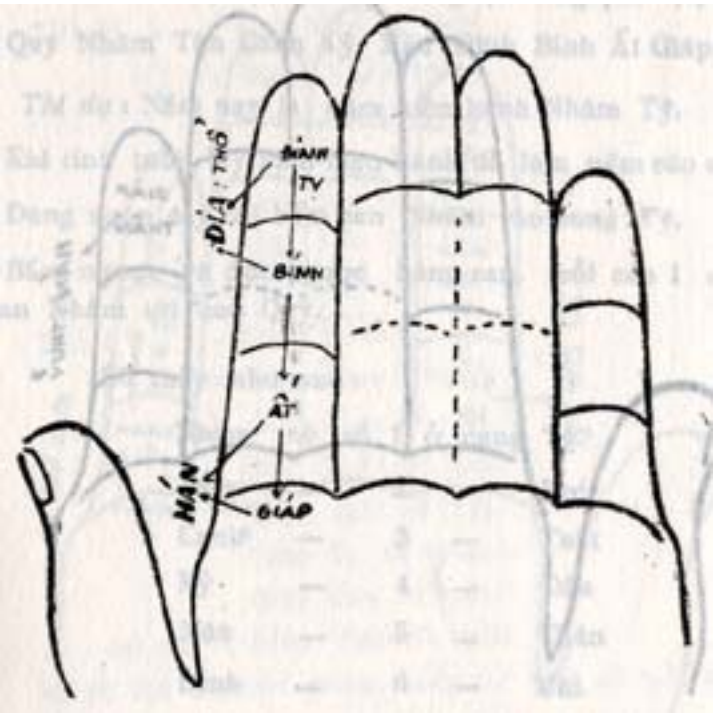

- Bấm Đinh vào cung Tỵ, Bính vào cung Thìn, Ất vào cung Mão, bấm Giáp vào cung Dần, ngưng lại và biết tuổi Đinh Tỵ thuộc Giáp Dần, sẽ áp dụng thơ của Giáp Dần.
- Dần Thân Hán Đĩa Thiêu Sài Thấp.
- Bấm Hán vào cung Dần và cung Mão, Bấm Địa vào cung Thìn và cung Tỵ.
- Địa là Thổ gặp ở cung Tỵ, là tuổi Đinh Tỵ thuộc Thổ Mạnh.

Tìm Mạnh thuộc hành nào

Thí dụ: Người sinh **TUỔI GIÁP THÂN**

Tuổi GIÁP THÂN là THỦY MẠNH.

Áp dụng thơ: Dần Thân Hán Địa Thiêu Sài Thấp.

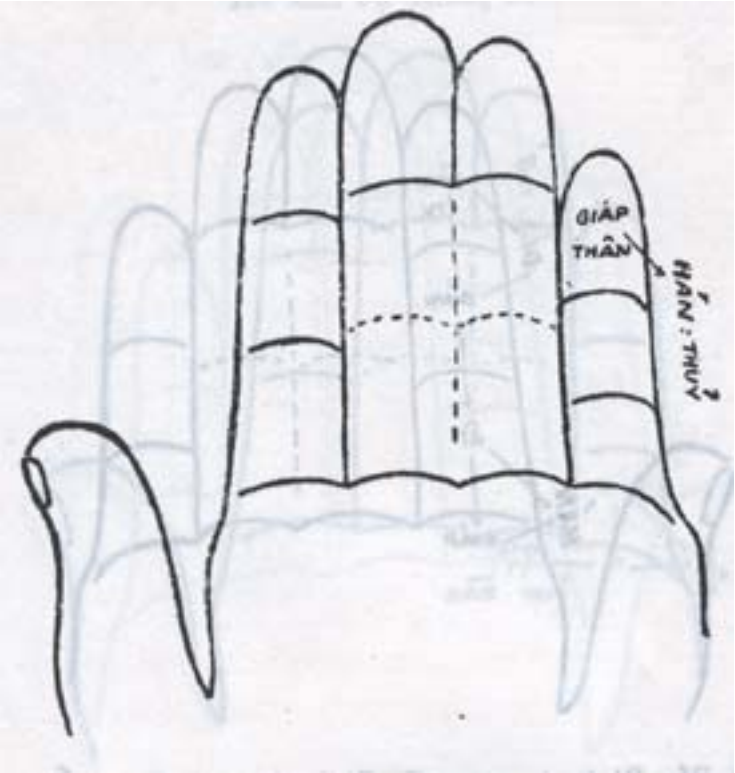

- Khi tính tuổi để biết tuổi sinh thuộc con nhà Giáp nào.
- Nguyên tắc bấm ngược hàng can, từ can tuổi sinh tới chữ Giáp ngưng lại, vì Giáp là hàng can đầu của một Giáp, nên khi tính ngược hàng can, gặp Giáp thì ngưng lại, sẽ biết là Giáp nào của sáu Giáp.

Thấy Giáp Thân là tuổi sinh không phải nạp can nữa, chỉ áp dụng thơ để biết hành nào thôi.

Nạp âm Hán là Thủy, vậy tuổi Giáp Thân là Thủy Mạnh.

I.__ Phương pháp tính tuổi trên bàn tay

Hàng can gồm có 10 là:

Giáp Ất Bính Đinh Mậu Kỷ Nhâm Tân Canh Quý

Phải đọc nhập tâm ngược hàng can là:

Quý Nhâm Tân Canh Kỷ Mậu Đinh Bính Ất Giáp.

Thí dụ: Năm nay là năm hiện hành Nhâm Tý.

Khi tính tuổi, lấy năm hiện hành để làm năm căn cứ.

Dùng ngón tay cái bấm can Nhâm vào cung Tý.

Bấm ngược và đọc ngược hàng can, mỗi can một cung từ can Nhâm tới can Quý.

Sẽ thấy như sau:

Nhâm có số 1 ở cung Tý

Tân	_	2	_	Hợi
Canh	_	3	_	Tuất
Kỷ	_	4	_	Dậu
Mậu	_	5	_	Thân
Đinh	_	6	_	Mùi
Bính	_	7	_	Ngọ
Ất	_	8	_	Tỵ
Giáp	_	9	_	Thìn
Quý	_	10	_	Mão

Đương nhiên coi Nhâm Tý là 1 tuổi, vì là năm hiện hành.

❋

HÌNH VẼ BÀN TAY

Cách an nghịch 10 hàng can để biết số tuổi .

Lấy năm hiện hành là Nhâm Tý là 1 tuổi là căn cứ.

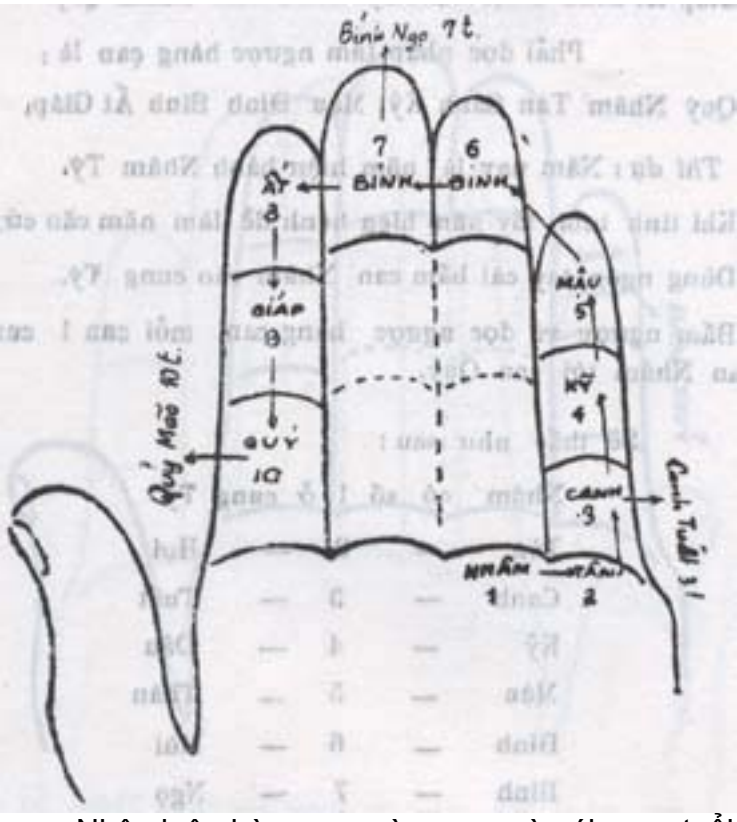

Nhập luôn hàng can vào cung và nói ngay tuổi.

Thí dụ 1) Đứa trẻ 10 tuổi là tuổi Quý Mão, vì hàng can Quý là số 10 ở cung Mão.
2) Đứa trẻ 7 tuổi là tuổi Bính Ngọ, vì hàng can Bính là số 7 ở cung Ngọ.
3) Đứa trẻ tuổi là tuổi Canh Tuất, vì hàng can Canh là số 3 ở cung Tuất
Đương nhiên áp dụng từ 1 tuổi tới 10 tuổi.

II._ Nguyên tắc 2.

Cùng một phương pháp này, áp dụng chung cho tất cả các người nào muốn biết tuổi , và can chi là can chi gì .

Căn cứ vào số của hàng can là số mấy , rồi cứ chuyển thuận , cách 1 cung cộng thêm 10 tuổi .

THÍ DỤ 1: _Quý Mão 10 tuổi.
Quý Tỵ 20 tuổi.
Quý Mùi 30 tuổi.
Quý Dậu 40 tuổi.
Quý Hợi 50 tuổi.
Quý Sửu 60 tuổi.
Lại trở về Quý Mão 70 tuổi.

THÍ DỤ 2: _Giáp là số 9
Tức là Giáp Thìn 9 tuổi.
Giáp Ngọ 19 tuổi.
Giáp Thân 29 tuổi.
Giáp Tuất 39 tuổi.
Giáp Tý 49 tuổi.
Giáp Dần 59 tuổi
Lại trở về Giáp Thìn 69 tuổi.

Và cứ thế chuyển thêm cung để biết số tuổi cao hơn

THÍ DỤ 3: _Hàng can Ất là số 8.
Tức là Ất Tỵ 8 tuổi.
Ất Mùi 18 tuổi.
Ất Dậu 28 tuổi.
Ất Hợi 38 tuổi.
Ất Sửu 48 tuổi.
Ất Mão 58 tuổi.
Lại trở về Ất Tỵ 68 tuổi.

THÍ DỤ 4: _Hàng can Bính là số 7.
Bính Ngọ 7 tuổi.
Bính Thân 17 tuổi.
Bính Tuất 27 tuổi.
Bính Tý 37 tuổi.
Bính Dần 47 tuổi.
Bính Thìn 57 tuổi.
Bính Ngọ 67 tuổi.

THÍ DỤ 5: _Hàng can Đinh là số 6.
Tức là Đinh Ngọ 6 tuổi.
Đinh Thân 16 tuổi.
Đinh Tuất 26 tuổi.
Đinh Tý 36 tuổi.
Đinh Dần 46 tuổi.
Đinh Thìn 56 tuổi.
lại trở về Đinh Ngọ 66 tuổi.

THÍ DỤ 6: _Hàng can Mậu là số 5.
Tức là Mậu Thân 5 tuổi.
Mậu Tuất 15 tuổi.
Mậu Tý 25 tuổi.
Mậu Dần 35 tuổi.
Mậu Thìn 45 tuổi.
Mậu Ngọ 55 tuổi.
lại trở về Mậu Thân 65 tuổi.
THÍ DỤ 7: _Hàng can Kỷ là số 4.
Tức là Kỷ Dậu 4 tuổi.
Kỷ Hợi 14 tuổi.
Kỷ Sửu 24 tuổi.
Kỷ Mão 34 tuổi.
Kỷ Tỵ 44 tuổi.
Kỷ Mùi 54 tuổi.
lại trở về Kỷ Dậu 64 tuổi.
THÍ DỤ 8: _Hàng can Canh là số 3.
Tức là Canh Tuất 3 tuổi.
Canh Tý 13 tuổi.
Canh Dần 23 tuổi.
Canh Thìn 33 tuổi.
Canh Ngọ 43 tuổi.
Canh Thân 53 tuổi.
lại trở về Canh Tuất 63 tuổi.
THÍ DỤ 9: _Hàng can Tân là số 2.
Tức là Tân Hơi 2 tuổi.
Tân Sửu 12 tuổi.
Tân Mão 22 tuổi.
Tân Tỵ 32 tuổi.
Tân Mùi 42 tuổi.
Tân Dậu 52 tuổi.
lại trở về Tân Hợi 62 tuổi.
THÍ DỤ 10: _Hàng can Nhâm là số 1.
Tức là Tân Tý 1 tuổi.
Tân Dần 11 tuổi.
Tân Thìn 21 tuổi.
Tân Ngọ 31 tuổi.
Tân Thân 41 tuổi.
Tân Tuất 51 tuổi.
lại trở về Tân Tý 61 tuổi.
Và cứ như thế chuyển thêm cung để biết số tuổi cao hơn.

Nguyên tắc 3

Biết can chi của tuổi mà không biết số tuổi bao nhiêu.
Thí dụ: Có người hỏi tuổi Bính Dần, năm nay bao nhiêu tuổi.
ÁP DỤNG : _ Cùng một phương pháp, lấy đầu ngón tay cáhi bấm ngược, và đọc ngược hàng can, vào cung Tý, cho tới khi gặp hàng can Bính.
_ (Kể cung Tý là năm Nhâm Tý hiện hành).
Bấm Nhâm vào Tý, thấy Nhâm có số 1.
Tâm vào Hợi, thấy Tân số 2.
Canh vào Tuất, thấy Canh số 3.

Kỷ vào dậu, thấy Kỷ số 4.
Mậu vào Thân, thấy Mậu số 5.
Đinh vào Mùi, thấy Mùi số 6.
Bính vào Ngọ, thấy Bính số 7.
Thấy Bính ngưng lại, và biết Bính là số 7.
Vậy cứ từ Bính Ngọ, chuyển thuận cách 1 cung cộng thêm 10 tuổi.
Bính Ngọ số 7 là 7 tuổi.
Bính Thân 17 tuổi.
Bính Tuất 27 tuổi.
Bính Tý 37 tuổi.
Bính Dần 47 tuổi.
Vậy là tuổi Bính Dần 47 tuổi

❈

THIÊN TƯỚNG NAM MẠNH CA

Thiên-tướng cát tinh vi Mạnh chủ.
Tất định tư nhân đa khắc kỷ.
Tài Quan lộc chủ vượng gia tư.
Quyền áp đương thời thùy bất mỹ.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG ĐỂ TÌM HIỂU

Biết can chi, mà không biết số tuổi bao nhiêu.

Thí dụ: có người hỏi, tuổi Bính Dần năm nay bao nhiêu

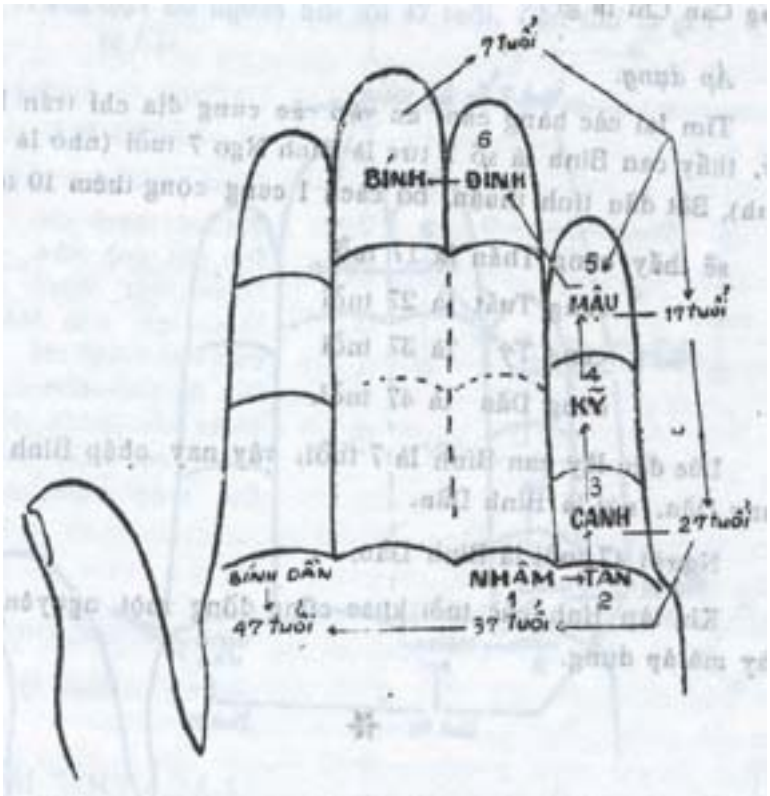

- Coi năm Nhâm Tý là năm hiện hành.
- Bấm Nhâm vào cung Tý là số 1, ấn ngược hàng can, bấm Tân vào cung Hợi số 2, bấm Canh vào cung Tuất là số 3, bấm Kỷ vào Dậu biết là số 4, bấm Mậu vào Thân biết là

số 5, bấm đing vào cung Mùi biết là số 6, bấm Bính vào cung Ngọ biết là số 7. Tìm được can Bính của tuổi dương số, tính thuận bỏ cách một cung cộng thêm 10 tuổi, sẽ thấy cung Thân 17, cung Tuất 27, cung Tý 37, cung Dần 47. Nhập can Bính vào Dần tức là Bính Dần 47 tuổi.

-

Nguyên tắc 4

Thí dụ: Một người chỉ biết số tuổi là 47, mà không biết hàng Can Chi là gì?

Áp dụng.

Tìm lại các hàng can, ấn vào các cung địa chi trên tay, thấy can Bính là số 7 tức là Bính Ngọ 7 tuổi (nhớ là can Bính). Bắt đầu tính thuận, bỏ cách 1 cung cộng thêm 10 tuổi.

Sẽ thấy cung Thân là 17 tuổi

cung Tuất là 27 tuổi

cung Tý là 37 tuổi

cung Dần là 47 tuổi.

Lác đầu lấy can Bính là 7 tuổi, vậy nay nhập Bính vào cung Dần, nói là Bính Dần.

Người 47 tuổi là Bính Dần.

Khi tập tính các tuổi khác cũng đồng một nguyên tắc này mà áp dụng.

❋

THIÊN LƯƠNG NAM MẠNH CA

Thiên - lương chi diệu số trung cường.

Hình thần ổn trọng tính ôn lương.

Tả Hữu Khúc Xương lai họi hợp.

Quản giao phú quý liệt triều cương.

HÌNH VẼ ÁP DỤNG ĐỂ TÌM HIỂU

Biết số tuổi mà không biết can chi của tuổi

Thí dụ: có người hỏi tôi 47 tuổi. Can Chi là gì?

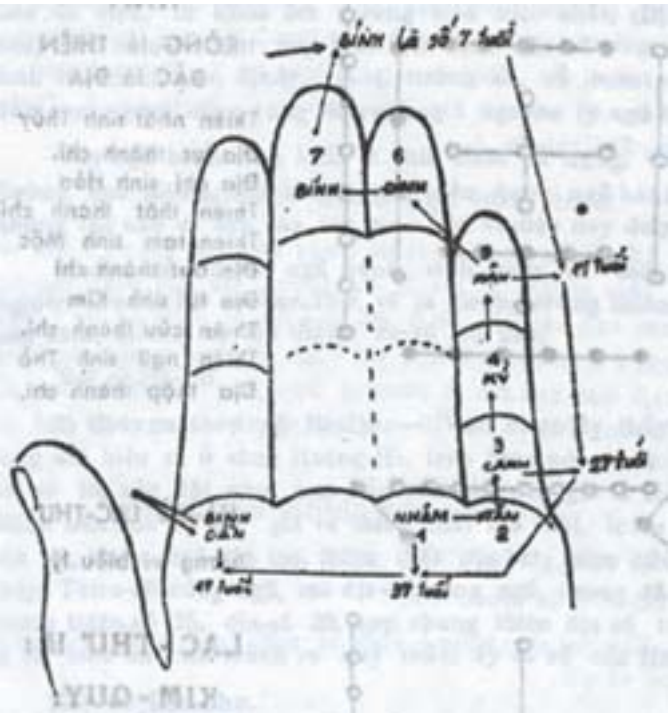

- Lấy năm Nhâm Tý là năm hiện hành.
- Aán ngược hàng can tới khi thấy can nào có số 7, tức là can Bính ở cung Ngọ.
- Nhớ lấy can Bính.
- Rồi bắt đầu tính thuận, bỏ cách một cung, cộng thêm 10 tuổi, sẽ thấy tại Thân 17, tại Tuất 27, tại Tý 37, tại Dần 47 tức là tuổi của dương số.
- Nhập chung can Bính ở cung Ngọ lúc trước vào Dần là

BÍNH DẦN

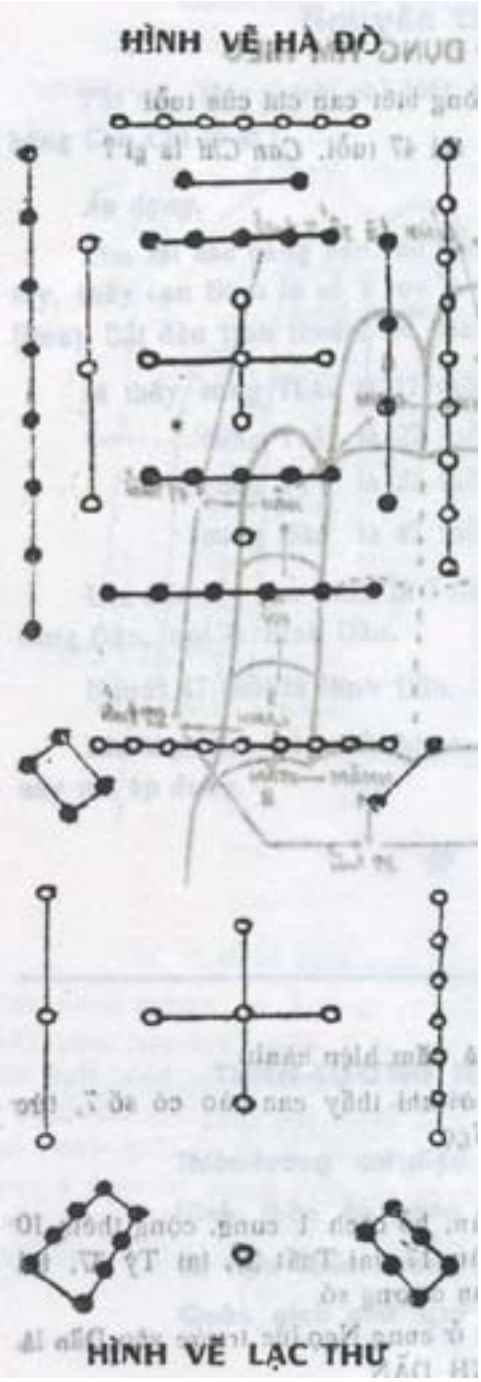

HÀ ĐỒ là:

TƯỢNG **TRƯNG**

THIÊN ĐỊA BAO HÀM

RỒNG là THIÊN
ĐẶC là ĐỊA
Thiên nhất sinh Thủy
Địa lục thành chi.
Địa nhị sinh Hỏa
Thiên nhất thành chi.
Thiên tam sinh Mộc
Địa bát thành chi
Địa tứ sinh Kim
Thiên cửu thành chi.
Thiên ngũ sinh Thổ

Địa thập thành chi.

HÀ ĐỒ LẠC THƯ

Tường vi biểu lý.

LẠC THƯ là:
KIM – QUY.
Tái cửu: đội chín
Phú nhất: đạp một
Tả tam.
Hữu thất.
Nhị tứ vi kiên (vai)
Lục bát vi túc (chân)
Ngũ vị cư trung.

Quan hệ của Hà – Đồ Lạc – Thư
BIẾN DỊCH CỦA NGŨ HÀNH
Biểu lý ngũ hành tương quan dịch số.

1) Văn minh Đông – Phương ta đã có cả 1 bộ môn văn - hóa tối diệu, từ khoa âm dương siêu việt nhất, (Dịch lý học) bao hàm cả một quy luật biến dịch của vũ trụ muôn loài, tới thiên văn, địa lý, tử vi, tướng số, cả môn y học đến con người cũng cùng chịu chung một nguyên lý ngũ hành.

Vậy ngũ hành sinh khắc là chìa khóa tối trọng, để mở đường cho tất cả, nếu không tạm hiểu được ngũ hành, thì không thể nào đi sâu vào các môn học vi diệu này được.

Muốn hiểu được ngũ hành sinh khắc ra sao, phải nghiên cứu Hà - Đồ và Lạc – Thư,

vì là tượng trưng thiên địa bao hàm, biểu lý sự tạo thành ra vũ trụ này.

Nói về Hà – Đồ.

2) Chuyện chép về Hà – Đồ. __ Vua Phục – Hy thấy con long mã hiện ra ở sông Hoàng Hà, trên lưng nó có từ số 1 tới số 10, xếp đặt như một bản họa cho nên gọi là Hà – Đồ. Nhân bản họa ấy mà ghi ra thiên nhất địa nhị, thiên tam địa tứ, thiên ngũ địa lục, thiên thất địa bát, thiên cửu địa thập. Thiên - số cũng ngũ, mà địa – số cũng ngũ, tương đắc mà thành thiên – số 25, địa số 30, hợp chung thiên địa số thành là 55, biến hóa mà thành ra quỹ thần, ấy là số của Hà – Đồ.

Nói về Lạc – Thư

3) Lời xưa ghi lại rằng: vua Hạ – Vũ đi trị thủy, có con ràu nổi lên ở trên sông Lạc, trên mai nó có 45 chấm tròn, nhân đó là ra Cửu trù. Trên lưng con rùa các chấm tròn được xếp đặt : trê nchisn, dưới một, bên tả 3, bên hữu 7, số 7 và 4 làm vai, số 6 và 8 làm chân, cho nên đặt là Lạc – Thư (Lạc – thư là kim quy).

Khi nghiên cứu về Hà – Đồ Lạ – Thư thì thấy giống như một, nên nói Hà – Đồ Lạc – Thư tương vì biểu lý vậy.

Hà – đồ Lạc – thư tương quan Thái – cực

4) Và ta thường nghe nói Thái – cực, lưỡng - nghi, tứ – tượng, bát quái là chứng triệu của Hà – đồ Lạc – thư.

Thái – cực khi chưa thành hình bao gồm 1 cơ, 1 ngẫu, mà số thì dương 1, âm 2, là cơ ngẫu của Đồ – thư đó, tới Lưỡng – Nghi thì sinh 1 cơ 1 cơ ngẫu làm 2 thành 4 là Tứ – Tượng, nói về ngôi thì Thái – dương 1, Thiếu – âm 2, Thiếu – dương 3, Thái – âm 4, mà số thì Thái – dương 9, Thiếu – âm 8, Thiếu – dương 7, Thái – âm 6.

Sinh hóa ngũ hành và phương vị

Lấy ở Hà – đồ mà nói thì trong trời đất, chỉ có một khí mà thôi, chia ra làm 2, tức là âm dương, mà ngũ hành tạo hóa ra làm vạn vật đều có ở đó, cho nên vị ở Hà – đồ thì một hoàn bị với 6 ở phương Bắc, 2 với 7 kết hợp mà ở phương Nam, 3 với 8 làm bạn mà ở phương Đông, 4 với 9 đồng đạo mà ở phương tây, 5 với 10 cùng quy tụ giữ nhau chặt chẽ mà ở giữa.

Thụ căn của chính ngũ hành

5) Ta thấy khí dương trong nhẹ ở trên là cơ, cho nên số 1-3-5-7-9 là thuộc trời.

Khi âm đục nặng ở dưới là ngẫu, cho nên số 2-4-6-8-10 thuojc về đất.

Cho nên 5 vị thiên, 5 vị địa tương đắc, để rồi trời lấy một sinh thủy, địa lấy 6 mà thành, địa lấy hai sinh hỏa, thiên lấy 7 mà thành, thiên lấy 3 sinh mộc, địa lấy 8 mà thành, địa lấy 4 sinh kim, thiên lấy 9 mà thành, thiên lấy 5 sinh thổ, địa lấy 10 mà thành.

Ấy là luật hợp, cho nên chứa 5 cơ mà làm thành 25, chứa 5 ngẫu mà làm 30, hợp chung lại mà làm thành 55, đó là số của Hà – Đồ.

Hình thành của Thiên - can và Địa – chi

6) Sau khi đã nhậ chân được biểu tượng hình thành và phương vị của Hà – đồ và Lạc – thư, tiền bối chúng ta mới nhân đó, mà đặt ra được quy luật vo cùng tài tình là thập niên can : Giáp Ất mộc, Bính Đinh hỏa, Mậu Kỷ thổ, Canh Tân kim, Nhâm Tý thủy, mà tương đắc như:

Giáp hợp Kỷ

Ất hợp Canh

Bính hợp Tân

Đinh hợp Nhâm

và Mậu hợp Quý

bẩm thụ ở trời (thập niên can) mà ra mạnh con người, rồi con người chịu thêm sự phát sinh của canh là là vặt biểu tượng, bằng thập nhị địa – chi , Tý Sửu Dần Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi Thân Dậu Tuất Hợi, mà Tý Hợi là con chuột, con heo, con rắn rồi nào con khỉ (biết đâu chả là khỉ đột) con trâu, con chó, con cọp, mà thành tính tình xấu tốt, được phú quý hay bần tiện, thọ yếu của người ta, là do quy luật địa – chi sở tang, thiên can sở thuộc, đã sinh hóa ra ngũ hành kim, mộc, thủy,hỏa, thổ.

Tượng và ứng của Tien – thiên

7) Chú trọng và quan sát các hình vẽ, là biểu tượng của quy luật hình thành, từ Thái – cực hay Thái – vi, hay Thiên – đình hay la tử vi dẩu số của ta đã biến hóa thăng giáng, nhập xuất, vãng phản, thuận nghịch, mà ra ngũ hành muôn vật.

Vậy tiên –thiên ngũ hành là, vật thiên thanh tương, thuộc thời gian chưa thành hình, mà tượng thì giác quan ta chưa thấy được, vì còn trong chu kỳ đồng nhất thể, để sau mới thụ căn, mà trùng trùng duyên khởi, sinh sinh hóa hóa cái nhất thể thành ngũ hành.

1 nên trước hết cái Nhất thể (gọi là Thái – cực)

2 Chứa cả âm lẫn dương.

3 rồi âm dương tương thôi, tương mà mới thành ratam – tài.

4 tiếp đến là tử tượng.

5 để sau hết là vòng sinh là ngũ hành.

BIỂU LÝ TIÊN -THIÊN NGŨ HÀNH

HÌNH VẼ

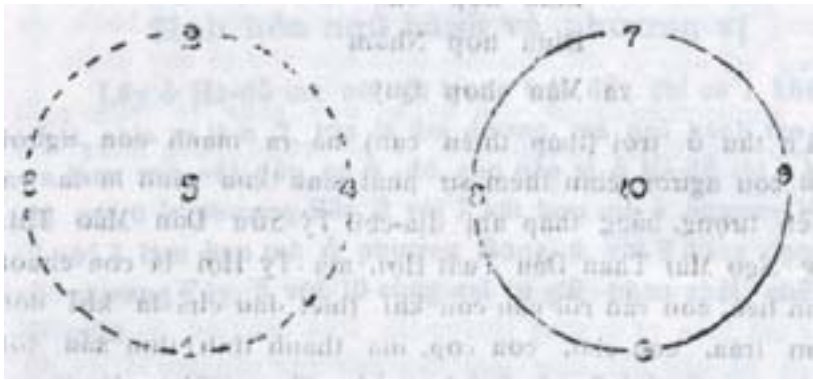

Vòng Tiên – thiên biểu lý các đợt bằng chấm dứt.

NGŨ HÀNH

8)Tiếp đến ngũ hành thì ra ngoài, cũng một quy luật theo Tiên –thiên có 4 chu kỳ, từ 6 đến 9, mà ta gọi là cá biệt ngũ hành.

Tức là chiều hướng đường đi

xuống 6 thành thủy

lên 7 thành hỏa

qua 8 thành mộc

sang 9 thành kim

nhập 10 thành thổ tức là lại trở về cung trung.

HÌNH VẼ TIÊN – THIÊN TƯƠNG PHỐI NGŨ HÀNH

Tiên – thiên là vòng trong

Ngũ hành là vòng ngoài.

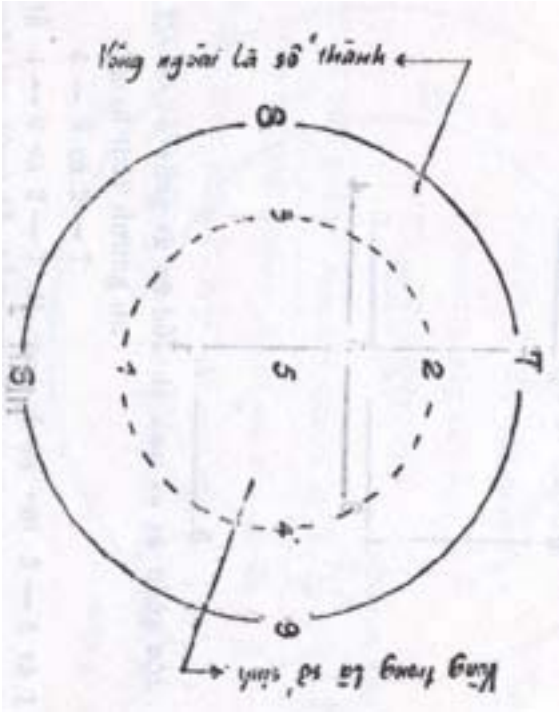

4 số thành (hình) giao hợp với 4 số sinh (tương) qua thời gian sinh hóa để thành cá biệt ngũ hành.

Vậy tượng thuộc Tiên – thiên hay thể.

và hình thuộc Hậu – thiên hay dụng.

Tiên – thiên hay thể, Hậu – thiên hay dụng, biến hóa theo quy luật ngược chiều nhau, nên Tiên – thiên theo chiều trái, mà Hậu – thiên theo chiều nghịch, để rồi hình thành vạn vật mà ta gọi là ngũ hành, các hình vẽ trên là biểu lý khái niệm mà thôi.

Tiên – thiên (thể) và Hậu – thiên (dụng) đã theo quy luật thuận nghịch.

nên nước chảy xuống

lửa bốc lên

mộc uốn khúc

kim chiều theo

mà thổ ở giữa thu vào và phát ra.

Nên Tiên – thiên ngũ hành được biểu lý bằng đường đi.

Tiên-nhiên ngũ hành.

Tiên-nhiên ngũ hành hợp cùng Hậu thiên ngũ hành.

Do cơ cấu thời gian.

Tiên-thiên ngũ hành và Hậu- thiên ngũ hành, qua quy luật biên dịch, biểu lý bằng đường đi bẻ thanh góc.

Do đó có vãng và có hồi , để xuất ra và nhập nội .

Ta sẽ thấy đường đi.

4_9 và 2_7

nên để 4_9 và 2_7 đi cùng chiều với 3_8 và1_dấu mũi tên dùng để chỉ ta từ sinh tới thành.

Đối lại thi

9_4 và 7_2 ngược chiều với 3_8 và 1_8

hình vẽ biểu lý cho ta thấy 1 ra và 1 vào

BIỂU LÝ THANH

5 trong ra gặp 1 thành 9
5 trong ra gặp 1 thành 8
4 sinh vào gặp 3 thành 8
2 sinh vào gặp 3 thành 7

nên suy ra được

6,8 là số ra của dương tản mát, hướng theo tay trái.

9,7 là số vào của âm tụ lại, hướng theo tay mặt.

Cho nên sự hoà hợp của trời đất thật chặt chẽ , tương trợ cho nhau đến tật cùng, mà cứ số đất chẵn đi với số lẻ trời ví như

1----------9
2----------7
3----------8
1----------
Thiên , Địa, Nhân, Vật
Tương quan ngũ hành

9) Phát minh thập thiên-can (10) và thập nhị địa chi(12) cùng theo một cơ cấu thời gian, và quy luật tiên-thiên hậu-thiên sinh hóa, để tạo thành ngũ hành, ta có cả thiên lẫn địa, mà thiên làm căn bản gốc, gọi là thiên can như Giáp Ất ….Nhâm Quý.

Và đất là ngọn ngành, gọi là địa chi như Tý Sửu…….Tuất Hợi.

Phối hợp với nhau làm lịch số của thời gian.

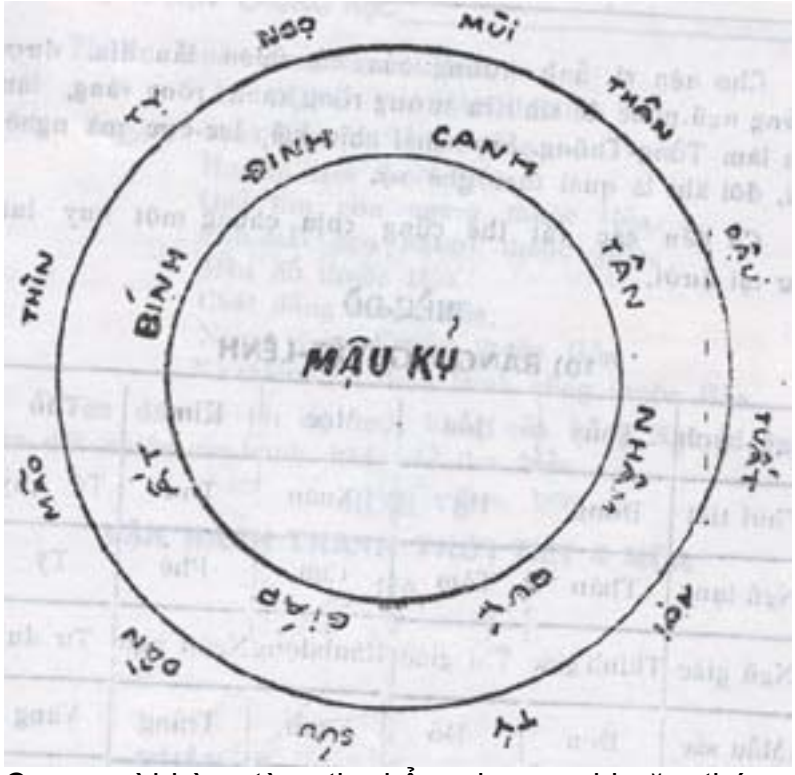

Con người hòan tòan thu bẩm, do can chi năm tháng ngày giớ sinh mà biểu lý ngũ hành.

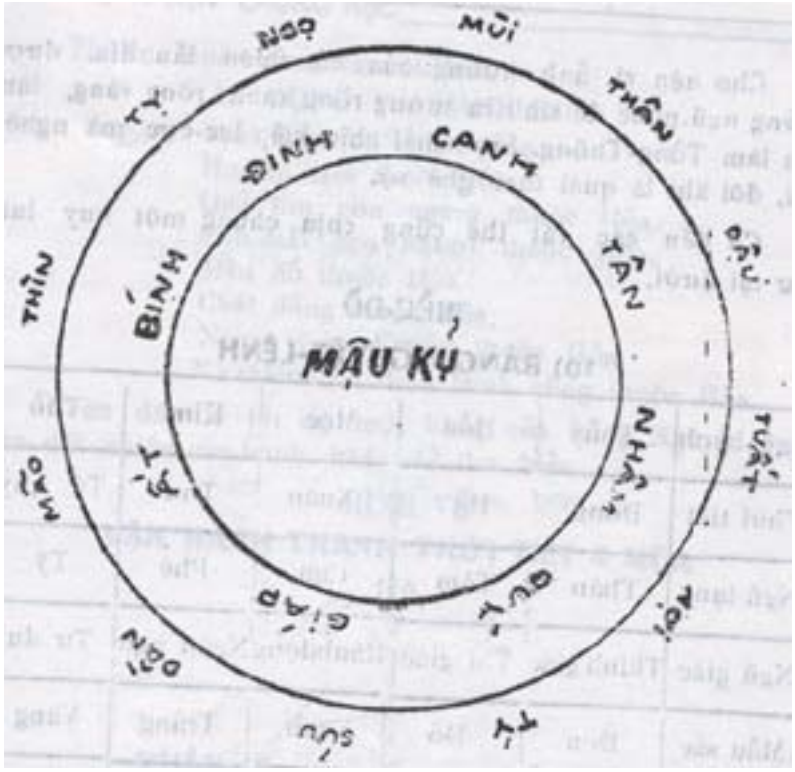

Cho nên vì ảnh hưởng của cả thiên lẫn địa, được hưởng ngũ-phúc để sinh ra tưởng rồng xanh,rồng vàng, làm vua làm tổng thống, hay phải chịu kiếp lục cực mà nghèo hèn, đôi khi là quai thải ghê sợ .

Cả đến các vật thể cũng chịu chung một quy luật như tại dưới.

BIỂU ĐỒ
10) BẢNG NGUYỆT LỆNH

Ngũ hành	Thuỷ	Hoả	Mộc	Kim	Thổ
Thời tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ
Ngũ tạng	Thính giác	Thị giác	Hành động	Ngôn ngữ	Tư duy
Màu sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Mùi vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ cung	Vũ	Chuỷ	Giốc	Thương	Cung
Số	6	7	8	9	5
Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Thiên can	Nhâm quý	Bính Đinh	Giáp ất	Canh Tân	Mậu kỷ

Đây là một liệt kê, hoặc vật thể, Hoặc phương vị theo nguc hành, nên quan sát và tìm hiểu thêm ra, từ lục phủ ngũ tạng, tới mọi vộ phận của con người, đều thể hiện qua ngũ hành, tượng bằng các sao của môn Tử vi, thời tính linh tật bệnh, hạnh phúc, tai nguy, sẽ giúp cho việc phân luận được nhiều lợi ích chân xác trong 1 lá số.

Thí dụ thuộc bảng Nguyệt lệnh

ÁP DỤNG VÀ HÀNH HOẢ
Thời mùa hạ thuộc Hoả
Hướng nam thuộc Hoả
Quả tim con người thuộc Hoả
Con mắt con người thuộc Hoả
Mầu đỏ thuộc hoả
Chất đắng thuộc Hoả
Nhạc lý cung thuỷ thuộc hoả
Và thiên can Binh Đinh cũng thuộc Hoả

Trên đây là thí dụ một hàng của bảng Nguyệt lệnh nên đối chiếu các hành khác về để tìm hiểu.

HÌNH VẼ

VẬN HÀNH THANH THỜI TIẾT 4 MÙA

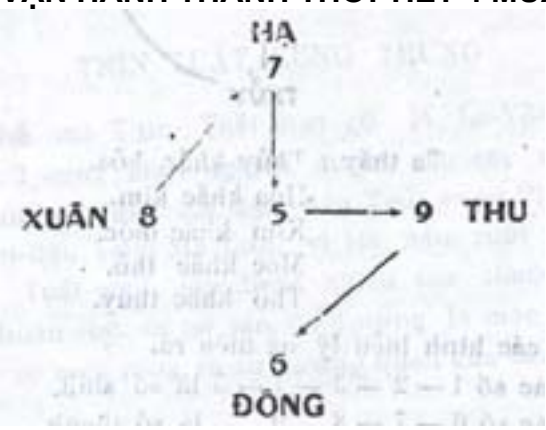

HÌNH VẼ **BIỂU LÝ NGŨ HÀNH CHI SINH**

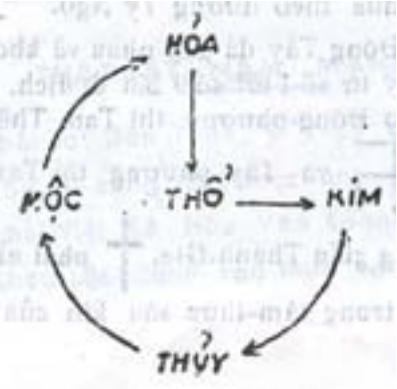

Ta thấy: Mộc sinh hoả.
Hoả sinh thổ
Thổ sinh kim
Kim sinh thuỷ
Thuỷ sinh mộc

BIỂU LÝ NGŨ HÀNH CHI KHẮC

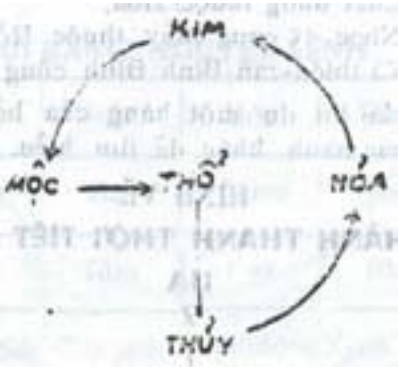

Ta thấy : Thuỷ khắc Hoả.
Hoả khắc Kim.
Kim khắc Mộc.
Mộc khắc Thổ.
Thổ khắc Thuỷ.

Qua các hình biểu lý đã hiện ra.
Các số 1_2_3_4_5 là số sinh.
Và các số 6_7_8_9 là số thành.

11) Nên người xưa đã theo quy luật vận hành trong Hà-đồ và Lạc-thư, mà biết căn cứ vào phương vị , để xây cất cung điện đền chùa theo hướng Tý Ngọ.

Cũng như Đông Tây đã gặp nhau về khoa toán học, cùng chung một biểu lý từ số 1 tới số 9 bất di dịch, và cũng một công thức mà tôn giáo Đông phương thì Tam Thế Âm Bồ Tát, dấu hiệu chữ vạn 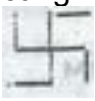 và Tây phương thì Tam- Vị nhất-Thể Thiên-Chúa, cũng dấu Thánh giá , phải chăng Hà-đồ, Lạc-thư đã ẩn sẵn trong tâm thức sâu kia của con người ,và nếu muốn đi sâu vào đường lý-học, không thể bỏ qua bộ sách Ngũ-kinh độc-bản hoặc Thư-kinh tập-chuyên, trên đây chỉ là khái niệm mà thôi.

Áp dụng sang Tử-vi.

12) Khi đã nhận thức được quy luật của số 4 , là nút mở vận hành của ngũ hành, mới thay được H-D tiền sinh, thuỷ tổ phát sinh ra khoa Tử –vi Đẩu –số, lại lấy tới 4 cung Thế Thìn Tuất Sửu Mùi, mà Tuất ở nơi Thiên-phủ miêu vị, đòi chiêu Tử vi cao ngất sáng ngời ở Ngọ cung.

Vậy nên hiểu Sửu Mùi là thổ ngoại, thổ đã thành mà hai cung Thìn Tuất là nơi thổ hư trung, Thổ hãy còn thu lấy hoặc phát ra, để thành nên thực thể ngũ hành khác.

THÌN TUẤT CUNG TRUNG

Vì thế mà Thìn Tuất mới gọi là La-võng chi địa ,thường là 2 cung khởi nghịch thuận của các sao , thường có danh là xương long chi địa, nên Tuất cung Phủ ngộ Hồng Quyền Phụ –Bật, kiêm Mộ tinh, vi tối hảo , mới thấy rõ các nguyên lý Tuất phải gặp được nhiều sao thuộc hành Thổ mới thật hoàn mỹ , và tại sao cơ lương là Mộc ở Tuất lại miếu địa, sẽ hiểu rộng ra sự tương quan của các cung được.
❋

THẤT SÁT NAM MẠNH CA

Thất –sát Dần Thân Tý Ngọ cung.
Tây di cũng thù phục anh hùng.
Khôi-Việt Tả Hữu Văn Xương hội .
Khoa-Lộc danh cao thực vạn chung.

Địa phận Thiên bàn cung
1_Ngũ hành Mạnh tự

ÂM DƯƠNG VÀ NGŨ HÀNH CỤC

Cung Thiên bàn dùng để ghi Mạnh thuộc hành nào , nam nữ thuộc Âmhay Dương , tuổi sinh thuộc cục nào , và để đánh dấu các cung lưu vận niên từng năm.

Phân định Mạnh thuộc hành nào .

Tiên quyết phải xét Mạnh thuộc hành nào , thuộc kim , mộc , thuỷ , hoả hay thổ , thử đến phân định xem hành ấy thuộc loại nào , sau đó mới xét đến các sao trong cung Mạnh, xem sao nào hợp với lành của bản mạnh, và xem sao ấy có đồng một bản chất , hay một tính lý với mạnh không , hay là sao ấy khắc chế với mạnh , rồi sao mới họp các cung tam hợp , xung chiếu , và nhị hợp lại ,để xét toàn thể tinh mạnh .

Thí dụ biết mạnh thuộc Mộc, nhưng là mộc nào.

1) Đại làm mộc là thứ mộc rất to lớn , ví như cây da, cây đề ở đình chùa.

2) Mộc thuộc dương liễu mộc là thứ cây cũng to lớn, mà ta có thể dùng gỗ để làm nhà cửa.

3) Mộc thuộc tùng bách là loại kém bàng dương liễu, thí dụ gỗ chỉ làm đồ dùng.

4) Mộc thuộc bình địa mộc là loại cây ta , thường thấy ở vươn ấp chẳng hạn.

5) Mộc thuộc tang già mộc là thứ cây dâu, lá dùng để nuôi tằm.

6) Mộc thuộc thạch lưu mộc là thứ cây như cây lựu trồng để làm kiểng chơi.

Qua các thí dụ trên , căn cứ vào bài lục thập hoa giáp là 1 vòng 60 năm , ta thấy mộc là cây, nhưng cây có nhiều loại khác nhau , không đồng bản chất và tính lý, thì không ở chung được với nhau.

NGUYÊN TẮC PHÂN ĐỊNH

1) Đồng vị, đồng tính ,cư đồng gia.
2) Bất đồng vị , bất đồng tính , bất cư đồng gia.

(cùng bản chất cùng tính lý có thể ở chung nhau một nhà)
(Không cùng bản chất và tính lý không thể ở chung với nhau được).
Thí dụ về việc phân loại mộc này.

Tại sao ở rừng ta nhận thấy khu này là rừng tre,lồ ồ, thì toàn là tre và lồ ồ, ta ít khi thấy một cây loại khác tre, hay lồ ồ, có thể ở giữa rừng tre, lồ ồ được , giả thử có 1 ,2 cây khác loại , dù là cây sao hay dầu , là thứ cây sinh trưởng rất mau, rất lớn cũng không thể có được, nếu có cũng chỉ là cây cong queo , làm củi mà được thôi.

Tìm hiểu về nguyên lý sẽ thấy trước hết , đất này đã hợp cho loại tre , loại lồ ồ, vả Chăng khi tre và lồ ồ đãolớn , thân khí và các thứ khí khác của tre , lồ ồ phát ra ,thì chỉ có đồng loại của nó mới có thể sinh trưởng được thôi , các loại cây khác sẽ bị khắc chế mà tiêu diệt.

Không cần nói chi tới loại tre và lồ ồ , là thứ cây còn lớn ,ngay khu rừng nào là khu cỏ tranh yếu ớt , cũng thấy toàn thể là cỏ tranh cả.

Phải chăng đây là định luật của loài thảo mộc .Sau khi hiểu được định luật đồng nhị dị (cùng mà khác) của mộc loại, là đã đồng thời hiểu ra hành còn lại.

ĐỊNH LUẬT ÁP DỤNG

Kỳ cố hà dư như :lưỡng hoả thành Viêm.
Lưỡng Hoả Hoả Tuyệt.

(tại sao như thế , hai hoả gặp nhau thành đám cháy lớn , cũng hai hoả gặp nhau mà hoả bị tuyệt).

Vì lửa sấm sét trên trời (tích lịch hoả)với lửa ở hoả lò , là lửa đun bếp (lò trung hoả)thời gặp nhau làm sao để mà sinh hoá được , nếu sét đánh vào đám lửa đun bếp , thì đương nhiên sẽ tắt hết lửa ngay.

Cùng một định luật này, áp dụng cho 3 hành còn lại kia , là về phương diện sinh hoá và diệt vong.

Áp dụng hành Kim , lưỡng kim kim khuyết .

Hành Thổ, lưỡng thổ thổ duyệt.

Hành Thuỷ, lưỡng thuỷ thuỷ kiệt.

Trên đây là sự sinh khắc cùng một loại với nhau .

Dị biệt ngũ hành khắc sinh

Lại còn sự khắc và sinh của các hành khác đối kháng cùng nhau nữa .

Thí dụ như nước và lửa là 2 loại thuộc ngũ hành cá biệt nhau , lửa không thể ở gần nước đựơc , vì thuận lý thì thuỷ khắc hỏa, lửa đi lên mà nước thì lắng tụ xuống.Nhưng ngược lại nếu muốn có nước vệ sinh để dùng , phải đun sôi lên , nước mới thuần khiết và đắc dụng.

ĐỊNH LUẬT ÁP DỤNG

Kỳ cố hà dư, như Thuỷ Khắc Hoả

Vô Hoả bất thành Thuỷ
(tại sao như thế nước khắc chế lửa, mà không có lửa ,lại không thành thuỷ.)

SINH KHẮC KIM VÀ MỘC

Thí dụ như Kim(sắt) khắc chế Mộc, lấy dao,cưa , búa chặt thì cây chết, nhưng nếu không có Kim là búa , chẳng đục để đẽo gọt, chạm tỉa , thì gỗ kia đâu có thành được những tủ xưa , những bộ sa-lông quý giá , hay là đình chùa nguy nga lộng lẫy được.

Hiểu được 2 thí dụ trên tất sẽ dùng được nguyên tắc để xét đoán , Kim nào khắc Mộc nào là được việc, và áp dụng về Kim,Mộc như sau:

Kỳ cố hà dư, như kim khắc Mộc
Vô kim bất thành Mộc.
(tại sao như thế sắt là thứ khắc Mộc, mà không có sắt thì mộc lại không thành).

Vậy nên suy ra chẳng hạn như kim mà khắc mộc tang giá , hay là mộc rau muống , ấy là mộc chiết , mà còn hết luôn đời vậy.

Mạnh hành và tinh đầu hành

Trên đây là một định luật chung cho ngũ hành, nên đã phân định được, hoặc sao chỉnh tinh, hay là một sao nào hợp với hành của mạnh, thời nên xét đóan xem sao đó đối chiếu với hành của bạn mạnh sinh khắc ra sao, để luận trình độ nhiều ít về xấu tốt.

Nếu mạnh và sao cư mạnh đồng một hành với nhau, thời ông sao đó mới chính là của mình, tức là của mạnh.

Người có sao cư cung mạnh cùng với một bản Mạnh, nên không bị khắc chế bởi hung sát tinh mà còn được các điều phù trì tất sẽ hưỡng danh tài hưng vượng, và đức tính mới chính là bậc quân tử, có thể hòan tòan tinh cậy không thể có tâm hồn sảo trá tiểu nhân được.

Về đầu số có 14 chính tinh luân chuyển trên 12 cung mà thôi, cáhi khó khăn là ở chỗ đó, vì trong 12 cung chi có 3, 5 cung là vô chính điệu, còn các cung kia không sao này thời sao kia, 1 ngày 1 giờ, trong một quốc gia nhỏ bé này cũng sinh sản ra bao nhiêu trẻ em, mà những người đạt phú quý và tri thức song tâm hồn phúc thiện ích quốc lợi dân lại là phần khác, nên trước mặt nhà lý số có kể đâu là Tử-vi cư Ngọ, Thiên-phủ lâm Tuất, Thất-sát Dần Thân, Phá-quân Tý Ngọ mà bảo, nhất hô bá mặc, cự-phú, đôi kim tích ngọc, hay tứ phương cũng phục anh hùng, trái lại còn cười thầm, và biết đây là ôn gtướng đủ thứ, hay là chủ cai thầu đó thôi.

Nên nguyên lý của đẩu số, đều phải nhất luật quay tròn xoáy chặt vào Can Chi, mà vòng lục thập hoa giáp là minh chứng tỏ tường, định sẵn cái Hành nhất định của tuổi sinh, không một nhà thuật số nào chối bỏ được, cứ 60 năm tinh tú mới chuyển hết 1 chu kỳ, nên cũng Tử-Phủ Vũ Tướng, mà người này phúc hậu, kẻ khác lại nam-trá, nên nhà Tử-vi học có nhiều cách phê số thâm sâu, mà người hậu học và người có số không hiểu chi cả.

Thí dụ như : Thoát khí chi đồ.
hay là : Cẩu thâu vị miễn.

Tức là kẻ lột áo người, hay là mình sẽ bị lột áo.

Hay là chó cắn gẫy gối, chó cắn rách áo, chó cắn trộm, phải chăng là khất cái chi đồ, hay là loại đạo-chích cũng vậy.

Trên đây là những định lý riêng về ngũ hành thuộc bản mạnh, quy luật sinh khắc của các sao nên xem ở mục tinh đẩu.

Âm dương lý

1) Sau khi đã định được ngũ hành thuộc bản Mạnh, tiếp đến nên nhận xét, xem dương số thuộc Âm Dương nam nữ để phân định các tam hợp cục, xem các sao cư chiếu ở các cung tam hợp, thuận nghịch cho một lá số ra sao.

Về âm dương lý này, ta nên biết, 1 thí dụ khái niệm như con người, kẻ thuận tay mặt, tất vị tay mặt sẽ tiện cho công việc hơn, kẻ thuận tay trái thì tay trái sẽ đắc lực hơn, và như khoa học Tây – phương đã chứng minh, ai thuận tay nào nên để người ấy làm việc tay ấy, vì do dảnh hưởng cả bộ thần kinh tại óc, đã linh diệu về phía ấy hơn, trái nghịech với sự xếp đặt thiên nhiên đó, sẽ bị kém nhạy cảm.

NGUYÊN LÝ PHÂN ĐỊNH ÂM DƯƠNG

2) Vậy xét về đường đi thuận nghịch, vãng phản của đương Tiên-thiên và Hậu-thiên xuyên qua 2 cung Thìn Tuất, và 2 cửa ngõ đóng mở là 2 cung Mão Dậu, để sinh sinh hoa hoá, thành các cá biệt ngũ hành, đã tựu thành sự phân chia thuận nghịch của các tam hợp cục, thí dụ như Thân Tý Thìn là 1 tam hợp cục, đối với người Dương nam Âm nữ, thì phải khởi từ cung Thân, tới cung Tý, tới cung Thìn là nơi cuối cùng, cũng như một người đã về tới nhà mình vậy.

Đối với người Âm nam Dương nữ, thì nghịch lại phải khởi từ cung Tý tới Thân và khi tới Thìn cung là nơi cuối cùng, đấy là sự định lý âm dương, của 2 chữ Âm và Dương đã ghi trong cung Thiên-bản mà ta thường không quan tâm tới.

MẠNH CUNG TƯƠNG QUAN PHƯƠNG-VỊ QUY LÝ ÂM DƯƠNG.

3) Vì quy luật Âm Dương, nên cung Mạnh sẽ rất quan trọng đối với cách giáp, và ngay khi chỉ có một sao ở hai bên cung Mạnh.

Thí dụ Mạnh ngồi cung Dần, có sao Địa-kiếp cư cung Sửu.

Người Dương nam Âm nữ khởi thuận hành, nên mặt quay sang cung Mão, thì sự tác hại của Địa-kiếp sẽ nhẹ, vì Địa-kiếp ở sau lưng.

Song với người Âm nam Dương nữ, khởi nghịch hành, ví như trứơc mặt lúc nào cũng có tên côn đồ ám hãm mình vậy, cho nên duy chỉ có một Địa-kiếp mà cuộc đời vẫn bị nhiều khổ hạnh.

TAM HỢP CỤC LIÊN HỆ ÂM DƯƠNG

4) Ba cung Mạnh Tài Quan bao giờ cũng ở trong một tam hợp cục, nên Âm Dương quy lý vào tam hợp cục cùng 1 quy luật.

Thí dụ đối với người Dương nam Âm nữ, tam hợp cục Thân Tý Thìn, Mạnh ngồi cung Tý, hung sát tinh cư cung Thân, sẽ nặnag tai vạ hơn là hung sát tinh cư cung Thìn, vì bọn hung sát kia sẽ đi từ cung Thân tới cung Tý của Mạnh, nhưng nếu hung là cư cung Thìn, thì tai họa sẽ sơ qua thôi, vì hung sát tinh ở vào điểm cuối cùng của một tam hợp cục.

ÂM DƯƠNG QUY LÝ

LƯU NIÊN VẬN HÀNH ĐẠI TIỂU HẠN.

5) Đã hiểu được Âm Dương quy lý vào Mạnh cung, và các tam hợp cục của Âm Dương nam nữ, nặng nhẹ ra sao, thì việc lưu hạn tới cung đại-hạn, tiểu-hạn và nguyệt nhật hạn, thời cũng 1 nguyên tắc.

Không những các cung đại hạn, niên, nguyệt, nhật, thời phải xét cung nào nặng, cung nào nhẹ, nhất là khi lưu vòng sao Tràng sinh, là đại diện cho gia đình gồm toàn thể các thứ bậc, vòng sao Thái -tuế và vòng sao Lộc-tồn, thấy các sao thiện ác của các vòng sao này, ở trong các cung tam hợp với cung đại diện cho một hạn (thí dụ đại hạn cư cung Ngọ) thời phải quy lý Âm Dương, để phân định hai cung Dần và Tuất xem cung nào hệ trọng, cho nên cũng hung sát tinh ở tam hợp chiếu mà hạn nhẹ, cũng hung sát tinh cư ở tam hợp chiếu, mà hạn trở tay không kịp, là do lý Âm Dương cả;

Nên vì lý Âm Dương mà phân biệt được Mạnh cư cung nào, thì tay mặt ở cung nào, tay trái ở cung nào, đối chiếu các sao tượng hình tính thân thể con ngừơi, mà toán ra được các cơ quan tỳ viết, hình thương hay ám tật.

Thí dụ Mạnh ngồi cung Tuất.
Cung Dậu là tay mặt.
Cung Hợi là tay trái.

Mà sao Phượng các là tai của con người, nếu Phượng-các ở cung Dậu bị Hình, Kiếp, tức là tai bên mặt sẽ bị tỳ vết.

Một thí dụ sao Phượng-các là tai cho tất cả các sao hình tượng thân thể con người, nên khi nghi ngờ giờ sinh không đúng, muốn kiểm chứng Tử-vi với dương số, đã có cung Mạnh và cung Tật-ách để so sánh, tất không thể nào di dịch được.

ĐẨU SỐ TƯƠNG QUAN TƯỚNG HỌC

6) Cũng như khoa xem tướng, nhà tướng học trông thấy tai phải một người nào đó có tỳ vết, tất biết ngay cha mẹ của người ấy phải có thời gian phá bại, tuỳ thuộc thời gian mà tai là tượng trưng.

Vì đối với Tướng học.

Tai phải thuộc Mộc (tượng thời gian từ 8 tuổi tới 14 tuổi).

Tai trái thuộc Kim (tượng thời gian từ sơ sinh tới 7 tuổi).

Như vậy là Kim khắc Mộc, hơn nữa tại là cơ quan để xem về sự thụ hưởng phúc đức, vì nhĩ giả ỷ dã.

CÔNG THỨC ÂM DƯƠNG

7) Đối với Mạnh Thân cư cung Âm và cung Dương.

Sự phân định của quy luật Âm Dương lý, đối với một lá số cần thiết như thế nào qua các thí dụ trên.

Ngược lại như thường thấy sinh Dương hiềm Mạnh cư Âm vị (cung âm), sinh Âm hiềm Mạnh cư Dương vị (cung Dương) hay là Mạnh cư cung Âm mà Thân cư cung Dương, cho nên số bị triết giảm xấu, thời thiết tưởng không phải là lý Âm Dương nữa, vì

Tử-vi học phải liên-hợp cả năm tháng, ngày giờ sinh, mới có một độ số Tử-vi ở tại cung nào, ngay như một người sinh Dương, Mạnh cư cung Dương, hay sinh Âm, Mạnh cư cung Âm, cũng còn phải xét đoán xem, cung Âm hay cung Dương kia có miếu vượng hay bị khắc hãm, như vậy tại sao lại sinh Dương Mạnh cư Âm, hay sinh Âm mạnh cư cung Dương, là khắc chế, là xấu, thì thật Tử-vi đã tự mâu thuẫn vậy.

Định lý về ngũ cục

Thủy nhị cục
Thổ ngũ cục
mộc tam cục
kím tứ cục
hỏa lục cục

1) Về Cục là một trong ba quy luật tốt cần thiết trong cung Thiên-ban, vì tam thập niên tiền quan Mạnh, tam thập niên hậu khán Cục.

Điều quan trọng là Mạnh và Cục nên tương đồng 1 hành hoặc giả chính tinh cư cung Mạnh, nếu không đồng hành với hành của Mạnh, thì nên được một sao chính tinh khác đồng một hành với Cục, như thế sẽ đựơc một nửa đời sau, vì nửa đời sau ăn theo Cục, nếu được sao chính tinh đồng hành với Cục cư trong tam hợp cục, thời cung nào cũng có sao chính tinh đồng hành với Cục, cung ấy sẽ được âm hợp hơn.

Thí dụ Cục là, Mộc tam cục.

Mạnh Tài Quan cư ở 3 cung tam hợp Dần Ngọ Tuất, cung Tài cư Tuất có sao Thiên-lương, như vậy cung Tài được sự âm hợp vì Cục là Cục mộc, mà Tài cung được sao Thiên-lương cũng là Mộc, nên cung Tài sẽ được tốt duyên hơn hai cung kia.

Liên hệ ngũ hành Mạnh và ngũ hành Cục.

2) Nếu Mạnh và Cục không cùng một hành, nên căn cứ quy luật bất di bất dịch của lý học là.

Sinh phải sinh nhập.
và Khắc phải khắc xuất.

luôn luôn lấy Mạnh làm chủ, để luận sinh nhập và khắc xuất Rĩ Mạnh vi mẫu và Cục vi tử.

1- Thí dụ Mạnh Hỏa, cục Mộc là tốt, vì mộc sinh hỏa, là Cục nhập vào Mạnh.
2- Mạnh Hỏa, cục Kim thì kém hơn, nhưng không bị khắc chế gì cho Mạnh, vì Hỏa khắc Kim là khắc xuất.
3- Nếu Sinh xuất và Khắc nhập thì xấu. Thí dụ Mạnh Mộc và Cục Kìm là mộc bị kim khắc, như vậy là Cục khắc Mạnh tức là khắc nhập.

SỰ HÀNH TÀNG CỦA VÒNG TRÀNG SINH
Nguyên lý hợp thành Cục.

3) Sở dĩ hành có ngũ hành, mà sự kết hợp Cục là gồm cả thiên can, địa chi, bát quái, lấy 12 cung địa chi sở tàng phân thành 4 tam hợp cục, nên cục Thuỷ và cục Thổ mới nhập chung lại làm một, và có lý thuận nghịch tùy theo Âm Dương.

Thí dụ tam hợp cục Dương là Thân Tý Thìn, nhưng tam hợp cục Âm là Tý Thân Thìn, để định phân thành tứ dương cục và tứ Âm cục.

4) Sự kết hợp Cục , thuộc tứ Dương Cục
1- MỘC TAM CỤC

Địa chi : Hợi Mão Mùi thuộc Mộc cục.
thiên can : Kiền Giáp Định thuộc Mộc cục.
nên Cấn Bính thuộc sao Tham lang (Mộc).

- Dương cục Tràng sinh ở Hợi.

2 - HỎA LỤC CỤC

Địa chi : Dần Ngọ Tuất hợp thành Hỏa cục
Thiên can : Cấn Bính Tân hợp thành Hỏa cục.
Nên Hợi Mão Mùi Canh thuộc sao Liêm-trinh (hỏa)
- Dương cục Tràng sinh cư Dần.

3 - KIM TỨ CỤC

địa chi : Tỵ Dậu Sửu hợp thành Kim cục
thiên can : Tốn Canh Quý hợp thành Kim cục.
nên Tỵ Sửu Đoài Đinh thuộc sao Vũ Khúc (kim)

- Dương cục Tràng sinh tại Tỵ.

4 - THỦY NHỊ CỤC

địa chi : Thân Tý Thìn hợp thành Thủy cục.
thiên can : Khôn Nhâm Ất hợp thành thủy cục.
nên Nhâm Dần thuộc sao Văn-khúc (thuỷ).
Thuỷ cục và Thổ cục thuộc Dương, Tràng sinh tại Thân.

Từ Dương cục, Tràng sinh khởi ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi, cho người sinh Dương nam Âm nữ, và khởi thuận.

5 - Tứ Âm Cục thuộc Tràng sinh

Thí dụ 1 tam hợp cục.

Khi là dương cục : Thân Tý Thìn.
Khi là âm cục : Tý Thân Thìn.
1- Mộc tam cục Tràng sinh khởi ở cung Mão.
2- Hỏa lục cục Tràng sinh khởi ở cung Ngọ.
3- Kim tứ cục Tràng sinh khởi ở cung Dậu.
4- Thuỷ nhị cục và Thổ ngũ cục Tràng sinh khởi tại cung Tý.

Tứ âm cục khởi nghịch Tràng sinh tại 4 cung Tý, Ngọ, Mão, Dậu, cho người Âm nam và Dương nữ.

6 – TRÀNG SINH ÁP DỤNG THEO 10 HÀNG CAN.

Tràng-sinh cũng theo hàng Can của mỗi năm mà định vị-trí, tùy theo Can ấy thuộc Âm hay Dương mà an thuận hay nghịch, để khi lưj niên vận hạn, các sao thuộc vòng Tràng sinh gặp các sao thiện ác ra sao mà luận đoán.

1) TỨ TRÀNG SINH NGŨ HÀNH
thuộc tứ Dương cục thuận khởi.

1- Can Giáp thuộc Mộc, Tràng sinh tại Hợi

2- Can Bính thuộc Hỏa, Tràng sinh tại Dần

3- Can Canh thuộc Kim, Tràng sinh tại Tỵ.

4- Can Nhâm (Thuỷ) và can Mậu (Thổ) Tràng sinh tại Thân

2) TỨ TRÀNG SINH NGŨ HÀNH
thuộc tứ Âm cục nghịch khởi.
1- Can Ất thuộc Mộc, Tràng sinh tại Mão
2- Can Đinh thuộc Hỏa, Tràng sinh tại Ngọ
3- Can Tân thuộc Kim, Tràng sinh tại Dậu
4- Can Quý (Thủy) và can Kỷ (Thổ) Tràng sinh tại Tý.

QUY ĐỊNH THẬP CAN NGŨ HÀNH

Đông phương giáp ất mộc
Nam phương bính đinh hỏa.
Tây phương nhâm quý thủy.
Trung cung mậu kỷ thổ.

ĐỊNH LÝ TRÀNG SINH

8) Vòng Tràng –sinh được tính theo, Sinh Vượng Mộ Dưỡng là tốt.

Và Suy Bệnh tử Tuyệt là xấu.

Mà sao Mộ thuộc Thổ, phải cư mộ địa, không được thay đổi vị trí, mặc dù Tràng-sinh thuận khởi hay nghịch khởi, nên cứ một tam hợp cục có một cung thổ đứng nơi chót, để laà mốc giới căn cứ, mà hai cung kia đổi thay vị trí, vì thế mà cứ mộ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) mới gọi là cung trung hay trung ương thì cũng vậy.

1) Thí dụ - Mộc cục thuộc Dương.
Tràng-sinh tại Hợi thuận khởi
Đế-vượng tại Mão
Sao Mộ ở Mùi.
2 – Hay là Mộc cục, thuộc Âm nghịch khởi.
tràng-sinh tại Mão cung.
Đế-vương tại Hợi.
Sao Mộ ở Mùi cung.

1- Như vậy là Dương cục thuận khởi,

Sao Mộ ở Mùi cung

2- Hay là âm cục nghịch khởi,

Sao Mộ cũng ở cung Mùi

Như vậy Mộ địa phải coi như mốc giới, căn cứ bất di bất dịch cho vòng Tràng sinh.

8) Vòng Tràng-sinh có 2 định luật.

1- Áp dụng cho cục để biết 12 cung của một người, hợp hung cát ra sao theo tiêu trưởng.

2- Áp dụng Tràng-sinh thuộc năm, để biết các sao xấu tốt của vòng Tràng-sinh, nhập vào cung nào, luận đoán xấu tốt của các cung ấy, khi lưu niên vận hạn

9) Tràng-sinh tương quan Dịch-học

Về khoa Âm Dương học tức là khoa Dịch-lý, cũng phải dùng.

1- Tràng-sinh chưởng quyết (vòng sao Tràng-sinh)

2- Lộc Mã-Dương nhận ca (Lộc-tồn, dịch mã Kinh-dương)

3- Quý nhân ca quyết (Thiên-khôi, Thiên-việt)

Vòng Tràng-sinh ở Âm Dương học thì căn cứ Sanh phi khắc phục và Phi lai phục thần, ở 6 hào mà tính thế và ứng để luận cát hung.

10) Tràng-sinh tương quan Bát Trạch học.

Khoa Dương Trạch học, tà phép dạy về xây cất nhà cửa cũng thế.

1- Bắt buộc phải tìm mạch đất (Dương trạch gọi là long) thuộc Cục gì (kim mộc thủy hỏa thổ)

2- Phải phân định mạch đất thuộc Aâm Dương cục để khởi Tràng-sinh tại 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi hay là khởi tại Tý Ngọ Mão Dậu.

3- Phải xem năm xây cất nhà thuộc can nào, định âm dương của hàng can, để khởi Tràng-sinh thuận hay nghịch, mà tính các phương hướng xấu tốt của năm đó.

4- An Tràng-sinh xong tất biết ngay hướng phạm và hướng tốt và định lý pháp ở khó Dương Trạch là:

1) Đệ nhất sinh khi là Tràng-sinh
2) Đệ duyên niên là Đế-vương
3) Đệ tam tuyệt mạnh là Tuyệt.
4) Đệ tứ ngũ quỷ là Tử.

Rồi mới tiếp tục tìm phương vị Thiên-ất quý nhân (Thiên-khôi, Thiên-việt)

Lộc mã dương nhận (Lộc-tồn, Dịch mã, Kinh dương)

11) TRÀNG-SINH TƯƠNG QUAN ĐỊA LÝ (PHONG THỦY)

Ở khoa Địa-lý, Tràng-sinh quan trọng bội phần hơn các môn Tử-vi hoặc Dịch-học.

Vì muốn an táng mộ-phần, thời bắt buộc phải tính Tràng-sinh một cách cẩn thận.

1- Nếu kiết-huyệt mà phạm vào Tử, Tuyệt của vòng Tràng-sinh cũng không phát được

2- Đất thường àm được Sinh, Vượng hướng của Tràng-sinh thì mộ phần yên ổn, tử tôn bình an.

Nên các ca quyết của Tràng-sinh pháp đọc lên là minh bạch, không thể di dịch được.

12) TỨ THỦY PHÁP TRÀNG-SINH

(bốn phép Tràng-sinh theo giòng nước chảy)

1- Hỏa cục Tràng-sinh pháp

1- Ất Bính giao nhi xu Tuất (ca quyết).

Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Tuất (mộ) thì biết đất ấy là Hỏa cục.

Song chưa biết được Hỏa cục này thuộc âm hay dương cục.

2- Phân âm dương pháp

Địa lý gia đứng ở Mão phương nhìn đối diện với phương Tuất thấy dòng nước chảy từ trái qua tay mặt thì biết là dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh, mà Dương Hỏa cục Tràng-sinh tại Dần.

Đế-vương tại Ngọ

sao Mộ tại Tuất.

như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Định pháp Âm cục

Địa lý gia đứng ở Mão phương nhìn đối diện với phương Tuất thấy dòng nước chảy từ tay phải sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm Hỏa cục Tràng-sinh tại Ngọ cung.

Đế-vương tại Dần

sao Mộ tại Tuất.

Như vậy là Âm cục, nhưng sao Mộ cũng phải cư mộ địa, vì cung Tuất là Thổ, nên gọi là mộ địa.

2- Thủy cục Tràng-sinh pháp

1- Tân Nhâm hội nhi tụ Thìn (ca quyết).

THỦY CỤC

Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Thìn (mộ) thì biết đất ấy là thủy cục.

Song chưa biết thủy cục này thuộc dương hay âm.

2- Phân âm dương pháp

Địa lý gia đứng ở Dậu, nhìn đối diện với phương Thìn thấy dòng nước chảy từ trái qua tay phải thì biết là Dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh

Mà Dương thủy cục Tràng-sinh cư Thân cung.

Đế-vương tại Tý

sao Mộ tại Thìn.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Định pháp Âm cục

Địa lý gia đứng ở Dậu phương nhìn đối diện với phương Thìn thấy dòng nước chảy từ tay mặt sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm thủy cục Tràng-sinh tại Tý cung.

Đế-vương tại Thân cung

sao Mộ tại Thìn cung.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Kim cục Tràng-sinh pháp

1- Đẩu Ngưu Nạp Đinh Canh chi khi (ca quyết).

KIM CỤC

Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Sửu (mộ) thì biết đất ấy là Kim cục.

Song chưa biết Kim cục này thuộc dương hay âm.

2- Định pháp Dương cục

Địa lý gia đứng ở Ngọ phương, nhìn đối diện với phương Sửu thấy dòng nước chảy từ trái qua tay mặt thì biết là Dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh

Mà Dương kim cục Tràng-sinh cư Tỵ cung.

Đế-vương tại Dậu

sao Mộ tạI Sửu cung.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

3- Định pháp Âm cục

Địa lý gia đứng ở phương Ngọ nhìn đối diện với phương Sửu thấy dòng nước chảy từ tay phải sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm kim cục Tràng-sinh tại Dậu cung.

Đế-vương tại Sửu cung

sao Mộ tại Thìn cung.

Như vậy là Mộ cư mộ địa.

4- Mộc cục Tràng-sinh pháp

Kim Dương thu Quý Giáp chi hinh (ca quyết).

MỘC CỤC

1- Địa lý gia đến một nơi, thấy nước chảy về phương Mùi (mộ) thì biết đất ấy là Mộc cục.

Song chưa biết Mộc cục này thuộc dương hay âm.

PHÂN ÂM DƯƠNG PHÁP

2- Địa lý gia đứng ở phương Tý, nhìn đối diện với phương Mùi thấy dòng nước chảy từ trái qua tay mặt thì biết là Dương cục.

Địa lý gọi là : thủy tả toàn thuận khởi, tức là Dương cục.

Định lý Dương cục thuận khởi Tràng-sinh

Mà Dương mộc cục Tràng-sinh tạl hợi cung.

Đế-vương tạl Mão

sao Mộ tạl Mùi cung.

Như vậy là sao Mộ cư mộ địa.

ĐỊNH PHÉP ÂM CỤC

3- Địa lý gia đứng ở phương Tý nhìn đối diện với phương Mùi thấy dòng nước chảy từ tay phải sang tay trái thì biết là Âm cục.

Địa lý gọi là : thủy hữu toàn nghịch khởi, tức là Âm cục.

Định lý Âm cục nghịch khởi Tràng-sinh

mà Âm Mộc cục Tràng-sinh tại Mão.

Đế-vương tạl Hợi

sao Mộ tại Mùi cung.

Như vậy là sao Mộ cư mộ địa, vì cung Mùi thuộc thổ nên gọi là mộ địa.

12) KIỂM CHỨNG TRÀNG-SINH

Trong 4 phép về Tràng-sinh là,

1) Ất bính Giao nhi Xu Tuất (hỏa cục) tức là phương Ất giao sang phương Bính, hay là phương Bính giao sang phương Ất, nhưng phải thu về phương Tuất.

2) Tân Nhâm Hội nhi Tụ Thìn (thủy cục), tức là phương Tân hội với phương Nhâm, hay là phương Nhâm hội với phương Tân, mà tụ về, quy về phương Thìn.

3) Đẩu Ngưu nạp Đinh Canh chi khi (Kim cục), tức là phương Đinh hội với phương Canh, hay là Canh hội với Đinh, mà Nạp về phương Ngưu (Sửu).

4) Kim Dương Thu Quý Giáp chi ninh (Mộc cục), tức là phương Quý hội với Giáp, gồm với Quý mà Thu về phương Mùi.

5) Như vậy thời Tràng-sinh pháp ở môn Phong-thủy đã minh chứng một cách rõ rệt, minh bạch là Tràng-sinh phải thay đổi, khởi thuận nghịch nhưnag sao Mộ thời không thay đổi, sao Mộ lúc nào cũng phải cư ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, mà ý nghĩa tứ mộ là cung trung, là trung ương, đã là cung trung, hay trung ương thì tại sao lại thay đổi được nên ở 4 tam hợp cục, mỗi tam hợp cục đều có một cung thuộc thổ cả.

Thí dụ : Hợi Mão Mùi hợp thành Mộc cục, vậy phải có một cung mùi để làm cứ điểm, mới phân được âm dương.

Hơn nữa nên tìm hiểu ở các chữ Hội, Tụ, Nạp, Thu ở bài ca quyết, của tứ thủy pháp Tràng-sinh thuộc khoa Phong thủy.

Và định luật chung ta thấy ở Hà Đồ, Lạc thư thì mỗi lần vãng phản, sinh thành, để sinh hóa thành các cá biệt ngũ hành, thì đường đi hầu như đều trở về cung trung thuộc thổ và sự hợp thành của cục, lấy 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi là căn bản để phân âm dương, là lý ở đó vậy.

13) TỬ TRÀNG-SINH Ở TỬ-VI ĐẨU SỐ

Nếu ta thấy các môn học 1 về Dịch lý

2- Phong thủy, Dương trạch (nhà cửa)

3- Phong thủy, Địa lý (mồ mã)

Và ở Tử-vi đẩu số cũng phải sử dụng tới Tràng-sinh, mà khoa nào cũng Dương thì Tràng-sinh ở Dần Thân Tỵ Hợi.

Mà âm là Tý Ngọ Mão Dần.

Như đã thấy ở bài kinh quyết của Địa lý thì Tràng-sinh dù Dương hay Aâm cục, chỉ đổi thay phương vì Tràng-sinh mà mộ địa tượng trưng sao Mộ của vòng Tràng-sinh khôgn thay đổi.

14) SỰ HIỆN HÀNH CỦA VÒNG SAO TRÀNG-SINH

Hiện nay sự thực hành vòng Tràng-sinh chia thành môn phái khác nhau.

Cách an Tràng-sinh thứ nhất.

Hầu như toàn thể đã áp dụng an Tràng-sinh thuận nghịch, nguyên tại một cung.

Tức là chỉ khởi ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi.

1- Mộc cục an Tràng-sinh

1- Thí dụ dẫn chứng – Mộc cục thuộc Dương
an Tràng-sinh tại Hợi cung.
Đế-vương tại Mão.
Sao Mộ tại Mùi cung.

2- Mộc cục nghịch khởi Âm nam Dương nữ
cũng an Tràng-sinh tại Hợi cung.
Đế-vương tại Mùi .

Sao Mộ tại Mão cung.

2- Kim cục an Tràng-sinh

1- Dương nam hay Âm nữ – Kim cục an Tràng-sinh thuận khởi
an Tràng-sinh tại Tỵ cung.
Đế-vương tại Dậu cung.
Sao Mộ tại Sửu cung.

2- Âm nam hay Dương nữ – Kim cục an Tràng-sinh nghịch khởi
Tràng-sinh cũng khởi tại Tỵ cung.
Đế-vương tại Sửu cung.
Sao Mộ tại Dậu cung.

3- Hỏa cục an Tràng-sinh

1- Sinh Dương nam hay Âm nữ – Tràng-sinh thuận khởi
an Tràng-sinh tại Dần cung.
Đế-vương tại Ngọ cung.
Và Sao Mộ tại Thìn cung.

2- Sinh Âm nam hay Dương nữ – Tràng-sinh nghịch khởi
cũng an Tràng-sinh tại Dần cung.
Đế-vương tại Tuất.
Sao Mộ tại Ngọ cung.

4- Thủy cục và Thổ cục an Tràng-sinh

1- Sinh Dương nam hay Âm nữ – Tràng-sinh thuận khởi
an Tràng-sinh tại Thân cung.
Đế-vương tại Tý.
Sao Mộ tại Thìn cung.

2- Sinh Âm nam hay Dương nữ – Tràng-sinh nghịch khởi
an Tràng-sinh tại Thân cung.
Đế-vương tại Thìn.
Và an Sao Mộ tại Tý cung.

5- Ghi nhận cách an Tràng-sinh

Thuận nghịch đồng khởi tại một cung.

Qua cách an sao Tràng-sinh như trên, dù Âm hay Dương nếu cùng khởi tại một cung.

1- Thời sinh Dương nam Âm nữ

Ta thấy sao Mộ cư tại Thìn Tuất Sửu Mùi.

2- Trái lạl với người sinh Âm nam Dương nữ

Thì sao Mộ ở 4 cung Tý Ngọ Mão Dần.

Như thế là sao Mộ đã không cư mộ địa nữa, mà còn cư tại các cung thuộc tứ chinh thủy nữa.

Kiểm định sao tuyệt

thuộc vòng Tràng-sinh

6) Nếu Âm hau Dương cùng khởi Tràng-sinh ở 1 cung thì sao tuyệt không đổi thay, chỉ cư tại 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi.

1- Thí dụ Mộc cục vòng Tràng-Sinh khởi thuận

an Tràng-sinh tại Hợi

Đế-vương tại Mão.

Sao Mộ tại Mùi cung.

và sao tuyệt an tại cung Thân.

2- Mộc cục vòng Tràng-Sinh nghịch thuận

an Tràng-sinh tại Hợi cung

Đế-vương tại Mùi.

Sao Mộ tại Mão.

và sao tuyệt an tại Dần cung .

7) Biểu đồ sao Tuyệt của các cục

Sao Tuyệt thuộc Mộc cục

1- Mộc cục an thuận khởi Tràng-sinh.

Sao Tuyệt cư tại Thân cung

2- Mộc cục an Tràng-sinh nghịch khởi .

Sao Tuyệt an tại cung Dần

Sao Tuyệt thuộc Hỏa cục.

3- Hỏa cục an thuận vòng Tràng-sinh.

Sao Tuyệt cư tại Hợi cung.

4- Hỏa cục khi vòng Tràng-sinh an nghịch.

Sao Tuyệt an tại Tỵ cung.

Vị trí sao tuyệt thuộc Kim cục.

5- Kim cục an thuận vòng Tràng-sinh

Sao Tuyệt cư tại Dần cung.

6- Kim cục khi vòng Tràng-sinh an nghịch khởi.

Sao Tuyệt an tại Thân cung.

Vị trí sao tuyệt thuộc Thủy cục và Thổ cục.

7- Thủy và Thổ cục khi an vòng Tràng-sinh thuận

Sao Tuyệt an tại Tỵ cung.

8- Thủy và Thổ cục an vòng Tràng-sinh nghịch

Sao Tuyệt cư tại cung Hợi.

8) NHẬN XÉT VỊ TRÍ CỦA SAO MỘ VÀ SAO TUYỆT

1- Sao Mộ – Dương nam Âm nữ, thì sao Mộ cư tại 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi.

Âm nam Dương nữ, thì sao Mộ cư tại 4 cung Tý Ngọ Mão Dần.

2- Sao Tuyệt – Dương nam Âm nữ hay Âm nam Dương nữ,sao Tuyệt cũng chỉ cư tại 4 cư Dần Thân Tỵ Hợi.

Mà ở Tử-vi đẩu số :

1- Thìn Tuất Sửu Mùi là tứ mộ hay tứ khố.

2- Tý Ngọ Mão Dần là tứ bai hay tứ tuyệt.

3- Dần Thân Tỵ Hợi tứ sinh hay tứ tuyệt.

Như vậy nếu an Tràng-sinh, Âm hay Dương cùng khởi **********

9) NGŨ HÀNH SINH KHẮC ĐỊNH LỆ

Ở các cung thuộc ngũ hành, thì Thổ là cung trung, là nơi sở cứ, đề cho các hành nhập xuất, mà sinh hóa thành các hành cá biệt.

1- Nên Mô là mô địa, không thể thay đổi vị trí, cho nên đã lấy sao Mộ của vòng Tràng-sinh làm sở cứ căn bản ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, mà chỉ thay đổi vị trí Tràng-sinh tùy theo Âm hay Dương.

2- Trái lại sao Tuyệt phải đổi thay, để có tuyệt đi mới có sinh, và sao tuyệt khi thuộc âm, phải ở tứ bại là Tý Ngọ Mão Dần.

Vì 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi thuộc thủy khí và 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu là tứ chính thủy nên từ khi biến thành thủy thực trao đổi cho nhau mà Mão Dậu là nơi miếu địa của song Hào nên mới có cách chúng thủy triều đông.

3- Và tại sao 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu lại là tứ bại ở Tử-vi học, nên tứ âm cục, sao Tuyệt đổi vị trí sang các cung Tý Ngọ Mão Dậu để hợp cùng lý khí mà sinh được, nên định luật âm sinh nhi dương trưởng, là hợp với sao Tuyệt, khi thuộc âm là phải tuyệt, rồi mới sinh là thế.

4- Nếu sao Tuyệt dù Âm hay Dương cũng chỉ ở 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi , thì chữ tứ bại dùng để chỉ cho 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu là lầm lẫn, và vô nghĩa vậy.

15) Sự hiện hành của vòng Tràng-sinh

Cách an Tràng-sinh thứ hai

Một cách an vòng Tràng-sinh thứ hai chiếm phỏng định 5% đa số là các Cụ, đã khởI thuận nghịch cùng tạI 4 cung Dần Thân Tỵ Hợi.

1- Khi an thuận vòng Tràng-sinh, thờI mỗI cung một sao , đủ số 12 cung.

2-Nhưng khi an nghịch vòng Tràng-sinh, thời hai sao Tràng-sinh và Đế-vượng cùng an tại 1 cung.

3- Như vậy vòng Tràng-sinh khi an thuận thời đủ 12 cung mà khi khởi nghịch thì thiếu 1 cung không có sao nào và 2 sao Tràng-sinh và Đế-vượng đã đồng cư 1 cung rồi.

Thí dụ : Mộc tam cục

1) KHI AN VÒNG TRÀNG-SINH THUẬN KHỞI.

an Tràng-sinh tại Hợi cung

Đế-vượng tại Mão.

sao Mộ tại Mùi cung

sao Dưỡng tại Tuất cung.

Như vậy là 12 cung mỗi cung có 1 sao của vòng Tràng-sinh.

2) KHI AN VÒNG TRÀNG-SINH NGHỊCH KHỞI.

an Tràng-sinh và Đế vượng đồng cung tại Hợi

sao Suy cư tại cung Mùi.

sao Tuyệt tại Mão cung

và sao Dưỡng tại cung Sửu .

Như vậy là cung Tý không có sao nào của vòng Tràng-sinh.

HỆ LUẬN CÁCH AN TRÀNG-SINH

ĐẾ-VƯỢNG ĐỒNG CUNG

4- Việc lập luận cách an Tràng-sinh, Đế-vượng đồng cung đã giải thích là.

1- Khi an Tràng-sinh thuaận, thời sao Mộ cư mộ địa, vậy khi an nghịch, phải an 2 Tràng-sinh, Đế-vượng đồng cung thì sao Mộ mới cư mộ địa được.

2- Đã cứng rắn tỏ ý nghĩa, sao Mộ là Thổ phải cư Mộ địa là gì, phải chăng là Thổ thì tại sao lại an tại 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu được.

NHẬN XÉT

Như thế là thiếu một cung để an sao Đế-vượng.

1- Mà định pháp trong Âm Dương bố khi đồ (tức là phép Âm Dương chuyển thuận nghịch) đã không đúng, vì thiếu hẳn 1 cung không có Đế-vượng và khi tùy theo Âm Dương để lập hướng.

Thí dụ lập Sinh thu Vương.

hay là lập Vượng thu Sinh pháp.

Khi gặp Âm cục thì biết lập gì được và cả 2 sao Tràng-sinh, Đế-vượng đã nhập 1 cung rồi.

2- và ca quyết: Bối Vương nghinh Sinh nghịch cục với định lý của Âm cục, đã bị bỏ đi không được chấp nhận nữa.

16) Luận chung Tràng-sinh pháp

1- Định vị trí sao Mộ

Qua các dẫn chứng của sao Mộ và sao Tuyệt thì sao Mộ dù Âm hay Dương cũng chỉ cư ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi mới là hợp lý, nếu chuyển sao Mộ sang tứ bại cung Tý Ngọ Mão Dậu thì không còn căn bản nào làm mốc giới cho vòng Tràng-sinh nữa và 4 tam hợp cục, mỗi tam hợp cục có 1 cung thổ định hướng sở cứ đã vô nghĩa.

2- Định vị trí sao Tuyệt

Cũng như định luật Âm sinh nhi Dương trưởng của vòng Tràng-sinh, khi gặp Âm nam Dương nữ thì sao Tuyệt là bằng chứng hiển nhiên đã cư tại Dần Thân Tỵ Hợi, hoàn toàn lầm sang dương cục, lý khi đang trưởng thành.

Nên khi gặp âm cục là khi dương đã trưởng rồi, thời sao tuyệt phải hồi về 4 cung Tý Ngọ Mão Dậu, để âm kia hợp được lý khi mới có thể sinh được.

Vậy mộ phải cư mộ địa.

Mà tuyệt phải đổi thay vị trí.

Qua sự phân tích và tìm hiểu trong bài ca quyết, Tràng-sinh tứ thủy pháp, để đối chiếu gõ hầu xác định được chân thực.

Cách lưu niên vận hạn

An tiểu hạn

Sau khi an xong các sao, bắt đầu an tiểu hạn trên 12 cung để biết vận hạn từng ănm một.

1- Muốn tính tiểu hạn từng năm, phải tùy theo năm sinh và là nam hay nữ.

Nam khởi tính theo chiều thuận

Nữ khởi tính theo chiều nghịch

2- Bất kể nam hay nữ đều khởi tại 1 cung nhưng ghi năm sinh ở bên cạnh cung khởi, sinh năm nào ghi năm ấy, chỉ khác nam thuận nữ nghịch.

PHÂN ĐỊNH NHƯ SAU

Sinh thuộc năm	Cung khởi ghi
Thân Tý Thìn	Tuất
Dần Ngọ Tuất	Thìn
Tỵ Dậu Sửu	Mùi
Hợi Mão Mùi	Sửu

3- Thí dụ nam sinh năm Thân, ghi chữ thân ở bên cạnh cung Tuất là cung khởi, rồi theo chiều thuận an tiếp các cung khác, ghi chữ Dậu ở bên cung Hợi, chữ Tuất bên cung Tý, ghi Hợi ở cung Sửu, cứ như thế tiếp tục ghi những cung còn lại theo thứ tự 12 chi.

BẢNG GHI CÁCH TÍNH LƯU NIÊN TIÊU HẠN 1 NĂM

Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân
Thìn	Mão Thìn Tỵ Ngọ Dần Mùi		Dậu
Mão	Sửu Ngọ Tý Hợi	Thân Mùi Tuất Dậu	Tuất
Dần	Sửu Tý Sửu Dần	Hợi Tuất Tý Dậu	Dậu
Mão	Thân Mão Thìn Tỵ Ngọ Mùi		Tuất
Dần	Sửu	Tý	Hợi

1- Nam nhân sinh năm Thân

2- Ghi Thân bên cạnh cung Tuất

3- Nam sinh thuận khởi

4- Thí dụ Nữ sinh năm Thân, cũng khởI ở cung Tuất, ghi chữ Thân ở bên cung Tuất, tiếp tục an nghịch các chi Dậu bên cung Dậu, ghi Tuất bên cung Thân, và tuần tự ghi nghịch các cung còn lại theo thứ tự 12 chi.

BẢNG GHI CÁCH TÍNH LƯU NIÊN TIÊU HẠN 1 NĂM

1- Nữ nhân sinh năm Thân

2- Ghi Thân bên cạnh cung Tuất

3- Cung Tuất là cung khởi

4- Nữ sinh khởI nghịch

5- Muốn biết vận hạn xấu tốt trong 1 năm nảo, căn cứ cung ghi năm ấy, xét ảnh hưởng các sao.

THƠ AN TIỂU HẠN

Tinh hạn tra xét mọi phàan.

Nam thuận nữ nghịch phải cần xét suy.

Tuổi Dần Ngọ Tuất Thìn ghi.

Thân Tý Thìn ấy tại vì Tuất cung.

Hợi Mão Mùi trâu ngó trông .

Tỵ dậu sửu dê lông đòi ăn.

LƯU ĐẠI HẠN

Một Đại Hạn là mười năm.

CÁCH LƯU ĐẠI HẠN

1- Phải căn cứ vào Cục

Nếu là thủy nhị cục ghi số 2 – 11 vào cung Mạnh.

2- Phải căn cứ Dương nam Âm nữ, chuyển hạn theo chiều thuận.

Âm nam Dương nữ, chuyển hạn theo chiều nghịch.

Thí dụ 1: Dương nam thủy nhị cục hay Âm nữ thủy nhị cục.

Bắt đầu ghi 2 – 11 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn thuận, ghi 12 – 21 vào cung Phụ Mẫu, 22 – 31 vào cung Phúc-đức, 32 – 41 cung Điền-trạch, 42 – 51 cung Quan-lộc, 52 – 61 cung Nô-bộc, và 62 – 71 cung Thiên-ri.

Thí dụ 2 : Âm nam thủy nhị cục hay Dương nữ thủy nhị cục.

Khởi ghi 2 – 11 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn theo chiều nghịch, ghi 12 – 21 vào cung Huynh-đệ, 22 – 31 vào cung Thê-thiếp (Phu-quân), 32 – 41 cung Tử-tức, 42 – 51 cung Tài-bạch, 52 – 61 cung Tật-ách, và 62 – 71 cung Thiên-ri.

Thí dụ 3: Dương nam mộc tam cục hay Âm nữ mộc tam cục.

Bắt đầu ghi 3 - 12 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn thuận, ghi 12– 22 vào cung Phụ Mẫu, 23 – 32 vào cung Phúc-đức, 33 – 42 cung Điền-trạch, 43 – 52 cung Quan-lộc, 53 – 62 cung Nô-bộc, và 63 – 72 cung Thiên-ri.

Thí dụ 4 : Âm nam mộc tam cục hay Dương nữ mộc tam cục.

Khởi ghi 3 – 12 vào cung Mạnh, rồi chuyển hạn theo chiều nghịch, ghi 13 – 22 vào cung Huynh-đệ, 23 – 32 vào cung Thê-thiếp (Phu-quân), 33 – 42 cung Tử-tức, 43 – 52 cung Tài-bạch, 53 – 62 cung Tật-ách, và 63 – 72 cung Thiên-ri.

GHI ĐẠI HẠN TÙY THEO CỤC

Thủy nhị cục ghi 2 –11, 12 – 21 và tiếp theo……

Mộc tam cục ghi 3 –12, 13 – 22 và tiếp theo……

Kim tứ cục ghi 4 –13, 14 – 23 và tiếp theo……

Thổ ngũ cục ghi 5 –14, 15 – 24 và tiếp theo……

Hỏa lục cục ghi 6 –15, 16 – 25 và tiếp theo……

Và tiếp theo ghi cho tới cung Thiên-ri là quá đủ, vì nhân sinh thất thập cổ lai hy rồi, đâu còn mong muốn gì thêm.

Các số ghi 2 –11, 3 –12, 4 –13, 5 –14, 6 –15, là để đánh dấu một đại hạn 10 năm, tứ tuổi nào và đại hạn lâm cung nào thì xét vận hạn theo ảnh hưởng của cung ấy.

Thí dụ đại hạn ghi 44 – 53 ở cung Quan-lộc thì vận hạn xấu tốt ảnh hưởng, cho tới 10 năm từ 44 tuổi đến 53 tuổi, của các sao liên hệ thuộc cung Quan-lộc.

Lưu nguyệt hạn

Để biết vận hạn xấu tốt trong một tháng.

Hai cách thường sử dụng.

Cách 1 – Khởi tính Nguyệt hạn từ cung Niên hạn, kể là tháng giêng, tính theo chiều nghịch tới tháng sinh, ngưng tại cung nào kể cung ấy là giờ Tý, tính theo chiều thuận tới giờ sinh ngưng tại cung nào kể cung ấy là tháng giêng, tuần tự tính thuận tháng 2, tháng 3, tháng 4, tới tháng nào muốn biết vận hạn.

Cách 2 – Kể cung ghi niên hạn là tháng giêng, tính thuận tới tháng 2, tháng 3, tháng 4 hay tháng nào muốc biết vận hạn, mỗi cung 1 tháng.

CÁCH TÍNH NHẬT HẠN

Để biết vận hạn tốt xấu trong một ngày.

Biết Nguyệt hạn tại cung nào, kể luôn cung ấy là mồng 1, tuần tự mỗi ngày 1 cung, cho tối ngày muốn biết vận hạn.

CÁCH TÍNH THỜI HẠN

Để biết vận xấu tốt trong vòng 1 giờ.

Biết Nhật hạn tại cung nào, kể cung ấy là giờ Tý, tính thuận mỗi giờ một địa chỉ theo Tý, Sửu,…tới giờ nào muốn biết xấu tốt.

❋

THẤT-SÁT NAM MẠNH CA

Thất sát tọa Mạnh lạc nhân cung.
Cự tú Dương Đà cánh chiếu xung.
Nhược bất thương chi tất tổn cốt.
Không môn tăng đạo khả hưng long.

CHƯƠNG 4
TÌNH- LÝ VÀ TƯỢNG- HÌNH CỦA CHƯ -TINH CƯ CUNG MẠNG-VIÊN

Tử-Vi

Tử vi là ngôi đế cực, cư nơi miếu vương, gặp được Tả-hữu, Khôi-việt, Hồng-đào, cát tinh phủ tri, thời phú qúy hiển đạt tột cùng.

Không gặp được Phu-vật là vô dụng, đáo nhị hạn giải được hung ác của Dương-đà, Hỏa-linh.

Chỉ sợ lạc Không-vong là đế ngộ hung đồ, thời nên đi tu làm tăng đạo, ắt được hưởng phúc.

Tử vi là người tầm thước, mặt đỏ tía hồng, tính tình đôn hậu.

Hãm địa thường bị bệnh dạ dày, hay mắc chứng đau bụng, kiết tả, thường bị âm hư và đàm trệ.

Thiên-Phủ

Thiên Phủ cũng là đe vị thuộc âm Thổ.

Miếu địa ở Tuất gặp được Tả phụ đồng cung là thượng cách (Tả Phụ cách là gấm thêm hoa, là tài tinh, cùng với Lộc-tồn thì giàu có cự vạn, vàng chèn ngọc cất.

Cũng như Tử-vi, được Phụ bật, Hồng đào, Khôi việt, thời cự phủ, công danh toại mãn, chế hóa được hạn họa của Dương-đà, Hóa-Linh, tối kỵ gặp Tuấn-không là khó lẫm rỗng, và lạc Không-vong là trở thành họa.

Thử ư Mạnh-Thân là người khoan hòa, thuấn nhã và ngay thẳng, mặt hơi vuông, da trắng.

Nên có cách Kim ô viên mãn, ngọc thố thanh kỳ.

Thiên-Cơ

Miếu ư đông vị, từ cung Dần tới Thân.
Hãm ư tây vị, từ cung Dậu tới Sửu.

Thái-dương là nghi tượng của dương khí, để phát ra ánh sáng, nuôi dưỡng và sinh hóa muôn loài.

Cư cung Quan lộc là đệ nhất cách.

Ơủ nơi miếu địa thi tài lộc và danh quyền cao vòi vọi, chủ chấp chưởng oai quyền, gặp được khúc xương, Khôi việt thì phú qúy cực phẩm.

Cư Ngọ vị là người tài lộc, địch quốc chi phú, hay tranh quyền của người trên.

Chỉ sợ hội Dương-đà ví như trời giông tố, không còn mặt trời nữa.

Miếu địa ở Nữ mạnh là bậc hiền phu, chính trực, đoan trang, vượng phu ích tử.

Nam mạng là người khôi ngô, tuấn tú, trán cao. Mặt dài trên to dưới nhỏ như mặt con rắn. Thái-dương diện khuyên xà tề.

Nếu ngộ Hình là người tán dô ra mà cao, thường gọi là trán che sương.

Nữ mạnh ngộ Kinh thời nên tu hành hưởng phúc, không nên lập gia đình, vì bị hình khắc phu tử.

Ngộ Đà là người tâm thần vô định, lúc thân lúc sơ.

Hội với Hình, riêu, Kỵ phải toái quan phòng về mục tật.

Thái-Âm

Miếu địa ở Tây vị Sửu tới Dậu cung
Hãm địa ở Đông vị từ Dần tới Thân cung

Thái-Âm thuộc thủy là nghi tượng sự sáng về đêm, cư Thiên ri hội Lộc, là người xuất ngoại mà lập nên cơ nghiệp.

Chủ ư Điền-tài hội Lộc là hợp cách.

Hội với Văn-khúc ở Hợi-cung, là cách bình bộ ngập điện cung, (thong thả vào cung).

Ở số là tượng mẹ vă thê thiếp.

Thái-âm hãm ngộ Riêu Kỵ thường hay mắc bệnh thận, các chứng phù thũng.

Ngộ Hình Linh, Hư , thì hay mơ màng và bị di mộng tinh. Nữ Mạng hội với Tang Hổ, phải phòng bệnh tật về máu huyết và khi sinh sản.

Hội với Riêu-Kỵ hãm thì dâm đãng và đói mục tật. Hội với Kinh Đà thì bị hình khắc lục thân, không thể tốt đẹp được .

Thái âm không sợ Không-vong, nhưng tối úy Kinh Đà. Nhật Nguyệt cư nơi miếu địa ngộ Triệt Tuấn thi tối lại, ở nơi hãm địa Triệt Tuấn là sáng trở lại.

Thủ Mạnh là mặt tròn, tươi trắng tính tình híeu hòa, nữ mạng thì đoan trang, chỉ sợ ngộ Dương Đà, là khắc hãm, phá tổ ly tông.

Vũ-Khúc

Vũ-Khúc là bắc đẩu thuộc Kim

Là tài tinh, chủ về tiền của.

Cư 2 cung, Tài, Trạch thì hợp cách.

Đồng cung với Tham-tang thì thiếu niên bất lợi, phải tới nủa đời sau mới thànhững cơ nghiệp được .

Hội với Phá-quân cư Tài là đông thành tây hại, đồng tiền lên xuống tưa dòng nước xuôi.

Tham Vũ hội Mạnh thì đầu nhỏ mình to.

Thủ ư Mạnh hãm, thì dáng người nhỏ thỏ, mặt hơi dài, tiếng nói to mà thanh sảng, thường hay có noát ruồi nơi kín.

Vũ Khúac chỉ tính tình cương cường, quả cảm nhưng hay giận hờn.

Chỉ sợ hội với ác sát thành keo kiệt, bủn xỉn.

Hội với Thất-sát ở Mão Dậu gia Hình việt Linh Hỏa, phòng té cây, sét đánh, tàn tật, tai nạn xe cộ. Ngộ Kỵ thường mắc bệnh xuyễn và bệnh lao.

Thiên- Đồng

Thiên Đồng là nam đẩu tinh thuộc dương Thủy.

Chủ phúc thien,cư cung Phúc-đức là tốt nhất, chủ ích thọ.

Thiên-đồng cư 12 cung không sợ sát hung.

Thủ Mạnh là người phi nộn, da trắng mày xanh, mắt sáng, lưng dày, tính nết phúc hậu, hòa nhã. Hội với Khôi, Khoa, Xương, Khúc là người liêm khiết, có trí linh sáng, biết trước được công việc.

Hội với Kinh-dương, Thái-âm, Phượng-các ở cung Tý, Ngọ là cách Kinh, Đông, âm nhi phùng phượng Giải, tài kiếm văn võ, qúy hiển cực phẩm.

Hội với Cự-môn hãm là người xảo ngôn, lệnh sắc, ngu độn mà hạ tiện, tính tình thay đổi luôn.

Liêm-Trinh

Liêm-Trinh lá bắc đẩu tinh thuộc Hỏa.

Liêm-Trinh nhập miếu ngộ Văn-xương chủ lễ nhạc, hội với Thất-Sát thiên về về võ chức.

Cư Quan-lộc chấp chưởng binh quyền qúy hiển.

Cư Mạnh là đào hoa thứ hai.

Hãm địa thường dong chơi cờ bạc.

Thủ Mạnh là người dáng cao, mặt xương xương, lông mày rậm, miệng rộng, tính tình ưa tranh đấu.

Cùng với Tham lang Tỵ Hợi, thì chiếu lấy hình ngục, luôn luôn đáo chốn công mon.

Hội với Kiếp Không hãm, thời suốt đời hà tiện, tính tình ương ngạnh gàn dở, vì đam mê mà mắc hình phạt không tránh được.

Hãm ngộ Hình Kỵ thường hay mắc chứng huyết nhiệt mà sinh mụn nhọt.

Tham-Lang

Tham-Lang là bắc đẩu tinh thuộc âm Mộc.

Tham-Lang vừa là sao sát, mà cũng là sao phúc thiện, có nhiều tâm hồn ưa thích thần tiên và ca vịnh.

Cư miếu vượng hội với Hỏa-Linh, Khôi-việt, hợp Lộc thì giàu sang như trở bàn tay.

Hội Binh Tường và Linh thì uy vũ, quả cảm, cương nghi, binh quyền vạn lý.

Hội với Sinh Vượng thì trường thọ, không sao nào bằng.

Hội với Khôi Việt thì thanh cao, đứng đắn, cơ mưu thâm thúy, là người ưa thích về các môn khoa học huyền bí.

Hội với Khúc-Xương loà cách làm thầy, cửu lưu nơi thôn dã.

Hội với Phụ Bật Hình Kỵ, là cach của các bậc danh y, hay là phù thủy cao tay.

Ở với Tử-vi Mão Dậu thích về tu hành.

Cùng với ác sát là người gian xảo, lấy thân làm sơ, xử sự hậu bạc nhất, không trọng phong tục, hay xiêm nịnh.

Cùng với Đào-hoa là tử chiến giang hồ, phiếm thủy đào hoa cách, thường đam mê tửu sắc mà gian dâm.

Thủ Mạnh là người hơi thấp, dáng hơi đậm, rắn chắc mà thường có răng ngắn.

Hãm địa hay mắc chứng hôi nách.

Nữ mạnh nhộ Đào, Riêu Hình, Kỵ là thị phi chiêu oán suốt đời,

Chung thân chỉ là ca kỹ hạ hạng, hoặc nô tỳ ở các nhà hàng ca vũ.

Ngộ Liêm trinh Tỵ Hợi rất cần gặp Triệt Tuần giải cứu là phản vi kỳ cách.

Cự – Môn

Cự –môn là bắc đẩu tinh thuộc Thủy.

Hóa khi thành ám.

Cự-môn hãm thủ mạnh là người chua nhoa, đa hư thiểu thực.

Hội với Kỵ Đà là người nói alúp (cà lăm) mà đa dâm.

Hội với Thái Tuế thì thị phi khẩu thiệt.

Người tuổi Quý ở cung Tý Ngọ là hợp cách.

Hội với Thiên Cơ Mão Dậu, người tuổi Bính Tân là thượng cách.

Cự ở Thìn Tuất người tuổi Tân là thượng cách, vì có sự ám hợp đẩu số (Tôn Tân Cự-môn tinh).

Tượng thân thể Cự môn là cái mồm, nên thủ Mạnh hãm là người môi thâm.

Thiên – Tướng

Thiên tướng là Nam Đẩu thuộc Dương Thủy.

Thiên tướng là sao phúc thiện, hóa khi là cái ấn, là văn tinh.

Cư ở Quan-lộc là họp cách.

Thủ Mạnh là người đứng đắn, trung trực hay có lòng nhân từ, thường hay bênh vực kẻ cô thân, cô thế.

Gặp Tướng, Quân, Binh , Aán, là cách xuất tướng, nhập tướng, chấp chưởng quyền cao chức vọng về binh nghiệp.

Ngộ Xương Khúc Khôi Việt thì văn quan quý hiển.

Gặp Dương-đà ác sát không sợ hung nguy.

Miếu địa cư nữ Mạnh thì hình dung tuấn tú, vượng phu ích tử, nhưng hay đoạt quyền chồng, nói năng hoạt bát, linh lợi khéo léo.

Chỉ sợ nơi hãm địa lạc Không –Vong, Linh – Hỏa thì bị hình khắc, quả cô đối với phu tử, càng về hậu vận càng xáu.

Nữ Mạnh có Tướng Hồng là người mặt hoa da phấn thế nào cũng lấy được chồng quyền qúy.

Thiên – Lương

Thiên-lương là nam đẩu tinh âm Mộc

Thiên-lương là sao phúc thiện, hóa khi là âm tinh

Cư ở Phụ-mẫu và Phúc-đức là hợp cách.

Hội với Thái Dương cư Mão ở Phúc-đức, họ hàng ích Thọ mà quý hiển.

Rất cần gặp Dương, Xương, Lộc thì quý hiển vạn toàn.

Ngộ Khúc xương, Khôi việt, thi văn chương siêu việt, cơ mưu xuất quỷ nhập thần, thường là các bậc đạt nhân quân sư.

Hội Binh Quyền, Tướng Aán là chấp chưởng binh quyền, hoặc tham mưu binh bi.

Thủ mạnh là người dáng cao, hơi ốm ốm, trán cao, tính nết uẩn lương, hay giấu tâm sự, phúc hạn mà nghiêm cẩn, không thích khoe khoang.

Cư Sửu Mùi ngộ Dà hóa khi là văn cách.

Hội với Tuế Đà ở Thìn Tuất thì văn chương thi phú, ăn nói đanh thép.

Chỉ sợ hãm địa hội với Dương Linh là hạ cục, nghèo hèn mà gian trá.

Cơ, Lương hãm ngộ Lộc-tồn, gia Linh, Hình, Tuế là phạ-lộc cách.

Là cách làm thầy bói, nửa mùa, thầy cúng, hội thêm, các nghề đàn địch, trống hát chầu văn, hoặc các nghề quảng cáo hoàn tán.

Phạ lộc cách, có sách còn nói là Bả-lộc cách nữa.

Thất – Sát

Thất –sát là nam đẩu thuộc Dương Kim.

Miếu địa: Dần Thân.

Thất-sát là thượng tướng tinh, nên cách Thất-sát triển đẩu, là anh hùng võ nghiệp vô đối. Cư nơi miếu địa thì tứ phương cũng phục anh hùng, là bậc hào kiệt, trí lược hơn người .

Hội Khúc-xương, Khôi-việt nắm quyền sinh sát, tước lộc vinh xương, cự vạn chi tài không kể xiết.

Mạnh ngộ Thất-sát hãm địa, hay cư Dần Thân ngộ Triệt Tuấn thì bôn ba, lao khổ, bao nhiêu linh diệu lại hóa thành hung họa, trầm ngâm ít nói, tính tình lúc vui, lúc sầu, ngẩn ngơ khờ khạo.

Hội với Dương, Hình thì làm nghề đồ tế (giết trâu, bò, heo, gà) hay làm nghề thộ rèn.

Thường là những nghề cầm dao búa rìu kiếm tiền.

Mạnh có Thất-sát hãm, lưu hạn gặp Thất sát hãm hội Liêm Hình, là cách lộ thượnh ami thi (chết đường) xa nhà, xa quê hương.

Lưu hạn gặp được Tử-vi, Thiên tướng, Lộc-tồn thì giải được hung ngay.

Thủ Mạnh là người tầm thước, mắt to sáng, địa các hơi vuông, nhưng mặt hay bị sẹo.

Thất-sát hội Văn-xương ngộ Triệt lại là người có đôi mắt bé nhỏ.

Phá – Quân

Phá-quân là đẩu tinh thuộc âm Thủy.

Miếu địa ở Tý Ngọ.

Cư Tỵ Ngọ là nhập miếu, là cách thủy ba đại hải (sóng cồn bể ca) hóa khi là hao tinh.

Ngộ Khoa Quyền Lộc thì quý hiển.

Hội với Vũ-khúc là đông thành tây bại.

Ngộ Tử-vi Sửu Mùi người tuổi Bính, Mậu, Nhâm, Quý, thì quý hiển.

Người tuổi Giáp, phá tại Tý là đệ nhất cách.

Miếu địa gặp Phượng Long Xương Khúc thời người cao, mặt trắng, môi hồng, tai to mắt sáng, lông mày thật rậm mà đen.

Tinh thần thông minh, lanh lợi mà cơ trí hơn người, ưa những việc bạo động.

Phá quân cư Tý không sợ Kiếp Không đối với người mạng Thủy.

Mạng Kim, Thủy lưu nhị hạn gặp Thất-sát ở Thân cung, nếu hội với Khúc Xương Long Phượng, thời đi vào người chốn hung hoạ, cũng không sợ hung nguy, lại nhân đó là cơ hội mà gặp vinh hoa quý hiển.

Hãm địa thì lấy thiện làm ác, ương ngạnh, chung thân lãng đãng, phá tổ ly tông, đam mê tửu sắc, không tôn trọng phong hỏa, bất chấp lễ nghi.

Tả – Phụ . Hữu – Bật

Tả Phụ thuộc Dương Thổ
Rĩ đông vi tả phương vị
Tả Phụ là phụ trợ
Hữu Bật thuộc âm Thổ
Rĩ tây vi hữu phương vị
Hữu Bật là trợ giúp.

Miếu địa Thìn Tuất, Vượng địa Sửu Mùi.

Tả-phụ Hữu-bật là hai sao thuộc Đông Tây phương vị, chuyên đi theo để phò tá tất cả các cách, nhất là đối với bộ Tử Phủ phải cần thiết.

Hội với cát tinh thì hỏa cát.

Gặp hung tinh lại hóa thành hung.

Tả-phụ nên đòng cung với Tử Phủ, Hữu-bật không nên đồn gcung với Tử Phủ.

Cư ở Thìn Tuất, Tả Phủ nên ở Mạnh, mà Hữu –bật nên ở đối cung, vi Hữu-bật là cõ cách.

Giáp biên cách phải đúng phương vị, không nên Tả sang Hữu, hay Hữu sang Tả.

Cách giáp biên bất kể với chính tinh nào cũng càn đúng phương vị.

Đòng cung thời nên ở cùng cát tinh, nếu hội với hung tinh, thời sẽ nhập đảng mà tác họa.

Hữu-bật hội với Thien-tướng cũng như cách nưỡng Tường là hợp cách.

Phu bật cư Mạnh là người khắc khoan, khắc đỉnh nhưng phải xa quê hương đất tổ.

Phụ-bật ở nơi miếu địa thời sức phù tá mạnh mẽ gần như chinh tinh.

Lâm Mạnh Thân là triệu chứng đấu tranh, một đời phúc hậu, ùng Hồng Đào Khôi Việt thời quý hiển khôn lường.

Cư hay giáp biên ở Quan-lộc cũng hợp cách, là người được sống trogn thịnh thời, ở đây Tả-Hữu ví như văn võ ở chốn triều đình.

Lâm Tài Bạch hội với song Lộc, thì tiền của như nước triều, hội với Lộc-tồn là càn gchôn ngọc cất. Những vị bậc sỹ, giáo sư, cô mụ hoặc làm thầy tướng số, phù thủy, nếu không có Tả Hữu thì không thể là danh gia được .

Văn –Khúc Văn –Xương

Còn gọi là văn quế văn hoa, gọi tắt là quế hoa.

Văn-xương thuộc Kim là bắc đẩu tinh

Văn-khúc âm Thủy là bắc đẩu tinh.

Văn-xương hội với Thái-dương, Thiên-lương, Hóa-lộc, là cách phú quý song toàn.

Cũng như Văn-khúc hội với Thại-âm là hợp cách.

Khúc hội với Phá-quân ở cung Ngọ, thời hợp cách hơn hội với Phá-quân ở Tý, vì Tý thuộc thủy, Phá-quân thủy, mà Văn-khúc cũng thủy, nên quá nhiều thủy, không như ở Ngọ, vì Ngọ là thiên thượng hỏa, Văn-xương chủ căn tinh khoa giáp.

Văn-khúc chủ đàn nhạc, nghệ thuật, ca hát, tấu cũ Xươgn-khúc phù tá cho Nhạtt Nguyệt là hợp cách nhất, dù Nhật Nhuyệt hãm địa, vơi Khúc-xương cũng ví như được sáng ra, nên dù Nhật Nhuyệt tuy hãm, nhung cũng phong túc một đời.

Không có sao nào hội với Nhật Nguyệt dắc cách như Khúc-xương, nên ở phủ đoán là Aâm dương hội Xương-khúc nhi đắc lực. Gia hợp Long Phượng là toàn mỹ.

Nên tuỳ Mạnh hội với sao nào mà luận, nếu hội với Khôi Việt, Khoa, Long Phượng, toàn văn tinh đoan thời là bậc học uyên súc, có thể ngồi mà biết thiên hạ sự.

Nếu không có Khôi Khoa, mà Khúc cư Mạnh hội với Vũ-khúc, và Phượng Long, Quan, Phúc, Tấu Riêu, là những nhà kiến trúc, nhạc sư, hoạ sư, hay những đào nương, thành danh thượng thặng, trở nên triệu phú nếu hội với song Lộc (vì song Lộc là phủ tinh nhưng cũng là văn tinh).

Nếu Khúc-xương ở nơi lâm tuyền (hãm địa) hội Phượng Long, Tấn Vũ, Dương Đà lại là những thợ mộc, thợ khảm, thợ sơn, thợ rèn, hoặc hành nghề với đồ kim khí nhưng rất khéo tay.

Văn-khúc đồng cung với Vũ khúc là cách lưỡng Khúc trùng phùng, thường thiên về võ nghiệp.

Hội với Binh Hình, Tướng ân, Thái Phong là người bậc nguyên nhung, chấn vệ biên cương, Khúc-xương thủ Mạnh hội với Hỏa-kỵ thường hay bị yểu vong.

Văn-xương thủ Mạnh là người có cặp mắt sáng, về già thường hay phệ bụng.

Cũng như Phu Bật phò tá đắc lực cho người mạng Thổ Hỏa.

Khúc-xương rất hợp cho người Kim Thủy.

Khúc-xương cũng như Tả Hữu là sao đứng đầu các trung tinh, ở nơi miếu địa sức phù trợ có thể ví như chinh tinh.

Thiên – khôi . Thiên- việt

Thiên-khôi là nam đẩu tinh thuộc Hỏa đời Mộc

Thiên –việt nam đẩu tinh thuộc Hỏa đới Kim.

Miếu địa ở Ngọ Dần

Vượng địa ở Mão Tỵ

Hãm địa ở Hợi Tý Sửu.

Khôi-việt được tôn là Thiên-ất qúy nhân, chủ văn chương khoa giáp .

Cư ở Mạnh Thân là cách toạ Qúy hưởng Quý, thời tính tình thanh khiết, mo phạm, không ưa những điều thị phi bất chính.

Hội với Khoa xương Khúc thì văn tài siêu việt, thông kim bác cổ.

Miếu hay vượng địa rất kỵ sao Không, dù học vấn có khá, nhưng khoa trường cũng lận đận không thể đỗ cao được .

Cư nơi hãm địa Hợi Tý Sửu lại cần gặp được Triệt Tuấn khắc chế mới học thành, và thi cử đỗ đạt được .

Thủ Mạnh là cách ư gia quốc vi nhân trưởng, dù hãm địa cũng là cách trội vượt hơn những người lân cận.

Thiên-khôi tượng ở thân thể là đầu.

Nộ Hình là đầu thường hay tỳ vết , có sẹo , Thiên-việt là bả vai.

Ngộ Hình hay bị so vai, hoặc vai cao vai thấp.

Tượng văn , thời khôi là bằng cấp, mà Việt là cái bút.

Tượng đồ vật là búa, rìu , mai, cuốc , dao kéo.

Việt thủ Mạnh hãm thời trong mặt đanh mà hơi đen.

Long –trì . Phượng Các

Long –trì thuộc Thủy.

Phượng-các thuộc Mộc đới Kim.

Miếu địa ở Sửu Mùi.

Long Phượng là đài các chi tinh, và cũng là văn diệu , 2 sao này phò tá bộ Nhật Nguyệt , Cơ Lương rất đắc lực .

Người tuổi Mão Dậu , Phượng Long đồng cung, Sửu Mùi gặp Qúy Aân , Khôi Hồng là cách nam cận cửu trùng , nữ tác cung phi , khoa trường thời nhất cử thành danh.

Nhập Mạnh thì dáng người khôi ngô, tuấn tú mà vui tươi.

Tượng ở người Long-Trì là cái vú.

Nên ở nữ Mạnh là có bộ ngực nở nang tươi hồng.

Long-trì ngộ Hình Kiếp là ngực lép, thường hay mắc chứng bệnh mụn nhọt , ung thư vú.

Phượng-các tượng thân thể là tai.

Phượng-các nhập Mạnh là tai to.

Nếu ngộ Hình Kiếp là tai bị tỳ vết.

Ở Phù có câu:

Phượng-Long Mão Dậu đôi miền

Vượng thời kim bảng để tên ở đầu.

Người tuổi Mão Dậu Phượng Long ở đòng cung Sửu Mùi, nếu gia hội văn tinh là cách đỗ thủ khoa đầu bảng.

Không nên lầm mà tìm 2 sao Phượng Long ở cung Mão Dậu, vì Long-trì an thuận ở Thìn, mà Phượng-các an nghịch ở Tuất , không bao giờ ở cung Mão Dậu được ,vậy Mão Dậu chính là người tuổi Mão Dậu.

Tam –Thai . Bát –Tọa

Hai sao Thai-Tọa đều thuộc Thổ cả.

Miếu địa ở Thìn Tuất Sửu Mùi.

Tam-thai là đài các tinh, chủ khoan hoà bệ vệ .

Tam-thai là thượng-thai, trugn-thai và hạ-thai.

Diệc tác tam-năng, diệc xưng tam-giai, hữu xưng thái-giai.

Chỉ 3 cấp: Thái-úy, trung Tư-dổ và hạ Tư-không.

Bát-tọa chỉ chiếc xe của 1 vị quan đứng đầu lục tào, ngồi để phân phát các hiệu lệnh, nên cư mộ địa là tài kiêm văn võ.

Thai-tọa ví như các phủ các sở, nên rất hợp với bộ Thai Cáo.

Hội với Binh Tướng, là thiên về võ nghiệp

Tam-thai là tượng nhà cửa gia ốc

Bát-tọa tượng môn hộ, (cửa ngõ) và là xe hô\ơi

Ở thân thể Tam-thai tượng trán, Băt-tọa tượng cằm.

Cư Mạnh là người có trán vuông, bích lập, như bức tường dựng và cằm nở nang.

Ở tường học người có mằm rộng và địa các nở nang, là người có nhiều nhà đất.

Ân –Quang Thiên –Qúy

Ân-Quang thuộc dương Hỏa.

Thiên-qúy dương Thổ.

Quý Ân miếu địa ở Sửu Mùi, chủ may mắn, gặp thời.

Hai sao này đóng ơag hai cung nào cũng được sự tốt lành.

Được gọi là phúc thiện tinh, vì hội với sao hung cũng không có hại, nên gặp được Qúy Ân là có sự cứu khổn phò nguy.

Quý Ân hội với Nhật Nguyệt là họp cách, ví như tăng sức săng rực rỡ cho Âm Dương.

Hội với Cơ Lương, lại như văn diệu, nên người Mộc mạnh, Cơ Lương gặp Quang-Qúy là đắc lực hợp cách.

Qúy Ân Mùi Sửu hạn cầu

Đường mày nhẹ bước danh cao cửu trùng.

Thủ Mạnh thì dáng người cao, thanh tư, thường có bộ qúy mục (mắt qúy, trong sáng mà tâm hồn phúc thiện).

Thai –Phụ . Phong –Cáo

Thai-Phụ thiộc Thổ.

Phong-Cáo thuộc Thổ.

Hai sao này chỉ bằng sắc ấn tín.

Hội với Binh Hình Tướng Ấn, là hợp cách, ví như rìu búa, cờ biển, ấn tín của 1 vị nguyên soái.

Tướng Cáo thủ Mạnh, gia hội Hồng-loan, Hoa-cáhi, thời thiếu miên toạ chí, là người sớm thành đạt, có uy quyền võ nghiệp, sẽ giữ các quyền chức chính vị, về văn là người quản đốc ag cược những nha sở, về lưu trữ thư tịch, hay những ngành chuyên về thăng thưởng, phong tặng huân công.

Thiên-Quan Thiên-Phúc Quý-Nhân

Thiên-Quan thuộc Hỏa.

Thiên-Phúc thuộc Thổ.

Thục lệ người phương đông hay gián những tấm giấy đỏ, có 4 chữ Thiên Quan tứ phúc, là do tín ngưỡng, lưu truyền từ thời Giới-Tử –Thôi bị đốt cháy trong rừng.

Nên thường gọi là đạo gia chi thần, là thần chuyên ban phúc cho gia đình.

Hai thần Thiên Quan qúy nhân (thần của Trời)

Thiên Phúc qúy nhân (thần của đất)

Thường giáng vào ngày 15 tháng giêng, tức là ngày tết Viên Tiêu. Tết Giới Tử Thôi.

Nên hai sao Quan Phúc đi với các sao ác sát không có hại, cư ở cung nào là chế khắc giải trừ bớt được tai nạn, hội với sao nào cũng tốt cả, nên được gọi là phúc thiện tinh.

Thủ Mạnh là người có lòng từ thiện, chỉ e nữ Mạnh ngộ Hình Kỵ, là ngườag hay thay đổi tính tình, ưa thích đồng bóng không chán, nhất là hội với sao Thiên-Đồng hãm.

Hỏa-Tinh . Linh-Tinh

Hỏa-Tinh là nam đẩu thuộc âm Hỏa.

Linh-Tinh là nam đẩu thuộc Hỏa đới Kim.

Miếu vượng ở Tỵ, Ngọ, Dần, Mão.

Hỏa-Linh là hung sát tinh, chủ sát phạt, tai nạn, cô bần, nhưng nhập miếu lại giúp ích lơn lao.

Tử Phủ gặp thời chế hòa bớt được tính hung ác của Hỏa Linh.

Cơ-Lương ngộ Hỏa-Linh thì bị tối hung

Tham hội Hỏa là phù ông cách.

Tham ngộ Linh là cách tướng tướng chi danh, phát về võ nghiệp.

Thủ Mạnh phải tùy míeu hãm mà luận, hãm địa là người luôn luôn có vẻ u sầu.

Hội với Riêu Hình, thì khi ngủ hay bị mơ màng hình ảnh ma quái.

Hội với Kinh Hình, thường hay mắc bệnh thần kinh, hay các chứng kinh phong, gân cốt bị yếu.

Hỏa Linh hãm tại Tý Hợi dễ bị đau tim.

Kinh-Dương . Đà-La

Kinh-Dương là bắc đẩu tinh thuộc Kim dới Hỏa.

Đà-La bắc đẩu thuộc Kim đới Thủy.

Dương Đà la Sát tinh, chủ táo bạo, cô đơn.

Dương hóa khí là hình.

Đà hóa khí là kỵ

Kình cư tử mộ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là miếu địa.

Đà míeu ở Dần, Thân, Tỵ, Hợi

Kình-dương được tôn là đệ nhất văn tinh, văn chương quán thế, đối với người tuổi Tân, Kình Dương cư Tuất, cũng như tuổi Ất, Kình Dương cư Thìn, Đà-La là nghiên mực, đòng cung với Thiên-hình ở Thìn, Tứat, Sửu, Mùi, hội với văn tinh, là cách văn chương thi phú hiển đạt.

Hội với phú tinh, là người giàu có cự vạn, vàng chôn ngọc cất.

Dương Đà miếu địa ở cung vô chính diện, là cách Kình hay Đà độc thủ nhập miếu, là anh hùng uy áp biên cương.

Đa-la hội với Tuế Hình Riêu Kỵ ở Thìn Tuất, thời ngôn ngữ đanh thép, người người kinh phục.

Thủ Mạnh là những nhà danh tài tư pháp, chỉ sợ lạc Kông-vong Linh Hỏa, thôi không tránh được chân tay tàng tật, thường hay mắc tai nạn xe cộ hình thường.

Thủ Mạnh lấy thân làm sơ, nhưng không gian hiểm như tinh lý của Hỏa-kỵ.

Kình-lương hội Hỏa-lọ, là nhà kinh thương phát đạt trở nên giàu có.

Kình hãm địa, hội với Thiên-hình hay Thất-sát, là hành nghề đồ tể.

Dương Đà nhập miếu thì văn ttài lỗi lạc, phú quý thanh dương.

Chỉ e nơi hãm, hội Không-vong ác sát thì bôn ba hình khắc, khó tránh được hình thương hung họa.

Hỏa-Kỵ

Hỏa kỵ thuộc Thủy.

Hỏa-kỵ chủ thâm trầm, xảo quyệt, ghen ghét, mưu cơ.

Nhập miếu ở cung Điền Tài, là thần giữ gìn tiền của rất đắc lực.

Nhập Mạnh thì không tránh được thị phi, oán hờn cứ từ đâu buộc vào mình.

Nhập Quan thì hoạn lộ không bền, toàn chuyện vu vơ mà mất tả hữu.

Hội với Liêm-trinh thì oán thù không ít.

Nhập miếu ở Tý Hợi.

Miếu địa hội với Hỏa-quyền, là người cơ mưu trí lược.

Hội với Thanh-Long, Long-đức, Lưu-hà là cách rồng mây gặp hội.

Hãm gặp Vũ, Riêu, Phả-toái, hay bị cảm.

Hỏa-kỵ tượng thân thể là cái lưỡi.

Ngộ Việt Đà-la, nói lắp, nói ngọng (cà lăm).

Thiên-hình

Thiên-hình thuộc Hỏa.

Thiên-hình là sao hung, chủ cô khắc, hình thương.

Ở nơi hãm địa hội với ác sát là tai vạ, hình thương không tránh được .

Hội với Liêm-trinh thì hình ngục không thoát.

Miếu địa ở Dần, Mão, dậu, Tuất.

Cư nơi miếu, hỏa là Hỷ-thần, cùng với văn tinh là người học thành.

Hội với Binh, Tướng, Ấn, Hình, hỏa thành đại long đao, võ nghiệp lừng lẫy, chấn ngự biên cương .

Thiên-hình thủ Mạnh thì người thấp, lưng ngắn, tính tình thường thô cục.

Địa-không – Địa-Kiếp

Kiếp-không đều thuộc Hỏa.

Miếu địa ở Tỵ Hợi.

Bình địa ở Dần Thân.

Kếp-không là bộ sao hung ác nhất của Tử-vi.

Tử Phủ gặp thời vua mất ngôi, quan mất hết chức quyền .

Dù được các trung tiểu tinh phù tá, mà gặp Kiếp-không cũng đông thành tây bại, hay là cũng bị thất bại vào lúc cuối cùng.

Lâm Thân Mạnh, thời bôn ba, rất khó thành công qúy hiển.

Anh hùng tài trí không nên gặp, nếu gặp chỉ nên ẩn thân nơi thôn dã, vương vấn với nợ đấu tranh thì chung thân bất mãn, và đôi khi rước lấy tai vạ vào thân lúc chung Mộc, ngay tăng đạo cũng còn tơ vương hoàn tục. Kiếp Không là mối nợ oan nghiệt của những người cách mạng, chính trị phúc không toàn vẹn, nhưng vương nghiệp đấu tranh, bồi hồi tâm sự nhiễu tam canh, cũng không dứt được, vì bản chất Hỏa của nó cũng ưa cạnh tranh rồi.

Nhập miếu ở Tỵ Hợi, thì hoạnh phát danh tài rất lớn lao, phát dã như lôi (phát như sấm sét).

Cách Kiếp Không Tỵ Hợi, đối với người tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi, là hyử¬ng phát dã như lôi, dư lại các tuổi khác tuy phát dã như sấm sét về danh tài, nhưng không được bền chặt, đến khi bại thời tan ra mây khíi, là cách bại giả như hôi.

Riêng người sinh Thìn, Tuất, Sửu, Mùi còn được hưởng cách Mạng Không Thân Kiếp hãm địa, là cách rất xấu đối với tưởi khác.

Đặc biệt hai tuổi Kim và Thổ, cách Mạng Không Thân Kiếp, ngược lại danh tài hoạnh phát, chung thân phú qúy.

Người sinh tháng tư, tháng mười, cũng được cách Kiếp Không vô luận. Không Kiếp không tác hại, vì tháng tư, tháng mười là tháng Tỵ, tháng Hợi, nên ảnh hưởng Kiếp Không không tác hại, cũng như Kiếp Không ở hai cung Dần Thân, không hoàn toàn tác hại, khi phù khi diệt.

Được cách Kiếp Không nhập mếu ở Tỵ Hợi hoàn toàn rất khó, vì khi đã nhập miếu thì phải hoàn toàn tránh được 2 sao Triệt Tuần, nếu bị Triệt Tuần án ngữ, không phải là cách nhập

miếu nữa, vì như tương giặc không phùng thời nữa, đã bị giảm mất nhiều uy lực phu trì của Kiếp Không .

Kiếp Không hãm thủ Mạnh , là người tính tình hung bạo, đồng cung với Tử-vi, Thiên-phủ hãm là người nhút nhát, không quyết định một việc gì nhanh chóng được thành người quá dụt dè, mà hỏng thời cơ.

Thiên-Thương Thiên-Sứ

Thiên-thương thuộc dương Thủy.

Thiên-sứ thuộc âm Thủy

Thiên-thương hãm ở Thìn, Ngọ, Mùi, Thiên-sứ ở Sửu, Tuất, Thiên-sứ chủ hao tán, tai-tật.

Hội với Thái-tuế dương Đà hãm, thường bị hao tán, thị phi, khẩu thiệt, quan tung.

Lưu nhi hạn khi xuất hành, xa nhà lâu ngày, phải phòng tai vạ, có nhiều việc lo buồn.

Hội vớ song Hao, Tang-Hổ là súc vật trong nhà bị chết chóc.

Thuộc hạ giúp việc trong nhà sẽ bỏ đi, hay có sự ly tán về bằng hữu.

Lộc-Tồn

Lộc-tồn thuộc dương Thổ

Miếu vượng ở Tý Ngọ Dấn Thân, Mão Dậu.

Chủ quyền tước của cải, văn chương thi phú. Đồng cung với Khoa Quyền hay Hỏa-Lộc thì phú quý, văn chương, khoa giáp hiển vạn.

Cư Tý Ngọ xung chiếu với Hỏa-lộc và Văn Tinh, đệ nhất văn chương cách, thông minh thanh hiển.

Cách song Lộc Tý Ngọ nếu ngộ Không , thời học hành khó thành, mà công danh trắc trở, song Lộc Tý rất đắc cách văn chương, nhưng rất yếu hèn, nếu gặp hung sát tinh.

Đồng cung với Hỏa-lộc ở Dần Thân, là cách đôi kim tích ngọc.

Cùng với Hỏa-lộc ở tam hợp cuộc chiếu về Tử-vi, là song Lộc phụng nghinh cách, là vua thanh có tôi hiền.

Nếu ở phương miếu địa triều Tử-vi, cũng ví như cách quân thần khánh hội.

Mạnh có Lôc-tồn đơn thủ, là người tính toán quá độ về tiền bạc mà thành người keo kiệt, bủn xỉn, ăn ở tỏ ra cách bần tiện, vì hai sao Dương đà luôn ở giáp biên.

Nên Lộc-tồn, nếu đồng cung với một trong ba tam Hỏa, Lộc-tồn đơn thủ hay đồng cung, hoặc hợp chiếu với ba sao Hoả, để quyết luận tính tình và nghề nghiệp.

Hỏa-Lộc

Hỏa-lộc thuộc Thổ

Hỏa-lộc chủ tiền của phú qúy.

Thủ Thân Mạnh thì tiền bạc súc tích, cư Quan-lộc thì hoạn lô hanh thông.

Hội với Lộc-tồn thành cách song Lộc, thì tiền tài kiếm được dễ dàng không phải khó nhọc.

Có cách song Lộc, chắc chắn thế nào cũng được nhà cửa ruộng vườn thênh thang, chỉ e phùng Không , trở lại thanh hung hoạ, vì tài mà lâm nạn.

Phùng Không, hội với Kiếp-Không, hay Hình, thì không thể tránh được ngục tù.

Hỏa-lộc thủ Mạnh, thì người phì nộn, râu mọc quai nón, lông tóc tốt rậm.

Hội với Văn –xương, là có cặp mắt sáng mà sau thế nào cũng phệ.

Hỏa-Quyền

Hỏa-quyền thuộc Mộc.

Củ uy quyền, linh lợi, cơ mưu.

Hỏa-quyền là qúy tinh, tôn tinh, nhung là sao rất yếu, đi với cát tinh phù trì mạnh mẽ, nhưng hội với hung thị hoá hung.

Hội với Cự-môn, Phá-quân, trở nên rất đắc lực, củ quyền binh.

Hội với Hỏa-kỵ là người cơ mưu quyền biến, điều hành công việc rất quy mo.

Hội với Hoả-lộc hay Lộc-tồn, chiến hoặc giáp biên, là cách phú qúy than dương.

Hội với Hỏa-lộc cư chiến thân Mạnh, là cach xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc bả phù Thân Mạnh.

Hỏa-Quyền ở thân thể là hai lưỡng quyền.

Thủ Mạnh là người có hai lưỡng quyền cao.

Hỏa-Khoa

Hỏa-khoa thuộc Thủy.

Không sợ ác sát tinh, chủ văn tinh khoa giáp, thông minh, lịch duyệt, phúc hậu mà ôn lương. Được tôn là vị thần đệ nhất, để giải trừ tai nạn nguy hung cho cách Sát Phá Tham.

Đệ nhất giám sát thần, chấp chưởng về thi cử, nên hội Khôi Việt, Khúc Xương thành một văn tinh đoàn, người có Khôi Khoa, Quế Hỏa, thời học vấn một mà thông hiểu ra nhiều, ngày xưa là các bậc trạng nguyên, bảng-nhãn thân-hoa, văn tài, thi phú lưu danh, không có bộ văn tinh này, thời nay cũng không thẻ hiển đạt tới Thac-sĩ, hay là các bác học được .

Nên Qúy tinh, chửng phùng Không xứ, gặp Khoa thời nhất cử thanh danh.

Có cách Khôi Khoa, thường là người đứng đầu kim bảng.

Không dễ về học vấn, mà kinh doanh thương mại cũng phát đạt.

Khoa quyền nhân Khô-Việt dĩ thành công.

Kết hợp với tam Hỏa, cư Mạnh hay Quan-Tài, được ở Đông vị miếu vượng, thời uy lực mạnh như Tả Hửu, Thai Tọa, phù qúy văn chương toàn vẹn. Khoa Quyền Lộc cũng Không hãm ám xung, thời mất hết tinh cách cát diệu, vì 2 sao Lộc kỵ Không mà Quyền thì kỵ Kiếp.

Thiên-Không

Thiên-không thuộc Hỏa

Miếu vượng ở Tỵ Ngọ Dần Mão.

Thiên-không là sao hung, quý tinh và quyền tinh không nên gặp.

Nếu gặp thời khoa trường lận đận, mà công danh trắc trở.

Nên ở phú đoán : Hạng Vũ anh hùng ngộ Thiên-không nhi táng quốc.

Thạch-Sùng hạn hành Địa-Kiếp nhi vong gia.

Hội với Đao-hoa, là người có mưu trí, nhưng cơ nghiệp đổ vỡ.

Không Đào là cách bản thiên triết sỷ, ví như chim bay lưng trời gãy cánh.

Cung Mạnh có tam Không thủ chiếu, là cách đổ vỡ hay phải lập nghiệp, làm nhà ba lần được yên thân.

Đại-hao Tiểu-hao

Song Hao thuộc Thủy.

Miếu ở Mão Dậu - Vượng ở Tý Ngọ.

Lâm Mạnh hãm địa, là người bé nhỏ, ưa thích cờ bạc, đam mê rượu chè.

Hội với Mã Riêu, là tình như đáy giếng, hoang tàn, chỉ dong chơi mà pha bại tổ nghiệp.

Mâm Mạnh Quan, cư Mão Dậu lại là văn tinh, rất thông minh, lanh lợi, là người có tài tháo vát, lập nên cơ nghiệp.

Ở Quan-Lộc thì đắc cách hơn Mạnh Thân.

Song Hao Mão Dậu, chúng thủy triều đông, là các dòng nước đều chảy về phương đông, ví như bốn đại dương cùng căn cứ hướng về Thái-Bình-dương, và đại dương này tương quan địa cầu là đông vị.

Nước thủy triều lên và xuống mỗi ngày, là do ảnh hưởng của mặt trăng thu hút, nên thủy triều tháng nào cũng có 2 kỳ, con nước, là so thời gian 1 tháng của ta, bằng 1 ngày và 1 đêm của mặt trăng, và thời gian của thủy triều thăng giáng là do ngày sóc, vọng, huyền, vị trí của trái đất tương quan với mặt trăng, đồng hành trên quỹ đạo, mà mặt trăng trực tiếp ảnh hưởng đến địa cầu ta, là hành tinh cư đông vị của trái đất.

Như vậy, nếu các ngọn nước phải hướng về đông, là Hao miếu ở đó là chính lý.

Chúng thủy là tất cả các dòng nước, phải đâu là chúng hỏa mà là Hỏa được.

Song Hoa tượng ở thân thể là cái mũi. Nên song Hao cư Mạnh, mũi hơi bị hếch, lỗ mũi hướng lên trời một chút.

Ở tướng học gọi mũi này là mũi trư tụy (mũi heo).

Tang –Môn Bạch - Hổ

Tang-môn thuộc Mộc.

Bach-hổ thuộc Kim.

Miếu địa ở Mão Dậu – Vương ở Dần Thân.

Hai sao Tang-Hổ là bại-tinh, chủ hình thương, taïi nạn bệnh tật.

Tang-môn cư Mão, ví như bằng sắc, hiệu lênh treo ở cửa nhà Trời.

Bạch-hổ cư Dậu là cách Hổ khiếu tây phương

Hổ ở đây ví như đã no, nên về hang nghĩ, không còn hung nguy, vì Dậu coi như thâm sơn cùng cốc, không ai đặt chân tới, và Bạch-hổ Kim, Dậu là âm kim nên Hổ miếu là lý do đó.

Kết hợp với Đường-phù, Tấu-thư, ví như hổ mang hòm sắc đi đường xa, nên chẳng những anh hùng, mà văieät nam chương nữa.

Kết hợp với Phương-Long, Hoa-cái, thành bộ tứ Linh, có thể chấn át được hung tinh, nên lưu hạn gặp tứ Linh thời không sợ hung hoạ.

Hội nhân, thi cử, cầu công danh, mà gặp được tứ Linh là đắc cách.

Hội với Hình, và Phi, thời nên tùy nơi miếu hãm mà luận đoán, vì taïi họa hay bỉ sự cũng có thể đến một cách nhanh chóng được. Tang-Hổ hãm chủ phá bại tiền tài, công danh, nhị bạn mà gặp thời buồn thương khổ tránh.

Lâm Mạnh thời vẻ mặt không được tươi, u buồn, thường hay mắc chứng bệnh về phổi và ruột, nhất là những chứng áp huyết, và đờm nhiệt mà sinh bệnh lao.

Hội với Dương Đà, dễ bị yếu gân và các chứng kinh phong.

Đàn bà lưu hạn, khi lâm bồn, mà Tang-Hổ gặp Lưu-hà, thời phải quan phông, khó tránh được sự châm chích mổ xẻ.

Trái lại Tang-Hổ miếu địa nhập Mạnh, là cách tứ phương cũng phục anh hùng, tính tình cương dũng, văn võ song toàn mà lập nên nghiệp lớn.

Đào – Hoa . Hồng – Loan . Thiên - Hỷ

Đào-hoa thuộc Mộc

Hồng-loan thuộc Mộc đới Thủy.

Thiên hỷ thuộc Hỏa đới Mộc.

Cư cung Quan-lộc thì hợp cách nhất, hoạn lô sẽ nhẹ bước thang mây, vì thờ thế, hay vì hoàn cảnh, mà được địa vị dễ dàng, và tránh được các tính lẳng lơ hoa nguyệt của Hồng Đào, nếu cư ở Mạnh.

Hồng-Đào miếu địa ở Tý Hợi, chủ phát triển tài lộc công danh thăng tiến.

Hồng-Đào cần thiết cho Tử Phủ, nhưng đối với bộ nào, sự phù trì cũng đắc lực cả.

Đào-hoa ,Thiên-hỷ, Hỷ-thần, hợp lại là bộ tam minh, hay gọi tắt là bộ song hỷ, thì hỷ sự đến trùng trùng.

Bộ tam minh hội với Nhật Nguyệt, sẽ được sáng ra bội phần.

Lưu hạn mà gặp tam minh, thời thi cử, cầu cong danh, tài lộc, hôn nhân chắc sẽ được đắc ý.

Về già mà lưu hạn, thấy Hồng Hỷ ở mộ khố, là chủ tật bệnh và có sự nguy kịch tới tính mạng.

Hồng hội với địa-kiếp, Quả Cô, là cách chết thắt cổ, vì Hồng-loan là cái giây thừng.

Hồng Kiếp, Quả Cô, cư cung PHu Thê, là phải 1 hay 3 tao mời chính định được.

Nữ Mạnh có cách Tướng Hồng, là gặp chồng qúy hiển.

Hồng-loan hội Lộc Kinh Đà, là các bà rất giỏi về kinh thương, nhất là buôn bán vải vóc rất được vượng phát.

Nữ Mạnh gặp Đào Thai tướng Phục, thời khó tránh được sự lầm lỡ bụng to, và bị hãm hiếp, hai sao Hồng Đào xung hay hợp chiều cung Thiên-ri, là cách vợ chồng thiên lý tương ngộ, kết duyên với nhau chồng nam vợ bắc.

Vợ chồng viễn phối tha hương

Đào Hồng đôi chiếu vào nàng Thiên-ri.

Thiên – Tài . Thiên - Thọ

Thiên-Tài, Thiên-Thọ đều thuộc Thổ.

Chủ phục thọ tang tài lộc và nhân từ.

Thiên thọ cư cung nào cũng tốt đẹp, nhưng ở Phụ-mẫu và Phúc-đức là hợp cách hỏn.

Hội với Thiên-lương càng tăng phúc thọ.

Thiên-tài hội với Nhật hãm, là người nói năng không cẩn trọng, không giữ gìn thuần phong mỹ tục, và thường thiếu lòng tín ngưỡng về thần quyền.

Thiên-tài ngộ Nhật bất minh,

Những phường lếu láo, để khinh Phật Thần.

Bộ Tứ Đức, Thiên, Nguyệt, Long, Phúc-Đức

Thiên-đức, Nguyệt-đức, đều thuộc Hỏa.

Long-đức thuộc Thủy

Phúc-đức thuộc thổ.

Củ khoan hòa, nhân hậu, đoan chính và phúc thiện. Thiên-Nguyệt-đwsc được gọi là bộ lưỡng Đức. Lâm Thân Mạnh thời giảm trừ được tai nạn, tật bệnh hung nguy, và là người đoan chính từ tâm.

Giải được phần nào các sao hung sát, chế giảm được tính hoa nguyệt của Hồng Đào.

Hội với Hồng Đào, tuy có tính dâm, nhưng là chính dâm chớ không phải là cách ngoại tình,cách này ở nữ Mạnh là người xinh tươi, duyên dáng, có tài cư xử lịch thiệp .

Lưỡng-Đức hội với Long-đứ, Phúc-đức, là bộ tứ Đức, cư chiếu Mạnh Thân thời phù trì đắc lực, dù lâm hạn hoạ đổ vở cũng không bị tuyệt địa, lại có thể nhờ vận khác để khởi vận được, nên người có tứ Đúc Mạnh Thân dù sao cũng còn hưởng được ân nọ huệ kia, giữ được cái cốt cách của người phong lưu, không quá khốn đốn cùng quẫn, cửa nhà bán sạch, chân tra vào cùm.

Bốn sao này được gọi là phúc thiện tinh, hội với hung sát thời không nhập dảng tác hại, tính hay giải cứu, tá khổn phò nguy.

Hội với cát diệu thời tăng thêm mỹ mãn.

Thiên-Nguyệt Đức Giải-thần tàng.

Cũng là Quan Phúc một doan trừ hung.

Phá-Toái . Kiếp-Sát

Phá-toái thuộc Thủy

Kiếp-sát thuộc Hỏa.

Kiếp-sát chủ hình thương tai nguy, hung họa, mỗ xẻ.

Phá-toái chủ phá hại, hao tán điền trạch tiền của. Hai sao này tuy là hai sao nhỏ, nhưng nếu kết hợp với Kiếp Không Linh Hỏa thì như kẻ phụ giúp cho Kiếp Hỏa tăng thêm tính hung ác lên nhiều.

Lưu nhị hạnh hội với Hỏa-tinh, TangHổ, chủ cháy nhà, hung hoạ về hình thương, hoặc hoán cải nghề nghiệp.

Lưu hạn vãn niên là lâm trọng bệnh, vì chỉ sự chết chóc có hiếu tang không lành.

Nữ nhân lưu hạn khi lâm bồn, thì khó tránh được mổ xẻ, châm chích.

Pha-toái Kiếp-sát hội với Thất-sát, Phá-quân, gia Lộc và Dương Đà là người hành nghề đồ tể (giết heo trâu bò) hay nghề chfi lưới (đánh cá sông biển) thật phát đạt thinh vượng.

Đẩu-Quân

Đẩu-quân thuộc Hỏa

Đẩu-quân là sao Nguyệt Tướng.

Tính lý gần giống như Phục-Binh hay Hỏa Kỵ

Hội với cát tinh miếu vượng thời uy nghi, nghiêm cẩn, có cơ mưu biến hóa lanh lợi.

Tá phù cho Tử phủ, tăng thêm tốt đẹp.

Cư Quan-Lộc, Điền-trạch là hợp cách, giữ gìn của cải được bền chặt.

Hội hung tinh hãm, thời gần giống như Phục-binh Hỏa Kỵ . Tính tình gian hiểm, ưa đặt điều thị phi, dương đông kích tây, sinh sự thù ghét.

Bác-Sỹ

Bác-sỹ thuộc Thủy.

Chủ văn chương, bác học, công danh thi cử.

Hội với Lộc-Tồn và Dương Đà giáp biên, là chứng nhân cho sự đổi thay, phú quý văn chương của tính chất Lộc-Tồn khi hội chiếu với các tinh đẩu khác.

Hội với Riêu-Y là cách thầy thuốc giỏi.

Thiên-riêu . Thiên-y

Thiên-Riêu, Thiên-Y thuộc Thuỷ.

Cư nơi miếu địa là người văn chương thi phú thanh hiển, là nhà khảo cứu rất sâu về các môn học, trọng lễ nghĩa phong tục, gìm vào các nơi tửu sắc cũng không bị say đắm,

Hội với Hồng-loan cư Mạnh, thì y phục lúc nào cũng cẩn trọng.

Hội với Cơ Lương, Tả Hữu, Bác-sỹ là thầy thuốc danh giá cao tay.

Hội với Tả Hữu, Hình Kỵ, lưỡng Phù (Quan-phù Trực-phù) là thầy phù thủy rất giỏi.

Nữ Mạnh mà Hồng-Riêu hội với Lộc Dương Đà, đàn bà là người kinh thương về vải vóc, canh cửi hay nghề may vá được tiếng tăm thịnh vượng .

Nữ Mạnh hội Hồng, Riêu, Tấu, Vũ, Mỹ, Đào, là cách đào nương thượng thặng về ca vũ.

Gia hợp song Lộc Tý Ngọ, là danh tiếng vang động lại cự vạn chi tai.

Thiên-Trù . Thiên-Giải

Địa-Giải . Giải-Thần

Thiên-trù thuộc Thổ, Thiên-giải Hỏa.

Địa-giải thuộc Thủy khí, miếu ở Mão Dậu.

Bốn sao này là phúc thiện tinh.

Cư Thân Mạnh chủ phúc hậu nhân từ cứu khổn phó nguy, giải trừ được phần nào taïi nạn hung nguy, gia tăng phúc thọ.

Cư Điền Tài, thời giữ gìn của cải ruộng vườn được bền chặt thêm.

Tuy là sao nhỏ, nhưng lưu nhị hạn mà gặp được thời cũng đỡ lo ngại, dụ không có nhiều mãnh lực để triệt tiêu được các tai hoạ .

Lưu-Niên . Văn-Tinh

thuộc Hỏa

Chủ Văn-tinh, khoa giáp, học vấn.

Lâm Mạnh là người có học vấn.

Lưu nhị hạn mà gặp thì cầu công danh, thi cử có sự đắc ý.

Trực-Phù . Tử-Phù

thuộc Hỏa

Chủ về tật bệnh.

Hội với Thiên-lương, Đà-la, hay bị bệnh đau ruột, gan, và chứng kiết lỵ.

Lưu hạn gặp Tang-Hổ, Hỏa-Linh, Địa-kiếp, phải quan phòng nạn hỏa tai.

Thiếu-Dương . Thiếu-Âm

Thiếu-dương thuộc Hỏa khi, miếu ở Tý Ngọ.

Thiếu-âm thuộc Thủy khi miếu ở Mão Dậu.

Hai sao này là hai khí thiếu dương và khí thiếu âm của Nhật Nguyệt.

1) Dương trung hữu dương.

2) Âm trung hữu âm .

3) Dương trung hữu âm.

4) Âm trung hữu dương.

Trao đổi cho nhau theo luật âm sinh nhi dương trưởng khi Thái-dương bị tuyệt cần gặp khí âm (thiếu âm) để mà sinh, cũng như khi Thái-âm bị tuyệt, thời cần gặp khí dương (Thiếu-dương) để mà trưởng.

Vậy thời Thái-dương, Thái-âm, lúc bị tuyệt địa, cần phải nhờ Thiếu-dương, Thiếu-âm mà sinh trưởng.

Không nên nghĩ Thiếu-âm, Thiếu-dương là nhật Nguyệt thứ hai, mà nên căn cứ vào, dương tuyệt gặp âm, âm tuyệt gặp dương là đắc vị, tùy theo vị trí của Nhật Nguyệt cần thiết tới Thiếu-âm, Thiếu-dương, hay không cần thiết mà luận đoán thời mới phân định được.

Thí dụ: Nhật cư Tý mà gặp được Thiếu-âm là tốt.

Nguyệt ở Ngọ mà gặp được Thiếu-dương là tốt.

Điếu-Khách thuộc Kim

Chủ ngôn luận văn chương thi phú.

Hội với song Hao, Tang-Hổ là bộ bại-tinh, chủ phá hại tài sản,gia trang, gây tật bệnh hình thương.

Cư ở hãm địa, nói năng không cẩn trọng, ham mê chơi bời, nhất là bài bạc, và ly khắc tổ tông.

Hội với Mã Khốc lâm Mạnh, là người học vấn có tài hùng biện, mẫn tiệp rất khéo léo về ngoại giao.

Mã Khốc Khách, ví như ngựa có đủ bộ yên cương và nhạc.

Quan-Phù thuộc Hỏa

Chủ thông minh, cơ mưu quyền bính.

Quan-phù rất hợp với Thái-tuế, Tuế-phá hay hội với Cơ, Lương, Tang-Hổ, Hình, miếu địa, tăng thêm phần rực rỡ tốt đẹp về văn chương, binh nghiệp và tính chất của các sao này.

Hội với tuế Đà, Hình kỵ, cư hãm địa, thì khó tránh được ngục hình, hoặc thị phi nơi công môn.

Quan-phù Tấu Tuế một đoàn

Đêm ngày chầu chực cửa quan mỏi mòn.

Lực Sỹ thuộc Mộc

Sao này là tùy tinh.

Kết hợp với hung linh tăng thêm sự hung ác.

Hội với cát tinh, thời gia tăng mỹ mãn.

Kinh-dương hội lực Sĩ.

Lý Quảng bất phong

Lý Quảng không được thăng quan tiến chức, vì bị Kình-dương hội với Lực-sỹ.

Thanh-Long thuộc Thủy

Chủ may mắn, linh lợi, tài năng, tiền của.

Cư nơi hãm một mình, ví như con rắn đất, không đắc lực.

đồng cung với Long-đức ở Thìn, là nhập miếu, là cách song Long nhập uyên, rồng vào hang vực.

Song Long hội Lộc, là trai lấy vợ con nhà khuê các, vợ có tiền của hồi môn, gái lấy chồng quý hiển mà giàu có.

Song Long cư cung Phúc-đức là hợp cách nhất là nhà có mả phát đều cho nam nữ, mà thành đạt lâu dài.

Thanh-long đồng cung với Hoả-kỵ là rồng mây gặp gỡ, là cách Long vâieät nam khánh-hội.

Thanh-long đồng cung với Lưu-hà, là rồng vẫy trong bể lớn.

Long Kỵ Hà đồng cung, là tài lộc công danh, có sự gặp gỡ tự nhiên, không phải mưu cầu cực nhọc.

Tướng-Quân thuộc Mộc

Chủ can trường, nghi vệ, binh quyền.

Hội với Thiên-tướng ở Mạnh hay ở Quan-Lộc là cách lưỡng Tướng, là xuất tướng nhập tướng.

Cách lưỡng Tướng, 1 thủ ở Mạnh, 1 ở Quan, hay 1 ở Ri, là hợp hơn cách lưỡng Tướng đồng cung.

Hội với bộ binh, Hình Ấn, thiên về võ nghiệp, nếu được lưỡng Tướng, thời binh quyền hiển hách, toàn mỹ hơn nhiều.

Hội với Thiên-hình miếu địa, ví như ông tướng có thanh long đao.

Tướng Phục Hồng Đào, hay Việt Khôi, là cách sớm phát binh nghiệp, nhưng văn chương học thức, thường hay quản trị chính chức ở các nha sở, hay là tham mưu về các binh gia.

Thủ Mạnh là người có lưng ngàn, ngộ Việt là da hơi đen, tính tình quá cảm nhưng hơi thô.

Tấu Thư thuộc Kim

Củ bằng sắc, ân tín và các thư lịch

Hội với Hổ-kỵ ở miếu vượng,

Hội với Vũ Hủ Đào, ưa thích nghệ thuật, hành nghề ca vũ nổi tiếng.

Phi-liêm thuộc Hỏa

Hội với các sao miếu vượng, là người khôn ngoan lanh lẹ, phù trì cho các sao này thêm oai quyền mỹ mãn.

Hội với Bạch-Hổ miếu, hợp cách ví như Hổ Phi. Cùng với Hổ, Hình, hay Hỏa-Linh hãm, Phi-liêm ví như binh khí sắc bén, giúp cho Hổ Linh Hình tác hoạ mau lẹ.

Thủ Mạnh hợp cách, là người lanh lợi, nhưng tính cấp, và có cơ mưu, ngày nay là những phi công, phi tiêu về ngành không vân, hay các thuyền trưởng, hoa tiêu về ngành thủy vận rất đắc lực.

Lưu hạn ngộ Hình hay Kỵ hãm, thời phải quan phòng tai nạn, nếu có sẵn hai sao này hãm ở Mạnh, hay ở Quan-Lộc.

Tượng ở thân thể là lông và tóc, nên thường là người lông tóc rậm, ngộ Hình là tóc quăn.

Hỷ-thần thuộc Mộc

Chủ may mắn, vui vẻ, tăng tiến tài lộc.

Hội với Thiên-hỷ, thành bộ song Hỷ, là sự vui mừng tài lộc đến dồn dập.

Cư Quan-Lộc là hợp cách.

Hỷ cư Mạnh, Quan hay Tài, lưu nhị hạn mà gặp song Hỷ thời chắc chắn mưu tài lộc, hôn nhân, sinh nở sẽ được xứng ý toại lòng.

Tượng ở thân thể là cái trĩ.

Ngộ Hình là bị bệnh trĩ.

Gia thêm Kiếp là bị bệnh trĩ rất nặng.

Bệnh-Phủ thuộc Thổ

Chủ bệnh tất hình thương

Bệnh-phù thủ Mạnh, người gầy và da nốt hơi đen xám. Hội với Địa-kiếp chủ hạ tiện, cơ hàn. Hay bị bệnh đau dạ dày, đầy hơi, chường khí và chứng kiết lị.

PHục-Binh thuộc Hỏa

Chủ cơ mưu quyền biến, gian xảo.

Hội với ác sát tinh lâm Mạnh, là người đa hư thiểu thực, tính tình xảo trá.

Hội với Hình Tướng Ấn, có tài năng, hiển đạt về võ nghiệp .

Phục-binh không nên cư ở Mạnh. Cư ở Thiên-ri chiếu Mạnh là hợp cách, vì như vậy là nội Tướng ngoại Binh, nếu cư Mạnh, là nội Binh ngoại Tướng thời xấu.

Nhưng nếu Phục-binh cư Mạnh gặp chính tinh miếu địa, là người biết tùy thời xử sự.

Phục hội Địa-kiếp, thời phải quan phòng bị ám toán.

Nữ mạnh có Thai, Phục thời khó giữ được danh tiết và dễ bị hãm hiếp.

Quan-Phủ thuộc Hỏa

Chủ thị phi khẩn thiệt.

Hội với Liêm-trinh, Thiên-hình và Tuế hãm địa, thì hay mắc thị phi, quan tụng và dễ ngục tù.

Hội với Thái-tuế, Thiên-hùnh, Cự-môn miếu địa, lại là người rất giỏi về luật pháp có tài biện thuyết.

Tràn-Sinh thuộc Thủy

Tràng-Sinh thuộc Thủy, là csi sinh kí, hay tử khí.

Hợp lại với vòng Lộc-tồn và vòng Thái-tuế, để biết thịnh suy của mình, và thê tử, các ngành trong gia đình.

Hợp cách phát van học phủ quy, tính trung lương, phúc thọ lâu dĩi.

Hội với Tham-lang là hợp cách nhất, chủ ích thọ phúc lộc.

Hội với Không-vong tai biến, chính thê (vợ cả) là người vô hậu, phải có thứ nhất mới có con được.

Mộc-Dục thuộc Thủy

Mộc-dục miếu địa ở Tý Ngọ.

Mộc-dục chỉ sự ưa thích làm đỏm và tắm gội

Hội với Đào-tinh, thời con gái trong nhà dâm loạn.

Trong gia đình phòng thủy tai tự tử, bệnh đau mắt đới tật.

Mộc-dục cư cung PHu-Thê, rất kỵ Không-vong.

Hợp cách ở các cung Mạnh, Thân, Điền, Tài.

Cư ở Phúc-đức, hay cung Tử-tức hội với Hỉ-thần, ví như cái chậu tắm cho qúy tử, sonh con thông minh, thần đồng ách.

Mộc-dục đồng cung với Văn-Khúc là hợp cách, chủ chức quyền, tài lộc hanh thông.

Quan Đới thuộc Kim

Chủ quyền binh, mũ mãng, cân đai, y bố.

Hội với Văn-Xương là đắc cách nhất.

Hội với Tử-vi, Thiên-phủ, Phá-quân, Thất-sát, Thanh-long là hợp cách, là người văn chương thi plhú tự thiếu thời.

Thủ mạnh thì văn chương công danh hiển đạt, binh nhật lúc nào cũng cẩn trọng về y phục.

Chỉ e gặp Hỏa Linh thành dâm đãng, tửu sắc tới bạc đầu vẫn còn vướng vấn, nhiều duyên nợ đoạn trường, ưa thích đổ bác và hay mắc chứng đàm nhiệt.

Lâm-quan thuộc Kim

Lâm-quan hội Lộc là hợp cách.

Hội với Vũ-Khúc là đệ nhất cách của Lâm-quan, vì cùng là hanh kim, sẽ gặp được nhiều cơ hội may mắn tốt đẹp.

Chủ tảo tuế đặc lộ, được xuất nhập nơi quyền quý, là tham mưu phò tá các bậc danh cao quyền trọng.

Tối kỵ đồng cung với Hỏa-Linh là hãm phá, thường bị bệnh chảy máu cam, xuất huyết, đứt mạch máu hay đàm nhiệt.

Đồng cung với Địa-Kiếp, là bị bệnh tràng nhạc nặng, bệnh yết hầu hay thịt dư ở họng.

Lạc Hỏa-Linh thời vợ chồng xung khắc mà vợ là cách gia trung hàn phuc thường đới khốc, không được chồng yêu mến, đây là cách của vợ hai, thường ăn cơm nguội nhà ngài.

Lưu hanh mà thấy Lâm-quan lạc Không-Kiếp Linh-Hỏa, phải quan phòng các chứng bệnh kể trên, gia đình tổn hại tài lộc, và phóng hai sẽ mắc nhiều hạn hoạ.

Lâm-quan tượng tnân thể là cái cổ.

Thủ Mạnh là người co cở cao và to.

Đế-Vượng thuộc Kim

Đế-vượng hợp sao Vũ-Khúc nhất

Đồng cung với Vũ-Khúc là đồng ruộng nhà cửa cao sang, danh vọng hiển quý.

Thủ ở pHu, Thê thì thuận hòa, êm ấm, bà nào cũng nội trợ đảm lược cả, tử tôn đề đa, vui vẻ, hiếu thuận.

Đế-vượng lạc Không-Kiếp, ruộng vườn tiêu tán, tổ nghiệp không giữ được , mà tiểu phòng, và con út sẽ bị hạn hoạ.

Đế-vượng hội với Tử-vi, Thiên-phủ, Vũ-Khúc, Phuc-bật là người có cơ mưu, có tài lãnh đạo tổ chức.

Đế-vượng tượng ở thân thể là cái lưng.

Thủ Mạnh là người có lưng bị mắc ung thư hậu bối.

Lưu hạn Vượng hội với cát tinh, là tậu cửa nhà vườn ruộng, gia thêm phòng thất, sinh con đẻ cái, và gặp nhiều may mắn.

Chỉ sợ lạc Không-Kiếp Hỏa-Linh là triệu chứng tiểu phòng và con út lâm hạn họa, và tài lộc hao tán.

Suy thuộc Kim

Chủ sự suy yếu, sa sút không hịnh đạt.

Suy là sắc, tượng huy hiệu và bố tử của các bộ triều phục.

Sao Suy cơ Thân Tuất, hội với Cư-Môn là đắc cách nhất. Đồng cung với Tử-vi Thiên-Phủ là như quần áo co thêu hoa lá cho đẹp đẽ hơn, thiếu niên cặp đệ văn chương, phú túc.

Suy chủ về mỹ thuật, nhất là ngành ca vũ, hội với Lộc-tồn là cách phú túc tài lộc cư vạn.

Suy hội với Cơ Lương hãm lạc Hỏa Linh, Không-Kiếp, thời ngôn nghề diệu thủ rất lợi hại (trộm cắp móc túi).

Lưu hạn gặp cách trên, phải quan phòng gia đạo xảy ra đạo chích tổn hại.

Bệnh, Tử thuộc Hỏa

Hai sao Bệnh và Tử có sự ứng hợp với sao Liêm-Trinh.

Hội với Liêm-trinh miếu thường thiên về võ nghiệp, và có quyền binh.

Hội với Vũ-Khúc, Thiên-tướng hãm địa, trai hay mắc nạn binh đao, hình thương tàn tật, nữ thường xảy ra việc hoại thai hay sinh đẻ thiếu tháng.

Cư Mạnh hãm, là người hình dáng hơi ốm, da xám, vòng quanh hai con mắt bị đen.

Gia Hình hãm, thường bị lao, kinh phong, và có khi bị phong cùi.

Lưu hạn mà hai sao Bệnh, Tử gặp song Hao, Bệnh-phù, Tang Hổ, thì không thoát được tật bệnh hình thương.

Bệnh và Tử lâm Tật-ách gặp Song Hao Tang Hổ, Bệnh-phù, không được Triệt Tuấn án ngữ, tất sẽ mắc bệnh nan y.

Mộ thuộc Thổ

Sao Mộ có sự ứng hợp với sao Phá-quân ở bốn cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu Phá-quân đồng cung với sao Mô là như khắc chế được tình hung ác, ưa giết chóc sát phạt, mà hoàn lương lại cho Phá-quân, cũng như Cự-môn Thìn Tuất có sự ứng hợp với tinh đẩu vậy.

Mộ hội với Khúc Xương Thìn Tuất Sửu Mùi, cùng với Phá-quân lại là cơ mưu, đa học, đa năng, phú qúy, ví như hoa quả gặp mùa xuân tươi tốt.

Chỉ sợ tam hợp xung phá, lạc Hỏa Linh, Không Kiếp, thời nghèo túng mà nợ nần quanh năm không dứt.

Con trai thứ ba, con gái thứ hai tất sẽ cô khổ, mà đệ tam phòng thời không tránh được tai hoạ.

Tuyệt thuộc Hỏa

Thai thuộc Thổ

Sao Tuyệt tương hợp với Hỏa-Lộc là đắc cách .

Cư Tý Ngọ cung hội với song Lộc cách, thời thông minh phát phúc, có văn học mà qúy hiển.

Hội với Vũ-khúc Phá-quân, thì cha con bất hòa, vợ chồng ly biệt,trai lãng đãng dong chơi, gái đa dâm, vợ cả cợ hai hay tư tình thông gian.

Sao Tuyệt kỵ cư ở Tử-tức cung.

Hội với Quả Cô, Lộc-tồn ở Tử-tức là cách đáo lão vô nhi khốc (không có tiếng trẻ khóc) hay là những cách hữu sinh vô dưỡng.

Sao Thai không nên cư Nô-bọc cung, hội với Đào-Hoa, trong nhà không tránh được, vợ hay con gái có tư tình.

Thai thủ hay chiếu ở cung Phu-Thê, là đã cảm thông nhau sâu đậm rồi mới thành hôn.

Sao Thai mà ngộ Đào-Hoa

Tiền dâm hậu thủ mới ra vợ chồng.

Dưỡng thuộc Mộc

Sao Dưỡng ví như chiếc án thư (cái bàn) của người làm việc.

Hội với cát tinh phù trì thêm tốt đẹp.

Hội với Hỏa-Linh, Không Kiếp, làm con nuôi hay là những người thường hay phải đổi tên họ.

Thủ Mạnh cùng với cách Sát Phá Tham hãm, khi ấu trùng thường hay bán cửa chùa, cửa đền.

Cũng như những người vì biến cố chính trị, thường đổi danh tánh.

Cô-Thần . Quả-Tú

Cô-Thần thuộc dương Hỏa

Quả-Tú thuộc âm Hỏa

Chủ can trường, dũng mãnh, đơn cô, nam kỵ Cô, nữ kỵ Quả cư Mạnh.

Quả Cô ở Thìn Tuất Sửu Mùi vô chính diệu, riêng người Hỏa hay Thổ mạnh, cùng với Tả Hữu Thai-Toạ, nên phân luận tùy theo phú qúy hay văn tinh hội chiếu.

Hội với tôn tinh, qúy tinh là bậc học thức uyên bác, tính tình rất nghiêm cẩn.

Gia hội với phú tinh, và quyền tinh được cát diệu phù trì là bậc xưng cô nhân, quả nhân, quyền nhiếp thiên hạ.

Cư ở cung Quan-lộc là hợp cách nhất.

Quả Cô hội với Vũ-khúc, tối kỵ nhất là nữ Mạnh, thì phu quân yểu triết, mà tử tức hình khắc, thế nào cũng không khỏi rơi lệ vì con bất hiếu được.

Cô-thần Quả-tú không thể là Thổ được .

Hội với Tư-vi, Thiên-phủ là vượng tướng Quả Cô. Nhưng phải có cát tinh phù trì, và Quả cô cũng như Phụ-bật, hội với cát phù cát, mà hội với hung tinh, sẽ theo hung mà tác hại.

Thiên-Khốc . Thiên-Hư

Thiên-khốc thuộc dương Kim.

Thiên-hư thuộc âm Thổ.

Chủ hoài thương lo buồn.

Hai sao này là bại-tinh, cùng với song Hao Tang Hổ là bộ lục-bại.

Cư nơi hãm địa là hình thương, sầu muộn, có sự hình khắc lục thân và gia trạch bị tổn hại tài lộc.

Hội ở Tý Ngọ là miếu địa, cùng với cát tinh thời anh hùn gdanh tiếng lừng lẫy.

Hội với Hỏa-quyền ở Mão Dậu, là cách Khốc quyền, mình danh vu thế, là người có công nghiệp sử sách ghi danh.

Khốc với Hỏa-quyền ở Mão Dậu, là cách Khốc quyền, minh danh vu thế, là người có công nghiệp sử sách ghi danh.

Khốc Hư thủ Mạnh, dù miếu địa ở Tý Ngọ cũng muộn phát mới tốt.

Thường những người Khốc Hư, thì hay bị hình khắc, đông thành tây bại ở tuổi trẻ, và trung niên, phải muộn phát tới tuổi tri thiên mạnh, mới được sự vĩnh trường, và bớt được các thị phi sầu muộn.

Thủ Mạnh hãm là người có trí nhớ lãng đãng, thường hình khắc lục thân, và vành mắt hay bị thâm đen.

Thiên-La . Địa-Võng

Thiên-la Địa-võng là hai sao luôn luôn chỉ cư ở hai cung Thìn Tuất mà thôi.

Không cần thiết an hai sao La Võng, vì thôngười thường ở môn Tử-vi, thường gọi hai cung Thìn Tuất là La Võng chi địa.

Thiên-La Địa-Võng là cáhi lưới trên trời, hàng rào ở đất, nên Tử-vi, Thiên-tướng cư ở Thìn Tuất, cần phải cơ Kinh-Dương hay Thiên-tướng, hoặc là sao hung nhập miếu để phá tan lưới và ráo, để Tử. Tướng hay chính tinh nào cư Thìn Tuất có đất mà tung hoành.

Nếu Tử Tướng không được hung tinh nhập miếu, ví như bị vướng rào, mắc lưới, tức là anh hùng vô dụng võ chi địa vậy.

Thiên-Mã

Thiên-Mã là dịch mã, nên tùy theo ngũ hành của mạnh để phân luận xấu tốt.

Thiên-mã ngộ Lộc là cách Lộc Mã giao trì, ngựa thả vào đồng cỏ tha hồ mà ăn.

Ngộ Tràng-sinh là cách thanh vâieät nam đắc lộ, thiếu niên đắc chí.

Nên các cách Thiên-mã ngộ Triệt Tuần là ngựa què, ngựa chết.

Mã-Đà : là ngựa què.

Mã-Thiên-hình : là phù thi mã (xe chở xác chết).

Mã-tuyệt : là mã cùng đồ

Mã Lộc-tồn : là chiết tiên mã (bẻ roi đánh ngựa)

Mã-Hoa : là chiến mã

Mã-Hao : là dâm mã

Mã khốc Khách : là mã thắng đủ yên cương vang rền tiếng nhạc.

Mã-Lộc Tử Phủ : là kim dư phù giá (xe vàng) điện ngọc.

Nên xét Mã có bị Triệt khắc hại, và bản mạnh ngũ hành, hợp hay khắc mã, các cung có Mã, bởi vì Thiên-mã là mẫn tiệp, Lộc Mã là cự vạn chi tài, mà sao lại nói năng quá dở, buôn bán mãi không thấy giàu có.

Hơn nữa tượng thân thể là chân tay, thì Mã Triệt, Mã Hình là ngựa què, ngựa chết, mà sao không thấy chân tay tàn tật, chết chóc chi cả, chỉ tại mã của người, mã đi mướn chạy việc, chứ có đúng vào ngũ hành của Mạnh đâu, mà là mã của mình.

Thai-Tuế

Thái-tuế là một hành tinh cư đông vị địa cầu, các thuật số gia đã nhận biết từ sơ hán, đi theo quỹ đạo Dần Thân, mà mộc ảnh của nó trực xạ vào Dần Thân, nên có tục lệ kiêng cử quật thổ, kiến tạo gia ốc vào năm Dần, và một vòng chung quanh mặt trời là 12 năm so với quả đất 1 năm.

Sở dĩ kiêng cữ vào năm Dần, vì hình ảnh quá lớn của Tuế xạ và cung Dần, ví như ta đi dưới ánh nắng mặt trời, hình bóng của ta in trên mặt đất, nên mới đặt là nhiếp đề cách, đối với sao Thái-Tuế.

Thái-tuế tượng trưng các hành động, cử chỉ, và vẻ mặt của con người, về cách giao tiếp với xã hội, tức là công ăn việc làm của mình.

Thái-tuế là đức nhân của ngũ đức.

Thái-tuế chỉ phước may mắn của con người .

Ở khoa Thiên-văn tượng Thái-tuế

Mùa xuân là nhiếp-đề.

Mùa hạ là trùng hoa.

Mùa thu là ứng tinh.

Và mùa Đông là kỳ tinh.

Cũng như Tràng-sinh, chỉ các ngành thứ bậc trong gia đình, chịu lấy may mắn của vòng Thái-tuế là 12 sao mà tiêu trưởng, Nên Thái-tuế kèm thêm Thiên-không, Quán-sách thuộc Hỏa, rĩ hỏa đức vượng, để Tuế Mộc chịu lấy mà năng sinh Phú, sinh qúy, và sinh đủ mọi thứ, có thể cả bấn hàn nữa, là do Lộc-tồn Thổ, kèm hai bên là chất Kim của Dương Đà hộ vệ để khỏi khuyết tuyệt đi.

Nên ba vòng Tràng-sinh, Thái-tuế, Lộc-tồn, Kinh-đà, Thiên-không, kết hợp lại cho đủ ngũ hành, để lưu niên vận hạn, mà biết được vận hành hoạ phúc của gia dinh, chức phận tài lộc có bị chuyển hoán là do dịch mã, và phương hướng có thể được ag cöôïc t qu nhn ph gp l do Khôi-Việt.

Như vậy nếu Thái-tuế thuộc Hỏa, thì lưu hạn thiếu đi một hành Mộc trong ngũ hành, mà hành Mộc là cử chỉ, là việc làm ăn, là phước may mắn không có.

Lưu hạn phải chăng là muốn biết công việc,nghề nghiệp có được phát đạt thịnh vượng không .

Cũng như thiếu Tràng-sinh, thời không thể hiểu biết được các thứ bậc trong gia đình, cha con chồng vợ, nam nữ, thứ trưởng, thê thiếp ra sao.

Và không có Lộc-tồn, sẽ không biết kết quả của công ăn việc làm, phú qúy bần tiện thế nào vậy.

✶

PHÁ-QUÂN NAM MẠNH CA

Phá-quân Thất-sát dứ Tham-lang.

Nhập miếu anh hùng bất khả đương

Quan-Vũ mạnh phùng ví thượng tướng.

Thứ nhân phú túc trí đèn trang.

CHƯƠNG 5

BẢNG LIỆT KÊ 12 CHU KỲ

CỦA TỬ-VI VÀ THIÊN-PHỦ AN TẠI 12 CUNG ĐỐI CHIẾU CÁCH TỐT XẤU CỦA 14 CHÍNH TINH

I. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Tý

Cung Tý

Tủ-vi – hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Canh Kỷ	Quý cách
Nhâm Quý	hay chán nản
Khoa Quyền Lộc chiếu	hay gặp dịp tốt may mắn lạ thường
Nữ Mạnh hội tứ sát	ví như ngọc có vết là xấu, hậu vận kém

Cung Dần

Phá-quân : Đắc địa

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Canh Kỷ	Tài quan song mỹ
Xương Khúc thủ chiếu	chủ qúy nhưng tính tình không minh bạch
Phùng Mã Lộc	tuy thịnh vượng nhưng nữ mạnh dâm.
Ngộ Dương Đà	sinh tàn tật
Ngộ Hỏa Linh	thành bôn ba lao lực
Dương Đà Hỏa Linh Kỵ	cư Quan-Lộc dễ trở thành hành khất

Cung Thìn

Thiên-Phủ : Miếu địa

Liêm-trinh : Lợi

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Canh Nhâm	Tài quan song mỹ
Bính Mậu	hay gặp thị phi, thành bại
Ngộ Văn-Xương	hiếu lễ nhạc
Phụ Bật cư chiếu	Tôn cư vạn thặng.
Ngộ Không-vong	phá tài bại sản
ngộ Đà-la	thường hay bị bệnh nùng huyết
Kiếp Không hội ác sát	dễ xảy ra tự tử

Cung Tỵ

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất, Mậu, Nhâm	Cô quả, cơ nghiệp không trường tồn.
Khoa Quyền Lộc cư chiếu	xuất ngoại năng thành.
Ngộ Kinh Đà ác sát	tửu sắc, tà dâm, yểu triết chân tay thường đới tật.

Cung Ngọ

Tham-Lang : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ	Phúc hậu.
Bính Mậu Canh Dần Thân	hạ cúc.
Ngọ Tuất	chung thân không thành cơ nghiệp.
Bính Mậu hội Kình	phú qúy song toàn.
Xương Khúc cư chiếu	đa hư thiểu thực.

Mùi cung

Thiên-đồng : hãm

Cự-môn : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Bính Canh Tân Nhâm Quý	Tài quan song mỹ
Đinh Mậu Kỷ	hạ cách, thường sinh thị phi, khẩu thiệt.
Ngộ Hỏa Linh	trong người có nốt ruồi lạ.
Ngộ Hỏa Linh lưu niên ác hạn	chết đường, chết xa nhà.
Ác sát cư chiếu	thường gặp hoa tai.

Thân cung

Thiên-tướng : đắc địa

Vũ-khúc : miêu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Kỷ Canh	Tài quan song mỹ
Lộc Mã đồng cung	thường hồi hương khi đã phát tài lộc.
Phuc-Bật Xương-Khúc cư chiếu	phát đạt về công danh.
Hội Xương Khúc	Thông minh, và công nghệag tinh xo.

Hỏa Linh xung phá	tàn tật hình thương.
Ngộ tứ sát	thường hay gặp tai nạn
Hội Dương Đà	hay bị mắc hình phạt.

Dậu Cung

Thái-dương : hãm

Thiên-lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Tân Nhâm	Tài quan song mỹ
Giáp Canh	Có công danh nhưng không hiển đạt, là cách có tiếng nhưng không có miếng.

Tuất Cung

Thất-sát : Bình

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Cát tinh cư chiếu	qúy hiển có mưu lược
Phu Bật Khúc Xương	chấp chưởng binh quyền
Cát tinh hội chiếu lệch lạc	tuy là người lịch lãm, nhưng phải lao tâm
Hội Hỏa Linh	Tất sinh yểu triết.

HợiCung

Thiên-Cơ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu Nhâm	Hợp cục, không được lâu dñi
Gặp Phụ-Bật Khúc-xương, Khôi-Việt	hoá cát nên giữ được cơ nghiệp trường cửu.
Ất Bính Đinh cát tinh hội chiếu	chủ phú qúy
Ngộ Hỏa Linh, Dương Đà	tất sinh cùng khổ, làm công nghệ tinh xảo, nhưng ly tổ và gian xảo.

II. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Sửu cung.

Cung Sửu

Tử-vi : đắc địa

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Bính đinh Mậu Kỷ Nhâm	phú qúy kham kỷ

Tả Hữu cát diệu hội chiếu	tất sẽ được chấp chưởng oai quyền.
Hội Kinh Đà	chuyên về kinh thương.
Lach Không-vong	bất hiếu.

Mão Cung

Thiên-Phủ : đắc địa

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Bính Tân	Tài quan song mỹ.
Kỷ	chủ quý cách.
Giáp Canh	không quý hiển, trước lớn, mà say nhỏ, hữu thủy vô chung.
Tả Hữu cát diệu hội	là cách tôn quý.
Tả Hữu Xương Khúc gia cát hội	phú qúy ân sủng tôn vinh
Xương Khúc Lộc-tồn	giàu có vạn thặng.
Lạc Kiếp-Không ác sát	gian trá, xảo quyệt, thường bị tai nạn và cô đơn.

Thìn Cung

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Mậu Nhâm	hình khắc lục thân và không được lâu dài
Khoa quyền Lộc hội	phản cung hoá cát, xa quê cha đất tổ, lập được cơ nghiệp.
Ngộ Dương Đà	bôn ba, lao lực.
Gia ác sát	bị mục tật.

Tỵ Cung

Liêm-Trinh : Vượng

Tham-Lang : bình

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Nam	lãng đãng, phiêu bồng, ưa thích lãng du.
Nữ	đa dâm, dìm mình chốn tửu sắc mà táng thân.
Nam Nữ	nên làm công nghệ, tăng đạo ngoài đời thời cô hàn, phá tổ ly tông mà thôi.
Giáp Bính Kỷ Mậu Nhâm	được hưởng phúc nhưng không lâu dài.
Ngộ Lôc-tồn	khá tốt.
Tuổi Bính hỏa-kỵ đồng cung hội Xương Khúc	được hưởng phúc, giải được hung hoạ.

Xương Khúc cư chiếu	đa hư thiểu thực.
Nữ mạnh Bính Tân ất Mậu	là người thanh bạch.
Hội ác sát	làm nghề ag bh mi.

Ngọ Cung

Cụ-môn : Vượng địa

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Khoa Quyền Lộc cư chiếu	Thạch trung ẩn ngọc, tất sẽ được hưởng phúc và giàu có, nhưng không qúy cách.
Đinh Quý	là người được hưởng thượng cách.
Tân Kỷ	Rất tốt nhưng không bằng Đinh Qúy.
Bính Mậu	lao lực mà yểu vong.
Tam hợp ác sát	dễ bị mắc thủy nạn.

Mùi Cung

Thiên-tướng : bình

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Cát tinh cư chiếu	Tài quan song mỹ
Hội Tả Hữu Xương Khúc	chấp chưởng oai quyền
Hỏa Lin ác sát hội	Tứ chi sinh tàn tật

Thân Cung

Thiên-đồng : Vượng

Thiên-Lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Đinh Kỷ Canh	là người phúc hậu
Ngộ Tả Hữu Khúc Xương	quý hiển.
Hội Tràng-Sinh	là người thanh kỳ cao kiến
Kinh Dương giáp chiếu	phóng đãng, thương luân bại lý
Dương Hỏa Linh xung phá	là người hạ cục, bần tiện cơ hàn.
Nữ mạnh ngộ Dương Đà, Hỏa Linh xung phá	thường chỉ là người tình, mà không thành gia thất.

Dậu Cung

Vũ-khúc : Vượng

Thất-sát : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU

Ất Tân	phúc hậu tài quan song mỹ
Tả Hữu Xương Khúag Khc chu	phát phú phát qúy là người rất nhiều mưu lược
Cát tinh hội chiếu lệch lạc	Tuy là người lịch lãm,nhưng phải tân toan, thiếu thời, bất lợi, nên chuyên về kinh doanh.
Kình Dương đồng cung	làm nghề đồ tể mà phát đạt.
Hỏa Lonh đồng cung	hãm tài mà hay ngộ nạn.

Tuất Cung

Thái-Dương : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Thái-dương phản bối	hạ cục, thành bại thời thường
Ngộ Kình đồng cung	cô độc, hình khắc lục thân, trán dô, che sương. Ly tổ mới mong được dễ chịu.
Phùng ác sát	bôn ba lao lực
Ngộ Riêu Hinh	mục tật có thể lòa.

Tý Cung

Thiên-cơ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Canh Nhâm Qúy	Tái quan song mỹ.
Đồng Lương hội chiếu	ưa thích về võ, thường hay luận bàn về binh pháp.
Hội Tả Hửu Xương Khúc	văn chương thanh hiển, võ trung lương.
Nữ Mạnh Thiên-cơ	tinh thần cương trực, cơ biến, giữ quyền bính trong gia đình.
Cát tinh hội chiếu	được hưởng phúc thọ song toàn

III. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Cung Dần

Dần Cung

Tử-vi : Vượng

Thiên-Phủ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Canh	là người được hưởnag chung thân phúc hậu
Giáp	chung thân phú qúy
Phụ Bật hội chiếu	tôn cư vạn thặng

Lộc Mã đồng cung	Kim dư phù giá, giàu có vàng chôn ngọc cất
Phụ Bật Khúc Xương	Ân lộc tôn Vinh tại triều đình.
Ngộ Kiếp Không	thường ngộ tai nạn, tăng gia bại sản
Nữ Mạnh Nhâm Giáp	là người hình háng đẹp đẽ, vượng phu ích tử.

Mão Cung

Thái-âm : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Mậu Nhâm	Tuy hợp cục, nhưng phú quý không lâu dĩi.
Khoa Quyền Lộc hội chiếu	phản hung hoa cát, nhưng phải xuất ngoại ly tông.
Phùng ác sát	bôn ba, lao lực
Ngộ Kình Hỏa đồng cung	Tứ chi thân thể hay bị tàn tật, ưa tửu sắc dễ bị yểu vong.

Thìn cung

Tham-Lang : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Canh Ngộ Hỏa Linh Qúy	Tài quan song mỹ
Thìn Tuất Sửu Mùi lạc Không-vong	Giàu sang nhưng trọng phong tục tập quán.
Gia cát tinh hội	sẽ được trường thọ nhưng hay làm việc bất chính .
Ngộ Khúc Xương	đa hư thiểu thực
Ngộ Hình Kinh	thường là đồ tể, thợ rèn tinh xảo

Tỵ Cung

Cự-môn : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Qúy	Tài quan song mỹ
Cự-môn Tỵ cung thủ Thân Mạnh	không hợp cục, là người lắm điều hay chiếu lấy thị phi.
Hội Dương Đà giáp chiếu	nam nữ đều ưa tà dâm
Nhị hợp Sát Tấu	tất gặp hung nguy.

Ngọ Cung

Liêm-Trinh : Vượng

Thiên-Tướng : Đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU

Giáp Ất Đinh Qúy Bính	Tài quan song mỹ
Bính	hoạnh phát nhưng cũng hoạnh phá
Tả Hửu Xương Khúc	chấp chưởng binh quyền
Ngộ Văn-Khúc	ưa thích ca vũ nhạc
Ngô Kình cư chiếu	là người hay chiêu thị phi.
Nữ mạnh Bính Tân, Ất Mậu	là người nghiêm chỉnh, tính tình thanh khiết.

Mùi Cung

Thiên-Lương : Đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu	qúy hiển cách
Ất Nhâm	phú quý song toàn
Các tinh tương phùng	bình sinh phúc thọ
Tả Hữu Khúc Xương	xuất thế vinh hoa
Xương Lộc đồng cung	danh tiếng, thanh quý
Cư Thân Mạnh	thường được thọ trường

Thân Cung

Thất-sát : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu	trung bình
Nhâm Ngọ Tuất	quan phòng trên đường binh nghiệp
Giáp Kỷ Canh	Tài quan song mỹ.
Chư cát tinh cư chiếu	tất sẽ là đại tướng
Cát tinh hội chiếu lệch lạc	tuy có tài, nhưng sẽ gian tân lao lực
Thất-sát triều đẩu	là cách tước lộc vinh xương, binh quyền vạn ý.

Dậu cung

Thiên-đồng : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Bính Tân	Tài quan song mẽ.
Kình Dương hội	dễ bị tàn tật
Ngộ Hỏa Linh	thân thể có nốt ruồi lạ.

Tuất Cung

Vú-Khúc : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Thìn Tuất Sửu Mùi	phú qúy đề đa

Giáp Ất	phúc hậu
Văn-khúc đồng cung	tài quan song mỹ, là cách lưỡng Khúc trùng phùng, danh chấn chư bang, xuất tướng nhập tướng.
Giáp Khôi Việt	văn cách có tài thi phú.
Hội Hỏa Linh ác sát	vì tiền tài ngộ nạn.

Hợi Cung

Thái-dương : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Phùng sát tinh	nghèo hèn cô độc
Giáp	hạ tiện là hạ cục
Phùng Quyền Lộc	dù được Quyền Lộc, cũng không đắc cách, dễ chán nản, trước chuyên cần mà sau bỏ dở.
Hội Riêu Hình Kỵ	dễ bị mục tật và mù lòa.
Hội Dương Đà Không-vong	suốt đời nghèo túng, cô đơn thành bại bất nhất, xa quê hương sẽ bớt được hung hoạ.

Tý Cung

Phá-quân : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Qúy	phúc hậu, phú qúy.
Giáp Qúy	quan qúy, thanh hiển, vị chí tam công. Riêng tuổi này là anh tịnh nhập miếu.
Bính Mậu	chủ khốn.
Bính Mậu Dần Thân	là người cô đơn, đới tật dù phú qúy cũng không lâu dài hay bị yểu vong.

Sửu Cung

Thiên-Cơ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Đinh Nhâm Qúy	Tài quan song mỹ
Ất Tân	nếu có sao Lộc hội chiếu là hợp cách.
Hội Khôi Việt Qúy Ân Xương Khúc	văn chương thanh hiển, võ là người trung lương.
Nếu Cơ bị gia ác sát tinh	sẽ là cách: cẩu thâu như thử thiết, ví như chó cắn trộm, mèo ăn vụng.

PHỤ ĐỀ

Riêng về câu Cẩu thân như thử thiết, thường là cách phê lá số rất kín đáo của thầy số uyên thâm nho học, gặp những người tâm hồn gian sảo, khó lườnag hay dối trá, lường thầy phản bạn, thường hay làm những việc mờ ám đạo chích, các cụ lấy câu : "Cẩu thân như thử thiết " để phê, ngay cả những người quyền qúy. Ta hãy hình dung con chó lừ đừ cắn trộm hay là ăn vụng, và hình dung cử chỉ của chú Tý thập thò cửa lỗ, đố ta trông thấy chú Tý này một cách công khai ban ngày, thế mà sao nào quần nào áo, ngay cả trứng gà trứng vịt, chuột ta cũng đủ thuật pháp tha đi được, nên các cụ đã dùng phê số, vì muốn cắt nghĩa oai hùng như thế nào cũng được .

Thật không thiếu chi những cách phê dí dỏm của các nhà số học, nhưng không tiện bàn, chỉ dành lúc trà dư tửu hậu được, vì có nhiều tư cách tiếu lâm, nhất là đối với những lá số mà Phá-quân, Thất-sát, Thiên-cơ, Tham-lang ngộ hung ác sát tinh.

IV. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tư-vi khởi tại Mão Cung.

Mão Cung

Tử-vi : bình

Than-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ngộ Hỏa Kỷ Tân	là phú ông cách
Ngộ Linh	qúy hiển về võ nghiệp
Giáp Ất Canh	qúy hiển nhưng không trường tồn.
Hợi Mão Mùi	Nam nữ tà dâm, chung thân, không làm nên cơ nghiệp.
Không Cô Tả Hữu, Khúc Xương	hạ cục nghèo hèn.
Hội Khúc Xương	đa hư thiểu thực
Hội Kình Đà	nên chuyên về kinh thương
Ngộ từ Sát	là hàng tăng đạo
Tham-lang nữ Mạnh	là số người phong trần.

Thìn Cung

Cự-môn : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Ất Qúy	qúy hiển cách
Tuổi Ất mạnh lập Thìn	người tuổi Ất mạnh lập Thìn có Cự-môn là hợp cách.
Đinh Canh	chủ khốn
Giáp Đinh Mậu Kỷ	không hợp, chiêu lấy khẩu thiệt, thị phi
Kinh Đà hãm chiếu	nam nữ tà dâm

Gia hợp Tẩu Sát hãm	tất sẽ gặp đại hung nguy
Ngộ Hỏa Linh phùng ác hạn	thường hay bị chết đường, chết xa nhà.

Tỵ Cung

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu Nhâm	được hưởng phúc hậu
Tả Hữu Xương Khúc hội	sẽ được chấp chưởng oai quyền.
Hỏa Linh xung phá	là người tàn tật.

Ngọ Cung

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Qúy	được hưởng phúc thọ và quan tư thanh hiển.
Cát tinh cư chiếu	bình sinh phúc thọ phú qúy
Hội Văieät nam Khúc đồng cung	là hợp cách
Đồng Lương Thân Mạnh	không sợ hung nguy
Phụ Bật Xương Khúc chiếu	là cách xuất tướng nhập tướng

Mùi Cung

Liêm-trinh : miếu

Thất-sát : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp	Tài quan song mỹ
Hội Hỏa-Lộc	hợp cách nên phú quý
Bính Mậu gia cát diệu	Tài quan song mỹ, nhưng cũng bị thị phi.
Vô tứ Sát	phản vì tích phú chi nhân
Cát diệu cư chiếu lệch lạc	hiển đạt về võ nghiệp, nhưng trải qua gian tân.
Hội chiếu ác sát	tàn tật và bị bệnh lao
Phùng Vũ Phá	bị phá tổ nghiệp
Hội Dương Đà	hay mắc chứng nùng huyết
Hội Kiếp Không Hỏa-kỵ	là cách lộ nhưng mai thi
Đáo hạn Không-vong Sát Đà	chết tại trận tiền
Phùng Tử-Tướng Lộc-Tồn	khả nghi giải hung hạn

Tuất Cung

Thiên-đồng : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh	Hỏa cát, chủ qúy vì có sự ám hợp đẩu số
Phụ Bật Xương Khúc	qúy hiển cách
Ngộ Hỏa Linh	có nốt ruồi lạ
Kình Đà hãm chiếu	dễ bị tàn tật
Nữ Mạnh tuổi Qúy	là người hiền hậu

Hợi Cung

Vũ-khúc : bình

Phá-quân : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Nhâm	phúc hậu, tài quan song mỹ, nhưng thiếu thời nửa đời sau mới thành cơ nghiệp, phải ly tổ biệt tông thành công được .
Hội tử sát	vì tiền tài mà mắc nạn
Vũ Phá hội Tài bạch	đông thành tây bại, tiền đến tay rồi lại hoá không .

Tỷ Cung

Thái-dương : lạc hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Đinh	tài quan song mỹ
Mậu kỷ	phú qúy, nhưng không lâu dñi
Nhâm Qúy	nghèo túng hạ cục
Bính Đinh Hỏa mạnh	là cách Nhật trầm thủy để, loạn thế phùng quân.
Hội ác sát	tất phải bôn ba, lao lực, mà khó tránh hình thương.

Sửu Cung

Thiên-phủ : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Bính Mậu Đinh gia cát diệu	Tài quan song mỹ
Nhật Nguyệt giáp Tài Mạnh gia cát tinh	không quyền qúy cũng giàu có
Phụ Bật, Xương Khúc đồng cung	tôn cư vạn thặng

Dương Đà Hỏa Linh	là người gian trá không thực
Hội Kiếp Không	cô đơn hạ tiện

Dần Cung

Thiên-cơ : vượng

Thái-âm : bình

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Bính Đinh Qúy	Tài quan song mỹ
Bính đinh cát hội	qúy hiển, phú túc
Hội Khôi Việt Khoa Xương Khúc	là người văieät nam chương thanh hiển, võ nghiệp trung lương.
Mã-Lộc đồng cung	phú qúy mẫn tiệp
Cát tinh cư chiếu	nhất sinh khoái lạc
Nữ Mạnh	tuy phú qúy nhưng dâm và phúc nạn toàn
Hội ác sát Hỏa Linh	là người dâm tiện, hình khắc lục thân, thường làm nghề bạch mi và sương kỵ.

V. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Thìn

Thìn Cung

Tử-vi : vượng

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Kỷ Canh Qúy	Tài quan song mỹ, vi thần bất trugn, vi tử bất hiếu. Qúy mà không phú, thường là người có hư danh.
Hội Tả Hữu Xương Khúc	chấp chưởng oai quyền.
Dương Đà Hỏa Linh hãm	chuyên về kinh thương.
Hội Kình đồng cung	hợp cách, là phá rào lưới cho Tử-vi Thiên-tướng.
Đáo hạn Phùng Không Kiếp	thường bị đơn độc, chết xa nhà

Tỵ Cung

Thiên-lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Nam Nữ Mạnh	nam lãng đãng, nữ đa dâm

Dương Đà giúp chiếu	thường là người không theo điều chính, thương phong bại tục.
Hỏa Linh hãm chiếu	hạ tiện, phiêu đãng, vô nghị, cô độc, yểu vong.
Nữ mạnh	là người dâm đãng, thường làm sương kỵ và tỳ thiếp.

Ngọ Cung

Thất-sát : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ	Tài quan song mỹ.
Bính Mậu	trung bình cách.
Canh Nhâm Ngọ Tuất	phải lo toan trên đường sự nghiệp, tuy lịch lãm nhưng gian tân.
Gia hội cát tinh	có chức quyền vinh xương.
Hội Kình Dương hay Hình	tất sẽ phải bỏ thân chiến địa.
Gia ác sát	yểu triệt

Thân Cung

Liêm-trinh : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Mậu Canh	qúy hiển cách.
Mùi Thân hội Lộc.	phú qúy thanh dương
Vô tứ sát	phản vi tích phú chi nhân
Giáp Phủ Tướng triều Viên hội Lộc	là người thương mại, giàu có vàng chôn ngọc cất
Ngộ Văn-Khúc	ưa thích về máu.
Ngộ Đà-La	mắc bệnh về máu.
Ngộ Hỏa Linh Không Vong	là cách yểu triệt, hay tự ải đầu hà.
Nữ Mạnh Giáp Kỷ Canh Qúy	là người tính tình thanh bạch kiểntinh thủ tiết.
Liêm ngọ Hình miếu	đoan chính vượng phu ích tử.

Tuất Cung

Phá quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu Nhâm	qúy cách
Giáp Quý	phúc thọ
Ngộ Khúc Xương	bôn ba, nhưng thành cơ nghiệp
Ngộ Hỏa Linh ác sát	hạ tiện.

Hợi Cung

Thiên-đồng : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Nhâm Qúy	Tài quan song mỹ
Tả Hữu Xương Khúc	qúy hiển phú túc
Canh	hạ cục
Ngộ Hỏa Linh	tất sinh nốt ruồi lạ
Hội tứ sát	tàn tật hình khắc lục thân
Nữ Mạnh Nhâm Qúy	tuy mỹ nhưng dâm.

Tý Cung

Thiên-phủ : hãm

Vũ-Khúc : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Canh Qúy	Tài quan song mỹ
Thủ Mạnh Thân	chủ phúc thọ
Phụ Bật Khúc Xương	cao đệ ân vinh
Hội Lộc-Tồn	giàu có cự vạn
Kiêm Quyền lộc	phản vi hỳ cách, văn học và phú quý
Hội Khôi Việt	có tài thi phú
Ngộ Kiếp Không	cô đơn, vì tài ngộ nạn

Sửu Cung

Thái-âm : đắc địa

Thái-dương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Tân Đinh Mậu	tài quan song mỹ
Tỵ Dậu nhị cung chiếu, hay Mùi hội Khúc Xương	đích thị hầu bá, vị chí công khanh
Cát tinh hội chiếu lệch lạc	phú má không qúy hiển
Khúc Xương giáp Mạnh	qúy mà không hiển đạt
Tam hợp vô cát tinh	phản vi hung

Dần Cung

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU

Mậu Kỷ	Tài quan song mỹ
Hội Khúc Xương	là người đa hư thiểu thực.
Lộc Mã đồng cung	ăn nói rất mẫn tiệp.
Kình Đà hãm chiếu	phong lưu thái trượng.
Nữ Mạnh hội ác sát	dâm tiện cô đơn, hình khắc lục thân.

Mão Cung

Thiên-cơ : vượng

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Tân Qúy	Hợp cục tài quan song mỹ.
Chư cát tinh phù trì hội song Hao	là bậc lương đống, vị chí tam công.
Mậu	hữu thành hữu bại
Canh Giáp hội Dương Đà	phá cục, ly tổ tông mới thành tựu được, tuy mẫn tiệp nhưng phúc nam toàn.
Hỏa Linh ác sát	ưa thích khoải lạc dâm đãng
Nữ Mạnh Hỏa Linh Riêu kỵ	dâm tiện hình khắc lục thân, khẩu thiệt

ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởt tại Tỵ cung.

Tỵ Cung

Tử-vi : vượng

Thất-sát : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Bính Mậu Nhâm Quyền	Tài quan song mỹ, phúc hậu
đồng cung	qúy hiển chuyên về binh nghiệp
Hội Dương Đà	chuyên về kinh thương
Gia từ sát	hậu vận không toàn.
Gia Không Kiếp hãm	hư danh ma ôm hận trường.

Dậu Cung

Liêm-trinh : hãm

Phá-quân : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Tân Qúy Canh	cát lợi

Giáp Bính	hoạnh phát, hoạnh phá, phải xa que hương mới tốt.
Hội Xương Khúc	là người hàn sỹ, học giỏi thông minh, nhưng không thành danh.
Hội Văn-Khúc	ưa về ca nhạc
Hội tứ sát	chuyên về công nghiệp nhưng khéo léo
Dương cư Sửu chiếu	ưa tranh đấu nhưng hình ngục
Dương cư Mão	lộ thượng mai thi
Nữ Mạnh Giáp Kỷ Canh Qúy	tính tình thanh bạch, vượng phu ích tử.

Hợi Cung

Thiên-phủ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu Tân Nhâm	Tài quan song mỹ
Kỷ	qúy cách
Canh	bất qúy, tiên đại hậu, hữu thủy vô chung
Phụ Bật Khúc Xương, hội Lộc-tồn	qúy hiển mà giàu có
Hỏa Linh hãm	đa hư thiểu thực
Kiếp Không hãm chiếu	la người bôn ba, cô đơn, hình khắc lục thân.

Tý Cung

Thiên-đồng : vượng

Thái-âm : miếu.

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Mậu Kỷ Tân Quý	tài quan song mỹ
Bính Đinh	phú qúy trung lương
Thủ Mạnh Thân	chủ nhất sinh khoái lạc
Cát tinh hội chiếu lệch lạc	phú mà không qúy
Khúc Xương hội song Lộc	phú qúy, trại lấy vợ con nhà khuê các.

Sửu Cung

Vũ-khúc : vượng

Tham-lang : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Kỷ Canh Tân	qúy hiển cách
Hội Hỏa	phú ông cách
Hội Linh	tướng tướng chi danh, thiếu niên bất lợi, ngoài 30 tuổi mới thành cát khánh.

Thìn Tuất Sửu Mùi	hợp cục phú qúy
Phùng Hình Kỵ	chuyên về công nghệ rất khéo léo.
Hội Khúc Xương	người Mộc Mạnh đa hư thiểu thực.
Khúc Xương giáp Mạnh	cũng là người xảo ngôn
Khôi Việt Qúy Ân	người Kim Mạnh, văn chương thi phú thanh hiển, chấp chưởng chính chức.
Lạc Không Vong Cô Quả	người Kim Mạnh vì tiền ngộ nạn, thân bỏ chiến trường.

Dần Cung

Thái-dương : vượng

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Canh Tân Qúy	Tài quan song mỹ
Tam hợp Hình Sát	xuất ngoại hung nguy
Ngộ Không vong Linh Hỏa	phá cách, tất sẽ bi bôn ba suốt đời, không toại chí.

Mão Cung

Thiên-tướng : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Tân	cát lợi
Giáp Canh	chủ khốn
Tả Hữu Khúc Xương	chấp chưởng oai quyền
Dương Đà sát tấu	chuyên về công nghệ
Dương Đà Hỏa Linh	thường hay bị hình phạt, và hung nguy tàn tật.

Thìn Cung

Thiên-cơ : vượng

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Nhâm Ất	hưởng phúc hậu cách, có nghề rất tinh xảo, thường là cac kỹ sư phát minh.
Gia Xương Lộc	nhà sáng chế mà trở thành rất giàu có.
Hội Binh Hình Tướng Ấn	thường thiên về tham mưu binh nghiệp, mà không sợ hung nguy.
Xương Lộc Tả Hữu	Văn thanh hiển, võ nghiệp trung lương

Tối kỵ Hỏa Linh và Kình hãm xung phá	bôn ba chốn lợi danh chỉ thất bại, không xứng ý toại lòng.

VII. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Ngọ

Ngọ Cung

Tử-vi : miếu địa

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Giáp Kỷ	vị chí công khanh.
Bính Mậu	hữu hành hữu bại
Hội Khôi Việt Tướng Quân	cách xuất tướng, nhập tướng người rất mô phạm, oai quyền mà được chúng nhân sùng ái.
Nữ Mạnh	là người hình dáng đường bệ, vượng phu ích tử.

Thân Cung

Phá-quân : Bình

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Nhâm Tân Canh Quý	tà quan song mỹ, nhưng tánh tình không minh bạch.
Phùng Lộc Mã	tuy phú qúy, nhưng nam lãng đãng, nữ dâm
Phùng Khúc Xương	là người hàn sỹ, học giỏi nhưng thi không đỗ đạt.
Hỏa Linh Kình hãm	ưa thích đấu tranh, nhưng chỉ bôn ba chiêu thị phi.
Quan-Lộc lạc Hỏa Linh Không Vong	là cách đáo xứ hành khất.

Tuất Cung

Thiên-phủ : miếu

Liêm-trinh : Vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Canh Nhâm Kỷ	tài quan song mỹ, chủ qúy hiển.
Bính Mậu	hữu thành hữu bại.
Giáp Đinh Tả-Phu hội chiếu	là cách phú qúy.
Phu Bật Khúc Xương	chấp chưởng binh quyền

Ngộ Văn-Khúc Kiếp Đà-La	cô đơn, hà tiện, thường hay bị chưng núng huyết.

Hợi Cung

Thái-âm : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Đinh Nhâm Mậu Canh	Tài quan song mỹ
Bính Đinh Nhâm Quý	chủ qúy
Tý Sửu hội cát	cách đại phú
Thủ Mạnh Thân	chủ nhất sinh khoái lạc
Nguyệt lãng thiên môn ngộ Khúc Xương	là cách thiềm cung chiết quế, qúy hiển và kết hôn với con nhà khuê các thiếu niên đắc chí.
Lộc Tồn đồng cung tả hữu cư chiếu	phú qúy hiển đạt.

Tý Cung

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Kỷ Mậu	Phúc hậu
Bính Canh	hạ cục
Khúc Xương chiếu	đa hư thiểu thực
Kình đồng cư	là người lận đận, đa gian tân.
Tham-lang Tý vị	là cách phiếm thủy đào hoa, tứ chiến giang hồ.

Sửu Cung

Cự-môn : hãm

Thiên-đồng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Canh Tân	Tài quan song mỹ, nhưng thường hay bị
Bính Nhâm Qúy	thị phi, khẩu thiệt.
Kình Đà chiếu	nam nữ dâm
Nhị hạn Hỏa Linh hãm	gặp hung nguy, tự tử xa nhà,.
Gia tứ sát	hung hãn hay bị đới tật.

Dần Cung

Vũ-Khúc : hãm

Thiên-tướng : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Canh	phúc hậu. Tài quan song mỹ
Văn-Khúc đồng cung	chấp chưởng binh quyền, danh chấn chư bang
Văn-Xương Hình Kỵ	chuyên kỹ nghệtinh xảo, có tài sáng chế
Lộc Mã đồng cung	rất giỏi về ngoại giao, kinh doanh giàu có cự vạn.
Nữ Mạnh ngộ Tướng-Quân đồng cung	là người nội trợ giỏi, nhưng hay át quyền chồng.
Gặp Riêu Hình Hao, gia Hỏa Linh hãm	ngủ thường mơ thấy hình ảnh xấu

Mão Cung

Thái-dương :miếu

Thiên-dương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Tân Nhâm Canh	Tài quan song mỹ, phú qúy song toàn
Giáp	chủ khốn
Thủ Mạnh Thân là Nhật xuất	phú qúy vinh hoa, bình sinh phúc thọ là
Phù tang, gia chư cát	cách đại phú qúy
Hội Khoa Khôi Khúc Xương	tảo tuế đắc chí
Nữ Mạnh gia hội Lộc Phụ Bật	Lư truyền đệ nhất danh là người nghiêm trang, đoan chính, tảo phối lại vượng phu ích tử.

Thìn Cung

Thất-sát : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Canh gia cát tinh	tài quan song mỹ, có mưu lược
Phụ Bật Xương Khúc	phú qúy cách
Cát tinh lệch lạc	có mưu trí nhưng gặp nhiều gian truân
Hội Không Kiếp	hạ cục mà yểu triệt
Thất-sát Thìn Tuất ngộ Triệt	ví như kiếm đao báu bị chôn vùi đi, vì Thìn Tuất là thổ. Triệt khắc chế, đào xới đao kiếm lên mới được đắc dụng.

Tỵ Cung

Thiên-cơ : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu Nhâm	tuy hợp cục, nhưng phú qúy không lâu dñi

Ất Bính Đinh hội cát tinh	tuy phú qúy nhưng gian xảo xa quê hương ly tổ tông mới đỡ được khắc chế.
Hội Kình Đà Hỏa Linh	cô đơn, hình khắc, nên chuyên công nghệ, không nên tranh đấu chốn quyền môn.

VIII. ĐỘ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại Cung Mùi

Mùi Cung

Tử-vi : vượng

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Bính Đinh Mậu Nhâm	phú qúy nhưng là thần bất trung, con bất hiếu
Hội Tả Hữu cát tinh củng chiếu	phú qúy
Hội ác sát Kiếp Không	ưa tranh đấu nhưng gian tân nên chuyên về công nghệ.

Dậu Cung

Thiên-phủ : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Bính Mậu Tân	Tài quan song mỹ
Giáp Canh	bất qúy, dễ chán nãn, tiên đại hậu tiểu
Hội Lộc-Tồn	giàu có
Hội Phụ Bật Xương Khúc	qúy cách cao đệ ân vinh.
Hội Kình Đà đồng	đa hư thiểu thực
Lạc Không Kiếp	cô đơn, hình khắc, chuyên rước lấy thất bại.

Tuất Cung

Thái- âm: vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Qúy	Tài quan song mỹ
Quyền Lộc hội	chủ quyền qúy, nhất sinh khoái lạc
Phượng Long Xương Khúc	là người tảo tuế, thanh vâieät nam đắc lộ.

Hợi Cung

Liêm-trinh : hãm

Tham-lang : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU

Giáp Bính Mậu Kỷ Nhâm	được hưởng phúc nhưng không lâu dài, nam lãng đãng, nữ dâm.
Hội Vũ Phá	phải phá tổ ly tông
Bính Qúy ngộ kỵ đồng cung	được hưởng phúc, có thể giải bớt được hạn, Tham Liêm.
Hội Quyền Lộc	phú qúy
Nhâm gia cát tinh	hưởng phú qúy
Giáp Liêm Tham đảo hạn Thái-Tuế	phải phòng quan tụng hình ngục vì có Kình-Dương ở Mão chiếu
Liêm Tham hội Khúc Xương	đa hư thanh bạch
Hội ác sát	là tỳ thiếp và sương kỵ.

Tý Cung

Cự-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tối ái Khoa Quyền Lộc	thạch trung ẩn ngọc cách, Cự-mon rất hợp với Khoa Quyền Lộc.
Hội Kình Hình đồng cung	làm đá vỡ ra để ngọc phát quang huy mà thu được vàng ngọc.
Đinh Qúy	là thượng cách
Mậu Bính	tuy có phú qúy, nhưng không trường tồn
Dương Đà hãm cư chiếu	nam nũ dâm đãng
Tam hợp ác sát	tất sẽ bị hung nguy.

Sửu Cung

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Nhâm	Tài quan song mỹ
Tả Hữu Xương Khúc	quý hiển xuất tướng nhập tướng
Hình Ấn đồng cung	chấp chưởng binh quyền
Tối kỵ Kiếp Không	ông tướng không đầu
Hỏa-kỵ	hoạn lộ giang dở cách bãi.

Dần Cung

Thiên-đồng : đắc

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU

Giáp Ất Tân Canh	phúc hậu
Giáp Tân Canh	cát khánh phú qúy song toàn, bình sinh phục hậu thường là cách tay trắng mà thành đại nghiệp, dù có sự gián cách sau cũng học và danh thành.
Đồng Lương tối kỵ Hỏa Linh	nếu gặp Hỏa Linh thành phá cách, chung thân bất vi.
Nữ Mạnh tuổi Tý	là bậc hiền thê, vượng phu ích tử.

Mão Cung

Vũ-khúc : hãm

Thất-sát : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Tân	phúc hậu, tài quan song mỹ, chủ hữu mưu lược, thiếu thời bất lợi, nên chuyên về kinh thương.
Hỏa Linh đồng cung	vì tài mà mắc nạn
Hội Kình Hình	làm nghề đồ tể, thợ rèn hay nghề nào có dao búa sẽ phát đạt .

Ngọ Cung

Thiê-cơ : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Qúy	tài quan song mỹ
Hội Xương Khúc Khoa Việt	văn chương thanh hiển, võ nghiệp trung lương.
Hội Hình Tướng Ấn	thiên về binh pháp, thường là những tay tham mưu sáng giá.
Nữ Mạnh	trong gia đình ngoài xã hội cũng được chính chức, tính cương trực, đôn hậu, vượng phu ích tử mà lập nên nghiệp cả.

IX. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Thân

Thân Cung

Tử-vi : vượng

Thiên-phủ : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Canh Đinh Kỷ	chung thân phúc hậu

Giáp	chung thân phú qúy
Tả Hữu Khúc Xương	cao đệ ân vinh
Lộc Mã đồng cung	cự vạn chi tài
Hội tứ sát	đa hư thiểu thực
Lạc Kiếp Không	hình khắc, thị phi, suốt đời chiêu lấy bại vong
Nữ Mạnh hợp cát tinh	đoan chính, vượng phu ích tử.

Dậu Cung

Tham-âm : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Canh Quý	tài quan song mỹ
Cát tinh triều củng	chủ đại qúy hiển
Thủ Thân Mạnh	nhất sinh khoái lạc
Hội Khúc Xương	thiếu niên đắc chí
Lộc-Tồn Tả Hữu	là cách ly tông lập nên đại nghiệp.

Tuất Cung

Tham-lang : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Kỷ ngộ Hỏa	phú ông cách
Ngộ Linh-Tinh	tướng tướng chi danh
Qúy	tài quan song mỹ, nhưng phú qúy không lâu dài
Hội Khúc Xương	đa hư thiểu thực
Thìn Tuất lạc Kiếp Không	phá cách, thương phong bại tục.

Hợi Cung

Cư-môn : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Qúy	tài quan song mỹ, tuy phú qúy nhưng không bền vững
Dương Đà hãm chiếu	là người gian xảo, không có lòng trung thực
Tam hợp ác sát	sẽ gặp nhiều hung nguy.

Tý Cung

Liêm-trinh : bình

Thiên-tướng : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Qúy	tài quan song mỹ
Bính	hoạnh phát hoạnh phá
Tả Hữu Khúc Xương	chấp chưởng oai quyền
Lộc Tồn đồng cung	chủ phú qúy
Không Kiếp ác sát xung phá	phá tổ ly tông, chiêu lấy thị phi, cơ đồ giang dở
Nữ Mạnh Giáp Kỷ Canh Qúy	giáng người thanh tú, ăn nói rất hoạt bát.

Sửu Cung

Thiên-lương : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Kỷ	chủ đại quy
Ất Nhâm	tài quan song mỹ
Cát tinh củng chiếu	bình sinh phúc thọ, vinh hoa, chủ thọ cách
Ất Bính Đinh Nhật Nguyệt	Xuất thế vinh hoa
Tỵ Dậu chiếu vô sát tinh	chủ qúy hiển thanh dương

Dần Cung

Thất-sát : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ	tài quan song mỹ
Bính Mậu	trung bình
Nhâm cặp Ngọ Tuất	bất hỷ
Cát tinh lệch lạc	tuy lich lãm, nhưng gian tân
Thất-sát triều đẩu	là cách tước lộc vinh xương, nhưng phải có cát tinh tương phù.
Hội ác sát lạc Không-Vong	binh nghiệp không ra gì, thân bỏ chiến địa.

Mão Cung

Vũ-khúc : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất bính Tân	tài quan song mỹ
Hỏa Linh đồng cung	tất sinh nốt ruồi lạ
Kình Đà đồng cung	thường mắc bệnh huyết, dễ bị tàn tật.
Nữ Mạnh tuổi Tân	là bậc hiền thê, vượng phu ích tử.

Thìn Cung

Vũ-khúc : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất	phúc hậu, tài quan song mỹ
Thìn Tuất Sửu Mùi	tuy thiếu niên bất lợi, nhưng phú qúy.
Văn-khúc đồng cung Qúy tinh giáp chiếu	là cách lưỡng khúc trùng phùng chấn vệ biên cương là cách của bậc tướng oai phong rất được sự tôn phục.
Tham Vũ đồng hành Sửu	2 sao Tham Vũ và Đồng Hành
Mùi Thìn Tuất tái ái Hình Kỵ Tướng Ấn	Thìn Tuất Sửu Mùi rât ưa thích Hình kỵ, vì là cơ mưu biến hóa, Tướng Ấn nữa là xuất tướng nhập tướng.
Nũ Mạnh vũ-khúc	sao Vũ-Khúc rất ghét Quả Cô
Ngộ Quả cô	Nữ phái thì một đời không ráo lệ vì con bất hiếu vì hình phu khắc tử.

Tỵ Cung

Thái-dương : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Thủ Mạnh cung	tài quan song mỹ
Xương Khúc Khôi Việt	là cách tảo tuế đắc chí
Cát tinh thủ chiếu	qúy hiển lại văn chương, được cách Nhất Nguyệt chỉ e sợ ngộ Dương Đà, nếu bị thi hình khắc cô đơn ví như Tử-vi ngộ Kiếp Không
Nữ Mạnh Thái-Dương	là người đoan chính, nếu đồng cung với Kình thì nên đi tu hưởng phúc.

Ngọ Cung

Phá-quân : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Canh Qúy	phúc hậu
Giáp Qúy vô sát	tài quan song mỹ, vị chí công khanh, Phá quân Tý Ngọ là cách anh tinh lâu dài
Phùng Hỏa Linh	bôn ba, lao lực, tranh đấu nhưng chỉ gặp thị phi

Mùi Cung

Thiên-cơ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU

Bính Đinh Mậu Nhâm	tài quan song mỹ
Tân Ất song Lộc thủ chiếu	hợp cách
Khôi Việt Khúc Xương	Thiên-cơ là mộc, ghét gặp Hỏa Linh, nếu gặp là giang dở một đời
Cơ ngộ Tứ sát	chuyên về công nghệ ag kho lo

X. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Dậu

Dậu Cung

Tử-vi : hãm

Tham-lang : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Kỷ Canh Tân	chủ qúy cách
Ngộ Linh	chủ qúy cách
Ngộ Hỏa	chủ phú cách, nhưng phú qúy không được lâu dài
Dậu Sửu	chung thân bất thành, nam nữ tà tâm, bất trung bất nghĩa, là người gian xảo
Ngộ Khúc Xương	là người đa hư thiểu thực
Kình-Dương đồng cung	gian tân, chuyên về kinh thương
Lạc Kiếp Không	dù có Quyền Lộc hội với Không-vong cũng không nên tranh đấu nơi hoạn trường, đây là cách bồi hồi tâm sự nhiễu tam canh của những nhà chính trị cách mạng không thanh công vì gia phúc, mà cứ vấn vương vẫn không dứt được.

Tuất Cung

Cự-môn : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Tân Qúy	chủ qúy cách
Tân phản vi kỳ cách	người tuổi Tân Cự-môn Thìn Tuất là có sự ám hợp độ số tinh đẩu nên gọi là phán vi kỳ.
Đinh Canh	chủ hãm nhưng cũng phú túc.
Dư lại các tuổi khác	gặp Cự-môn Thìn Tuất là không lành, nhất sinh chiêu thị phi.
Lưu hạn phùng Kình Đà Linh Hỏa	sẽ hung nguy, phải phòng tử ư ngoại đạo

Hợi Cung

Thiên-tướng : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Canh Qúy	phú qúy hiển đạt
Bính Mậu	hưởng phúc
Phụ Bật Khúc Xương	chấp chưởng oai quyền
Hỏa Linh Cư chiếu	tàn tật

Tý Cung

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Canh	phúc hậu
Cát tinh tương phùng	bình sinh phúc thọ không sợ hung nguy, chủ thọ cách.
Phụ Bật Khúc Xương	vị chí tam công.
Hội Xương Lộc	là cách lư truyền đệ nhất danh vì Lương rất ưa Xương Lộc.

Sửu Cung

Liêm-trinh : vượng

Thất-sát : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp	tài quan song mỹ
Mậu Bính gia cát tình	tài quan song mỹ, nhưng bị thị phi thành bại
Bính vô sát diệu	phản vi tích phú chi nhân.
Cát diệu lệch lạc	gian tân, thường thiên về binh nghiệp
Lạc Kiếp Không ác sát	bị bệnh đàm, huyết và lao, và phải ly tổ tông.
Đáo hạn ngộ Kình Đà Hỏa-kỵ	phòng nạn lộ thượng mai thi, nịch thủy.
Phùng Tử-vi, Thiên-tướng Lộc-Tồn	gặp được Tử Tướng Lộc Tồn, khá giải hung nguy.

Thìn Cung

Thiên-đồng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Đinh	tuy phú qúy nhưng gian tân

Canh Qúy	phú bất trường cửu
Phụ Bật Khúc Xương cư chiếu	qúy hiển
Dương Đà Hỏa Linh xung phá	trong người thường có nốt ruồi lạ.
Đồng hội Đà hãm	nếu hãm ngộ Đà thì mắt bé lại, mắt ty hý, không lớn nữa. Đồng vượng là người mày xanh, mắt to sáng lưng dày.

Tỵ Cung

Vũ-khúc : hãm

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Nhâm	phúc hậu, tài quan song mỹ, thiên thời bất lợi, phá tổ bôn ba lao lực, ngoài 30 tuổi mới mong lập nghiệp được, nên chuyen buôn bán làm giàu
Khúc Xương Hội	Dù Khúc Xương vượng cũng bị hình khắc, kinh thường đỡ được sự lao tâm.
Hỏa Linh ác sát	la người đông thành tây bại, cuối cùng cũng không đạt ý.
Lạc Kiếp Không	vì tiền tài mà ngộ nạn, lãng đãngag phiu bồng, chung thân bất thành.

Ngọ Cung

Thái-dương : miếu

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Canh Tân	phú qúy song toàn
Bính Mậu	chuyên quyền chi qúy, địch quốc chi phú.
Chư cát phù trì	tất là đại qúy
Xung chiếu Thiên-Lương gia cát	là cự thương cao mại cách
Nữ Mạnh	hiền phụ

Mùi Cung

Thiên-phủ : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Kỷ	chủ qúy hiển
Hội cát itnh	tài quan song mỹ
Phụ Bật Khúc Xương, Khôi Việt đồng cung	tôn cư vạn thặng, tài kiêm văn võ.
Nhật Nguyệt giáp Mạnh Tài	phi quyền tắc phú.

Giáp Canh	bất qúi, hay chán nản, tiên đại hậu tiểu.
Ngộ sát tinh	gian xảo, không trung thực .
Lạc Không Kiếp	hình khắc lao lực, công bất thành, danh bất toại.

Thân Cung

Thiên-cơ : hãm

Thái-âm : lợi

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Canh Qúy	tài quan song mỹ
Hội Khôi Khoa Quyền Lộc	chủ phú qúy, trước có danh sau phú cách.
Ất Bính Mậu Tân Nhâm	chủ thị phi khẩn thiệt.
Cơ Âm Thân xư	là cách chỉ sự oan đời thị phi không thể tránh được. Lâm Phúc hương, họ hàng phân ly vì là tiền oan nghiệp chướng từ trước.

XI. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Tuất

Tuất Cung

Tử-vi : vượng

Thiên-tướng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Ất Kỷ Canh Qúy	tài quan song mỹ.
Phụ Bật Tướng Ấn	chuyên về võ nghiệp
Lạc Không Kiếp	mưu sự bất thàmh, thường vì tiền tài mà mang lụy.
Thìn Tuất thị La Võng địa	2 cung Thìn Tuất thường gọi là La võng chí địa La Võng ví như rào lưới, nên Tử Tướng cư Thìn thì Phá-quân cư Tuất nghịch lại Tử Tướng cư Tuất thì Phá-quân cư Thìn. Tử Tướng này ví như cọp bị mắc lưới mắc rào, hơn nữa vì Phá-quân Thìn Tuất hãm địa, và bao giờ cũnng ở xung chiếu với Tử Tướng, vì luân theo tính chất của Phá-quân nên mới nói là Thần bất trung tử bất hiếu, nên rất cần gặp Kình Dương là gươm thần, gươm ấy sẽ phá hết rào lưới để cho Tử-vi, Thiên-tướng tung hoành. Hơn nữa nếu Tử-vi hội Kình đồng cung ở Thìn Tuất là các hung tinh nhập miếu, để chấn át ngăn giữ, không sợ các hung tinh

	khác hại được Tử-vi. Đây là cách hung chấn cát phù.

(xem mục luận tinh đẩu)

Hợi Cung

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Nhâm	phú qúy song toàn
Tân Qúy	trung bình
Ngộ Hỏa Linh	phá cục hạ tiện cô hàn
Các tuổi dư lại	chủ hãm
Dương Đà hãm chiếu	thương luân bại lý
Nữ Mạnh	phá cục dâm bân, cô tiện.

Tý Cung

Thất-sát : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ	tài quan song mỹ
Canh Nhâm cấp Ngọ Tuất	bất hỷ
Cát tinh hội lệch lạc	là người lịch lãm, nhưng gian lao.
Thất-sát triều đẩu	là cách nhất sinh tước lộc vinh xương
Thủ mạnh	là người thông minh cơ cơ mưu
Hội Tả Hữu Khôi Việt	là tường trung nghĩa
Cát diệu phù trì	thường chấp chưởng oai quyền chấn vệ biên cương
Lạc Không Vong Hình Sát	bôn ba lận đận suốt đời, nếu ở chốn quyền môn; công nghệ và đồ tể mới hợp cách.

Dần Cung

Liêm-trinh : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Kỷ Canh	vi quý cách
Giáp Phủ Tướng triều Viên	người tuổi Giáp được Phủ ở Ngọ, Tướng ở Tuất, triều về cung Mạnh là hợp cách.
Phụ Bật Khôi Khoa	là người vị đăng nhất
Xương Khúc thủ chiến	phẩm, thực lộc vạn chung
Hội Lộc Mã đồng cung	phú qúy càng thêm rực rỡ.
Hội ác sát	khó tránh được bệnh nùng huyết, phong lao.

Nữ Mạnh Bính Tân Ất Mậu	là người nghiêm chỉnh, tính tình thanh bạch.

Thìn Cung

Phá-quân : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Qúy	vi phúc thọ
Bính Mậu	phú qúy nhưng tính tình không thực, xử sự bất minh.
Ngộ Khúc Xương Đà đồng	hình khắc và gian tân, tàn tật và thị phi.
Hỏa Lonh hãm	bôn ba, lao lực, suốt đời bại vong.

Tỵ Cung

Thiên-đồng : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Bính Mậu Nhâm	tài quan song mỹ
Tả Hữu Khúc Xương	qúy hiển
Đà đồng cung	mắt nhỏ
Hội tứ Sát	cô đơn hình khắc
Nữ Mạnh	là người tính tình cánh cải, hay đổi thay, tuy phú qúy nhưng dâm.

Ngọ Cung

Thiên-phủ : vượng

Vũ-khúc : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Canh Qúy	tài quan song mỹ.
Kỷ	chủ qúy hiển
Giáp	nhất phẩm chi qúy.
Thủ Thân Mạnh	chủ phúc thọ cách.
Tả Hữu Khúc Xương	cao đệ ân vinh
Lộc-tồn đồng cung	cự vạn chí tài.
Tứ sát hội chiếu	hữu thuỷ vô chung.
Lạc Không kiếp	cô đơn, hình khắc, thất bại

Mùi Cung

Thái-dương : đắc

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Bính Mậu	tài quan song mỹ
Canh Nhâm	
Khoa Lộc gia cát tinh	đích thị phương hầu bá
Giáp Khúc Xương	tăng thêm qúy hiển
Âm Dương Sửu Mùi	không có cát tinh thủ chiếu là
Tam phương vô cát chiếu	phản vi hung, vì Nhật Nguyệt ở đây là hãm địa, là cách bất hiển công danh, trước chuyên cần mà sau bỏ dở dang.

Thân Cung

Tham-lang : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Canh Ất	tài quan song mỹ
Khúc Xương thủ chiếu	là người đa hư thiểu thực
Hội tứ Sát	gian tân lao lực
Hội song Hao	là người hình dáng tuấn tú, nhưng rất dâm.

Dậu Cung

Cự-môn : vượng

Thiên-cơ : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Kỷ Tân Qúy	tài quan song mỹ
Đinh Mậu	hữu thành hữu bại, tha phương lập nghiệp nhi thành.
Ất Bính	hợp cách phú qúy
Gia chư cát	chủ đại phú qúy
Kình Dương cư chiếu	tuy phú qúy, nhưng nam nữ đều dâm.
Nữ Mạnh tối kỵ Hồng Đào tứ sát xung hợp	nữ Mạnh không nên gặp Đào Hồng, hình khắc lục thân và dâm tiện.

XII. ĐỘ SỐ CÁC SAO

Khi Tử-vi khởi tại cung Hợi

Hợi Cung

Tử-vi : hãm

Thất-sát : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Bính Mậu Kỷ Nhâm	tài quan song mỹ
Nam Mạnh Nhâm Giáp	phú qúy
Hội Hỏa Quyền	là người cơ mưu quyền trọng
Dương Đà hãm chiếu	là người tầm thường, chỉ có hư danh không thực tài.
Nữ Mạnh hội Tứ sát	hậu vận xấu, hung nguy.

Mão Cung

Liêm-trinh : vượng

Phá-quân : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Đinh Tân Quý	cát lợi
Giáp Bính Canh	hoạnh phát hoạnh phá, phá tổ ly tông
Phùng song Lộc thủ chiếu	phú qúy, tiêu trừ được tai nạn.
Mậu Kỷ	phá cách, thường làm con nuôi đổi họ tên mới mong ít tai nạn.
Gia tứ cát	chuyên về kinh thương
Dương cư Dậu chiếu	tử ư ngoại đạo
Dương cư Quan-Lộc	hạ tiện, đáo xứ khất cầu
Nữ Mạnh Ất Bính Tân	chủ thanh bạch, cao khiết

Tỵ Cung

Thiên-đồng : đắc

Thái-âm : hãm

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Canh Tân Quý	Tài quan song mỹ
Bính Mậu hội Kình gia	phú qúy chấn vệ biên cương
Phượng Giải	là cách Kình đồng Âm nhi phùng Phượng Giải, phú qúy thanh dương.
Hội Tả Hữu Khúc Xương	qúy hiển
Hội ác sát	bôn ba lao lực

Nữ Mạnh	tuy mỹ nhưng dâm

Mùi Cung

Tham-lang : hãm

Vũ-khuc : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Mậu Kỷ Canh Tân ngộ Hỏa	phú ông cách
Ngộ Linh-Tinh	tướng tướng chi danh
Qúy	tuy phú qúy nhưng không trường tồn.
Thìn Tuất Sửu Mùi	phú qúy
Canh Tân hội Sát Kỵ	là người khéo léo về cong nghệ, hay chuyên kinh thương .
Lạc Kiếp Không	công danh bị bãi triệt, cơ nghiệp đổ vỡ. Cách Tham Vũ Sửu Mùi thì thiếu niên bất lợi, phải ngoài 30 tủoi mới mong thành cơ nghiệp được.

Thân Cung

Thái-dương : đắc

Cự-môn : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Giáp Đinh Kỷ Canh Tân	Tài quan song mỹ
Dương Đà hãm chiếu	nam nữ hình khắc, tuy phú qúy không trường tồn, trước chuyên cần sau chán nản.
Hội Dương Đà ác sát	hung nguy không trán được.

Dậu Cung

Thiên-tướng : đắc

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Ất Tân	cát lợi
Giáp Canh	chủ khốn
Phùng Tả Hữu Khúc Xương	qúy hiển cát khánh.
Dương Đà ác sát	chuyên công nghệ khéo léo
Hội Hỏa Linh	thân thể đới tật
Nữ Mạnh Khúc Xương	thị phi hình khắc.

Tuất Cung

Thiên-cơ : vượng

Thiên-lương : vượng

TUỔI SINH VÀ SAO	CÁCH TỐT XẤU
Đinh Kỷ Canh Nhâm	chủ phúc thọ song toàn
Hội Tả Hữu Xương Khúc	là người có văn tài thi phú.
Hội Tướng Ấn	thường thiên về võ nghiệp, có cơ mưu điều binh khiển tướng.
Đối cung Thiên Ri	có óc phát minh, sáng chế cự thương cao mại mà lập được đại nghiệp. Nên được phê cách. Thìn Tuất Cơ Lương phi tiểu hổ.
Lạc Không Kiếp Hỏa Linh	là người bôn ba chỉ chiêu lấy thất bại Cách Cơ Lương Thìn Tuất hội với cát tinh, nếu tu hành cũng là những bậc Hòa Thượng cao tăng danh vọng vang lừng được chúng nhân tín phục.

✵

CHƯƠNG 6

TÍNH LÝ CHƯ TINH HUNG CÁT

AN TẠI MƯỜI HAI CUNG

TẠI THÂN, MỆNH CUNG

Tử-vi

Hình mạo đôn hậu, sắc diện tía, bản tính trung hậu, lão luyện, khiêm cung với mọi người nhưng rất cảnh trực.

Tử-vi mặt đỏ, lưng dầy

Tính tình trung hậu, người đầy phương viên

Mạnh an Ngọ, song tuyền phú quý

Tuổi Giáp, Đinh duy chỉ hai người

Tử-vi tọa thủ cửa trời

Nếu vô Sát Tấu, một đời công khanh

Vận suy, hạn nhược chẳng lành

Được sao Tử đóng bên mình giải hung

Tử, Tang, Tả, Hữu hội trung

Có người con gái lộn chồng tìm ra

Thiên-Cơ

Thân, tài (bộ phận) không dài hoặc vắn quá. Thông minh, tú lệ, tỉnh táo cấp nhưng lòng thành, thích làm việc thiện, khi hành sự rất thao lược và biến hóa thích ứng.

Sao Thiên Cơ đồng cung Quyền, Kỵ.

Tuổi Tuất, Thìn, túc trí cơ mưu

Thông minh, biến hóa đủ chiều

Cự, Cơ, Tý, Ngọ mỹ miều lắm thay

Tuổi Đinh, tuổi Quý mới hay

Thạch Trung Ẩn Ngọc, cách này trời ban

Những người tuổi Bính, tuổi Tân

Cự, Cơ, Mão,Dậu thập phần giàu sang

Lâu đài gấm vóc thênh thang

Xum xuê hoa lá, đầy dương bạc tiền

Cự Cơ Tuần Triệt tại Điền

Tư cơ cha mẹ không truyền cho con

Cơ Lương, Thái Tuế, Tang Môn

Lâm vào chốn hãm, cành con chớ trèo

Cự ngộ Hổ, chó đá chầu

Ngộ Dương Đà, có thạch đầu tại gia

Thiên-Cơ, Bạch-hổ mà gia

Tang-Môn, Điếu-Khách, là sa hoàng tuyền

Thái Dương

Tướng mạo hùng tráng mặt dài, thông minh, nhân từ có độ lượng với người dưới. Rất ghét những chuyện thị phi đặt điều. Được hưởng phúc, thọ song toàn. Ngộ Dương Đà mang ác tật. Ngộ Hóa Ky tất bi mục tật, mắt kém.

Thái-Dương chủ Quan-Lộc tinh

Ngọc cung, Hỏa mệnh quang vinh nhất đời

"Địch quốc chi phú" là người

"Tranh quyền chi vị" nết thời khó thương

Cư cung Mão "Lương Xương Lộc hội

Tuổi Tuất, Thình cách tối vinh xương"

Chính là: Nhật xuất phù tang

Giữ ngôi Tể Tướng quyền sang nhất triều

Dần đến Ngọ là chiều cát vượng

Trí thông minh, hình tướng gọn gàng

Ở ăn tươm tất đàng hoàng

Chuộng điều phước thiện, tránh đường vô liêm

Canh niên, Mão vị không hiềm

Tuổi Nhâm, cung Ngọ quý quyền hanh thông

Thái-dương, Hợi địa bất dung

Tự Dậu tới Sửu nghịch dòng chẳng hay

Dương Đà Không kiếp ăn mày

Mua phiền chuộc não lo ngày lo đêm

Thiết bi hãm sắc, tính hèn

Dương Đà Ngộ Kỵ, mắt phiền kém tươi

Gia nhân sạ khứ, sạ hồi

Bởi sao Nhật Nguyệt hãm ngồi Nô cung

Thiên-tài ngộ Nhật bất trung

Tính tình nhâng nháo, dể dưng Phật, Thần

Vũ-Khúc

Hình dáng nhỏ, thanh cao và có đại lượng, tính cương ngay thẳng và quyết đoán nhưng không độc hại cho bất cứ ai.

Người có sao Vũ-Khúc thủ Mệnh chính là người: "chỉ cương, chí nghị chí nhân" vậy.

Vũ-Khúc là sao Kim hình

Vóc người nho nhỏ, tính tình thanh cao

"Chí cương chí nghị" anh hào
Khoan dung đại lượng lược thao gồm tài
Mệnh Sửu Mùi, đồng hai Văn, Vũ
Tuổi Thổ phùng Thai Tọa tam phương
Binh quyền vạn lý nghênh ngang
Anh hùng "danh trấn chư bang" một thời
Ai người tuổi Thổ, Kim hoặc Mộc
Gặp Tham-Lang Vũ-Khúc đồng liêu
"Văn môn vũ lược kiêm ưu
Mộ trung Thai Tọa", cách siêu mọi người

Thiên-Đồng

Tướng mạo phong mãn, my thanh, mục tú. Bản tính nhân từ, nhưng rất cảnh trực. Là người khiêm cung, ôn hòa, tinh thông văn bút, tuy là người có chí khí, nhưng không tỏ vẻ cao ngạo và chống báng.

Thiên-đồng mắt lớn lưng dầy
Vóc người mập mạp, diện đầy, phương viên
Tâm cao chí đại nhưng hiền
Không cao ngạo, dẫu bút nghiên thực tài
Đãn hiềm Đà, Kỵ lâm lai
Mắt lươm ty hý, lại hay ngồi đồng
Cúng Kinh-Dương tọa Ngọ cung
Với sao Phượng, Giải anh hùng một phương
Dần Thân cung, Đồng Lương đắc cách
Giáp Tân Canh "Thủ bạch thành gia"
Thiên-lương, Nguyệt-đức chiếu kề
Một là đạo sĩ, hai là tăng nhân
Với những người tuổi Thân, Thìn, Tý
Cách Đồng Lương Cơ Nguyệt tạo nên
Quan sang, lộc trọng vững bền
Cửa nhà cao rộng, bạc tiền đầy kho.

Liêm Trinh

Thân trường, thể tráng. Mắt lộ quan, mi lộ cốt, mày thưa, miệng rộng, lợi khẩu, tâm tính cuồng độc, không ua sự gò bó, tính chất thô bạo, hay giận uất hay cạnh tranh, ưa thích đời sống phong lưu, và có máu mê cờ bạc.

Chỉ duy có sao Thiên-tướng, và sao Lộc-tồn mới chế hóa được tính ác của sao Liêm-trinh lại trở thành phú quý, và đặt mình vào kỷ cương, lễ nghĩa.

Liêm-trinh, hỏa vượng thân tràng
Lộ hầu, lộ nhãn, mắt vàng mày thưa
Cư Thân, Mệnh, hóa Đào-Hoa
Ăn chơi, phóng đãng, xa hoa khác người
Hãm cung đóng tại Sửu, Mùi
Riêng hợp tuổi Bính thành người giầu sang
Cùng Tướng, Lộc hội tam phương
Quyền cao, lộc trọng, phong quan mọi đàng
Dần Thân với Khúc Xương đồng cúng
Văn đã hay, võ cũng đồng tài
Anh hùng cái thế trong đời
Liêm Tham Tỵ Hợi, gặp thời "huyền tu"

Thái-Âm

Khổ diện vuông đầy, da trắng mà nhuận. Trí tuệ thông minh, tính chất thanh nhã và ôn hòa. Học vấn rộng, nhiều khả năng, có độ lượng khoan dung, nhưng sáng suốt và ý thức tế nhị, tình cảm dồi dào, nên ưa thích uống rượu thưởng hoa.

Mệnh, Thân có Thái-âm tọa chủ
Hợi cung, người manh Thủy Mộc Kim
Cách là: "Nguyệt lãng thiên môn"
Tư cơ đồ sộ, quyền môn chói lòa
Âm hội Lộc, Quyền Khoa cư Tý
Tuổi Quý Nhân, phú hiển trăm phần
"Thiên lương, Nguyệt diệu, dâm bần
Ngộ Dương Đà, phải thương nhân, tán tài
Hội Tả, Hữu, Lộc-tồn, Vũ-khúc
Cách riêng cho những bậc phú ông
Thái-âm ngộ Kỵ, Hình đồng
Mắt mờ, có tật, bằng không mù lòa

Tham-Lang

Nhập miếu là người lưng cao, mông dầy. Bản chất cương cường, có uy dũng có cơ mưu sâu rộng, nhiều thủ đoạn, người ngoài khó đo lường chuyện ghét hay yêu ai, hành sự táo cấp, không chịu ngồi yên lúc nào.

Gia ác tinh là người vừa man trá, vừa hiểm độc, và mê say tửu sắt đổ bác.

Duy người tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi có Tham-lang tọa thủ các cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi hoặc hãm địa ngộ Không-vong, lại phản vi chính trực.

Tham-lang khả biến thành Đào

Mệnh Tham Sinh Vượng sống lâu hơn người

Tham, Linh Hỏa an bài Tử Mộ

Ngôi công hầu, triệu phú gia tư

Tham-lang ác sát đồng cư

"Cẩu thâu thử thiết" nghê tư chính nòi

Tham với Tả, Hữu, Khôi, Việt hội

Mộc sinh nhân Thầy Bói lừng danh

Tham lang, Vũ-khúc đồng hành

Mệnh cư Mùi, Sửu tất thành phú thương

Tham nhân, hội Văn-Xương, Văn-Khúc

Chính thực chàng đại dóc ba hoa

Cư Hợi, Tý ngộ Dương Đà

Cuộc đời "Phiếm thủy đào hoa" bồng bềnh

Hai tù tinh "Thanh Liêm Tỵ, Hợi"

Ngộ Triệt Tuần phản hữu kỳ công

Tham Hỏa miếu, cách phú ông

"Tham Linh tịnh thú" Tướng hùng vang danh

Cự-Môn

Nhập miếu, vóc người dài lưng và mông dầy. Là người học rộng, tài cao, thanh tú, nhưng tính tình ôn lương, đôn hậu.

Hãm cung, có tầm vóc ngũ đoản, môi thâm, gầy nhỏ. Bản tính đa nghi, ít hợp được với người khác. Tuy học nhiều nhưng kém tinh anh, thích dấn thân vào những chuyện thị phi, cung số phải bôn ba lao lực.

Duy có sao Lộc-tồn hóa giải được tính hung ác của Cự-Môn hãm địa.

Thân Mệnh, Cự-môn, Tý Ngọ chuẩn

Phùng Triệt, Tuần "ngọc ẩn thạch trung"

Cách này phú quý vô song

Cự phùng Quyền Lộc cũng đồng vinh xương

Cự, Đà, Tấu Tuế một đoàn

Tháng ngày chầu chực công môn miệt mài.

Cự môn, Thìn Tuất hai nơi

Đầu đình, góc chợ những người ngụ cư

Duy tuổi Tân, phải vi phú, quý

Vì Cự-Môn phương vị Tốn, Tân

Sao Cự Nhật, cung Dần Thân

Ngộ Quyền, ngộ Phượng, phong vân gặp thì

Ngành Tư Pháp, Luật-sư cãi giỏi

Mệnh Cự-Môn hội với Tuế Hình

Ai người miệng kín như bình

Thái-tuế, Việt, Kỵ song hành Cự-Môn

Thiên-Tướng

Tướng mạo đôn hậu, bản tính thanh bạch, trì trọng và ôn hòa, nói hoạt bát, không làm sự trái, không ưa những cách hư ảo, giả trá. Là người có lòng trắc ẩn, nên thường thường giữa đường gặp sự bất bình ra tay. Ưa thích căm thù, chén tạc với bạn bè, bình sinh không biến cải chí hướng, ghét chuyện thay đổi sự việc.

Tướng Ấn chính vị Công Hầu

Binh, Hình, Lộc, Mã hội chầu Mệnh-viên

Cung Thìn Tuất, Mệnh an Tướng thủ

Quan-Lộc cung vượng khí công danh

Thiên-tướng chẳng kỵ Sát tinh

Chỉ hiềm Triệt-lộ đầu mình phân hai

Thiên-tướng là mặt con người

Hương trời sắc nước mệnh ai Tướng Hồng

Đãn hiềm lấn át quyền chồng

Tướng, Phúc, Hình, Kỵ bóng đồng tổn hao

Tướng và Khúc, hội Đào Mộc Cái

Sắc khuynh thành, chết nỗi dâm bôn…

Thiên-Lương

Tướng mạo trọng hậu, mi thanh mục tú. Bản chất ôn hòa, cẩn trọng, uẩn lượng. Hay làm việc thiện giúp người.

Là người thông minh, lỗi lạc, những khi lâm sự rất quyết đoán, hưởng trường thọ.

Thiên-Lương, mộc chủ Thọ tinh

Đông cung Thân, Tuất, Thìn Dần mới hay

Nữ lưu thủ mệnh phúc đầy

Hao, Hình, Kiếp, Sát một bầy tai ương

Mệnh cung: “Ngọ thượng Thiên-lương”

Tuổi Đinh, Kỷ, Quý quyền sang nhất triều

Hội Thất-Sát, Song Hao tại Tỵ

Phải đề phòng hiểm họa đao thương

Ngộ Trì “Soi bóng đài gương”

Vị công hầu, hội Văn-xương một nhà

Tuổi hoa nở, đang khoa cao chiếm

Bởi Thiên-lương thủ mệnh Tý cung

Xương Lộc hội Nhất chiếu xung

Đè đầu sẽ tử, văn hùng nhất danh.

Thất-Sát

Mắt lớn, tính tình nóng nảy, táo bạo. Hỷ nộ bất thường. Khi hành sự đa nghi, dè dặt không có quyết đoán nhất định.

Miếu vượng là người có mưu lược. Hãm địa bị tàn tật.

Thất Sát hội Tử-vi, Hoa-quyền, gia cát tinh, tất làm Đại-tướng.

Thất-sát thuộc Kim ưng đới Hỏa

Đóng Dần, Thân miếu địa an bài

Giáp, Canh, Đinh, Kỷ bốn người

Danh cao, Lộc trọng một đời vinh xương

Sát, Xương, Khúc "tứ phương củng phục"

Tuổi Mão, Thân thọ phúc song toàn

Tốn cung Sát Tử đồng ban

"Đế Huề Bảo Kiếm" võ quyền kinh uy

Ai người "Lộ thượng mai thi"

Vì sao Liêm Sát, đồng quy Sửu, Mùi

Ai người trận địa thay vùi

Vì sao Kinh Sát đứng ngồi Ngọ cung

Sát tuyệt địa Đà Dương xung chiếu

Thầy Nhan Hồi chết yểu, thương ôi

Nữ mệnh sát, Ngọ Tý ngồi

Ngộ Riêu, Kiếp phải lệ rơi vì tình.

Phá-Quân

Thân tài (bộ phận) ngũ đoản, lưng dầy, mi thưa. Thân thể không cân đối, nên đi đứng nằm ngồi phải ngả nghiêng. Bản chất giảo trá, cương cương bất nhân. Thích làm những chuyện phiêu lưu, kinh hiểm. Chuyện phù ác, nên ít hợp với người, nếu ly tổ nghiệp tất được hưởng phúc.

Duy có sao Tử-vi là chế được tính ác của Phá-Quân, nhập miếu, gia cát tinh được hiển đạt về võ nghiệp.

Phá-Quân thuộc Thủy, Hao tinh

Hào hùng, phúc hậu gian manh tuyệt vời

Tuổi Canh, Quý Phá ngồi Ngọ Tý

An Mệnh viên: "Miếu vị anh tinh"

Anh hùng cái thế, tranh vanh

Cùng Vũ Tỵ, Hợi "đông thành tây tan"

Phải chờ tới vãn niên mới khá
Đồng, Khốc, Hư: "tịch thủ xưng hùng"
Giang sơn một kiếm vẫy vùng
Miệng cười ròn rã nhưng lòng vẫn nghi
Đã táo bạo, còn ưa nịnh, bốc
Phá, Tham phùng Mã Lộc dâm, lang
Hỏa Hao ngộ Phá tai ương
Phá-Quân Linh, Hỏa muôn phương dãi dầu
Kình đồng Phá, lại triều Phụ Bật
Mão Dậu cung, là đất nghịch thường
Hoàng Sào làm loạn trào cương
Nhân dân đồ thán, thực phường bất nhân
Trai bất nhân, Phá-quân Thìn Tuất
Ngộ Khoa, Tuần phản ác vi lương
Tuổi Mậu Quý, lắm bạc vàng
Hoạnh tài, bộc phát giầu sang một đờI

Văn-Xương

Mi thanh, mục tú, bản chất thông minh cơ sảo. Là người học cao, tài rộng, hiểu biết nhiều nên cơ biết khác thường, vì tính tình nho nhã nên ưa sự u nhàn, ghét náo tạp.

Sao Xương, Khúc chủ văn chương
Đồng lam Thìn, Tuất chi hương tuyệt vợi
"Miêu nhi bất tú" Nhan Hồi
Văn-Xương ngộ Kỵ, uổng đời tài hoa

Văn-Khúc

Thông minh thanh tú, tính tình lỗi lạc ngôn ngữ hoạt bát, học cao tài rộng.

Nhập miếu, trong người có nổi những nốt đỏ (dị chi). Thất hãm, lại thành những vết sẹo.

Văn-khúc chủ văn chương thuộc thủy
Mệnh, Thân lâm nhị mộ Tuất Thìn
Phùng Khoa, Tuế với Hóa Quyền
Văn chương, hùng biện hoàn toàn giỏi giang
Vì cùng Vũ-khúc đồng hương
Tướng kiêm văn võ, vinh quang một đờI

Tả-Phụ

Tướng mạo đôn hậu, tính chất ôn lương, trang nhã và đoan chính. Là người phong lưu, tinh thông văn tự, nhưng rất khảng khái.

Tả-phụ là sao phù trì

Tả, Hữu thủ Mệnh, là đi phương ngoài

Giáp Tả Hữu, Thân phù đúng cách

Ngôi công hầu, hiển hách một đời

Mộ cung Tả, Hữu đồng lai

Thăng quan tiến chức, miếu đài viển vinh.

Hữu-Bật

Tướng mạo đôn hậu, cốt cách thanh tú, cá tính bộc trực nhưng lại là người có độ lượng khoan dong.

Có cơ mưu, hay giúp người và tinh thông văn tự.

Phụ-Bật ngộ Thái-Âm nhân

Chuyên làm bà đỡ, giúp đàn sơ sinh

Phụ Bật, Khúc, Tướng đồng viên

Thầy lang, Bác-sĩ danh truyền lương y.

Thiên-Khôi và Thiên-Việt

Thông minh tú lệ và ưa sự thanh bạch. Tuy là người bản chất hiền lương, nhưng có uy vũ nên có phong thái uy nghi khiến người phải nể trọng.

Lúc nào cũng giữ được niềm hòa lạc, và là người có danh chấn viễn phương.

Khôi, Lương Thanh Việt, Cái Hồng

Trai cận cửu trùng, gái tác cung phi

Hồng, Khôi, Xương, Tấu đề huề

Sân rồng, bảng hổ danh đề một hai

Khoa, Quyền, Lộc, Mã Việt, Khôi.

Công thành danh toại, một đời hiển vinh.

Thiên-Mã

Tọa thủ Thân, Mệnh cung, gọi là dịch Mã chủ hiếu động, gặp nhiều cát tinh tất chủ đại lợi. Ngộ Lộc-tồn hay Hóa-lộc là cách đẹp vô song.

Duy rất kỵ lạc Không-vong và trở thành: “Tử tuyệt chi hương”.

Mệnh cung trung, đóng sao Thiên-Mã

Tại Dần cung, gọi Mã Trạng-Nguyên

Tể Tướng Mã, Thân cung an

Ô Truy Ngự-Sử, Hợi nhân Mã lâm

Phù thi Mã, Hình xâm Mã vị

Xích thố Mã, cung Tỵ Mã ngồi

Mã Đà, triết túc quê rồi

"Giao trì Lộc Mã" tiền tài đầy kho.

Lộc-Tồn

Tướng mạo đôn trọng, thông minh tú lệ. Tính chất lỗi lạc, lòng dạ hiền từ nhưng rất sáng suốt và có ý thức bén nhậy. (cảnh trực)

Là người tài cao, học rộng, có mưu trí, cơ biến, nhưng rất hâm mộ đạo đức, nên hay làm lợi cho vật và giúp đỡ được người.

Mệnh có Lộc, ngộ Phá Không

Cát vượng phản biến vì hung tức thời

"Uyên ương Lộc hội" tốt vời

Công danh hiển hách một đời giầu sang

Song Lộc thủ Mệnh quyền chuyên

Lộc Đảo, Mã Đảo hết phiền lại lo.

Kình-Dương

Hình mạo phá tướng, dáng dấp lệch lạc. Tính chất thô bạo cương cường quả quyết hay tranh hơn với người.

Là người có lang tâm, cơ sảo kiêu trá, đơn độc bạo hành, thường lấy thân làm sơ đổi nhân làm oán.

Sao Kình-dương chủ về hoạch lập công danh, ưa chuyện soán đoạt "năng đoạt quân tử chi quyền".

Kinh-dương nhập miếu Thìn, Tuất, Sửu, Mùi và Tây Bắc sinh nhân được hưởng phúc.

Kinh cư Thìn, Tuất Sửu, Mùi

Tam phượng cát chiếu, một đời giầu sang

Mệnh viên Ngọ, tọa Kình Dương

"Mã đầu đới kiếm" biên cương trị vì.

Đà-La

Thân hùng, hình thô, phá tướng. Võ tính quật cường. Tính hạnh kiêu trá, thể thái cao ngạo, hay làm chuyện bất chính và phóng đãng bất định.

Số có Đà-La thủ Mệnh, không giữ được tổ nghiệp, không cư ngụ nhất định ở địa hạt nào. Hành sự phản hối, hữu thủy vô chung, hoạnh thành, hoạnh phá.

Đà-la bản tính chẳng lành

Dần, Thân, Tỵ Hợi đồng hành vượng cung

Đà-la hãm địa tối hung

Cuộc đời cơ cực, bình bồng độ thân

Hỏa-Tinh

Mắt lớn lộ vẻ hung hãm, tâm địa lang độc và cương cường xuất chúng, lông mọc trong người khác lạ, môi răng và chân tay có nhiều vết tích.

Hỏa-tinh nhập miếu, nữ mện trinh lương, hãm địa phản vị tà dâm, hình phu khắc tử hoặc phải tàn toan lao khổ, đa thị phi cũng như không trọn được đạo làm vợ.

Hỏa-Tinh tọa thủ Dần, Mão, Tỵ Ngọ rất hợp cho người Đông Nam sinh nhân, nên được hưởng phúc nhỏ.

Hỏa-tinh lửa đốt tứ bề

Tỵ, Ngọ, Dần, Mão đề huề vượng cung

Hỏa cư Hợi, Ngộ Tuyệt đồng

Tham, Hình củng hội, lẫy lừng uy danh

Hỏa-Tinh Điền-trạch độc hành

Cửa nhà tiền bạc tan tành ra gió.

Linh-Tinh

Tướng mạo có nhiều sự khác lạ, cốt cách phá tướng, mắt lớn, tậm địa độc hại, tính tình trầm lặng, nhiều khi thành lãnh đạm, nhưng gan to mật lớn khác thường.

Nữ Mệnh tính tình cương ngạnh, kháng bối lục thân thương phu, khắc tử.

Linh tinh là điện lửa trời

Tý, Ngọ miếu địa, hãm thời Dậu, Thân

Linh-Tinh Thiên-Việt ở gần

Gió mưa sấm sét phải cần tránh xa

Kẻo mà sét đánh oan gia.

Hóa-Lộc

Chủ tài lộc, tối hỷ gặp Lộc-tồn

Hóa-Lộc thủ Mệnh cung

Tý, Ngọ, Mão, Dậu là vùng tốt tươi

Lộc-Tồn, Hóa-Lộc sánh vai

Chẳng bằng củng chiếu, đông đoài song phương

Hóa-Quyền

Chủ quyền thế, hỷ hội Cự-môn, Thất-sát

Hóa-quyền chủ thế anh hùng

Dần Mão Tý Hợi là cung miếu đường

Quyền hội Thất-sát Cự-môn

Công danh hiển hách, quyền tôn nhất Triều.

Hóa-Khoa

Hóa-Khoa chủ về thanh danh, tọa thủ Thân, Mệnh cung, thông minh hãn thế, Khoa hội với Thiên-cơ, Thiên-khôi thành cách tuyệt hảo.

Hóa-khoa chủ văn chương thi cử

Hợi Dần Thân Tỵ thủ Mệnh cung

Công danh, khoa bảng hanh thông

Khoa tinh, vị tướng giải hung tuyệt vờI

Hóa-Kỵ

Chủ thị phi, sao này đóng ở Mệnh, Thân suốt đời không được vừa ý, toại tâm. Nếu Kỵ cự Quan-lộc có phát đạt công danh cũng không bền vững.

Sao Hóa-Kỵ cùng cát tinh đóng ở miếu địa, biến được tính chất nguy kỵ.

Hóa-kỵ chính sao Kế-đô

Âm trầm, cơ sảo mưu đồ cạnh tranh

Hóa-Kỵ hội với Quyền tinh

Đường mây nhờ ở cơ mưu tuyệt vời

Hợi, Tý, Dần, Mão Dậu, Thân

Sáu cung vượng địa, Kỵ tinh an bài.

Thiên-Không

Chủ sự phá tán và làm những sự trái ngược với đạo lý, cương thường. Mệnh cung có Thiên-không tọa thủ, là cuộc đời thành, bại đa đoan có một kết quả: "Vạn Sự Giai Không".

Nếu hội với cát tinh cũng được phúc nhỏ

Hạng Võ anh hùng ngộ Thiên-Không táng quốc

Thạch Sùng hào phú, phùng Địa-Kiếp vong gia

Thiên-Không hội với Đào-Hoa

Cầm, Kỳ, Thi, Họa tài ba tuyệt vời

Cơ mưu quyền biến hơn người

Ngàn năm: mệnh bạc là đời tài hoa

Địa-Kiếp

Chủ hành động cuồng bạo sơ xuất, không hợp với đường ngay lẽ chính. Trong đời yêu ghét và động tĩnh bất thường. Thích làm những chuyện tà quái, hẹp hòi. Hội với cát tinh cũng được phúc nhỏ.

Hình, Riêu phân gái long đong

Ví chẳng lộn chồng, ắt cũng phản phu.

Thiên-Riêu, Long, Phượng một nhà

Thiên hương quốc sắc, nõn nà giai nhân.

Thiên-Khốc và Thiên-Hư

Tọa thủ hai cung Thân, Mệnh thành cách "Mộc, Bệnh, Tử, Tuyệt chi hương" chủ sự hình, thương, phiền não, thường ngày trong cuộc đời.

Khốc Hư tọa thủ Tý Ngọ cung là nhập miếu. Gia cát hoặc ngộ Lộc-Tồn, Hóa-Lộc tất được y thực phong túc.

Khốc, Hư Tý Ngọ cung Mệnh thủ

Hội Mã Hình nghiệp võ hiển dương

Khốc Hư hội với Kinh Dương

Hữu sinh vô dưỡng, ngộ Tang mất người

Hậu thành, tiên trở trong đời

Bởi sao Hư Khốc cùng ngồi Mệnh-viên.

Hồng-Loan

Nhâm bỉnh (ràng buộc) chi tinh. Hồng-Loan tại Dần, Mão, Tý, Hợi và miếu vương địa, chủ sự thông minh, tú lệ, hòa nhã. Tam hợp Tử-vi thành Tinh Tiết (cờ Tinh, cờ Tiết) miếu đường, tất được cát khanh chi sự, trai lấy được vợ đẹp hiền thục, gái lấy được chồng cao sang quý hiển.

Hãm địa: dâm ta, đa đoan.

Sao Hồng-Loan hội cùng Tử, Phù

Gái chính chuyên, thục nữ ngàn xưa.

Hồng-Loan ngộ Kỵ cung Phu

Gái ngồi quạt mồ, lòng dạ xốn xao

Hồng Cơ Tấu Vũ, Hỷ, Đào

Câu ca, điệu vũ nghề nào cũng tinh

Thiên-Hỷ

Chủ người có dung mạo tuấn mỹ. Ngộ-Thiên hỷ sớm thành gia thất.

Sao Thiên Hỷ, chủ mừng vui

Thiên-Hỷ thủ mệnh, miệng cười có duyên

Hỷ-Thần, Thiên-Hỷ, Hồng-Loan

Ba sao đem lại hân hoan trong đờI

Tam-Thai Bát-Tọa

Hai sao này được mệnh danh là: "Tử-vi chi phụ tá tinh" chuyên chủ về văn chương, sĩ tiến và cát khánh chi sự.

Tọa thủ Thân Mệnh cung là bậc túc nho thanh quý, tất gặp nhiều cát lợi, hoặc chủ hiển đạt thành bậc đại quý.

Lục hãm chủ cô đơn.

Giáp Bát-Tọa, giáp Tam-Thai

Thiếu niên sớm dự lâu đài nghênh ngang

Hỏa, Linh, Kình, Tấu đồng ban

Tung hoành bút phượng trong làng văn nhân

Bút hoa vùng vẫy phòng văn

Tài riêng thiên phú người Tân, Tốn Đoài

Càn Hợi ngọc bút vẽ vời

Mão Dậu bùa ấn, bút người Phát sư.

Long-Trì, Phượng-Các

Chủ về khoa, giáp, tọa thủ Thân, Mệnh cung là người thanh tú, linh lợi, nhã nhặn ôn hòa nhưng rất trịnh trọng.

Nam nhân gặp hai sao này, đắc cách "Phàn Long, Phụ Phượng" tất được công danh hiển đạt, tái lộc phong hầu.

Nữ nhân mà gặp là người tú lệ, có cơ trí, có nhiều tài năng, và tâm trí kiện trì duy nhất.

Long-Trì, Phượng-các hai sao

Cung Mùi, cung Sửu dòng vao vượng thay

Riêu, Hỷ Khốc, "rồng mây gặp hội"

Chốn thi đinh danh vọi vọi cao

Cái cùng Long Phượng Hồng Đào

Chủ quyền nội tướng, anh hào hàng hai

Phượng Long giáp Mệnh có tài

Trước sau vinh hiển ra ngoài nổi danh

Ân-Quang

Chủ sự hưởng thụ ân-điển đặc thù.

Thiên Quý

Tọa thủ Thân, Mệnh là bậc tú khi, hào hiệp, thiếu niên kim bảng danh đề hiển hách.

Miếu vượng, chủ vị nhân xuất chúng, danh cao, tài lộc thịnh.

Tam hợp gặc Văn-Xương, là người anh tuất thông minh tuyệt vời.

Mệnh Thiên-Quý chẳng phùng Không sứ
Hội Khoa Xương sĩ tử nể vì
Thông minh tài học ai bì
Lọng vàng ngựa tía cờ khoe rợp trời.

Cô-Thần

Tọa thủ Mệnh hoặc Thân cung, nếu không được cát tinh hóa giải, chủ cô côi.

Cô Thần, Quả Tú hai sao
Thiết thân chẳng có bạn nào với ai
Tử-Tức mà ngộ cả hai
Gian truân vất vả về hai nhi sinh

Quả-Tú

Tại Mệnh hoặc Thân cung, không gặp cát tinh chủ cô quả.

Quả Tú mà ngộ Thiên-Hình
Tuổi già đầu bạc một mình không con
Chữ rằng: "Họa phúc vô môn"
Tam phương cát chiếu, có con muộn mằn.

Phi-Liêm

Tọa Mệnh hoặc Thân cung, không được cát tinh hóa giải, chú giải hóa chồng, đàn ông hóa vợ.

Phi-Liêm ngộ Hỏa, Linh, Hình, Việt
Thành đạn tên bắt giết, hại thay
Phi-Liêm hội Mã, Hổ bay
Công thành danh toại, rồng mây gặp thời.

Thai-Phụ Phong-Cáo

Chủ phù trợ, tăng gia sự phú quý, hiển đạt

Thai-Phụ, Phong-Cáo, Khoa tỉnh ngộ
Bước công danh rộng mở đường mây
Cát tinh hội với Cao Thai
Công danh thẳng tiến, lâu đài nghênh ngang

Hoa-Cái

Hoa-Cái tọa thủ Thân, Mệnh hãm địa, tốt hơn là "Thí phát xuất gia' chứ không với nếp sinh hoạt trần gian.

Khôi, Lương, Thanh, Việt, Cát, Hồng

Trai cận cửu trùng, gái tác cung phi

Hóa-Quyền Hoa-Cái hội tề

Cùng Hổ, Long, Phượng quyền uy

Đại Tiểu Hao

Chủ sự hư hao, phá tán. Gặp Đại Tiểu Hao phải ly hương, bỏ tổ nghiệp. Nếu ngộ cát tinh, có sự hóa giải.

Song Hao thuộc Thủy đại hà

Mão Dậu thủ mệnh, chính là miếu cung

Cách là "Chúng Thủy Triều Đông"

Phát tài, phát lộc vào không bến bờ

Tham-lang ngộ Hao một nhà

Cầm vàng nhịn đói, lệ hòa miếng ăn.

Thiên-Đức

Cũng là một cứu tinh, chuyên chủ hóa hung vi cát. Nhưng phải căn cứ vào các loại hung cát tinh ngộ phải, để quyết đoán phú quý, bần tiện hoặc cùng thông, thọ yểu được.

Thiên Nguyệt-đức ngộ Đào Hồng

Trai lấy vợ đẹp, gái chồng giầu sang

Thiên Nguyệt-đức tọa chiếu phương

Cùng là Quan Phúc trừ hung cứu người

Thanh-Long

Chủ vui vẻ hòa nhã. Chủ động về sự mưu cầu, công danh, hôn nhân. Nhưng nếu Thanh-Long cư Thìn, thành "Lưỡng Long" là đắc cách nhất.

Thanh-Long, Mệnh PHúc, Thân tọa thủ

Tại Thìn cung, mạnh Thổ, Âm Nam

Hóa-Kỵ chiếu hợp tam phương

Tuổi Đinh, Tuổi Kỷ toại đường công danh

PHÚ ĐOÁN MẠNH THÂN CUNG

Ngôi Tử-vi lâm vào chốn hãm

Quyền cứu nguy thiểu giảm vô uy

Phủ phùng Không xứ tài suy

Chung tân nam bảo tư cơ lưu truyền
Phượng Long Mão Dậu đôi miền
Vượng thì kim bảng ghi tên ngao đầu
Mấy người bất hiển công danh
Chỉ vì Nhật Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi
Quý Ân Mùi Sửu hạn lưu
Đường mây nhẹ bước danh cao bảng rồng
Ân Khôi Quý Việt Cái Hồng
Nam cận cửu trùng nữ tác cung phi
Công danh đợi tuổi tác cao
Giáp Liêm giáp Sát một hào không sai
Giáp Bát-tọa giám Tam-thai
Thiếu niên đã dự các đài nghênh ngang
Giáp Long giáp Phượng mấy ai
Trước sau vinh hiển ra ngoài nổi danh
Những người nên thiếu công danh
Hồng-Loan, Bát-tọa ở mình không sai
Hồng Cơ Tẩu Vũ Hỷ Đào
Gái nghề ca xướng luận vào Mạnh-viên
Hồng-Loan ngộ Kiếp Không lâm thủ
Xá bàn chi bần lũ yểu vong
Tham Liêm Tỵ Hợi không bàn
Chàng Tiêu thuở trước tân toan ngục hình
Thiên Nguyệt-đức Giải-thần tàng
Cùng là Quan Phúc một làng trừ hung
Luận xem phú quý mấy người
Mạnh vô chính diệu trong ngoài tam Không.
Tọa Quý hướng Quý chẳng phùng Không xứ
Gặp Khoa thời nhất cử thành danh
Ấn mang vị liệt công hầu
Sao lành Tướng Cáo hội chầu Mạnh-viên
Đào Hồng Sát Phá Tham Liêm
Lâm vào nữ phái chỉ hiềm sát phu
Tang Đào ở Mạnh cung sau trước
Gái đã đành lỡ bước cầu ô
Vận lưu đại tiểu trùng phùng
Cát thời thịnh vượng, hung thời chuân chuyên

Dương Đà xâm chiếm Mạnh-viên
Nói năng loạn thuyết những phường điêu ngoa
Lỗ tai điếc lác lo phiền
Dương Đà Không Kiếp Cự miền Mạnh-viên
Miệng ấp úng nói không ra tiếng
Vì Tuế Đà Riêu Cái Mạnh cung
Kỵ tinh Xương Khúc đồng cung
Nhan-Hồi yểu tử nghĩ thương anh tài
Cơ Loan Hồng Phúc Mạnh trung
Cửi canh kim chỉ vá may thêu thùa
Trai bất nhân Phá-quân Thìn Tuất
Gái bạc tình Tham Sát nhân cung

PHÁ QUÂN NAM MẠNH CA

Phá-quân Tý Ngọ hội Văn-xương
Tả Hữu song song nhập miếu tang
Tài-bạch phong dnh đa khảng khái.
Lộc quan chiêu trứ tá quân vương.

TÍNH LÝ CHƯ TINH AN TẠI

CUNG HUYNH ĐỆ

Tử-Vi

Có ba anh em, nhưng người trưởng tử phải ở địa vị y kháo (thay đổi tên họ và sống tựa vào phúc ấm một nhà khác).

Nếu gia Dương Đà, Linh, Hỏa, Không, Kiếp tất có sự khắc hại. Anh em bất hòa.

Thiên-Cơ

Miếu vượng trong hai anh em được một người quý hiển.

Hãm địa, anh em chống báng nhau, không nhất tâm với nhau.

Gia Dương Đà, Hỏa Linh, Không Kiếp, tuy vẫn có anh em nhưng khắc hại, không có sự hòa mục trong gia đình.

Thái-Dương

Miếu vượng cá ba anh em
Hãm địa, anh em bất hòa

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không Kiếp bị giảm đi một nửa.

Vũ-Khúc

Miếu vượng tuy được hai anh em, nhưng khiếm hòa.

Hãm địa và gia sát tinh, chỉ một người.

Gia Xương, Khúc, Tả Hữu được ba người.

Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất phải cô đơn

Thiên-Đồng

Miếu vượng cung tọa thủ, được bốn hoặc năm anh em.

Hãm địa chỉ được hai người thôi.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp bị giảm bớt, hoặc anh em phải phân cư mới tránh được sự bất hòa, lục đục trong gia đình.

Liêm-Trinh

Tọa thủ cung miếu vượng được hai anh em.

Hãm địa không có anh em nào.

Gia cát tinh, được một.

Thiên-Phủ

Có được năm anh em

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp chỉ còn hai.

Thái-Âm

Nhập miếu được năm người

Hãm địa còn ba và bất hòa

Cùng Khoa, Quyền đồng cung, được bốn hay năm anh em.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp chẳng những bị giảm một nửa mà còn có sự khắc hại nữa.

Nên phân cư để tránh sự chống đối lẫn nhau.

Tham-Lang

Miếu vượng được hai anh em nhưng bất hòa.

Hãm địa, có anh em khác bào, nhưng cũng vẫn phải phân cư.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp bị cô khắc.

Cự-Môn

Miếu vượng được hai anh em và khiếm hòa

Hãm địa, phải khác dòng và phải phân cư

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất hình khắc và cô đơn.

Thiên-Tướng

Nhập miếu, được bốn hoặc năm người.

Bình địa, chỉ có hai hoặc ba.

Hãm địa, ngộ Dương, Đà Hỏa, Linh, Không, Kiếp toàn vô.

Thiên-Lương

Miếu vượng được hai anh em và thuận hòa, nếu nhiều hơn tất bất hòa hoặc khắc bào.

Hãm địa, phải khác dòng và phải phân cư.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp có rất ít anh em.

Chủ sự cô khắc.

Thất-Sát

Tọa thủ tại Tý, Ngọ, Dần, Thân cung tất có được ba anh em và bất hòa, hoặc có anh em dị bào.

Gia xương, Khúc, Tả Hữu, anh em hòa mục.

Phá-Quân

Nhập miếu có ba người và bất hòa

Hãm địa gia hung, sát bị cô đơn

Gia, Xương, Khúc, Tả, Hữu, có được ba anh em và hòa thuận với nhau.

Văn-Xương

Dù tọa thủ tại bất cứ cung nào cũng có được ba anh em.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh tại miếu, vượng cung không bị khắc hại.

Văn-Khúc

Tọa thủ tại một trong mười hai cung đều có ba anh em.

Tại miếu vượng cung dù gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh cũng không có sự khắc hại.

Tại hãm địa ngộ Không Kiếp toàn vô.

Tả-Phụ.

Được ba anh em.

Cùng Thiên-đồng, Xương Khúc đồng cung, được bốn hoặc năm người.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh được hai người.
Gia Không Kiếp khiếm hòa, khiếm lực.

Hữu-Bật
Có được ba anh em
Cùng Tử-vi, Phủ, Tướng, Xương, Khúc đồng hội được bốn hoặc năm người.
Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, bất hòa.

Khôi Việt Khoa
Không chủ động về nhân số.

Quyền-Lộc
Chủ trong anh em có được hiển quý

Lộc-Tồn
Gặp các sao tương sinh có đông anh em
Ngộ sát tinh, có sự khắc hại và chiêu oán.

Kình-Dương
Chủ sự khắc hại.
Nếu tọa thủ miếu cung (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) có một người.
Gia nhiều cát tinh được hai hoặc ba người.
Tọa thủ hãm địa, toàn vô.

Đà-La
Chủ sự khắc hại.
Nhập miếu, được một
Gặp nhiều cát tinh được hai hoặc ba người.
Hãm địa, không có anh em.

Hỏa-Tinh
Nhập miếu có được ba anh em.
Gia Liêm, Sát, Phá, Linh bị cô khắc.
Nếu lạc hãm, toàn vô.

Linh-Tinh
Miếu vượng hội với cát tinh, có được ba người.

Hãm địa, chủ cô đơn.
Gia Dương, Đà Không, Kiếp, toàn vô.

Tử-Vi Thiên-Phủ
Anh em được ba người.
Hội Xương, Khúc, Tả, Hữu được tới sáu hoặc bẩy người anh em.

Tử-Vi Tham-Lang
Có được ba anh em.

Tử-Vi Thiên-Tướng
Được ba hoặc bốn người.

Tử-Vi Thất Sát
Chỉ được hai anh em là cùng.

Tử-Vi Phá-Quân
Có được ba anh em
Nếu có nhiều hơn tất phải là anh em khác mẹ.

Thiên-Cơ Thái-Âm
Được hai hoặc ba anh em.

Thiên-Cơ Cự-Môn
Được hai người.
Nếu có nhiều hơn, tất huynh đệ huých tưởng.

Thiên-Cơ Thiên-Lương
Chỉ được hai anh em là cùng.

Thát-Dương Thái-Âm
Hội với cát tinh được năm người
Hội với hung sát, bất hòa mục.

Thái-Dương Cự-Môn
Không gặp sát tinh có ba anh em, nhưng không được hòa thuận.
Gia Xương, Khúc, Tả Hữu, anh em thuận, hòa trong nhà đầm ấm.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Được bà người và bất hòa.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Được hai anh em thôi.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Có một người.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Anh em ba người, nhưng bất hòa.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Được từ bốn tới năm anh em.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Không có sát tinh, được hai hoặc ba anh em.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Được hai hoặc ba người.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Có được ba anh em

Liêm-Trinh Tham-Lang

Nếu có anh em tất phải bất hòa, chiêu oán hờn.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Chỉ có được hai anh em

Liêm-Trinh Thất-Sát

Chỉ có độc một người.

Liêm-Trinh Phá-Quân

Duy chỉ được một người.

Các sao ở trên nếu ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp, Kỵ, tất bị giảm thiểu hoặc có sự bất hòa mục.

Nếu là trường hợp có ít anh em, tất giảm miễn được sự hình khắc.

PHU ĐOÁN HUYNH ĐỆ CUNG

Cung Huynh-đệ Triệt tuần lâm thủ
Chim đầu đàn vỗ cánh bay cao
Kiếp Không hai gã khá ngừa
Lâm vào Huynh-đệ đơn sơ một mình
Phát phùng Hình Kỵ Huynh hương
Anh em bất thuận nhiều đường tương tranh.

TÍNH LÝ CHƯ TINH AN TẠI
CUNG PHU-THÊ

Tử-Vi

Trai lấy được vợ đẹp, gái lấy được chồng quý hiển, trăm năm hòa hợp.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh chủ hình khắc.

Thiên-Cơ

Nam Mạng tính cương, sớm lập gia thất và vợ trẻ, đẹp.
Nữ Mạng lấy chồng nhiều tuổi hơn.
Gia, Dương, Đà, Hỏa, Linh nếu lập gia thất sớm, bất hòa và phải phân ly.
Lập gia thất muộn, được vui chữ xướng tùy tới lúc răng long đầu bạc.

Thái-Dương

Tọa thủ miếu cung, lập hôn sự sớm thì vợ chồng sẽ bất hòa.
Muộn, vợ chồng mới hòa hợp và làm ăn mới được thịnh vượng.
Nam Mạng lấy được vợ quý.

Vũ-Khúc

Chủ sự hình khắc trong đời sống lứa đôi.
Nếu lập gia thất muộn, vợ chồng sẽ đồng lứa đồng tuổi với nhau, và hòa thuận.
Hội với cát tinh, có duyên được vợ được của.
Phùng hung tinh sẽ rước phải "oan gia" về phá gia, phá nghiệp.
Nữ Mạng lấy được chồng quý hiển.
Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất có sự hình khắc.

Thiên-Đồng

Lập gia đình muộn, vợ chồng sẽ được bách niên giai lão.
Trai lấy được vợ trẻ, đẹp, thông minh.
Gái lấy chồng nhiều tuổi hơn mình.
Hãm địa, vợ chồng xung khắc.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, vợ chồng không hòa thuận phải phân ly.

Liêm-Trinh

Trai phải ba mươi vợ mới thành
Gái cũng ba đời chồng mới đúng số
Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh vợ chồng tất phải sinh ly.

Thiên-Phủ

Vợ chồng rất mực sủng ái, tương kính như tân.
Trai lấy vợ đẹp, trẻ hiền thục.
Gái lấy chồng đứng tuổi nhưng quý hiển.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp nếu tảo hôn tất bị hình khắc.
Trì hôn bách niên giai lão.

Thái-Âm

Nhập miếu, phu thê hòa hợp, vui chữ xướng tùy trong cảnh chồng sang, vợ đẹp.
Hội Xương, Khúc cực mỹ.
Nam Mạng có nhiều vợ đẹp, thông minh, tú lệ.
Nữ Mạng lấy chồng sớm và gặp chồng đứng tuổi.
Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp, Kỵ tuy không khắc nhưng chủ sự phân ly.

Tham-Lang

Nhập miếu, chậm lập gia đình mới được cát vượng tảo hôn tất bị hình khắc.
Nam Mạng ba lần bắc nhịp cầu ô.
Nữ Mạng lấy chồng đứng tuổi sau khi phải trắc trở hai ba phen.
Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh chủ phân ly.

Cự-Môn

Nam Mạng hợp với chồng đứng tuổi.
Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh nhất định phải hai đời vợ hoặc chủ sinh ly.

Thiên-Tướng

Trai lấy vợ đẹp hiền thục

Gái lấy chồng đứng tuổi, chồng lại là người quen thuộc "thân thượng thành thân".

Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp chủ sự hình khắc.

Thiên-Lương

Lấy vợ có tác người đồ sộ, tuy nhiên vẫn sinh sắn, có duyên.

Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp vợ chồng không được hòa thuận.

Thất-Sát

Cả trai lẫn giá đều không thể sớm lập gia đình được.

Hôn nhân trễ muộn, mới tránh được hình khắc trong cuộc sống chồng vợ.

Hội Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp ba lần sang đổi mới cầu được người.

Văn-Xương

Trai lấy được vợ đẹp, đảm đang, thông minh.

Gái lấy được chồng vinh hiển.

Gặp Thiên-Cơ, Thái-Dương đồng cung là vợ chồng đẹp lứa, vừa đôi, ngồi nhìn nhau cũng đủ no lòng, mát dạ.

Tối kỵ Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp hãm địa.

Văn-Khúc

Nam Mạng sớm lấy được vợ hiền thục

Nữ Mạng lấy chồng đứng tuổi

Hội Văn-Xương, Cơ Nguyệt là trai có năm thê bảy thiếp.

Gia Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp Kỵ, tất có sự hình khắc trong đời sống vợ chồng.

Tả-Phụ

Nam Mạng lấy vợ trẻ tuổi.

Hữu-Bật

Kiến Xương, Khúc vợ xinh đẹp, mỹ mạo

Kiến Cơ Nguyệt nhiều vợ

Nữ Mạng, lấy chồng hiển quý

Cùng Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp Tham, Liêm hội tất phải lấy người vợ nhiều tuổi và tính khí cương cường.

Nếu hai sao Dương, Đà nhập miếu, lại hợp với cát tinh phải chậm lập gia thất mới tránh được sự hình khắc.

Hãm địa chủ sớm khắc.

Gia Nhật, Nguyệt, Cự, Cơ, Hỏa, Linh Vũ, Sát chủ sự sinh ly.

Phụ, Bật phải hai đời vợ.

Khôi Việt Khoa

Nam lấy được vợ có chức phận

Quyền-Lộc

Nữ lấy được chồng vinh hiển

Lộc-Tồn

Dù nam hay nữ, hôn sự muộn mới được cát vượng.

Nam lấy được vợ trẻ đẹp

Nữ nếu gặp tứ Sát-tinh, nên phải thay đổi chỗ ở hôn nhân mới thành.

Ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp và sao Triệt tất phải cô độc.

Thiên-Mã

Hội với cát tinh, cả hai vợ chồng đều là những người hiển quý.

Riêng nam Mạng có số được cả vợ lẫn tiền của.

Dương Đà

Dương hoặc Đà nhập miếu cung, vợ chồng vui chữ xướng tùy cho đến lúc răng long đầu bạc.

Hãm địa, chủ hình khắc.

Hỏa Linh

Tọa thủ miếu vượng cung, hội cát tinh vợ chồng hòa thuận bách niên giai lão.

Hãm địa chủ khắc.

Nếu lập gia thất muộn, miễn khắc.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Hòa hợp, bách niên giai lão "đáo lão vinh xương"

Tử-Vi Tham-Lang

Hội với cát tinh vợ chồng hòa thuận đến trăm năm đầu bạc.

Nam Mạng nếu lấy người vợ nhiều tuổi hơn mới hợp với mạng số.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Nếu vợ nhiều tuổi hơn chồng gia đình được thuận hòa, làm ăn thịnh vượng và vợ chồng bách niên giai lão.

Tử-Vi Thất-Sát

Tảo hôn hình khắc.

Lập gia đình muộn vợ chồng mới hòa thuận, và vợ chồng mới cùng nhau trăm năm đầu bạc được.

Tử-Vi Phá-Quân

Phải là vợ nhiều tuổi hơn chồng, mới có được sự ấm trong gia đình và làm ăn mới được thịnh vượng.

Thiên-Cơ

Ngộ Triệt hay Tuần mới là đắc cách.

Thái-Âm

Vợ trẻ đẹp, đảm đang, hiền thục.

Thiên-Cơ

Vợ chồng bất hòa.

Cự-Môn

Chủ phân lỹ, mỗi người mỗi ngả.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Vợ nhiều tuổi hơn chồng, nhưng sinh đẹp, đảm đang và hiền thục “Hiền mỹ chi thê”.

Thái-Dương Thái-Âm

Được sự phù trợ về âm phần.

Vợ chồng hưởng phúc đến trăm năm đầu bạc trong cảnh phu, xướng phụ tùy.

Thái-Dương Cự-Môn

Nếu không gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không Kiếp tất vợ chồng vui cảnh xướng tùy.

Gặp tứ Sát và Không Kiếp nhất định có sự hình khắc.

Thái-Dương Thiên-Lương

Hội với hai sao Tả-Phụ, Hữu-Bật, tất gặp được người vợ "Hiền Minh Chi Thê".

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Phải có sự trở trắc chậm trễ về hôn-nhân đời sống vợ chồng mới hòa hợp và bền chặt tới lúc răng long đầu bạc.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Tảo hôn hình khác.

Lập gia thất trễ, muộn, vợ chồng mới hòa hợp và làm ăn cát vượng.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Chủ phu phụ bất hòa.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Phải đôi ba lần mới bắc được nhịp cầu Ô-Thước.

Nếu chậm tính chuyện hôn nhân, mọi sự đều hanh thông và vợ chồng hòa thuận

Vũ-Khúc Phá-Quân

Duyên nợ mắc mớ, hôn nhân trắc trở.

Ba lần đứng vai tân lang, mới tạo dựng được gia thất vững bền.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Có Âm phù Dương trợ trong cuộc xây dựng hôn nhân.

"Cơm hẩm ăn với cà kho"

Chồng đẹp, vợ đẹp, những no vì nhìn.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Có được vợ hiền thục đảm đang, tạo dựng gia đình hòa thuận, bách niên giai lão.

Hội Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp có sự hình khắc trong đời sống chồng vợ.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Chồng đẹp mà vợ cũng xinh.

Mãn đời mãn kiếp chỉ nhìn đủ vui.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Chàng cưng nàng lại rắn hơn

Nhưng vẫn đầm ấm chẳng hờn, chẳng lo

Liêm-Thâm

Chữ rằng: "Duyên nợ an bài"

Trăm năm, chẳng có hòa hài cùng nhau.

Liêm-Tướng

Tọa thủ miếu cung phu thê hòa hợp.

Hãm địa: anh đường anh tôi đường tôi.

Tình nghĩa đôi ta có thế thôi.

Liêm-Sát

Chàng bảo gà, nàng bèn bảo quạ

Chuyện tơ duyên anh ả đôi nơi

Liêm-Phá

Nhân duyên vốn định bởi Trời

Vô duyên nên mới mỗi người mỗi phương

Dù cho xa cách nhớ.., thương.

Các tinh dĩ thượng, nếu ngộ Hung, Sát, như Dương Đà, Hỏa, Linh, Kiếp, Kỵ vốn dĩ hình khắc, lại càng trầm trọng thêm.

Ví bằng không gặp sự hình khắc, tất phải có chuyện bất hòa, hoặc sinh lý.

PHÚ ĐOÁN THÊ CUNG

Vợ chồng viễn phối tha phương

Đào Hồng đối chiếu vào làng Thiên-di

Thiên Nguyệt Đức ngộ Đào Hồng

Trai lấy vợ đẹp gái lành chồng sang

Vợ về của có muôn vàn

Ân-quang Nguyệt-đức, Thái-dương Mã đồng

Ai mà Thiên tướng Đào Hồng

Ai mà Thiên mã Lộc phùng Thanh Long

Sao Thai mà ngộ Đào Hoa

Tiền dâm hậu thú mới ra vợ chồng

Hoa-Cái Phượng-các Đào Hồng

Trai toan nể vợ trong lòng khôn khuây

Phu cung Hóa kỵ một mình

Tơ tình chưa dứt mối tình đã xui
Thiên Riêu bất chính cả đôi
Liêm-Trinh viễn phối ở nơi bần hàn
Khúc Xương ấy gái chẳng lành
Vườn xuân ong bướm hiệp tình thung thăng.
Phụ Bật hội Thái-Âm nhàn
Gái làm bà đỡ, cứu đàn nhi sinh
Hình Riêu số gái long đong
Ví chẳng lộn chồng ắt cũng phản phu
Đào Riêu số gái ai hay
Chồng ra khỏi cửa giắt tay trai vào
Triệt Tuần ngộ Mã Hình, Thê vị
Vợ bỏ chồng đào tỵ tha hương
Đào tinh mọc ở Nô cung
Gái ngoan mắc tiếng bất trung cùng chồng
Vợ chồng nay giận mai hờn
Phục-binh Hóa-kỵ nơi tòa Phu Thê

CHU TINH ĐÓNG CUNG TÀI BẠCH

Tử-Vi

Phong túc xương tương (hòm xe) gặp Tả-Hữu tắc vi "tài phú chi quan" (đầy tiền bạc).
Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tắc bất khả vượng.

Thiên-Cơ

Lao tâm, phí lực. Tay trắng làm ra, tới già mới thành tựu.
Gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, một đời lúc thành lúc bại.

Thái-Dương

Nhập miếu tất được Tài-Bạch phong thịnh. Hãm địa lao lực bất tọa. Cùng Lộc Tồn đồng cư "thao tâm đắc tài chi đại phú".

Vũ-Khúc

Nhập miếu phong túc, hoa cát hữu Cự vạn gia tư, vô các náo trung thiên tai.
Hãm địa gặp Dương Đà Hỏa Linh thì tài lai tài khứ.
Cung Tài-Bạch tối kỵ Không vong.

Thiên-Đồng

Bạch thủ sinh tài, nhưng về già mới tốt. Hãm địa bị hao phá. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thì: Cửu lưu nhân sinh tại thành gia (Ba chìm bảy nổi).

Liêm-Trinh

Miếu vượng náo trung sinh tái (làm ra tiền tại nơi quần hội). Hãm cung tiền nan hậu dị. Nếu gia Hao Kiếp Thiên Không, thường bị hao phá tiền tài, quan sự.

Thiên-Phủ

Tài bạch phong thịnh. Nhưng gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất phải khi thành khi bại.

Thái-Âm

Miếu vượng phú túc đa tài. Hãm địa thì khi thành khi bại không bền.

Cùng Lộc-tồn, Liêm-trinh và Tả-Hữu đồng cung. Đại phú

Tham-Lang

Miếu vượng hoạnh phát. Hãm địa bần cùng.

Gặp Hỏa Linh, ba chục năm trước khi thành khi bại, ba chục năm sau mới hoạnh phát.

Cự-Môn

Bạch thủ làm nên, nhưng làm ăn tại những nơi thị tứ. Tuy nhiên, không thể đặt cao vọng, vì lẽ vị cao hoạnh phát.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phá tài đa đoan.

Thiên-Tướng

Tài bạch phong túc, gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ, khi thành khi bại không tu tích được bao.

Thiên-Lương

Phú túc. Nhập miếu thượng đẳng phú quý. Hãm địa phải "tân cần cầu tài" tức là cần kiệm khó nhọc mới kiếm được.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thì trước khó sau dễ, nhưng cũng phải cẩn túc độ nhật.

Thất-Sát

Tại Dần Thân Tý Ngọ hoạnh phát.

Hãm địa phải lao lực mới có tài.

Phá-Quan

Tý Ngọ cung, có nhiều kim ngân bảo bối xúc tích.

Hãm địa thì phá tài bất tụ. Gia Không Kiếp cực bần cùng.

Văn-Xương

Miếu vượng thì Phú túc, Gia cát tinh, tài khí vượng. Hãm địa phá hao. Cùng với Cự-môn giầu có.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp làm cảnh "Hàn Nho Bối"

Văn-Khúc

Miếu vượng được phú túc. Gia cát tinh "đắc quý nhân tài". Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ thì được đông mất tây, thành bại bất tụ.

Tả-Phụ Hữu-Bật

Cư cung nào cũng được Tài-bạch phú túc. Hội cát tinh được quý nhân tài.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ thành bại bất tụ.

Khôi, Việt, Khoa, Quyền, Lộc

Thì thanh cao nhưng được nhất sinh toại ý về trung vận trở đi.

Lộc-Tồn

Phú túc sương tương (tiền bạc đầy kho) đòi kim tích ngọc. Gia cát mỹ tinh, không phải khó nhọc mà tài tự đến.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ trước nghèo sau khá.

Dương-Đà

Nhập miếu "náo trung sinh tài" tức phải kiếm ăn nơi thị tứ. Hãm địa dù có tân cần cũng tụ tài được.

Gia Không Kiếp thì được phía này, mất phía kia.

Hỏa-Linh

Nhập miếu và độc thủ hoạnh phát, hoạnh phá. Hãm địa phải lao khổ mới có tiền tài được.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Cự phú tụ tích, bền vững suốt đời.

Tử-Vi Tham-Lang

"Thủ hiện thành gia kế" tức là phải nên gìn giữ lấy gia sản được thừa hưởng chớ không nên tính xa hơn. Có như vậy về sau mới được phong thịnh.

Tử-Vi Thất-Sát

Gia cát tinh, tài bạch hoạch phát.

Tử-Vi Phá-Quân

Trước khó và hao phá. Sau mới dễ và kiếm được.

Thiên-Cơ Thái-Âm

(Đắc Tuần hay Triệt) Tay trắng làm nên sự nghiệp "bạch thủ sinh tại thành gia".

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Phải dụng cơ mưu, xảo kế để có ngoại tài. Và dù có lao tâm, tổn lực cũng không có được nhiều. Nhứt là phải thay đổi chỗ, mới thành gia.

Thái-Dương Thái-Âm

Gia Tả Hữu cát tinh, phát tài không nhỏ, nhưng trước ít sau mới nhiều.

Thái-Dương Cự-Môn

Tảo niên khi thành khi bại. Từ trung vận tới già mới được sung mãn.

Thái-Dương Thiên-Lượng

Phải mưu tính mới có tiền, và thành đại phú được.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Một đời phú túc.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Ba chục năm sau mới phát tài được.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Tài-bạch phong thịnh. Ngộ quý tinh làm nên sự nghiệp.

Gia Dương Đà Hỏa Linh, phải khó nhọc về nghề nghiệp mới kiếm được tiền.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Bạch thủ sinh tài, tạo thành được sự nghiệp.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Đông tới Tây đi, trước nghèo sau có. Về già mới được toại ý.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Chung thân giầu có.

Phi-Đồng Cự-Môn

Bạch-thủ thành gia. Dù có trôi nổi nhưng vẫn gặp may mà thành. Khi gặp vận bĩ đều có cơ hội tiến.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Tay trắng làm ra tiền, làm nên giầu có vượt xa cha ông.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Gia cát tinh, giầu có xa hoa. Nhưng không gặp cát tinh cũng làm nên.

Liêm-Trinh Tham-Lang

Hoạnh phát, hoạnh phá. Gặp Hỏa Linh hoạnh phát

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Buôn bán phát tài, làm sự nghiệp phú túc.

Liêm-Trinh Thất-Sát

Phải buôn bán nơi thị tứ mới thịnh đạt (Náo trung tiến tài).

Liêm-Trinh Phá-Quân

Trước khó sau thành. Và phải lao tâm mới kiếm ra tiền.

Các sao tọa thủ như nói ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ thời sự làm ăn không thể thịnh vượng bằng không tất phải tan tài. Hoặc phải khó nhọc, cay đắng mới kiếm được.

PHÚ ĐOÁN TÀI BẠCH CUNG

Lộc-tồn Thiên-Mã cùng Gia

Có người buôn một bán ba nên giầu

Song Hao Hội tại Phúc Tài

Tán nhiều tụ ít mấy ai nên giầu

Ấy ai phúc lộc đề đa

Vũ Lộc Thiên-mã chiếu hòa Tài cung

Ấy ai danh lợi thong dong
Bởi vì Tả Hữ hội đồng Đế tinh
Ấy ai địch quốc tiếng đồn
Bởi vì Thiên-mã hội cùng Tràng-sinh
Tứ-sát đóng ở Hợi cung
Khi hết lại có khi vơi đầy
Phá-quân đóng ở Tài cung
Đồng tiền lên xuống lựa dòng nước xuôi
Số ai đầm ấm thanh nhàn
Vì chưng Tả Hữu hội ba Khoa Quyền
Nghèo hèn bởi tại Kiếp Không
Dương Đà Linh Hỏa long đong bôn trì
Song Hao lâm đến Phúc Tài
Nhọc lòng uổng phí công ai giữ tiền

❈

THIÊN-LƯƠNG NAM MẠNH CA

Thiên-lương ngộ Hỏa lạc nhạn cung.
Đà Sát trùng phùng cánh thị hung
Cô hình đái tật phá gia tài.
Không-môn kỹ nghệ khả dinh công

TẬT-ÁCH CUNG CHƯ TINH
CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Ít tai tật. Nếu có bệnh tất cũng gặp lương y. Cùng Kình-Dương Linh-tinh chủ hữu ám tật Gia Không Kiếp chủ tâm khí tật.

Thiên-Cơ

Cưỡng bao (chửa ngoài dạ con) đa tai. Chủ nhiệt độc thấp khí tật. Hãm địa, đầu diện phá Tướng. Gia Dương Đà hãm cung, hữu mục tật, chân yếu tay mềm (tứ chi vô lực).

Thái-Dương

Đầu phong hàn ôn chi tật, hãm chi địa mắt có tật.

Vũ-Khúc

Cưỡng bao (chửa ngoài dạ con) đa tai. Tại đầu mặt và chân tay có thương tích, hoặc có bệnh phong đàm. Nếu cùng Dương Đà một cung, thì suốt đời nhiều đại hoạn.

Thiên-Đồng

Nhập miếu, ít tai ương. Tọa thủ hãm cung, có cát tinh thì bình thường, hoặc khí tật, bệnh hàn nhiệt, hoặc bị chứng phong tà.

Liêm-Trinh

Cưỡng bao tai sang, có tật ở lưng và chân. Nhập miếu và gia tinh được bình hòa.

Thiên-Phủ

Ít tai ách. Nếu có vướng tai ách, tất có người cứu ngay.

Thái-Âm

Miếu vượng, vô tai. Hãm địa tai nạn thường nhiều. Nam nhân chủ lao thương. Nữ nhân chủ thương tàn huyết khí chi tật.

Cùng Dương Đà Hỏa Linh, có mục tật. Nếu gia thêm Không Kiếp mắc bệnh phong cùi.

Tham-Lang

Miếu vượng ít tai nạn. Hãm địa có nhiều tai nạn.

Gia Dương Đà bị bệnh trĩ và mắc tật về tửu sắc. Gia Hỏa Linh mắt kém.

Cự-Môn

Thời niên thiếu mắc chứng nùng huyết. Gia Dương Đà Hỏa Linh bị bệnh về sắc dục. Gia Hóa Kỵ phải lo về các bệnh Tai và Mắt.

Thiên-Tướng

Miếu vượng ít tai ách, nhưng mặt và da vàng thủng. Hay mắc chứng bệnh về huyết khí và ở bì phu. Nếu hãm địa bị tàn tật.

Thiên-Lương

Ít tai ách. Gia Hỏa Linh bị tàn tật.

Thất-Sát

Ấu thời đa tai. Khi lớn hay mắc bệnh trĩ.

Phá-Quân

Thời thơ ấu hay bị sang tật (mụn nhọt) chứng Nùng Huyết vàng ỏng.

Văn-Xương

Độc thủ, ít tai ách. Cùng nhiều cát tinh, suốt đời không có tai ách nào. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp nhiều tai ách.

Văn-Khúc

Ít tai nạn. Gia cát tinh nhất sinh vô hại. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tọa hãm cung, có tai ách đến ngay.

Tả-Phụ

Độc thủ được bình hòa. Gia cát tinh ít tai ách, và nếu có mắc tai ách tất được giải cứu ngay. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thường mắc ta ách.

Hữu-Bật

Độc thủ được bình hòa. Nếu mắc tai ách tất được giải cứu. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp hay bị tai ách.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Ít tai ách, dù có mắc vướng, cũng được giải cứu ngay.

Lộc-Tồn

Thiếu niên đa tài, gia cát tinh ít bị tai ách. Kiến Hỏa Linh tay chân bị thương tàn. Gia Không Kiếp tự chuốc ám tật và lâu khỏi.

Kình-Dương

Bị mắc chứng đầu phong, hoặc chứng tứ chi bải hoải. Mắt và Đầu pha tướng, nhưng vẫn sống lâu. Gia cát tinh tai ách qua khỏi.

Đà-La

Thiếu niên tai ma (có bệnh nhưng lần lần khỏi). Môi răng đầu mặt có thương phá. Nhưng có thể sống lâu.

Hỏa-Linh

Nhất sinh tai thiểu, thân thể kiên, vượng, tuy nhiên hay bị bệnh ngoài da (chóc, ghẻ).

Tử-Vi Thiên-Phủ

Ít tai ách, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp hay mắc chứng phong tật.

Tử-Vi Tham-Lang

Ít tai nạn.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Ít tai nạn, nhưng da nhăn và vàng.

Tử-Vi Thất-Sát

Ít tai ách

Tử-Vi Phá-Quân

Ít tai ách, nhưng mắc chứng huyết khí bất hòa.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Hay bị mụn nhọt

Thiên-Cơ Cự-Môn

Mắc chứng huyết khí

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Hạ bộ có tật.

Thái-Dương Thái-Âm

Gia cát tinh nhất sinh ít tai ách. Gia Hòa Kỵ Dương Đà Hỏa Linh bị nhãn tật. Gia Không Kiếp mắc phong tật.

Thái-Dương Cự-Môn

Mắc chứng phong đầu thống

Thái-Dương Thiên-Tướng

Tọa thủ tại mão cung ít tai ách. Nhưng nếu đóng ở cung Dậu bị mục tật.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Ít tai ách

Vũ-Khúc Tham-Lang

Ở cung miếu vượng, khống bị tai ách. Hãm địa, và gia Dương Đà Hỏa Linh mắc bệnh trĩ, chứng phòng sang, hoặc bị bệnh tật ở tay chân, và ở mắt.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Gia Dương Đà Hỏa Linh là phá tướng bị ám tật.

Vũ-Khúc Thất-Sát

Hay mắc huyết chứng. Gia Dương Đà Hỏa Linh, thủ túc thương tàn.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Bị mục tật (hay đau mắt)

Thiên-Đồng Thái-Âm

Gia Hỏa Linh, nhiều tai ách. Gia Dương Đà hãm địa chủ đa bịnh hoạn và hay bị chứng huyết khí.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Mắc chứng tâm khí hoặc chứng phong ngứa tại hạ bộ. Gia Dương Hỏa mắc bệnh về tửu sắc. Gia Hòa Kỵ, mắc bệnh về Tai và Mắt.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Ít tai ách, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Vong, bán đồ thương tàn (bán thân bất toại).

Liêm-Trinh Tham-Lang

Hãm địa hay bị tai ách, hoặc bị đau mắt.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Ít tai ách. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thủ túc thương tàn (chân tay mắc tật).

Liêm-Trinh Thất-Sát

Hay mắc chứng mục tật. Gia Dương Đà Hỏa Linh, chủ tứ chi thương tàn.

Liêm-Trinh Phá-Quân

Ít tai ách, Gia Dương Đà Hỏa Linh, thường mắc tật về chân tay.

Đối với các sao tọa thủ các vị trí như đã nói ở trên, nếu ngộ Dương Đà Không Kiếp Kỵ đủ số, tất không thể tránh thoát các bệnh đã ghi chú.

PHÚ ĐOÁN TẬT-ÁCH CUNG

Triệt Tuần đóng tại Ách cung

Tai nào cũng khỏi nạn nào cũng qua

Hình Dương Hoa-cái ngộ Đà
Hạn hành năm ấy đậu hoa phải phòng
Hỏa Linh Trì Mộc chiếu soi
Lánh mình lửa cháy nước sôi phải phòng
Kỵ Đa Tấu Tuế một đoàn
Đêm ngày chầu chực cửa quan mỏi mòn
Bệnh-phù ngộ Thiên-hình tai vạ
Ắt có người chịu họa phong sương
Bật đởm tri túc rất hung
Bởi vì Tật ách Bệnh phùng Kiếp Cơ
Linh Phù Sát Phá hạn cao
Vua Văn thuở trước phải vào ngục trung
Ách cung Bạch-hổ huyết hư
Ách cung Thiên-Khốc Cư Hư phong đàm
Dương Đà Hình hội mục tý
Âm Dương Riêu Kỵ cho nên mắt lòa
Tham-lang Hỏa-kỵ hạn phùng
Cự-môn Hỏa-kỵ phải phòng giếng ao
Kiếp Không Hình Việt xấu sao
Hỏa Linh Hình Việt gươm đao búa trời

THIÊN-DI CUNG CÁC TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Cùng Tả-Hữu đồng cung, xuất ngoại được quý nhân phò trợ, và phát phúc.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, cuộc đời bên ngoài không thể an tĩnh được.

Thiên-Cơ

Xuất ngoại tuy có gặp quý nhân, nhưng kết quả vẫn thua thiệt.

Ở nhà luôn gặp chuyện thị phi

Gia Dương Đà Hỏa Linh, tại ngoại gặp nhiều chuyện thị phi, không mấy lúc được an tĩnh.

Thái-Dương

Có xuất ngoại mới được phát phúc, luôn gặp may mắn, bởi có quý nhân phù trì. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tại ngoại thân tâm bất thanh nhân.

Vũ-Khúc

Tại ngoại lao tâm. Có ở chốn đô hội mới được an thân chẳng nên ở nhàn. Gia Dương Đà Hỏa Linh, ra ngoài chỉ chuốc thị phi.

Thiên-Đồng

Xuất ngoại được ở gần bậc quý và làm ăn phát đạt.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thời tại ngoại ít khi được toại chí.

Liêm-Trinh

Xuất ngoại gần được quý nhân, làm việc gì cũng thành đạt, nếu ở nhà kém may mắn.

Gia Dương Đà, và 3 phía có sao hung sát chiếu lại, tất chết ở ngoài đường.

Thiên-Phủ

Xuất ngoại được quý nhân phò trợ

Thái-Âm

Nhập miếu ra ngoài gặp được quý nhân và phát tài, gặp được công việc thích ứng với bản năng.

Hãm địa, tự chuốc lấy thị phi.

Tham-Lang

Độc thủ, ra ngoài lao lực, nhưng nếu làm ăn ở nơi đô hội thì hoạnh tài. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, ngộ Hao Sát lưu niên, tất gặp chuyện binh kiếp cướp bóc (tao binh kiếp lược).

Cự-Môn

Xuất ngoại, lao tâm khổ xác, chịu thua kém người.

Hãm địa chủ đa thị phi.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp càng tệ hại hơn.

Thiên-Tướng

Ra ngoài được quý nhân phù trì.

Thiên-Lương

Ra ngoài được gần người sang quý. Nhất là được quý nhân thành toàn cho.

Phá-Quân

Nhập miếu, tại ngoại tranh vanh (cao ngất, trót vót tức là hơn người).

Hãm địa lao tâm khổ xác.

Gia Dương Đà Hỏa Linh phải bôn tẩu dùng xảo nghệ mới có thể độ nhật.

Gia Xương Khúc và hội với Vũ-khúc thủ nghiệp kép hát phường …

Thất-Sát

Ra ngoài lãm lũ, ở nhà thiếu thốn, muốn được yên thân phải biết tự quyên.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, chủ lòng dạ khắc khoải bất yên, hoặc phải lang thang sơn cùng thủy tận.

Văn-Xương

Ra ngoài gặp người sang và làm ăn phát đạt, kẻ tiểu nhân bất phục.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp cuộc đời bên ngoài không lúc nào được yên.

Văn-Khúc

Ra ngoài gặp quý nhân, phát tài. Gia cát tinh được của. Gia Dương Đà Hỏa Linh chẳng mấy khi toại chí.

Tả-Phụ

Được quý nhân phù trì khi hữu sự phát phúc.

Gia Dương Đà Hỏa Linh hay bị tiếng thị phi, kẻ dưới chẳng vừa lòng.

Hữu-Bật

Có quý nhân phò trợ đặng làm ăn phát đạt. Chẳng nên tranh chấp với ai.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp ở ngoài là phải cạnh tranh với người.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Xuất ngoại mọi việc đều được đại cát lợi.

Lộc-Tồn

Xuất ngoại được hưởng y lộc loại tâm.

Hội Hỏa Linh Không Kiếp hầu hết được xứng ý.

Kình-Dương

Nhập miếu xuất ngoại được lợi lộc xứng ý.

Gia cát tinh, có ở nơi đô hội mới phát tài. Hãm địa không được hài lòng với mọi người và tiền bạc khi tán khi tụ.

Đà-La

Hội cát tinh ra ngoài gặp quý nhân và phát tài.

Hãm địa, gia Hỏa Linh Không Kiếp thường tự chuốc lấy thị phi, và không được vừa lòng với mọi người.

Hỏa-Tinh

Độc thủ, xuất ngoại bất an. Gia cát tinh phải ở nơi náo nhiệt mới phát tài.

Gia Dương Đà Không Kiếp, chẳng những ra ngoài không được toại chí, mà còn tự chiêu những thị phi nữa.

Linh-Tinh

Có cát tinh đồng cung. Ra ngoài gặp may, vượng.

Gia Dương Đà Không Kiếp chẳng những không gặp người tốt mà còn bị tiếng bấc tiếng chì nữa.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Ra hay vào cũng được hanh thông, thịnh đạt. Xuất ngoại phát phúc.

Tử-Vi Tham-Lang

Phải lao lực mới làm nên dù đã được quý nhân đề bạt.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Ra ngoài tất được phát đạt, nhiều may, lợi lắm.

Tử-Vi Thất-Sát

Xuất ngoại mới được toại chí

Tử-Vi Phá-Quân

Được quý nhân mến chuộng, nhưng bị tiểu nhân đố kỵ

Thiên-Cơ Thái-Âm

Có thua thiệt rồi mới thịnh đạt.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Phải chịu sự xáo trộn trước, sau mới gặp may, phát đạt.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Xuất ngoại tuy được xứng ý nhưng phải bôn ba với nghệ thuật.

Thái-Dương Thái-Âm

Đi ra ngoài tất phải quên mình, mới gặp được may, sau sẽ kết quả mỹ mãn.

Thái-Dương Cự-Môn

Ra ngoài phải lao tâm, khổ tứ nhiều

Thái-Dương Thiên-Lương

Xuất ngoại được gần quý nhân và làm ăn tiến phát.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Nên lập nghiệp ở nơi thị tứ thời tài mới tụ được để trở thành thương gia cự phú.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Làm nhà buôn, giàu có lớn

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Xuất ngoại phát tài

Vũ-Khúc Thất-Sát

Có gặp trở ngại sau mới thành đạt, tuy nhiên cuộc đời không được thảnh thơi mấy.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Thân tâm đều bất an.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Miếu vượng ra ngoài tay trắng kiếm tiền làm nên sự nghiệp. Hãm cung tất toan cần kiệm.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Tại ngoại lao tâm khổ ứ

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Xuất ngoại được quý nhân mến chuộng, phúc hậu an khang.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Thành đại thương gia, ở nơi phồn hoa đô hội

Liêm-Trinh Tham-Lang

Phải quên mình để gay nên bước đầu cho sự nghiệp

Gia Dương Đà Hỏa Linh, tại ngoại nhiều gian nan.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Có gặp gay cấn mới đạt thành

Gia Dương Đà Hỏa Linh mắc chuyện thị phi và bị tiểu nhân ghen ghét.

Liêm-Trinh Thất-Sát

Xuất ngoạt phải lao tâm khổ trí mới làm nên

Liêm-Trinh Phá-Quân

Ra ngoài được kề cận bậc quyền quý, tuy nhiên vẫn phải lao tâm bất an.

Các sao ghi ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Kỵ đủ cả, tất sinh chuyện thị phi, hoặc bị lao tâm khổ tứ, mà vẫn chẳng được thảnh thơi toại chí.

PHÚ ĐOÁN THIÊN-DI CUNG

Thiên-di ấy Mã Binh ngồi

Đánh đông dẹp bắc pha phôi cõi ngoài

Quan cung hỷ ngộ Hồng Đào

Thiên-di tối kỵ Kiếp Không lâm vào

Long đong đông tẩu tay trì

Chẳng qua Thiên-mã Thiên-di hãm nhà

Chơi bời du thủy du san

Thiên-di ngộ Mã gặp chàng Đà-La

Thiên-di Nhật Nguyệt giáp đôi

Nhất sinh xuất ngoại nhiều nơi thế thần

Thiên-di Hoa-cái Hỷ-Thần

Thiên-di Phụ Bật quý nhân yêu vì

Thiên-di Hóa-kỵ ra ngoài

Kẻ thù người oán chẳng ai gần mình

Tướng-quân ngộ Triệt trước miền

Ra đường gặp giặc mình liền tan thây

Thiên-di Địa-kiếp Cơ Liêm

Hồn quy phách lạc cánh tiên lánh phàm

CỰ-MÔN NAM MẠNH CA

Cự-Môn thủ mạnh ngộ Kình-dương
Linh Hỏa phùng chi sự bất tường
Vi nhân tính cấp đa điên đảo
Bách sự mang mang loạn chủ trương

BỘC DỊCH CUNG CHƯ TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Công việc làm ăn đắc lực, vượng chủ tài

Gia Dương Đà Hỏa Linh bất lực.

Gia Không Kiếp chiêu oán, bỏ chủ.

Thiên-Cơ

Nhập miếu làm lợi chủ, hãm địa oán chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp gây họa cho chủ.

Thái-Dương

Miếu vượng làm ích cho chủ. Hãm địa, không có duyên phận, nếu có chỉ gây oán với chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh phản chủ.

Vũ-Khúc

Vượng cung, có nhiều gia nhân, hãm địa đa oán.

Thiên-Đồng

Đắc lực và ích chủ. Gia Dương Đà Hỏa Linh, nhà có đầy tớ phản chủ. Kiến Không Kiếp oán chủ, và rủ rê nhau bỏ chủ một loạt.

Liêm-Trinh

Miếu vượng có nhiều và đều được công được việc.

Hãm địa bội chủ, về già mới có được kẻ tận tâm. Gia Dương Đà Hỏa Linh, tác hại cho chủ và rủ rê bỏ chủ.

Thiên-Phủ

Được việc và tận tâm phục vụ chủ (nhất hộ bá nặc). Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, hay phản và bỏ chủ.

Thái-Âm

Miếu vượng, chạy công được việc. Hãm địa chỉ ăn hại.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tuy có đấy nhưng rồi bỏ chủ ngay đấy.

Tham-Lang

Miếu vượng cùng chủ có duyên phận buổi đầu khó mượn.

Hãm địa không có đầy tớ. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tuy có nhưng là tớ bỏ thầy.

Cự-Môn

Nhập miếu, trẻ tuổi không được việc, gây tiếng thị phi cho chủ, và cũng không ở với chủ được bền.

Thiên-Tướng

Được công việc và làm vượng cho chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp bất lực và bỏ chủ.

Thiên-Lương

Gia nhân đông đảo, vượng chủ, hãm địa, vô tích sự.

Thất-Sát

Đảm lược và tận tâm làm lợi chủ. Nhiều tôi tớ sinh ra trộm đạo gia sản chủ. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp khó mướn gia nhân.

Phá-Quân

Nhập miếu, đắc lực lợi chủ. Hãm địa chiêu oán bội chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, khó mướn gia nhân.

Văn-Xương

Nhập miếu, độc thủ, phù trợ chủ đắc lực. Hãm địa không có duyên phận với chủ.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tuy có nhưng là đầy tớ phản chủ.

Văn-Khúc

Nhập miếu chạy công được việc. Hãm địa không có tình nghĩa với chủ. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp oán chủ và bỏ thầy.

Tả-Phụ

Độc thủ, làm vượng chủ, chạy công được việc. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ, khó mướn, hại chủ.

Hữu-Bật

Độc thủ, làm lợi ích cho chủ, chu toàn công việc giao phó. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ, bội chủ đạo tài bỏ trốn.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Chủ có gia nhân giỏi giang tận tâm phù trợ.

Lộc-Tồn

Gia nhân đông. Gia cát tinh, giúp chủ khởi nghiệp.

Gia Hỏa Linh Hao Kỵ bất lực

Kình-Dương

Nhập miếu, về già mới có gia nhân. Hãm địa, phản chủ chiêu oán, dù có gia nhân nhưng ở với chủ không bền.

Đà-La

Nhập miếu, gia cát tinh, có duyên phận với gia nhân. Hãm địa đã đoảng mà còn oán chú.

Hỏa-Tinh

Nhập miếu, gia cát tinh, có được một vài nghĩa bộc.

Nếu Hỏa Tinh độc thủ chẳng những bất lực mà còn oán chủ nữa.

Linh-Tinh

Nhập miếu và có thêm cát tinh, đầy tớ tận tâm giúp chủ giữ nhà. Nếu Linh tinh độc thủ là người làm đã chẳng giúp chủ được việc, lại còn thường hận chủ nữa. Gia không Kiếp Hao Kỵ chỉ làm thiệt hại cho chủ.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Gia nhân giúp chủ khởi tạo nên sự nghiệp

Tử-Vi Tham-Lang

Nuôi được người làm

Tử-Vi Thiên-Tướng

Có nhiều gia nhân tận tâm và đắc lực.

Tử-Vi Thất-Sát

Đầy tớ có nghĩa với chủ.

Tử-Vi Phá-Quân

Trước khó, sau mới mướn được đầy tớ đắc lực.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Đầy tớ không giúp ích được.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Đầy tớ không thật lòng với chủ. Gia cát tinh, có tình nghĩa chủ tớ.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Buổi đầu không một lòng một dạ với chủ, về già mới có đầy tớ đắc lực.

Thái-Dương Thái-Âm

Có nhiều gia nhân.

Thái-Dương Cự-Môn

Tuy có nhiều gia nhân nhưng đều oán chủ.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ tại cung Mão thời đầy tớ làm vượng chủ.

Tọa thủ Dậu cung, chiêu oán.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Có nhiều gia nhân.

Vũ-Khúc Tham-Lang

Không được việc cho chủ.

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Đầy tớ được việc cho chủ

Vũ-Khúc Thất-Sát

Đầy tớ bội chủ

Vũ-Khúc Phá-Quân

Đã bất lực, còn gây oán rồi bỏ trốn, già mới có nghĩa bộc.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Đắc lực, làm vượng chủ

Thiên-Đồng Cự-Môn

Trước khó sau mới mướn được, và cũng không được nhất tâm với chủ. Về già mới có được nghĩa bộc.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Nghĩa bộc giúp chủ tạo cơ nghiệp.

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Có nhiều đầy tớ

Liêm-Trinh Tham-Lang

Gia nhân bất lực

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Về già có đầy tớ tốt

Liêm-Trinh Thất-Sát

Đầy tớ bội chủ

Liêm-Trinh Phá-Quân

Có đầy tớ cũng chẳng hơn gì không.

Các sao nói trên, nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh đủ cả, tất gặp bọn người bất lực hại chủ.

Nếu các sao nói trên tọa thũ vượng cung cũng chỉ được trong lúc đầu và rồi cũng phải sa thải. Nếu lại gặp Không Kiếp Hóa Kỵ tất toàn là gia nhân bội chủ, bỏ thầy.

PHÚ ĐOÁN NÔ-BỘC CUNG

Con em xạ khứ xạ hoàn

Bởi sao Nhật Nguyệt hãm ngồi Nô cung

Hình Kỵ Tả Hữu hội cung

Gia trung rộn rịp ung dung tớ thầy.

THÁI-ẤM NAM MẠNH CA

Thái-Âm hãm địa ác tinh trung
Đà Hỏa tương phùng định khốn cùng
Thử mạnh chỉ nghi tăng dữ đạo
Không môn xuất nhập đắc thung dung.

QUAN LỘC CUNG CÁT TINH HUNG

Tử-Vi

Miếu vượng, ngộ Xương, Khúc, Tả Hữu Khôi Việt vị cao đến cực phẩm.

Gia Dương Đà Hỏa Linh chỉ bình thường.

Thiên-Cơ

Nhập miếu là người quyền quý, hội với Văn-Khúc là hiền thần.

Kiến Dương Đà Hỏa Linh mất nghi vệ. Hãm địa chỉ làm lại nhân.

Thái-Dương

Nhập miếu, văn võ đều hay, nhưng không gặp Dương Đà Hỏa Linh mới tốt.

Cùng Tả Hữu Xương Khúc và gia Khoa Lộc Quyền, nhất định đắc cực phẩm chi quý. Hãm địa chỉ quý mà không hiển.

Vũ-Khúc

Nhập miếu cùng Xương Khúc Tả Hữu đồng cung, võ nghiệp cao chót vót. Nếu là thường nhân cũng được phát phúc.

Cùng hội với Khoa Quyền Lộc sẽ đạt ngôi vị "Tài chánh chi Quan".

Hãm địa, chỉ bình thường. Gia Đà Linh Kiếp Kỵ Không duyên phận với công danh.

Thiên-Đồng

Nhập miếu, văn võ đều hay. Không gặp Dương Đà Hỏa Linh mới hoàn hảo.

Hãm địa chỉ đến Thơ lại thôi.

Liêm-Trinh

Nhập miếu võ chức quyền quý nhưng không bền vững, hãm địa bình thường.

Thiên-Phủ

Nhập miếu văn võ quyền quý, nhưng phải không gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp mới được toàn mỹ.

Gia Không Kiếp chỉ bình thường.

Thái-Âm

Nhập miếu là nhân vật quyền quý. Hãm địa, tuy có chí khí cao nhưng hoạnh phá, khó hiển đạt.

Hội Thái Dương, Xương Khúc, Tả Hữu được tam phẩm chi quý.

Tham-Lang

Nhập miếu và ngộ được Hỏa Linh tất ở vị nắm giữ đại quyền trong quân lực. Hãm địa chỉ đến địa vị cốn vấn. Gia Dương Đà Không Kiếp bình thường.

Cự-Môn

Nhập miếu, võ nghệ quý hiển, nếu là văn nhân thời không bền vững.

Hãm địa tất gặp chuyện hổ thện. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phải thoái quan mất chức.

Thiên-Tướng.

Nhập miếu văn võ song toàn, bỗng lộc ngàn chung.

Cùng Xương Khúc Tả Hữu đồng cung quyền quý vinh hiển. Hãm địa khi thành khi bại bất thường.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kie61tptất bị biếm trách.

Thiên-Lương

Miếu tại Ngọ cung, hội Tả Hữu Khôi Việt, tài kiêm Văn Vũ. Hãm địa làm Lại. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp bình thường.

Thất-Sát

Miếu vượng, võ chức cao tột, quyền quý không nhỏ nhưng không hợp cho bực văn nhân, hãm địa bình thường.

Phá-Quân

Miếu vượng, võ hiệp hiên ngang. Gia Dương Đà Hỏa Linh bình thường.

Văn-Xương

Nhập miếu cùng Thái-dương, hội với Khoa Quyền Lộc và cát tinh, có văn chức chi tài.

Cùng Thiên-Phủ Vũ-Khúc tất được phú quý song toàn.

Vũ-Khúc

Miếu vượng, tài kiêm văn vũ.

Hãm địa cùng Thái-Âm Thiên-Cơ đồng cung, tư sử (Có tham dự) quyền quý, hội Tử-Phủ. Tả Hữu tất chấp chính và gần kề bậc Quý vượng.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chỉ bình thường.

Tả-Phụ

Tài kiêm văn võ tuy nhiên chỉ vượng cho người văn cách, không lợi cho võ nhân.

Nếu hội với cát tinh, văn võ đều hay. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Phông Kiếp, tất có khi tiến khi thoái mới vẹn thanh danh.

Hữu-Bật

Tối vượng cho vũ chức, bất lực với văn nhân. Cùng Tử Phủ Xương Khúc đồng cung tài quan song mỹ.

Hãm địa khi thành khi bại và có sự biếm trách. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất có sự truất giáng.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Đều chủ sự quý hiển

Lộc-Tồn

Hội cát tinh, văn võ đều hay, tài quan song mỹ. Con cháu cũng được tước lộc

Kình-Dương

Nhập miếu tối lợi về vũ chức. Cùng cát tinh, quyền quý hiển đạt. Hãm địa, hoặc bình thường, hoặc chỉ có hư danh mà thôi.

Đà-La

Độc thủ thời bình thường. Có gặp cát tinh cũng chỉ tạo được hư danh mà thôi.

Hỏa-Tinh

Nhập miếu, tuổi trẻ long đong, khi thành khi bại, khi đứng tuổi tất công danh được vừa lòng. Hội với Tử-Vi Tham-Lang cát vượng. Hãm địa không đẹp.

Linh-Tinh

Độc thủ tại vượng cung rất đẹp. Gia nhiều cát tinh đạt thành quyền quý. Hãm địa không tốt.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Văn võ quyền quý và danh lợi song toàn.

Tử-Vi Tham-Lang

Văn võ quý hiển không nhỏ

Tử-Vi Thiên-Tướng

Quyền quý liêm chính

Tử-Vi Thất-Sát

Văn chức hiển đạt tột đỉnh

Tử-Vi Phá-Quân

Được nhiều người biết đến, tên tuổi và an thân chốn phồn hoa, đô hội.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Ngô Tuần hoặc Triệt tại Dần cung, danh chấn biên di và làm nên sự nghiệp nơi thị tứ.

Thiên-Cơ Cự-Môn

Tọa thủ tại Mão được hoàn mỹ. Nếu tọa thủ cung Dậu, tuy có đẹp nhưng hữu thủy vô chung.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Tài kiêm văn võ, hiển quý tuyệt vời

Thái-Dương Thái-Âm

Tọa thủ cung Mùi, được quý hiển. Gia Xương Khúc Tả Hữu, tất được tam phẩm chi quý.

Thái-Dương Cự-Môn

Có tọa thủ miếu cung mới được trường cửu, ngộ hung sát tất khi tiến khi thoái.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ Mão cung được cát mỵ "Tọa thủ Dậu cung, chỉ bình thường"

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Quyền quý hiển đạt

Gia Không Kiếp chỉ bình thường

Vũ-Khúc Tham-Lang

Tham khảo chi quan, tức chỉ làm được cố vấn thôi

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Được chức vụ tại nơi biên di

Vũ-Khúc Thất-Sát

Hoạnh lập công danh và được ngôi vị quyền quý.

Vũ-Khúc Phá-Quân

Xuất thân từ nơi quân lữ. Gia Quyền Lộc Xương Khúc tất được hiển đạt.

Thiên-Đồng Thái-Âm

Tọa thủ Tý cung, thì văn võ cát mỹ. Nếu tọa thủ Ngọ cung chỉ làm Lại.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Trước làm nhỏ, sau làm lớn. Về già sẽ phát tích

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Quyền quý không nhỏ

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Phú quý vinh hoa, gấm vóc sang trọng

Liêm-Trinh Tham-Lang

Văn chức quyền quý và được thảnh thơi giữa chốn đô hội

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Hiển quý tuyệt vời

Liêm-Trinh Thất-Sát

Xuất thân từ nơi quân ngũ công danh hiển đạt

Liêm-Trinh Phá-Quân

Người có cách văn nhân không được bền. Nhưng làm tư lại thì hợp và thành nhân viên giỏi.

Các sao như ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Kỵ đủ cả, đối với người đương vị quyền quý tất bị giảm quyền hành, hoặc bị giáng làm lại, hoặc chủ sự thành bại. Bởi vậy cần phải chú trọng đến các cung Miếu hay Hãm và các sao gặp nhiều hay ít, quyết định cho rõ.

PHÚ ĐOÁN QUAN-LỘC CUNG

Mộ phùng Tả Hữu đồng lai
Thăng quan tiến chức miếu đài hiển vinh
Đồng Lương hội chiếu Dần Thân
Khi xưa bạch thủ mà nay sang giầu
Khốc Hư Tý Ngọ đồng trì.
Thiên-Hình Dần Mão chiếu vì Quan cung
Lộc phùng Tử Mã nhất ban
Phong vân tế hội Mã Long Hỷ đồng
Khôi Lương Cái Việt Tấu Hồng
Nam cận cửu trùng, nữ tác cung phi.

THIÊN-LƯƠNG NAM MẠNH CA

Thiên-Lương hóa ấm cát tinh hòa
Nhị hạn phùng chi họa tất đa
Nhược gia cát diệu phùng miếu địa
Quí cực nhất phẩm phụ sơn hà

ĐIỀN-TRẠCH CUNG CÁC TINH
CÁT HUNG TÍNH LÝ

Tử-Vi

Ruộng vườn tươi tốt, tự xếp đặt lấy, càng được thịnh vượng.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp có được, có mất.

Thiên-Cơ

Bỏ tổ nghiệp, tự mình tạo lập lấy mới hay

Thái-Dương

Nhập miếu, được hưởng tổ nghiệp. Hãm địa, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp trắng tay.

Vũ-Khúc

Miếu vượng, được tọa hưởng đại nghiệp ông cha để lại.

Hãm địa, bỏ tổ nghiệp sau mới làm nên.

Hỏa Linh đồng cung rất tốt, điền sản một ngày một tăng

Cùng Không Kiếp đồng cung có khi tậu, có khi bán

Thiên-Đồng

Trước ít, sau nhiều. Tự làm lấy rất ư thịnh vượng. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, không có điền sản.

Liêm-Trinh

Tận phá tổ nghiệp

Thiên-Phủ

Ruộng vườn xum xuê, khuếch đại nghiệp tổ truyền tới cực thịnh. Kiến Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chẳng có được bao hoặc lúc có lúc mất.

Thái-Âm

Miếu vượng nhiều ruộng

Hãm địa, gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Kỵ hoàn toàn vô điền sản.

Nếu cùng Tả Hữu Quyền Lộc và Lộc-Tồn chủ đa điền sản.

Tham-Lang

Miếu vượng, có tổ nghiệp nhưng không giữ được bền. Phải từ trung vận trở đi mới tạo lập nên được.

Hãm địa, lìa tổ nghiệp và một đời chẳng tạo dựng được điền sản. Gặp Hỏa Linh, giữ được tổ nghiệp và mở rộng thêm. Cần phải đề phòng nạn cháy nhà.

Cự-Môn

Miếu vượng, tự tạo lập và rất hoạnh phát.

Hãm địa chẳng những trắng tay mà còn bị chuyện thị phi về việc điền sản.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp không có nhà cửa ruộng vườn.

Thiên-Tướng

Miếu vượng, được hưởng của ông cha để lại

Thiên-Lương

Miếu vượng, giữ gìn được tài sản của tiền nhân

Thất-Sát

Miếu địa, có được hưởng nghiệp tổ, tự tạo lập được. Hãm địa, một đời trắng tay.

Phá-Quân

Trước phá tán sau đạt thành. Nếu tọa thủ Tý Ngọ cung dù có lúc tiến lúc thoái, vẫn giữ được tổ nghiệp vinh xương.

Gia Dương Đà Hỏa Linh phải ly tổ, tạo được ít ruộng vườn. Cùng Hóa Kỵ đồng cung, hoàn toàn bạch thủ.

Văn-Xương

Được hưởng tổ nghiệp và bồi đắp vượng thêm

Hội nhiều cát tinh, tạo dựng được vườn ruộng bao la

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp ở tổ nghiệp

Văn-Khúc

Vượng địa, có số giữ được tổ nghiệp. Gia cát tinh có cơ tự tạo thêm được.

Cùng Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, khi được khi mất.

Tả-Phụ Hữu-Bật

Chủ được hưởng tổ nghiệp. Gia cát tinh, nhà ruộng đều nhiều

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phải ly hương và chỉ có ít ruộng đất thôi.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Đều chủ có duyên phận với tổ nghiệp.

Lộc-Tồn

Vườn ruộng phong phú, và tự mình mở mang một ngày một thịnh vượng thêm.

Hội cát tinh được thừa tổ nghiệp vinh xương.

Gia Hỏa Linh Không Kiếp nhà đất ít.

Kình-Dương

Nhập miếu, tiền phá hậu thành. Hãm địa, Gia Không Kiếp bỏ nghiệp tổ.

Đà-La

Ly hương lìa tổ và phải cần kiệm tàn khổ độ nhất. Gia cát tinh trước không sau mới có. Gia Không Kiếp trắng tay.

Hỏa-Tinh

Độc thủ, có số bỏ tổ nghiệp. Cùng với cát tinh trước vất vả, sau mới tạo lập nên được sản nghiệp. Nếu gặp Không Kiếp là số trắng tay.

Linh-Tinh

Số phải ly hương, bỏ tổ nghiệp. Tọa thủ miếu cung và gia cát tinh, tự tạo dựng được tài sản.

Gặp Không Kiếp tất thị bạch thủ chi số.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Nhà cửa vườn tược trù mật. Số đại phú

Tử-Vi Tham-Lang

Được thừa hưởng tổ nghiệp

Tử-Vi Thiên-Tướng

Tạo dựng được sản nghiệp. Gia Tả Hữu Xương Khúc, Tuy có điền sản ông cha để lại, nhưng tự mình phải tu tạo.

Tử-Vi Thất-Sát

Tự mình tạo lập nên sản nghiệp.

Tử-Vi Phá-Quân

Không có số thừa hưởng phải tự mình làm nên.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Số tự mình gây tạo mới có sự thịnh vượng

Thiên-Cơ Cự-Môn

Tọa thủ Mão cung, có vườn rộng nhà cao. Tọa thủ tại Dậu cung, không giữ được tổ nghiệp, trước lớn sau nhỏ.

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Tự mình làm ra, về già giầu có. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp không có nhà đất.

Thái-Dương Thái-Âm

Gia cát tinh đặc biệt là tam Hoa, vườn ruộng thẳng cánh cò bay.

Thái-Dương Cự-Môn

Trước không, sau mới gây tạo thành. Tọa Thủ cung Dần, thịnh vượng. Tọa thủ Thân cung số phải ly tổ.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ Mão cung, vượng phát. Tọa thủ Dậu cung chỉ bình thường.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Giữ được điền sản bền

Vũ-Khúc Tham-Lang

Về già mới tạo thành

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Trước phá tan, sau tự tạo thành sản nghiệp

Vũ-Khúc Thất-Sát

Số tha hương, ly tổ

Vũ-Khúc Phá-Quân

Số phá tan sản nghiệp, dù có cũng không bền

Thiên-Đồng Thái-Âm

Tay trắng tạo thành. Tọa thủ Tý cung, đại phú. Tọa Ngọ cung bình thường.

Thiên-Đồng Cự-Môn

Vườn ruộng ít

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Trước nghèo sau giầu thịnh

Liêm-Trinh Thiên-Phủ

Số giữ vững bền tài sản hiện có trong tay, tổ nghiệp vinh xương

Liêm-Trinh Tham-Lang

Có được tổ nghiệp để lại, nhưng không giữ được bền.

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Trước không có nhà đất, sau mới gây tạo nên được. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp số "Phiêu linh tổ nghiệp" tức làm bay mất tổ nghiệp.

Liêm-Trinh Thất-Sát

Số ly tổ tự tạo nghiệp

Liêm-Trinh Phá-Quân

Số tiền phân tán, hậu mới tạo dựng được.

Các tinh ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hóa Kỵ dù ông cha có để lại cho nhiều sản nghiệp cũng bị giảm kém đi nhiều, hoặc cũng lúc còn lúc mất. Nếu lại do điền sản mình tự tạo nên, tất trở thành trắng tay.

Do vậy phải xem các hung tinh gặp nhiều hay ít, nhất là có bị Không Kiếp lâm vào không, mới quyết định được.

PHÚ ĐOÁN ĐIỀN-TRẠCH CUNG

Triệt Tuần đóng ở cung Điền
Tư cơ cha mẹ không truyền đến cho
Phá-quân sao ấy tán tài
Lâm trạch bán hết lưu lai tổ điền
Tang-môn ngộ Hỏa xấu sao
Chiếu soi phương nào, chốn ấy hỏa tai
Ân-quang phùng Đào Hồng Điền-trạch
Ấy có gì lưu lại ruộng nương
Long-trì Địa-kiếp đồng hương
Giếng bồi ao lấp ở bên nhà này
Cơ Lương tương hội Tuất Thìn
Mộc lâm tổ nghiệp đến hồi lai sinh
Khốc Hư Tang hội chẳng lành
Tổn người hại của chẳng yên được nào.

THIÊN-TƯỚNG NAM MẠNH CA

Thiên-tướng tinh thân hệ đẳng luận.

Chiếu thủ Thân Mạnh hỉ vô ngận.

Vi quan tất chủ cư Nguyên-Tể

Tam hợp tương phùng phúc bất khinh

PHỤ-MẪU CUNG CÁC TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Bất khắc hại. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp con cái khắc cha mẹ

Thiên-Cơ

Miếu vượng, bất khắc. Hãm địa phùng Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp đồng cư cùng cha mẹ nuôi, hoặc ở với bậc đã nhận mình làm "quá phòng tử" (tức cho mẹ hiện mình đang ở với, không mang họ với họ đích thực của mình) nhị tính ký cơ.

Thái-Dương

Nhập miếu không khác. Gia Dương Đà Hỏa Linh số phải hai lần lạy nhận cha mẹ (trùng bái phụ mẫu).

Liêm-Trinh

Được thừa hưởng tổ nghiệp bên cha mẹ nuôi. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, phụ mẫu bất toàn.

Thiên-Phủ

Cha mẹ song toàn. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chu thương (hại tới) phụ mẫu

Thái-Âm

Nhập miếu không khắc. Hãm địa gia Dương Đà Hỏa Linh khắc Mẹ, và chẳng hưởng tộ nghiệp bên nghĩa phụ.

Tham-Lang

Đi làm con quá phòng. Hãm địa sớm bỏ tổ.

Cự-Môn

Nhập miếu, không khắc cha mẹ. Hãm địa, thương khắc đến phải bỏ lìa tổ quá phòng. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp mồ côi cả cha lẫn mẹ.

Thiên-Tướng

Miếu vượng, cha mẹ đều khang kiện. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp sớm bị khắc.

Thiên-Lương

Miếu vượng cát lợi. Hãm địa, gia Dương Đà Hỏa Linh sớm mồ côi. Nhưng nếu bỏ đất tổ bỏ tên họ nương nhờ người thời miễn được sự hình khắc.

Thất-Sát

Sớm khắc cha mẹ, vì số ly tổ và lục thân, cốt nhục, nên phải sống kiếp cô đơn

Phá-Quân

Số phải thay tên đổi họ, sống nương với người ngoài quê hương, mới tránh khỏi sớm khắc cha mẹ.

Văn-Xương

Nhập miếu gia cát tinh thì cha mẹ con cái chung sống đề huề.

Gia Dương Đà Hỏa Linh, chủ hình khắc phụ mẫu, hoặc phải ly hương thay đổi tên.

Văn-Khúc

Nhập miếu, độc thủ bất khắc phụ mẫu. Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất phụ mẫu bất toàn.

Tả-Phụ

Độc thủ bất khắc. Cung Liêm-Trinh đồng cung, sớm khắc cha mẹ.

Gia Văn-Xương được phụ mẫu đề huề. Gia Dương Đà Hỏa Linh Tất phải ly hương thay đổi tên họ.

Hữu-Bật

Độc thủ bất khắc. Gia cát tinh được cha mẹ hộ trì. Gia Dương Đà Hỏa Linh số phải ly hương đổi tên họ mới có thể an cư lạc nghiệp được.

Khôi, Việt, Khoa, Lộc, Quyền

Cung Phụ-Mẫu được các sao này tọa thủ, thì cha mẹ vinh quý, cùng con cái đề huề.

Lộc-Tồn

Bất khắc. Gia Hỏa Linh Không Kiếp sớm phá tán của cha mẹ khiến xảy ra chuyện hình thương, từ trung vận trở đi, mới tự tạo thành gia nghiệp.

Kình-Dương

Ấu thời hình khắc. Hội Nhật Nguyệt tinh, phải ly hương và thay đổi tên họ mới có thể an cư.

Đà-La

Hồi nhỏ hình khắc cha mẹ Hội Âm Dương ly tổ bất chợt và phải thay đổi danh tính mới yên ổn làm ăn được.

Hỏa-Tinh

Độc thủ, mồ côi, phải thay tên đổi họ mới khả dĩ mưu sinh.

Gia cát tinh được bình hòa.

Linh-Tinh

Số hình khắc cô độc. Phải hai lần lạy cha, nhận mẹ và sống nương nhờ vào gia đình của người.

Tử-Vi Thiên-Phủ

Cha mẹ con cái chung sống điền viên một nhà

Tử-Vi Tham-Lang

Nếu không ngộ Dương Đà Hỏa Linh cha mẹ song toàn nhưng có duyên phận với nghĩa phụ.

Tử-Vi Thiên-Tướng

Cha con Hòa hợp, yên thú điền viên

Tử-Vi Thất-Sát

Gia cát tinh cha con đề huề, Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp phụ mẫu bất toàn.

Tử-Vi Phá-Quân

Sảo khắc.

Thiên-Cơ Thái-Âm

Cha mẹ con cái có khi đoàn tụ có khi không

Thiên-Cơ Cự-Môn

Số phải làm nghĩa tử, hoặc quá phòng tử

Thiên-Cơ Thiên-Lương

Gia đình đoàn viên

Thái-Dương Thái-Âm

Nếu không ngộ Dương Đà Hỏa Linh phụ mẫu song toàn tại gia.

Thái-Dương Cự-Môn

Sảo khắc, gia đình không được hòa thuận bình thường.

Thái-Dương Thiên-Lương

Tọa thủ cung Mão cha con hòa mục. Tọa thủ cung Dậu con khắc cha Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, sớm khắc cha mẹ.

Vũ-Khúc Thiên-Phủ

Miếu vượng cha mẹ, con cái vui thú đề huề

Vũ-Khúc Tham-Lang

Hình khắc phụ mẫu

Vũ-Khúc Thiên-Tướng

Quan niệm bất đồng giữa cha mẹ và con cái.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất có sự hình thương (có sự thương tổn đến gia đạo, hoặc tình nghĩa trong gia đình).

Vũ-Khúc Thất-Sát

Sớm khắc phụ mẫu

Vũ-Khúc Phá-Quân

Sớm phải mồ côi cha hoặc mẹ

Thiên-Đồng Thái-Âm

Phụ mẫu song toàn

Thiên-Đồng Cự-Môn

Phụ tử bất hòa, số phải nhận việc “lạy người làm cha mẹ” là sự may mắn, phải ly tổ mới khỏi hình khắc cha mẹ.

Thiên-Đồng Thiên-Lương

Không có Dương Đà Hỏa Linh lâm vào, thì có cha có mẹ nhưng phải bỏ tổ nghiệp.

Gia Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, phụ mẫu bất toàn

Liêm-Trinh Tham-Lang

Chủ cô đơn, sớm khắc cha mẹ

Liêm-Trinh Thiên-Tướng

Chủ sự thuận đồng, đề huề giữa cha mẹ và con cái

Liêm-Trinh Thất-Sát

Số mồ côi

Liêm-Trinh Phá-Quân

Sớm khắc cha mẹ

Cát tinh ở trên nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hình Kỵ Tất chủ hình khắc phụ mẫu, hoặc phải lạy nhận người "quá phòng" (con có được quyền thừa kế như con chính thức) mới có thể tránh được sự hình khắc, khiến cha mẹ phải chết, vì không có số ở cùng nhà với con cái.

Lại như, phàm xem về sự hình khắc hoặc bất dung hòa với cha mẹ tất phải coi sao Thái dương là Cha, sao Thái âm là Mẹ, để khi thấy sao Thái dương lạc tại hãm cung, tức chủ mất cha trước, và sao Thái âm lạc hãm tất chủ mất mẹ trước.

PHÚ ĐOÁN PHỤ MẪU CUNG

Âm Dương Tuần Triệt tại tiền

Mẹ cha ắt đã quy tiên thuở nào

Phụ-mẫu cung hội Thiên-Lương

Mẹ cha đồng hưởng thọ trường an vui.

THẤT-SÁT NAM MẠNH CA

Thất-Sát Bính Thân Tý Ngọ cung

Tây-di cùng thủ phục anh-hùng

Khôi Việt Tả Hữu Văn-xương hội

Khoa lọc danh cao thực vạn chung

TỬ-TỨC CUNG CÁC TINH CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Miếu vượng tại cung Ngọ được năm con, ba trai hai gái.

Cùng Tả, Hữu, Xương, Khúc được năm con trai và các con quý tử.

Nếu gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chỉ có hai con.

Tuy nhiên nếu đổi dời nhà, hoặc chiều con cầu tự làm trưởng nam, mới nhiều con.

Cùng Phá-Quân đồng cư có được ba con.

Cùng Thiên-Phủ và gia ca1ttinh được 4 hoặc 5 con

Sao Tử-Vi độc thủ, ngộ Kiếp Không là người cô đơn

Thiên-Cơ

Miếu vượng chỉ sinh hạ được hai con. Nếu có nhiều tất là con thứ xuất. Cùng Cự-Môn được một con.

Cùng Thiên-Lương tại cung Dần, được hai hay ba con. Nếu Cơ Lương đóng tại cung Thân tất sinh nhiều con gái, con trải chỉ được một thôi.

Cùng với Thái-Dương tọa thủ Tý cung sẽ sinh hạ được hai hay ba con.

Nếu Thiên cơ hội với Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất vô tự.

Thái-Dương

Đơn thủ miếu vượng cung (Thình, Tỵ, Ngọ) sinh hạ được ba trai, hai gái, và con đầu lòng là trai, sẽ nuôi trọn được cả năm con tới lúc trưởng thành. Con trai út là con quý tử

Cùng Cự-Môn tại Dần hoặc Thân cung có được ba con, đứa con sinh sau rốt là con sự nghiệp vẻ vang.

Cùng Thái-Âm đồng cung, tất sinh được năm con trong đó có quý tử.

Hãm địa, tuy có được ba con, nhưng bất thành khí, chả ra gì.

Nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, chỉ còn một con chống gậy cho cha, mẹ lúc mãn phần.

Vũ-Khúc

Sinh được một con, nếu lấy vợ thứ, tất có nhiều con dòng thứ.

Cùng Phá-Quân, có sự hình khắc, hiếm muộn, nhưng cũng được một con và tất phải vất vả nuôi nấng mới được.

Cùng sao Tham-Lang về tuổi già mới sinh được hai con nhưng dễ nuôi

Cùng Thiên-Tướng đồng cung, trước phải nuôi dưỡng tử, sau mới sinh được một con

Cùng Thất-Sát đồng cung, chủ cô đơn, may mắn lắm mới có được một con, nhưng đứa con ấy cũng chỉ là “thương tàn chi tử”.

Nếu có Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung phá, nhất định bị tuyệt tự.

Thiên-Đồng

Độc thủ miếu vượng cung, sinh được năm con trong đó có một quý tử.

Tọa thủ cung Dậu, phải dời đổi chỗ ở luôn mới được đông con. Bằng không nhiều lắm là hai con.

Độc thủ tại hai cung Thìn Tuất, chủ sự hình khắc, khó nuôi con. Có nhiều cát tinh phù chiếu, tất có được một con.

Thiên-Đồng tọa thủ Tỵ hoặc Hợi cung, chủ sự hình khắc khó khăn nuôi dưỡng. Sinh hạ hai con là điều hòa. Nếu có nhiều con tất con cái bất hòa phải ly tán, phiêu bạt, hoặc du đãng thuộc loại "phá gia chi tử"

Thiên-Đồng cùng Thái-Âm tọa thủ cung Tý, là vượng cách sinh hạ được năm con, trong có một quý tử thuộc loại "thần đồng nhập thế" nhưng Đồng âm tọa Ngọ cung lại là hãm địa, phải giảm đi một nửa.

Cùng Thiên-Lương đồng cung tại cung Dần, nếu sinh con gái đầu lòng thời có được năm con tất cả, nhưng tọa thủ tại cung Thân, chỉ có được một con chống gạy lúc cha mẹ mãn phần.

Thiên-Đồng gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, chủ sự hình khắc, khó có được con tống chung.

Liêm-Trinh

Đơn thủ tại hai cung Dần, Thân duy chỉ có một con. Nếu gặp nhiều cát tinh phù trợ, mới may có thêm được một con nữa.

Cùng Thiên-Phủ đồng cung tất sinh được quý tử làm rạng vẻ tông môn, bốn con khác cũng được phú quý.

Cùng Thiên-Tướng đồng cung, tuy vất vả, khó nuôi, nhưng cũng có được hai con, đều hiển đạt lúc trưởng thượng.

Nếu Liêm-Trinh hội với Tham-Lang, Phá-Quân, Thất-Sát chủ cô đơn, nên hiếm hoi. Nếu gặp nhiều cát tinh, tam phương lâm chiếu, khả giải, may có được một con nối dõi. Nhưng nếu ngộ Kình, Đa, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất hoàn toàn tuyệt tự.

Thiên-Phủ

Đơn thủ tại cung Tỵ, hoặc cung Hợi, sinh hạ được năm con sắp lên, trong có một quý tử.

Tại các cung Sửu, Mùi, Mão, Dậu, nhiều lắm chỉ được ba con là cùng

Cùng với Tử-Vi đồng cung, tất có được bốn hoặc năm con, sau đều khá giả.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, có được hai con sau đều quý hiển cả.

Cùng Liêm-Trinh đồng cung được ba con.

Ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp chỉ được hai con hoặc ba con là nhiều nhất.

Thái-Âm

Tọa thủ miếu vượng cung tại Dậu, Tuất, Hợi, sinh hạ được năm con, trong đó có quý tử làm vinh quang cho dòng họ. Tuy nhiên con gái nhiều hơn con trai và phải là sinh con gái đầu lòng, sự nuôi con mới dễ và được toàn vẹn cho tới khi trưởng thành.

Đơn thủ tại Mão, Thìn, Tỵ cung, có sự hình khắc, phải đúng tuổi có con mới dễ nuôi, và có được hai, được ba con là nhiều nhất, nhưng lại phải một "nhuyễn nhược chi tử" hoặc "hư hao bất thanh khí".

Cùng Thái-Dương đồng cung, được hai con

Cùng Thiên-Đồng cung, tất sinh được con quý tử và tất cả được năm con

Thái-Âm tại hãm địa, gia hội Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, tất thị đường Tử-tức hiếm hoi.

Tham-Lang

Đơn thủ tại Tý, Ngọ cung, chủ hữu sinh vô dưỡng. Sinh con muộn, mới có được hai nhưng không hòa thuận giữa anh em xung khắc với cha mẹ.

Cùng ở một cung với Tử-Vi sinh hạ được hai con.

Cùng ở một cung với Liêm-Trinh rất khó nuôi và hiếm. Phải có con cầu tự, rồi mới nuôi dưỡng được hai con.

Cùng sao Vũ-Khúc trước khó sau dễ, và có được hai hoặc nhiều lắm là ba con.

Sao Tham-Lang độc thủ tại cung Dần, hoặc cung Thân nếu có nhiều cát tinh ba phương phụ chiếu, sinh hạ hai con hiển đạt, nhưng tính tình xung khắc với cha mẹ.

Cự-Môn

Độc thủ tại hai cung Tý, Ngọ, trước khó sau mới dễ nuôi, được hai con. Ngư ngộ Tuần hoặc Triệt, tất sinh được quý tử, và được tới năm con.

Đơn thủ tại Thìn Tuất, sinh đã dưỡng thiểu. Phải vất vả mới may có được hai con, nhưng cùng cha mẹ xung khắc.

Cùng Thái-Dương đồng cung tại cung Dần hoặc cung Thân tất sinh hạ được ba hoặc bốn con, nuôi dưỡng dễ dàng con cái về sau sẽ hiển đạt, người khá giả. Nhưng nếu lại gặp thêm Dương Đà Hỏa Linh xung chiếu, bị khắc phá rất hiếm con.

Cùng Thiên-Cơ đồng cung, chỉ duy được một con, lại có gia cát tinh sẽ có thêm được một con nữa, nhưng nếu lại có cả Không và Kiếp xung chiếu hoàn toàn vô tự.

Cùng sao Thiên-Đồng đồng cung, có nhiều cát tinh phụ chiếu sẽ có được ba con. Lúc trưởng thành con cái sớm phân cư và không được hòa mục.

Thiên-Tướng

Nếu không gặp Dương Đà Hỏa Linh và đơn thủ tại Tỵ hoặc cung Hợi, sẽ có được ba con.

Đơn thủ tại Sửu Mùi được hai con.

Đơn tọa cung Mão Dậu, phải sinh muộn mới nuôi được hai con

Nếu ngộ Dương Đà Hỏa Linh tất phải chiều tự con trưởng, sau mới sinh hạ được ba con.

Cùng sao tử-vi đồng cung và gia hội Xương Khúc Tả Hữu sẽ sinh hạ được bốn hoặc năm con .

Cùng Vũ Khúc đồng cung, có được ba con. Nhưng nếu ngộ Dương Đà hỏa linh không Kiếp tất có sự hình khắc ,hiếm hoi.Nên nạp thứ phòng mới khỏi vô tự.

Thiên-Lương

Đơn thủ tại cung Tý hoặc cung Ngọ, tất hạ sinh quý tử và có được bốn con, nếu gặp Dương Đà Hỏa linh không kiếp thì sớm khắc hiếm muộn.

Đơn thủ tại Sửu Mùi may mắn có được ba con, Nếu ngộ Hung Sát tất phải vất vả mới nuôi được con.

Hội cùng Thiên-đồng gia Xương Khúc Tả Hữu và cát tinh có được ba con.

Cùng Thiên-cơ đồng cung sinh hạ được hai con, nhưng nếu gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp thì hoàn toàn vô tự.

Cùng Thái-dương đồng cung tại cung Mão, có được năm con và sau đều thành đạt nên người, nhưng nếu lại ngộ Kình Đà Không Kiếp Kỵ tất toàn vô.

Thất-Sát

Là sao chủ sự cô quả, nên nhất định chỉ có được một con, nết lại Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung phá tất vô tự. Nếu có chăng cũng chỉ là "hư hoa bất thành khí" hoặc lại là "cường hoạnh bại gia, táng nghiệp chi tử".

Cùng với Tử-Vi đồng cung, có gia cát tinh dù có vất vả trong việc nuôi dưỡng, cũng được ba con trưởng thành, tuy nhiên con cái hay nghịch ý cha mẹ. Nhưng nếu lại gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung chiếu tất sớm khắc, tất vô tự.

Cùng Vũ-Khúc cùng ở một chung chủ cô đơn, hiếm muộn. Nếu may có được một tất cũng là "thương tàn chi tử".

Đơn thủ tại Thìn hoặc cung Tuất, chủ sinh hạ nhiều nhưng chỉ nuôi được có một con, và đứa con hiếm hoi ấy, nếu không mang tật nguyền cũng là con hư hỏng, bất lương chi tử.

Phá-Quân

Đơn thủ tại Tý Ngọ cung, sinh hạ được ba con, và đều là những đứa con cương cường, không hợp ý cha mẹ tất phải viễn cư, mới được toàn vẹn.

Đơn thủ tại Dần Thân dù sinh hạ được nhiều cũng chỉ nuôi được hai con.

Đơn thủ tại Thìn và Tuất nếu có nhiều cát tính xung chiếu, may có được hai con nhưng cũng ốm yếu bệnh tật. Bằng chẳng vậy tất cũng thành "bại gia bất lương chi tử".

Cùng sao Tử-Vi ở một cung, tất có được ba con, nhưng lớn lên không cùng cha mẹ đồng cư mới được.

Cùng Vũ-Khúc đồng cư, gia hội Tả Hữu Xương Khúc tuy gian nan trong sự nuôi dưỡng, cũng còn được ba con khi về già.

Cùng với Liêm-Trinh đồng cung, đa sinh thiểu dưỡng duy chỉ có một con và sau cũng bình thường thôi.

Tả-Phụ

Nếu sao Tả-Phụ đơn cư cử tức, tất sinh hạ được ba trai một gái. Nếu có Tử-Vi và Thiên-Phủ ba phương cũng chiếu là "Tử Phủ triều Tử cung" chi cách, tất sinh hạ quý tử sau làm rạng rỡ tông môn. Nếu lại bị Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp xung phá thì dù có được hai con, cũng chỉ là "bất thành khí chi tử".

Hữu-Bật

Đơn cư sinh hạ được ba con. Gia cát tinh tất sinh quý tử. Nếu lại ngộ Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất chỉ còn một hoặc hai con. Lớn lên cũng chỉ bình thường vậy thôi.

Văn-Xương

Tại miếu vượng địa, sinh hạ được ba con, nếu gia hội được nhiều cát tính, sẽ có thêm và tất sinh hạ được quý tử, hiển đạt một thời, Ngộ Hung Sát khó nuôi con.

Văn-Khúc

Tọa miếu vượng (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, Tỵ, Hợi) có được bốn con. Nếu được nhiều cát tinh bội chiếu, chủ sinh quý tử, lớn lên con cái đều thông minh, hiếu văn học và sớm hiển đạt.

Hãm địa chỉ được hai con, nếu lại gia Kinh Đà Linh Hỏa tất hiếm con cái.

Lộc-Tồn

Là sao chủ sự cô quả, đóng vào cung Tử Tức là điều bất lợi. Nếu có thêm phòng, cũng chỉ được một "minh linh chi tử".

Nếu gia hội nhiều cát tinh, có thêm được một con, nhưng cũng không hòa hợp được với cha mẹ, sớm phân cư.

Nếu lại gia Hỏa Linh và Sát tinh, chủ sự khắc phá, tất hoàn toàn vô tự.

Kình-Dương Đà-La

Hai sao này tọa thủ cung tử tức là sự đáng buồn, bởi chủ sự cô đơn. Nếu gia cát tinh đắc địa, có được một con. Nếu như đối cung có nhiều cát tinh đắc địa, không gặp Hung Sát tinh xung phá, cũng có được ba bốn con.

Nhưng nếu lại có Hao hoặc Kỵ đóng vào chính cung Tử-Tức tất phải tuyệt đường nối dõi.

Hỏa-Tinh

Nếu có cát tinh đồng cung, tất có được một con.

Hãm địa và gặp Hung Sát tinh, chủ sự bình thường, tất thị cô đơn.

Linh-Tinh

Độc thủ tại hãm cung, nhất định là cố phân cô đơn.

Nhập miếu và ngộ cát tinh đồng cung, phải lập thứ phòng mới có được con.

Nếu tại đối cung, có nhiều cát tinh hợp chiếu, tất cũng có được hai ba con.

Thiên-Khôi, Thiên-Việt, Hóa-Khoa, Hóa-Lộc, Hóa-Quyền

Các sao này đều là quý tinh, có tính chất cứu, phò, giải rất đắc lực.

Nếu cung Tử-Tức do hung sát tinh tọa thủ, mà gặp được một hoặc nhiều các sao này, tất giảm bớt được sự hình khắc và tạo nên sự may mắn.

Nếu cung Tử-Tức lại có ít sao Hung và nhiều sao cát tọa thủ đồng thì các sao này sẽ biến hung thành cát, và chủ con cái thông minh, sớm thành đạt.

Nếu một hoặc hai trong số sao này tọa thủ cung Tử-Tức, không có Hung Sát tinh, tất chủ sinh hạ Quý tử, làm vinh hiển tông môn.

PHÚ ĐOÁN TỬ-TỨC CUNG

Tử cung ngộ Kiếp Không gia
Nuôi con chẳng mát đã ba bốn lần
Khốc Hư đồng ngộ Dưỡng tinh
Sinh nhiều nuôi ít gian chuân thuở nào
Hiếm hoi bởi tại Hình Hao
Quý tinh trước cửa một hào đông con
Thiên-hình Sát Hổ Tử cung
Đến già chẳng thấy tay bồng tay mang
Sinh con những giống ngẩn ngơ
Tử cung xung chiếu Sát Đà Kiếp Không
Tử cung Không Kiếp trùng giao
Bệnh phùng băng huyết thay bào phù hoa
Tới Phật đường cầu tự mới sinh
Tràng-sinh Đế-vương đa nhân
Giáp chiếu Nhật Nguyệt có lần sinh đôi
Đế-vượng ngộ Thai Khôi cùng Tướng
Có dị bào hai ngả anh em
Sinh con số hiếm rõ ràng
Bởi sao Đà Kỵ lâm hàng Tử cung
Hổ Lang Không Kiếp tang giao
Sinh con chẳng mát đã ba bốn lần
Sinh con Quyền Lộc hiển vinh
Sinh con Khôi Việt văn tinh đỗ đầu
Sinh con Long Phượng sang giầu
Khúc Xương chiếu giáp thập hầu tặng phong
Hỷ-thần hội với Phúc tinh

Dương danh quý tử hiển vinh sang giầu

Tử cung Thai-tướng Phục-binh

Vợ chồng ắt hẳn tư tinh thuở nào

Cô-thần Quả-tú hai sao

Gian chuân vất vả về hài nhi sinh

PHÚC-ĐỨC CUNG CÁT HUNG LUẬN

Tử-Vi

Tọa thủ Ngọ cung, chủ dòng dõi danh gia, phúc hậu, được hưởng phúc đức, tài lộc trường tồn. Cuộc đời an lạc không gặp tai ương, ách nghiệp. Trong quyến thuộc gần xa, có nhiều người danh giá quý hiển.

Tọa thủ cung Tý tuy hãm nhưng cũng khá, chủ chung thân hoạnh cát lợi, sự nghiệp hưng thịnh trong họ ngoài hàng đều thuận hòa, và cùng được thịnh vượng.

Cùng Thiên-Phủ hoặc Thiên-Tướng đồng cung, chủ phúc lộc vương trường, được hưởng cả phú quý lẫn sống lâu. Trong đời không gặp sự hung rủi, luôn luôn được như ý, vừa lòng. Bà con thân thích hầu như người giầu có, người sang trọng đủ cả.

Cùng Thất-Sát đồng cung chủ khắc tổ nghiệp. Phải ly hương bôn tẩu giang hồ mới tạo được sự nghiệp và được yên hưởng cho đến tuổi về già.

Cùng Phá-Quân đồng cung, chủ sự khắc phá, công cuộc làm ăn lận đận, bôn tẩu, lao tâm phí sức mà vẫn bất an.

Phải ly tổ xa họ hàng mới được yên thân sinh sống đến tuổi về già.

Cùng Tham-Lang đồng cung là phúc bạc. Cuộc đời ly hương long đong, ít khi gặp may, được vừa lòng. Nếu lại gặp Không Kiếp là phận nghèo hèn và yểu tử.

Sao Tử-Vi đóng cung Phúc-Đức về âm phần, chủ về ngôi Mộ Tằng Tổ.

Thiên-Cơ

Tại cung Phúc-Đức sao Thiên-Cơ chủ tiền vận long đong hậu vận thanh nhàn. Do vậy, dòng tộc không được đông đúc.

Thiên-Cơ tọa thủ tại Tý Ngọ cung chủ Phúc và Thọ, được tiền của rồi rào hưởng thụ đến hết tuổi già. Họ hàng cũng thịnh vượng.

Cùng Cự-Môn đồng cung thiếu niên lao lực long đong, thiếu sự may mắn. Phải về hậu vận mới được xứng ý, toại lòng và được an lạc trong tuổi già.

Cùng Thiên-Lương đồng cung, hạnh phúc hoàn hảo được cả giầu có sang trọng và sống lâu. Trong thân thích cũng có người được quý hiển, được sự âm phù.

Cùng Thái-Âm đồng cung chủ sự khoái lạc, vượng âm. Được hưởng cả phúc lẫn thọ. Nếu Cơ Âm tọa thủ cung Thân, nữ giới được vượng hơn nam giới.

Cùng Thái-Âm đồng cung tại cung Dần, kém may mắn, hay gặp chuyện bất xứng ý, toại tâm. Phe nữ nhân thường thường gặp sự trắc trở về hôn nhân, hoặc có người phải vướng nghiệp giang hồ.

Thiên-Cơ tọa phủ cung Phúc-Đức, chủ có ngôi mộ Tổ Phụ đắc vượng địa cây cỏ xinh tươi.

Thái-Dương

Chủ hung trung phát phúc.

Đơn thủ tại các cung Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, chủ được hưởng cả Phúc, Lộc, Thọ. Trong họ hàng có đú người hiểng đạt phú quý, có danh giá, có uy quyền hiển hách, con cháu cũng kế tiếp được ông cha không kém.

Tọa thủ tại các cung Thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý là hãm địa, bị chiết giảm mọi phương diện. Đời sống phải bôn ba bỏ tổ nghiệp, không mấy khi gặp được may mắn, vừa lòng, thọ mệnh kém. Họ hàng cũng ngày một sa sút, có nhiều người phải tha phương cầu thực, có người phải mang ác tật hoặc tai kiếp bất đắc kỳ tử.

Cùng Thái-Âm đồng cung, chủ về khoái lạc, có nhiều trở ngại trong đời.

Cùng Cự-Môn đồng cung, long đong bôn tẩu, phí công phí sức mà cũng chẳng được yên thân.

Cùng Thiên-Lương đồng cung, chủ được sung sj1ng an vui. Gia hội cát tinh, nữ giới lấy được chồng sang quý. Nhưng nếu gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp Hao Kỵ tất thị "chung thân bất mỹ".

Sao Thái-Dương tọa thủ cung Phú-Đức chủ ngôi mộ tam đại.

Vũ-Khúc

Chủ lao tâm phát lực. Trong họ đơn người.

Đơn thủ tại miếu địa, an nhiên hưởng phúc lẫn thọ, càng về hậu vận càng thêm cát vượng. Trong tộc thuộc cũng vóc người giầu có, và võ nghiệp hiển đạt.

Cùng Phá-Quân đồng cung, tất thị long đong chung thân thân bôn tẩu. Phải sớm ly hương và chuyên chú về kỹ thuật hoặc công nghệ mới có thể an hưởng tuổi già được.

Cùng Thất-Sát đồng cung là bạc phụ chi mệnh. Dĩ nhiên phải tha phương cầu thực, lao tâm khổ trí suốt đời mà cũng chẳng được mấy lúc an thân. Họ hàng nghèo hèn, ly tán có người bị ác tật, yểu tử.

Cùng Tham-Lang đồng cung, về hậu vận mới được phúc lộc, nếu gặp được Linh Hỏa tất giàu sang và sống lâu.

Cùng Thiên-Phủ đồng cung là số đắc phúc, được hưởng sự giầu có cho tới lúc mãn tuổi già. Họ hàng trong ngoài đều làm ăn thịnh vượng, khá giả.

Cùng Thiên-Tướng đồng cung chủ được phúc thọ song toàn. Trong đời luôn luôn gặp sự cát vượng. Họ hàng cũng giầu sang thịnh vượng và có nhiều người quý hiển.

Sao Vũ-Khúc đóng cung Phúc-Đức, chủ về ngôi mộ vị Tằng Tổ ở về khu cao, táo địa, ít cây cỏ.

Thiên-Đồng

Chủ phúc thọ song toàn, nhàn hưởng

Đơn thủ tại Mão cung, chủ về tính ý canh cải bất thường, tuy vậy được hưởng nhiều sự may mắn và sống lâu. Cần phải rời xa tổ nghiệp mới làm ăn tăng tiến lên được. Họ

hàng tuy phải mỗi người một phương, nhưng đều làm ăn phát đạt, và trong đám hậu duệ, thường xuất hiện những anh tài thông minh, tuyệt thế.

Nhưng Thiên-Đồng đơn thủ tại cung Dậu, lại là cả một sự bất hạnh cho dòng họ. Lao tâm khổ tứ bất đắc an thân. Dù có là người cương cường trì chí cũng không thể nhất tâm chuyên chú vào một công việc nào được, tất phải thay đổi công việc, ý chí mà vẫn chẳng được xứng ý toại lòng. Muốn được túc đụng độ nhất tất phải ly hương và phân tán. Toàn tộc không có bậc đại thọ, bất thần di thương.

Đơn thủ tại cung Tý cung Hợi, tuy cuộc đời được sung sướng, nhưng là thứ phong lưu phóng đãng, nên không bền vững và không được sống lâu. Phải ly hương và không cố định ở nơi nào mới được hưởng tuổi đại thọ.

Đơn thủ tại cung Thìn cung Tuất cũng cùng ảnh hưởng như sao Cự-Môn đồng cung. Ít gặp may mắn hay bị tai bay vạ gió, luôn luôn chiêu chuyện thị phi, khẩu thiệt, và xẩy ra sự tranh chấp trong tộc thuộc, nên rời quê hương mới giảm miễn được tai kiếp.

Cùng sao Thiên-Lương đồng cung, chủ cuộc đời thanh nhà, được hưởng tài lộc rồi rào và sống lâu. Họ hàng cũng có nhiều người hiển đạt giầu sang vì được âm phù.

Cùng Thái-Âm đồng cung tại cung Tý được hưởng cách phúc thọ song toàn. Bà con họ hàng tộc thuộc đều làm nên danh giá giầu sang, con cháu được tiếp hưởng quyền lộc nhiều đời.

Nếu cùng Thái-Âm tọa thủ tại cung Ngọ, là phúc đã đến ngày kém, tất phải phân tán tha hương cầu thực bôn ba nay đây mai đó mới lập nghiệp tốt được. Không sớm yếu nhưng không được trường thọ.

Liêm-Trinh

Độc thủ chủ vong trung sinh phúc

Cùng Thiên-Tướng đồng cung, tuy cũng được hưởng phúc, họ hàng khá giả, nhưng "phúc đa nhân thiểu" có tiền bạc hiếm con cái.

Cùng Thiên-Phủ đồng cung, chủ cuộc đời sung sướng phúc thọ song toàn. Tộc thuộc cũng được nhiều người giầu có, quý hiển.

Cùng Phá-Quân đồng cung, tất phải long đong, bôn tẩu mà vẫn được an thân. Có lao tâm tổn lực mới được túc dụng thường nhật. Nếu Ngộ Dương Đà Hỏa Linh nhất định chung thân lao khổ, phải về tuổi già mới được như ý.

Cùng Tham-Lang đồng cung, là số tự chiêu lấy tai ương, kiếp họa. Họ hàng sa sút, bần hàn. Thọ mệnh chiết giảm. Nên rời tổ nghiệp, khả dĩ giảm tai.

Cùng Thất-Sát đồng cung, chủ hay vướng phải tai nguy, họa hiểm. Có khi vướng vòng lao lý, cùng đồ. Trong dòng họ có nhiều người yểu tử, hoặc bị ác tật.

Liêm-Trinh đóng cung Phúc-đức, chủ về ngội một Bá hoặc Thúc tổ, táng vào chốn cao địa chi hoàng thổ.

Thiên-Phủ

Chủ an tĩnh hưởng phúc

Đơn thủ tại Tý Hợi cung, chủ được phúc, thọ song toàn trong họ hàng đều làm ăn cát vượng, đa nhân diệc đa tài.

Đơn thủ tại Sửu, Mùi, Mão, Dậu chủ phúc lộc kém rồi rào. Nếu tha hương lập nghiệp sẽ được túc dụng an thân.

Cùng Tử-Vi đồng cung, chủ cuộc đời được hưởng phúc lộc, thọ toàn mỹ, lúc nào cũng vui sướng, nhàn hạ, không lo lắng, hoạn nạn, tộc thuộc đều phú quý, hiển đạt.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, chủ được hưởng phúc đức trời cho, giầu có và an hưởng cho tới hết đời, họ hàng cũng khá giả.

Thái-Âm

Tọa thủ tại các cung Dậu Tuất Hợi là miếu địa, chủ được hưởng thụ: phúc lộc thọ toàn, trong tộc thuộc cũng có nhiều người giầu có, sang trọng hiển đạt.

Đơn thủ tại các cung Mão, Thìn, Tỵ, là "âm phản bối" chủ về phước bạt, hoặc gặp tai kiếp, hoặc "bất đắc kỳ tử". Nữ giới thường gặp chuyện trắc trở, hoặc rất vất vả về chồng con, nên tạo phước duyên hầu giảm thiểu tai kiếp và được sống lâu.

Cùng Thiên-Đồng đồng cung, chủ sinh trưởng trong gia đình quý hiển, xuống ngựa lên xe.

Nếu cùng Thiên-Đồng tọa thủ cang Ngọ, chủ sự hình khắc, trong gia đình thường có sự bất hòa. Sớm mồ côi cha hoặc mẹ.

Cùng Thái-Dương đồng cung, tuy gia đình sung túc, nhưng thiếu sự hòa thuận giữa cha với mẹ, cũng như giữa cha mẹ với các con.

Cùng Thiên-Cơ đồng cung, được hưởng thọ cách. Trong họ hàng có người giầu sang, và vượng cho nữ giới hơn. Nhưng nếu cùng Thiên-Cơ tọa thủ cung Dần, thời phúc đức đã mỏng, trong đời ít khi được xứng ý, toại lòng, họ hàng chỉ túc dụng độ nhất, nữ giới hay có sự trắc trở về chồng con, hoặc tính tình lẳng lơ không chính đính.

Sao Thái-Dương đồng cung Phúc-đức, chủ về ngôi mộ Tổ Mẫu, tọa lạc tại một cuộc đất tương tự thế "bán nguyệt, nga mi". Ứng cho dòng bàng hệ thuộc Kim-mệnh.

Tham-Lang

Chủ lao tâm phất lực nhi bất an.

Đơn thủ tại Dần, Thân cung, tuy cũng được hưởng phúc nhưng là phúc khinh và được thọ trường.

Đơn thủ tại Thìn Tuất, phải về hậu vận mới được sung sướng, trong họ hàng có nhiều người tha phương, tạo nghiệp giầu có.

Đơn thủ tại Tý Ngọ, chủ giảm thọ, giảm phúc, phải ly hương mới có thể tạo dụng độ nhật và được an thân, tộc thuộc mỗi ngày thêm sa sút, nhiều người mắc "chứng bệnh Tề Tuyên".

Cùng Tử-Vi đồng cung, chủ giảm thọ, giảm phúc, trong đời chẳng mấy khi được xứng ý, vừa lòng. Trong họ hàng phải ly hương, bôn tẩu mới được túc dụng, nếu kiếm được nhiều tiền của, tất số mạng yểu vong.

Cũng Liêm-Trinh đồng cung, chủ phúc bạc, mệnh yểu, hay mắc vướng tai bay vạ gió, trong họ hàng có nhiều người bần hàn, hay vòng lao lý, hoặc giang hồ phiêu bạt.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, chủ vượng về hậu vận, càng về già lại càng gặp nhiều người giầu có, hoặc có người hiển đạt về binh-nghiệp.

Sao Tham-Lang đồng cung Phúc-đức, chủ về mộ vị của Cao Tằng Tổ.

Cự-Môn

Chủ lao tâm phất lực nhi bất an.

Đơn thủ tại hai cung Thìn Tuất chủ phúc bạc, phận mỏng, tuy phải lao tâm, khổ xác mà vẫn chẳng mấy lúc được an thân, hay mắc tai bay vạ gió, và thường gặp chuyện khẩu thiệt, kiện tụng, số phải ly tổ mới giảm bớt được tai ương. Trong họ hàng hay xẩy ra chuyện tranh chấp, nhiều người ta phương tạo nghiệp, hoặc lưu lạc giang hồ bằng không cũng phải khốn cùng và mắc vòng tù tội, hoặc thọ mệnh kém.

Đơn thủ tại Tý Ngọ cung, chủ được hưởng lộc thọ toàn, họ hàng, đều được gặp sự cát vượng, người giầu có, người quý hiển.

Cùng Thiên-Đồng đồng cung, chủ phúc bạc, phận mỏng. Trong đời gặp chuyện buồn nhiều, sự vui, rất hiếm, hay gặp tai nạn, khẩu thiệt, và việc kiện, tụng lôi thôi. Trong họ hàng cũng hay có sự tranh chấp lẫn nhau, phải lìa bỏ quê hương đi lập nghiệp phương xa mới đủ độ nhật và được yên thân.

Cùng Thái-Dương đồng cung tại miếu vượng địa, chủ cuộc đời sung sướng được cả phúc lẫn thọ. Họ hàng đều giầu có danh giá, và có quyền thế đời này kế tiếp đời khác.

Nhưng nếu lại cùng Thái-dương tọa thủ tại hãm địa, thời trái lại phúc bạc thọ yểu và luôn luôn gặp sự bất trắc trong đời, phải ly hương, lìa tổ nghiệp, mới có thể giảm bớt được tai kiếp và tạo dựng được cơ nghiệp túc dụng độ nhật, tộc thuộc mỗi ngày mỗi sa sút, có nhiều người phiêu bạt, hoặc phải mang ác tật hoặc bị tai nạn “bất đắc kỳ tử”.

Về âm phần, sao Cự-Môn về mộ vị bá, thúc tổ tọa lạc gần nơi đền đài, cổ thành.

Thiên-Lương

Chủ thanh nhàn, an lạc

Đơn thủ tại Tý Ngọ cung, được hưởng phúc thọ toàn mỹ, không gặp tai ách và cũng không phải bận tâm, lo lắng trong đời, trong họ có nhiều người hiển quý, làm rạng rỡ tông môn.

Đơn thủ tại Sửu Mùi, được hưởng thọ, tiền của bình thường, túc dụng, họ hàng cũng ở mức bình thường.

Đơn thủ tại Tý, Hợi cung, chủ phúc nhẹ, phận mỏng, hay gặp tai kiếp hay thay đổi chủ hướng và công việc sinh sống số phải sớm ly hương, hoặc trôi nổi giang hồ. Họ hàng mỗi ngày mỗi suy mạt, thường là: nam giới thì đãng tử phiêu lưu, nữ giới cũng nhiều kẻ lẳng lơ, lãng mạn, và hay bị lỡ dở về hôn nhân

Thiên-Đồng đồng cung, chủ cuộc đời thanh nhà, giầu có và sống lâu, trong họ có nhiều người giầu sang, hiển đạt, vì được âm phù.

Thái-Âm đồng cung tại Tý, chủ phúc thọ song toàn, nên ly hương lập nghiệp để có nhiều may mắn, họ hàng có nhiều người giầu sang, có người có quyền thế, đời nầy kế tiếp đời khác. Nhưng nếu ở cung Ngọ, tất phải chiết giảm mọi mặt phải ly tổ, bôn tẩu mới được an thân.

Thiên-Lương đồng cung Phúc-đức, chủ về mộ cụ Cao-Tổ mộ vị ở vào cuộc đất không còn mầu mỡ lẫn với cát sỏi.

Thất-Sát

Chủ hạnh phúc uy quyền

Đơn thủ tại Dần Thân, tất phải ly hương, rời tổ, nghiệp mới được hưởng phúc. Họ hàng có nhiều người hiển đạt về binh nghiệp và con cái nối được sự nghiệp cha.

Đơn thủ tại Thìn Tuất, chủ về phúc bạc và binh nghiệp đao thương, hay bị tai ách tổn thương đến bản thân, và còn vướng mắc vòng lao lý, phải ly hương để may tránh được tai kiếp, tộc thuộc suy, bần hàn, tha phương cầu thực và thường bị yểu tử.

Đơn thủ tại Tý Ngọ, tuy được hưởng phúc nhưng là phúc khinh. Cả cuộc đời gắn tiền vào thế "đắc hồ thử, thất hồ bỉ", phải sớm ly hương mới có thể túc dụng thường nhất và yên ổn.

Tử-Vi đồng cung, chủ khắc tổ nghiệp, phải sớm ly hương, bôn tẩu nay đây, mai đó, khả dĩ độ nhật và yên ổn tuổi già.

Liêm-Trinh đồng cung, bị giảm thọ, thường bị tai bay vạ gió ngặt nghèo, nên sớm ly hương cầu sự bình thường, họ hàng thường bị chết sớm, hoặc vướng vòng tù tội, hoặc bần hàn mang ác tật.

Vũ-Khúc đồng cung, chủ phúc suy, mệnh bạc, dù cuộc đời lận đận, lao tâm, khổ xác mà vẫn chẳng được an thân, có xa quê hương, bỏ tổ nghiệp cũng chỉ đỡ tai kiếp phần nào vậy thôi, trong họ, cũng đa số mỗi người một phương, hoặc nghèo khổ và không sống lâu.

Về âm phần, Thất-Sát chủ về mộ phần vị Tằng-Tổ tọa lạc tại cục đất khô, nóng.

Phá-Quân

Chủ lao tâm, phất lực, phân ly

Đơn thủ tại Thìn Tuất cung, chủ được hưởng phúc phần nào thôi, số ly tổ cầu thân an.

Đơn thủ tại Dần Thân, chủ phúc bạc, giảm thọ, thường mắc phải tai bay vạ gió, dù đề phòng cách mấy cũng khó tránh được, cần ly hương mới may được yên thân làm ăn độ nhật, họ hàng cũng sa sút bần hàn.

Đơn thủ tại Tý Ngọ, nên rời tổ nghiệp để được hưởng cả phúc lẫn thọ. Trong tộc thuộc, riêng ngành trưởng, phải gánh mọi tai kiếp, nghèo nàn, ly tán, thời mọi người trong ngành khác mới làm ăn khá giả.

Cùng Tử-Vi đồng cung, chủ sự hình khắc trong đời, nên dù có long đong bôn tẩu, lao tâm tổn sức mà vẫn chẳng yên thân. Nên sớm ly hương khả dĩ độ nhật và được yên hưởng tuổi già.

Cùng Liêm-Trinh đồng cung, phải ly tổ và bôn tẩu độ nhật. Nếu lại ngộ Dương Đà Hỏa Linh tất thị chung thân lao khổ, tuy nhiên về hậu vận sẽ được toại tâm xứng ý.

Cùng Vũ-Khúc đồng cung, nên sớm ly hương mới được yên thân, và được hưởng cả phúc lẫn thọ trong buổi xế chiều, trong họ, tuy mỗi người một phương, nhưng nhiều người thành đạt về kỹ thuật và kinh doanh.

Phá-Quân đồng cung Phúc-đức, chủ phần mộ vị Cao-Tổ đất bị sút lở.

Văn-Xương Văn-Khúc

Hội nhiều cát tinh, chủ được hạnh phúc, sung sướng trong cảnh quý hiển cho tới mãn phần. Họ hàng có nhiều người thành đạt khoa bảng, danh giá một thời. Hãm địa và gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp tất phải "tâm, thân cầu bất đắc an". Trong họ hàng, tuy khá giả, nhưng những người có danh vọng bị mang ác tật, ác bệnh hoặc yểu tử.

Tả-Phụ

Độc thủ Phúc cung, về hậu vận mới được cát vượng, yên hưởng tuổi già.

Cùng nhiều cát tinh, được phúc thọ song toàn. Trong đời gặp toàn may mắn. Ly hương đắc lộc.

Nếu hội Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp tất phải cần cù, cay đắng mưu sinh độ nhật.

Hữu-Bật

Bình sinh thụ hưởng phúc lộc toàn mỹ. Hội nhiều cát tinh suốt đời không hề gặp sự âu lo.

Hội Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp một đời lao tâm, khổ xác vẫn chẳng được yên.

Lộc-Tồn

Một đời hưởng thụ phúc trạch trọng hậu, trường thọ an nhàn, xử thế được mọi người hòa thuận.

Gia hội nhiều cát tinh, tất thị "hỷ phúc trùng lai" đã có sự vui mừng lại được hưởng thêm phúc lộc.

Gặp Dương Đà Hỏa Linh Không Kiếp, cả tinh thần lẫn thể xác chẳng được yên.

Thiên-Khôi Thiên-Việt

Chủ được quý nhân, mến chuộng, coi như bạn thiết, nhất sinh vui hưởng phúc lộc mỹ mãn.

Gia ác sát tinh "phúc trung hữu họa", càng cao danh giá càng nhiều tai ương.

Kình-Dương

Độc thủ tại miếu địa, chủ "động trung hữu phúc" phải lao tâm mới có được sự hưởng thụ phúc lộc vinh thân.

Độc thủ tại hãm địa, lao tâm khổ xác, thường tặp tai họa, trong đời chẳng bao giờ được toại tâm.

Gia hội cát tinh, giảm được âu lo

Đà-La

Độc thủ tại miếu địa, tuy được hưởng phúc lộc, nhưng trong sự "may" cũng đôi khi có sự "rủi". Được an nhàn về hậu vận. Họ hàng trước ly, sau tụ về cát vượng thêm.

Đà-La độc thủ, tất phải cần cù, tân toan mới túc dụng. Gia hội cát tinh "tiên bần, hậu phú"

Hãm địa chủ bôn ba xuôi ngược nếm đủ vị đời cay đắng mà vẫn chẳng yên thân.

Hỏa-Tinh Linh-Tinh

Nhất sinh bôn ba, gian khổ. Được đấy rồi lại mất đấy, cái "rủi" luôn luôn đi kèm với cái "may".

Gia hội cát tinh, phải đến tuổi già mới gặp sự xứng ý, toại lòng và an hưởng tuổi trời.

Trong họ có nhiều người hiển đạt, phú quý một thời nhưng lại vắn số.

Địa-Không Địa-Kiếp

Sao Không, sao Kiếp đóng Phúc-đức cung, tất thị phúc bạc phận mỏng rồi.

Gia hội cát tinh, công việc buổi đầu gặp đầy gian nan trắc trở, nhưng phải kiên trì vững chí, tất được trôi chẩy như ý, họ hàng mỗi người một phương nhưng khá giả.

Nếu gặp sát tinh, khó tránh được tai ương, phải sớm ly tổ, đi thật xa, may được yên ổn làm ăn túc dụng.

Hóa-Quyền Hóa-Lộc Hóa-Khoa

Là những vị phúc tinh có khả năng hóa giải được những ảnh hưởng tai hại do các Hung sát tinh tác động cho cung Phúc-đức.

Nếu không có ác sát tính, ba sao nầy tăng phúc, tăng lộc, tăng thọ một đời sung sướng uy quyền và quý hiển.

Hóa-Kỵ

Chủ giảm thọ, gây tạo sự hờn oán, và tranh chấp lẫn nhau, chiết giảm sự đẹp đẽ, may mắn của các cát tinh.

Nhưng nếu Hóa-kỵ gặp Thanh-Long tại cung Phúc, là chủ sự hiển đạt "rồng mây gặp hội" hoặc gặp Hóa-Khoa là cách "Kỵ ngộ Khoa tinh" công thành danh toại, hoặc là được mọi người trên dưới mến chuộng "đắc quân, dân sủng ái"

Đại-Hao Tiểu-Hao

Chủ sự giảm chiết, giảm cả phúc lẫn thọ. Nếu tha hương lập nghiệp, họ hàng đa số nghèo túng, phải tha phương cầu thực.

Tang-Môn Bạch-Hổ

Chủ giảm chiết, thọ mệnh. Họ hàng mỗi người một nơi những người vượng tài, vượng lộc tất phải yểu tử.

Nhưng sao Bạch-Hổ ngộ Tấu thư, là trong họ có nhiều người được phong tặng hiển hách.

Thiên-Khóc Thiên-Hư

Chủ chiết giảm, thọ mệnh, chiêu thị phi oán hờn.

Người trong họ hàng hay gây chuyện thị phi và oán trách lẫn nhau.

Thiên-Mã

Chủ tăng thọ, tăng phúc lộc. Càng ở xa quê hương, sự làm ăn càng gặp nhiều cơ may, và đạt thành sự nghiệp phong phú.

Trong họ có nhiều người hiển đạt, nhưng không thể ở gần hoặc quần tụ với nhau.

Nếu Thiên-Mã ngộ Hóa-Lộc, hoặc Lộc-Tồn ở cung Phúc đức là họ hàng được phát phú, người nào cũng làm ăn phát đạt.

Thái-Tuế

Nhủ chiết giảm, giáng tai ách. Ngộ Thái-Tuế khó tránh được thị phi, trong họ luôn có sự lục đục, vì đố kỵ và tranh chấp lẫn nhau.

Long-Trì Phượng-Các

Là hai phù trợ tinh chủ đem lại sự may mắn, phúc lộc, trong họ có nhiều người khá giả.

Cô-Thần Quả-Tú

Chủ sự cô quả

Cung Phúc-đức, gặp hai sao này trong họ hiếm người. Nếu hội nhiều cát tinh, tất được hưởng phúc, tránh được nhiều tai nạn vì có quý nhân phù trợ.

Nhưng nếu gặp nhiều ác sát tinh, tất bị giảm thọ khó tránh được tai họa. Trong họ hàng càng ngày càng sa sút lụn bại thêm.

Đào-Hoa Hồng-Loan

Chủ tăng sự tươi sáng. Nếu gia hội nhiều cát tinh suốt đời gặp nhiều vận hội may và tạo thành, được hưởng phúc thọ song toàn. Trong họ có nhiều người giầu có người sang trọng. Nhưng phía nữ giới có nhiều vượng cơ hơn phía nam nhân.

Nếu hội nhiều ác sát tinh, tất thị phúc bạc, mệnh yểu, hay mắc phải tai ương và không được giải cứu giúp đỡ, họ hàng ly tán sa sút, việc mưu sinh lận đận. Nữ nhân hay gặp trắc trở về hôn nhân.

Âm-Quang Thiên-Quý

Cung Phúc-đức có hai sao này chủ được quý nhân phò trợ, hoặc giải cứu khỏi vòng tai kiếp, mưu sự gặp nhiều may mắn, họ hàng cũng gặp nhiều sự cát vượng làm ăn khá giả.

Thiên-Quan, Quý-Nhân Thiên-Phúc, Quý-Nhân

Chủ sự ban ân, tứ phúc

Cung Phúc-đức có hai sao này đóng, chủ được hưởng phúc trời ban, dù có gặp tai bay vạ gió nhưng cũng được quý nhân hóa giải cho.

Trong họ hàng có nhiều bậc phúc-hậu, từ thiện, mở rộng lòng nhân hậu với mọi người.

PHÚ ĐOÁN PHÚC-ĐỨC CUNG

Phá Tý Ngọ, trưởng phiêu lưu
Thủy Kim hợp cách, Sửu Mùi Khúc Xương
Dần Thân Không Kiếp cơ hàn
Cự Cơ Mão Dậu phúc càng thêm hay.
Thìn Tuất Tham Vũ cũng hay
Chớ ai Tỵ Hợi phúc bầy Không vong
Thái-sát tròn thẳng mà dài
Tham-Lang Phượng-các là loài chim muông
Liêm-Trinh ngộ Hỏa tiêm đầu
Thiên-Lương có chẩm gối đầu thảnh thơi
Hai quan Tướng Phá cùng ngồi
Tướng trong là giáp binh ngoài là chiêng
Tổ sớm Tử Phủ một miền
Những sinh có nước tả truyền hữu lai
Phòng văn đồ duệ án tiền.
Tân nghiên tân bút Chấn Canh cổ kỳ
Cò Hóa-lộc bảng Hóa-khoa
Ngựa đi Thiên-mã, voi quỳ Kình-Dương
Văn-Khôi Vũ Việt thịnh đường
Tả Long hữu Hổ thuận tường phân kim
Kiếp Không Tuần Triệt gia liên
Có ông mất mả ở miền quan sơn
Tang-môn Cô-quả Đào Hồng
Họ hàng có kẻ góa chồng cô đơn
Khốc Hư Cơ Cự muôn vàn
Đường đi lẩn quất Vũ nhàn Triệt không
Đà tiền ngộ Mã Tương xung
Trai bị hình ngục gái phòng nghiệt thương
Rể cây khôn tránh khỏi đường
Phá liêm Mão Dậu Điếu Tang một tòa
Lộc nhàn Mã ngộ Kiếp không
Long phi Hổ tấu một dòng phiêu lưu
Lộ bàng Triệt Ngộ Phá- quân
Đà la diệu táng mộ phần đảo thi
Mã Đà gái lấy chồng xa
Thiên-cơ Hư Nhuận bệnh ra điên cuồng

Thái-dương tam địa mộ phần
Thái-âm tam tại âm nhân rỏ ràng
Ngộ hãm tứ tại tổ đường
Thiên-đồng tam địa thời phong bốn đời
Vũ-khúc Thiên-tướng năm đời
Cơ Tham thứ sáu bảy đời Cự Lương
Tả phủ thượng tổ ngôi dương
Hoa-Cái mộ mới cũng ngôi Hỷ-thần.

CHƯƠNG 7

NỮ MỆNH TÍNH LÝ CHƯ TINH

Tử vi

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung là người hậu trọng, thanh tú.

- Hội cát tinh, làm vượng phu ích tử.

- Nếu Tử-vi thủ mện tại Dần, Ngọ, Thân cung và hội cát tinh, cũng tăng phần quý hiển cho chồng con.

- Nếu thủ mệnh tại Tý, Dậu hoặc Tỵ, Hợi cung, hội với tứ sát thành cách " Mỹ Ngọc Hà Điểm" (ngọc lành có vết) càng ngày cáng sa sút.

- Cùng Thiên- phủ đồng thủ mệnh, hoặc Tử -vi tạo thủ cung Phu, đều chủ sự được phong tặng.

- Cùng Thiên-phủ tại Ty, Hợi cung và được Tả, Hữu phù trì thành cát, tất được Phú, Qúy song toàn.

- Cùng Tham-Lang đồng thủ Thân, Mện phải đọa lạc phong trần.

- Nhưng nếu gặp được Tả, Hữu lại có cơ thể hóa giải đựơc.

- Ngộ tứ Sát xung phá, tuy có được Y lộc(tiền bạc) rồi rào, nhưng là người dâm dật.

TỬ-VI NỮ MỆNH CA.

Tử-Vi nữ mệnh Thân cung.

Thiên-Phủ tôn tinh đồng đáo cung

Cánh đắc cát tinh đồng chủ chiếu

Kim quan phong tặng, phúc mãn sung.

- Sao Tử-vi, Thiên-PHủ đồng thủ tại cung Thân nếu được cát tinh chính chiếu, tất được mão vàng phong tặng, phúc trạch rồi rào.

HỰU VIẾT

Tử vi nữ Mệnh thủ phu cung

Tam phương cát củng cánh vinh phong

Nhược phùng Sát Phá lai xung phá

Y lộc doanh dư, dâm, sảo dung

- Đàn bà có sao Tử-vi đóng tại cung Phu, có cát tinh tam phương củng chiếu, cũng được vinh hiển. Nếu có bị Sát Phá xung chiếu, cũng là người có dung nhan sắc sảo, tiền của dư dả, tuy nhiên là người dâm dật.

Thiên- Cơ

- Tọa thủ Thân mệnh cung tại miếu địa là người cương tinh rất cơ sảo, có quyền bính trong tay và làm vượng phu ích tử.

- Hãm địa, gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh, Ky xung phá, nếu không khắc chồng con, tất cũng là người tàn tật hạ tiện.

- Cùng sao Thái âm thủ mệnh tại cung Dần hoặc cung Thân, là người có dung mạo mĩ lệ, có tiền bạc sung túc, nhưng không tránh được nết dâm dật.

- Cùng Cự-môn thủ mệnh tại cung Mão hoắc Dậu, tuy có được phú quý nhưng vì dâm dật nên phúc bất toàn mỹ.

- Cùng Thiên-lương thủ mệnhtại cung Thìn hoặc cung Tuất, tuy là người khôn khéo nhưng cũng có tật dâm bôn. Bằng chẳng vậy, tức hình phu, khắc tử.

- Sao thiên-cơ và Thái-âm, hoặc sao Cự môn hay Thiên-lương đồng cung, ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh xung hợp, chủ: dâm ô, hà tiện, làm hầu thiếp hoặc làm xướng tỳ(tôi đòi múa hát). Bằng không tất thương phu khắc tử.

THIÊN CƠ NỮ MỆNH CA

Thiên-cơ nữ mệnh cát tinh phù

Tác sự thao trì quá trượng phu

Quyền lộc cung trung phùng thủ chiếu

Vinh ưng cáo mệnh quý như hà.

- Nữ mệnh có soa Thiên- cơ thủ Mệnh và cats tinh phụ chiếu là người hành động tài giỏi, vững chắc hơn cả bạn mày râu. Nếu lại được Quyền, Lộc đồng cung hoặc chính chiếu tất được phong tặng, vinh hiển và quý giá biết bao?

HỰU VIẾT

Thiên-cơ tinh dữ Thái-âm đồng

Nữ mệnh phùng chi thất sảo dung

Y lộc phong nhiêu, chung bất mỹ

Vi xương, vi thiếp chủ dâm phong.

- Đàn bà gặp cách Cơ Nguyết thủ Thân mệnh cung, tât thị có nhan sắc kiều mỹ, mầnm, tuy được phong gấm ru là nưng không được bền. Hoặc làm hậu thiếp, tỳ xướng cho thỏa mãn dâm tình.

Thái –dương

- Tọa thủ Thân, mệnh cung tại miếu vượng chủ: vượng phu, ích tử. Nếu hội với Hóa-quyền, Hóa-lộc tất được phong tặng phẩm tước.

- Gai Sát tinh, chủ bình thường.

- Sao Thái dương thủ mệnh từ cung Dần đế ncung Ngọ họi với cát tinh chủ : sự Phú Quý.

- Hãm địa, thì bình thường.

- Táhi –downg thủ mệnh tại Tuất , Hợi, Tý cung, nếu cung Phu không có nhiều quý tinh đắc vị, tất chỉ làm vợ lẽ, vợ hai.

- Hãm địa, lại hội Dương Đà, Hỏa, Linh, Không, Kiếp, Kỵ tuy lâm cảnh nghèo hèn hoặc tàn tật, nhưng vẫn là bậc tiết phụ khả trọng.

THÁI DƯƠNG NỮ MỆNH CA

Thái dương chính chiếu phụ nân thân

Tư mạo, thù thường, tính cách trinh

Cánh đắc cát tinh đồng chủ chiếu

Kim quan phong tặng tác phu nhân.

- Đàn bà được soa Thái-dương đắc vị chủ chiế vào cung Mệnh hạơc cung Thân là người có nhan sắc hồng hào, tính tình trinh liệt.

- Nếu lại được cát tinh củng chiếu , tất thành bậc mệnh phụ được phong tặng mũ vàng, áo gấm.

HỰU VIẾT

Thái-dương nữ mệnh hữu kỳ năng

Hãm đại tu phòng yêu sát lăng

Tác sự trầm lãnh đa tiến thoái

Tân cần độ nhật miễn gia khuynh.

- Nữ nhân có sao Thái-dương thủ mệnh là người có tài năng kỳ lạ.

- Hãm địa, phải đề phòng nạn sông nước chết người.

- Người có sao Thái-dương thủ mệnh, bản chất trầm lặng biết tiến thóai đúng lúc. Nhứt là người có nghị lực chịu đựng cay đắng trong cuộc sống cần cù thường ngày để gia đình được ấm no.

HỰU VIẾT

Thái-dương phản chiéu chủ tâm vong

Y lộc bình thường thọ bất trường

Khắc quá lương nhân hoàn khắc tử

Chỉ nghi âm hạ tác thiên phòng.

- Đàn bà gặp sao Thái-dương lạc hãm thủ Mệnh là người lao tâmm, nghèo hèn và mệnh yểu, trước chét chồng sau lại chôn con.

- Gặp cách “Thái dương phản bõi”, nên biết an phận, nương bóng người trong cảnh thứ thất, cho cuộc đời bớt cam go.

Vũ khúc

- Tọa thủ Thân, Mệnh tại miếu vượng cung là bậc hiền phụ đáng quý.

- Tuy chồng có vợ hai, nhưng vẫn vui sống, hòa hợp với người vợ hai trong tình chị em.

- Sao Vũ-khúc còn có tên là "Đệ nhị Quả-Tú" hợp cho Nam mạnh, bất hợp Nữ mạng.

- Vũ thủ Mệnh, mà các sao tại cung Phu đều có tính chất nhu nhược, tất thị vợ đoạt quyền chồng và miễn bị hình phu khắc tử.

- Nếu các sao tại cung Phu đều "cương mãnh" thành cách " Lưỡng Cương tương địch" tức chủ sự hình khắc sinh ly.

- Hãm địa, ngộ Xương Khúc và gia Sát tinh là người tâm bất chính, nghèo hèn và cô đơn.

VŨ-KHÚC NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Vũ-khúc mệnh trung phùng
Thiên-phủ gia chi, chi khí hùng
Tả Hữu, Lộc lai, Tướng phùng tụ
Song toàn Phú Quý, mỹ vô cùng

- Nữ mệnh có Vũ-khúc, Thiên phủ đồng cư là người có chí khí hào hiệp, có đảm lược.

- Nếu cùng Tả Hữu, Lộc, Tướng giao hội tất được hưởng thụ Phú Quý song toàn.

HỰU VIẾT

Tướng tinh nhất tú, tói cương cường
Nữ mệnh phùng chi, tính dị thường
Y lộc thao thao, chung hữu phá
Bất nhiên thọ yểu chủ hung vong

- Đàn bà có sao Vũ-khúc độc thủ cung Mệnh là người tính tình cứng rắn khác moi người. Tuy làm ra lắm bạc nhiều tiền nhưng chung cuộc tay trắng vẫn hoàn trắng tay.

- Nếu không tất bị tai kiếp và sớm kết liễu đời bạc mệnh.

Thiên-đồng

- Thủ Thân, Mệnh tại miếu vượng cung, gia hội cát tinh được hưởng phúc lộc vinh xương.

- Nếu không ngộ Sát tinh là người thông mimh, linh lợi, nhưng rất hiền thục, làm vượng phu, ích tử, một bước lên bà, hưởng thụ phú lẫn quý.

- Người tuổi Tý, Mệnh lập tại Dần

- Người tuổi Tân, Mệnh tọa cung Mão.

- Người tuổi Đinh, Mệnh an tại Tuất.

đều đắc thượng cách phú quý song toàn.

- Thiên-Đồng thủ Mệnh tại cung Tỵ hoặc Hợi, dĩ nhiên dung nhan xinh đẹp, đời sống sung túc nhưng đa dâm.

- Nếu Ngộ Sát tinh xung phá, tất thị hình phu khắc tử.

- Cùng hội Thái-dương tại Thân hoặc Mệnh cung, tuy đượcj Y lộc phong túc , nhưng phải đứng hàng thứ thiếp, cũng chẳng hay gì.

- Cung Thiên-lương đồng thủ Thân hoặc Mệnh cung cũng chỉ làm lẽ mà thôi.

THIÊN ĐỒNG NỮ MỆNH CA

Thiên Đồng thủ Mệnh phu nhân thân
Tính cách thông minh linh lợi nhân
Xương Khúc cánh lai tương hội xứ
Du du tài lộc tự thiên thần.

- Nữ mệnh được Thiên-đồng tọa thủ, là người thông minh linh lợi bặt thiệp.

- Nếu hội với Văn-xương, Văn-khúc tất được tài lộc dồn dập tới như trời ban.

HỰU VIẾT

Thiên-đồng nhược dữ Thái-âm đồng
Nữ mệnh phùng chi dâm sảo dung
Y lộc tuy phong chung bất mỹ

Thiên phòng, trì thiếp dữ nhân thông.

- Sao Thiên-đồng cùng sao Thái-âm thủ Mệnh là người đàn bà có dung nhan sắc sảo, kiều mỹ, làm say đắm lòng người.

- Đương thời tuy có được tiền bạc phong phú nhưng không được bền.

- Nếu làm vợ lẽ là hợp số mạng, giúp chồng được mọi việc tiện lợi và bản thân đỡ long đong.

Liêm- Trinh

- Thủ Thân hoặc Mệnh tại miếu cung, hội với Hóa-lộc là người có tính chất cương nghị, cơ sảo.

- Có dong nhan thanh nhã, tú lệ, làm vượng ích cho chồng con.

- Nếu tam phương hội với cát tinh, không ngộ các sao Sát, Phá tất được phong tặng.

- Sao Liêm-trinh thủ mệnh tại cung Mùi hoặc cung Thân người tuổi Giáp được "thượng cách".

- Nếu mệnh viên an tại cung Dần, Người tuổi Giáp và tuổi Kỷ cũng đắc "thượng cách".

- Với những tuổi Giáp, Kỷ, Canh, Quý mà mệnh vien an tại cung Thân, Dậu, Hợi, Tý…, hoặc tuổi Bính, Tân, Ất, Mậu mệnh viên an tại Dần, Mão, Tỵ, Ngọ cung, đều là những người thanh quý, trọng tiết tháo.

- Nhưng với những tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi lại phản ccsh thành kẻ bần tiện.

- Nếu cùng Tham-lang hoặc Phá-quân hội với Văn-khúc Đà-la và Hỏa-tinh, tất chủ hình phu khắc tử, hoặc chỉ làm kẻ ca xướng nô tỳ.

LIÊM-TRINH NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Thân, Mệnh trị Liêm-trinh

Nội chính thanh liêm, cách cục tân

Chư cát củng chiếu, vô sát phá

Định giao phong tặng tại thanh xuân.

- Sao Liêm-tỉnh tọa thủ Thân hoặc Mệnh cung chủ: tài nội trợ dảm dang, liêm chính, hay cải thiện đổi mới đêt công việc thích hợp.

- Néu được cát tinh tam phương củng chiế, mà không gặp sát tinh tất được phong tặng mão vàng, áo vóc hiển quý ngay từ khi tuổi còn thanh xuân

HỰU VIẾT

Liêm-trinh, Tham Phá Khúc tương phùng

Đa Hỏa giao tia cực tiện dung

Định chủ hình phu hãn khắc tử

Chỉ hiếu thông phòng, xướng tỳ dung.

- Nữ mạng gặp các Sát, Phá, Liêm, Tham gia hội với Vũ-khúc, Đà-la, Hỏa-tinh là cách "tối bất hảo" chủ sự: nghèo hèn và kắhc chồng khắc con.

- Số "bạc mệnh" này chỉ hợp cho đám nô tỳ, hầu phòng dong thân độ nhật.

Thiên-Phủ

- Tọa thủ cung Thân, Mệnh là người có vóc dáng đẹp đẽ, tính chất thanh tao chính trực, có cơ mưu khôn khéo để làm lợi cho chồng, ích cho con.

- Thiên-phủ thủ Mệnh tại miếu vượng cung, được nhiều cát tinh củng chiếu, không bị Sát và Kỵ xung phá, tất phải là bậc mệnh phụ quý hi.

- Nếu lại được sao Tử-vi tam hợp củng chiếu nhất định thành "quý phu nhân".

- Gặp Dương, Đà, Hỏa, Linh xung chiếu tất hiếm con và tương bội lục thân.

THIÊN PHỦ NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Thiên-phủ Mệnh Thân cung

Tính cách thông minh, hoa dạng dung

Cánh đức Tử-vi tam hợp chiếu

Kim quan hà bội thụ hoàng phong

- Đàn bà được các sao Thiên-phủ cư Mệnh hoặc Thân cung là người có dung nhan tươi đẹp như hao và tư chất thông minh hiền hậu.

- Nếu lại được sao Tử-vi tam hợp hoặc chiếu tấ sẽ được ân phong mũ áo vàng đeo ngọc giắt.

HỰU VIẾT

Hỏa Linh Kinh Đà lai xung hội

Tính cách dung thường đa hối trệ

Lục thân tương bội, tử nan chiêu

Chỉ hiếu không môn vi ni kế.

- Sao Thiên-phủ tọa thủ Thân. Mệnh cung gặp các sao Hỏa, Linh, Kinh, Đà xung hãm là đại phá cách, tối bất hảo. Nữ nhân gặp phải cách này là người nghèo hèn, gặp nhiều trắc trở họan nạn.

- Chẳng những hiếm con mà còn bị họ hàng xa lánh nữa.

- Duy cửa Thiền mới đủ cơ dung nạp và tế đọ cho căn số bạc mệnh này.

Thái-Âm

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung hội với Thái-dương tại miếu địa, tất được phong tặng vào hàng "phu nhân"quy hiển

- Thái-âm tại hãm địa, lại ngộ ác sát tinh, chỉ đứng hàng ca kỹ, tỳ thiếp hoặc bị hình phu khắc tử.

- Sao Thái-âm cung Thiên cơ tại cung Dần Thân là người dâm dật.

- Tùng sử giữ được tấm thân trinh chính, thời tiền bạc lại thiếu hụt chẳng lúc nào hài lòng, hoặc phải lâm cảnh thứ phòng tì thiếp.

- Nếu cùng Thiên-cơ, Văn xương, Vũ-khúc, đồng thủ cung Dần, chỉ làm xướng, kỹ dong thân.

THÁI-ÂM NỮ MỆNH CA

Nguyệt hội Đồng Dương tại mệnh cung

Tam phương cát củng tất doanh phong

Bất kiến hung sát lại xung hội

Phú quý song toàn bảo đáo chung.

- Sao Thái-âm cùng Thiên-đồng hoặc Thái-dương tạo thủ Mệnh cung, được nhiều cát tinh củng chiếu mà không ngộ ác sát tinh xung hãm, chủ được hưởng thụ phú quý song toàn và bền vững trọn đời.

HỰU VIẾT

Thái-âm hãm tại Mệnh hòa Thân

Bất hủy tam phowng ác sát xâm

Khắc hại phu quân hựu yểu thọ

Cánh ư huyết khi, thiểu tinh thần.

- Sao Thái-âm lạc hãm tại Thân, Mệnh cung lại ngộ ác sao ác sát tam phương xung chiếu, thường mắc chứng "huyết biến vi tà" khiến cho thân, xác bải hỏai, rã rời. Chẳng những sớm hóa chồng, ngay bản thân cũng cũng không thọ nữa.

Tham-Lang

- Sao Tham-lang còn có tên là "đệ nhị Đào Hoa tinh" tạo thủ Thân, Mệnh tại các cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, là vượng cách, chủ sự thình vượng tiến phát.

- Phùng Tả Hữu chủ sự quý hiển.

- Tạo Nhân cung chủ bình thường.

- Tham-lang cư Hợi hoặc Tý cung mà ngộ Kình Đà là người hay có tính ghen ghét với bất kỳ ai, và dù có gặp thêm được Lộc, Mã cũng chẳng tốt đẹp.

- Hãm địa tại Tỵ hoặc Hợi cung, chủ sự hình khắc, thân chẳng được thanh sạch, chỉ ưa thích nghề ca vũ, đúng như câu thường nói là "Tham-lang nhập mệnh tức vi xướng".

- Nếu lại gia hội ác sát tinh, khó tránh khỏi nghiệp "xướng kỹ".

- Vì là sao Đào-Hoa thứ hai, nên người ngộ Thân thủ Mệnh, lẳng lơ hiếu dâm, lòng dạ gian tà, thường mưu phu hại tử.

THAM-LANG NỮ MỆNH CA

Tứ mộ cung trung đa cát lợi

Cánh phung Tả, Hữu phương vi quý

Lộc tài phong phú vượng phu quân

Tính cách cương cường đa chính khí.

- Nữ giới có sao Tham-lang thủ Mệnh tại bốn cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi (Tứ Mộ) và được Tả, Hữu đúng phương vị khác chiếu, là ngowif tính tình cương gnhị, chí khí hào sảng khác người, và có tài ngăng giúp chồng tạo dựng cơ nghiệp.

HỰU VIẾT

Tham-lang hãm địa nữ phi tường

Y phục tuy phong dã, bất lương

Khác hại lương nhân hãn nam nữ

Hựu giao khâm chẩm thủ cô sương

- Sao Tham-lang thủ Mệnh tại hđại là một " đại bất hạnh "cho nữ giới.

- Dù có được ăn sung mắc sướng, nhưng đều do hành sự phi nghĩa, bất lương mà ra cũng chảng hay chẳng đẹp.

- Vi số mạng cô khắc (nữ mạng tương khắc) nên lấy chồng chồng chết, rốt cuộc " cuộc đời trồng cỏ nấm mồ thanh xuân".

Cự - Môn

- Thủ Thân Mệnh tại miếu vượng cung người tuổi Quý, tuổi Tân rất mực phúc hậu.

- Gia hội Tả Hữu được trường thọ.

- Hãm địa hình phu khắc tử, người tuổi Đinh gặp cách này, cực kỳ dâm đãng

- Cùng Thiên-cơ đồng thủ Thân Mệnh tại cung Mão hoặc Dậu tuy được phú quý, nhưng lại là người dâm dật.

- Hội Dương, Đà, tại Thân, Mệnh tất thị dĩ nghiệp ác xướng độ nhật.

CỰ-MÔN NỮ MỆNH CA

Cự-môn vượng địa đa sinh cát

Tả, Hữu gia lam thọ cánh trường

Nữ nhân đắc thử thành vi quý

Liêm quyển trân châu tọa tú phòng.

- Đàn bà gặ sao Cự-môn thủ Mẹn tại miéu vượng cung (Tý, Ngọ) là được thượng cách, mọi vẻ đều hay

- Nếu được sao Tả-phụ, Hữu-baatj đắc vị củng chíeu tất là người được quý hiển trong cảnh trướng rủ, màn che, vàng treo, ngọc giắt vững vàng cho tới lúc về già hãy mãn kiếp.

HỰU VIẾT

Cự-môn mệnh hãm chủ dâm xương

Tri nữ, thiên phòng thủy miễn ương

Tướng mạo thanh kỳ đa cận sủng

Bất nhiên thọ yểu, chủ hung vong.

- Sao Cự-môn thủ Mệnh tại hãm địa, là người ưa thích chuyên dâm bôn, múa hát.

- Dù có đựơc nhan sắc kiều mỹ, khiến người say đắm nhưng cũng phải lấy chồng muộn hoặc làm thứ thiếp mới tránh khỏi tai kiếp được.

- Bằng chẳng vậy tất phải nhiều tân khổ trong cuộc đời và chết sớm.

Thiên-Tướng

- Tạo thủ THân, Mệnh cung là người thông minh, đoan trang tâm trí chẳng khác bậc trượng phu.

- Được cát tinh ba phương củng chiếu, tất thị được phong tặng hiển quý.

- Thiên-tướng thủ mệnh tại miến vương cung, hội với cát tinh mà không gặp Kỵ và sát tinh, một bước thành bậc “mệnh phu” tiền bạc phong túc.

- Người tuổi Quý mệnh an tại cung Tý, người tuổi Giáp Kỷ mệnh lập tại cung Dần, người tuỏi Giáp, Cnah, Quý mệnh lập tai cung Thân, đều đắc Quý Cách, phú quý song toàn.

- Ngộ Dương, Đà, Hỏa, Linh xung phá tất thị cô khắc hoặc làm tỳ thiếp.

THIÊN-TƯỚNG NỮ MỆNH CA

Nữ nhân chi mệnh Thiên-tướng tinh

Tính cách thông minh, cách sự ninh

Y lộc phong doanh, tài bạch túc

Vượng phu, quý tử hiển môn đình.

- Đàn bà được sao Thiên-tướng thủ cung Mệnh Thân là người thông minh, được hưởng cuộc đời nhà cao cửa rộng, tiền của sức tích, chẳng những làm lợi cho chồng, còn sinh ba bước quý tử làm vẻ vang cho gia đình, dòng họ.

HỰU- VIẾT

Phá-quân, Tuất-sát lai lương hội

Dương, Đà, Hỏa, Linh tối sở kỵ

Cô hình khắc hại lục thân vô

Chỉ khá thiên phòng dữ trì tỳ

- Sao Thiên-tướng thủ mệnh, hội với Phá-quaâ hoặc Thất-sát, tối kỵ Dương, Đà, Hỏa, Linh xung hãm.

- Nếu chẳng may gặp ác sát tinh, tất bị cô khắc, nghèo hèn đơn độc chẳng có bà con thân thích, chỉ có thể làm thứ thất hoặc hầu thiếp mới khỏi tai kiếp.

Thiên-lương

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung tuy là phận gái mà chi khí chẳng khác bạn râu mày.

- Nhạp miếu được cả phú lẫn quý, vượng phu, ích tử.

- Hãm địa ngộ Hỏa, Linh thành người dâm dật nghèo hèn khắc hại chồng con.

- Sao Thiên-lương thủ Mệnh gặp Xương Khúc phủ trì tất được phong tặng hiển quý.

- Néu Thiên-lương thru Mệnh tại cung Tỵ, Hợi lại là người dâm dật, hạ tiện.

THIÊN-LƯƠNG NỮ MỆNH CA

Thiên-lương ngộ vị mệnh thân cung

Phúc hậu, đoan trang mỹ lệ dung

Tả, Hữu, Quý, Quang lai củng chiếu

Phú quý, vinh hoa, đắc thu phong

- Sao Thiên-lương, thủ Thân Mệnh tại cung Ngọ là đắc cách "Ngọ thượng Thiên lương vị". Đàn bà được cách này là người có dung nhan xinh đẹp, dáng điệu đài các, tính tình phúc hậu, đoan chính và có độ lượng.

- Nếu lại được các sao Tả, Hữu và Quang, Quý củng chiếu tất thị được ân phong phẩm tước, hiển quý tột bực, và nhất là được hưởng cảnh phư quý, vinh hoa cho tới bạc đầu mãn kiếp.

HỰU VIẾT

Thìn, Tuất, Cơ Lương phhi tiểu bổ

Phá Quân Mão, Dậu bất vi lương

Nữ nhân đắc thủ vi cô độc

Khắc tử hình phu thủ lãnh phòng.

- Nếu sao Phá-quân thủ mệnh tịa cung Mão, cung Dậu còn chẳng là điều tốt lành thì sao Thiên-lương Thiên-cơ tạo thủ tại cung Thìn, cung Tuất cũng không hẳn là sự hay

- Đàn bà gặp cách như vậy, tất hình phu, khắc tử, một mình thui thủi nơi phòng không lạnh lẽo vậy.

Thất-Sát

- Thủ Thân, Mệnh tại miếu cung, hội giao Hóa-quyền, Hóa-lộc là người có chí khí hơn cả bậc trượng phu, có tai năng và quyền uy áp hcúng, làm lợi chông, vượng con.

- Ngoài cách trên đây, số nữ nhân tối kỵ phùng Thất, sát, dù tại tam phương từ chính, hoặc ở cung Phu, gặp Thất, sátt cũng bất lợi.

- Hãm địa hoặc bị Không Kiếp xung phá tất có sự hình khắc, và là người không thanh khiết, phải làm vợ thứ.

- Thất-sát độc thủ cung Thân, yểu tử.

- Đơn thủ Phúc-đức cung, có thể quyết định, chủ sự nghèo hèn, tỳ xướng chi bối, không phải nghi ngại.

THÁT SÁT NỮ MỆNH CA

Nữ mệnh sầu phùng Thất-sát tinh

Bình sinh tác sự quả thông minh

Chí cao, khí đại vô nam nữ

Bất miễn hình phu, lịch khỏ tân.

- Nữ mệnh Thất-sát độc thủ là chuềyn đáng buồn. Tuy thông minh tài cao và chí khí hơn cả trai gái đồng thời, nhưng vẫn không thể tránh được nỗi truân chuyên, cay đắng vì không con và sớm hóa chồng.

HỰU VIẾT

Thất-sát cô tinh Tham tú phùng

Hỏa, Đà tấu hợp phi vi quý

Nữ nhân đắc thử tính bất lương

Chr hiếu thiên phòn vi sử tỳ,

- Sao Thất-sát vốn chủ cô đơn, hội với Tham-lang và gặp Hỏa-Linh, Đà-la tấu hợp, là cách chẳng ra gì.

- Đàn bà gặp cách này là người có tâm địa bất lương chỉ làm vợ thứ, hoặc làm tỳ nữ.

Phá-Quân

- Tọa thủ Thân, Mệnh tại cung Tý hoặc Ngọ, chủ phúc, thọ, vinh, xương tài năng xuất chúng, vượng phu ích tử.

- Hãm địa có Không Klếp xung phá, là kẻ dâm đãng vô sỉ, khắc chồng.

PHÁ-QUÂN NỮ MỆNH CA

Phá-quân Tý Ngọ vi nhập miếu

Nữ mệnh phùng chi, phúc thọ xương

Tính cách hữu năng thiên xuất chúng

Vượng phu, ích tử tính danh hương

- Sao Phá –quân nhập miếu tịa cung Tý hoặc Ngọ, Nữ mệnh gặp đựơc là người có tài năgn đảm lược hơn người làm lợi ích cho chồng con, được hưởng cả phúc, lộc thọ và được danh thơm lưu truyền.

HỰU VIẾT

Phá-quân nữ mệnh bất nghi phùng

Kình-dương gia hãm tiện vi hung

Khắc hại lương nhân phi nhất thứ

Tu giao bi khốc độ triệu hôn.

- Đàn bà tối kỵ sao Phá-quân hãm địa thủ thủ Thân hoặc Mệnh cung, chủ nghèo hèn nhiều tai nạn.

- Nếu gặp Kình-dương hãm địa, tất phải đôi ba phen chôn chồng. Đau đớn nhất là : chiếu chăn chưa ấm hươi, đã phải quấn khăn sô tiễn chàng về cõi ngàn thu.

Văn-Xương

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung là người mỹ lệ, thanh kỳ.

- Cùng Tử, Phủ tam hợp củng chiếu, tất được phú quý và được phong tặng.

- Nếu hội với cát tinh miếu địa, chủ tài lộc phong vượng có tiếng tăm.

- Hãm địa lại ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp xung phá, chủ làm ca kỹ tỳ thiếp.

- Đàn bà có Văn-xương thru mệnh là người thông minh, tuy được phú quý song toàn, nhưng không thoát được tật dâm dật

- Tam hợp hoặc đối cung có Van-khúc chiếu, họi với Thiên-cơ, Thái-âm cũng vẫn là người dâm dật.

- Văn-xương thủ mệnh, gia họi Kình, Hỏa, Linh, Kỵ nếu không xướng ca dĩ nghiệp tất phải chết non.

VĂN XƯƠNG NỮ MỆNH CA

Nữ nhân thân mệnh ttrị Văn-xương

Túl ện than kỳ phúc cánh trường

Tử,Phủ đối cung tam hợp chíêu

Quản giao phú quý trước bà thường.

- Nữ nhân có soa Văn-xương thủ Thân Mệnh cung, là n; xinh đẹp thanh nhã được hưởng phúc lâu dài.

- Nếu tam hợp có Tử-vi, Thiên-phủ hợp chiếu, tất là người xuất hân chốn phú quý, gấm vóc rực rỡ.

HỰU VIẾT

Văn-xương nữ mệnh ngô Liêm Quân

Hãm địa Kình-dương, Hỏa, Kỵ tinh

Nhược bất vi xơng chung thọ yểu

Thiên phòng do đắc chủ nhân khinh.

- Đàn bà có sao Vưn-xương thủ Mệnh, ngộ Liêm-trinh Phá-quân, hãm địa và Kình, Hỏa, Kỵ xung chiếu, nếu chẳng vướng nghiệp xướng kỹ, cũng yểu tử hoặc đi lấy lẽ mà còn bị chồng rẻ khinh.

Văn- Khúc

- Thủ Thân Mệnh tịa Tỵ, Dậu, Sửu là miếu địa, tại Hợi Mão, Mùi, vượng địa, gia họi Thiên-lương, Thiên-tướng là người thanh tú thông minh và hiển quý.

- Văn khúc thủ Mệnh nữ Mạng, chủ sự thông minh, phú quý nhưng lại đa dâm.

- Cùng Cự-môn đồng cung, tất bèo nước bình bồng vướng nghiệp.

- Văn-khúc tại hãm địa, phùng Hỏa, Linh, Không, Kiếp xung hoặc cùng Tham-lang hay Phá-quân đoòng cung, chỉ bần tiện dâm dật, phải làm vợ lẽ.

VĂN-KHÚC NỮ MỆNH CA

Nữ nhân Mệnh lý phùng Văn-khúc

Tướng mạo thanh kỳ đa hữu phúc

Thông minh, linh lợi, bất tầm thường

Hữu sát thiên phòng dã dâm dục

- Đàn bà có sao Văn-khúc đóng vào cung Mệnh là người có hình tướng thanh nhã, xinh đẹp, tâm tính linh lợi, thông minh chẳng phải là người tầm thường và được nhiều phúc lộc.

- Nếu ngộ ác sát tinh xung phá, ngược lại thành người dâm dật, thô tiện chỉ làm lẽ mọn.

HỰU VIẾT

Văn-khúc thủ viên phùng Hỏa kỴ

Bất hỷ tam phương ác sát tụ

Thử nhân tuy xảo, khẩu năng ngôn

Duy tại không môn năng ngộ quý.

- Sao Văn-khúc tọa thủ Mệnh-viên lại gặp Hỏa-tinh, Hỏa-kỵ, nếu tam phương ác sát tinh xung chiếu, là một đại bất hạnh cho cuộc đời.

- Người gặp cách này, tuy cũng khôn khéo nhưng rất bép xép.

- Tốt hơn là: nên xuất gia nương của Thiền, khả dĩ đắc đạo quả.

Tả-Phụ

- Sao Tả-phụ tạo thủ Thân, Mệnh là người ôn lương, hiền thục.

- Gia hội cát inh tất thị phúc, thọ toàn vinh xương.

- Cùng Tử, Phủ hội hợp chủ được phong tặng và làm vượng chồng lợi con.

- Gặp Thất-sát hoặc Phá-quân: đường thọ mệnh không dài.

- Ngộ Hỏa, Đà, Kỵ xung phá tuy là thữ xuất, nhưng rất đựơc cưng, chiều chuộng.

TẢ-PHỤ NỮ MỆNH CA CA VIẾT

Nữ phùng Tả-phụ chủ hiền hào
Năng cán, năng vi hựu khí cao
Cánh dữ Tử-vi, Thiên-phủ hợp
Kim quan phong tặng qua thao thao.

- Nữ nhân gặp sao Tả-phụ thủ Mệnh cung chủ tính hạnh hiền thục hào hiệp.

- Là người có tài năng, tiết tháo và có chí khí, quyế tâm thành tàon cho được những dự tính mới nghe.

- Nếu cung Tử-vi, Thiên-phủ, tương hội, tất thị được phong tặng mão vàng áo gấm nhiều phen.

HỰU VIẾT

Hỏa, Đà tương họi bất vi lương
Thất –sát, Phá – quân thọ bất vi lương
Chỉ khả thiên phòng, phương đương túc
Thông mimh đắc sửng quá thời quang.

- Sao Tả-phụ thủ Mệnh, ngộ Hỏa-tinh, Đà-la xung phá là cả một sự bất tường.

- Nếu ngộ Thất-sát, Phá-quân yểu tử.

- Vì là người thông minh, linh lợi nên có vì số mệnh phải làm lẽ mọn, cũng được đức lang quân sủng ái.

Hữu-Bật

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung cũng là người hiền lương nhưng có chí khí cao cả.

- Gai hội cát tinh làm vượng phu, ích tử, và được hưởng phúc lộc viên toàn.

- Dù có gặp Kinh, Đà, Không, Kiếp xung phá cũng chẳng đến nổi thành kẻ hà tiện.

HỮU BẬT NỮ MỆNH CA CA VIẾT

Thân Mệnh cung trung Hữu-bật đương
Vi nhân hữu chí, cánh hiền lương
Nhược phùng Tử Tương lai lâm hội
Vượng phu, ích tử, phúc, thọ xương.

- Cung Thân, Mệnh có soa Hữu-bật tọa thủ là người hiền thục ôn nhu, nhưng lại có chí khí thanh cao.

- Gặp Tử-vi, Thiên-tướng củng chiếu, tất là bậc hiện phụ, từ mẫu, được hưởng cả phúc lẫn thọ cho tới trăm tuổi về già.

HỰU VIẾT

Hữu- bật tôn linh nhập Mệnh cung
Nhược hoàn sát tấu chủ thường dung
Dương, Đà, Không, KIếp tam phương tấu
Tu tri đái tật, miễn tai hung.

- Hữu-bật là một quý tinh tọa thủ mệnh-viên rất tốt nhưng gặp ác sát tinh tấu hợp thì rất tầm thường.

- Nếu ngộ Dương, Đà, Không. Kiếp tam phương xung chiếu nếu mang tất sẽ miễn được tai kiếp.

Thiên –Khôi * Thiên-Việt

- Hai sao Khôi, Việt tọa thủ, hoặc đối chiếu Thân, Mệnh cung, hội nhiều cát tinh chẳng những được phúc, lộc vinh xương còn chính là bậc "Tể phụ chi thê" hoặc "Mệnh phụ chi luân" vậy

- Nếu có Hung, Sát xung phá cũng vẫn là bậc xuất thân từ chốn phú quý, không thể nghèo hèn.

- Đãn hiềm, không thể tránh được sự tư tình dâm bôn.

KHÔI VIỆT NỮ MỆNH CA CA VIẾT

Khôi, Việt Mệnh Thân trị ngộ Xương

Thường nhân đắc thử, túc tiền lương

Quan viên ngộ thử, cao, thiên trạc

Tất định đương niên diện đế vương.

- Cung Mệnh hoặc Thân, có Khôi Việt tọa thủ hoặc đoói chiếu tại Thân, Mệnh là được sự may mắn, cát vượng cho cuộc đời.

- Người thường gặp Khoi Việt cũng được tiền tài, thực phẩm đầy đru trong đời.

- Đối với những người có chức phận, vẫn tuần tự thăng tiến không có vấp váp.

- Hạn ngộ Khôi Việt, phải quyết định là nội năm ấy được (chầu Hoàng đế) diện kiến bậc đại quý nhân.

Thiên-Mã

- Tọa thủ Thân Mệnh chủ dâm bôn
- Hội Quyền Lộc chiêu lâm : được phong tặng
- Cách "Lưỡng Trùng Thiên Lộc" tức là Thiên-mã gặp Hóa-lộc, Lộc-tồn đồng thủ Mệnh cung. Nữ mạng gặp cách này tức thị "Lã hậu chuyên quyền" chi cách.
- Thiên-mã thủ Mệnh, tam hợp ngộ Thiên-lương, chủ hạ tiện và dâm dật.
- Cùng Phá-quân hoặc Tham-lang đồng thủ Mệnh tại Dần, Thân, Tỵ, Hợi là người rất mực lẳng lơ và khắc chồng.

THIÊN –MÃ NỮ MỆNH CA VIẾT

Thiên-mã Mệnh Thân tối vi lương

Tử, Phủ, Lộc-tồn ngộ phi thường

Quan hoạn phùng chi ưng hiển đạt

Sĩ nhân ngộ thử, phó khoa trường.

- Sao Thiên-mã thủ Mệnh, THân tại vượng địa là điều cát tường.

- Nếu ngộ Tử-vi, Thiên-phủ và Lộc – tồn, tất thị gặp được điều may, vượng khác thường.

- Đường công danh hiển đạt như diều gặp gió.

- Về khoa cử, dĩ nhiên "cá vượt vũ môn".

Lộc-tồn

- Tọa thủ Thân, Mệnh là người tú lệ, trinh liệt, có tại quán xuyến đảm đương dại sự chẳng kém bậc tu mi nam tử.

- Ngộ Tử, Phủ đồng lâm, vạn sự đều an vượng như ý, toại lòng.

- Nếu gặp lại Liêm-tỉnh hoặc Thiên-đồng tấu hợp tất thị bậc quyền quý phu nhân.

- Phùng Thiên-phủ, Thiên-tường tam hợp củng chiếu, dủ chẳng đại phú, cũng phải là bậc quý hiển.

- Như Mệnh có Lộc-tồn an tại Dần, Thân được Thiên-phủ Thiên-tướn đóng tại Quan-lộc và Tái-bạch là dắc thượng cách " Phủ Tướng triều viên" phú quý viên toàn.

- Nhưng ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp thì bị phá cách, chủ vợ chồng ly cách vậy.

LỘC-TỒN NỮ MỆNH CA VIẾT

Nữ mệnh nhược ngộ Lộc-tồn tinh

Tử Phủ gia lâm, bách sự ninh

Cánh ngộ Đồng, Liêm tương tấu hợp

Tất nhiên chú định thị phu nhân.

- Nữ mạng gặp Lộc-tồn thủ mệnh và được Tử-vi, Thiên-phủ xung chiếu là cách rất cát vượng, bất cứ công việc gì cũng đợc nhanh chóng.

- Nếu lại ặp Thiên-đồng và Liêm-trinh đắc vị tấu hợp tất là bậc phu nhân giầu có, sang trọng.

HỰU VIẾT

Lộc-tòn nhập mệnh hãm cung lai

Khong, Klếp, Linh, Hỏa tất vi tai

Nhược vô cát diệu ali tương tấu

Phu phụ phân ly, vĩnh bất giai

- Sao Lộc-tồn thủ Mệnh tại hãm đại, bi Không, Kiếp, Linh, Hỏa xung chiếu, là cả một đại họa cho đời người.

- Nếu không được cát diệu phù trị hóa giải, không thể tránh khỏi gia đình suy sụp, chòng vợ phải sinh ly.

Kình-Dương

- Tọa thủ Thân, Mệnh tại miếu vowngj cung, tuy chủ sự quyền quý, nhưng vẫn không khỏi có sự hình khắc.

- Kình-dương cùng Nhật, Nguyệt đồng cung là gái phải khắc chồng.

- Nếu lại lạc hãm địa và gặp Hỏa, Linh, Kỵ là người dâm dật, hà tiện và hình khắc.

KÌNH-DƯƠNG NỮ MỆNH

CA VIẾT

Bắc đẩu phù tinh nữ mênh phùng

Hỏa, Cơ, Cự, Kỵ tất thường dung

Tam phương Hụng, Sát kiêm lai tấu

Bất yểu chung tu lãng cổn thọ

- Sao Kình –dương có tên là Bắc Đẩu phù-tinh, là một sao tối kỵ cho nữ giới, hay gặp trắc trở tai nạn.

- Kinh thủ mênh hội ác sát như Hỏa, Kỵ và Cự Cơ, là người tầm thường và nghèo hèn.

- Nếu tam phương gặp Khong, Kiếp xung phá, ví chẳng yểu tử, thì cũng đợi chờ để: “ dòng nước bạc như là mồ hồng nhan”.

HỰU VIẾT

Kình-dương thủ mệnh tế thôi trường

Tứ Mộ sinh nhân miễn họa ương

Nhược ngộ Tử-vi, Xương, Phủ hội

Tài quan hiển đạt phúc đa trường.

- Sao Kình-dương thủ Mệnh, dù có may, cũng chỉ đại khái thôi.

- Với những tuổi tThìn, Tuất, Sửu, Mùi mà mệnh-viên an tại tứ Mộ, không bị ảnh hưởng tác hại của sao Kình –dương.

- Nếu hội với Tử-vi, Thiên-phủ và Xương Khúc, được hiển đạt về công danh, tài lộc và hưởng phúc lâu bền.

Đà – La

- Tọa thủ Thân, Mệnh là người tuy ngoài mặt bình thường nhưng tâm địa lang độc. Bởi vậy chồng nhiều mà con lại rất hiếm "lăng phu khắc tử".

- Dù có nhiều cát tinh củng chiếu, vẫn có tính dâm đãng.

- Cùng sao Cự-môn thru mệnh, nhất định phải vương nghiệp xướng tỳ.

ĐA – LA NỮ MỆNH

CA VIẾT

Đà-la nhất diệu nữ nhân phùng

Ngộ cát gia lâm dâm đãng dung

Hung sát tam phương xung chiếu phá

Tu phòng tương biệt chủ nhân ông.

- Sao Đà-la độc thủ Mệnh cung, dù có cát tinh lâm chiếu vẫn là người lăng lơ dâm đãng.

- Nếu ngộ Không, Kiếp, Hỏa, Linh tam phương chiếu phá, phải đề phòng chuyện " đấng lang quân xa chơi địa phủ".

HỰU VIẾT

Giáp Thân, Giáp Mệnh hữu Đà, Dương

Hỏa, Linh, Không, Kiếp hựu lai thương

Thiên-lộc bất phùng sinh vượng địa

Hình phu, khắc tử, bất vi lương.

- Cung Thân hoặc cung Mệnh giáp Kình-dương, Đà-la mà lại ngộ Hỏa, Linh, Không, Kiếp là cả một nỗi đau thương cho cuộc đời.

- Nếu khong gặp được Hóa-lộc tại miéu hoặc vượng địa củng chiếu để hóa giải cho tất thị là ngời cô quả, hết khóc chồng rồi lại khóc cho con.

Hỏa – Tinh

- Sao Hỏa-tinh toa thủ Thân Mệnh tại miếu vượng cung là người trinh nữ, khiết phụ, mặc dầu mạng số hình phu, khăc tử.

- Nếu may gặp được Tham-lang đồng cung, mọi hoài vọng trong đời đều được toại mãn.

- Hãm địa, lòng dạ độc địa, lang chạ, nhiều chồng mà hiếm con, chẳng giữ đạo làm vợ, hay gây chuyện thị phi hạ tiện.

HỎA – TINH NỮ MệNH

CA VIẾT

Nam đẩu phù tinh Nữ kỵ phùng

Chủ tam lang độc, tiện dâm dung

Khắc tữ, lăng phu đa chiêu oán

Cát đa xung chiếu, bất miễn hung.

- Sao Hỏa – tinh, còn có tên là “ Nam đẩu phù tinh”. Nữ giới chẳng nên gặp.

- Đàn bà ngộ Hỏa, cư Mệnh tại Hãm địa là người ác độc tâm địa lang chạ, hay chuốc lấy chuyện thị phi gây oán thù.

- Dù có đựơc cát tinh tam phương củng chiếu, cũng vẫn là người dâm ô hà tiện, nhiều chồng mà hiếm con.

HỰU VIẾT

Hỏa-tinh nhất tú tối qua trương

Vô sự quan tai náo nhất trường

Khắc hai lục thân ưng bất miễn

Phá tài gian khổ miễn tê hoàng.

- Sao Hỏa-tinh là soa chủ sự ngang trái bất nhân nhất trong các sao, bỗng nhiên mắc quan sự, tai kiếp xôn xao mọt vùn.

- Nữ nhân gặp phải tất cô độc, mất chồng mất con và bà con cũng chẳng còn ai, và dĩ nhiên cơ nghiệp tan nát, chịu bao nhiêu gian khổ trong đời.

Linh Tinh

- Tọa thủ Thân Mệnh là người bản tính cương cường chống đỗi mọi người thân, làm lụy chồng, hại con.

- Nộ Tham-lang đồng cung, người tuổi Thìn, Tuất, Sửu, Mùi một bước lên bậc giàu có, sang trọng, tiền bạc phong túc.

- Hãm địa không được cát tinh hóa giải, chẳng những tự vùi thân vào chón bùn ô dâm, nghèo khốn, mà còn chết non nữa.

LINH – TINH NỮ MỆNH

CA VIẾT

Nam đẩu phù tinh nhập mệnh lai

Tham-lang tường hội đắc hòa giai

Tam phương vô sát chư ân mỹ

Tọa thủ hương khuê đắc toại hoài.

- Sao Linh-tinh thủ mệnh hội Tham-lang đồng là cách “Tham Linh tinh thủ “ đẹp vô cùng.

- Nếu tam phương không ngộ ác sát, lại được cát tinh chiếu lâm, là ra vào chốn lầu son, gác tía và mọi ước vọng đều thỏa mãn.

HỰU VIẾT

Linh-tinh ác diệu tối nan đương

Nữ mệnh đơn phùng tất chủ thương

Nhược ngộ tam phương vô sát tẩu

Tu phong mục hạ nhập tuyền hương.

- Linh – tinh là sao hung hãn, ảnh hưởng tác hại rất lớn. Đàn bà ngộ Linh tất có sự đau khổ.

- Nếu lại có át sát tinh ba phương tấu chiếu, phải đề phòng ngay " cuộc về chơi suối vàng " cho bản thân.

Địa – Kiếp

- Sao Địa – kiếp thuộc Dương Hỏa và thường gọi là " Kiếp sát chi thần" chủ sự hung dữ.

- Địa – kiếp thủ Mệnh, dụ là nữ Mạng, hành sự vẫn sơ suất cuồng bạo và chỉ có nghĩ tới tính chất ác hại.

- Ưa thích làm những chuyện tà khuất, bất cần chính đạo đàn bà gặp Địa – kiếp thủ mệnh chỉ là lẽ, hoặc tỳ xướng.

ĐỊA – KIẾP NỮ MỆNH

CA VIẾT

Địa – kiếp tòng lai sinh phát tật

Mệnh tủng tương ngộ đa thu tức

Nhược ngộ Dương Hỏa tại kỳ trung

Tân khổ tri gia phòng nội thất.

- Sao Địa – kiếp là vị " Thần Kiếp Sá " chuyên gây tai kiếp, nên Mệnh có Địa – kiếp nhất sinh nhiều oan trái trong đời.

- Nếu ngộ Kinh-dương, Hỏa tinh, dù có cay đắng gian khổ mấy cũng không thể duy trì gia đình được vẹn toàn.

Thiên – Không

- Sao Thiên- Không còn có tên là : "Không vong chi thần" chuyên tác hư không chi sự, bất hành chính đạo.

- Người có Thiên-Không thủ Mệnh tiền bạc chỉ có tàn mà không có tạ, thành bại đa đaon, néu ly tổ làm ăn thì đỡ.

- Đàn bà gặp Thiên- không tại Thân Mệnh, mà không gặp nhiều cát tinh hóa giải, chỉ làm thứ thiếp hoặc tỳ, kỹ.

THIÊN – KHÔNG NỮ MỆNH

CA VIẾT

Mệnh tọa Thiên – không định xuất gia
Văn – xương, Thiên- tướng thực kham khoa
Nhược phùng tứ ss đồng Thân, Mệnh
Thu âm, thừa ân phúc khả giai.

- Mện có soa Thiên- không tọa thủ, có thể quyết định đó là số mạng danh cho người có duyên phận với cửa thiền.

- Cùng Văn – xương, Thiên – tướng chủ về tính khoa trương phóng đại.

- Nếu gặp tứ Sát tinh đồng lâm Thân, Mệnh cung, lại là người được thừa hưởng phúc lộc của tiền thân lưu truyền.

HỰU VIẾT

Cực cư Mão, Dậu, Kiép, Khong lâm
Vi Tăng, vi đạo phúc hưng long
Lạc hưởng sơn lâm hữu súy hiệu
Phúc, Thọ song toàn đáo cổ linh

- Như Mệnh có Tử, Tham tịa Mõa cung hoặc Dậu và có sao Không Kíep miếu địa lâm chiếu, số phải đi tu, có thể làm Hòa – Thượng hoặc đắc quả.

- Nếu có lưu lạc chốn lâm tuyền, cũng đwocsj đứng hàng thủ lãnh, và đowjc hưởng thụ tới già.

Hóa – lộc

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung có cát tinh tấu hợp là bậc mệnh phụ, có tâm địa đoan chính và phong độ uy nghiêm.

- Cung Mệnh có Hóa – lộc , và Lộc – tồn đồng cung hạơc xung hợp, đều chủ bậc mệnh phụ quý hiển, sinh hạ quý tử và dĩ nhiên được hwongr cảnh phú quý song toàn.

- Nếu Hóa lộc thủ mệnh, lại hội với ác sát tinh, chỉ bình thường.

HÓA LỘC NỮ MỆNH

CA VIẾT

Hóa – lộc tinh vi Phúc đức thần

Chủ trị Quan cung dữ Mệnh, Thân

Nhược ngộ kHoa, Quyền giai lâm hội

Vinh xương, Phúc, Thọ, tác phu nhân.

- Sao Hóa – lộc, có danh vị là Phúc Đức Thần, tọa thủ Mệnh, Thân, Quan cung, là người giàu sang tột bực.

- Được Khoa, Quyền, lâm họi, tât thị bậc mệnh phụ phu nhân, được hưởng cả Phúc lẫn Thọ viên mãn.

HỰU VIẾT

Hạn trung nhược ngô Lộc lai lâm

Tức vị cao thiên tả thánh minh

Thường thứ tương phùng đương đại quý

Tự nhiên xúc tích quảng kim ngân.

- Nhị hạn gặp sao Hóa – lộc được vượng phát như cánh diều gặp gió, được cần kề bậc “ anh minh đại quý “ sủng ái rất mực.

- Thường nhân gặp Hóa – lộc, cũng được ặp bậc quý nhân và thâu hoạch nhiều vàng bạc.

Hóa – Quyền

- Tọa thủ Thân, Mệnh cung là người tính chất cương nghị, đỗi xử trong cũng như ngoài đều xứng ý toại lòng.

- Đàn bà gặp Quyền tại cung Mệnh, tât nhiên lấn đoạt phu quyền, nhưng hành sử rât chính đinh, quang minh.

HỎA – QUYỀN NỮ MỆNH CA VIẾT

Hóa – quyền cát diệu hỷ tương phùng

Cánh cát gia lâm, y lộc phong

Phú quý song toàn, nhân tính ngạnh

Đoạt phu quyền bính phúc hưng long.

- Sao Hóa – quyền là một sao phúc lộc, gặp Quyền tại Mệnh là việc đáng mừng.

- Nếu họi với nhiều cát tinh, thì tài lộc lại càng tăng vượng thêm nhiều.

- Đàn bà có Quyền thủ mệnh, tính tình cứng rắn, hay lướt quyền chồng, nhưng hành sự rất chính đính, khiên gia đình giầu sang thịnh vượng.

HỰU VIẾT

Quyền tinh thử ngộ Vũ, Tham-lang

Tác sự, cầu mưu, tạn đắc thành

Sĩ tử danh cao thiêm phúc lộc

Thứ nhân đắc thử tích kim ngân.

- Nhị hạn gặp được Hóa – quyền hội với Vũ – khúc hoặc Tham – lang, dù mưu cầu hoặc hành sử việc gì cũgn thành toàn hết thảy.

- Ngộ Hóa- quyền, người có chức phận được gia quan tiến tước, thường nhân cũng thâu hoạch được nhiều vàng bạc.

Hóa – Khoa

- Tạo thủ Thân, Mênh cung là người thông minh, nhân hậu và xinh đẹp, trang nhã.

- Ngộ Quyền Lộc và cát tinh củng chiếu, một bước thành bậc mệnh phụ quýe hiển và được sự phong tặng ân điển.

- Dù có bị tư Sát xung phá, vãn còn được trong hàng giàu có sang trọng.

HÓA – KHOA NỮ MỆNH

CA VIẾT

Hóa – khoa nữ mệnh thi lương tinh

Tứ đức kiêm toàn, tính cách thanh

Cánh ngộ cát tinh Quyền Lộc tấu

Phu vinh, tử quý tác phu nhân

- Hóa – khoa là đệ nhất lương tinh, tọa thủ nữ - mệnh là thượng thặng cách.

- Người được khoa thủ mệnh, vóc dáng trang nhã, đài các tính tình thanh cao, có đủ công, dung, ngôn, hạnh vẹn toàn.

- Nếu gặp được Quyền, Lộc củng chiếu, tức thị bậc mệnh phụ, vương phi giúp chồng, vinh hiển, dạy con hiển đạt hơn người.

HỰU VIẾT

Khoa – tinh nhị hạn ngộ Văn – xương

Sỹ tử phùng chi, danh, tính hương

Tăng đạo, thứ nhân đa phú quý

Bách mưu, bách toại sự anh dương

- Nhị hạn gặp Hòa – khoa hội Văn- xương, trăm lần mưu sự trăm lần như ý và đều là hiển hách cả.

- Hạn gặp như vậy, học trò tất thi đậu được nỏi danh dù thường nhân hay bậc tăng đạo cũng đều được giàu có sang trọng.

Hóa - Kỵ

- Sao Hóa – kỵ là Kế đo tinh, tọa thủ Thân, Mệnh cung lại ngộ sát tinh xung phá, tất phải gian khổ đôn nhật.

- Nếu hội với Hóa – khóa thời " rồng mây gặp vận" công thành danh toại và được nhiều người quý trọng. " kỴ ngộ Khoa tinh, Khổng Tử đắc quân dân sủng ái".

HÓA – KỴ NỮ MỆNH

CA VIẾT

Nữ nhân Hóa – kỵ bản phi kỳ

Cảnh ngộ Hung tính thị họa cơ

Y thực gian tân, bần tiện thậm

Cát tinh tấu hợp giảm tai nguy.

- Đàn bà có sao Hóa – kỵ đóng cung Mệnh thât chẳng có sự hay đựp gì.

- Nếu lại gặp hung tinh hợp tâu, chính là nguyên nhân mọi tai họa trong đời, chẳng những phải ngèo hèn mà còn phải cay dắng gian khổ độ nhật nữa.

HỰU VIẾT

Kỵ tinh nhập miếu phản vi giai

Tồng hữu quan tai, diệc bất thương

Nhất tiến, nhất thoái danh bất toại

Cánh kiêm ngộ cát, bảo an khang.

- Nhưng nêu sao Hóa – kỵ cư miếu địa và trúng cách như hội với Thanh-long. Hóa – quyền lại phản thành tốt đẹp, dù có gặp sự kiện tụng, cũng quakhỏi không thiệt hại.

- Nhưng bản chất của Hóa – kỵ khi thành khi bại bất định nên kết cuộc chẳng được toại lòng, xứng ý. Phải có thêm cát tinh hỗ trợ, mới giữ được yên ổn.

HỰU VIẾT

Kỵ -tinh lạc hãm tạ nhân cung

Ác sát gia lâm tác họa hung

Tài tán phân ly đa tật khổ

Thương quan, thoái chức hiếu trùng phùng.

- Nếu Hóa – kỵ lạc hãm nhân cung, lại gặp thêm ác sát tinh, chủ tai họa hung dữ, hết tai nạn này đến kiếp khác.

- Chức phận bị tai tiếng, bị bãi giáng, cơ nghiệp tan nát, gia đinh phân ly và còn bị ốm đau bệnh hoạn, hoặc có đại tang nữa.

CA QUYẾT

CHƯ TINH ĐẮC- ĐỊA TẠI MƯỜI HAI CUNG

MỆNH AN TẠI TÝ CUNG

Tý cung, Tham-lang, Sát, Âm tinh

Cơ, Lương, tương hội phúc lộc sinh

Canh, Tân, Ất Quý sinh nhân, mỹ

Nhất sinh phú quý, túc phong vinh

Những người có tuổi Canh, Tân, Ất, Quý mệnh – niên an ại cung Tý, cócác soa Tham-lang, Thất-sát, Thái-âm tọa thủ, tương hội với sao Thiên cơ, Thiên-lương là thượng cách.

Một đời phú quý vinh hoa đầy đủ.

MỆNH AN TẠI SỬU CUNG

Sửu cung lập Mệnh Nhật, Nguyệt triều

Bính Tuất sinh nhân, phúc lộc nhiêu

Chính tọa bình thường, trung cuộc luận

Đối chiếu phú quý họa giai tiêu.

Người tuổi Bính Tuất, Mệnh lập tại cung Sửu gặp sao Thái-dương ở Tỵ cung, sao Thái – âm ại cung Dậu, được cách Nhật, Nguyệt triều viên, được hưởng phúc lộc rồi rào. Nếu Mệnh và Nhật Nguyệt tọa cung Sửu, Mệnh lập tại cung Mùi là đối chiếu cách, cũng được phú quý và không bị tai họa nào cả.

MỆNH AN TẠI DẦN CUNG

Dần cung cư Nhật túc phong long

Thất – sát, Thiên – lương bách sự thông

Thân, Tỵ Canh nhân giai vi cát

Nam tử vi quan, nữ thụ phong

Sao Thái-dương, Cự-môn tọa thủ Mệnh-viên tại cung Dần, chủ sự hưng vượng. Néu Thất –sát, Thiên-lương tao jthủ chủ sự hanh thông.

Người tuổi Thân, Tỵ, Canh gặp cáh trên là thượng cách, Nam đắc quan vị, Nữ ân phong.

MỆNH AN TẠI MÃO CUNG

Mão cung Cơ Cự Văn-khúc phùng

Tân, Ất sinh nhân, phúc khí long

Nam-tử vi đương mi lẫm lộc

Nữ nhân hưởng phúc thụ bao phong

Cung Mão có sao Thiên-cơ, Cự-môn tọa thủ hội cùng Văn-khúc là thượng cách. Người tuổi Tân Ất, mệnh lập tại cung Mão hợp cách. Nam hưởng phú cách, vàng bạc đầy kho. Nữ đắc phúc được ân hưởng gấm vóc.

MỆNH AN TẠI THÌN CUNG

Thìn vị Cơ Lương tọa Mệnh cung

Thiên-phủ Tuất đại tói doanh phong

Phiêu kim, y tử chân vinh hiển,

Phú hoa quý diệu trực đáo chung.

Sao Thiên-cơ, Thiên-lương tọa cung Thìn, Thiên-phủ tọa cung tuất , đều là tối thượng cách. Những con số cung Mệnh an tại Thìn, tại Tuất gặp cách như vậy, đều được phú quý vinh hoa, cưỡi ngựa bạch, mắc bào tía vinh hiển rất mực.

MỆNH AN TẠI TỴ CUNG

Ty vị Thiên-cơ Thiên-tường lâm

Phủ Vũ Đồng Âm chiếu phúc thâm

Mâu, Tân, Nhâm, Bính, giai vi quý

Nhất sinh thuận toại thiểu tai xâm

Người tuổi Mậu Tân Nhâm Bính mệnh lập tại Tỵ, có Thiên – cơ tọa thủ Đồng Âm củng chiếu, hoặc Thiên-tường tọa thủ được Thiên-phủ, Vũ-khúc chiếu là hợp cách. Công việc được thuận dòng toại ý, ít bị tai ương.

MỆNH AN TẠI NGỌ CUNG

Ngọ cung Tử, Phủ, Thái-dương đồng
Cơ, Lương, Phá, Sát hỉ tương phùng
Giáp, Nhâm, Kỷ, Quý sinh nhân phúc
Nhát thế phong quang lẫm lộc phong.

Cung Ngọ có sôa Tử-vi hoặc Thiên-phủ hoặc Thái-dương tọa thủ, hội cùng Cơ Lương hoặc phùng Sát Phá, là cách rất tốt hợp với tuổi Giáp, Đinh, Kỷ, Quý và Mệnh lập tại cung Ngọ, tất được cuộc đời quý hiển, phong quang lợi lộc đầy kho.

MỆNH AN TẠI MÙI CUNG

Mùi cung, Tử, Vũ, Liêm-trinh đồng
Nhật Nguyệt Cự-môn hỷ tương phùng
Nữ nhân trị thử toàn phúc thọ
Nam tử phùng chỉ, vị tam công.

Cung Mệnh lập tại Mùi, được sao Tử-vi hoặc Vũ – khúc hoặc Liêm-tỉnh tọa thủ, hoặc gặp cách Nhật Nguyệt, hay sao Cự - môn chính vị, đều là hỷ cách tương phùng.

Người có cung Mệnh tại Mùi, Nữ nhân được phúc thọ song toàn, Nam nhân được tứơc vị bậc Tam-công.

MỆNH TẠI THÂN CUNG

Thân cung Tử Đế Liêm-trinh đồng
Vũ-khúc, Cự - môn hỷ tương phùng
Giáp, Canh, Quý nhân như đắc hỷ
Nhất sinh phú quý, tạo anh hùng

Sao Tử-vi hoặc Liêm-trinh tọa thủ tại Thân cung tương phùng Vũ- khúc hoặc Cự-môn là cách tối hỷ. Nhưng tuổi Giáp Canh Quý có Mệnh-viên an tại cung Thân anh hùng cái thế, một đời phú quý hiển hách.

MỆNH AN TẠI DẬU CUNG

Dậu cung tối hỷ Thái-âm phùng

Cự, Nhật hựu phùng dương diện xung

Tân, Ty sinh nhân vi quý cách

Nhất sinh phúc lộc vĩnh hanh thông.

Cung Dậu có sao Thái-âm tọa thủ, cung đối diện tức cung Mão do sao Thái-dương và Cự-môn đồng tọa, người tuổi Tân tuổi Tỵ gặp được là quý cách, mọi việc đều đươc hanh thông và đợc hưởng phúc lộc song toàn.

MỆNH AN TẠI TUẤT CUNG

Tuất cung Tử-vi đối xung Thìn

Phú nhi bất quý hữu hư danh

Canh gia cát diệu đa quyền lộc

Chỉ lợi khai trương mậu dịch nhân

Sao Tử-vi tọa thủ cung Thìn hoặc cung Tuất, chỉ có tiền không có công danh. Nếu hội cát tinh và Hóa – quyền Hóa – lộc cũng chỉ lợi cho công việc thương mại.

MỆNH AN TẠI HỢI CUNG

Hợi cung tối hỷ Thái-âm phùng

Nhược nhân trị thử phúc lộc long

Nam nữ phùng chi, giai xứng ý

Phú quý vinh hoa, trực đáo chung.

Sao Thái-âm độc thủ Hợi cung là ách " Nguyệt lãng thiên môn: bất luận Nam Nữ, có cung Mệnh tại Hợi, gặp cách ấy đều sớm được phúquý vinh hoa, mọi sự như ý trong đời.

PHÁ-QUÂN NAM MẠNH CA

Phá-quân nhất diệu tối, nan đương

Hóa-lộc Khoa Quyền hỉ dị thường

Nhược hoàn hãm địa nhưng gia sát

Phá tổ ly tôn xuất viễn hương.

CHƯƠNG 8

1- LUẬN CÁC CÁCH CỦA ĐẦU SỐ

VỊ TRÍ CHÍNH TINH CƯ CUNG MẠNH TÀI QUAN

1- Các chính tinh cư chiếu nhau tỏng 3 cung Mnạh Tại Quan được chia thành cách.

Thí dụ ; Cách Tử Phủ Vũ Tướng cư ở 3 cung Dần Ngọ Tuất là Mạnh Tại Quan có các sao, Tử-vi, Thiên-phủ, Vư=khúc Thiên-tớng gọi là Tử pHủ Vũ Tướng cách.

2- Cách Sát Phá Tham.

1) 3 cung Mạnh Tài Quan có sao Thất-sát, Phá-quân, Tham-lang, gọi là Sát Phá Tham cách.

2) Nếu có sao Liêm-trinh thì gọi là Sát Phá Liêm Tham.

3) Nếu có sao Vũ-khúc thì gọi là Sát Phá Vũ Liêm Tham, nhưng cũng chỉ gọi tắt là Sát Phá Tham thôi, vì các chính tinh cũng thường cư chung 2 sao cùng 1 cung.

CÁCH NHẬT NGUYỆT

3- Hai sao Thái-dương và Thái-âm cư tại các cung Mnạh Tại Quan gọi tắt là Nhật Nguyệt cách.

CÁCH CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG

4- Ba cung Mạnh Tài Quan có các sao Thiên-cơ, Thái-âm, Thiên đồng và Thiên-lương gọi là Cơ Nguyệt Đồng Lương cách.

TÍNH LÝ CÁC CÁCH

2- Mỗi cách có tính lý chủ trì khác nhau, nên các bộ sao tủng tinh và tiểu tinh đi theo phù tá cũng khác nhau.

Thí dụ: Bộ sao Tả Hữu đi với cách Tử Phủ Vũ Tướng hợp hơn và đắc lực hươn đi với cách Nhật Nguyệt.

Một lá số quý cách nhất là lá số làm Vua làm Tổng thống, nhưng bất kể một cách nào trong 4 cách cũng có thể đạt được, hay là những bậc phú, thường là tùy theo, chính tinh của cách ấy cư nơi miếu địa, và các trung tiểu tinh đi theo phò tá đắc lực, nhưng vẫn được chia ra từng cách, để dễ phân định về ác sao phò tá và luôn luôn cách Tử Phủ vẫn là cách biểu thị sẹ dễ thành công lớn hơn các cách kia.

CÁCH TỬ PHỦ

3- Tử Phủ Vũ Tướng cách được đương nhiên coi như cách của những người làm lớn, vì tỏng cách này có sao Tử-vi là dương đế tinh và sao Thiên-phủ là âm đế tinh, 2 sao lớn nhất của môn đẩu só.

Có cách Tử-Phủ miếu vượng, được cát tinh phù trị hợp, thường là người làm nên lớn, hiển đạt, mà tính tình phúc hậu.

Bộ Tửu Phủ rất cần 2 sao Phụ Bật phò tá, vì Tử Phủ, Phụ Bật đều thuộc Thổ cả.

Cần nhất là phải xem Mạnh ngồi với sao nào, Tài Quan ngồi với sao nào nên nguyên tắc của Tử-vi rất là vi diệu, tuy nói là Tử Phủ nhưng Mạnh trọng nhất, thứ đến Quan rồi Tài tuy cùng là cường cung cả.

Mạnh phải ở với Tử-vi hay Thiên-Phủ thì ngũ hành của bản mạnh phải là thổ tùy theo dương thổ ở với Tử-vi, âm thổ ở với Thiên-phủ mới là hoàn toàn hưởng được trọn vẹn Tử Phủ ấy

Mạnh thuọc Kim ngồi với Vũ-khúc hợp, nhưng cách Tủ-Phủ cũng đã kém độ tốt đi rồi.

Mạnh thuộc Thủy ngồi với Thiên tướng là hợp, nhưng kém hẳn người Thổ mạnh nếu không phải cư đồng cung với Thiên-tướng mà là Thủy mạnh thởi chỉ là cách mượn lấy hình bóng của Tử-PHủ, vín hư người chỉ có hư canh hay sự hiển đạt nhất thời, không thể bền vững được, nhất là khi lưu niên vận hạn gặp các cung và các sao thuộc hành Thổ, lại còn gặp tai họa là khác, chính các cách phê số, thoát khí chi đồ, khi gặp trường hợp này của những người có số, nhìn sơ thì đẹp tốt nhưng xét về ngũ hành lại bị khắc chế nữa.

4- Phải định miếu hãm các hợp thành cách Tử-Phủ tuy nói là Tử-Phủ tuy nói là Tử-Phủ Vũ-Tường cách, nhưng khi bộ Tử-Phủ ở ba cung Dần, Ngọ, Tuất, sự tốt thật là tột bực.

Vi Tử-vi ở Ngọ miếu địa

Thiên-phủ ở cung Tuất miếu-địa

Vũ-khúc ở Dần hãm địa

Thiên tướng ở Dần đắc địa.

Người có mạng Thổ ở với Tử-Phủ này hợp cách nhất.

Người có mạnh Kim, Mnạh Thủy dù được Tử-Phủ này, cũng kém đi nhiều hươn người có mạng THổ, lại ngồi với sao Tử-vi Thiên-Phủ, vì Tử-vi Thiên-phủ cư nơi miếu đại, mà Vũ-khúc và Thiên-tướng đâu có sánh được, vì đã ở nơi hãm địa rồi.

Tử-Phủ Vũ-Tướng cách

CƯ TẠI TAM HỢP CỤC THÂN TÝ THÌN

5- Người mạng Thổ ở với Tử-vi Thiên-Phủ tại cung Thân hợp cách.

Người mạng Kim ở với soa Vũ- Khúc tại cung Thìn mới hợp cách.

Người mạng Thủy ngồi ở cung Tý sẽ tốt nhất của toàn thể cách Tử-Phủ, vì cách Tử-Phủ khi cư ở các tam hợp cục khác, thởi Thiên-tướng không miếu địa được như Thiên-tướng cư ở Tý và tam hợp cục Thân Tý Thìn thuộc thủy nên hợp người mạng Thủy, cũng như tam hựop cục Dần Ngọ Tuất rất hợp người mạng Thổ hội với Tử-vi và Thiên-phủ, vì Dần Ngọ Tuất rất hợp người mạng Thổ hội với Tử-vi và Thiên-phủ, vì Dần Ngọ Tuất là tam hợp cục thuọc Hỏa.

Nên người mạng Thủy hội Thiên-tướng ở Tý cung, tốt hơn người mạng Thủy hội Thiên-tướng ở Dần và mạng Thủy hội Thiên-tướng ở cung Thìn.

Tử-Phủ Vũ Tướng cách

CƯ Ở CUNG THÌN TÝ

6- Người có mạng Kim nên hội với Vũ khúc ở cung Tý.

Người có mạn Thủy hội với Tử-vi tại cung Thìn.

Người mạng Thổ cùng với Thiên-phủ tại cung Tý

Mạng Thổ cùng với Thiên--phủ ở Tý kém ở cách trên vì Thiên-phủ thuộc thỏ ở đay là hãm địa.

Nên người Kim mạng hội Vũ-khúc, Lộc-tồn là cách đôi kim tích ngọc, vàng chôn ngọc cất, đối với ngày nay là người có tiền gời ngân hàng.

6- Lụât xét về Tử-Phủ Vũ Tường biểu thị qua 2 hợp cục khác nhau.

1-Dần Ngọ Tuất có cách Tử-Phủ.

2-Thân Tý Thìn có cách Tử-Phủ.

3-Tý Thìn, Tử-Phủ cách.

Nên xét bản mạnh ngũ hành, ngồi cung nào, hõi với soa nào, miếu hãm ra sao, để phân biệt mức độ xấu tốt, tuy nhiên cùng một cách Tử-Phủ cả, nên cùng Tử-Phủ Vũ

Tường cách, mà không làm nên cơm cháo gì, lại còn mang hận suốt đời, ví sao ở Mạnh cung hãm địa, không cùng một hành với bản mạnh, và Mạnh lại cư cung hãm địa khắc chế với ngũ hành của bản Mạnh, mà khoa đẩu sổ liệt là tiết khí vậy.

Sao Liêm-trinh hội với cách Tử-Phủ Vũ Tường.

8- Khi hai cung Dần Thân đồng cùng hai sao Tử-vi Thiên-phủ thì sao Liêm-trinh cư đồng cung với sao Thiên-tường tại Tý hay Ngọ cung.

Nếu Tử-vi Thiên-phủ hội ở Dần cung thì 2 sao Liem Tường tại Ngọ cung.

Nếu Tử-vi Thiên-phủ đồng cư Thân cung

thì 2 sao Liêm Tướng đồng tại Tý cung.

Người Hỏa Mạng có sao Liêm Trinh đồng cung với Thiên Tướng tại Ngọ, tốt hơn người Hỏa mạng hội Liêm Tướng tại Tý cung.

Vì sao Liêm-Trinh thuộc hỏa cư Ngọ cũng thuộc hỏa.

Phân định Sát Phá Tham cách

1- Cách Sát Phá Tham thường ứng hợp về võ nghiệp hơn các cách khác, nhưng cũng phải xét ngũ hành bản mạnh hợp với sao nào, khi cư cung Mạnh, và vị trí miếu, hãm địa để định mức xấu tốt tới độ nào.

HÀNH KIM THUỘC SÁT PHÁ THAM

THÂN TÝ THÌN HỘI CÁCH SÁT PHÁ THAM

2- Người mạng Kim, Thất-sát thuộc kim cư Thân cung là miếu nhất, là đệ nhất cách của Sát Phá Tham.

Tuy cùng là Thất-sát triều đẩu ở hai cung Dần Thân, nhưng người có cách Thất-sát mạng Kim ở Dần kém người mạng kim ở Thân cung.

Người mạng Thủy, Phá-quân thuộc thủy cư Tý cung là đệ nhất cách, tốt hơn người Phá-quân cư Ngọ, nên Phá-quân cư Ngọ cần phải hội thêm sao Văn –khúc nữa, mới được hoàn toàn như người cư Tý.

BA CUNG HỢI MÃO MÙI

HỘI CÁCH SÁT PHÁ THAM.

4- Người mạng Mộc hợp sao Tham-lang tại Mùi cung, bộ Tham Vũ đồng hành ở Mùi Sửu này, được đắc cách đệ nhất Sát Phá Tham, vì cư tại Mùi được tam hợp cục Hợi Mão Mùi thuộc mộc.

1) Nên cách Tham-Vũ này, thì Tham-lang là sao hóa khí thuộc thủy, nếu có Hình, Kỵ, Đà hợp nữa là toàn 1 bộ đã được hóa thành ghiên và đao kiếm thần, hợp được Hỏa hay Linh là thượng cách vì Hỏa Linh hợp Tham-lang (mộc) thành một khối lửa, được tướng tướng chi danh hay là phú-ông cách.

2) Cách Tham-Vũ đồng cung nếu hội ở Thân-viên thời xấu, phải có Mạnh hảo nữa thì còn được phong túc, nếu Mạnh xấu mà Thân lại Tham Vũ Sửu Mùi vô cát tinh thì sẽ cực nhọc lênh đênh cả đời, và là chứng triệu về già hung hãn nữa.

3) Khi là Tham Vũ đồng hành cả ở 4 cung Thìn Tuất Sửu Mùi, rất cần gặp Hình Kỵ Đà để hóa khí thời mới thật là tốt được.

LIÊM THAM ĐỒNG CUNG TỴ HỢI

4- Hai sao Tham-lang và Liêm-trinh đồng cung tại hai cung Tỵ Hợi là cách rất xấu, nam lãng-đãng nữ đa-dâm, lại luôn luôn chiêu lấy công môn, ra vào lao thất không thể tránh được.

Liêm Tham Tỵ Hợi rất cần gặp được Triệt Tuần giải cứu, gặp được Triệt Tuần là phản vi kỳ cách, thời trở lại là người văn học mà tính tình nghiêm cẩn, vì tính lý của Liêm-trinh là nănghanh bạch, đoan chính.

Liêm Tham cư Tỵ Hợi nếu họi với Khoa Quyền Lộc thủ chiếu tam phương là người rất giỏi giang cơ mưu, thống đạt mà quyền biến, nhưng chỉ cần một sao Tuần chấn ngự, mới được hưởng phúc toàn vẹn, nếu được tam Hóa củng chiếu thời không nên gặp Triệt, vì Triệt sẽ làm giảm tính chất hay của tam Hóa kia đi.

5- Cách Sát Phá Tham thường là những anh hùng lập nghiệp tuy gian nan tân khổ, nhưng thành công lẫy lừng, tính tình quả cảm, thường thiên về võ nghiệp, và sự phát đạt tột đỉnh, cho người Kim và Mộc Mạng, mà người Thổ Mạng đối với cách Sát Phá Tham thời lại không thể nào vinh hiển được cũng như người Mạng Thổ thời bộ Tử Phủ Vũ Tướng là cách ruột, để Đế quyền của Tử-vi và Thiên-phủ, tha hồ tác phúc tác oai muôn dân củng phục là chính lỹ của đẩu sổ.

CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG CÁCH

1- Cơ Nguyệt Đồng Lương là cách tác lại-nhân, thường là những ng; nói chung không mạo hiểm, cương cường như Sát Phá Tham, nhưng ôn lương trung hậu, giữ nhân thủ thường, lo bổn phận, đời sống mực thước, ví như các công chức chuyên nghiệp.

Tuy nhiên cũng phải tùy theo vị trí các saomiếu hãm hợp với bản mạnh để luận xét mức độ xấu tốt được.

THIÊN-CƠ THÁI ÂM

THUỘC CÁCH CƠ NGUYỆT ĐÔNG LƯƠNG

3- Người mạng Mộc, Thiên-cơ thuọc mộc cư Dần cũng chỉ được y lộc phong túc, trung bình cách.

Cũng như người mạng Thủy Thái-âm cư Dần cung cũng trung bình cách.

Vì trong 14 chín tinh có 2 sao Liêm-trinh và Tham-lang tại Tỵ Hợi là xấu.

Cũng như 2 sao Thiên-cơ và Thái-âm tại Dần Thân, nhưng tại Dần ít bị khắc chế hơn tại Thân cung, nếu tại Dần mạng Mộc hay mạng Thủy, gặp được Khoa Quyền Lộc là cách phản vi kỳ.

Song nếu không gặp Khoa Quyền Lộc, mạng không đồng hành Mộc hoặc thủy, thí 2 sao Cơ, Âm chính là giây oan ngiệt bị vướng mắc không thể gỡ được, bất kể cung số nào cũng đều xấu cả. Huynh đệ thì ly tán, Phúc đức thì họ hàng băng thân chi tương cũng như Liêm Tham không có Tuần Triệt thì nam đãng nữ dâm, hình ngục nan đào.

Người Mộc mạnh hợp Thiên-lương cư Ngọ hơn người Thiên-lương cư Tý cung.

CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG CÁCH

TẠI NGỌ TUẤT VÀ TÝ THÌN.

4- Người mạng Kim, Thủy, cung Ngọ có Thiên-đồng Thái-âm tốt hơn người mạng Kim, Thủy có 2 sao Đồng Âm tại Tý, vì sự âm hợp tính đẩu.

Vì Kình-dương tại Ngọ được Hỏa khắc thành Thủy như nguồn gốc cho Đồng Âm chảy mãi bất tuyệt, nên Ngọ hợp hơn Tý.

Thái-âm tại Ngọ hãm địa, nên pham Kinh ít khắc chế hơn ở Tý, miếu địa.

Người mạng Mộc hợp Cơ Lương tại Thìn hơn người mạng Mộc Cơ Lương cư Tuất.

Khi 2 sao chính tinh cư cùng 1 cung, thời sự ám hợp hay khắc chế là do độ số tinh đẩu và cung có sao cư thuộc hành nào, để luận đoán sự kết hợp khắc của mạnh hành.

Thí dụ- Người mạng Thổ tịa cung Tuất có Cơ-Lương tốt hơn người mạng Thổ có Cơ-Lương cư Thìn.

Người mạng Thủy ở cung Thìn có Cơ-Lương tốt hơn người mạng Thủy ở Cơ-Lương tại Tuất, vì cung Thìn ám hợp sao Thìn thuộc hành Thủy.

NHẬT NGUYỆT CÁCH

1- Hai sao Thái-dương và Thái-âm hợp lại thành cách Nhật Nguyệt.

Cách Nhật Nguyệt cũng phải tùy theo vị trí miếu hãm của 2 sáo và ngũ hành của bản mạch hợp lại mà luận xét xấu tốt, không nên yêu kẻ sinh ngày, ghét kẻ sinh đêm, mà luận cách Nhật Nguyệt, chỉ nên so sánh khi nào Thái-dương ở ccs cung hãm địa, thời cung dương hợp hơn cung âm. Thí dụ Thái-dương ở Thân tốt hơn ở Dậu, vì lý nhất dương sinh.

Thái-âm Thìn Mão, thời Mão hợp hơn, vì lý nhất âm trưởng.

Người có cách Nhật Nguyệt mà Mạng Hỏa, ưa tranh đấu vì hợp với Thái-dương hỏa.

Người mạng Thủy trầm tĩnh hơn, vì hợp với Thái-âm thủy.

Nói chung cách Nhật Nguyệt ưa tranh đấu, nhất là chính trị nhưng thành bại là tùy vị trí miếu hãm, và các bộ sao phù trì.

CÁCH NHẬT NGUỆT CƯ TÝ NGỌ

2- Người Hỏa Mạng, Nhật cư Ngọ thuộc Hỏa là đệ nhất cách của Nhật Nguyệt, vì ở đây là cách Nhật lệ trung thiên, mặt trời ở giữa trời, tỏ rạng được hết cái sáng của mình.

Người Thủy mạng, Nguyệt thuộc Thủy cư Tý là thủy là đệ nhất cách của Nhật Nguyệt vì Nguyệt cư thương phải là bạn đêm giờ Tý mặt trăng chiếu sáng trên bể cả mênh mông, mặt nước đại hải sẽ trở thành 1 vũ trụ màu bạc.

CÁCH NHẬT NGUYỆT CƯ HỢI MÃO

3- Nhật cư Mão là cách Nhật xuất lôi-môn, lôi-môn là cửa nhà trời, là nơi nhập xuất của các đẳng thần hành sự.

Mão là thời gian khí hậu còn ôn hòa, nên người Hỏa mạng có cách Nhật này là hợp, nhưng không hiển hách bằng Nhật lệ trung thiên.

Nguyệt cư Hợi là cách Nguyệt lãng thiên môn, cửa ngõ của Thái cực, nên thường gọi Hợi là Kiều Tốn thiên môn thiên-tử bái, vì lý Tốn là hướng của văn phong tinh, Hợi là nơi cực thịnh của âm khí, nên người Thủy có Nguyệt này là hợp nhưng không bằng Nguyệt cư Tý.

4- Nhật Mão Nguyệt Hợi mà Mạnh lập tại Mùi cung tât nhiên cung Mùi vô chánh diệu, phải căn cứ vào hành của mạnh để phân luận, mạnh Hỏa hợp với Thái-dương, mạnh Thủy hợp với Thái-âm, nên khi 2 sao chính tinh cùng cư 1 cung hay hợp chiếu về cung vô chính diệu nếu không căn cứ ở ngũ hành để phân định thì tại sao biết được, thí dụ 1 người mặt dài, 1 người mặt tròn, Nhật Nguyệt tịnh minh, danh tá cửu-trùng ư kim-điện, thường là những danh tài phò tá các bậc nguyên thủ quốc gia.

Đối với cách Nhật Nguyệt, tại chính cung không tốt bằng ở tam hợp cục chiếu, hay là ở cung xung chiếu.

Nhật Mão, Nguyệt Hợi, mạnh lập Mùi có hao Thiên-hư tại Mùi là cách, Nhật Nguyệt chiếu hư không chỉ địa, ngụ ý là cung Mùi vô chính diệu là khoảng không, được thêm sao Thiên-hư, thời thật là khoảng không hư thăm thẳm, không có 1 đám mây hay vật gì cản trở, nên thông minh tuyệt đỉnh, học một mà biết mười.

CÁCH NHẬT NGUYỆT

ĐỒNG CUNG TẠI 2 CUNG SỬU VÀ MÙI

5- Không nên luận cách này sinh ngày hay sinh đêm vì nếu nói sinh ngày không hợp với Nguyệt sin hđêm không hợp với Nhật, như thế là bị khắc chế, độ số tốt bị triết giảm, hay cha mẹ bị hình khắc chết trước, thời khoa Tử-vi đẩu sổ, khác một giờ sinh hay bất cứ khác ngày tháng năm, thí soa Tử-vi và tát cả các sao đã chuyển cung rồi, hơn nữa gồm cả Niên Nguyệ Nhật thời sinh, hợp lại mới thành được 1 đáp số tử vi cư ở cung nào.

Nên phải luận ngũ hành của bản mạnh hợp với sao nào, Nhật hay Nguyệt mới có thể hiểu biết tường tận được.

Nhật Nguyệt tịa Sửu Mùi cung là cách Nhật Nguyệt tranh huy, thời gian thuộc giờ Sửu, thì Nhật hãm nhưng cũng sắp tới lúc mà Nhật được sáng trửo lịa, cũng như giờ Mùi thời Nguyệt còn hãm, nhưng sắp sửa thời gian của Nguyệt được sáng ra, Nhật tại Mùi, tuy còn sáng, nhưng sặp tới lúc Nhật bị tối trở lại, nên mới gọi tranh huy, là dành nhau chiếu sáng.

Quy luật của Nhật Nguyệt là chính bất như chiéu, nên Mạnh lập cùn với Nhật Nguyệt vô cát diệu là hung, không thể quý hiển được, nên ở phú có câu.

Những người bất hiển công danh.

Chỉ vì Nhật Nguyệt đồng tranh Sửu Mùi.

CÁCH CHIẾU CỦA NHẬT NGUYỆT

6- Trái lại nếu Mạnh lập Mùi mà Nhật Nguyệt cư Sửu chiếu là cách Nhật Nguyệt chiếu bích (bích là bức tường mà Sửu Mùi thuộc chất thổ thực) nhưng cần có sao Hóa-ky cư Mùi chứ không phải đồng cung, cùng với Nhật Nguyệt là cách tường vân ập Nhật Nguyệt.

Cách chiếu này rất cần gặp được sao Không nhất là Tuần không thời hợp cách nhất, vì Tuần không sẽ bao vây ánh sáng kia lại, để Hóa-kỵ gặp được ánh sáng Nhật Nguyệt

tỏa hào quang, mới được toàn mỹ, như vậy thì Nhật Nguyệt Sửu Mùi này chính là cách quan cư hầu bá, chung thân quý hiển.

LUẬN CHUNG 4 CÁCH

Tuy nhiên Tử-Phủ là cách dễ quý hiển và tôn quý nhất.

Sát Phá Tham thỉ uy dũng thường thiên về võ nghiệp.

Cơ Nguyệt Đồng Lương là cách tác lại-nhân mà trọng hậu.

Nhật Nguyệt thì văn chương lại thường phò tá các bậc quân vương.

Sự kết hợp thành cách, để biểu lý tính chật, và thường hay hiển đạt thế nào cho có căn bản mà thôi, còn bất kể cách nào cũng có thể làm nên công nghiệp phi thường danh lưu muôn thuở, là tùy theo cát tinh phù trì, hung tinh chân ngự, ở các nơi miếu vượng mà luận xét.

Nếu miếu vượng ngộ Triệt Tuần lại không còn uy lực nữa, nếu lạc hãm gặp được Triệt Tuần lại phản vi kỵ, nhưng nên nhớ các chính tinh lạc hãm gặp được Triệt Tuần, tuy nhiên có tốt thực, song cuộc đời vẫn phải lao tâm khổ tứ mới thành sự nghiệp được, không như người được chư cát miếu, là số tọa hưởng kỳ thành nhất sinh nhung lụa, cuộc đời không gặp bước thăng trầm.

Vậy ngay các sao lớn như Tử-vi, bé nhỏ như Hóa-kỵ Thanh-long, phải thoe quy luật tinh đẩu, nên cán cứ vào vì trí đắc thất, và sự kết hợp có đồng vị đồng tính mới cư đồng gia được, thí dụ ở bàn cờ tướng, chủ tốt ta nhỏ nhất,nhưng nếu nhập được cung rồi, thời đương nhiên thành xe bọc sắt để nghiền nát chủ tướng của đối phương vậy.

VÔ CHÍNH DIỆU CÁCH

1- Cung Mạnh khi có 1 hay 2 chính tinh, là có sao thủ mạnh.

Khi cung Mạnh không có sao chính tinh, gọi là vô chính diệu.

Cung Mạnh không có chính diệu thủ, thường coi như không tót, phỉ yểu triết nhi bần hàn, nhưng không phải thế.

2- Trước hết phải tìm xem, trong cung Mạnh có sao tương đồng 1 hành với bản mạnh không.

Thí dụ như các sao Thiên không, Tuần Địa-kiếp, Kình-dương, Đà-la, Bạch-hổ cư ở ccs cung miếu địa trong cung Mnạh, tránh được Triệt và các ác sát cư đồng cung. Như vậy là được cách hung tinh độc thủ nhập miếu, tức là cách rất tót, cuộc đời hành sự sau này ví như một anh hùng tung mây lướt gió, thành công rực rỡ bao nhiêu là tùy thuộc ở

các trung tinh phò tá mà luận xét, được Khoa Quyền Lộc tam phương củng chiếu, hung tinh miếu vị chấn ngự tam hơp là thượng cách.

2- Nếu trong cung Mạnh không có sao hung tinh nhập miếu, đồng 1 hành với bản Mạnh, lại không có hung tinh hãm địa tại cung Mạnh, khắc hành của Mạnh, cung tam hợp hay cung xung chiếu có hung sát, là cách phi yểu triết nhi hình thương mà vong mang.

3- Trong cung Mạnh vô chính diệu, tam phương xung hợp, cát hung cư chung với nhau, mà cung Mạnh không gặp được Triệt để phá hung, là cách sinh lai chung thân bôn ba bần tiện.

4- Bản Mạnh Hỏa vô chính diệu được 1 Không thủ ở cung Mnạh 2 sao Không ở tam hợp chiếu về là đắc cách nhất.

Mạnh vô chính diệu đắc tam Không nhi phú quý khả kỳ là được công danh phú quý toại mãn một đời, vì 3 sao Không cung thuộc hành hỏa cả.

5- Mạnh vô chính diệu, 1 Không thủ, 2 Không chiếu, nhưng 1 ở tam hợp và có 1 ở cung xung chiếu, cung Mạnh hay 1 cung tam hợp có hung tinh là cách.

Mạnh vô chính diệu kiến tam Không như mộng ảo hoàng lương, thời phú quý không thể trường tồn được.

6- Mạnh vô chính diệu, trong cung Mạnh có sao hung tinh hãm khắc chế hành của bản mạnh, 2 cung tam hợp và cung xung chíeu có 3 sao Không củng chiếu là cách.

Mạnh vô chính diệu ngộ tam Không, phi bần tắc yểu vì 3 sao Không se hợp dảng với hung tinh trong cung Mạnh thời thế nào cũng là cách yểu vong đó.

LUẬN CHUNG VÔ CHÍNH DIỆU

Kết luận cung Mạnh vô chính diệu, không có sao đồng hành với bản mạnh, rất cần gặp được Triệt Tuần án ngữ, nếu tỏng cung Mạnh có hung tinh hãm địa, ở tam phương xung chiếu có ác sát không vong chiếu, chắc chắn sẽ bị hình thương ác bệnh mà mạng vong.

LUẬN CÁC CÁCH XUNG HỢP

VỚI TRUNG TING PHÒ TÁ.

1- Các cách trên vì bản chất khác nhau, nên các trung tiểu hành tinh đi theo phò tá, rất cân cách nào phải đi với bộ trung tinh ấy, mới mong được sự phù trì đắc lực, và lại rất kỵ những sao xung khắc, nên có nhiều sao đi với bộ này là hợp đi với cách khác thì sự

phù trì không đắc lực, cũng như sao xung ở vói cách này thì khắc chế hoàn toàn, lại hợp với bộ khác, là tùy ở bản chất ngũ hành phù hợp xung kỵ nhau.

2- Cách Tử Phủ Vũ Tướng.

1) Cách Tử-Phủ cần thiết thứ nhất phải có 2 sao Tả Hữu thiếu 2 sao này ví như Ông Vua hay Tổng Thống không có văn thần võ tướng.

Sao Tả phu nên ở đồng cung với Tử-vi hay Tử-Phủ không nên Tử-Phủ cư đồng cung với Hữu-Bật, vì Hữu-bật thuộc võ, nếu ở đồng cung sẽ là loạn-tướng, hay vị Nguyên Thủ sẽ bị mất hết oai lực, và Phu Bật nên cư cung Thân Mạnh.

2= Tử-Phủ cần phải có Hồng-Đào cư Quan Lộc có Hồng Đào mới mong làm nên phú quý tột bực được, thiếu hay sao này thì đường mây trắc trở, không thể nhẹ bước được.

Hồng-Đào không nên cư Thân Mnạh vì bản tính thuộc dâm tinh, sẽ đam mê sắc dục hại đến thanh danh.

KHÔI-VIỆT VỚI TỬ PHỦ

3- Tử-Phủ cũng cần có Khôi-Việt vì 2 sao này là Thiên Ất quý nhân cách, được coi như hàng tôn thần, tính tình thanh khiết mo phạm, nên có quyền uy hiển hách, được sự kính trọng sủng ái của các giai tầng quần chúng.

Tử-Phủ thiếu Khôi-Việt ví như một bậc Nguyên-Thủ thiếu sự tôn kính của quần chúng, nên ở ngôi tôn quý, mà không có Thiên uy tất sẽ kém hiệu năng về công việc.

Cách Tử-Phủ thiếu 1 trong ba bộ trên thì công nghiệp và sự quy hiển sẽ giảm bớt nhiều.

4- Riêng Mạnh có Thiên Tướng đồng cung với sao Hữu-bật lại ứng hợp, vì Thiên tướng thuộc võ, hội cung với Hữu bật võ nếu có Tướng quân ở cung Quan-lộc hay Thiên-ri xung chiếu là cách xuất tường nhập tướng.

Bộ Tử-Phủ tối kỵ Kiếp Không, nếu gặp Kiếp Không sẽ mất hết uy lực, ví như ông vua bị sa cơ, nên ngững người có tài mà số bị Không Kiếp chỉ nên cô lưu ở chốn thôn dã.

TỬ PHỦ VỚI TRIỆT TUẦN.

5) Cách Tử-Phủ tuy kỵ Kiếp Không, nhưng không sợ lắm 2 sao Triệt Tuần.

Riêng sao Thiên-phủ nếu cư Tài-bạch cung thì sơ Tuần nhưng ở Mạnh Thân không đáng ngại lắm, vì Thiên-Phủ là tài, tinh, cư Tài vị chủ tiền của, nếu Ngộ Tuần ví như kho lẩm không có cửa khóa, không người coi giữ tất nhiên là kho rỗng, nên Phủ phùng không

xứ tài suy, thủy chung nan bảo tư cơ lưu truyền, Thiên-phủ bì sao Tuần phạm thời không giữ được cơ nghiệp tự làm ra hay của cải cha mẹ lưu truyền lại.

SÁT PHÁ THAM CÁCH

1- Cách Sát Phá Tham cũng cần có Tả Hữu, nhưng không cần thiết như bộ Tử-Phủ nên với cách Sát Phá Tham thời giáp Tả giáp Hữ tốt hơn là cư cung và củng chiếu.

2- Bộ sao Tam-thai Bát-tọa hợp với Thai-phong, Bình Hình Tướng Ấn, là các sao phù trì cho cách Sát Phá rất đắc lực.

3- Tử Phá (Tử-vi Phá-quân) tại Sửu Mùi đồng cung với Mộ trung Thai Tọa, lại có giáp Tả giáp Hữu, hay Tả Hữu đồng cung tại Sửu Mùi xung chiếu cho nhau, là được nhiều chất thổ khắc chế hết nước của Phá-quân, nên trở lại là những anh hùng, binh quyền vạn lý, cơ mưu khôn lường, vì Thai Tọa là văn mô vũ lược kiêm ưu, gia hợp Thái Phong Binh Hinh Tướng Ấn là toàn vi hảo cách.

4- Cũng 1 cách Phá-quân của bộ Sát Phá Tham, nếu ở 2 cung Thìn Tuất, hợp được Kình-dương, người Kim hay Thủy - mạnh, thời không thể bảo là trai bất nhân Phá-quân, Thìn Tuất được, vì Kình-dương hay Phá-quân chư tinh hợp với hành của bản mạnh, nên thường là những người tay trắng làm nên sự nghiệp và rất cơ mưu tài trí.

THẤT SÁT VỚI TRIỆT TUẦN

5- Thất-sát của bộ Sát Phá cư Dần Thân, nếu ngộ Triệt ở Thân Dậu, Tuần tại Dần Mão tối kỵ, ví như cây kiếm thần đã bị triệt trảm ra từng mảnh, hay bị hỏa thiêu hư đi khí ngộ Tuần.

Thất – Sát này chẳng những không còn uy lực mà trái lại là người chung thân bất vi nữa, vì Triệt đáo kim cung, Tuần làm mộc địa miếu vượng áp chế rồi.

Cũng như sao Tham-lang tối kỵ Triệt mà không sợ Tuần lắm.

Vi hành mộc kỵ Triệt Ngộ Triệt vi như bị chặt nát ra từng khúc.

PHÁ QUÂN VỚI TRIỆT TUẦN

Sao Phá – quân không sợ Triệt Tuần, ví như một hồ nước lớn, có ngăn chặn ra thành 2 hay 4 hồ nhỏ, cũng chỉ hao đi chút ít, hoan giả vẫn là những hồ nước nhỏ.

Sao Tuần nếu xung chiếu với Phá-quân, ví như nước gặp được hỏa, bốc lên thành hơi nóng, đôi khi có sự đắc dụng riêng của nó nữa.

Bộ Sát Phá Tham không sợ hung sát tinh lắm, vì bản chất nó đã là hung tinh, nên đôi khi gặp hung ngược lại còn phù trì đắc lực là khác.

Riêng 2 sao Tham Sát thì kỵ Triệt Tuần nhưng tùy theo vì trí.

THAM-LANG VŨ –KHÚC.

7- Tham-lang Vũ-Khúc hội ở Sửu Mùi là cách Tham Vũ đồng hành, nửa đời trước bôn ba hình khắc, phải đợi tới vãn niên thì cơ nghiệp mới thành, nếu cư Mạnh còn hợp, cư Thân mà Mnạh xấu là bất hạnh, chung Thân lao khỏ gian tân.

Tham ngộ Hỏa thành phú ông cách.

Tham ngộ Linh là cách tướng tướng chỉ danh.

Tham Vũ đồng hành Sửu Mùi rất cần gặp Hình Kỵ Đà mới toàn mỹ được.

BỘ SÁT PHÁ HẠN VÔ CHÍNH DIỆU

VÀ HÒA KHOA TINH

8 Cách Sát Phá Tham khi cư nơi hãm địa rất cần gặp Triệt xung phá để giải hung nguy.

Khi ngộ hãm địa, ảnh hưởng của Sát Phá Tham rất hung họa, nên thường gọi là trúc la tam hạn.

Nếu mạnh cung bị Sát Phá Tham hãm địa, lưu hạn đáo ucng vô chánh diệu, hội hung sát tinh, phải tổi quan phòng tai vạ, mạnh phá gia vong.

Cũng như người Mạnh vô chính diệu, lưu hạn ngộ Sát Phá Tham hãm địa gia ác sát, chắc chắn sẽ họa vô đơn chí.

Cách Sát Phá Tham gặp đựoc Hòa-Khoa thời phù trì tăng thêm nhiều sự mỹ mãn.

Nếu sphát triển hãm địa rất cần gặp Hóa-Khoa để giải cứu, nên được tôn là đệ nhất thần cho cách này.

CƠ, LƯƠNG NGỘ TRIỆT, TUẦN.

9- Hai sao Cơ Lương ngộ Triệt Tuần là bị phạm nằng vì thuộc hành Mộc nên ví như bị triệt trảm, bị cháy đi.

Thiên-đồng không sợ Triệt Tuần vì thuộc hành Thủy.

Cách Cơ Nguệt Đồng Lương tu cần tam –hóa Qúy Ân, Long Phượng.

Nhưng tối kỵ Hỏa Linh xâm phá, Cơ Lương ngộ Hỏa Linh là tối pham vi như cây gặp lửa.

Cũng như Nhật Nguyệt tối úy Kinh Đà.

Sát Tham tối kỵ Triệt Tuần.

Tử-Phủ lạc Kiếp Không thành hạn họa.

Nên rất cần phân định tinh đẩu thuộc ngũ hành sinh khắc, vì sau này hợp cách này mà khắc bộ kia.

Xem trẻ em sơ sinh

1- Trẻ em mới sinh, nếu được các cách cục hợp, cát diệu ở nơi miếu vượng thì dễ nuôi mập mạp, mau lớn.

2- Nếu tinh thầy phạm giờ, chính tinh hay hung sát tinh cư hãm ở Mạnh, hay xung hợp chiếu là số khó nuôi, hay sinh tai tât trong đồng hạn (12 năm) và nhất là 3 năm đầu.

-Trẻ sơ sinh còn trong đồng hạn, ảnh hưởng tới cha mẹ nhiều.

Thì dụ - thấy song Lộc cư Phụ Mẫu, hoặc ở Mạnh của đứa trẻ, tức là cha mẹ sẽ được phát đạt.

Nếu thấy Triệt Tuần án ngữ hay Không vong lạc Mạnh cha mẹ sẽ bị thất tài hoặc công việc làm ăn không tốt.

4- Bản mạnh của trẻ sơ sinh khắc chế hành bản mạnh của cha mẹ, thời gia đình cũng bị ảnh hưởng thất hãm tại lộc.

Thí dụ- Con thủy cha là hỏa, tức là thủy khắc hỏa.

Phạm giờ Diêm-Vương.

Trẻ em sơ sinh phạm giờ Diêm-Vương, thời hay có sự kinh sợ giật mình, la hét khi ngủ.

BẢNG KỂ GIỜ DIÊM VƯƠNG.

MÙA SINH	GIỜ DIÊM-VƯƠNG
XUÂN	SỬU MÙI
HẠ	THÌN TUẤT
THU	TÝ NGỌ
ĐÔNG	MÃO DẬU

PHẠM GIỜ DẠ-ĐỀ

Trẻ sơ sinh phạm giờ Dạ - Đề hay khóc về ban đêm.

BẢNG KÊ GIỜ DẠ ĐỀ

MÙA SINH	GIỜ DẠ ĐỀ
XUÂN	NGỌ
HẠ	DẬU
THU	TÝ
ĐÔNG	MÃO

SINH PHẠM GIỜ TƯỚNG-QUÂN

Trẻ sinh phạm giờ Tướng-quân, hay khóc thật lâu có khi khóc cả tháng mất hết tiếng, phong tục ta coi phạm vía phải vái.

BẢNG KÊ GIỜ TƯỚNG QUÂN

MÚA SINH	GIỞ TƯỚNG QUÂN
XUÂN	THÌN TUẤT DẬU
HẠ	TÝ MÃO MÙI
THU	DẦN NGỌ SỬU
ĐÔNG	THÂN TỴ HỢI

PHẠM GIỜ QUAN SÁT

Trẻ phạm giờ quan sát, hay bị bỏ vú, và hay bị sài, đồng phân bọt xanh.

BẢNG KÊ PHẠM GIỜ QUAN SÁT

THÁNG SINH	GIỜ QUAN SÁT
1	TỴ
2	NGỌ
3	MÙI
4	THÂN

5	DẬU
6	TUẤT
7	HỢI
8	TÝ
9	SỬU
10	DẦN
11	MÃO
12	THÌN

PHẠM KIM-XÀ THIẾT-TỎA THỜI

Trẻ sơ sinh phạm giờ Kim-Xà Thiết-Tỏa, coi như nặng nhất đối với các giờ khác, thường là trẻ khó nuôi.

Phép tính giờ Kim-xà Thiết-Tỏa.

Kể cung Tuất là năm Tý, tính theo chiều thuận tới năm sinh.

Ngưng tại cung nào, kể cung ấy là tháng giêng tính theo chiều nghịch tới tháng sinh.

Ngưng tại cung nào, kể cung ấy là mồng một, tính thuận tới ngày sinh.

NAM SINH

Nếu pham vào 2 cung Thìn Tuất, là chính giờ Kim-xà Thiết Tỏa.

Nếu phạm vào 2 cung Sửu Mùi là giờ bàng.

NỮ SINH

Nếu phạm vào 2cung Sửu Mùi là phạm chính giờ Kim-Xà Thiết Tỏa.

Phạm vào 2 cung Thìn Tuất là giờ bàng.

Trẻ em sơ sinh tất cả các giờ kể trên, kể cả giờ Kim-Xà Thiết Tỏa cũng thế, chỉ là ước lệ mà thôi, có sự phạm khắc đối với các gia đình hiếm muộn, hay thường hữu sinh vô dưỡng thời mới cần tính xem có phạm giờ nặng nhẹ để quan phòng.

Nếu là số của trẻ sinh được cát diệu tương phù, hay có hung tính nhập miếu trấn ngự ở các cung Mạnh và Thân, thời dù có phạm Kim-Xà Thiết-Tỏa cũng không nên kể tới.

TỴ	NGỌ	MÙI Con gái kỵ	THÂN
THÌN(con trai kỵ)	PHÉP TÍNH GIỜ KIM-XÀ THIẾT-HỎA Năm: Thuận Ngày: Thuận Tháng: Nghịch Giờ: Nghịch		DẬU
MÃO			TUẤT Con trai kỵ
DẦN	SỬU Con gái kỵ	TÝ	HỢI

Nam kỵ Thìn Tuất

Nữ kỵ Sửu Mùi.

Xét đoán số trẻ em

1- Khi xem số trẻ em thấy sáng sủa tốt đẹp, được chính tinh cư miếu vượng, có cát tinh phù trì, thì chắc chắn đứa trẻ ấy sẽ dễ nuôi, mập mạp, mau lớn, và về sau sẽ được hiển đạt.

2- Nếu thấy Mạnh Thân vô chính diệu, lại có hung sát tinh hãm địa thủ chiếu, phải rất quan phòng còn trong đồng hạn 12 năm, thường hay mắc bệnh tật, và về sau cuộc đời sẽ bị bôn ba lận đận.

3- Các sao cư cung Mạnh và cung Phúc đức của con giốn như các sao ở cugn Mạnh và phúc đức của cha mẹ, là được sự truyền tinh, như vậy là tốt, và về sau cha mẹ sẽ được nhờ, giống như ở phúc cung là chứng triệu gia đình phước ấm tổ tông còn thịnh đạt.

4- Thí dụ- Mạnh hay Phúc cung của cha mẹ có Cơ Nguyệt Đồng Lương, mà Mạnh hay Phcú cung của con cũng có các sao Cơ Nguyệt đồng Lương, như vậy là truyền tinh.

5 - Nếu không thấy các sao không giống nhau giữa cha mẹ và con là không được truyền tinh, như vậy cha mẹ sẽ không được nhờ người con ấy.

Cách tính đồng hạng

Đồng hạng là các năm vận hành tốt xấu của trẻ em từ sơ sinh 1 tuổi tính tới năm 12 tuổi.

BẢNG KÊ NIÊN VẬN CỦA ĐỒNG HẠN

Lên 1 tuổi kể hạn ở cung Mạnh- Viên

Lên 2 tuổi kể hạn ở cung Tái-Bạch

Lên 3 tuổi kể hạn ở cung Tật-Ách

Lên 4 tuổi kể hạn ở cung Phối(Phu-Thê)

------5---------- Phúc-Đức

------6---------- Quan-Lộc

------7----------Thiên-di

------8---------- Nô - bộc

------9---------- Tử - tức

-----10---------- Điền-trạch

-----11---------- Huynh-đệ

-----12---------- Phụ Mẫu.

Thơ an đồng hạn

Nhất Mạnh	Thất Thiên
Nhị Tài	Bát Nô
Tam Giải	Cửu Tử
Từ Phối	Thập Điền
Ngũ Phú	Thập Nhất Huynh
Lục Quan	Thập Nhị Phu

Phép xem trẻ em sinh đúng hay sai giờ

Trẻ em sin giờ Tý Ngọ Mão Dậu là từ Bại, khi sinh ra ngửa, đầu có một khoáy lệch sang bên tả.

Sinh giờ Thìn Tuất Sửu Mùi thuộc từ Mộ, lúc inh ra sấp đầu có 2 khoáy.

Sinh giờ Dần Thân Tỵ Hợi thuộc từ Sinh, lúc sinh ra nghiêng, đầu có 1 khoáy nhưng lệch sang bên hữu.

Cách xem lưu niên vận hành

Đại hạn và tiểu hạn

Khi quan sát 1 lá số, nên hộp chung Mạnh Thân Tài Quan lại, xem được bộ nào. Thứ nhất là Mạnh cung, xem chính tinh cư Mạnh Thân hợp với hành của Bản Mạnh là tốt hay các chính tinh ấy khắc chế hành của bản Mạnh là xấu.

Hợp chung cả Mạnh Tài Quan xem được cách nào, thí dụ Tử-Phủ hay Sát Phá, để khi lưu đại hạn hoặc tiểu hạn thì hạn ấy có cách nào, mới phân luận được mức độ tốt xấu.

MỘT ĐẠI HẠN LÀ 10 NĂM

VÀ 1 TIỂU HẠN LÀ 1 NĂM

Sự ứng hợp các cách với vạn hành sinh khắc.

1- Nên phân biệt Mạnh Tài Quan có cách Tử-Phủ, đi đến hạn hành có Không Kiếp thời tối kỵ.

2- Mạnh Tài Quan có cách Nhật Nguyệt, kỵ hạn hành Dương Đà.

3- Cơ Nguyệt Đồng Lương tối kỵ Hỏa Linh.

4- Tham Sát bị Triệt Tuần thời khắc hãm.

Còn như các bộ tứ hung, tứ sát, lục bại, cần phải xem ơ cung miếu vượng, hay hãm địa để phân định mức độ tốt xấu.

5- Cũng như bộ Tử Phủ, ưa người mạng Thổ, hạn tới những năm Giáp Kỷ, được tài lộc tốt.

6- Nhật Nguyệt gặp năm Canh, năm Đinh rất hợp được tăng tài tiến lộc.

7- Sát Phá Tham gặp năm Quý năm Mậu, mưu sự tất thành.

8- Và Cơ Nguyệt Đồng Lương, hạn tới các năm Đinh năm Canh, thời danh tài thăng tiến.

HẠN HÀNH TỚI CÁC CUNG VÀ SAO

Nên xem cung của hạn, có khắc chế hành của Mạnh không, thí dụ Mạnh Hỏa đi tới cung Thủy là xấu vì Thủy khắc Hỏa.

1- Các sao cư ở các cung cũng rất cần xét về ngũ hành, xem có được sự phù hợp tương sinh với các cung không, ví như sao Kim ở cung Hỏa, thì bị xấu, vì sao Kim như người tới cư ngụ tại nhà Hỏa, thời người cư ngụ Kim sẽ bị Hỏa thiêu đốt cháy đi.

Sao Hỏa cư cung Thủy, sao Thủy cư cung Thổ, sao Thổ cư cung Mọc, sao Mộc cư cung Kim như vậy là xấu.

TƯƠNG QUAN NGŨ HÀNH CUNG VÀ SAO

Ngoài ra nếu không được các sao tương đồng 1 hành với cung, thời nên được hành của cung sinh ra sao, ví như sao Kim ở cung Thổ vì Thổ sinh Kim.

Sao Mộc cư cung Thủy

Sao Thủy cư cung Kim

Sao Hỏa cư cung Mộc

Sao Thổ cư cung Hỏa.

Như vậy là có sự tương sinh.

3- Người sinh Âm nam Dương nữ,gặp Bắc đẩu tinh thì ứng hộp năm năm trước đối với đại hạn, và nửa năm trước đối với tiểu hạn.

4- Người sinh Dương-nam Âm-nữ gặp Nam đẩu tinh thì hợp, và Nam-đẩu tinh ứng hợp năm năm về sau với đại hạn, 6 tháng sau với tiểu hạn.

Mạnh Thân được các sao cư chiếu tốt, gặp hạn xấu thời ít phải lo ngại.

5- Nhưng nếu Mạnh Thân đã bị các sao hung sát cơ chiếu, đáo hạn gặp thêm các sao hung ác, và khi lưu 3 vòng sao Tràng-sinh, Thái-tuế, Lộc-tồn, thấy cá sao xấu của 3 vòng này, hội thêm vào hạn hung nữa, thời phải tối qfuan phòng tai ương sẽ tới.

PHÉP LƯU HẠN HÀNH HUNG CÁT

Muốn biết hạn hành hung cát ra sao, phải biêt an các sao thuộc nhóm phi tinh.

CÁC SAO THUÔC NHÓM PHI TINH

Vòng Thái-tuế gồm có Thái-tuế thuộc Mộc

Và tiền hậu Thái-tuế 2 sao Thiên-không, Quân-sách thuộc Hỏa.

Vòng Lộc-tồn có Lộc-tồn thuộc Thổ.

Kèm 2 bên Lộc-tồn là Kình Đa thuộc Kim

Tràng-sinh thuộc hành Thủy

Thiên-mã là Dịch-mã để chỉ sự gặp gỡ, hoán cải.

Khôi Việt để chỉ phương vị quý nhân và gặp được tôn thần quý nhân giúp đỡ.

LƯU TIÊU HẠN MỘT NĂM

Thái- tuế tùy theo năm hiện hành nào, an Thái- tuế vào cung ấy, tiếp tục an thuân 11 sao còn lại, và Thiên không Quán-sách trước sau Thái-tuế.

2- An Lộc-tồn theo Can của năm hiện hành xét hàng Can thuộc Âm hay Dương, để an thuận hay nghích, và nhờ an luôn 2 sao Dương Đà, sau khi đã an xong 12 sao còng lại của vòng Lộc-tồn.

3- An vòn Tràng sinh, tùy theo hàn Can của năm hiện hành của hạn, xét xem Can thuộc Dương an thuận vòng Tráng-sinh nếu Can của năm hiện hành thuộc âm thời khởi tại Tý, Ngọ, Mão, Dậu và khởi ngịch.

Và tiếp tục an 11 sao còn lại của vòng Tràng-sinh.

Vòng Tràng-sinh là chủ của sự lưu niên vận hành, và Tràng-sinh là đại diện cho toàn thể trong gia đình, ngôi thứ các bà thê thiếp, nam nữ từ trưởng nam đến con út, hên xui vận hạn ra sao, nếu thiếu vòng Tràng-sinh, thời làm sao biết được phần tử nào của gia đình sẽ nạn tai hạnh phúc.

4- An Thiên-mã tùy theo tam hộp của năm hiện hành.

5- An Khôi-Việt tùy theo hàng Can của năm lưu hạn.

Thí dụ người sinh hạn hành năm nay tại Ngọ cung.

Lưu niên vận hành năm nay fa năm Nhâm Tý.

Tử-phù Phi-liêm Thiên-việt TUYỆT	Tuế-phá Hỷ-thần THAI	Long-đức Bệnh-phù DƯỠNG	Tràng-sinh Bạch-hổ Đại-hao
Quan-phù Tấu-thư MỘ	Tiểu hạn tại cung Ngọ Lưu niên vận hạn là năm Nhâm-Tý		Mộc-dục Phúc-đức Phục-binh
Thiếu-âm Tướng-quân Thiên-khôi TỬ			Quan-đới Điều-khách Đà-la Quan-phù
Tang-môn Tiểu-hao Thiên-mã BỆNH	Thiên-không Thiếu-dương Thanh-long SUY	Đế-vượng Thái-tuế Kinh-dương Lực sỹ	Lâm-quan Quán-sách Trực-phù Lộc-tồn Bác-sỹ

Liệt kê các sao thuộc nhóm phi tinh, khi đã an xong. Thí dụ tiểu hạn cư cung Ngọ.

1) Năm hiện hành là năm Nhâm Tý.

Nhâm thuộc can Dương, nên an thuận vòng Lộc-tồn.

Mà Nhâm, Lộc-tồn tại cung Hợi.

Kình-dương tại Tý cung.

Đà la tai Tuất.

Hỷ -thần tai Ngọ cung.

2) Năm hiện hành Nhâm-Tý

nên Thái-tuế tại Tý cung an thuận.

Thiên-không tại Sửu.

Tuế--phá tại Ngọ.

3) Năm hiện hành Nhâm-Tý

Can Nhâm thuộc Dương Thủy.

Nên Tráng-sinh tại Thân cung và an thuận.

Đế-vượng tại Tý cung.

Sao Thai tại Ngọ.

4) Năm hiện hành là Tý.

Thân, Tý, Thìn Thiên-mã cư Dần cung.

6) Năm hiện hành là Nhâm-Tý.

Khôi việt Nhâm Quý Thố Xà tàng.

Thiên-khôi cư cung Mão.

Thiên-việt cư cung Tỵ.

1- Như vạy nếu xét đơn thuần các sao phi tinh, thì năm nay Nhâm-Tý, cung Ngọ có các sao.

Tuế-phá, Hỷ-thần, Thai.

2- Cung xung chiếu có các sao.

Thái-tuế, Kình-dương, Đế-vượng, Lực-sỹ.

3- Cung Dần có các sao.

Tang-môn, Thiên-mã, Tiểu – hao, Bệnh.

4- Cung Tuất có các sao.

Điều –khách, Đà-la, Quan-đời, Quan-phủ.

Hợp phi tinh luận đoán vận hành

Hợp lại mà xét đơn thuần các sao phi tinh thuộc cung xung chiếu và tam hựop thời.

CÁCH 1.

Các sao Thai, Hỷ-thần, Đế-vượng, là có tin vui gia đình tăng tiến nhân đinh.

CÁCH 2

Tuế-phá, Thái-tuế, Tang-môn, Thiên-mã, Đà-la, Quan-phủ, là có sự thị phi khẩu thiệt, hoặc đáo tụng đình, thắng bại tùy theo các sao ở lá số đã lập thành, tổng hợp lại để luận đoán mới quyết định được.

Lập Mạnh hành hạn sở ky.

Mỗi người đều thuộc vào ngũ hành của cục khi lưu Đại Tiểu hạn cùng với Thái-tuế.

NGŨ CỤC SỞ KỴ CUNG.

Thủy nhị cục kỵ Sửu Dần (Cấn cung)

Mộc tam cục kỵ Ngọ (Ly cung)

Kim Từ cục kỵ Tý (Khảm cung)

Thỏ ngũ cục kỵ Mão Thìn Tỵ (Chấn Tốn cung)

Hỏa lục cục kỵ Dậu (Đoài cung)

BẢN MẠNH NGŨ HÀNH NHẬP HẠN CUNG SỞ KỴ

Kim nhân gộ Khảm (Tý) mạnh tu thương

Mộc mạnh phùng Ly (Ngọ cung) hữu họa ương

Thủy ngộ Cấn cung (Dần) ưng kiển trệ

Hỏa lai Đoài (Dậu cung) thượnghọa nan tàng

Thổ đáo Đông nam phùng Chấn Tốn (Mão Thìn Tỵ)

Tu phòng nùng huyết cấp kinh hoang

Tùng nhiên cát diệu tương phùng chiếu

Vị miễn quan tai náo nhất trường.

THẬP NHỊ CHI HÀNH HẠN ĐÁO CUNG SỞ KỴ

Nhân sinh Tý niên kỵ Dần Thân

Sửu Ngọ sinh nhân Sửu Ngọ sân

Dần Mão chi nhận phong Tỵ Hợi,

Thìn Tỵ thiết kỵ bản thân lâm

Thân nhân Linh Hỏa tai ương trọng

Mùi Ngộ Hợi dậu mộ hoạn ân

Tuất Hợi Dương Đà tu tỵ kỵ

Dậu nhân Đà Nhận diệc phi thân

Tuất Hợi sinh Nhân mạc quý Tỵ

Thìn Tuất thiết kỵ đáo Võng La

Dự tiên chỉnh đốn y quan mộc.

Vị miễn sinh nhân xướng vãn ca.

Tính chất cát hung của

14 chính tinh khi lưu Đại Tiểu hạn

TỬ VI NHẬP HẠN CA

Tử-vi viên nội cát tinh lâm

Nhị hạn tương phùng phúc lộc hưng

Thường nhân đắc ngộ đa tại phú

Quan quý phùng chi chức, vị thăng

Tử-vi cư Mạnh cung là sao cát vượng, đáo nhị hạn sẽ mừng được phát phúc phát tài.

Các nhà quyền quý thời thăng quan tiến chức, dân giả thời tài lộc hưng thông.

HỰU VIẾT

Tử-vi nhập hạn bản vi tường

Chỉ khủng tam phương Sát Phá Lang

Thường thừ phùng chi đa bất lợi

Quan viên giáng trích hữu kinh thương

Nguyên bản chất của Tử-vi giảm thiểu được tai nguy, nên lưu hạn gặp được thì cát tường, nhưng chỉ sợ Sát Phá Tham hãm địa.

Thứ dân chắc sẽ bị tổn hại tài lộc, quan quyền danh phận phải luôn luôn lo lắng, nếu danh vị không bị giáng cấp cũng bj khiển trách.

THIÊN- CƠ NHẬP HẠN CA

Nam nữ nhị hạn trị Thiên-cơ

Lộc chủ Khoa Quyền đại hữu vi

Xuất nhập kinh dinh đa ngộ quý

Phát tài phát phúc thiểu nhân tri.

Lưu hành nhị hạn mà gặp sao Thiên-cơ hội cùng với Hóa- khoa, Hóa-quyền thi tài lộc hoạnh phát.

Công việc kinh doanh gặp quý nhân giúp đỡ, được vượng phát phúc tài, một cách kín đáo ít người lường được.

HỰU VIẾT

Thiên cơ chiếu hạn bất an ninh

Gia sự phân phân ngoại sự đa

Cánh ngộ Dương Đà tính cự Âm

Tu tri thủ tuế nhập nam kha.

Hạn hành gặp sao Thiên-cơ cùng với Dương Đà, Cự -môn , Thiên-lương hãm địa hội chiếu, thi gia nọi rối bời, mà ngoại lại còn rủi ro đa sự, tâm hồn tam canh lo lắng, nếu thử chiếu thêm hung sát tinh, năm ấy chắc sẽ được về hưởng phúc quy tiên.

THÁI DƯƠNG NHẬP HẠN CA

Nhị hạn thiên nghi kiến Thái-dương
Thiêm tài tiến nghiệp phúc phi thường
Hôn nhân hòa hợp, thiêm tự túc
Sỹ giả cao thiên tạo miếu đường.

Vận hành nhi hàn đều gặp Thái-dương miếu vương, thời phúc nhà hưng khởi, danh tài tăng tiến, phu xướng phu tùy, tăng trưởng nhân đinh, bậc quyền quý sẽ được vinh hoa thăng thưởng.

HỰU VIẾT

Thái-dương thủ hạn hữu đa ban
Hãm Địa tu phòng ác sát xâm
Gia kỵ phùng hung đa trở trệ
Hoành sự phá tài gia linh đinh

Nếu Thái-dương hãm địa nhập hạn, họi với các ác sát tinh thời sẽ gặp nhiều sự không may.

Gia hợp với Hóa-kỵ hoặc hung tinh, phải quan phòng vạn sự trắc trở, mà sẳn nghiệp có thể đổ vỡ.

VÚ KHÚC NHẬP HẠN CA

Đại tiêu hạn phùng Vũ khúc tinh
Nhược hoàn nhập miếu chủ tài hưng
Cánh gia Văn xương lâm Tả Hửu
Phúc lộc song toàn đắc xứng tâm

Vũ-khúc là tài tình, nên đại tiểu hạn gặp được Vũ-khúc cư nơi vượng miếu, thời tiền bặc sẽ súc tích.

Nếu lại thủ chiếu với Văn xương và Tả Hữu, thì là cách phcú lộc trùng phùng lòng xuân thơ thái.

HỰU VIẾT

Vũ-khúc chi tinh chủ quan nhân

Công lại phùng chi hình trượng lai

Thường thứ phùng chi hoàn phụ trái.

Quan viên trị thử hữu kinh hoàng.

Nếu Vũ-khúc thât hãm, lớp nho lại sẽ mắc phải hình phạt, thứ dân chịu vòng oan trái, và nhà quan tước không thoát được tai biến kinh sợ.

THIÊN-ĐỒNG NHẬP HẠN CA

Nhân sinh nhị hạn trị Thiên-đồng

Hỷ khi dinh môn vạn sự vinh

Tài lộ tăng thiêm nghi sáng tạo

Tông kim gia đạo đắc phong long.

Sao Thiên-đông cát khánh cư nhị hạn, thời sự vui mừng vinh vượng đầy nhà.

Gia đạo gặp được tài lộc hưng khởi, và chắc chắn sẽ tậu sắm thêm gia trang vườn ruộng.

HỰU VIẾT

Lưu niên nhị hạn trị Thiên-đồng

Hãm địa tu phòng ác sát xung

Tác sự mỹ trung chung bất mỹ

Duy phòng quan phá cáp gia khuynh

Nếu gặp sao Thiên-đồng hãm địa, lại ác sát tinh xung hợp, thời dù có gặp công việc đẹp tốt, cung cuộc vẫn bất thành, phải phòng danh phận quan tai, và nạn khuynh gia bại sản.

LIÊM –TRINH NHẬP HẠN CA

Liêm-trinh nhập hạn vượng cung lâm

Hỷ phùng cát diệu phúc biền trân

Tài vật tự nhiên đa súc tích

Nhiệm nhân đắc ý vị cao thăng

Sao Liêm-trinh đại tiểu hạn cư cung miếu vượng, rất mừng gặp được cát tinh phù trì, thời tiền của làm nên như nước chảy bạc dòng, hưởng phúc đức đề đa, và vì có tài biết người mà hoạn lộ được vinh thăng.

HỰU VIẾT

Đại tiểu nhị hạn ngộ Liêm-trinh

Cánh hữu Thiên hình, Kỵ, Nhận xâm

Nùng huyết hình tai đào bất đắc

Phá – quân Tham, Sát phó u minh.

Lưu hạn thấy Liêm-trinh hãm địa, thủ chiếu với các sao Thiên- hình, Hóa-kỵ, Kình – dương, chắc chắn sẽ mắc bênh nung huyết nặng, vòng lao lý không tài nào tránh khỏi.

Nếu gia hội cùng với bộ Sát Phá Tham hãm địa, ví như người mắc trong vòng u tối , luẩn quẩn không có định hướng.

THIÊN-PHỦ NHẬP HẠN CA

Hạn lâm Thiên-phủ năng tư lọc

Sỹ thứ phùng chi đa phát phúc

Thiêm tại tiến hỷ vĩnh vô tai

Thẩ giả nhuận thân tinh nhuận ốc.

Đại tiểu hạn gặp đựoc Thiên-phủ (tài chính) miếu vượng ví như của đổ vào nhà.

Học trò và dân giả được sự mừng vui, thường phát phúc phát tài, không sợ tai ương, lòng xuân hỷ hả, gia đạo an khương.

HỰU VIẾT

Nam-đẩu tôn tinh nhập hạ lai

Sở vi mưu sự xứng tâm hoài

Nhược phung hựu Hóa-khoa, Quyền Lộc

Chỉ nhật hân nhiên triển đại tài.

Thiên-phủ là vị đế-tinh, tôn-tinh, nên nhập hạn miếu vượng thời vạn sự xứng ý toại lòng.

Nều gặp được bộ tam hóa Khoa Quyền Lộc thời ví như đương nhiên gặp thời đại phát .

THAI-ÂM NHẬP HẠN CA

Thái-âm tinh diệu hạn trung phùng

Tài lộc phong dinh bách sự thông

Gia-thư thân nghinh thiêm tư tục

Thường nhân đắc thử vạn môn phong.

Thái-âm là cát tinh, tính chất ôn hòa, nếu nhập nhị hạn cát khánh, thời vạn sự hạnh thông, hoạnh phát tài lộc.

Việc hôn nhân thành đạt dễ dàng, mùa đông nên duyên mà mùa hạ đã được tay bồng tay mang, và là hạn sẽ mở mang được cơ sở thêm phú cường.

HỰU VIẾT

Hạn chí Thái-âm cư phản bối

Bất hỷ Dương Đà tam sá hội

Hỏa Linh nhị hạn tối vi hung

Nhược bất quan tai đá phá hối.

Nếu nhập hạn t-am cư hãm địa, rất e ngại hôi với Dương Đà, ác sát, Hỏa Linh là tối hung họa, nếu không bị quãi miễn, tất nhiên bị phá tái bại sản.

THAM-LANG NHẬP HẠN CA

Tham-lang chủ hạn tứ mộ lâm

Cánh hỷ nhân sinh sừ mộ sinh

Nhược kiến Hỏa Linh Đa hoạnh phát

Tự nhiên phú quý quân hương lân.

Sao Tham-lang đồng hành tứ mọ cung (Thìn Tuất Sửu Mùi) nhập hạn rất ứng hợp cho người sinh tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi.

Đồng cung vớ 2 sao Hỏa Linh, thì danh tài vượng phát không kể xiêt, phú quý thanh dương, hương lân không sánh kịp

HỰU VIẾT

Nữ bạn Tham-lang sự bất lương

Nghi hoài lục Giáp bât tai ương

Nhược vô cát diệu lai tương hội

Tu tri nhât mạnh nhập tuyền hương.

Nữ hạn sao Tham-lang thường ít được sự ứng hợp, riêng tuổi sinh thuộc lục Giáp là tránh được hung họa.

Nếu Tham-lang nhập hãm địa, không được cát- diệu phù trì, gia hội thêm ác sát inh, thời oan khiên khôn lương và sẽ được an hưởng chốn tuyền đài.

CỰ MÔN NHẬP HẠN CA

Cự-môn chủ hạn Hóa- quyền tinh

Tối hỷ cầu mưu đại sự thành

Tuy hữu quan tai tinh khảu thiệt

Hung vi cát triệu đắc an ninh

Sao Cự - môn tuy tính chất quan tai khẩu thiệt, nhưng nhập hạn miếu vượng đồng cung với Hóa-quyền, thì mưu việc lớn nhỏ cũng được thành tựu, và gia đạo đắc an khang, vì đã phản hung vi cát khánh.

HỰU VIẾT

Cự-môn hạn hãm tối quai trương

Vô sự quan phi nòa nhất trường

Khấp khốc tang lên chung bất miễn

Phá tài ẩu khí thụ thê lương.

Cự-môn cư hãm địa, thời tính chất hay tráo trở, việc không ra gì cũng làm náo động cửa quyền môn.

Liên miên khăn tang không ráo lệ, thường mắc bện thổ huyết , pha tai và chịu cảnh thê lương.

THIÊN-TƯỚNG NHẬP HẠN CA

Thiên-tướng chi tình cảm chủ tài

Chiếu lâm nhị hạn tất vô tai

Động tác mưu vi giai toại ý

Ưu du hưởng phúc tự nhiên lai.

Đại tiểu hạn lưu vận gặp được Thiên-tướng míếu vị chủ phát tài phát lộc, và không sợ hung tai.

Làm việc gì cũng được danh lợi xứng cân, là cách nàn lai vô sự hưởng phúc thần tiên.

HỰU VIẾT

Hạn lâm Thiên-tướng ngộ Kinh-dương

Tác họa hưng ương bât khả đương

Cánh hữu Hỏa-Linh chư sát tấu

Tu giao nhất Mạnh nhập tuyền hương.

Lưu hạn sao Thiên-tướng lạc hãm, đồng cung với Kinh-dương, thời hung họa dấy động không ngăn cản được.

Nếu hội thêm với các sao Hỏa Linh và sát tinh, thời chắc chắn tình mạnh sẽ được vĩnh cửu thăng nơi Thiên-quốc.

THIÊN LƯƠNG NHẬP HẠN CA

Hạn chi Thiên-lương tối thị lương

Do như thu cú thổ hình hương

Gia quan tiến chức nghinh tân lộc

Thường thứ phùng chi dã túc tương

Đáo nhị hạn phùng Thiên lương miếu địa, ví như hoa cúc mùa thu tỏa hương thơm ngào ngạt.

Bắc quan quyền thời được thăng quan tiến chức, kẻ thứ dân sẽ được hưởng y thực phú túc.

HỰU VIẾT

Thiên-lương thủ hạn thọ diên trường

Tác sự cầu mưu cánh cát xương

Nhược ngộ Hỏa Linh Dương Đà hợp

Tu phòng nhất ách dữ gia vong

Sao Thiên lương tuy được đắc cách thọ trường, cư nơi miếu đường, thời mưu sự được cát xương vinh vượng.

Nhưng nếu lạc hãm hợp với các sao Hỏa Linh, Dương Đà, thì tất bệnh khó tránh, và phải quan phòng tài phá gia.

THẤT SÁT NHẬP HẠN CA

Nhị hạn tuy nhiên phùng Thất – sát

Thung dung hòa hoãn gia đạo phát

Đối cung Thiên-phủ chính lai triều

Sỹ hoạn phùng chi đanh hiển đạt.

Tuy Thất sát là sao bẩn tính rất hung ác, nhưng vị trí Thất – sát bao giờ cũng ở đối cung sao Thiên-phủ nên đã giảm thiểu phần nào hung sát nhờ Thiên-phủ, vì thế khi lưu hạng gặp được Thất-sát triều đẩu, thì thật là tốt đẹp, chính là cách tước lộc vinh xươn, ung dung an hưởng, gia đạo cũng vinh vượng hiển quý.

HỰU VIẾT

Thất-sát chi tính chủ thu tức

Tác sự gian nan câu hữu thất

Cánh gia ác diệu tại hạn trung

Chủ hữu quan tia đa bệnh tật

Thất-sát lạc hãm thời một đời thở than rên xiết, làm công việc thì vạn sự bất thành.

Nếu gặp hung tinh hội hợp, thì tai vạ chốn quyền môn khó tránh, và khó thóat khỏi ác mệnh

PHÁ-QUÂN NHẬP HẠN CA

Phá-quân nhập hạn yếu suy tường

Miếu địa phương tri phúc lộc xương

Cánh ngộ Văn-xương đồng Khôi Việt

Hạn lâm thử địa cực phong quang.

Lưu đại tiêu hạn gặp Phá-quân nhập miếu, tất sẽ được hưởng phúc lộc song toàn.

Nếu đòng cung với sao Văn-xương và bộ Khôi Việt thủ chiếu, là hạn sẽ gặp bước vẫy vùng, và đường quan thời được thăng quan tiến chức.

HỰU VIẾT

Phá-quân chủ hạn da nùng huyết

Thất thóat, qui trương bất khả thuyết

Cánh trị nữ nhân chủ hiếu phục

Huyết quang sản nạn, tai ương tiết.

Lưu hạn gặp Phá-quân lạc hãm, thời phải quan phòng bện nung huyết, gia trang thất tán rủi ro.

Nữ nhân khi lâm bồn, thường băng huyêt khó sản sinh, thường hay bị mổ xẻ châm chích, và luôn luôn mắt không ráo lệ vì hiếu phục buồn thương.

VĂN - XƯƠNG NAM MẠNH CA

Văn-xương thủ mạnh diệc phi thườn

Hạn bất yêu thương phúc thọ trường

Chỉ phạ hạn xung phùng Hỏa Kỵ

Tu giáo yểu triết đái hình thương.

Các sao kết hợp thành bộ nhỏ tốt đẹp

Phụ thêm các cách lớn

TỬ-VI NGỘ TÂU-THƯ : Thần đồng phụ nhĩ thông minh

TỬ-VI PHỦNG TẢ HỮU : Quân thần khánh hội

NHẬT XUẤT PHỦ TANG : Thái-dương cư Mão gặp Tang-môn

THÁI-ÂM NGỘ VĂN XƯƠNG : Thiềm cung triết quế

PHÚ (THIÊN) VŨ (KHÚC) PHÙNG : Đôi kim tích ngọ, Phủ Vũ

LỘC TỒN : là tài tình

KHÁNH VÂN PHUNG NHẬT NGUYỆT : Nhật Nguyệ Mùi Hóa-Kỵ ở

: Sửu hay Nhật Nguyệt Sửu

: Hóa-kỵ tại Mùi

THAM LANG NGỘ TRÀNG SINH: cách thượng thọ

THIÊN-ĐỒNG NGỘ TRÀNG SINH : Cách thượng thọ và rất thông minh

TỌA QUÝ HƯỚNG QUÝ: : Là tọa Khôi hướng Việt, hay là tọa

Việt hướng Khôi.

THAI TỌA ĐỒNG CUNG : khắc khoan khắc đỉnh

TỌA HỮU ĐỒNG CUNG : là cách văn chương

QUY ÂN XƯƠNG KHÚC : văn tính cách

PHƯỢNG LONG THAI TỌA : bệ vệ đài các

LỘC MÃ TƯỚNG ẤN : phú quý cách

TẢ HỮU HỒNG ĐÀO NGỘ LỘC : cách phú quý dễ dàng

TỬ-PHỦ ĐỒNG CUNG VỚI MÃ : cách Tử mã nhất ban

MÃ NGỘ TRÀNG SINH : cách thanh vân đắc độ

MÃ NGỘ KHỐC KHÁCH : oai vệ

KHỐC QUYỀN : minh danh vu thê

TIỀN CÁI HẬU MÃ : Mạnh ở giữa, trước có Cài và sau có Mã

KÌNH-DƯƠNG BẠCH HỔ : là cách văn chương oai dũng

BẠCH HỔ NGỘ PH LIÊM : oai dũng

GIÁP LONG GIÁP HỔ : Mệnh ở cung giữa

TIÊN HÌNH HẬU ẤN : quý cách mạnh ở giữa

THẤT SÁT NGỘ QUYỀN : cách oai dũng

THANH-LONG HÓA-KỴ : khéo léo rồng gặp nước

LƯU HÀ : rồng gặp mây

CỰ CƠ TÝ NGỌ : thạch trung ấn ngọc

CỰ CƠ MÃO DẬU NGỘ SONG HAO

MANH ĐÀ (LA) THÂN KÌNH

THIÊN LƯƠNG CƯ HỘI NGỘ

THIÊN KHÔI

THIÊN ĐỒNG CƯ TỴ NGỘ

THIÊN VIỆT

HỎA PHÙNG TUYỆT

TƯỚNG PHỤC VIỆT KHÔI : võ cách oai dũng

TƯỚNG PHỤC HỒNG ĐÀO	:	thiếu niên hiển đạt
XUÁT TƯỚNG NHẬP TƯỚNG	:	Mạnh 1 tướng, Ri hay Quan 1 tướng (nếu 2 tướng đồng cung thì kém hơn)

CỰ-MÔN THÁI TUẾ KHÚC	:	là cách văn chương, hình luật
XƯƠNG NGộ HÌNH	:	thường là luật sư hay các vị thẩm phán
THANH-LONG LONG-ĐứC	:	song long cách phú quý
PHƯợNG-LONG CÁI Hổ	:	cách tứ linh, không sợ hung sát tinh
BạCH-Hổ TấU-THƯ	:	hổ đội hòm sắc phong tặng
KHốC HƯ TÝ NGọ	:	oai dũng cách
SONG HAO MÃO DậU	:	chúng thủy triều đông cách
BINH HÌNH TƯớNG ấN	:	oai dũng, vũ cách
PHƯợNG LONG RIÊU Y	:	văn chương, phong lưu
CƠ QUYềN	:	mưu cơ
THIÊN-KHÔNG NGộ ĐÀO HOA	:	quyền biến nhưng đổ vỡ
Kỵ QUYềN	:	quyền biến
KHOA QUYềN KHÔI VIệT	:	cách dễ thành công
KIếP KHÔNG Kỵ HợI NGộ QUYềN	:	oai dung, phát dã như lôi
THAM PHÙNG LINH HỏA	:	oai dũng phú quý
VĂN-KHÚC VŨ-KHÚC ĐồNG CUNG	:	lưỡng khúc trùng phùng (văn võ toàn tài)
Các bộ nhỏ phá cách		
MộC-DụC NGộ HỏA-LINH	:	đề phòng chết đuối
HÌNH VIệT NGộ LINH	:	Phòng bị điện nước sôi
TƯớNG-QUÂN NGộ TRIệT	:	làm việc bị cách bãi
TRÀNG-SINH NGộ TRIệT	:	công vụ trắc trở
PHÁ-TOÁI NGộ RIÊU Kỵ	:	miệng tiếng
TUế-PHÁ NGộ Kỵ	:	thị phi
KIếP-SÁT NGộ HAO HÌNH	:	đau ốm phá tài
ĐịA-KIếP NGộ HồNG-LOAN	:	tơ duyên trắc trở
TANG NGộ KHÔNG KHốC	:	nạn tán tài
TƯớNG PHÁ PHụC NGộ THAI	:	nạn chửa hoang
NHậT NGUYệT NGộ HÌNH Kỵ	:	nạn đau mắt
CƠ Cự NGộ HỏA KÌNH THƯƠNG Sứ	:	bệnh tật thi phi quan sự
THÁI-TUế NGộ ĐÀ	:	những sự việc bực mình
KÌNH DƯƠNG NGộ RIÊU	:	mụn nhọt ghẻ lở
MÃ NGộ ĐÀ	:	hoán cải nghề nghiệp
THAM NGộ SONG HAO	:	tình duyên oan trái
SÁT PHÁ PHÙNG LINH PHÙ	:	khẩu thiệt
KHOA QUYềN NGộ KIếP	:	làm ăn bị kèn cựa
THIÊN-HÌNH NGộ RIÊU PHÙ	:	thị phi, quan tai
Hổ NGộ Kỵ ĐÀ	:	ra ngoài phòng thú dữ
PHÁ NGộ HÌNH Kỵ	:	có chuyện đánh nhau

TANG NGộ HƯ KHốC	:	tang thương súc vật dịch chết
KÌNH NGộ KIếP CÁI	:	lên đậu, lên sởi
TƯớNG ấN NGộ TRIệT	:	công việc bị tiểu nhân ám hại
TANG MÔN NGộ HỏA	:	phòng cháy nhà
HÌNH HAO NGộ KIếP	:	phá tai tai nạn
THAI NGộ KIếP SÁT	:	thai nghén không yên
MụC DụC NGộ KIếP SÁT	:	khó đẻ
KHốC KHOA NGộ THƯƠNG Sứ	:	khoa trường lận đận
KÌNH Kỵ ĐịA KIếP	:	tai nạn đau thương
Tử-VI NGộ KIếP	:	dễ bị mắc lừa
Tử-PHÙ NGộ HỏA LINH	:	dễ bị ngẩn ngơ
THIÊN PHủ NGộ KHÔNG	:	tiền tài bao tán
MÃ NGộ TRIệT	:	phòng té ngã
PHÁ LIÊM NGộ HỏA	:	hình ngục, phá tài
KÌNH ĐÀ KHÔNG KIếP	:	tang thương, tán tài
VIệT NGộ LINH HÌNH	:	phòng nạn sét đánh
TƯớNG NGộ Tử TUYệT	:	xuất ngoại trắc trở
Cự MÔN NGộ Kỵ HồNG	:	tơ duyên trắc trở
THAM-LANG NGộ Hổ	:	phòng bị thú dữ
Cự-MÔN NGộ Kỵ	:	phòng nạn sông nước
NHậT NGUYệT NGộ RIÊU Kỵ	:	nạn đau mắt, cha mẹ
HỏA LINH	:	đau ốm
SÁT PHÁ LIÊM THAM NGộ	:	tàn tật, tang thương, đau ốm
TANG ĐÀ HÌNH TUệ Tử PHủ VŨ TƯớNG NGộ	:	nạn vong gia, phá tài
TAM KHÔNG ĐịA-KIếP, ĐÀ-TANG	:	đau bệnh

Hôn nhân

Sát Phá Liêm Tham hội Hồng Đào, Tả Hữu, Riêu, song Hỷ Phượng Long: là có hỷ sự về hôn nhân.

Hạn sinh con cái

1. Phượng Long, Đế-Vượng, Thanh long, ngộ Thai Dưỡng.
2. Thiên-mã hội Tràng-sinh, Thanh-long, Song-Hỷ, Hồng Đào.

Muộn vợ muộn chồng

Cung Phu Thê thủ chiếu các sao: Quả Công, Không Kiếp, Tang Hổ, Kinh Đà, Linh Hỏa, Khốc Hư hay bị Tuần Triệt án ngữ.

Số Hiếm muộn tử tức

Cung Tử Tức thủ chiếu các sao: Quả Cô, Hình, Tang Hổ, Đẩu quân, Khốc Hư, Phá-toái Kiếp-sát.

Phương vị các cung Xung Hợp cát hung tương quan với Mạng cung

QUAN PHƯƠNG THẬP DU

Bản phương, Đối phương, Hợp phương, Lân phương.

Trong các phương có phương cát phương hung, phương khinh, phương trọng, chớ không nhất luật coi cùng một đẳng lượng như nhau được.

Nêu lên 10 điều rõ ràng, để biểu lý cái tinh tuý uẩn súc của sự kiện.

PHƯƠNG VỊ CÁT HUNG

1. Bản phương cát, vị chi do nội tự cường
2. Bản phương hung, vị chi tòng căn tự phát
3. Đối phương cát, vị chi ngưỡng diện xuân phong
4. Đối phương hung, vị chi đương đầu ác bổng
5. Hợp phương cát, vị chi tả hữu phòng nguyên
6. Hợp phương hung, vị chi tả hữu thụ dịch
7. Lân phương cát, vị chi lưỡng lân tương phù
8. Lân phương hung, vị chi lưỡng lân tương hối
9. Phương cung giai cát, vị chi thiên tường văn tập
10. Phương cung giai hung, vị chi tứ diện sở ca

(chữ nho)

PHỤ THẬP DU CA

Cát hung tối yếu tế phân minh
Bản Đối Hợp Liên hữu trọng khinh
Tứ diện sở ca chung tất bại
Thiên tường văn tập tự nhiên hanh.
Tự cường tài thị hảo nhân gia
Làn xá duy thiêm cẩm thượng hoa
Nhược đáo phùng nguyên chân cảnh địa
Xuân phong chỉ khả cảm tương ta
Lưỡng lân tương hối khởi vi tai
Tự phạt tài giao đại khả ai
Di đóa đương đầu nhất còn bổng
Nan phòng tả hữu tập binh lai

Các vị sao chỉ về cơ thể của người

SAO	CƠ THỂ CỦA NGƯỜI
Thiên-Khôi	đầu
Ngộ Hình đồng cung	là đầu có tỳ vết
Phi-liêm	tóc
Thiên-tướng	mặt
Ngộ Hồng loan	mặt khôi ngô, tuấn tú
Tam-thai	trán
Bát-tọa	cằm
Thái-âm	mắt bên phải
Thái-dương	mắt bên trái
Tuế-phá	răng
Ngộ Kình dương	răng vổ
Lâm-quan	cổ
Long-trì	vú
Phượng-các	tai
Ngộ Kiếp Hình	tai điếc

Hóa-lộc	râu rậm quai nón
Cự-môn	cái mồm
Hóa-kỵ	lưỡi
Thiên-đồng	má
Văn-xương	bụng phệ
Thiên-riêu	lông
Vũ-khúc	nốt ruồi
Hỏa-linh	nối ruồi (nốt bớt lớn)
Thiên-việt	bả vai
Song Hao	cái mũi
Hóa-quyền	gò má
Tham lang	nách
Tham ngộ Kỵ	hôi nách
Đế-vượng	lưng
Thiên-mã	chân tay
Bạch-hổ	xương, gân cốt
Thiên-la	rốn
Hoa-Cái Kiếp Kình	mặt rỗ
Kình-dương	dương vật
Hỷ-thần	cái trĩ

Các sao trên đây là biểu tượng các bộ phận của thân thể, phải tùy theo khi ngộ Kình Hình, hay ngộ Kiếp tại Mạnh và Tật ách cung, mà luận xét sự thương tổn nặn nhẹ. **Các vị sao C Các sao thuộc các vật dụng**

Hồng-loan	vải vóc
Thiên-hình	giao kéo
Thiên-cơ	máy móc
Kình-dương	chàng, đục, búa, rìu
Quốc-ấn	con dấu
Thiên-tướng	cái bút
Tấu-thư	giấy
Đà-la	mực
Quang-Quý	thư tín
Khôi Việt	bằng sắc
Vũ-khúc	nhạc khí
Thiên-mã	xe cộ
Thiên-khốc	cái nhạc
Thiên-Y	quần áo
Thai Tọa	bàn, ghế, giường, tủ

Các sao trên biểu tượng vật dụng, nếu ngộ Hình Kiếp, tức là bị hư hỏng, mốc, mọt ăn, mối xông tùy theo vị trí hãm địa.

Các sao thuộc về thực phẩm

Tham-lang	thịt
Thiên-cơ	ngũ cốc, cơm gạo

Hóa-lộc	chất đắng chất cay
Phượng-các	thịt gà, thịt vịt
Hồng-loan	tiết canh
Tham ngộ Kỵ	thịt heo
Bạch-hổ	thịt rừng, món ăn thuộc sơn hào
Long-trì	cá biển, thuộc hải vật
Thiên-lương	thịt dê thịt ngựa
Mã ngộ Khốc	thịt trâu
Cự-môn	thịt bò
Đào ngộ Đà la	rượu mùi, rượu
Hoa-cái	các thứ đậu to
Thất-sát	các thứ đậu nhỏ, đậu thường
Hỏa Tấu Cự Kỵ	thuốc phiện, thuốc lá, thuốc lào
Thái-dương	thức ăn mặn
Nhật-Nguyệt	các thứ bánh, trái cây
Thái-âm	thức ăn nhạt, ngọt
Khốc Hư	gừng
Lưu-hà	bún ốc, trai, sò huyết
Thiên-tướng	các thứ canh, rượu quý
Lộc-tồn	lòng lợn, hành tỏi, gia vị
Hóa-quyền	các món thịt thui, thịt tái
Hóa-khoa	con nhộng, tằm
Thanh-long	cá chép, cá quả
Thiên-lương	các thứ rau

Các sao tượng trưng đám táng

Khi về già, thấy lâm trọng bệnh, tính hạn thấy các sao nhày chỉ là sự sắp về nơi lâm tuyền.

Xem Tật ách cung thấy các sao biểu tượng một đám tang lớn, tất nhiên biết là người được hưởng phú quý vinh hoa tới lúc chết.

Cự-môn	ván, hòm
Tả Hữu	đô tùy, phu khiêng quan tài
Bạch-hổ	quần áo tang
Thiên-khốc	kèn trống
Thiên-hư	gậy chống
Thiên-khôi	địa lý, ông sư, linh mục
Hoa-cái	lọng, dù, tàn y
Hóa-kỵ	thuốc uống
Đường-phù	các đồ để liệm
Quan-đời	giây thừng
Tấu-thư	giấy phủ mặt
Quốc-ấn	giấy vàng, giấy bạc

Điếu-khách	khách thăm viếng
Thiên-mã	các đối trướng, vòng hoa

Bài Lục Thập Hoa Giáp

Lục thập hoa giáp là 1 chu kỳ 60 năm từ Giáp Tý tới Quý Hợi, được chia thành 6 Giáp thường gọi là Lục Giáp.

Các thuật số gia còn căn cứ Can Chi, để tính các ngày khai trương, quật thổ, kiến tạo gia trang, hoặc quan hôn tang tế.

Việc áp dụng để xem hôn nhân trai gái, nên căn cứ quy luật sau.

Nam phái – Phu khắc thê nghi tài nghi tử, nghi phú, nghi quý.

Nữ phái – Thê khắc phu nghi bại nghi vong.

Nên rĩ Phụ vi chủ, để nhất luật tính sinh, nhập khắc xuất như đã ghi ở mục Ngũ Hành sinh khắc.

	1. GIÁP TÝ	
Giáp-Tý Ất-Sửu	hải trung Kim	vàng dưới bể
Bính-Dần Đinh-Mão	lô trung Hỏa	lửa ở nếp
Mậu-Thìn Ký-Tỵ	đại làm Mộc	loại mộc to lớn
Canh-Ngọ Tân-Mùi	lộ báng Thổ	Thổ ở cạnh đường
Nhâm-Thân Quý-dậu	kiếm phong Kim	chất kim ở đao kiếm

	2. Giáp Tuất	
Giáp-Tuất Ất-Hợi	sơn đầu Hỏa	hỏa ở đỉnh núi
Bính-Tý Đinh-Sửu	giản hạ Thủy	thủy ở các rãnh, rạch nhỏ
Mậu-Dần Kỷ-Mão	thành đầu Thổ	đất trên đầu thành
Canh-Thìn Tân-Tỵ	bạch lạp Kim	kim ở chân đèn cầy
Nhâm-Ngọ Quý-Mùi	dương liễu Mộc	gỗ cây dương liễu

	3. Giáp Thân	
Giáp-Thân Ất-Dậu	thoàn trung Thủy	nước ở trong ghe thuyền
Bính-Tuất Đinh-Hợi	ốc thượng Thổ	đất trên nóc nhà
Mậu-Tý Kỷ-Sửu	tích lịch Hỏa	lửa sấm sét
Canh-Dần Tân-Mão	tùng bách Mộc	gỗ cây tùng, cây bách
Nhâm-Thìn Quý-Tỵ	trường lưu Thủy	nước ở sông lớn

	4. Giáp Ngọ	
Giáp-Ngọ Ất-Mùi	sa trung kim	vàng ở trong cát
Bính-Thân Đinh-Dậu	sơn hạ Hỏa	lửa ở chân núi
Mậu-Tuất Kỷ-Hợi	bình địa Mộc	mộc ở vườn ở ấp
Canh-Tý Tân-Sửu	bích thượng Thổ	đất đầu tường
Nhâm-Dần Quý-Mão	kim bạc Kim	chất vàng chất bạc để sơn phết

	5. Giáp Thìn	

Giáp-Thìn Ất-Tỵ	phú đăng Hỏa	Thiên phú địa tái trời che đất chở, lựa của đèn bị che lấp đi
Bính-Ngọ Đinh-Mùi	thiên hà Thủy	chất thủy ở sông Ngân Hà
Mậu-Thân Kỷ-Dậu	đại dịch Thổ	đất của 1 quán dịch lớn (trạm)
Canh-Tuất Tân-Hợi	thoa xuyến kim	chất kim của đồ tư trang
Nhâm-Tý Quý-Sửu	tang đố Mộc	gỗ cây dâu tằm

	6. Giáp Dần	
Giáp-Dần Ất-Mão	đại khê Thủy	nước của khe lớn
Bính-Thìn Tân-Tỵ	sa trung Thổ	đất ở trong cát
Mậu-Ngọ Kỷ-Mùi	thiên thượng Hỏa	hơi nóng trên trời
Canh-Thân Tân-Dậu	thạch lựu mộc	gỗ cây lựu
Nhâm-Tuất Quý-Hợi	đại hải Thủy	nước ở đại dương

Xin xem lại mục Ngũ hành sinh khắc, và đem so sánh, sẽ hiểu ra tại sao lưỡng Thủy thành xuyên, lưỡng Thổ thành sơn được.

CHƯƠNG 9

MẠNH – VIÊN TƯƠNG QUAN 12 CUNG

Biểu Lý Tính Mạnh

Ta thường nói Tính Mạnh, vậy ảnh hưởng ở các địa vật là Tính và thụ bẩm ở thiên can trời phú là Mạnh nên lập Mạnh để biết thọ yểu. Mạnh là gốc của 12 cung số cần phải tốt đẹp. Ví như cây kia gốc rễ có to lớn bền chặt mới không sợ gío bão, và mới sinh được hoa thơm quả ngọt.

Có thể cây kia to lớn xanh tốt, lại sinh hoa quả xấu, ví như Mạnh và Thân, nếu mạnh tốt Thân xấu là Mạnh cường Thân nhược thời cuộc đời tuy phú quý nhưng gặp nhiều vận hạn rủi ro. Mạnh xấu Thân tốt là Mạnh nhược Thân cường, thời cuộc đời tuy phú túc, có tiền tài nhưng ngu dốt, bệnh hoạn và hình khắc, ví như loại cây có hoa quả thơm ngọt nhưng gốc rễ bị hổng l64, sâu đục chắc không thể nào trường thọ được.

Nên quan niệm Mạnh Thân là duyên nợ của mình từ bao kiếp trước, tỷ như thuyết nhân quả của nhà Phật, nên trong cuộc sống hiện thực, có bao người giỏi giang, học thức mà vẫn thất bại. Trái lại, thiếu chi người khả năng kém mà lại thành công, hiển đạt; thật là : si tủng ấm á gia hào phú, trí tuệ thông minh khước thụ bần ; bởi ảnh hưởng phúc đức thiện á từ bao kiếp trước của mình, cộng với công tội của cha mẹ ông bà kết hợp lại mà thành cái may mắn, hoặc tai họa của đời mình, nên ta thường nghe nói : cha ăn mặn con khát nước.

Cung Mạnh có ảnh hưởng chung cuộc sống, nhưng mạnh mẽ nhất là thời gian nửa cuộc đời trước nên tử-vi đã phân định, tam thập niên quan mạnh, mà nửa cuộc đời sau xin xem ở Thân, tam thập niên hậu khán thân.

Thân tương quan Mạnh-lý

Thân là kết quả chịu trực tiếp các đức tính, các công nghiệp của Mạnh mà thành, nên Mạnh là nhân và thân là quả của Mạnh. Mạnh chi phối toàn cuộc đời, lại gồm thêm sự thọ yểu mà Thân chỉ có nửa đời sau, nên Mạnh quan trọng hơn Thân nhiều, không thể nói mạnh hảo bất như thân hảo được. Thân hảo tuy có làm nên nhưng nếu mạnh yểu vong thời củng là bỏ đi vậy. Cũng như Thân hảo bất như Hạn hảo thời nên luận xét Hạn là thời vận, mà Mạnh Thân ___ gốc rễ; đã được phú quý rồi, nếu Thân Mạnh xấu dù có gặp được hạn tốt nữa, cũng chỉ như cơn mưa mát mặt dễ chịu lúc ấy thôi, sau phải bại vong ngay, vì Mạnh Thân xấu thời sao giữ được phú quí lâu dài.

Phải lấy Mạnh là chủ, luận với Thân cũng như Mạnh Thân với Phúc - đức vậy.

Phúc – cung liên hệ Mạnh Thân

Ta thường nói cung Phúc-đức là tối trọng, Phúc-đức đẹp mới làm nên được, nếu Phúc đức xấu là xấu.

Định luật này đúng với các môn học khác vì Phúc-đức và các cung khác không có tuyến định phân rõ ràng, riêng ở Tử-vi thời Phúc-đức I cung, Mạnh 1 cung, Thân cư cung nào luận Thân ở cung ấy, đã có giới hạn rõ ràng, không thể áp dụng như các môn học khác được.

Mạnh Thân phải tốt mới làm nên được, nếu Mạnh Thân xấu thời không làm nên phú quý hiển đạt được.

Thân cung chỉ để hợp luận với các cung mà thôi, nếu Phúc-đức tốt thời tăng thêm, xấu sẽ bị chiết giảm.

Phúc-cung để khán cả một đại gia tộc, tam tứ đại và tương lai các con cháu sau này manh nha ở các môi trường phúc, thiện, hung, trong cung Phúc đức mà chịu liên hệ cũng như Mạnh Thân chịu chung ảnh hưởng của Phúc-cung.

Nếu nói sóng trước đổ đâu, sóng sau đổ đấy là phúc-đức hệ lụy từ bao kiếp trước cùng với phúc-ấm tổ tiên là nhân của Mạnh thời do thiện ác đã kết hợp nên Mạnh xấu hay tốt rồi.

Nên Mạnh tốt là kết quả của phúc ấm tốt mà phúc bạc thời hẳn Mạnh sẽ xấu.

Mạnh Thân xấu là hiển nhiên phúc ấm lưu truyền xấu nên không thể hiển đạt đựơc.

Mạnh Thân tốt là kết quả của phúc đức tốt kết hợp lại nên sẽ được thịnh vượng.

Biểu lý Phúc-cung

Thí dụ : Con 1 nhà quyền quí, có họ hàng nhiều người làm nên danh phận, trí khôn ngu muội, tuy học hành không thành, ra đời không chức tước nhưng được nhờ của cải hi lu li của cha mẹ và họ hàng mà được ấm thân thời lá số sẽ hiện ra Cung Thân xấu mà Phúc cung tốt đẹp ; trái lại một người con nhà nghèo, ra đời công thành danh toại, vì có cung Mạnh Thân tốt đẹp mới làm nên được nhưng cung Phúc đâu có đẹp hoàn toàn, Các cung Tử-đức, Huynh-đệ, Phụ-mẫu, Mạnh Thân thời nên hiệp ảnh hưởng cung Phúc lại mà luận xét. Nếu thấy phúc tốt thời vì như có sẵn duyên phước căn bản để tăng tiến thêm sự tốt đẹp, riêng Mạnh Thân nếu xấu thời chỉ y thực túc hỷ mà thôi, không thể quý hiển được.

Nếu đã hiểu tiên tích đức nhi hậu tầm long thời ăn ở lấy phúc đức làm trọng để sau này hậu duệ được nở ngành xanh ngọn, không nên tác hung, tác họa mà sau sẽ tuyệt đường vinh danh hiển tổ.

Truyền tinh liên hệ

ở Tử-vi học thường nói sinh đồng niên, nguyệt, nhật tại sao lại bất đồng phú quý là vì 2 trẻ sinh đồng giờ tất độ số tinh đẩu như nhau nhưng phải phối hợp số cha mẹ của 2 trẻ lại để xem.

Đứa trẻ không làm nên, tuy các sao ở cung Mạnh của nó cũng giống như các sao ở cung Mạnh của đức kia, nhưng cung Mạnh hay Phúc của nó không có sự truyền tinh với cung Phúc Mạnh của cha mẹ nó.

Một gia tộc đã vượng phát mấy đời, khi đem các lá số ra đối chiếu cũng thường thấy các sao cư Phúc và Mạnh truyền tinh mãi cho nhau, khi thấy các sao ở Phúc và Mạnh không truyền tinh là dấu hiệu suy tàn đã tới.

Cũng một định luật, địa-lý gia tại sao hạ la-bàn khán mộ thạch xong lại biết nam nữ thứ trưởng hay con út ngành nào phát, ngành nào bại và thường phát cho toàn thể các tuổi được.

ở Tử-vi, lá số nào không truyền tinh là bại, trừ khi thấy có Cát diệu hội triều đẹp hơn so với các số trong gia đình tất nhiên có sự vượt lên, hay đã được hưởng phúc mới kết phát vậy.

Tương quan Mạnh và Tài

Nên luôn luôn coi cung Mạnh là chủ, ví như ngừơi cha trong một gia đình, không thể suy nhược yếu hèn được. Cũng như một cái hồ nước, có cứng chắc giầy bền thời chứa quá nhiều thời hồ sẽ bị bể, và nứơc tràn ra làm dơ bẩn thêm.

Nên Mạnh cường Tài nhượt thường phát phúc.

Nếu Mạnh nhược Tài cường năng chiêu họa.

Vậy tiền tài đến tay chưa chắc là phúc, vì nếu không đủ tài ba mẫn cán sẽ ngược lại là hạn họa.

Phu-Thê cung

Cũng như vợ chồng so đôi tuổi, thời phu khắc thê nghi tài, nghi tử, nghi phú, nghi quý.

Mà thê khắc phu thì nghi bai nghi vong.

Khi nghiên cứu Đẩu-số mới thấy sự huyền diệu, vợ chồng là duyên kiếp, Thiên-lý ngộ, nếu có sự hòa hợp bách niên giai lão, lá số tất nhiên có sự truyền tinh ở cung Phu-Thê.

Nô Bộc

Các sao ở cung Mạnh dù hung tính hay cát tính cũng phải tốt đẹp hơn các sao ở cung Nô Bộc thời minh mới mong điều khiển các gia nhân giúp việc, tuân hành kỷ luật để phù trì cho nên công nghiệp.

Nếu lấy các sao ở Mạnh yếu hơn cung Nô-Bộc tức là mình sẽ giúp việc kẻ khác là lý đó vậy.

Điền - Trạch

Nếu các sao cư ở cung Điền-trạch là Khoa Quyền Lộc, Thai Tọa, Tả Hữu, là hiển nhiên mình sẽ là gia nhân cho nhà phú quý, nếu các sap cư ở cung Mạnh quá yếu.

Như vậy không nên luận cung Điền-trạch tốt lắm mà lầm lỡ, nếu thấy cung Mạnh yếu.

Phụ-Mẫu

Ngay như Phụ-mẫu là bậc sinh thành thời các sao cũng nên yếu hơn cung Mạnh Thân, vì cung Mạnh Thân là chủ trong 12 cung, nếu xác sao cát diệu cư ở các cung khác thời còn đâu sao tốt cư ở cung Mạnh Thân được?

Vả chăng con hơn cha là nhà có phúc, cho nên Mạnh tốt hơn Phụ-mẫu là điều đáng mừng chớ không đáng trách, Cung Mạnh phải là chủ thứ đến Thân Quan Tài không được yếu hơn các cung khác, cũng như Nữ phải Mạnh Thân Phu là trọng, các cung khác là thứ chi.

Vậy Nam hay Nữ ngoài cung Mạnh Thân Phu Quan Tài phải đặt cung Tử - tức thành một vần để hiệp thêm với Phúc-đức mà xét.

Vì cuộc đời tuy có bôn ba lao lực nhưng vẫn niên con cái thành đạt tất nhiên sẽ được an hưởng lúc tuổi già.

Tật – Ách cung

Hơn nữa, cung Tật -ách nên coi là cung Mạnh thứ hai nhu bóng với bóng hình, tạo hạnh phúc hay tai tật cho cả cuộc đời.

Tật – ách là căn cứ để xem đám tang lớn –lao ra sao khi chết, nên có thể phụ luận ,à biết được sự phú quý có trường tồn không , nếu các sao tượng cho một cuộc ma chay lớn, cũng là dấu hiệu để biết được sự quý hiển tới lúc chầu tiên cảnh,

Phải căn cứ vào ngũ - hành của tinh diệu cư Tật -ách mà luận xét bệnh tật cũng như tính tình thụ bẩm từ từ ngũ hành vậy.

Nên mộc giả nhân thọ
Cơ Lương thuộc mộc chủ thọ trường

Kim chủ quả cam
Nên Vũ - khúc thuộc kim cương quyết
Hỏa chủ đoan chính
Liêm - trinh hoả chủ thanh bạch
Thổ cư hậu trọng
Tử Phủ chủ phúc hậu
Thủy chủ trí tuệ
Thiên-đồng, thủy, sinh kỳ trí.

Tìm nguyên gốc bệnh thời căn cứ vào hành của bản Mạnh (Mạnh thuộc ngũ hành nào) đối chiếu với các sao cư cung Tật -ách sinh khắc ra sao đẻ tìm bệnh.

Cũng như đáo vận - hành niên nguyệt thuộc ngành nào định-lý sinh khắc, để biết bệnh gì, gọi là vận bệnh.

Nếu biết được bệnh nguyên gốc và tính được vận bệnh thời sự phòng bệnh sẽ giúp ta không nhỏ trong cuộc sống; vả chăng đã có sự ngăn ngừa tất nhiên sẽ dùng được các phương dược y khoa để chấn áp, thời khó mà lâm trọng bệnh được.

Nhận-thân là tượng thiên địa nên lục phủ,ngũ tạng người ta cũng được phân định theo ngũ hành và các sao cũng có ngũ hành nên căn cứ ở hàng của bản Mạnh là căn bản (rĩ mạnh hành vi chủ) để luận xét về các bệnh trạng.

Ngũ – hành tiêu trưởng

Ngũ-hành tiêu trưởng liệt phân như sau : Vượng, Tướng, Hưu, Tù, Tuyệt

1) Khi MỘC VƯỢNG thời : hỏa tướng, thuỷ hưu kim tù mà thổ tuyệt

2) Khi HOẢ VƯỢNG thời : thổ tướng, mộc hưu thủy tù mà kim tuyệt

3) Khi KIM VƯỢNG thời : thủy tướng, thổ hưu hoả tù mà mộc tuyệt

4) Khi THUỶ VƯỢNG thời : mộc tướng, kim hưu thổ tù mà hoả tuyệt

5) Khi THỔ VƯỢNG thời : kim tướng, hoả hưu mộc tù mà thuỷ tuyệt

THÍ DỤ : - Người mộc mạnh mà thiếu chất thủy sẽ bị huyết bệnh.

- Người thổ mà hoả thiếu là khí thương bệnh.

- Nếu kim hư là thương quan vì hàn tắc lãnh khái (bệnh ho)

- Người kim mạnh mà bị hỏa khắc thì hay bị ho ra máu, Nhiệt tắc phong đàm (bệnh đờm) hay ho lao.

- Kim thuỷ cố hương nhi thận kinh hư, như người mạnh kim bị hoả khắc, người thuỷ thổ khắc dễ bị mắc bệnh thận và thần kinh.

- Cũng như mạnh thổ mà bị mộc khắc là tỳ bị hư (lá lách).

- Người mộc bị kim khắc là cân động cốt thống (đan gân và nhức xương).

Trên đây là nguyên gốc bệnh đã có sẵn trong thân thể , khi lưu niên vận hạn tới các năm, thời nên xem xét để biết năm ấy thuộc ngũ hành nào, hiệp lại với hành của bản mạnh để luận xét, căn cứ vào định luật vượng, tướng, tuyệt, tất nhiên sẽ biết bệnh hoạn ra sao, cũng như định luật này cùng chung áp dụng đối với tinh tú vậy.

LUẬN CHƯ TINH CÁCH ĐỊNH LÝ CÁT HUNG

Tinh dầu là các vì sao mà Hi-Di Tiên sinh xem ở tượng trời có ảnh hưởng trực tiếp với con người, lập thành khoa dẩu số vào năm tháng ngày giờ và biết được hoạ phúc thịnh suy.

Các tinh-tú hoặc hiện thực, hoặc tượng hình hay lý khí, xếp thành một quy luật rất tài tình, từ phương vị miếu -vượng hay bại huyệt, cho đến danh biểu các vì sao. Lấy căn bản là sao Tử-vi chủ tế, thường gọi là Đế -cực.

Tử - vi tinh

TỬ : được định nghĩa là : thanh xích chi gian (xanh và đỏ thẫm hợp lại) tức là màu tín hồng.

Vi : tốt diệu, tối tiểu, ẩn dã.

Cực linh động, cực bé nhỏ không thể trông thấy được.

TỬ-VI : Vi thiên đình trung hữu ngũ đế tọa, hằng trung chí thiên hữu tam năng tam hành dã.

Tử-vi là toà thiên đình trong có năm vị vương : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ chủ trì, luôn luôn có mặt ở khắp trời, gồm 3 quyền và 3 vị.

Nên linh động hiểu nghĩa chữ Tử-vi không nên quá hiện thực Tử-Vi là một ông vua, nên suy ra cho cung Ngọ là thiêu hỏa (hơi nóng) nên ngũ đế tọa ở

Tử-vi sẽ được sinh hóa dễ dàng vì vậy Tử-vi cư Ngọ miếu vượng là ý nghĩa thế.

Thiên - Phủ - Tinh

THIÊN : 1) Bắc cực thần chi biệt danh là tên riêng của thần Bắc Cực

2) Viết âm đức, thái nhất, thiên nhất, địa nhất gồm các đức tính của thái cực của trời và đất.

3) Tả tử cung môn lập, thừa sự thiên vương đại đế vị, cư tại phía trái, thừa hành các công việc vủa Tử-vi đại đế.

4) Tri nhân cát hung biết người lành dữ

5) Diệc tại Thiên-ất quý nhân là thần phúc hay giúp đỡ.

PHỦ : - Chưởng tổ miếu chi thủ tàng là thần đứng đầu coi kho tàng

- Bang quốc chi mạnh thủ văn tịch các nước

- Đinh điền bộ tịch gia đăng ư Thiên-phủ Nhân đinh điền bộ đều ở Thiên phủ cả.

Vì vậy Tử-vi là nam bắc đẩu, dương thổ, mà Thiên-phủ là nam đẩu âm thổ, phải tương ứng cùng nhau trên 12 cung, để hòa hợp cùng các sao khác kết thành những bộ lớn nhỏ khác xấu tốt là tuỳ theo tính chất và phương vị các sao.

Về khoa đẩu số, mỗi sao đều có phương vị miếu hãm và bản chất riêng, miếu là tốt và hãm là xấu.

Miếu địa và hãm địa

Nên cần nghiên cứu để tính các cung miếu hãm của các sao để dễ phân luận:

Thí dụ: các chính tinh đóng ở nơi miếu vượng, gặp các sao tốt cư chiếu phù trì nữa mới là thực tốt.

Nhưng nếu đóng ở nơi tốt lại gặp phải hai sao Tuần Triệt thì lại xấu, vì đã bị khắc chế.

Tử-vi là ông vua, thì ông vua phải ngồi ở chốn cung điện có hai hàng văn võ phù trì có quán tính canh gác; nếu ông vua lại ngồi ở quán nước, không ở cung này tất sẽ ở cung khác, không có kẻ hộ vệ tất chỉ 1 cận cao bồi cũng hiếp đáp được.

Đây là chỗ khó khăn của người mới nhập môn, hơn một trăm vì sao, an trên 12 cung, không ở cung này tất sẽ ở cung khác, không thể bỏ đi một vị nào được, nên các sao kết hợp ở cung này đang tốt mà thành xấu, vì gặp các sao ác sát hay Triệt Tuần án ngữ.

Phân chia tinh đẩu

Các sao được chia thành nhóm, có tính chất thiện ác, hoặc phù trì hay hãm hãi lẫn nhau.

Quý tinh hay tôn tinh

Quí tinh là các sao chủ ảnh hưởng đến sự giàu có của cải súc tích, ruộng cả ao sâu, nhà cao cửa rộng.

Nhóm văn tinh

Văn tinh là các sao ảnh hưởng về quyền chức, quan tứơc, danh phận về đường hoạn lộ.

Nhóm tài tinh

Tài tinh là cácc soa ảnh hưởng đến sự giàu có của cải súc tích, ruộng cả ao sâu, nhà cao cửa rộng.

Nhóm văn tinh

Văn tinh là các sao ảnh hưởng đến sự học hành, văn chương thư tịch.

Nhóm phúc thiện tinh

Nhóm phúc thiện tinh là các sao chuyên gỉai trừ tai nạn, vận hạn,và tăng thêm sự tốt đẹp lên.

Nhóm hung sát

Hung sát tinh là các sao chuyên tác hại, đưa tới những sự hao tán tiền của, trộm cướp, tai nạn, yểu triết, hay những sự việc chẳng lành, thường gọi là hung tinh.

Nhóm tiện tinh

Tiện tinh là các soa ảnh hưởng tới sự nghèo hèn, ngu dốt, mờ ám, thiếu thông minh.

Nhóm hoặc thiện hoặc hung

Là các sao khi gặp sao thiện thì hoá thiện, khi gặp sao ác thì hóa hung ác.

Phản Định Luật

Các sao được chia từng nhóm có tính chất riêng, có vị trí miếu vương, không phải là định luật cố hữu được, vì còn có phản định luật nữa.

Hai sao Triệt-lộ Tuần-không khi gặp các sao chính tính miếu vương, thời làm cho các sao này,chẳng những không còn tính chất tốt nữa, lại còn hoá ra xấu là tùy theo vị trí.

Một sao cư cung hãm địa là xấu, nhưng ngược lại nếu gặp Triệt Tuần án ngữ lại hoá ra tốt.

HUNG CÁT BIẾN HOÁ

Hơn nữa phải căn cứ các sao cư chiếu mà luận tốt xấu.

1) Đa hung thiểu cát biến vi hung, là nhiều sao hung ác mà gặp ít sao tốt thì sẽ hoá ra hung

2) Đa cát thiểu hung biến thành cát, là nhiều sao tốt mà gặt ít sao hung thì sẽ biến thành tốt.

Đây là một định luật của khoa tử vi đã làm cho người nhập môn không hiểu, lẩn quẩn để rồi coi câu phú này cũng như trăm ngàn câu phú khác hoá thành chán nản.

Vì vậy các tinh đẩu phải căn cứ vào cả một hệ thống lý luận. Hãy đơn giản 1 giả thuyết, oai quyền không ai bằngag 1 ông vua, nếu như thất thời thì chỉ một ông “cùhi bắp” cũng hà hiếp được.

Sao Tử-Vi cư Ngọ là ông vua : Thất sát Dần Thân là thần dũng-tượng nhưng nếu ngộ Triệt Tuần thuộc ngũ hành bị khắc chế chẳng những không còn là vua tài giỏi, tường hùng dũng nữa, mà chỉ là những tên ngu độn ôm hận suốt đời.

So sánh tinh đẩu

Một định luật khác cũng quan trọng không kém.

- Phải luận các sao theo địc vị lớn nhỏ, so sánh cát tinh với cát tinh xem sao nào lớn hơn, sao nào nhỏ hơn.

Thí dụ : một võ sinh bao giờ cũng phải phục tòng ông võ sư.

một người trung học phải kém người đại học

So sánh hung tinh với hung tinh

- Một chú cao bồi phải phục tòng một chúa đảng
- Một tướng cướp phải phục tòng một đại tướng

Luận Triệt_lộ Tuần-không

Nên hiểu ý nghĩa hai sao này, vì rất quan trọng cho việc đoán trước các chính tinh hay hung tinh khi gặp 2 sao Triệt Tuần

Triệt

triệt thuộc kim đới thủy, là triệt trảm, là chém đứt ra từng mảnh, từng khúc, ngăn chặn ra, phân ra không để cho liền lạc với nhau.

Tuần

Tuần thuộc hỏa đới mộc là vây hãm lại, bao chặt lấy. Nên Mộc, Hỏa, Kim là 3 hành khi gặp phải Triệt Tuùan rất quan trọng,không còn quyền uy,khả năng hữu hiệu, trái lại còn u tối đi nữa là tuỳ theo vị trí miếu hãm của các sao .

Thí dụ : Thất -sát Dần Thân là nhất sinh tước lộc vinh hoa, tứ phương cũng phục anh hùng, nhưng gặp phải Triệt Tuần là kiếm gãy.

ở Tử Vi triệt tuần đóng thuộc vị trí 2 cung , nhưng các sao khác chỉ ở 1 cung.

Vậy phải xem xét triệt tuần ảnh hưởng cung nào nặng cung nào nhẹ, phải căn cứ vào Âm Dương lý theo định luật sau đây :

Định-lý Triệt Tuần

Triệt tuần theo định lý phân chia ảnh hưởng theo cung
Dương hành tam thất (3/7)
ÂM quy nhị bát (2/8)
Thí dụ : Triệt tuần ở 2 cung Dần Mão

1) Người sinh thuộc Dương thì cung Dần ảnh hưởng 7 phần cung Mão ảnh hưởng 3 phần.
2) Thí dụ cũng 2 sao Triệt tuần ở 2 cung Dần Mão.

Người sinh thuộc Âm thì cung Mão chịu ảnh hưởng 8 phần cung Dần chịu ảnh hưởng 2 phần.

Do thế, cũng một Triệt tuần mà cung Mạnh của người Dương ở cung Dần thì bị hại lớn vì chịu 7 phần nếu ở cung Mão thì chịu 3 phần.

Trái lại cung Mạnh của người Aâm ở cung Mão lại chịu 8 phần, nếu ở cung Dần chỉ chịu 2 phần ảnh hưởng thôi.

Triệt Tuần Quy Lý Âm Dương

Âm dương rất quan trọng để xét Triệt tuần vì dương thuận mà âm nghịch

1) Thí dụ : người Dương theo định luật thuận khởi Mạnh cư cung Dần , mà Triệt tuần cư Dần Mão là bị Triệt tuần chậm lại, vậy lại, cản trở không đi được vì Triệt tuần ở phía trước mặt.

Mạnh cư cung Mão là Triệt tuần ở phía sau lưng , nên ít bị cản trở.

2) Nên trong Phú đoán có câu :

- Triệt tuần dương đầu, thiếu niên tân khổ, mà trái lại không thấy lao tâm khổ trí, lại vẫn phát sinh phú quý, tọa hưởng kỳ thành nhung lụa.

3) Tướng quân ngộ triệt trước miền, ra đường gặp giặc mình liều tan thây.

Nếu người Dương-mạnh ngồi cung Mão có Tướng quân Triệt, thời Triệt kia đâu có đủ sức mà làm hại Tướng-quân, vì Triệt ở sau lưng ông Tướng-quân.

Nhưng nếu người Aâm gặp Tướng quân ngộ Triệt mà Mạnh cư cung Mão, ấy là Triệt cản Tướng-quân,vì triệt ở phía trước mặt nên phú đóan rất hay vì Tướng- quân kia không cụt cũng què.

Tam hành kỵ Triệt tuần

1) Những sao thuộc ba hành Kim, Hỏa, Mộc, là 3 hành rất sợ Triệt tuần

Ví như sao Mộc là cây mà gặp Thổ

Sao Kim mà gặp Hỏa

Sao Hỏa mà gặp Thủy

Sẽ bị khắc chiết mà hết ảnh hưởng.

2) Theo định lý Tử-vi thì:

Sát Phá Tham tối kỵ Triệt tuần

Vì sao Thất Sát thuộc Kim

Và Tham lang thuộc Mộc

Còn sao phá-quân thì ít sợ Triệt tuần, vì Phá-quân thuộc Thủy.

3) Tử Phủ Vũ Tướng không sợ Triệt tuần lắm vì Tử Phủ cách, thiên sang hành thổ nhiều hơn.

Riêng sao Thiên Phủ là kho lẫm, thì sợ Tuần mà không sợ Triệt lắm

Vì ngộ triệt thì chỉ bị trộm cắp, sứt mẻ ít thôi, nếu ngộ Tuần là kho rỗng.

Cũng như sao Vũ-Khúc sợ Triệt tuần, vì Vũ Khúc thuộc Kim. Riêng hai Hành Thổ và Thủy thì ít sợ Triệt tuần hơn

Triệt tuần ảnh hưởng các cung xung hợp

1) Các cung xung hợp chịu ảnh hưởng nặng nhẹ của Triệt tuần cũng phải căn cứ vào Âm Dương mà luận.

2) THÍ DỤ : Dần, Mão, Thân, Dậu là 4 cung xung chiếu mà Triệt tuần cư Dần Mão người Dương thì cung Dần Dương chịu 7 phần chiếu sang cung Thân Dương phải chịu ảnh hưởng nặng.

- Cung Mão chỉ chịu ảnh hưởng có 3 phần, cung Dậu chiếu thuộc Aâm, nên chỉ chịu ảnh hưởng chút đỉnh mà thôi.

3) THÍ DỤ : Dần Mão Thân Dậu xung chiếu nhau
Triệt Tuần cư Dần Mão
- Người Âm quy Mão thuộc Âm chịu ảnh hưởng 8 phần, chiếu sang cung Dậu (âm) chịu ảnh h ư ởng n ặng.

Cung Dần (dương) chịu 2 phần, chiếu sang cung Thân (dương) thì ảnh hưởng không còn bao nhiêu.

4) Phải tùy thuộc vào Âm hay Dương mà định ảnh hưởng.
- Người sinh Dương thì các cung thuộc Dương xung chiếu hay tam hợp chịu ảnh hưởng nhiều.
- Người Âm thì các cung thuộc Âm xung chiếu hay tam hợp chịu ảnh hưởng nhiều.

Hung cát của Triệt Tuần

1) Luận về tinh đẩu thời không 1 sao nào ảnh hưởng quyền năng hung cát có thể lớn như 2 sao Triệt Tuần.

Nên Triệt Tuần cư 2 cung, chiếu 2 cung, lại còn ảnh hưởng ở các cung xung chiếu, và tam hợp nữa.

Tam phương cung

2) Tam phương xung sát hạnh nhất Triệt nhi khả bằng.

Là 3 cung tam hợp có các sao ác sát.

Hay là 3 sao chính tinh hãm địa Sát, Phá, Tham rất xấu, tối kỵ, nhưng khi gặp được một sao triệt cũng khá bình yên được.

Tứ chính cát

3) Sao Tuần là Tuần không cũng phá được hết các sự tốt đẹp.

Nếu tứ chính giao phù là Mạnh, Quan, Tài, Ri có sao tốt hợp Lộc cách mà gặp Tuần cũng phá hết tốt.

(Tứ chính giao phù kỵ nhất Không chi trực phá) là vậy.

Đảo nghịch của Triệt Tuần

1) Hai Sao Triệt Tuần ví như bộ thắng của chiếc xe hơi, khởi hành mà thắng lại thời đi sao được, xe đang chạy vùn vụt, thắng lại là yên ngay.

2- Nên 14 chính tinh, kể cả các sao ác sát, cư nơi miếu địa, mà gặp Triệt Tuần là hết ảnh hưởng.

3- Chính tinh cư nơi hãm địa thời ảnh hưởng thật dữ, nhưng nếu gặp Triệt Tuần thì trái lại là tốt.

4- cũng như các sao hung sát nhập miếu, thời ví như người làm giặc nhưng lại thành công là cách hung tính nhập miếu, phát dã như lôi, lại không nên gặp Triệt Tuần.

5- Nên ở phản định lý có câu:

Nhược phùng bại địa chuyên khán phàu trì chi diệu, định hữu kỳ công.

Là sao chính tinh cư nơi hãm địa mà gặp được Triệt Tuần thì ngược lại là tốt, sẽ lập được công nghiệp rực rỡ, là kỳ cách vậy.

Thí dụ: Không một sao nào xấu hơn sao Liêm-trinh và Tham-lang cư ở 2 cung Tỵ Hợi, phú đoán đã có câu:

- Liêm-tham Tỵ Hợi, hình ngục nan đào.
- Liêm-Tham Tỵ Hợi khôn bàn, chàng Tiêu thuở trước tân toan ngục hình.

Là Liêm Tham Tỵ Hợi thì hạ tiện, không tránh được tai nạn, ra vô chốn ngục tù, nhưng nếu gặp được Triệt Tuần thì ngược lại là người phú quý, văn võ song toàn.

Tất cả các tính lý hung hãn, ngục hình không còn, và sự quý hiển hoặc thiên sang văn hay võ là tùy theo các sao phù mà nhận xét.

Thời gian của sao Triệt Tuần

Tam thập niên tiền quan Triệt

Tam thập niên hậu khán Tuần.

Hai sao Triệt hay Tuần đều có ảnh hưởng cả cuộc đời nhưng sao Triệt tác động mạnh mẽ nửa cuộc đời trước, cũng như Tuần, ảnh hưởng mạnh nửa cuộc đời sau.

Phải nhận xét nếu Tham Liêm gặp Triệt, nửa cuộc đời trước được bình an, nhưng nửa đời sau sẽ lâm nạn.

Liêm Tham gặp Tuần nửa cuộc đời sau sẽ tốt không sợ hung hãn.

Nguyên tắc chung của 2 sao Triệt Tuần, với thời gian tính, ví như người mắc bệnh lao, tuy chữa khỏi bệnh nhưng sau đó cũng bị giảm sức khỏe, và vẫn phải phòng sự tái phát của bệnh.

Bộ sao Tả-Phụ, Hữu Bật

Tả-phụ là dương thổ Bắc đẩu tinh
Hữu-bật thuộc âm thổ Nam đẩu tinh.

1- Đối với đẩu-số hai sao này rất cần thiết ví như 2 hàng văn võ của một ông vua.

- Tả-phụ thuộc hàng văn, bàn tính mưu cơ chiến thuật, nên chữ Hán viết chữ phụ có chữ xa (là xe) tức là ngồi cùng một xe với ông vua để giúp về kế hoạch, ông vua cũng chỉ có thể ở chung với quan văn mà thôi,nên sao Tả-phụ đồng cung với Tử-vi là tốt.

- Sao Tả-phụ đồng cung với Thiên-phủ ở Tuất, là tả-phủ-cách, thượng cách vì Thiên phủ miếu ở Tuất mà Tả-phụ cũng miếu ở Tuất.

2- Sao Hữu-bật thuộc hàng võ quan, nên chữ Hán viết chữ bật có bộ cung, tức là cung tên (một thứ võ khí). Đã là võ tất phải đi bên ngoài mà đánh đông dẹp bắc, không nên ở cung một cung (ví như 1 nhà) với ông vua được, vì hàng võ bao giờ tính nết cũng cương cường, có thể đoạt ngôi giết chúa, thường lộn xộn không thâm trầm như các quan văn.

Phương vị của Phụ-Bật

3- Khi thiết triều thì văn tả, võ hữu, khi hành sự thì văn nội võ ngoại, trái đi là không hợp cách.

Luận đoán tinh đẩu cần xét xem Phụ Bật có cư đúng vị trí không.

4- Thí dụ : như một người có hai tay tả hữu, đúng theo Tạo hóa xếp đặt, cùng úp lòng bàn tay vào đùi cả, trái lại nếu đem tay trái qua phía tay mặt và đem tay mặt qua phía tay trái thời sẽ ra sao.

5- Nên phương vị của hai sao Phụ Bật cũng 1 lý do đó, và Tả-phụ thuộc văn đâu có đi ra ngoài để đánh đông dẹp bắc được cũng như võ đâu có thể ở trong cung để thiết mưu định kế được.

6- Vì vậy nên Tả Hữu miếu địa ở 2 cung Thìn Tuất cho ngừơi sinh tháng giêng tháng bảy vì một sao ở trong và 1 sao ở ngoài.

Và vượng địa ở hai cung Sửu Mùi cho người sinh tháng 4, tháng 10 vì 2 sao Tả Hữu đồng cung ở 2 cung Sửu Mùi.

7- Phương vi của hai sao Phụ Bật rất cần với cách giáp biên nhất là ở Sửu Mùi.

8- Về cách giáp biên, phải tùy theo Mạnh ngồi cung nào xét xem Tả Hữu có hợp phương vị không, nếu trái lại là không hợp, cũng ví như văn ở bên võ, mà võ ở bên văn thời tuy giáp Phụ bật nhưng sẽ gặp rất nhiều sự xáo trộn trong cuộc sống.

Tả Hữu tòng hung diệt

9- Hai sao Tả Hữu nếu cư đồng cung ở Sửu và Mùi, nên xem ngay trong cung có sao cát tinh miếu vượng, hay ác sát không vong mà phân định hung cát của Tả Hữu.

Thí dụ như trong cung có sao Địa-kiếp Thiên không hãm thì sao Tả Hữu sẽ nhập đảng ngay với bọn hung tinh này, mà tác hại khủng khiếp ngay, ví như Địa-kiếp là tương cướp lại thêm hai ông tướng Tả Hữu nhập bọn nữa, thì ảnh hưởng tai hại hung hãn thật trở tay không kịp, là cách tống hung diệt.

Tả Hữu tòng cát phù

10) Thí dụ trong cung có sao Lộc sao Quyền đồng cung với Tả Hữu, là Tả Hữu sẽ nhập bọn cùng Lộc Quyền, mà tăng gấp sự tốt đẹp của Lộc Quyền kia lên.

Lộc Quyền mà gặp Tả Hữu đồng cung, ví như nhà toàn ngọc toàn vàng, đây là cách Tả Hữu tòng phù cát.

Tả hữu giáp biên hung cát

11) Cùng một định lý này áp dụng cho cách giáp Biên. Khi đã xét qua đồng cung,thời sự hung cát của cách giáp biên cũng thế.

- Thí dụ Tả Hữu giáp biên ở Sửu Mài, mà trong cung có Kiếp Không, thời Tả Hữu sẽ nhập bọn cùng Lộc Quyền để tăng thêm sự tốt lành của Lộc Quyền.

Nên theo định lý này để phân định tinh tường mà luận xét, tại sao Tả Hữu đồng cung là nhất hô bá nấc là tôn cư vạn thặng mà hô lên không có quần thần văn võ đáp lại thì chỉ là một chú cai thâầ hay một ông tướng cướp.

Và giáp Tả giáp Hữu quý vô nghị, lại không gần vua, gần chúa, hội họp ở chốn triều đình, và chỉ là một sự kết phe họp đảng của một bọn cướp hay một bọn du đãng khét tiếng mà thôi.

Bởi thế nên mới phân biệt đâu là quần thần khánh hội cách, cùng với các giáo sư, bác sĩ, cô mụ nhà hộ sinh, ông thương gia, chú du đãng, hay là một tướng cướp tuỳ theo vị trí, tính chất các tinh tú cư chiếu, mới phân biệt minh bạch được.

12) Vị trí ta thấy co lính mang vũ khí, thời nên luận đoán với một nhà quyền quý ở cao tốc, biệt thự nguy nga, và kẻ gác nhà tăng vẻ uy nghiêm cho nhà quyền ấy.

Trái lại với 1 ngừơi dân nhà lá, nhà tôn, thời người lính mang võ khí tới để xích tay điệu về ngục lãnh tội.

Bộ sao Long Tri Phương Các

Long-Tri thuộc Thủy

Phượng-các thuộc mộc đới kim

Là đài-các tinh, là văn tinh

Chủ sự vui mừng, cừơi hỏi, thi cử

Phù trì chủ Nhật Nguyệt là hợp cách

Đi với Quý Ân là cách kim bảng đề tên

Nếu cùng với Hỷ-thần, Riệu Y, Hình, Kỵ hội họp là đồng tính chất, tăng thêm hỷ sự, đài các nguy nga, văn chương siêu việt.

Ví như rồng có vẩy, có vây, râu, móng tỏa ánh hào quang.

Như phuợng có bộ lông rực rỡ, nhảy múa dưới ánh mặt trời.

Cách giáp biên và đồng cung ở Sứu Mùi, cát phù hung diệt, cũng một định lý như trên mà luận đoán.

Ngoài Thân Mạnh ra Phượng Long cư cung Điền-trạch là hợp cách.

Khảo sát phú đoán

Ở phú đoán có câu :

Phượng Long Mão Dậu đôi miền

Vượng thì kim bảng đề tên ở đầu

Sao Long-trì khởi thuận tại cung Thìn

Phượng-các khởi nghịch tại cung Tuất

Không bao giờ hai sao này ở đối cung Mão Dậu được cả, chỉ có thể đồng cung ở Mùi với người tuổi Mão.

Đồng cung ở Sửu với ngừơi tuổi Dậu.

Câu phú đoán ngày minh chứng cho thấy ngừơi tuổi Mão, Dậu, Phượng Long miếu địa ở Sửu Mùi, nếu gặp được các văn tinh khác hội họp tất sẽ thi đỗ cao. Vậy không nên lầm lẫn sang 2 cung Mão Dậu với người tuổi Mão Dậu.

Bộ sao Tam-thai Bát-tọa

Tam-thai thổ

Bát-tọa thổ

2 sao Thai Tọa miếu địa ở các cung Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Nếu giáp biên mà trong cung có Kiếp Không, thì là nhà rách vách nát, hoặc ở xóm lao động, xóm bình dân chứ không là nhà cao cửa rộng được.

Lại như Dương Đà, hung sát hay 2 sao Xương Khố là chủ sự buôn bán, kỹ nghệ, kho lẫm tức là nhà ở đầu góc phố hay là sự buôn bán ở trong chợ, song ngày nay đầu đường xó chợ mới là nơi thị tứ, buôn bán phát đạt được.

Nếu trong cung điền-trạch có cát tinh miếu vượng, hay Khoa Quyền Lộc tất nhiên là nhà cao cửa rộng, ruộng vườn tít cánh cò bay.

Cũng như : Mộ kiêm Thai Tọa văn mô vũ lược kiêm ưu,

Ở mạnh phải tuỳ theo cát tinh hay ác sát mà luận đoán, cát tinh cư đồng cung với Thai Tọa là người mưu lược mà khoan hậu trung lương, trái lại nếu cư đồng cung với Không-vong ác sát là kẻ mưu quỷ chước thần, gain xảo lừa bịp chính hiệu.

Giáp Bát-tọa giáp Tam-thai.

Thiếu niên đã dự các đài nghênh ngang.

Cũng 1 định lý cát phù hung diệt mà đoán là được ở các đài phủ nọ, phủ kia, nhà buôn bán kỹ nghệ, hay là nhà là nhà gianh.

Nên cũng đồng cung, cũng giáp biên cách mà phân biệt được ngươi giàu có vàng chôn ngọc cất, mà kẻ kia chỉ là bà đếm tiền ở ngân hàng, ông gác cửa kho bạc.

Bô sao Ân-Quang Thiên-Quý

Ân-quang thuộc hỏa

Thiên-quý thổ

Quý Ân miếu địa ở 2 cung Sửu Mùi

Quang Quý là bộ sao Phụ Bật, Xương Khúc, Thai Tọa là tăng thêm sự tốt đẹp sáng sủa của các sao này.

Quang Quý phù trì cho cách nhật-nguyệt hợp hơn các cách khác.

Quý Ân là bộ sao phúc thiện, giải trừ được hung họa mà không sợ các hung sát tinh.

Bộ sao Đào-hoa, Hồng-loan

Đào-hoa mộc

hồng-loan mộc

đào-hoa, Hồng-loan miếu ở Tý, vượng ở Mão

Hai sao này cư ở Quan-lộc hợp cách nhất.

Cung Quan-lộc mà gặp được Hồng Đào thì đường hoạn lô nhẹ bước thang mây, không phải bôn ba cầu cạnh, dù thương mại hay kỹ nghệ cũng vậy, nếu không có Hồng Đào thì khó mà làm nên cơ nghiệp, dù có làm nên cũng không thể lớn lao được.

Nếu hợp với Thiên-hỷ, Hỷ-thần thành bộ tam minh, thì hỷ sự đến trùng trùng.

Đào-hoa Hồng-loan không nên ở Mạnh, vì tính dâm và huê nguyệt.

Nhất là Nữ-mạnh càng không nên gặp Hồng Đào.

Đào-hoa cư Tý Mão nếu ngộ Thiên-không ví như cây đào bị cháy vì Thiên-không thuộc hỏa.

Đào ngộ Không là bán thiên chiết sý, tức là chim bay lưng trời gãy cánh.

Nếu ở Mạnh Thân Quan Tài là cơ nghiệp sẽ bị đổ vỡ nhưng Không Đào cư Mạnh là người cơ mưu, trí lược.

Bộ sao Văn-Xương Văn-Khúc

Văn-xương bắc đẩu tinh, dương-kim

Văn-khúc nam đẩu tinh, âm-thủy

Vượng ở Sửu Mùi Thìn Tuất Tỵ Dậu

Chủ Văn chương, khoa giáp, mỹ thuật, ca vũ.

Hãm địa chủ gian xảo, đa hư thiểu thực.

Ngộ Lộc-tồn Kinh Kỵ là nghề thầy cúng, hát châu văn, các ban nhạc kèn trống của các đình chùa.

Nữ-mạnh không nên gặp Khúc-Xương.

Hội với Hình Kỵ, Quan Phúc là người ưa thích về đồng bóng và tính tình thường ưa đổi thay.

Hội với Riêu Y là cách dâm bôn.

Hội vời Riêu Hỏa, Linh, Hình thường trong giấc ngủ mơ thấy chuyện tình nên phú đoán có câu: Khúc Xương ấy gái chẳng lành. Vườn hoa ong bướm hiệp tình tung tăng.

Nam Nữ-mạnh Văn-xương ngộ kỵ đều là cách giảm thọ.

Bộ sao Thiên-Khôi Thiên-Việt

2- Thiên-Khôi nam đẩu tinh dương-hỏa đới mộc

Thiên-việt nam đẩu âm-hỏa đới kim

Đệ nhất tôn vinh quý tinh

Chủ văn-chương, khoa giáp

Quyền tước mà mô phạm

Thường được sự kính trọng của mọi người, nên được tôn là Thiên-ất quý nhân thần.

Tính tình cao thượng, phúc đỉnh mà thanh khiết.

quyền uy hiển hách mà nghiêm nghị

Nhà quyền quý không có Khôi Việt thì không được sự kính trọng của nhân dân, vì thiếu thiên uy.

Khôi là bằng sắc

Việt là bút nghiên.

2- Hãm địa là con dao, lá chắn vũ khí búa rìu của kẻ ăn cắp. Khôi Việt tối kỵ ngộ Tuần Triệt, là cách quý tinh ngộ Không. Nên Khôi Việg (Quý) mà ngộ Không (Tuần triệt) là bằng cấp, ấn tín rách nát coi như không có.

Nên ở phú đoán : Quý phùng Không xứ ai làm cho nên Việt Khôi hãm tối kỵ Ngộ Hỏa, Linh, Hình tất sẽ bị tai nạn kinh khủng như sét đánh, điện giật, hỏa tai.

1- QUY ĐỊNH CỦA KHÔI VIỆT.

2- QUÝ TINH MIẾU ĐỊA CÁCH.

3- Cung Ngọ ví như Thiên-đình của Ngọc Hoàng, cung điện của nhà vua chúa bao giờ cũng chính ngọ cả, nên ta thường nghe nói cửa ngọ-môn là cửa chính, thường là nơi yết bái các sắc lệnh chiếu chỉ của nhà vua, cũng như ngọ cung là nơi cao nhất nên Thiên-khôi miếu ở Ngọ là ý nghĩa ấy.

Thiên-khôi hỏa, Ngọ cũng thuộc hỏa nên người được cách Khôi Việt thì văn chương siêu việt, tính tình thanh khiết uy nghiêm, được mọi người tôn kính, song nếu Khôi ngô Triệt Tuần là ngọ Không thời học không thành mà thi cử khoa trương lận đận không đỗ đạt cao được.

Quý tinh vượng địa cách

4) Nhâm Quý thố xà tang

Người sinh tuổi Nhâm Quý

Thiên-khôi vượng ở Mão

Thiện việt vượng ở Tỵ.

Cung Mão là cửa của nhà trời, là nơi đi lại, nhập xuất của các long thần Lục-Đinh, Lục-Giáp (Thần coi về trận đồ) Luật Ninh thần (thần sấm xét) nên Thái-dương cư Mão là cách nhập xuất lôi môn là ý nghĩa ấy.

Thiên-khôi Việt vượng ở Mão Tỵ không nên gặp Triệt Tuần, nếu gặp thời bằng cấp không cao và học hành cũng dang dở.

Quý tinh hãm địa cách

5) Thiên-khôi, Thiên-việt ở Sửu Mùi.

Bằng cấp chiếu chỉ là tôn quý.

Cung Sửu là trầm và thổ, là đất bùn sình, là nơi tăm tối, tối, ví như bằng cấp bị chôn vùi xuống đất.

Khôi Việt ở hai cung Sửu Mùi là hãm địa nên ngược lại cần gặp được Triệt Tuần ví như con đường cái quan được yết bảng chiếu chỉ, ví như ông nghè vinh quy vậy.

Nên ở Sửu Mùi không gặp được Triệt Tuần để khắc chế Khôi Việt thời không thể đỗ cao hay văn chương hiển đạt được.

6) Hai cung Tý Hợi là đại hải thủy (đại dương).

Đối chiếu với Ngọ là cổng tiền thì Tý Hợi là cổng hậu nên bằng cấp chiếu chỉ không bao giờ yết bảng ở cổng hậu cả, nên cần gặp được Triệt Tuần tuỳ theo ngũ hành để đạt được sự học hành và bằng cấp cao.

Khôi Việt được tôn là Thiên-ất quý nhân thần, ở phương tôn quý thì quyền uy, văn chương thanh hiển, người người sủng ái, ở nơi hãm địa ngộ ác sát lại hoá ra tai ương cần có sự khắc chế.

Nên cũng Khôi Việt mà thành nghề đồ tể, thợ rèn tay cầm giao búa khéo léo, hay là sẽ hứng chịu tai nạn.

Bộ sao Thai-phụ Phong-cáo

Thai-phụ thuộc thổ

Phong-cáo thổ

Chủ bằng sắc ấn tín, các nha sở, thư viện, văn tịch, các phủ khố lưu trữ tài liệu.

Hội với bộ Binh, Hình, Tướng, Ấn, chủ chấp chưởng binh quyền.

Ở phú đoán : Ấn mang vị liệt công hầu.

Sao lành Tướng Cáo đóng vào mạnh-viên.

Rất hợp với cách Sát, Phá, Tham.

Sao Thiên-Mã

Thiên-mã thuộc hỏa

Miếu địa ở cung Dần.

Vì là dịch-mã nên tuỳ theo mạnh thuộc hành nào.

Thiên-mã đổi ngũ hành theo phương vị.

Mã cư ở Mạnh-cung hợp với ngũ hành của Mạnh mới là Mã của mình.

Nên tại sao Thiên-mã là người mẫn tiệp, lợi khẩu giỏi về ngoại giao, mà sao cũng Mã lại ù lỳ, ngôn bất xuất khẩu.

Phương vị và ngũ hành của Thiên-mã

1) Thiên-mã cư Dần là thanh-thông mã, là trạng-nguyên chi mã.

Người mộc, Mạnh cư cung Dần là hợp cách.

2) Thiên-mã cư Thân là bạch-mã, hay là tể-tướng mã.

Người kim-mạnh cư cung Thân là hợp.

3) Thiên-mã cư Tỵ là xích-thố mã, hữu vị thủ-án mã. Người hỏa, mạnh cư cung Tỵ là hợp cách.

4) Thiên-mã cư cung Hợi là ô-truy mã, hữu vị ngự-sử mã. Người thủy, thổ, Mạnh cư cung Hợi là hợp cách.

5) Mã ngộ Tràng-sinh, Khốc Khách ví như ngựa có yên cương có nhạc khua vang, chạy trên đường thiên lý, nên được cách là Thanh vân đắc lộ.

6) Lộc Mã giao tri là ngựa được thả vào cánh đồng cỏ, sẽ tha hồ mà ăn, để chỉ người buôn bán, kinh thương, hoặc người quyền quý không phải nhọc nhằm mà lộc cứ đổ về như nước triều dâng.

Nên ghi nhớ Mã đổi phương vị là đổi ngũ hành. Nên tại sao Mã Lộc mà người văn chương cự phú, cũng Mã Lộc lại bôn ba lận đận, chẳng qua vì mã ấy không hợp với mình.

Cũng như ngựa cột trong chuồng, mà cỏ bỏ ngoài sân may mắn lắm rút được năm ba ngọn cỏ dài, cỏ đâu mà ăn được cả bó cỏ, nên cả đời lo nghĩ tiền mà tiền không tới tay đôi khi lại vì tiền mà mắc luỵ nữa vậy.

Sao Hoa-Cái

Hoa-cái thuộc mộc

Vượng ở cung Thìn Mùi.

Hoa-cái là cái lọng, cái dù là nghi vệ dùng để che cho các nhà quyền quý khi kinh-lý cho thêm phần long trọng. Các cuộc kinh lý thường thi hành vào buổi sáng ban ngày, giữa thanh thiên bạch nhật, nếu thực hiện vào đêm tối là không thuận lý.

Hợp với Thiên-mã thành cách gián biên, tiền Cái bâu Mã, là cách chấp chưởng oai quyền đi đâu có tiền hô hậu ủng.

Thí dụ một ông đại-tướng đi đâu thì có tùy tùng hộ vệ, còi hú đi trước dẹp đường, nhưng cũng đi ban ngày mới là thuận lý.

Sao Thanh-long

Thanh-long thuộc thuỷ

Miếu vượng ở Tý, Hợi, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Chủ sự vui vẻ, bặt thiệp, hỷ sự, hôn nhân, thi cử.

Thanh-long miếu vượng tượng là rồng.

Những hãm địa chỉ là con rắn đất.

Hội với Hoá-kỵ là long vân khánh hội cách, ví như rồng gặp mây.

Hội với Lưu-hà là thanh vân đắc lộ, ví như rồng gặp nước vùng vẫy trong bể cả.

Hội với Long-đức là cách song Long.

Song Long cư Thìn là cách Long nhập uyên (rồng vào vực).

Song-long hội với Kỵ Hà thời công danh tài lộc, không tính trước và cầu cạnh vất vả, mà tài lộc sẽ vô vong tự thành, bất cần sở đắc, nếu gặp cát tinh thời sẽ được hiển đạt lớn lao.

Cung Thìn mà gặp được Song-long cách thì thật là phú quý song toàn, an nhàn toạ hưởng, nếu ở cung Phúc-đức tất con gái sẽ thành vương-phi.

Người sinh tuổi Giáp Đinh là hợp cách.

Nữ mạnh : Nữ-giới gặp cách Long Kỵ Hà cư Thìn thì dáng người thanh tú, xinh tươi, con nhà khuê môn lệnh tộc, tất giỏi giang về ngoại giao, mà kinh doanh là tay cự phách, làm nên tài lộc nước chảy bạc dòng, lại thêm vượng phu ích tử.

Sao Hoá-kỵ

Sao hóa-kỵ thuộc thủy

Miếu địa ở Tý Hợi.

Vượng địa ở Dần Thân Mão Dậu, dư lại các cung là hãm

1) Kỵ hãm địa là con rắn đất, tượng là chén thuốc đắng.

Miếu địa ví như rồng hay kỳ-lân ở dưới biển cả, tha hồ vùng vẫy, nên cũng như sao Phá-quân được phê là thủy bà đại hải cách (sáong gầm bể cả).

Ở nơi miếu địa thì phùng thời, phát đạt, tăng thêm quyền quý.

2) Cư Mùi mà Nhật Nguyệt ở Sửu chiếu lên, hay cư Sửu mà nhật Nguyệt ở Mùi chiếu xuống là cách tường vân ấp nguyệt.

Cách này vì như nhật nguyệt tỏa ánh sáng, mây kia chịu lấy mà thành năm sắc, nhưng cũng vần phải có Xương Khúc nữa mới được toàn mỹ.

3) Hoá-kỵ hãm địa chủ ghen ghét, giận hờn, chiêu lấy thị phi, tai họa.

Ở mạnh là người oan nghiệt, làm ơn nên oán, hình khắc cô đơn.

ngo65 Riêu Y là người đắm đuối tửu sắc, ham mê ẩm thực.

ngộ Song Hoa thì đam mê cờ bạc.

Ngộ Linh Hỏa thì ghiền ma tuý nặng.

Gia hêm Hình nữa thì vì đam mê mà lâm nạn, hình phạt ngục tù.

4) Hoá-kỵ miếu ở cung Quan-lộc thì phát đạt lớn, ở Quan-lộc hội với sao Tấu-thư, ở các cung Dần Mão, Thân-Dậu là người làm việc bàn giấy, hay giữa các công việc về vi bằng biên bản mà phát tài.

Hội với Lộc-tồồ thường là các tay buôn lậu rất

5) Nữ-mạnh tối ố Hoá-kỵ hãm địa, nếu gặp thời dâm tiện, khó giữ được lòng trinh chiíh, năng chiêu thị phi mà suốt đời chỉ là xướng kỹ hay tỳ thiếp mà thôi.

Sao Lộc-tồn

Lộc-tồn thuộc thổ

Miếu địa ở Cung Tý Ngọ

Vượng địa ở cung Dần Thân.

1) Lộc tồn phải tuỳ theo vị trí các cung và các sao giáp mà luận xét cát hung.

Vì luôn luôn Lộc-tồn có 2 sao giáp là Dương Đà.

Thí dụ: Tại sao ở phú đoán lại nói, Lộc-tồn thủ Mạnh vi khất cái (sao Lộc-tồn ở Mạnh là cách ăn mày). Là vì Lộc tồn không nên cư đơn độc ở trong cung vì luôn luôn Lộc-tồn bao giờ cũng có 2 sao Kinh Đà đi kèm, đó là Lộc-tồn đã bị cách giáp Kinh giáp Đà rồi.

Nếu ở trong cung Lộc-tồn ở cùng Địa-kiếp nữa thì thành cách khất cái vì Dương Đà giáp kia sẽ hội luôn với Địa-kiếp mà tác hung tác hại.

2) Ngược lại nếu trong cung Lộc-tồn hội đồng cung với Quyền Lộc hay Khoa hay Lộc-tồn lại giáp Khoa giáp Quyền là cách xuất thế vinh hoa, đồồg cung với Lộc là Cự vạn chi tài, là đôi kim tích ngọc (vàng chôn, ngọc cất).

Hay giáp Quyền giáp Lộc là kim ngọc mãn đường cách (vàng bạc đầy nhà) vì 2 chú Dương Đà kia đã trở thành tay đại võ giúp đỡ đắc lực và giữ gìn của cho chủ.

Nên quy luật cát phùng hung diệt đương nhiên là căn bản bất di bất dịch để phân minh.

Bộ sao Tam Hóa

Hóa-lộc thuộc thổ

Hoá-quyền thuộc mộc

Hoá-khoa thuộc thuỷ.

Ba sao Lộc, Quyền, Khoa khi ở 3 cung liên tiếp nhau ví như 3 viên ngọc, khi xa nhau thì sức sáng ít, nhưng khi hợp lại thì tỏa sáng rực rỡ nên có cách Tam Hoá liên châu, là cách tốt nhất gồm đủ phú quý văn võ nếu cư cung Quan-lộc.

Đông và Tây vị
Phân Âm Dương cách Liên Châu

Cách Tam-hoá liên châu miếu địa ở các cung Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi.

Ở 3 cung Dần, Thìn, Ngọ có Tam Hoá là thượng cách, vì 3 cung Dần, Thìn, Ngọ thuộc dương cung.

Ở 3 cung Mão, Tỵ, Mùi cách Tam Hoá kém đi một bậc.

Tam-hóa là 3 viên ngọc quý thời phải bày biện ra nơi cao quý thuộc ban ngày, không ai bày ra để chơi nơi tối tăm hay là bày ngọc ra ban đêm để ngắm nghía cả, vì lý do đó mà ở cung dương là thượng cách, ở cung âm là kém đi, trái lại ở thân, Dậu, Tuất, Hợi, Tý là hãm địa vì thuộc tây-vị âm có cách Tam-hóa ở các cung toàn âm như Dậu Hợi Sửu, bên tây-vị thời sự phù trì của Tam-hóa ảnh hưởng rất ít, nên học hành kém, và không làm nên hiển đạt được, là vì các cung bên tây thuộc âm, lại 3 cung Dậu Hợi Sửu lại là âm của âm vị.

So sánh thủ chiếu của Lộc Quyền Khoa

3 sao này 1 thủ 2 cư ở cung tam hợp chiếu là tốt nhất.

Thí dụ : 1 thủ Mạnh, 1 ở Quan-lộc và 1 ở tài-bạch.

Ba sao này ở nơi miếu địa đi theo phù trì có cách Tử-Phủ, Sát Phá, Cơ Lương, Nhật Nguyệt ví như quân thần khánh hội cách, đôi khi không cần đến Tả Hữu Thai Tọa hay Khúc Xương,và bộ Tam-hóa là kiêm gồm cả văn võ, phú quý, mưu trí toàn năng.

Vô chính diệu và Tam-hóa

Riêng đối với cách vô chính diệu mà có trug tinh nhập miếu ở cung Mạnh, thời Tam-hóa nên ở tam phương Quan Tài, Ri củng chiếu mới hợp, vì trong cung Mạnh có hung tinh độc thủ, nếu hội họp với Tam-hóa đồng cung sẽ bị khắc chế mất uy lực của Tam-hóa, vì vậy Tam-hóa không nên cư đồng cung mà nên củng chiếu.

Hỏa-khoa tuy mưu lược nhưng cũng thiên sang văn tinh, Lộc tối kỵ lạc Không-vong.

Quyền đi với cát phú cát, mà hội với hung thời hóa hung, ba sao này tốt đẹp rực rỡ vô kể khi ở miếu địa, nhưng lại rất yếu ớt với các sao hung sát.

Ở Tử-vi 3 sao này đã được ví như là miêu nhi bất tú cách, miêu là lúa, mì là giống, lúa, là của ngọc thực rất được quý báu ở thời cổ xa xưa, nếu cây lúa không tươi chẳng những không sinh được hạt mà lại còn bị chết non yểu nữa.

Sao Kình-dương

Kình-dương thuộc kim đới hỏa

Miếu địa ở Thìn Tuất

Vượng địa ở Sửu Mùi.

Kình-dương là Bắc đẩu tinh, chủ hung bạo, thường rĩ oán báo ân, thân sơ không kể, nhưng có hung tính, không quá gian hiểm như Hoả-kỵ.

Nhập miếu được tôn là thần bút, căn chương quán thế, thần kiếm vì Kình hỏa khí là Hình.

Tuy nói là Thìn Tuất Sửu Mùi Kinh-dương hùng nhưng hoàn toàn hợp cách cho người tuổi Tân ở cung Tuất và người Ất ở cung Thìn là miếu địa, được hưởng trọn cách Kình-dương.

Bính Mậu sinh nhân. Kình-dương cư Ngọ là cách mã đầu đới kiếm, chấn ngự biên cương.

Sao Thiên-Lương

Thiên-lương thuộc mộc, nam đẩu tinh

Miếu địa ở 2 cung Thìn Tuất

Thiên-lương miếu vượng chủ tính tình cao khiết thường có tâm hồn uẩn lương, hậu trong mà hay nhân từ thương xót người, nên gọi là phúc tinh.

Hội với Thái-dương, Xương, Lộc, thời thanh danh vang lừng thường là những bậc quân sư thượng phu.

Ở hai cung Sửu Mùi là hãm địa vì cung Sửu là trầm vu thổ, ruộng xinh, ở cung Mùi là bình dương thổ, nếu gặp được Kỵ đà Riêu hoá khi để nuôi dưỡng cho đại lâm mộc này đủ chất thủy mà sinh tươi tốt.

Nếu gặp thêm được sao Mộ nữa, ví như ở cánh đồng xinh, đồng lúa kia có gò đống lớn lao, ta thường thấy có cây đa cây đề cổ thụ, có bóng rợp che mát, mà trâu bò hay các nông phu, thường nghỉ trưa ở dưới bóng mát đó, sao Mộ ở đây ví như gò đống, để Thiên-lương là mộc sinh trưởng vậy.

Người có cách này là những bậc danh tài văn học. Mặc dầu Thiên – lương ngộ Đà-la, và tuy Đà-la hãm địa là kẻ thị phi khẩu thiệt, song Đà ở đây đã hóa khí văn chương rồi vậy.

Sao Thiên-cơ

Thiên-cơ nam đẩu tinh thuộc mộc

Thiên-cơ chủ sự tính toán linh lợi, uyển chuyển khéo léo, là ngừơi rất sáng ý, tinh từơng, biết tuỳ thời ứng đối, biến dịch, tiên liệu công việc khôn lường.

Song hãm địa là kẻ gian xảo, yếm trá. Cách Thiên-cơ xấu tốt ở 2 cung Sửu Mùi cũng luận như sao Thiên-lương.

Đại-Hao Tiểu-Hao

Song Hao thuộc thủy là bại tinh

Miếu địa ở Mão Dậu

Vượng địa ở Tý Ngọ

Cách song Hao Mão Dậu là chúng thuỷ triều đông, là tất cả các dòng nước đều chảy về phương đông. Bốn cung Tý Ngọ Mão Dậu là tứ chính thủy nên song Hao miếu vượng ở đó và ở phú đoán rõ ràng gọi song Hao là chúng thủy, là các dòng nước thì tại sao song Hao lại là hỏa như các sách Tử-vi đã ghi. Nên song Hao không thể là hỏa mà là thủy vậy.

Người mạng Thủy Mạnh lập Mão, người mạng Kim Mạnh lập Dậu là hợp cách song Hao.

Song Hao miếu địa cư Quan-lộc thì tốt đẹp bội phần hơn cung Mạnh, nếu hãm địa cùng các hung sát là vi khất cái cách.

Cung Mão Dậu có song Hao tọa thủ, mà cung Mão vô chính diệu, bên cung Dậu Thân có Triệt án ngữ, nếu Mạnh Quan, Tài, lập Mão là thượng cách, vì Triệt đáo kim cung, sẽ khắc cái khối kim sinh ra thành thủy để cho dòng nước là song Hao chảy mãi mãi bất tuyệt, ví như nước đã có nguồn chảy mãi cũng không hết được.

Song-Hao ái ngộ Cư Cơ

Cũng do một lý ấy mà Cư Cơ Mão Dậu là cách phú hữu lâu dài, vì song Hao là giòng nước chảy ra bất tận, nuôi dưỡng Thiên-cơ đại lâm mộc, nếu chỉ được Cự-môn thuỷ hiện hợp với Thiên-cơ thì thuỷ của Cự môn không đủ nuôi dưỡng mãi mãi đại lâm mộc được.

Nên người Bính Mộc, Tân Thuỷ có Cự Cơ Mão Dậu là thượng cách.

Song Hao tối hiềm Hoá-lộc

Song-Hao ái ngộ Cự Cơ vì có sự tương qua về ngũ hành sinh hóa với Cự Cơ, nhưng lại tối hiềm sao Hóa-lộc.

Song-Hao thuộc thuỷ nên thù ghét Hóa-lộc là chí lý vì hội với Lộc thì cái thổ của Lộc sẽ khắc chế, hút hết thuỷ của song Hao rồi.

Hơn nữa thổ của Lộc chẳng những hút hết nước của Cự-môn thủy, mà ngay mộc của Thiên-cơ, sẽ khắc cái thổ của Hoá-lộc nữa, thành ra cả ba sao Hao, Cự, Cơ đều xúm nhau lại mà tỵ hiềm Hoá-lộc cả.

Nhưng trái lại nếu Cơ Cự cư Mão Dậu không có song Hao, hội với Quyền Lộc thì lại không sao cả.

Ở phú đoán : song Hao Mão Dậu ái ngộ Cự Cơ, tối hiềm Hoá-Lộc là thế.

Cự Cơ Tý Ngọ

Thạch trung ẩn ngọc cách.

Cũng như cách Cự Cơ thạch trung ẩn ngọc, là trong đá có ngọc, ví như ở dưới lòng đất có mỏ vàng, mỏ kim cương, phải làm sao cho vàng ngọc kia phát được quang huy, lộ ra ngoài để khai thác được, chớ nếu vàng ngọc kim cương cứ ở trong lòng đất sâu hay trong lòng núi thời làm sao mà lấy được.

Ba cách của Cự Cơ

1) Đệ nhất cách là cần thiết phải gặp đươc 2 sao triệt Tuần, ví như sấm sét đã làm nứt núi ra để lộ vàng và kim cương cho ta tha hồ mà lấy.

Đây là cách Cự Cơ Tý Ngọ ngộ Tuần Triệt khai phát.

2) ĐỆ NHỊ CÁCH - Cự Cơ Tý Ngọ Kình Hình là gặp được Kình-dương Thiên-hình, ví như có kỹ sư, tàu bè, máy móc để khai thác mỏ vàng kia.

3) ĐỆ TAM CÁCH - Cự Cơ Tý Ngọ ngộ song Hao ví như nước chảy đá mòn, nên ngọc vàng lộ ra ở khu nào thời lấy được ngọc vàng ở khu đó .

Bạch hổ khiếu tây phương cách

Bạch hổ thuộc kim

Miếu địa ở dậu

1) Bạch hổ- hãm địa chủ hình thương , tai nạn

2) Cư ở tật- ách chủ các bệnh về máu huyết, phong đàm hội với thiên-hình hãm chử mổ xẻ, châm chích tàn tật .

3) cư nơi miếu địa, thời tính tình cương cường, anh hùng quả cảm, tái kiên văn võ là cách tứ phương cũng phục anh hùng,

4) ở cung thân thuộc kim vượng địa, ví như cọp ra rừng đi kiếm ăn , còn có sự hiểm nguy, nhưng ở cung dậu âm kim là như tận dùng sâu, thâm sơn cùng cốc, hổ ở đây ví như đã ăn no về hang nằm nghĩ, nên Bạch hổ miếu ở dậu là nhập ý đó .

Bạch- hổ cư Dần Mão

5) Bạch hổ cư dần mão là hổ xuất sơn lâm, hổ ở đây ví như đã ra ngoài bìa rừng, có thể gặp nhiều hiểm nguy,chẳng han như thợ săn.

Cách đồng gia Của Bạch-Hổ và 1 chính tinh

6) 14 chính tinh khi 2 sao cư ở 1 cung là có sự tương đồng về bản chất, nên thường hay trao đổi cho nhau về việc sinh hoá tăng thêm sự rực rỡ tốt đẹp hoặc xấu xa là tuỳ theo các trung tiểu tinh đi theo phù tá.

7) Nếu Bạch-hổ cư cùng một cung với chính tinh thời nên xét chính tinh thuộc hành nào để luận đoán xấu tốt.

Thí dụ Bạch-hổ cư đồng cung với Tham-lang ở Mão là 2 sao này cùng cư nơi vương địa cả.

Tham-lang cư Mão, tử vi thường cho là cách hổ xuất lâm biên.

Ngũ hành vi căn bản

Muốn luận 2 sao này phải căn cứ vào ngũ hành, nếu trong cung Mão có nhiều sao thuộc mộc, lại có sao hỏa nữa, là mộc Tham-lang đủ sức họp thành đảng mà đoạt bạch hổ kim, vì hoả sẽ giúp cho mộc thêm rực rỡ, hay hoả là chất khắc chế kim, như vậy là Bạch-hổ kim kia sẽ bị cháy thêu. Nhưng ngược lại Bạch-hổ kim, nếu gặp thêm các sao thuộc kim, thời Bạch-hổ có thêm vây cánh để tiêu diệt Tham-lang mộc, như vậy là Tham-lang mộc không sống được vì lý kim khắc mộc.

Cũng như nhất quốc không thể lưỡng vương được, nếu hai anh hùng cùng một nơi dụng võ, tất phải có một bị tiêu diệt, là lý của một chính tinh khi đồng cung với Bạch-hổ.

Cần phải căn cứ vào ngũ hành của Mạnh để phân luận. Nếu Mạnh kim là hợp Bạch-hổ gia thêm sao kim là thắng Tham lang đó. Ngược lại thấy Mạnh mộc hội với nhiều sao mộc là Bạch-hổ sẽ chết.

Nên ở đẩu-số chỉ nhìn vào lá số mà biết người này bị cọp ăn, ngừơi thân phơi chiến địa là thế.

Đồng cung cách của
Bạch hổ Thiên-tướng

Thí dụ Bạch-hổ Thiên-tướng cư Dần Mão cũng cùng chung một định luật cả, vì Thiên tướng là tướng-binh thiên về võ nghiệp mà Bạch-hổ có nhiều tính chất tướng, như vậy là hai ông chủ tướng lại càng không nên cư đồng gia, sự khắc chế lại càng nhiều tăng thêm lên.

Địa-cầu Chi tinh

Tương quan bát đại hành tinh

Khoa Tử-vi liên quan mật thiết tới bát đại-hành-tinh, vì trong tám ngôi sao này, thì địa cầu của chúng ta cư ngụ, là một đơn vị được Hi-Di tiên sinh tượng bằng sao Địa-Kiếp, để chỉ tất cả các kiếp thú mà chúng ta phải gánh chịu, khi các hành tinh chịu chung sức hấp lực của vũ trụ phát ra ảnh hưởng tuỳ theo độ số của các tinh tú.

Bảng kê bát đại-hành-tinh

1) Thuỷ tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ nhất tinh. Còn gọi là Phòng, hay là Thìn-tinh.

Xương long chi thế dã.

Thủy-tinh chi biệt danh Tân Ất.

2) Kim-tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ nhị tinh.

Kỳ quỹ đạo tại thuỷ-tinh dữ địa-cầu chi gian.

(vị trí đường quay của Kim-tinh ở giữa Thủy tinh và Địa cầu)

Kim-tinh tức là sao Thái-bạch, sao này rất sáng về đêm, thường để xem về giặc giã, và tượng các tướng soái của một quốc gia.

Sao Thái-bạch phạm vào đế tinh, là trong nước xảy ra đảo chánh. Nếu saoThái-bạch bị phạm, là triệu chứng thất trận, hay sẽ có một vị tướng soái lớn bị chết.

3) Địa cầu : tượng chi Địa-kiếp

Bát đại-hành-tinh chi đệ ngũ tinh

Kỳ phân tuyến đạo khởi ư Dần, ước thập nhị tuế nhi nhất của chu thiên.

Thái-tuế tại Giáp viết quan phòng, hữu tại Dần viết nhiếp-đề cách.

Thuật-số gia rĩ Thái-tuế sở tại vi hung phương.

Kỵ quật thổ, kiến tạo gia trang.

Thái-tuế vi hung phu

Thị Hán-sơ thời rĩ hữu thử thuyết dã.

6) Thổ tinh : Bát đại-hành tinh chi đệ lục tinh.

Kỳ-quỹ-đạo tại Mộc-tinh dữ Thiên-vương tinh chi gian.

7) Thiên-vương tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ thất.

Sao này Đông Phương đã tìm ra từ thời thượng cổ mãi tới tháng 3 năm 1781, Tây-phương mới tìm thấy.

8) Hải-vương tinh : Bát đại-hành-tinh chi đệ bát.

Sao này do ngừơi Anh và Pháp đã tìm thấy từ năm 1845.

Thái-tuế mộc tinh

Thái-tuế là một đơn vị hành-tinh của bát đại-hành tinh, trong Thái-dương hệ chúng ta.

Các thuật số gia đã khám phá từ thời Hán-sơ, biết Thái-tuế vận hành theo đường Hoàng-đạo Dần Thân (tức là đông bắc tây nam) và 1 vòng chu thiên là 12 năm, mới trở về giáp vòng quỹ đạo ở Dần, mà địa cầu chịu trực tiếp xạ ảnh ở Dần cung, nên Tử-vi mới có định luật sinh năm nào an Thất-tuế ở cung ấy là theo chu độ-số của Mộc tinh (Thái-tuế).

Sở dĩ có thuyết kiêng cữ khai, thổ, kiến tạo gia trang, sơ phòng năm Giáp và tối kỵ năm Dần vì Dần là cung đã chịu ảnh hưởng Thái-tuế bao trùm, đè nén, như ta gọi là ma đè , ma ám coi Thái-tuế ở cung sở tại (Dần) là hung phương, và có nhiếp-đề cách là ý nghĩa ấy. Nếu nói Thái-tuế hỏa là lầm lẫn lớn vậy.

✵

VĂN-KHÚC NAM MẠCH CA

Văn-khúc thủ Mạnh tối vi lương

Tứơng mạo đường đường chí khí ngang

Sĩ thứ phùng chi ưng phúc hậu

Trượng phu đắc thử phụ kim chương

CHƯƠNG 10

TỬ - VI PHÚ

- **Mệnh-hảo, Thân-hảo, Hạn -ảo đáo lão vinh xương.**

- **Mệnh-suy, Thân-suy Hạn-suy chung thân khất cái.**

- Cung Mệnh cung Thân có sao Trường-sinh, Đế vượng đắc-vị, bản cung (tức cung minh chú trọng, như xem về công-danh, tất phải coi cung Quan-Lộc là bản cung) cũng được cát tinh miếu vượng, đại, tiểu hạn cũng có cát tinh và đều tương sinh với nhau thì bất cứ mưu tính việc gì cũng thành đạt mỹ mãn.

- Nếu Mệnh Thân ở vào Hãm địa (tứ tuyệt chi hương) bản cung không có cát tinh, lại hội với hung, sát tinh tai hại cung Đại-hạn và Tiểu-hạn, tất quyết định là bần-tiện, đến mức bị gậy sinh nhai.

✯

- **Giáp Quyền, giáp Lộc thiếu nhân trí**

Giáp Quyền giáp Khoa thể sở nghi.

- Thông thường người ta chỉ biết cách giáp Quyền, Lộc, hoặc giáp Khoa. Quyền chớ ít ai biết cách giáp Quý, giáp Lộc.

- Người tuổi Bính, Đinh, Nhâm, Quý mệnh viên an tại cung Thìn hoặc Tuất, tất được giáp Khôi Việt.

- Nếu lạ gặp Tử, Phủ, Nhật, Nguyệt, Quyền Lộc Tả Hữu xương khúc hoặc Giáp Mệnh, hoặc giáp Thân đều là cách Giáp Quý, được hưởng phú quý song toàn.

- Và cách giáp quý Giáp Lộc là : người tuổi Giáp, tuổi Thân, mệnh viên tại Mão hoặc Sửu, cung Dần có Lộc đóng, chính là cách "sinh thành chi Lộc", thượng cách.

Ngoài ra, tuổi Giáp cung Dần, tuổi Ất cung Mão. tuổi Canh cung Thân, tuổi Thân cung Dậu, đều cũng đồng được cách " sinh thành chi Lộc" vậy.

✯

- **Giáp Nhật giáp Nguyệt thuỳ năng ngộ ?**

Giáp Xương giáp Khúc chủ quý hề

Giáp Không giáp Kiếp chủ bần tiện

Giáp Kình giáp Đà vì khất cái.

- Thân hoặc mệnh có Thái-dương, lại có Thái-âm giáp biên, cũng như Thân Mệnh cung được Xương Khúc giáp hai bên, đều chỉ sự quý hiển.

- Cung Thân hoặc Mệnh có hai sao Không, Kiếp giáp hiên tất là số nghèo hèn. Nếu lại giáp Kình-dương, Đà-la là số phải bôn ba đây đó kiếm ăn vậy.

✲

- **Phúc vô chính diệu, tu cần Không tú, kỵ, ngộ Triệt tính,**

- Nhược phùng Sinh Kình Kỵ, Việt vi nhân tiểu trưởng

- Cung Phúc-đức không có chính tinh, rất cần sao Tuần không án ngữ, nhưng lại rất kỵ sao Triệt.

- Nếu Phúc cung có các sao Sinh Hình Kỵ Việt, sẽ là người tiều phu, thợ rừng hay các người-hành-nghề-khai thác lâm-sản.

✲

- **Phúc tại Tý cung, Đồng Âm Kiếp Tử (sao tử) Triệt Tuần xâm.**

Hữu học vô lương, tiện yểu cách.

- Cung phúc đức cư tý, có các sao Đồng Âm Kiếp Tử gặp Triệt Tuần, chủ người có học nhưng bất thành danh và bất chính, thường là người đa hư thiểu thực, nghèo nên và chết non.

✲

- **Liêm-trinh thất-sát phản vì tích phú chi nhân,**

- **Thiên-lương, Thái-âm khước tác phiêu-bồng chi khách.**

- Liêm, sát là hai sao hung dữ, gặp nhaumột cung lại phản thành cách giàu có tiền kho, bạc đun, bởi vì Liêm thuộc kim, tất thị hỏa năng chế kim vi quyền (lửa luyện sắt thành quyền lực).

- Thiên-lương Thái-âm là hai cát tinh chủ quý hiển, nhưng hội nhau lại bị chiết giảm thành cách "phiêu bạt lang thang", vì lẽ thái âm cư mão Thìn Tỵ Ngọ là hãm địa, và sao thiên lương thủ mệnh hoặc thân tại cung Tỵ, Hợi chủ cơ hàn, hoặc phiêu đãng tha lương,đam luyến tửu sắc nay quán này, mai tiệm khác.

- Lại có lời rằng : Lương cư Tỵ, Ngọ là hãm-địa, nhưng cũng "bất tác đôn hậu chi nhân" (không là người đầy đặn).

✲

- Liêm trinh chủ hạ tiện chi cơ hàn

Thái âm chủ nhất thân chi khoái lạc.

- Thân Mệnh an Tỵ Hợi cung, ngộ Liêm-trinh là hãm địa, tam phương và tiền hậu đều không có cát tinh cũng chiếu hoặc giáp, tất thị mang nghiệp nghèo cố định.

- Sao Thái-âm thủ Thân Mệnh từ cung Mùi đến cung Tý chỉ sự phú quý. Nếu lại hội được nhiều cát-tinh, sự phú quý quyết chẳng nhỏ,và nếu chỉ hội được cát-tinh thời cũng thành kẻ "đao bút công danh".

✵

- Tiền bần hậu phú, Vũ Tham đồng Thân Mệnh chi cung

Tiền phú hậu bần chỉ vi vận phùng Kiếp sát.

- Tham lang Vũ-khúc thủ Mệnh tại cung Sửu hoặc Mùi tất trước nghèo, sau giàu, vì Vũ thuộc Kim,khắc với Tham thuộc Mộc, và mộc nhờ có sự chế hóa tất trở thành hữu dụng.

- Mệnh hoặc Thân có một hai chính diệu,lúc vào đời gặp được hạn tốt cho tới trung niên hạn làm tuyệt địa, lại ngộ Kiếp Không Hao Sát, thành thử những tốt đẹp ở Thân Mệnh trước bị vô hiệu hóa, dĩ nhiên hậu vận phai nghèo hèn không thể lẩn tránh được.

✵

- Xuất thế vinh hoa, Quyền Lộc thủ Tài quan chi vi

Sinh lai bần tiện, Kiếp Không lâm Tài Phúc chi hương.

- Quyền và lộc toạ thủ miếu đại tại cung tài bạch hoặc cung Quan Lộc, gia hội nhiều cát-tinh,nhất định là đắc cách phú quý vinh hoa.

- Địa-không và Địa-kiếp đóng vào cung Phúc-đức hoặc cung Tài Bạch là số của những người vận kiếp nghèo hèn.

✵

- Văn khúc, Vũ khúc vi nhân đa học, đa năng

Tả-phụ, Hữu-bật -bỉnh tính khắc khoan khắc hậu.

- Hai sao Văn-Khúc, vũ khúc thủ mệnh tại các cung Thìn Tuất Tỵ Hợi Mão Dậu, ngộ được cát tinh nữa, tất chủ bậc học rộng, tài cao hơn đời.

- Tả-phụ và Hữu-bật-tọa thủ cung Mệnh dù có hội với các sao cát hoặc hung nhiều ít, cũng vẫn là người có độ lượng bao dung và cách đối xử đầy đặn với mọi người.

✵

- Hỏa Khốc nhập cung, thiết đồng dị thành chân nghiệp.

- Mệnh viên có hỏa tinh và thiên khốc đó là số những người chuyên về nghề làm đồ bằng đồng, bằng sắt.

✵

- Thân cư Phúc-hương vô chính diệu, tối kỵ Kiếp Dương Triệt Sát.

- Cái ngộ Đà Không, thị vi cứu cánh chi tinh

- Nhược, Kình miếu Phúc-trạch, tu cần Tướng, Hình, ấn, Mã, thị vi võ hiển thanh dương.

- Nếu thân cư Phúc-đức, không có chính tinh mà lại gặp các sao Kiếp Kình Triệt Sát là sự rất e ngại

- Nhưng Phúc cung vô chính diệu,lại gặp được Đà-la, Tuần-không, ví như hai vị cứu khổn phò nguy, giải toả được các tai biến.

- Cung phúc gặp Kình-dương nhập miếu, và hội được với các sao Tượng Hình ấn Mã tất được võ nghiệp hiển-bách, danh tiếng lẫy lừng và chắc chắn được phú quý song toàn.

✵

- Mạnh không, thân kiếp lai hội song hao, vô chính diệu thiểu, học đa thành.

- Cung Mệnh lập tại Mão có song Hao đồng cung với Địa-Không, thân cư Quan-Lộc đồng cung tại mùi với Địa-Kiếp, người tuổi Tân Quý hay Thủy Mạnh là người rất thông minh, học ít hiểu nhiều và tất thành đạt quý hiển.

✵

- Mạnh Thân đồng cung Tỵ, Ngọ hoặc cư Tuyệt xứ, vô chính tinh khủng kiến Mã Linh Hình Kiếp, chung thân như hoa khai ngộ vũ mãn thế phi yểu triết nhi hình thương.

- Nếu Mạnh Thân đồng cung tại Tỵ hoặc Ngọ, hoặc Hợi cung, vô chính tinh, hội Mã Linh Hình, Kiếp không cũng chiếu ví như hoa nở gặp mưa to gió lớn, tất chung thân tần khổ, bằng chẳng vậy sẽ bị hình thương hoặc yểu vong.

✵

- Thiên phủ Thiên-tướng nãi vị Y lộc chí thần, vị Sĩ vị Quan định chủ hanh thông chí triệu.

- Mệnh an tại cung sửu, có Thiên phủ Thiên tướng ở Tỵ Dậu lai triều ; hoặc Mệnh ở cung Mùi, được Thiên phủ, Thiên tướng ở Hợi và Mão triều lại, là cách phú quý trên gấm dưới nhung.

- Sĩ-tử và quan chức hạn gặp hai sao Phủ, Tướng là điềm triệu hanh thông, người đỗ đạt, người thăng quan, tiến chức.

✵

- Miêu nhi bất tú, Khoa danh hãm ư hung thần

Phát bát chủ Tài, Lộc chủ triền ư nhược địa.

- Sao Hỏa- khoa bị hãm với không, Kiếp hoặc Dương hay đà một cung ; hoặc Thái dương tại Tuất Khoa Nguyệt lại Mão thì : tuy bản chất tam Hóa là "Cát Hóa", nhưng Khoa Quyền Lộc ở cách này, "diệt bất vi mỹ dã". Cho nên "lúa Miêu không tươi tốt" hàm nghĩa tài hoa yểu tử,do Khoa bị hãm với hung sát vậy.

- Hóa-lộc mà không làm vượng được tài lộc vì hóa-lộc bị hãm nhược địa, tức là trường hợp Lộc bị hãm với Kiếp Không hoặc Lộc làm Tý Ngọag Mão Dậu cung cũng vậy, chẳng những Lộc bị vô- dung mà còn chủ cô đơn, bần hàn nữa.

✵

- Thất sát triều đẩu, tước lộc vinh xương

Tử phủ đồng cung chung thân phúc hậu.

- Thất sát thủ Mệnh tại Dần Thân Tý Ngọ là được cách trên, hoặc cách Tả Hữu Khôi Việt Xương Khúc toạ chiếu hay tương hội chủ một đời phú quý vinh hoa.

- Tử vi Thiên phủ đồng thủ Mệnh tại Dần hoặc Thân, tam phương Tả Hữu Khôi Việt cũng chiếu, chỉ sự phú quý chung thân phúc hậu. Người tuổi Giáp gặp cách này là cực mỹ.

✵

- Tử-vi cư Ngọ vô sát tấu vị chí công khanh

Thiên-phủ lâm Tuất, hữu tinh phù, yêu kim ý tử.

- Cung Mệnh có Tử-vi tại cung ngọ, không gặp Kình Đà Không Kiếp là đắc cách trên, tất được đại quý. Nếu là các cung khác, chủ được giàu có, sung túc,hoặc quý hiển trung bình thôi.

- Sao Thiên-phủ cư Mệnh tại Tuất, có tả hữu phụ chiếu, chủ sự quý hiển gấm vóc, vàng đeo ngọc giát.

- Nếu gặp hung sát-tinh, không được trúng cách như trên.

Nhưng nếu hội Khôi, Việt Tả Hữu Lộc Quyền cũng chủ sự phú quý vậy.

✵

- Khoa Quyền Lộc củng danh dự chiêu chương,

Vũ khúc miếu viên uy danh hách dịch.

- Mệnh có một Hóa, Quan Lộc và Tài Bạch mỗi cung một hóa, là cách "Tam Hóa cũng mệnh" chủ-vị đến bậc Tam-Công.

- Mệnh có Vũ khúc toạ thủ tại cung Thìn hoặc Tuất là thượng cách, tại cung Sửu hoặc Mùi là thử cách. Nếu gặp Quyền Lộc Tả Hữu Xương Khúc thì cũng đoán theo ý như vậy.

✵

- Khoa minh lộc ám vị liệt tam đài

Nhật nguyệt đồng tâm quan cư hầu bá.

- Người tử-vi Giáp Mệnh lập tại Hợi có Khoa tọa thủ tại cung Dần có sao Thiên lộc, và vì cung Dần cung Hợi là cung hợp của nhau. Do thế, thành cách Khoa Minh Lộc Ám chủ được quan vị về Hình Bộ (Tư Pháp)

- Cung mệnh tại Sửu, Nhật Nguyệt ở Mùi, hoặc Mệnh an Mùi, Nhật Nguyệt tại Sửu, là cách Nhật Nguyệt đồng làm, chủ đắc phong tược vị (Công Hầu Bá Tử Nam)

Vậy có câu quyết rằng:

Nhật Nguyệt đồng làm luận đối cung

Bính Tân nhân ngọ phúc, hưng, long.

✵

- Thân Mệnh đồng cung, tối hiềm nhập Mộ,hoặc cư Tuyệt xứ, vô chính diệu, hoan phùng Tả Hữu Sinh Vượng, hóa chung vi cát, chung thân vượng hưởng phúc tài.

- Cách thân mệnh đồng cung không có chính tinh nếu cư tử Mộ (thìn tuất sửu mùi) hoặc hợi cung là tối kỵ, nên rất cần gặp sinh vương phụ bật là cách phản hung vi cát : người thổ mạng là cách hợp được một đời phú quý song toàn.

✵

- Mạnh Triệt, Thân Tuần tu cần vô hữu chính tinh vãn niên vạn sự hoàn thành khả đãi.

- Cung Mạnh có Triệt án ngữ, Thân cung ngộ Tuần thời không nên có chính tinh. Gặp cách này về giá sẽ được vạn sự hanh-thông, tạo thành cơ-nghiệp.

✵

- Cự cơ đồng cung, công khanh chi vị tham linh tinh chữ, tướng tướng chi danh.

- Người tuổi Dần, tuổi ất, Mệnh an Mão, có Cự Cơ đồng thủ Mệnh và ngộ Xương Khúc, đắc thượng cách làm đến bậc công khanh.

Người tuổi Bính được thứ cách

Người tuổi Đinh chỉ bình thường.

- Cung Mệnh an tại Thìn Tuất Sửu Mùi, có Tham lang và Linh tinh tọa thủ, chắc chắn sẽ thành vị tướng uy quyền hiển hách.

✵

-Thiên-khôi Thiên-việt các thế văn chương Thiên-lộc Thiên-mã kinh nhân giáp đệ.

- Như cung Thân hoặc Mệnh có sao Thiên-khôi, tam hợp chiếu có Thiên-việt ; hoặc Thân mệnh cung có Thiên việt, tam hợp chiếu có Khôi là cách tọa Quý hướng Quý, chủ văn tài tuyệt vời, xuất chúng.

- Cung Mệnh có thiên lộc, thiên mã tọa thủ tại các cung dần thân tỵ hợi là cách lộc mã giao tri, nếu tam hợp lại có nhiều cát tinh thủ hoặc chiếu tất cả là bậc sĩ tử có tài học làm kinh động người đồng khoa mà cao chiếm bảng vàng.

✵

- Tý Ngọ Tham Đào, ất Kỷ âm nam, lập nghiệp do thế, kiêm năng sát diệu, hành sự dụng thê.

- Người sinh âm-nam, tuổi ất, Kỷ, Mệnh cung lập tại Tý Ngọ hội với Tham, Đào, có vợ là người đảm lược, lập thành cơ nghiệp.

Trái lại rất kỵ hội với sát tinh là người có thể quên điều chính nghĩa, dùng vợ vào các công việc mưu cầu danh lợi.

✵

- Tả phụ Văn-xương hội Cát tinh tôn sư Bát-tọa

Tham lang Hỏa tinh miếu vượng danh chấn chư bang.

- Hai sao Tả-phụ Văn xương tọa thủ Thân Mệnh cung tam hợp cát tinh củng chiếu, chủ đắc cao vị nơi đài cao gác tía.

- Tham-lang và Hỏa-tinh đồng tọa Mệnh cung tại Thìn Tuất Sửu Mùi là thượng cách, chủ nổi danh, cách quốc gia lân bang phải kiêng nể. Nếu tam phương có cát tinh củng chiếu tại càng thập phần tốt đẹp, nhưng nếu Mệnh an tại Mão dù không gặp sao hung sát cũng chỉ được thứ-cách gặp Dương Đà Không Kiếp là bị phá cách.

✵

- Cự Nhật đồng cung quan phong tam đại

Tử Phủ triều viên thực lộc vạn chung

Sao Cự Mòn Thái dương thủ Mệnh tại cung Dần không gặp Kiếp Không Tứ Sát Tinh là thượng cách, ba đời kế tiếp làm quan.

- Nếu Mệnh-an tại cung thân chỉ là thứ cách

- Thái dương thủ mệnh ở cung Tỵ, tại cung Hợi có Cự môn cũng được thượng cách.

- Nhưng nếu Thái dương Thủ mệnh tại cung Hợi cung Tỵ có Cự-môn lại là không đẹp.

- Mệnh tại cung Dần, cung Ngọ có Tử vi, cung Tuất có Thiên phủ,hoặc Mệnh tại cung Thân, tại cung Thìn và Tý có Tử vi Thiên phủ, đều được cách Tử Phủ triều viên, chủ "vi nhân Quân phỏng Thần chi tượng" tức là bậc phu chính thân thần.

- Nếu lưu nhị hạn ngộ Lộc tất vị chí công khanh.

✲

- Thìn cung thượng khởi Cơ Lương, Giáp Nhâm dương nữ, lợi tử thương phụ.

- Âm Nam ất quý, duy thê khắc hại, do phú thành vinh

Dương nữ tuổi giáp Nhâm, mạnh lập tại cung Thìn hội với hai sao Thiên cơ Thiên lương là người đảm lược, nhiều con nhưng khắc chồng, tất trung niên phải phòng không chính ảnh.

- Người Âm-nam tuổi ất Quý, nhờ phú cách mà sau thành danh, nhưng khắc vợ.

✲

- Khoa Quyền đối củng, dược tam cấp ư Vũ-Môn

Nhật nguyệt tịnh minh tá cửu-trùng ư kim điện.

- Sao Hóa khoa, Hóa quyền đóng tại các cung Tài bạch Thiên-ri hay Quan Lộc, tam phương cũng đối chiếu, hoặc cung Mệnh có Hóa khoa, hai sao Quyền Lộc tại tam phương chiếu lại, chủ sự vượt qua được ba kỳ khảo thi cao chiếm bảng vàng, hoặc rồng mây hội được tiến cử và được trọng dụng, hiển đạt.

- Người tuổi Tân tuổi ất an Mệnh tại Sửu gặp Thái dương tại cung Tỵ, Thái âm tại cung Dậu triều lai là đắc cách tất được bậc anh quân trọng dụng (làm quan tại điện nhà vua) người tuổi Bính được quý cách, người tuổi đinh chi được phú cách.

✲

- Phủ Tướng đồng lai hội Mệnh cung toàn gia thực lộc.

Tam hợp minh châu sinh vượng địa, ổn bộ thiềm cung

- Thân mệnh cung an tại miếu vương địa thiên phủ thiên tướng tại tam hợp cung chiếu lại, và hội nhiều cát tinh là được cách phủ tướng triều viên, phú quý song toàn. Có câu rằng :

Phủ tướng triều viên cách tối lương

Xuất sĩ vi quan đại cát xương

- Như mệnh viên an tại Mùi cung, gặp thái dương tại cung mão, thái âm tại cung hợi triều lai, là hợp cách "minh châu xuất hải" tất được tài quan song mỹ.

- Hoặc Thái dương thủ Mệnh tại cung Thìn và Thái âm ở cung Tuất đối chiếu, cũng như Thái âm thủ Mệnh tại cung Tuất, sao Thái dương tại cung Thìn đối chiếu , tất chủ quý hiển, bệ vệ ở chốn Thiềm cung vậy.

✵

- Thất-sát, phá-quân nghi xuất ngoại

Cơ nguyệt đồng lương tác lại nhân.

- Thất sát hoặc Phá quân thủ Thân Mệnh dù ở miếu địa, đắc cách vẫn nên ly hương tạo nghiệp , có như vậy mới hoàn toàn ứng hợp với vận mạng, hầu tránh được những bất trắc , gây trở ngại trong đời . (Sao Thất Sát đóng các cung Dần Thân, sao Phá quân đóng cung Tý và Ngọ, đúng vào cách như trên.)

- Bốn sao Thiên cơ, Thái âm, Thiên đồng và Thiên lương thuộc một tinh bộ, tất phải đóng vào Thân Mệnh và các cung tam hợp mới là "khúc toàn" chủ có biệt tài về văn án, văn từ, làm quan, làm lại.

Nếu gặp Sát tinh hay Hóa kỵ là hạ cách

Có câu quyết rằng : Dần Thân hội Đồng Lương Cơ Nguyệt tất định tác lại nhân, nhược vô tứ tinh, tam giả nan thành. Nghĩa là : nếu không hội đủ Đồng Lương Cơ Nguyệt 4 sao, mà chỉ có 3 sao, tất không thành cách được.

✵

- Tử phủ nhật nguyệt cư vượng địa đoán định công hầu khí

Nhật nguyệt khoa lộc sửu cung trung định thị phương bá công.

Sao tử vi đóng cung ngọ, thiên phủ tại tuất thái dương tại mão, hợi lại được tam hóa đóng tại thân mệnh cung, là cách tử phủ nhật nguyệt cư vượng địa, thành bậc công hầu.

Nếu ngộ Sát Kiếp Không Kỵ là ngọc quý có vết "mỹ ngọc hà điểm" bị phá cách

- Mệnh viên an tại sửu mùi có thái dương, thái âm và khoa lộc tọa thủ là đắc cách chủ được phong tước vị công hầu bá

Nhưng nếu không gặp cát tinh và sao Hóa thì tuy Nhật Nguyệt đồng cung, cũng không cát lợi.

Có câu quyết rằng :

Nhật Nguyệt Sửu Mùi mệnh trung phùng

Tam phương vô cát phúc vô sinh

Nhược hoàn cát hóa phương vi mỹ

Phương diện uy quyền, phúc lộc tăng.

✵

-Thiên-lương, Thiên-mã hãm phiêu đãng vô nghi

Liêm-trinh sát bất gia thanh-danh viễn bá

- Sao Thiên lương thủ Mệnh thất hãm tại các cung Thân, Tỵ, Hợi , có Thiên mã đồng hãm với Hỏa Không Kiếp, chắc thành người phiêu đãng, không phải nghi ngờ.

- Sao Liêm trinh thủ Mệnh tại cung Mão, chủ quý hiển,hoặc có cát tinh tại tam hợp chiếu cũng được quý, nếu ngộ sát tinh chỉ bình thường.

Hoặc Liêm trinh thủ Mệnh tại cung Mùi hay cung Thân, không ngộ sát tinh, cũng được đại cát, tên tuổi được vang dội đến cả nơi xa.

✵

- Tuất cung tương tâm Tử Tướng, Âm nam Tân ất, thê vinh phú hoạch

Giáp Canh Dương nữ, hoạch đạt tự thành.

- Người sinh Âm-nam, tuổi Tân ất, mạnh lập tại Tuất cung có hai sao Tử vi Thiên tướng, Thuỷ mạng hợp đệ nhất cách sẽ hoạch phát tiền tài, và thê vinh tử ấm.

- Cũng tại Tuất cung người dương nữ, tuổi Giáp Canh thời tự mình bôn ba, tần tảo kinh doanh thương mại đảm lược, gây dựng được cơ nghiệp.

✵

- Lương Đồng viên ngộ Khôi Quyền, gia hội Kỵ Linh giao lai song Lộc, doanh thương dị đạt phú cường.

Hai sao Thiên lương Thiên đồng thủ Mệnh, rất mừng gặp được Khôi Quyền, nếu gia thêm Kỵ Linh cùng với song Lộc, là người kinh doanh thương mại không phải lao lực mà thành triệu phú.

✵

- Nhật xuất lôi môn, phú quý vinh hoa

Nguyệt lãng thiên môn, tiến tước phong hầu.

- Mệnh an tại cung Mão có Thái dương tọa thủ tam phương có Tả Hữu Khôi Việt Xương Khúc phụ chiếu, tất phú quý không thể nhỏ.

- Người tuổi Giáp ất Canh Tân là hợp cách, nếu gặp tứ sát cũng được ấm no.

- Thái âm thủ Mệnh tại cung Hợi tam phương được cát tinh củng chiếu, chủ đại phú quý. nếu không có cát tinh phù củng, chỉ được công danh, chức vị nhỏ.

Người tuổi Bính Đinh được quý hiển

Người tuổi Nhâm Quý vượng về tiền bạc.

✵

- Dần phùng Phủ Tướng vị đặng nhất phẩm chi vinh

Mộ phùng tả hữu tôn cư bát tọa chi quý

Mệnh viên an tại dần có thiên phủ ở ngọ, thiên tướng ở tuất triều lai, người tuổi giáp gặp cách này tất nhất phẩm vinh hoa.

- Sao tả phụ hữu bật thủ mệnh tại các cung thìn tuất sửu mùi, hoặc tại ba cung thiên ri, quan lộc tài bạch có hai sao tả hữu cũng chủ được đại phúc, đại thọ.

✵

- Lương cư Ngọ vị quan tư thanh hiển

Khúc ngộ Lương tinh vị chí đài cương.

- Sao thiên lương thủ mệnh tại cung ngọ, chủ công danh quý hiển và là người liêm chính.

Người tuổi Đinh là thượng cách

Người tuổi Tỵ thứ cách.

Người tuổi Quý, dù gặp cách này cũng chỉ vượng phát về tiền bạc.

- Mệnh-viên tại cung Ngọ có Thiên-lương tọa thủ, gia hội Vũ-khúc miếu địa là thượng cách.

Mệnh-viên au tại cung Dần là thứ cách nhưng quan-vị cũng được tới chức Ngự-sử.

✵

- **Khoa Lộc Tuần phùng Chu-Bật hân nhiên nhập tướng.**
  Văn-tinh âm củng Cổ-Nghị duẫn hĩ đăng khoa.

- Như mệnh-viên có cát tinh tọa thủ, tam phương có Tam Hóa, cùng cát tinh củng chiếu, là cách ông Chu-Bật bỗng được phong tướng.

Cung Mệnh có cát tinh tọa thủ, ba cung Thiên-ri, Quan-lộc, Tài-bạch, có Xương Khúc và Hóa-khoa triều củng, ông Cổ-Nghị được cách này, đã cao chiếm bảng vàng.

- **Kình-dương, Hoá-tinh uy quyền xuất chúng.**
  Đồng hành Tham Vũ uy yếm biên đi.

- Mệnh-viên an tại tứ Mộ (Thìn, Tuất, Sửu, Mùi) ngộ Hỏa-tinh và Kình dương miếu vượng, chủ văn võ song toàn và đường công-danh sẽ thành người chấp-chưởng binh-quyền vạn lý.

- Hoặc sao Tham-lang, Vũ-khúc ngộ Hỏa-tinh tại miếu vượng địa, cũng chủ : người có tài kiêm văn vũ, và là bậc vũ-tướng có quyền-uy áp chúng, trấn ngự được những bộ-lạc, nước nhỏ lân cận.

- **Lý Quảng bất phong. Kình-dương phùng ư Lực-sĩ**
  Nhan Hồi yểu triết Văn-xương hãm ư yểu thương

- Ông Lý Quảng, tuy là đại danh tướng nhà Hán, mà không được phong tước vị vì cung Mệnh của ông có Kình-dương gặp Lực-sỹ.

- Ông Nhan Hồi chết non cũng bởi cung Mệnh có sao Văn-xương lạc hãm địa.

❋

- **Trọng – Do mãnh liệt, Liêm trinh nhập miếu ngộ Tướng quân.**
  Tử Vũ tài năng, Cự tú Đồng Lương xung thả hợp.

- Ông Trọng-Do mạnh bạo, quyết liệt vì cung Mệnh có Liêm-trinh tọa thủ tại cung Thân và hội với sao Tướng-quân.

- Ông Tử-Vũ có tài năng, vì cung Mệnh lập tại Tỵ, cung Tý có Thiên-đồng, cung Dần có Cự-môn, cung Thìn có Thiên lương, và lại được Khoa Quyền Lộc Tả Hữu củng xung chiếu.

❋

- **Dần Thân tối hỷ Đồng Lương hội,**
  Thìn Tuất ứng hiềm hãm Cự-môn.

- Sao Thiên-đồng Thiên-lương hội với nhau tại cung Dần hoặc cung Thân là cách rất tốt.

Sao Cự-môn đóng ở cung Thìn Tuất là cách bị hãm, rất xấu.

❋

- **Lộc đảo Mã đảo kỵ Thái-tuế chi hợp Kiếp Không.**
  Vận suy, hạn suy hỷ Tử-vi chi giải hung ách.

- Lưu hành nhị hạn dù gặp cách Lộc Mã, nếu ngộ Thái tuế, Không Kiếp thành phá cách.
- Hạn và vận xấu cần phải được sao Tử-vi mới hoá giải được tại hung.

❋

- **Điếu khách Tang-môn, Lộc-Châu hữu truỵ lâu chi ách,**
  Quan-phù, Thái-tuế Công-Dã hữu tiết luy chi ưu.

- Người Lộc-Châu bị nạn rơi từ lầu xuống vì hạn gặp : phía trước sao Tang-môn, phía sau sao Điếu-khách và sao Thái-tuế hội với hung tinh.
- Người Công-Dã bị trăn-trối vì cung Mệnh và Thân có Quan-phù, Thái-tuế tọa thủ, nhị hạn lại cũng ngộ Quan-phù hội với sát tinh.

❋

- **Đế tinh tại Tý, nan giải hung nguy, lưu hạn sát tinh La Võng lao hình khôn vị thoát.**
  Mạnh nãi Dương Đà Kiếp hội vi thành thọ giảm.

- Mạnh cung có Tử-vi tại Tý, khi tới vận hành hạn xấu, thời không giải cứu được tai ương. (Mạnh khi có Tử-vi có thể giảm thiểu được hung nguy, nhưng ở cách Tử-vi đóng tại Tý cung, là Đế vô sở quyền, không giải được hạn hung-ác nữa, vì Tử-vi cư Tý này là hãm địa (Lưu nhị hạn ở hai cung Thìn Tuất (La Võng) nếu gặp sát tinh, tất thị hung nguy, khó thoát lao tù.
- Nếu cung Mạnh có Dương Đà Địa-kiếp hội, đến hạn La Võng có hung sát tinh, thời phải quan-phòng đến thân mạng muốn quy hồi Tiên-quốc.

❋

- **Phụ Cáo hoan ngộ Tướng Ấn ố Kỵ, Cự Đồng, nhược hội Khôi Xương, cử khoa ngao đầu tất chiếm.**

- Hai sao Thai-phụ, Phong cáo rât ưa Tướng Ấn, trái lại rất ghét gặp Cự-môn và Thiên-đồng.

Nếu Thai Cáo đồng cung với Khôi Xương tại Mệnh cung, tất thị đăng khoa chiếm đầu vị.

❋

- **Hạn chí Thiên-la, Địa-võng Khuất-Nguyên nịch thủy nhi vong.**
  Vận ngộ Địa-kiếp Thiên-không, Nguyễn-Tịch hữu bần cùng chi khổ.

- Ông Khuất-Nguyên tự-trầm vì nhị-hạn tới cung Thìn Tuất gặp Vũ-khúc Tham-lang và Thái-tuế, Tang-môn, Điếu-khách, Bạch-hổ ngộ hung tinh chiếu lại thành tối hung chi hạn.

- Ông Nguyễn-Tịch lâm cảnh bần cùng khốn khổ vì nhị hạn gặp Kiếp Không toạ thủ, lại tính hạn lưu-niên cũng có sát tinh củng chiếu, dĩ nhiên phải chịu cảnh nghèo khổ.

Hạn gặp Không Kiếp dù được cát tinh phù-trì, thời cũng không thể tránh được : "tiền bạc tới, tiền bạc đi".

- **Văn-xương Văn-khúc hội Liêm-trinh, táng mệnh yểu niên.**
  Mệnh Không, hạn Không vô cát tấu, công danh thặng đặng

- Sao Xương Khúc thủ Mệnh-viên tại cung Tỵ Hợi, nếu ngộ Liêm-trinh tất bị chết yểu.

Người tuổi Tân tối kỵ gặp cách này. Nhưng nếu được Vũ-khúc Thiên-tướng tuỳ hội lại phản vi đắc quý, chủ hữu quyền uy.

- Mệnh và nhị hạn phùng Không gia Kiếp, dù được chư cát tinh phù-trì, đường công danh vẫn phải lận đận, cheo leo, không thể đạt thành như ý. Hoặc có chính tinh hội tam Hoá và cát tinh mà gặp Không Kiếp ở tại Mệnh và hạn, dù có tàn cần gắng cong đèn sách, cũng chỉ đạt được nửa vời.

❋

- **Sinh phùng Thiên-không do như bán thiên triết si,**
Mệnh trung ngộ Kiếp hợp như lãng lý hành thuyền.

Mệnh-viên có Thiên-không tọa thủ, về trung vận tất phải suy giảm, nếu đắc hoạnh phát, sau đó tất chết dữ.

Người tuổi Tý mệnh-viên tại Hợi, người tuổi Ngọ mệnh-viên tại Tỵ hay gặp cách này.

- Cung Mệnh có sao Địa-kiếp, gia Sát, Kỵ, thực thậm hung, chẳng khác con thuyền nhỏ đi trên mặt đại dương vậy.

❋

- Hạng-vũ anh hùng hạn ngộ Thiên-Không nhi táng quốc
Thạch-Sùng hào phú hạn hành Địa-kiếp dĩ vong gia.

Anh-hùng như Sở bá-vương, hạn gặp Thiên-không cũng phải mất nước và chết.

Giầu phú-gia định quốc như Thạch-Sùng hạn phùng Địa kiếp, tư cơ cũng tan nát

❋

Lã-Hậu chuyên quyền, lưỡng trùng Thiên-lộc Thiên-mã.
Dương-Phi hiếu sắc tam hợp Văn-Khúc Văn-Xương

Bà Lã Hậu chuyên quyền vi Mệnh-viên có Lọc-tồn Hóa-lộc và Thiên-mã,

Dương Quý-phi dâm-dật, bởi cung Mệnh, Tài-bạch, Thiên ri có Xương Khúc chiếu cùng với Thái-Âm Thiên-Cơ là cách chú sự, dâm-ô cực kỳ.

❋

–Tử Phủ đồng cung, Đế vô quyền sở, nan giải tai ương, do như Tuần không xâm nhập.

–Tử Phủ làm Mạnh hay Dần hoặc Thân là hai sao giải cứu được hung nguy khi đáo nhị hạn, nhưng nếu bị Tuần không án ngữ, ví như hai ông vua bị mất hết quyền hành, nên không giảm thiểu được tai kiếp khi hạn ngộ ác sát-tinh, cũng như trường hợp Tử-vi đóng ở cung Tý vậy.

❋

–**Sát tinh hung diệu, Triệt đẩu cư lai, bất cập a hành, nan phùng tai ách vận lai.**

–Cung Mệnh viên dù có tứ sát, tứ hung, lục bại đi nữa, nếu được Triệt tinh án ngữ tại bản cung, cũng không e sợ lũ hung ác sát tinh kia hoành hành hại chi được, vì sao Triệt đủ ảnh hưởng khắc chế được mọi hung nguy.

❋

–**Mạnh Tuần Thân Triệt, hủ đắc văn đoàn tương hội, phú quý văn tài cánh phát chung niên.**

–Mạnh có Tuần, Thân cung có Triệt án ngữ, vô chính tinh, rất mừng gặp được văn-tinh như Khôi Việt, Xương Khúc, Long Phượng, gặp như vậy là người có văn tài, học vấn và khi đứng tuổi tất sẽ được an nhàn phú quý.

❋

–Thiên-lương ngộ Mã nữ-mệnh tiện nhi thả dâm.

Xương Khúc giáp trì, nam-mệnh quý nhi thả hiển.

–Mệnh viên an tại Dần Thân Tỵ Hợi ngộ Thiên-mã tọa thủ, tam phương ngộ Thiên-lương hợp chiếu là cách nghèo hèn và dâm dật.

–Sao Thái-dương gọi là Đan-trì và Thái-âm là Quế-trì, Mệnh an Sửu, Mùi ngộ Âm Dương, cung phía trước và cung phía sau có Tả Hữu Xương Khúc lai giáp, đắc-cách này, chủ sự quý hiển.

❋

–Cực cư Mão Dậu đa vi thoát tục tăng nhân.

Trinh cư Mão Dậu định thị công tư lại bối.

–Sao Tử-vi (Cực) thủ Mệnh tại cung Dần Mão, lại gặp sát tinh, chủ bậc tăng, đạo thoát tục.

–Mệnh-viên tạo Mão Dậu, có Liêm-trinh tọa thủ, gia hội sát tinh, chỉ làm lại chốn công môn hoặc bộc-dịch tại tư-gia.

❋

–Tả Phủ đồng cung tân cư vạn thặng

Liêm-trinh Thất-sát lưu đãng thiên nhai.

–Sao Thiên-phủ và Tả-phụ thủ Mệnh tại cung Thìn hoặc Tuất, tam phương được cát tinh và tam Hóa củng xung, tất đắc "cực phẩm chi quý" (tôn cư vạn thặng là làm vua nước có vạn cỗ xe - vạn thăng chi quốc).

–Mệnh an tại cung Tỵ hoặc Hợi có Liêm Sát tọa thủ, ngộ Sát, Kỵ, Không, Kiếp, tất phải lang thang góc biển chân trời.

❋

–Thân Cư Thế vị, Tuấn Triệt lai xâm, thiếu niên ai lệ mãi thất tình.

Nhược gia cát tú, lương duyên mãn kiếp dữ phụ nhàn.

–Người có số Thân-cư Thê-cung bị Triệt Tuần xâm phạm, tất thiếu-niên bị tình-phụ, mà nước mắt buồn rơi khi nhớ tới người xưa.

–Nếu gia-hội cát tinh, cũng được mãn kiếp xum vầy cùng hóa-phụ.

❋

–Thiên-phủ cư Ngọ Tuất, Thiên-tướng lai triều, Giáp nhân nhất phẩm chi quý.

–Cung Mệnh an tại Ngọ hoặc Tuất, có được Thiên-tướng củng chiếu và hội với cát tinh, người tuổi Giáp, nhất là Thổ-mạng, tất được cực phẩm chi phú quý.

❋

–Đặng-Thông ngạ tử vận phùng Đại-hao chi hương.

Phu-Tử tuyệt lương hạn đáo yểu thương chi nội.

–Ngươi Đặng-Thông chết đói vi Mệnh an tại Tý cung, nhị hạn và giáp cung hạn gặp Đại-hao hội ác sát tinh.

–Đức Khổng-Tử bị nhịn đói ở đất Tần, vì nhị nạn ngộ Hao với ác sát tinh.

–Linh Xương La Vũ hạn chí dịch hà.

Cự Hỏa Kình-dương chung thân ải tử.

–Người tuổi Tân, Nhâm, Kỷ, gặp hạn Linh-tinh, Văn-xương Đà-la, Vũ-khúc, giao hội tại cung Thìn hoặc cung Tuất tất gặp tai nạn sông nước.

–Thân Mệnh cung có các sao Cự-môn, Hỏa-tinh Kình-dương tọa thủ, nhị hạn phùng ác sát tinh chung hội, tất thọ tử bởi sợi giây oan-nghiệt.

❋

–Mã đầu đái kiếm phi yểu triết tắc chủ hình thương.

–Kình-dương độc thủ tại cung Ngọ là cách "mã đầu đới kiếm", nếu tam phương hội cát tinh củng chiếu, người tuổi Mậu đắc cách nhất, chủ võ-chức hiển-hách, chấn ngự biên cương, người tuổi Bính là thứ cách.

Còn các tuổi khác nếu không sớm chết yểu tất cũng bị tàn-tật.
Nếu lại phùng ác sát tinh, thực khó thoát khỏi thọ tử dưới lưỡi đao của đao-phủ.

❋

–Tý Ngọ Phá-quân, gia quan tiến chức.

Xương Tham cư Mệnh phấn cốt, toái thi.

–Sao Phá-quân thủ Mệnh tại cung Tý hoặc Ngọ, gia hội cát tinh, tất nhiên công danh tới vị tam-công.

–Sam Tham-lang cùng Văn-xương thủ Mệnh tại cung Tỵ hoặc Hợi, nếu gia Kình Sát Kỵ tất bị sớm bất đắc kỳ tử, tan xương nát thịt.

❋

–Tử Phủ Kình-dương tất cự thương.

–Cung Mạnh hoặc cung Quan-lộc có Tử-vi hay Thiên-phủ đồng cung với Kình-dương nhập miếu, tất sẽ là người Kình-thương quy mô rộng lớn, thành đại-phú gia.

❋

–Quế Sứ, Hoa Thương tối hiềm giao ngộ, mạc phùng sát diệu, đa khổ tai ương.

–Văn-quế là tên riêng của sao Văn-xương, Văn hoa là tên riêng của sao Văn-khúc, nếu như Văn-xương hội với Thiên-sứ, Văn-khúc hội với sao Thiên-thương đồng cung là điều tối độc, chủ đa thị-phi, đa chiêu oán đối với thân-thích và tỳ-bộc.

Lưu vận hành nhị hạn mà gặp, gia trạch, tài-lộc tất bị tổn hại không ít.

–Triều đẩu, ngưỡng đẩu tước lộc Văn-xương.

Văn-quế, Văn-hoa cửu trùng quý hiển.

–Thất-sát thủ Mệnh tại Tý Ngọ Dần Thân là triều đẩu, ở tam phương là ngưỡng đẩu, đều đắc cách "Thất-sát triều đẩu, chủ sự phú quý song toàn".

–Văn-xương Văn-khúc thủ Mệnh tại cung Sửu hoặc Mùi, lại có tam Hóa, cát tinh củng chiếu, tất làm đến đại-thần.

Nhưng nếu không có cát tinh Xương Khúc thành vô dụng.

❋

–Đan-trì, Quế-trì tảo toại thanh vân chi phí.

Hợp Lộc củng Lộc định vi cự-phánh chi thần.

–Sao Thái-dương cư Mão Thìn Tỵ (đan-trì) sao Thái-âm cư Dậu Tuất Hợi (quế trì) Thân hoặc Mệnh an được tại một trong sáu cung ấy, và gia hội Xương Khúc Khôi Việt, tất nhiên "thiếu niên kim bảng đắc danh đề".

–Sao Lộc-tồn với Hóa-lộc chia nhau đóng ở Tài-bạch, Quan-lộc, hoặc Mệnh-viên một Lộc và Thiên-ri một Lộc, đều chủ về cả phú lẫn quý. Có câu quyết rằng:

Hợp Lộc củng Lộc đôi kim ngọc,
Tước vị cao thiên ý tử bào.

Nghĩa là: đắc cách song Lộc tất được vàng ngọc chất đống, cởi bỏ áo thường để khoác hồng bào, đúng như một tay cự phách trong hàng bề-tôi cột-trụ.

❋

–Cự lương Tướng hội Liêm-trinh, tịnh hợp Lộc uyên ương nhất thế vinh.

–Vũ-khúc nhàn cung đa thủ nghệ, Tham-lang hãm địa tác đồ nhân.

–Cự Lương Tướng Liêm bốn sao mà Thân. Mệnh và tam hợp ngộ tại miếu địa, tại cung Phu-thê có Hóa-lộc, Lộc-tồn lai hợp, chủ một đời vinh hiển.

–Sao Vũ-khúc thủ Mệnh tại Tỵ Hợi (nhân cung) gia cát tinh nên làm thủ công-nghệ an thân.

Sao Tham-lang thủ Mệnh tại Tỵ Hợi, gia sát tinh, chủ mệnh yểu, hoặc làm đồ tể (người mổ trâu, heo).

❋

–Thiên-lộc triều viên thân vinh quý hiển

Khôi tinh lâm Mệnh vị liệt tam đài.

–Người tuổi Giáp, Mệnh lập tại cung Dần có Lộc tọa thủ cũng là cách Thiên-lộc triều viên.

Người tuổi Canh Lộc cư Thân, tuổi Ất Lộc ở Mão, tuổi Tân lộc ở Dậu đều theo đấy mà đoán.

–Tử-vi thủ Mệnh tại cung Ngọ ngộ Văn-xương, Khôi hay Việt đồng cung, người tuổi Bính được kỳ cách này, sự vinh hiển khó có người bằng.

❋

–Kiếp Kình Đế Cự Suy Triệt lâm mệnh, Tý hương, ác nhân đãng tử mãn kiến nan toàn.

–Cung Mạnh cư Tý, hai sao Tử-vi hay cự môn, nếu hội với các sao Kiếp Kình Suy Triệt là người phải chết bởi tai nạn, và khi chết rồi, thể xác vẫn phải bị mổ, xẻ.

❋

–Thân cư Quan, kiến Triệt Tuần Kiếp Kỵ, nam nhân phong vân vị tế, hựu phùng cát diệu, vũ lộ thừa ân, khả đãi vãn niên dĩ hậu.

–Cung Thân cư Quan-lộc, nếu gặp Triệt-Tuần Kiếp Kỵ đồng cung, buổi thiếu thời tất phải lận-đận, bôn ba vì không gặp thời cơ.

–Nếu như có được cát tinh củng chiếu, cũng phải chờ đợi tới vãn niên mới được hưởng phúc lộc và tạo thành cơ nghiệp.

❋

–Nhật tại Tý cung, hiệu viết Nhật trầm thùy để, loạn thế phùng quân, nhược ngộ Hình Sát tu phòng đao nghiệp.

–Sao Thái-dương thuộc Hỏa, đóng tại cung Tý thuộc Thủy là hãm địa, tuy nhiên với những người thuộc hỏa Mệnh được hưởng cách Nhật trầm thùy để, loạn thế phùng quân, nếu có được Kình-dương và Đà-la xung chiếu.

–Bởi lẽ: khi mặt trời nằm tại đáy nước thì chẳng những chỉ có một bóng mặt trời nằm im lìm ở chốn xâu thẳm mà không thể phát được quang-huy rực rỡ như ánh tự nhiên. Cho nên cần phải có Kình Đà xung chiếu vì Kình Đà tượng là sóng và gió, và khi mặt nước được sóng gió khơi động, tất phải nổi thành muôn vàn gợn nhấp-nhô, và mỗi gợn đều có một ánh mặt trời lóng-lánh, tựa như phát huy được sức sáng chói của Thái-dương, khả nãi vi thụ-hưởng cách đồng quang, quý, loạn thế phùng quân, tức như đời loạn gặp được bậc anh-quân vậy.

–Đối với những tuổi thuộc Kim, Mộc, Thủy, Thổ mệnh, nếu hội Hình sát, tất phải cẩn mật đề-phòng đao thương chi nghiệp.

–Tý Ngọ Cự-môn, thạch trung ẩn ngọc.

Minh Lộc ám Lộc cẩm thượng thiêm hoa.

–Sao Cự-môn thủ Mệnh tại Tý hoặc Ngọ và có Khoa Lộc tại Dần Tuất Thân Thình hợp chiếu là được cách "Ngọc nấp trong đá' chủ cả phú lẫn quý.

–Người tuổi Giáp có Hóa-lộc thủ Mệnh tại cung Hợi, lại được Lộc-tồn ở cung Dần (Dần lục hợp với Hợi) cũng đồng với cách Khoa minh Lộc ám, chủ tăng phúc thọ như "áo gấm thêm hoa" vậy.

❋

–Xương khúc Phá-quân phùng hình khắc đa lao lục.

Tham Vũ Mộ-trung cư tam thập tái phát phúc.

–Phá-quân thủ Mệnh tại Mão Dậu Thìn Tuất, tuy gia Văn-xương Văn-khúc vẫn không được hoàn mỹ, phải nhiều gian truân.

–Vũ-khúc Tham-lang thủ Mệnh tại Thìn Tuất Sửu Mùi chủ thiếu niên tân khổ, phải ba chục năm về sau mới khá được.

Nếu phùng Hóa-kỵ, tất yểu

❋

–Thiên-đồng Tuất cung vi phản bối, Đinh nhân hóa cách chủ đại quý.

Cự-môn Thìn Tuất vi hãm địa, Tân nhân hóa cát lộc tranh vanh.

–Thiên-đồng tại cung Tuất là hãm địa, nhưng rất hợp cho người tuổi Đinh, chủ quý hiển.

–Cự-môn đóng tại Thìn Tuất là hãm địa, đối với mọi tuổi đều không tốt, riêng người tuổi Tân được hưởng phúc lộc tuyệt vời.

❋

–Phủ Tướng Đồng Lương tính tất hảo, Sát Kiếp không Tham tính bất thường.

Xương Khúc Lộc Cơ thanh tú sảo, Âm Dương Tả Hữu tối từ tường.

–Bốn sao Thiên-phủ, Thiên-tướng, Thiên-đồng, Thiên-lương bản chất rất tốt lành, nhưng Tham-lang Thất-sát Địa-kiếp Địa-không thì khi tốt, khi hung dữ, khi vô hại.

–Các sao Xương Khúc, Lộc-tồn, Thiên-cơ chủ sự thanh tao, nhã nhặn, khéo léo, trong khi Âm Dương Tả Hữu chủ sự hiền từ, may mắn và cát vượng.

❋

–Vũ Phá Liêm Tham xung hợp khúc toàn cố quý.

Dương Đà Thất-sát tương tạp căng kiến tắc thương.

–Bốn sao Vũ-khúc Phá-quân Liêm-trinh và Tham-lang đồng củng chiếu, tuy phải trắc trở rồi mới thành toàn nhưng được quý hiển.

–Còn Kình-dương Đà-la Thất-sát xung chiếu chẳng những gieo rắc phiền tạp mà còn bị thương tổn nếu các sao ấy đóng hẳn vào cung ảnh hưởng của Thân Mệnh.

❋

–Thân cư Quan-lộc hội sát diệu Triệt Tuần, Nữ-mệnh nan bảo thân danh.

Gia kiến Tang Bạch cô thân chích ảnh, nghi gia vãn tuế tất thành.

–Nữ nhân, Thân cư cung Quan-lộc, ngộ Triệt Tuần và sát tinh, là người khó bảo toàn được danh tiết. Nếu lại gặp hai sao Tang-môn Bạch-hổ tất bị phòng loan gối chích, phải đến tuổi sế chiều mới được thành gia-thất.

❋

–Thân hội Di cung, Triệt Tuần hãm nhập vãn tuế hồi hương phương túc cát.

Nhược hựu kiến sát tinh, sự nghiệp viên thành ư ngoại xứ.

–Người có số Thân cư cung Thiên-di gặp Triệt Tuần hãm địa, tất phải tha hương lập nghiệp cho tới khi tuổi già mới được về quê và hưởng phúc lộc rồi-rào.

–Nhưng nếu Di cung lại bị sát tinh củng chiếu thì chỉ có thể thành cơ nghiệp nơi đất khách, quê người.

❋

–Tham-lang Liêm-trinh Phá-quân ác,

Thất-sát Kình-dương Đà-la hung,
Hỏa-tinh Linh-tinh chuyên tác họa,
Không Kiếp Thương Sứ họa trùng phùng.

–Tham, Liêm Phá là ba ác tinh, Sát Kình Đà là ba hung-tinh.

Sao Hỏa-tinh, Linh-tinh là hai sao tác họa, và nếu gặp Không Kiếp và Thiên-sứ Thiên-thương một lượng, tất tai họa đến không ngừng.

❋

–Cự-môn, Hóa-kỵ giai bất cát, vận Thân Mệnh hạn kỵ tương phùng.

Cánh hiềm Thái-tuế Quan-hù chí, quan phi khẩu thiệt quyết bất không.

–Sao Cự-môn và Hóa-kỵ đều là những sao không tốt, nên Thân Mệnh và vận hạn gặp phải là điều tối kỵ.

–Vận hạn mà gặp Thái-tuế, Quan-phù một lượt, tất không thể tránh được cãi-cọ và lôi nhau tới công môn, bởi Quan-phù Thái-tuế là "hưng tụng chi thần" cũng như Cự-môn là: "thị phi chi diệu"; nếu lại gặp thêm Hóa-kỵ nhất định có sự kiện-tụng tới ngay.

❋

–Điếu-khách Tang-môn hựu tương ngộ, quản giao tai bệnh nhi tương công.

Thất-sát thủ Thân chung thị yểu bần Tham-lang nhập Mệnh tất vi xướng.

–Sao Điếu-khách Tang-môn bản chất chủ sự thương tổn, chết chóc, nếu không gặp Thất-sát Thiên-hình Kình-dương còn có thể miễn. Nhưng nếu gặp Hóa-kỵ tất không thể tránh được tai kiếp.

–Sao Thất-sát đóng vào Thân Mệnh cùng hãm địa, gia hội hung tinh tất thị nghèo, yểu.

Sao Tham-lang thủ Mệnh, tuy chẳng có sát tinh đồng thủ, hoặc tam hợp chiếu lại, cũng chủ sự dâm ô. Nếu lại ngộ sát tinh tại hãm địa, chủ nam-nhân phiêu đãng, nữ nhân dâm loạn.

❋

–Khôi Việt đồng hành vị cư thai phụ,

Lộc Văn củng Mệnh quý nhi thả phú.

–Thiên-khôi, Thiên-việt tọa thủ Thân Mệnh cung, được Quyền Lộc Xương Khúc cát diệu chủng chiếu, chủ sự phú quý song toàn.

–Nhưng nếu gặp Thiên-hình Hóa-kỵ củng xung thời chỉ bình thường. Tốt hơn là đi Tu.

❋

–Mã đầu đới kiếm chấn ngự biên cương,

Hình tù giáp Ấn hình trượng duy tư.

–Cung Mệnh an tại Ngọ, Kình-dương tọa thủ hội Tham-lang Thiên-đồng, người tuổi Bính Tuất gặp cách này, dù có Kình tại Mệnh, vẫn thành cách tốt đẹp, có thể được cả phú lẫn quý duy không được vững bền.

–Cung Mạnh giáp hai sao Thiên-hình và Liêm-trinh chung thân lận đận, nên đi tu hợp cách hơn.

❋

–Thái-dương cư Ngọ vị chi Nhật lệ trung thiên hữu chuyên quyền chi vị, địch quốc chi phú.

Thái-âm cư Tý hiệu viết thủy trừng quế ngạc, đắc thanh yêu chi chức, trung gián chi tài.

–Sao Thái-dương thủ Thân Mệnh tại cung Ngọ, người tuổi Canh-Tân có quyền hành nhất và cũng giầu có vào bậc nhất trong nước.

–Sao Thái-âm thủ Thân Mệnh tại cung Tý người tuổi Bính Đinh được phú quý toàn mỹ, lòng dạ ngay thẳng và có tài can ngăn được người.

❋

–Tử-vi Phụ Bật đồng cung nhất hô bá nặc,

Văn Hao cư ư Mão Dậu chúng thủy triều đông.

–Cung Mệnh có Tử-vi Tả-phụ và Hữu-bật đồng tọa thủ "gọi một tiếng trăm người dạ" tất thị chung thân phú quý.

–Mệnh và Thân an tại Mão và Dậu ngộ Đại-hao và Tiểu-hao là được cách: "các dòng nước đều chảy về hướng đông".

❋

–Nhật Nguyệt thủ bất như chiếu, hợp ấm phúc tụ bất phạ hung ách.

–Thái-dương Thái-âm tọa thủ tại Thân Mệnh cung, dù có gia hội cát tinh, tất không sợ hung tai.

❋

–Tham cư Hợi Tý danh vị phiếm thủy đào hoa.

Hình ngộ Tham-lang, hiệu viết phong lưu thải trượng.

–Sao Tham-lang tọa thủ cung Hợi hoặc cung Tý gọi là cách: "hoa đào nổi trôi mặt nước" nếu Mệnh-viên có cách ấy và hội với cát tinh, có thể là cách tốt đẹp, nhưng nếu lại ngộ Hình, Kỵ chủ trai phiêu đãng, gái dâm hư.

–Như Thân Mệnh an tại cung Dần, có Tham-lang Thiên-hình tọa thủ, tuy là người thông-minh đĩnh-ngộ, nhưng vì bản-chất phong-lưu, hào-hoa nên bị thải trượng.

❋

–Thất-sát, Liêm-trinh đồng vị, lộ thượng áp thi

Phá-quân ám diệu đồng hương, thuỷ trung tác trủng.

– Thân Mệnh cung có Sát Liêm đồng thủ, tam hợp gặp Kỵ Hao sát tất bị chết phơi xác mặt đường.

–Phá-quân giao hội với Cự-môn (ám diệu) chủ thay nổi trên mặt nước (chết đuối).

❋

–Lộc cư Nô-bộc túng hữu quan dã bôn trì,

Đế ngộ hung đổ tuy hoạch cát nhi vô đạo.

–Sao Lộc-tồn hoặc Hóa-lộc toạ thủ cung Nô, dù có được công danh gặp hội cũng phải bôn-ba, dong duổi.

–Sao Tử-vi ngộ Không Kiếp (hung đồ) suốt đời chả làm được việc gì nên thân.

Nhưng nếu Tử-vi ngộ Hình Kỵ, hội Quyền Lộc, thời tuy có được cát vượng đấy nhưng vẫn là kẻ có tâm thuật bất chính, gian manh.

❋

–Đế toạ Mệnh khó, tắc viết kim dư phù ngự liễn.

Lâm-quan đồng Văn-diệu vi ý cẩm nhạ thiên hương.

–Sao Tử-vi cư mệnh, phía trước có cát diệu tức như "xe vàng có tán báu che" chủ đắc chức trọng, như "áo gấm có hương thơm".

❋

–Thái-dương hội Văn-xương ư Quan-lộc, hoàng điện thủ ban chi quý.

Thái-âm đồng Vấn-khúc toạ Thê-cung, thiềm cung triết quế, văn chương linh thịnh.

–Sao Thái-dương hội Văn-xương ở cung Quan-lộc, gia cát diệu, tất làm đến tể-tướng (đứng đầu nhóm ở đền vàng) phú quý tuyệt đỉnh.

–Sao Thái-âm cùng Vấn-khúc ở cung thê, được cát diệu phụ chiếu, có văn-tài linh diệu tuyệt vời, trai lấy được vợ sang đẹp, gái lấy chồng hiển quý (bẻ cành quế cung thềm).

❋

–Lộc-tồn thủ ư Điền Tài, tắc đôi kim tích ngọc.

Tài Ấm toạ ư Thiên-di, tất cự thương cao cổ.

–Sao Lộc-tồn đóng cung Điềm-trạch hay Tài-bạch, chủ bậc đại-phú trong nhà có tích chứa cả vàng lẫn ngọc.

–Vũ-khúc (Tài-tinh) Thiên-lương (Âm-tinh) một trong hai sao này đong cung Thiên-di, hội với Quyền Lôc, tất là bậc phú-thương có cửa tiệm đồ-sộ.

Nếu ngộ Hình, Kỵ Sát chỉ bình thường.

❋

–Sát cư tuyệt đia, yểu niên tuyệt tự Nhan Hồi.

–Cung Mệnh an tại Dần Thân Tỵ Hợi có Thất-sát toạ thủ, gia Hình Kỵ tất phải chết non như thầy Nhan-Hồi.

Hạn gặp cách như vậy, tất bị hung tai.

❋

–Hoa cư Lộc vi duyên đồ khất thực,

Tham hội vượng cung chung thân thử thiết.

–Đại, Tiểu-haotoa thủ cung Quan-lộc gia Hình Kỵ, người tuổi Dần Ngọ Tuất mệnh viên an tại Ngọ cung, người tuổi Tỵ Dậu Sửu mệnh viên ở Dậu, người tuổi Hợi Mão Mùi mệnh viên ở Mão, người tuổi Thân, Tý, Thìn. Mệnh lập ở cung Tý, nếu như gặp cách này, tất vướng nghiệp ăn mày nơi ven đường, góc chợ.

–Sao Tham-lang cùng Hao thủ Mệnh Thân hoặc cung Quan-lộc, chủ nghèo hèn, chung thân trộm cắp.

❋

–Hình Sát hội Liêm-trinh ư Quan-lộc gia sửu đồng lưu,

Quan-phủ giáp Hình Sát ư Thiên-di ly hương tao phối.

–Như Thiên-hình, Thất-sát hội Liêm-trinh tại cung Quan lộc, lưu niên nhị hạn mà gặp, nếu không bị hoạ hoạn cũng bị tội tù.

–Cung Thiên-di có sao Quan Phủ, giáp hai bên là Thiên Hình Thất-sát, chủ ly hương lập thành gia thất. (lấy vợ nơi xa).

❋

–Tử-vi Vũ-khúc Phá-quân hội Dương Đà khi công hoạ loạn.

Tử-vi hội, Vũ-khúc Phá-quân, ngộ Kình-dương Đà-la chủ dối trá người thành tai hoạ loạn nghịch.

❋

–Thiên-cơ Tỵ cung Dậu phùng hiển ẩm, ly tông gian giao trọng.

–Người tuổi Dậu, Mệnh co Thiên-cơ tại cung Tỵ là người thích rượu chè, giam giảo và tất phải tha hương cầu thực.

❋

–Nhật Nguyệt Tật-ách, Mệnh cung Không yêu đà mục cổ.

–Mệnh-viên hoặc cung Tật-ách có Nhật Nguyệt ngộ Không vong tất phải mang tật lưng vẹo, mắt hư.

❋

–Xương khúc cát tinh cư Phúc-đức vị chi ngọc trục thiên.

–Văn-xương Văn-khúc đóng tại cung Phúc-đức, gia cát-tinh, thành cách tốt đẹp, tựa như “cái trục ngọc giũa chốn đất trời ”.

❋

–Xương khúc Liêm-trinh ư Tỵ Hợi, tao hình bất thiện thả hư khoa.

–Sao Văn-xương Văn-khúc và Liêm-trinh đóng tại cung Tỵ Hợi, gặp Thiên Hình nếu không là kẻ bất nhân tất cũng là kẻ ba hoa, khoác lác.

❋

–Vũ-khúc Lộc Mã giao trì phát tài viện quân,

–Vũ-khúc thủ thiên mệnh hội Lộc-tồn Thiên-Mã, chủ phải ly hương mới làm ăn thịnh vượng và kiến tạo cơ nghiệp được.

❋

–Vũ-khúc, Kiếp-sát hội Kình-dương nhân tài trì đao.

Sao Vũ-khúc Kiếp-sát thủ Mệnh hội với Kình-dương là người giỏi về đao pháp.

❋

–Tham-lang ngộ linh Hoả tứ Mộ cung hào phú, gia tư hầu bá, quý.

–Sao Tham-lang cùng Linh-tinh hoặc Hoả-tinh tại các cung Thìn Tuất Sửu Mùi (tứ Mộ) là người giàu “ phú gia địch quốc ” và công danh ngang bậc công hầu.

❋

–Tham-lang Tỵ Hợi gia sát tinh, nếu chẳng may lấy nghiệp đồ-tể tắc cũng bị hình thương.

❋

–Tham-lang gia sát đồng hương, Nữ thâu hương nhi Nam thử thiết.

–Sao Tham-lang hội Thất-sát tại hãm địa, gái buôn hương bán phấn, trai trộm cắp.

❋

–Liêm-trinh Mão Dậu cung, gia Sát, công tư vô diện quan nhân.

–Liêm-trinh thủ Mệnh tại cung Mão hoặc Dậu là hãm địa, nếu gia Sát tinh, là số không có công danh.

❋

–Liêm-trinh Tham, Sát Phá-quân phùng Vũ-khúc, Thiên-di tác cụ nhung.

–Các sao Sát-phá Tham-liêm gặp Vũ-khúc tại cung Thiên-di, tất là bậc võ-tướng khiến bọn ngoại-tặc phải kiêng sợ.

❋

–Liêm-trinh Phá Hoả cư hãm địa tự ải đầu hà.

–Sao Liêm-trinh hoặc Phá-quân ngộ Hoả tinh tại hãm địa, chủ gieo mình xuống sông tự sát.

❋

–Liêm-trinh, Kình-dương Thất-sát cư Quan-lộc, già sai nan đào.

–Sao Liêm-trinh hoặc Thất-sát hãm địa ngộ Kình-dương tại cung Quan-lộc, khó tránh khỏi tai hoạ gông cùm, trăn trở.

❋

–Cự cơ Dậu thượng cát giả, túng hữu Tài, Quan đã bất chung.

–Sao Cự-môn Thiên-cơ Thủ-Mệnh tại cung Dậu, tuy ngộ Hoả lộc (Tài-quan) nhưng tiền của vẫn không được vững bền.

–Nếu an phân nghèo, được trường thọ và an-ổn nếu bột phát thành cự phú, tất phải yểu vong.

❋

–Cự Nhật Dân cung lập Mệnh, Thân, tiên khu danh nhí thực lộc.

–Sao Cự-môn Thái-dương toạ thủ cung dần lập Mệnh tại cung Thân, trước phải bôn ba về danh lợi và về hậu vận mới được thụ-hưởng.

❋

–Cự-môn tại Tỵ, Thái-dương tại Hợi nhi an Mệnh, phản vi bất giai.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại cung Hợi, sao Cự-môn tại cung Tỵ, là hai chính-tinh ở vào thế nghịch đảo tất bị tiêu ma,

❋

–Cự-môn Dương Đà ư Thân Mệnh Tật-ách loa huỳnh khốn nhược, đạo nhi xướng.

– Sao Cự-môn hội Kình-dương hoặc Đà-la tại cung Thân, Mệnh hoặc cung Tật-ách chẳng khác con tò-vò bị hãm đói là, chẳng trộm cắp thời cũng ca xướng độ nhật.

❋

–Thất-sát trùng phùng tứ sát, yêu đà bối khúc trận trung vong.

–Sao Thất-sát ngộ Kiếp-sát và Hỏa-tinh Linh-tinh tại cung Tật-ách là người bị tật lưng bụng cong vẹo, tất bị chết trong trận mạc.

❋

–Thất-sát lâm Thân Mệnh lưu niên Hình Kỵ tai thương.

–Sao Thất-sát thủ cung Mệnh hoặc cung Thân, hạn lưu-niên mà ngộ Hóa-kỵ hoặc Thiên-hình, chủ bị tai nạn, thương tổn.

❋

–Thất-sát thủ chiếu, Tuế hạn Kình-dương, Ngọ sinh nhân, Mệnh an Mão, Dậu cung, chủ hung vong.

–Sao Thất-sát thủ hoặc chiếu Mệnh, lưu niên Thái-tuế lại ngộ Kình-dương, người tuổi Ngọ Mệnh-viên an tại Mão Dậu, tất chết vì hung tai.

❋

–Phá-quân ám Cự đồng hương thủy trung tác trủng.

–Sao Phá-quân không thể cùng Cự-môn đồng viên. Điều đáng ngại là, nếu Phá cùng Cự đồng chiếu Mệnh hoặc Thiên-di, chủ dòng nước bạc sẽ là mồ chôn người mệnh bạc.

❋

–Kình-dương Tý Ngọ Mão Dậu phi yểu triết nhi hình thương.

–Sao Kình-dương tọa thủ cung Tý Ngọ Mão Dậu nếu không được nhiều cát-tinh hóa giải, chẳng chết non cũng phải mang ác tật.

–Kình-dương ở Ngọ (Mã đầu đái kiếm) là cách rất hung độc.

❋

–Dương Hỏa đồng cung uy quyền áp chúng.

–Sao Kình-dương và sao Hỏa-tinh đồng thủ Mệnh tại cung Thìn, Tuất chủ có uy-quyền khiến mọi người phải nể sợ, ở cung Sửu Mùi không được toàn mỹ.

❋

–Kình-dương phùng lực-sĩ, Lý-Quảng nan phong.

–Ông Lý-Quảng, dù là đệ nhất danh tướng của triều Hán, mà vẫn không được phong tước-vị, vì số của ông có sao Kình-dương gặp sao Lực-sỹ tại cung Mệnh.

❋

–Dương Đà Hỏa Linh phùng cát phát tài hung tắc kỵ.

–Nhị hạn gặp các sao Dương Đà Hỏa Linh mà hội nhiều cát tinh củng hoặc chiếu chủ được tài lộc cát vượng. Nhưng nếu lại ngộ nhiều hung tinh lại là điều chẳng lành.

❋

–Dương Linh tọa Mệnh, lưu niên Bạnh-hổ tai thương.

–Mệnh-viên có Kình-dương và Linh-tinh tọa thủ, hạn lưu-niên lại ngộ sao Bạch-hổ, tất bị tai họa.

–Hạn gặp Kình-dương hoặc Đà-la, lưu niên ngộ Linh-tinh, Phá-quân, trên mặt tất nổi lên những vết loang-lổ, vết hằn.

–Kình-dương hay Hỏa-tinh gặp Phá-quân là hạ-cách.

❋

–Kình-dương trùng phùng lưu Dương, Tây-Thi khuynh vẫn thân.

–Đẹp khuynh thành, khuynh quốc như Tây-Thi, mà bị chết mất xác vì hạn lưu niên, ngộ Kình-dương trùng phùng.

❋

–Khôi Việt giáp Mệnh vi kỳ cách.

–Mệnh-viên tại cung Thìn chẳng hạn, có Thiên-khôi tại Mão, Thiên-việt tại Tỵ (tức cách giáp Khôi giáp Việt người gặp được kỳ cách này, tất đại quý hiển.

❋

–Khôi Việt Xương Khúc Lộc-tồn, phù tinh Sát vô xung Thai-phụ, quý.

–Cung Mệnh hoặc Thân được Khôi Việt Xương Khúc với Lộc-tồn phù-trì, không bị Hình Sát xung phá, chủ quý hiển đến bậc cận thần.

–Nếu ở tam phương chiếu lại là thứ cách Ngộ Hình Sát xung chiếu, chỉ bình thường.

❋

–Khôi Việt phụ tinh vi phúc thọ.

–Như Mệnh-viên an tại bất cứ cung nào trong 12 cung mà được hai sao Khôi Việt đồng tọa thủ, tất được hưởng phúc thọ song toàn.

❋

–Khôi Việt trùng phùng Sát tấu, cố tật vưu đa.

–Lưu niên Khôi Việt trùng phùng, ngộ Dương Đà Không Kiếp, chủ bị mang cố tạt.

❋

–Tả hữu Văn-xương vị chí đài phụ.

–Sao Tả-phu và Hữu-bật đồng thủ Thân hoặc Mệnh cung, ngộ Văn-xương, chức vị tới bậc cận thần.

❋

–Tả Hữu giáp Mệnh vi quý cách.

–Như ở bên trái cung Mệnh có sao Tả-phụ và ở cung bên phải có sao Hữu-bật là quý cách, công-danh tiến đạt tới vị phụ tá chi đại-thần.

❋

–Hữu-bật Tả-phụ chung thân phúc hậu.

–Sao Hữu-bật và Tả-phụ đồng thủ cung Mệnh hoặc cung Thiên-di thời suốt đời được hưởng phúc lộc rồi rào, Nếu Tả Hữu ở tam phương củng chiếu chỉ là thứ cách.

❋

–Tả Hữu đồng cung, phi la ý tử.

–Người sinh tháng giêng hoặc tháng bẩy, Mệnh-viên an tại thìn, Tuất.

–Người sinh tháng tư, Mệnh-viên an tại Mùi.

–Người sinh tháng mười, Mệnh-viên an tại Sửu đều đắc-cách Tả Hữu đồng cung, được "áo tía đai lụa", là bậc thượng quan.

❋

–Tả Hữu đơn thủ, chiếu Mệnh cung ly tông thứ xuất.

–Thân Mệnh cung vô chính diệu, tất gặp cách này, chủ phải ly hương và không có công danh.

❋

–Tả Hữu Trinh Dương, tao hình đạo.

–Hai sao Tả-Hữu ngộ Liêm-trinh và Kình-dương, hay bị tù-tôi vì trộm cắp.

❋

–Tả Hữu Xương Khúc phùng Dương Đà đương sinh ám chi.

–Sao Tả Hữu và Xương Khúc gặp hai sao Kình-dương và Đà-la, trong người có mọc những nốt ruồi bất lợi.

❋

–Tả Hữu Tài-cung kiêm giáp củng, y lộc phong doanh.

–Cung Tài-bạch có Tả Hữu tọa thủ, hoặc giáp Tả giáp Hữu, cũng chủ được tài lộc phong lưu, cuộc đời túc dụng.

❋

–Tả Hữu Thiên-tướng phúc lai lâm.

–Ba sao Tả Hữu Tướng đóng ở bất cứ cung nào trong 12 cung, đều được thụ phúc lộc, quý hiển.

–Duy đóng tại cung Sửu Mùi Hợi, chủ vượng về phú hơn quý nhiều, và dù có được quý hiển phần nào, tất cũng chẳng được bền vững.

Và dù đóng tại cung Dậu Mão, là hãm-địa thời cũng chủ, không có được sự an-tâm, toại chí thôi.

❋

–Lộc-tồn thủ ư Tài-Trạch, tích ngọc đôi kim.

–Sao Lộc-tồn đóng vào cung Tài-bạch, Điền-trạch là người có tiền kho, bạc đụn.

❋

–Lộc-tồn Tý Ngọ vị Thiên-di, Thân Mệnh phùng chi lợi lộc nghi.

–Sao Lộc-tồn đóng tại cung Tý hoặc Ngọ mà Mệnh, Thân hoặc Thiên-di an tại hai cung ấy, tất là người hái ra tiền bạc.

❋

–Khoa Quyền Lộc hợp phú quý song toàn.

–Có được ba sao Khoa, Quyền, Lộc hội nhau hợp cách; như cung Mệnh có Hóa-khoa, cung Quan-lộc có Hóa-quyền và cung Tài-bạch có Hóa-lộc v.v… hoặc là cung Mệnh

có Hóa-khoa, cung Huynh-đệ có Hóa-quyền và cung Phụ-mẫu có sao Hóa-lộc, đều là hợp cách chủ được cả phú lẫn quý hiển.

Sao Lộc-tồn hợp với Khoa Quyền cũng đồng tính cách như Hóa-lộc vậy.

❋

–Lộc Quyền mệnh phùng hợp cát, uy quyền áp chúng, tướng vương triều.

–Mệnh-viên có Quyền Lộc tọa thủ, gia hội cát tinh, tất là bậc đại-soái của vương-triều, có uy-quyền khiến mọi người nể trọng.

❋

–Hoạt-lộc Tý Ngọ vị Thiên-di, Phu-tử văn chương quán thế.

–Cung Thiên-di đóng tại Ngọ-cung, Mệnh viên có Thái-dương, Hóa-lộc đồng cung, hoặc xung chiếu là đắc cách.

Đức Khổng-tử có tài văn-chương quán thế, vì số của Ngài có cách này.

❋

–Khoa danh hãm ư hung thần, miêu nhi bất tú.

–Sao Thái-dương cư Tuất, Thái-âm tại Mão, Hóa-khoa hãm địa hoặc hội Dương Đà Không Kiếp là cách "Khoa hãm ư hung thần" chủ sự tài-hoa mệnh bạch, người có tài nhưng chết non.

❋

–Lộc chủ triền ư nhược địa, Mệnh bất chủ tài.

–Sao Hóa-lộc hoặc Lộc-tồn lạc hãm bại địa, hoặc Lộc ngộ Không Kiếp, là số không làm ra được tiền của.

❋

–Quyền Lộc thủ Tài, Phúc chi vị, xử thế vinh hoa.

–Sao Hóa-quyền, Hóa-lộc tọa thủ cung Tài-bạch hoặc cung Phúc-đức là người có địa vị trong đời và được phú quý vinh hoa suốt đời.

❋

–Quyền Lộc cát tinh Nô-bộc vị, túng nhiên quan quý dã bôn ba.

–Sao Hóa-quyền, Hóa-lộc cùng cát tinh đóng hoặc hội tại cung Nô-bộc, dù có được quý-hiển làm quan nhưng cũng phải lận đận, nay đây mai đó.

❋

–Kiếp không lâm hạn, Sở-Vương táng quốc Lộc-Châu vong.

–Sở Bá-Vương bị mất nước, cũng như người Lộc-châu chết, đều vì nhị hạn gặp Kiếp Không.

❋

–Sinh xứ Kiếp Không do như bán thiên triết sý.

–Cung Thân và cung Mệnh nếu an tại các cung hãm địa, có Không Kiếp lâm thủ, chẳng khác con chim bị "giữa trời gẫy cánh".

❋

–Kiếp Không Tài Phúc chi hương, sinh lai bần tiện.

–Sao Địa-kiếp hoặc Địa-không đóng vào cung Phúc-đức hoặc cung Tài-bạch thì mới sinh ra đã phải chịu cảnh nghèo hèn rồi.

❋

–Thiên-thương gia ác diệu. Trọng-Ni tuyệt lương, Đặng Thông vong.

–Hạn Thiên-thương ngộ Địa-không, Địa-kiếp, Đức Trọng-Ni bị đói ở đất Tần, cũng như người Đặng-Thông bị táng mạng vì gặp phải hạn như vậy.

❋

–Tam giáp Mệnh hung, lục giáp cát.

–Tam giáp là: Kiếp Không, Hỏa Linh, Dương Đà, chủ sự tai-ương, họa hạn.

–Lục giáp là Tử-phủ, Tả Hữu, Xương khúc, Khôi-Việt, Nhật-Nguyệt, Khoa-Quyền Lộc, đều là những cách giáp cát-vượng.

❋

–Mệnh vô chính diệu, nhị tính diên sinh.

–Cung Mệnh không có sao chính tinh, nên đổi họ làm nghĩa-tử gia-đình khác, mới có thể tránh được yểu vong.

–Mệnh phùng cát diệu tùng bá thanh tú dĩ nan điêu.

–Cung Mệnh có những sao tốt sáng sủa đóng, tựa như cây tùng, cây ba xanh tốt, xum xê, rất khó có sự tàn úa.

❋

–Hạn phùng hung diệu, liễu lực đào hồng nhi dị tạ.

–Hạn ma gặc các sao hung dữ có xanh rờn như liễu, tươi thắm như đào, cũng chóng tàn tạ.

–Mệnh thực vận sinh như hạn miêu nhi đắc vũ.

–Mệnh suy vận nhược như nộn thảo chi tao sương.

–Cung Mệnh tốt, gặp vận hạn tốt, cũng ví như cây lúa đang thời hạn-hán gặp mưa.

Mệnh xấu gặp vận hạn xấu, chẳng khác đám cỏ non gặp sương sa vậy.

❋

–Thân cát mệnh hung diệc vi mỹ luận.

–Mệnh nhược thân cường tài nguyên bất tụ.

–Cung Thân có cát tinh, cung Mệnh có hung tinh còn có thể khá được.

Nhưng cung Mệnh lâm hãm địa dù cung Thân có đóng tại vượng địa, thời tiền bạc cũng không thể tích vững được, tất phải tiêu tan.

❋

–Tham Vũ thủ Thân vô cát, Mệnh phản bất vi lương.

–Sao Tham-lang Vũ-khúc thủ mệnh, vô cát diệu, cung Mạng cũng không được cát tinh phù trì, tất suốt đời phải nghèo hèn, lao lực.

❋

–Sinh phùng bại địa phát dã như hoa,

Tuyệt sứ phùng sinh hoa như bất bại.

–Nếu Mệnh-viên ở vào hãm địa, dù có gặp được cơ hội may cũng chóng tàn.

–Người Thủy hoặc hỏa Mệnh, Mệnh-viên ngộ sao Tuyệt tại cung Tý Hợi với Không Kiếp là được cách "tuyệt xứ phùng sinh" và được hưởng thêm cách "phản vi kỳ" nếu tam phương được Khoa Quyền Lộc củng chiếu nữa.

❋

–Thiên-lương Thái-dương, Xương Lộc hội, lư truyền đệ nhất danh.

–Sao Thiên-lương Thái-dương tọa thủ Thân Mệnh cung gia hội Văn-xương Hóa-lộc chủ thông minh, đi thi đậu thủ-khoa.

❋

–Kình Hư Tuế Khách gia lâm, mãn thế đa phùng tang sự.

–Sao Kình-dương Thiên-hư Thái-tuế và Điếu-khách hợp thành đám sao chuyên chủ hình khắc. Thân Mệnh cung gặp bốn sao này thì trai chết vợ, gái hóa chồng, trẻ mồ côi và già cũng quan, quả.

❋

–Kiếp Không Tỵ Hợi, Tướng Mã đồng cư nhi hội Khoa-tinh, loạn thế phùng quân.

–Sao Địa-kiếp, Địa-không đóng cung Tỵ hoặc Hợi gặp Thiên-tướng Thiên-mã đồng cung và được Hóa khoa củng chiếu là người có tài ba và gặp được quý nhân để làm nên sự nghiệp hiển hách trong thời loạn.

❋

–Nam-nhân Tang Hổ hữu tài uyên bác.

Nữ-mệnh Hổ Riêu đa sự quả ưu.

–Nam nhân kim Mạng gặp Tang-môn tại Mão (Thiên-môn) Bạch-hổ tại Dậu (Hổ khiếu tây phương) là người có tài cao học rộng, bậc cái thế anh hùng.

Nhưng đàn bà mà cung Mệnh có Bạch-hổ, Thiên-riêu đồng cư, lại chủ về nhân duyên trắc trở, suốt đời phải ưu phiền vì chuyện chồng con.

❋

–Khốc, Khách, Kiếp, Phù mạc ngộ Cự Dương, chung thân đa lệ.

–Cung Mệnh có Thiên-khốc tọa thủ hội với Điếu-khách, Kiếp-sát, Tử-phù đồng thời gặp Thái-dương Cự-môn xung chiếu, là người suốt đời gặp những sự khắc hại, đôi mắt luôn luôn đầy nước mắt khóc than cho số phận cay đắng của mình.

❋

–Tử-vi vô Phụ Bật đồng hành vi cô quân, mỹ trung bất túc.

–Sao Tử-vi, dù đắc địa, không hội được Tả Hữu đồng cung, hoặc giáp hoặc chiếu, thời chỉ là ông vua ngồi một mình, một xó, chẳng được tích sự gì cả.

❋

–Tử-vi Tham-lang đồng cung ư Mão Dậu, bất trung bất nghĩa, nật cận gian nhân.

–Sao Tử-vi Tham-lang thủ Mệnh tại cung Mão Dậu, là hạng người bất trung bất nghĩa, suốt đời chỉ thích gần kề với tụi gian ác.

Nếu là đàn bà, chủ đời lưu lạc, phong trần.

❋

–Tử-vi dữ chư sát đồng cung, chư cát hợp chiếu, quân-tử tại dã, tiểu-nhân tại vị, chủ nhân gian-trá, cách thiện.

–Sao Tử-vi cùng các sao sát thủ Mệnh, ngộ cát tinh chiếu lại, chủ tính tình gian trá, xa lánh việc thiện.

Nếu ngay thẳng phải cô đơn, phải thủ đoạn mới được ngồi vào địa vị.

❋

–Tử-vi tại Dần Ngọ Thân cung, Nữ-mệnh chủ vượng phu ích tử, cát quý mỹ.

–Đàn bà sao Tử-vi thủ Mệnh tại cung Tý Dậu, Tỵ, Hợi, gia hội tứ sát là bị cách "ngọc lành có vết" hậu vận vất vả.

❋

–Thiên cơ dữ Thiên-lương, Tả Hữu Xương Khúc hội hợp, văn vị thanh hiển, vũ vị trung lương.

–Sao Thiên-cơ cùng Thiên-lương thủ Mệnh tại Tý Ngọ Mão Dậu, hội với Tả Hữu Xương Khúc là bậc văn quan thanh liêm nhưng rất hiển hách. Nếu là võ quan thời cũng là bậc trung lương chi tướng.

❋

–Thiên-cơ tại Sửu Mùi hãm địa thủ Mệnh ngộ tứ sát xung phá hạ cục, nghi kinh thương, tập nghệ.

–Sao Thiên-cơ thủ Mệnh tại hãm địa (Sửu Mùi) gặp Kinh Đà Không Kiếp xung phá là hạ cách, nếu tính chuyện buôn bán, hoặc làm công nghệ rất hợp và tất phát đạt.

❋

–Thiên-cơ dữ Thái-âm đồng cung ư Dần Thân, nan miễn bạt thiệp tha hương.

–Sao Thiên-cơ và sao Thái-âm tọa thủ Mệnh cung tại Dần hoặc Thân, tất không thể tránh được bước lận-đận trèo non vượt suối nơi đất khách quê người.

❋

–Thiên-cơ dữ Cự-môn đồng cung ư Mão Dậu, tất thoái tổ nhi tự hưng.

–Sao Thiên-cơ và Cự-môn tọa thủ Thân, Mệnh tại cung Mão hoặc cung Dậu, chủ phải ly-tổ đi lập nghiệp nơi xa mới phát đạt.

❋

–Thiên-cơ dữ Thiên-lương đồng cung ư Thìn Tuất, tất hữu cao nghệ tùy thân.

–Sao Thiên-cơ và Thiên-lương đồng thủ Mệnh tại cung Thìn hoặc Tuất, tất là người có một nghề tài-giỏi để dung thân.

❋

–Thái-dương thủ Mệnh ư Mão Thì Tỵ Ngọ kiến chư cát thủ chiếu, tất đại quý.

Kiến chư hung, diệc vi công khanh môn hạ sỹ.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại các cung Mão Thìn Tỵ Ngọ, nếu được cát tinh củng chiếu, tất đại quý hiển.

Nhưng nếu gặp hung-tinh hội chiếu, thời cũng là văn nhân tân khách môn hạ các bậc công khanh.

❋

–Thái-dương thủ Mệnh ư Mùi Thân vi nhân tiên cần hậu họa.

–Sao Thái-dương thủ cung Mệnh tại các cung Mùi hoặc Thân, là người chỉ hăng-hái buổi đầu, sau sẽ chán nản bỏ dở.

❋

–Thái-dương thủ Mệnh, lạc hãm, lao tâm phất lực, tuy Hóa Quyền Lộc diệc hung, Quan-lộc bất hiển, tiên cần chung họa, thành bại bất nhất, đãn xuất ngoại ly tổ khả cát.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại hãm-địa chủ tổn tâm phí sức mà chẳng nên công trạng gì, tuy cũng có Quyền có Lộc đấy, nhưng cũng chỉ là sự bất tường, công danh bất thành đạt. Tính nết thời chỉ hăng hái buổi đầu, sau lại chán nản, bỏ cuộc khiến thành bại chả ra làm sao cả. Tốt hơn, nên ly hương làm ăn, mới có thể khá được.

❋

–Thái-dương thủ Mệnh ư Tuất Hợi Tý phùng Cự-môn nhất sinh lao lực bần vong, cách chủ nhãn mục hữu thương, dữ nhân quả hợp, chiêu phi.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại Tuất, Hợi, Tý gặp sao Cự-môn, chủ một đời khó nhọc, nghèo hèn, mắt có tật, tính nết khó khăn, ít bạn bè và hay tự chuốc lấy chuyện thị phi.

❋

–Thái-dương thủ Mệnh lạc hãm gia hung sát, đái tật, phùng Hóa-kỵ, mục tật

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại hãm địa, nếu có hung sát tinh, tất phải mang tật, nếu ngộ Hóa-kỵ mắt phải mang tật.

❋

–Thái-dương thủ Mệnh ư Mão địa, vi "Nhật xuất phù tang cách" chủ sự phú quý vinh hoa.

–Sao Thái-dương thủ Mệnh tại cung mão là cách: "mặt trời vượt khỏi nương dâu", được phú quý vinh hoa một đời.

❋

–Thái-dương cư Ngọ vị chi "Nhật lệ trung thiên", Canh Tân Đinh Tỵ nhân, hữu chuyên quyền chi quý, địch quốc chi phú.

–Sao Thái-dương tọa thủ cung Ngọ là cách "Mặt trời chói sáng giữa trời", người tuổi Canh, Tân Đinh Tỵ hợp với cách này, chủ người có quyền hành thu gọn trong tay và giầu có vào hạng phú gia địch quốc.

❋

–Thái-dương hội Thiên-lương Văn-xương ư Quan-lộc hoàng điện triều ban, phú quý toàn mỹ.

–Sao Thái-dương hội Thiên-lương Văn-xương tại cung Quan-lộc thành cách "Dương Lương Xương Lộc hội" danh vị đạt đến bậc Tể-tướng đủ cả phú lẫn quý.

❋

–Thái-dương tại Phu-thê cung, nam vi chư cát tụ, khả nhân thên đắc quý, hãm địa gia sát, thương thê bất cát.

–Sao Thái-dương tọa thủ cung Phu-thê cùng các sao cát-tinh hội họp, chủ tiểu đăng khoa lại đắc đại đăng khoa (thi đậu và lấy vợ) nếu hãm địa và gặp hung tinh, chủ khắc vợ.

❋

–Thái-dương tại Tử-nữ cung, nhập miếu gia cát, đắc Bát-tọa, chủ sinh quý tử, quyền bính bất tiểu.

–Sao Thái-dương tọa thủ cung Tử-tức, nếu là vượng miếu địa, hội với Bát-tọa và cát tinh, chủ sinh hạ được quý tử nắm được đại quyền và làm rạng rỡ tông môn.

❋

–Thái-dương tại Tài-bạch cung, miếu vượng, hội cát tương trợ, bất phạ Cự-môn vô Không Kiếp, nhất sinh chủ phú.

–Sao Thái-dương miếu vượng tại cung Tài-bạch hội cùng cát tinh và không có Không Kiếp, dù gặp Cự-môn cũng vô ngại, tất được một đời giầu có sung túc.

❋

–Thái-dương tại Thái-dương cung, nan chiêu tổ nghiệp đa căn hóa diệp, xuất tổ vi gia.

–Sao Thái-dương đóng vào cung Thái-dương là người không được hưởng thụ phúc-đức cũng như cơ-nghiệp tổ truyền; lại cũng là người mang nhiều căn số khiến phải long đong, nay đó mai đây.

❋

–Thái-dương tại Điền-trạch cung miếu vượng, đắc tổ-phụ ấm trạch.

–Sao Thái-dương miếu vượng ở cung Điền-trạch là người được hưởng phúc-đức và cơ-nghiệp tổ truyền.

❋

–Thái-dương nhập hạn, miếu vượng, Tả Hữu chư cát tinh giai chí, đại tiểu nhị hạn câu đáo, tất hữu sậu hưng chi thiện.

–Sao Thái-dương đóng cung miếu vượng, cùng Tả Hữu và cát tinh hội họp, nếu đại tiểu-hạn đều gặp được, tất gặp nhiều sự may lành đến bất chợt.

–Nếu đại tiểu-hạn lại gặp Thái-dương hãm địa, cùng Dương-Đà Linh tụ-tập một lượt, tất có sự lo buồn ngay trước mắt, hoặc khắc cha, khắc mẹ.

❋

Nhật Nguyệt giáp Mệnh, giáp Tài bất quyền tắc phú, gia Dương Đà xung thủ, nghi tăng đạo.

–Nhật Nguyệt giáp cung Mệnh hoặc cung Tài-bạch, nếu không vượng đạt công danh, tất được vượng phát về tiền bạc rồi rào. Như gặp Kình Đà xung hãm, nên xuất gia tu-hành sẽ có thể thành bậc chân tu, đạo hạnh.

❋

–Nhật Nguyệt đồng Mùi, mệnh an Sửu, hoặc đồng Sửu, Mệnh an Mùi, Bính Tân nhân cát hầu bá chi tài.

–Hai sao Nhật Nguyệt đồng cư Mùi mà Mệnh an tại Sửu, hoặc đồng tại Sửu mà Mệnh an tại Mùi, người tuổi Bính tuổi Tân tất được cát vượng, công danh hiển-đạt đến tước phong hầu, bá.

❋

–Nhật Tỵ, Nguyệt Dậu Mệnh an Sửu, tá cửu trùng ư Kim-điện, vi Nhật Nguyệt tịnh minh cách. Tân Ất sinh nhân hợp cách, Bính sinh nhân chủ quý, Đinh sinh nhân chủ phú, gia tứ sát Không Kiếp bình thường.

–Sao Thái-dương đóng cung Tỵ, Thái-âm đóng cung Dậu, mệnh-viên an tại cung Sửu là cách "Nhật Nguyệt sáng ngời", người tuổi Tân, tuổi Ất hợp với cách này, có thể làm tới bậc "phụ chính thân thần" cho bậc minh quân. Người tuổi Bính gặp cách này được quý hiển, người tuổi Đinh chỉ được giầu có. Nếu gặp Không Kiếp hoặc tứt sát, chỉ bình thường.

–Nhật Mão Nguyệt Hợi, Mệnh an Mùi, Thiềm cung triết quế chi vinh, vi minh châu xuất hải cách, chủ tài quan song mỹ.

–Sao Thái-dương đóng cung Mão, Thái-âm đóng cung Hợi mà Mệnh-viên an tại cung Mùi là được cách này tất được "tay vịn cành quế chốn cung trăng", công danh và sản-nghiệp đều thịnh vượng.

❋

–Vũ-khúc miếu viên, vi Tướng-tính đắc địa cách, uy danh hách dịch, Thìn Tuất Sửu Mùi sinh nhân, an mệnh tại Thìn Tuất Sửu Mùi cung chủ phú quý song toàn.

–Sao Vũ-khúc nhập miếu là cách Tướng-tinh đắc địa, chủ danh cao, uy trọng vang tiếng một thời. Người tuổi Thìn Tuất Sửu Mùi, mới là hợp cách, tất được cả phú lẫn quý. Những tuổi khác thời kém.

–Vũ-khúc nhân cung đa thủ nghệ.

–Sao Vũ-khúc thủ Mệnh tại cung Tỵ Hợi là nhàn cung, hoặc ở vượng cung mà hội với sát tinh, thời cũng một cách với nhàn cung, chỉ khéo léo về công-nghệ dung thân.

❋

–Vũ-khúc thủ ư Tài-bạch, đa vi tài phú chi quan.

–Sao Vũ-khúc đóng vào cung Tài-bạch, phần nhiều là những người có tài đặc-biệt về kinh-tế tài-chánh, nên thường giữ các chức-vụ về 2 ngành ấy.

❋

–Tài cư Tài vị, ngộ giả phú xa.

–Vũ-khúc. Tử-vi, Thiên-phủ hội nhau ở cung Tài-bạch, lại có Quyền Lộc hoặc Lộc-tồn xung chiếu, là người giầu có xa-hoa một thời.

Nhị hạn gặp cách này chủ đại phát tích.

❋

–Vũ-khúc Tham-lang đồng cung ư Sửu Mùi, chủ thiếu niên bất lợi, tiền bần hậu phú, biển lận chi nhân.

–Sao Vũ-khúc, Tham-lang thủ Mệnh tại các cung Sửu hoặc Mùi, chủ tuổi trẻ lao-đao lận-đận, tiền vận nghèo hèn, hậu vận mới khá giả nhưng là người biển-lận, keo kiệt.

❋

–Vũ-khúc Tham-lang Tài Trạch vị, hoạnh phát tư tài.

–Sao Vũ-khúc và Tham-lang đồng cung tại cung Tài-bạch hoặc cung Điền-trạch, chủ sự hoạnh-poha1t việc kiến tạo cơ-nghiệp.

–Vũ-khúc, Thất-sát Hỏa-tinh đồng cung, nhân tài bị kiếp.

–Sao Vũ-khúc, Thất-sát và Hỏa-tinh đồng cung chủ người chỉ vì tiền tài mà vướng mắc phải tai-kiếp.

❋

–Vũ-khúc Phá-quân đồng cung ư Tỵ Hợi, nan quý hiển.

–Sao Vũ-khúc và Phá-quân tọa thủ Mệnh viên tại cung Tỵ hoặc Hợi, chủ đường công danh trắc trở, khó thành.

❋

–Vũ-khúc Phá-quân tọa thủ Mệnh cung, phá tổ, phá gia, lao tâm phất lực.

–Sao Vũ-khúc và Phá-quân tọa thủ cung Mệnh là người phá tán tổ nghiệp, và dù có lao tâm khổ xác, cũng chẳng nên cơm cháo gì.

❋

–Vũ-khúc, Thất-sát dữ Phá-quân Liêm-trinh ư Mão cung tất kiến mộc áp lôi kinh.

–Sao Vũ-khúc hội với Thất-sát hoặc Phá-quân, Liêm-trinh tại cung Mão, khó thể tránh được nạn cây đè, điện giật (sét đánh).

❋

–Vũ-khúc dữ Phá-quân, Tham-lang hội ư Tý cung, tất chủ đầu hà nịch thủy.

–Sao Vũ-khúc Phá-quân, Tham-lang hội tại cung Tý, nếu ngộ Cự, Kỵ, hay Lưu-hà, chủ tự gieo mình xuống sông, nước mà chết.

–Vũ-khúc dữ Liêm-trinh hội ư Mão cung tất chủ phá bại.

–Sao Vũ-khúc hay sao Liêm-trinh hội tại cung Mão, chủ sự thất bại, tan hoang.

❋

–Vũ-khúc dữ Liêm-trinh, Tham-lang cập Thất-sát hội hợp tiện tác kinh thương.

–Sao Vũ-khúc cùng với Liêm-trinh, Tham-lang, Thất-sát hội họp, chỉ hợp cho công việc Kình-dương, buôn bán mà thôi.

❋

–Vũ-khúc nhập miếu dữ Xương Khúc đồng cung, xuất Tướng nhập Tướng.

–Sao Vũ-khúc Mệnh tại Thìn Tuất Sửu Mùi cùng với Văn-xương, Văn-khúc đồng cung, là đắc cách “xuất Tướng nhập Tướng” văn võ thao lược kiêm toàn.

–Vũ-khúc Khôi Việt cư miếu vượng, tài phú chi quan.

–Sao Vũ-khúc cùng Thiên-khôi, Thiên-việt tọa thủ tại miếu vượng địa, là người có biệt tài để giữ những chức vị về tài chánh.

❋

–Vũ-khúc Lộc Mã đồng cung, phát tài hoàn hương.

–Sao Vũ-khúc cùng Lộc Mã đồng thủ Mệnh ở cung miếu hoặc vượng địa, là người làm ăn thịnh vượng, giàu có, mặc áo gấm về làng.

–Vũ-khúc, Dương Đà kiêm Hỏa Tú, táng mệnh nhân tài.

–Sao Vũ-khúc hội Kình-dương, Đà-la Hỏa-tinh và Quả tú là người vì tiền tài mà mất mạng.

❋

–Vũ-khúc, Hỏa-tinh đồng cung, nhân tài bị kiếp.

–Sao Vũ-khúc cùng Hỏa-tinh và Linh-tinh đồng cung chủ vì tiền tài mà mang lấy tai kiếp, họa-hoạn.

❋

–Vũ-khúc thủ Mệnh, tứ sát xung phá, cô bần bất nhất, phá tướng diên thọ.

–Sao Vũ-khúc thủ Mệnh-viên, bị tứ sát xung-phá, nên sống cô đơn tránh khỏi sự nghèo hèn. Nhất là người có lệch lạc (phá tướng) hoặc có tật mới sống lâu được.

❋

–Vũ-khúc chi tinh vi Quả-tú, Phu tinh nhu nhược, phụ đoạt phu quyền, phương miễn hình khắc, nhược tương cương tương địch, tất chủ hình khắc, sinh ly.

–Sao Vũ-khúc là sao Quả-tú thứ hai, đóng cung Phu là người chồng nhu nhược.

❋

–Thiên Đồng thủ mệnh, bất phạ Kiếp-sát tương xâm, bất phạ chư Sát đồng cung, gia hội cát tinh tại Tỵ, Hợi cung, chủ thọ nguyên trường.

–Sao Thiên-đồng thủ Mệnh tại Tỵ, Hợi cung, nếu có cùng sát-tinh đồng cung cũng không bị ảnh-hưởng, không bị Kiếp-sát triết-giảm, chủ thọ mệnh được từ 90 tuổi sấp lên…

❋

–Thiên-đồng Tuất cung vi phản bối, Đinh nhân hóa cát, chủ đại quý.

–Sao Thiên-đồng thủ Mệnh tại cung Tuất là cách phản bối, bị mất hết cát-vượng tính, chỉ riêng người tuổi Đinh, lại phản thành đại quý hiển.

❋

–Thiên-đồng cư Tỵ, Hợi, thủ mệnh, phùng Không, Kình, tàn tật, cô khắc.

–Sao Thiên-đồng thủ Mệnh tại cung Tỵ, Hợi, phùng Địa-Không Kình-dương là người tàn tật, không ưa một ai, chỉ sống cô độc.

❋

–Thiên-đồng, Thái-âm đồng tại Ngọ cung thủ mệnh, gia sát trùng, chi thể luy huỳnh.

–Sao Thiên-đồng cùng Thái-âm thủ Mệnh tại Ngọ cung hội nhiều Sát-tinh, thân thể và chân tay gầy còm, vàng vọt.

❋

–Thiên-đồng thủ mệnh, ngộ Cự môn, Hỏa, Linh tất sinh dị chí.

Sao Thiên-đồng thủ Mệnh, hội sao Cự-môn Hỏa-tinh và Linh-tinh, trong người mọc nhiều nốt ruồi lạ.

❋

–Thiên-đồng Thiên-lương đồng tại Dần Thân cung thủ mệnh, Giáp Ất Đinh sinh nhân, phúc hậu.

–Sao Thiên-đồng, Thiên-lương thủ Mệnh tại cung Dần hoặc Thân, đắc cách "Đồng Lương tối hỷ Dần, Thân" người tuổi Giáp, Ất được hưởng đại phúc một đời.

❋

–Thiên-đồng, Kình-dương cư Ngọ vị, vi "Mã đầu đới tiễn cách", Bính Tuất sinh nhân. Trấn ngự biên cương, phú thả quý.

–Sao Thiên-đồng cùng sao Kình-dương thủ Mệnh tại cung Ngọ, là đắc cách "Mã đầu đối tiễn", Đầu Ngựa đôi tên người tuổi Bính tuổi Tuất, giữ quyền cai quản một cõi biên-cương được cả giầu và có quyền uy lẫy-lừng.

❋

–Thiên-đồng, Kình-dương đồng cung, thân thể tao thương.

–Sao Thiên-đồng, Kình-dương đồng cung, chủ có tích có tật trong thân thể.

❋

–Thiên-đồng, Đà-la đồng cung, phì mãn nhi mục điểu.

–Sao Thiên-đồng cùng Đà-la đồng cung là người phi mập nhưng mắt lé, chột.

❋

–Nữ-mệnh Thiên-đồng tất thị hiền, Tý sinh nhân, mệnh tọa Dần; Tân sinh nhân mệnh tọa Mão; Đinh sinh nhân mệnh tọa Tuất, nhập cách. Bính Tân sinh nhân mệnh trung cát; Tỵ Hợi phùng thử hóa cát tuy mỹ tất dâm.

–Đàn bà mà gặp sao Thiên-đồng thủ mệnh, nói chung, là người hiền thục. Riêng người tuổi Tý, mệnh lập tại Dần; người tuổi Tân mệnh lập tại Mão, người tuổi Đinh mệnh lập tại Tuất, đều là những tuổi nhập cách, vượng phu ích tử, một đời sung sướng. Người tuổi Bính Tân chỉ khá vậy thôi, người tuổi Tỵ, Hợi cũng hóa cát, người tuy đẹp nhưng đa dâm dật.

❋

–Liêm-trinh tại Mệnh, Thân cung vi thứ Đào-hoa, nhược cư vượng cung, tắc đổ bác, mê hoa nhi trí tụng.

–Sao Liêm-trinh thủ mệnh, Thân cung tức thị sao Đào hoa thức hai. Nếu lâm vượng địa là người đam mê cờ bạc, huê tình và gây ra những vụ kiện tụng.

❋

–Liêm-trinh mùi thân cung thủ mệnh, vô tứ sát, phú quý thanh dương, phiên viễn danh, vi hùng tứ triều viên cách, gia sát: bình thường.

–Sao Liêm-trinh thủ mệnh tại cung Mùi hoặc cung Thân nếu không có Sát tinh xung phá tức được cách: "Hùng tú triều viên" chủ sự phú quý nhưng thanh cao, danh tiếng vang xa. Nếu gặp Sát tinh, chỉ bình thường.

❋

–Liêm-trinh thủ mệnh Tỵ, Hợi cung, chủ hạ tiện cô hàn, khỉ tổ, ly gia; nhược an mệnh tại Mão, Dậu cung, gia tứ-sát chủ công môn tư lại, hoặc sảo nghệ nhân.

–Sao Liêm-trinh thủ mệnh tại cung Tỵ hoặc Hợi, là người nghèo hèn, đơn côi, bỏ tổ, bỏ nhà; Nhưng nếu mệnh an tại cung Mão hoặc cung Dậu, dù có tứ Sát-tinh xung chiếu, cũng làm được tư-lại ở chốn công-môn, hoặc làm người thợ giỏi.

❋

–Liêm-trinh, Tham-sát, Phá-quân phùng,

Văn-khúc, Thiên-di tác cụ nhung,
Nhược Liêm dữ Sát cư miếu vượng,
Phản vi tích phú, thương sự thông.

–Cung Thiên-di mà hội tụ Sát, Phá. Tham Liêm với sao Văn-khúc là một vũ-tướng có tài. Nhưng Liêm-trinh và Thất-sát cư miếu-vượng cung, ngược lại là bậc giầu có, súc-tích, buôn-bán gặp dịp phát-đạt mau chóng.

❋

–Liêm-trinh hội Thất-sát, cư Tỵ Hợi, lưu đãng thiên nhai.

–Sao Liêm-trinh cùng Thất-sát đóng vào cung Tỵ hoặc Hợi là người lang-thang góc biển, chân trời.

❋

–Liêm-trinh, Thất-sát hội Kình-dương ư Quan-lộc, gia nữu nan đào.

–Liêm-trinh và Thất-sát hội với Kình-dương đóng vào cung Quan-lộc, không thể tránh được nạn bị cùm xích hoặc trăn-trối.

❋

–Liêm-trinh, Phá-quân hội Kình-dương ư Thiên-di, tử ư ngoại đạo.

–Cung Thiên-di có sao Liêm-trinh, Phá-quân cùng với Kình-dương đóng vào chủ chết ở ngoài đường.

❋

–Liêm-trinh, Phá-quân, Hỏa-tinh cư hãm địa, tự ải đầu hà.

–Sao Liêm-trinh cùng Phá-quân, Hỏa-tinh hội tại hãm-địa, chủ gieo mình xuống sông tự trầm để vợ đoạt hết quyền hành, Nếu như người chồng tính chất cương-nghị, tất có sự hình khắc sinh ly.

❋

TỬ PHỦ VŨ TƯỚNG CÁCH
Tử Phủ Vũ Tướng tôi vi kỳ
Thổ Mệnh phùng chi lợi lộc nhi
Nhâm Giáp triều trung tôn vạn thặng
Cực Quyền uy yểm thị hồng phi.
Tài Lộc trùng phùng Kim phúc thọ.
Thủy nhân mạc luận tối vi kỳ.

SÁT PHÁ LIÊM THAM CÁCH
Hỏa Mệnh phùng chi phúc lý đa
Tu tri bạch thủ khả thành gia.
Đại phú mạc như Kim Mộc Mạng,
Chung thân phú quý lạc như hà

Thổ nhận ngộ thử thiên lôi phá.
Tông thử tiêu hao khất thức đa
Mạc chỉ thủy nhân vô tác luận
Ngũ hành tứ sát diệu vân tra.

KHÔNG KIẾP TỴ HỢI CÁCH
Tiền đồ kha khảm bất tu ngôn
Trung vận hanh thông phú mỹ môn.
Thìn Tuất chi nhân phùng thử cách
Thùy năng ức triệu di nhị tôn

MỆNH KHÔNG THÂN KIẾP CÁCH
Mệnh Không Thân Kiếp tối vi hung.
Tứ Mộ sinh nhân phúc bất cùng
Tuy nhiên Mệnh thử quy Kim Thổ.
Phú quý phong lưu đẳng Thạch-Sùng

CƠ NGUYỆT ĐỒNG LƯƠNG CÁCH
Tối ái sinh nhân Thân Tý Thìn
Địch quốc phú phong Thủy Thổ Mạnh
Dần Mùi Dậu Hợi Thủy Thổ nhân
Phú quý ức triệu năng hoàn mỹ.

NẠP ÂM THI
Tý Ngọ Ngân đăng giá bích câu.
Tuất Thiền yên mãn tự chung lâu.
Dần Thân hán địa thiêu sài thấp.
Lục giáp chi trung bất ngoại cầu.

TÒNG THIÊN-CAN TẦM CỰC CA
Giáp Kỷ giang đăng giá bích ngân.
Ất Canh yên cảnh tích mai tân.
Bính Tân đề liễu ba ngân trúc
Đinh Nhâm mai tiễn chước hải trần.
Mậu Quý ngân ba đôi chước liễu.
Ngũ-hành lập cục tẩu như vân
Tuất Hợi nhị cung vô điểm chi
Cục tòng Dần Mão cục vi chân.

SỐ ĐỨC TRẦN ĐẠI THÁNH

THÊ Thiên - phủ Văn – khúc Thiên - việt Tuyết Hồng – loan Hoá – Khoa **TUẦN**	**HUYNH** Thiên - đồng Thái – âm Bạch - hổ Thái Hỷ - thân Thiên – phúc Quý nhân	**MỆNH** Tham – lang Vũ – khúc Quả - tú Hoá - kỵ Dưỡng Quốc – ấn Phúc - đức Thiên - đức	**PHỤ** Thái – dương Cự - môn Đại - hao Thiên - mã Tràng - sinh Điếu - khách Thiên - khốc
TỬ Hữu bật Linh – tinh Tấu – thư Mộ.	Hợi Tý Sửu Dần Tuất Đ ỨC TH ÁNH TRẦN Sinh 30 tháng 12, giờ Ngọ, Canh Tý Dương-Nam Thổ - Mạnh Mộc Tam Cục Mão		**PHÚC THÂN** Thiên - tướng Văn - xương Phục binh Bát tọa Trực - phú Mộc - dục
TAI Liêm – trinh Phá - quân Nguyệt đức Thiên khôi Tử Thiên - hình Tương – quân	Dậu Thìn Thân Mùi Ngọ Tỵ		**ĐIỀN** Thiên – cơ Thiên - tướng Tả - phụ Hoá - lộc Địa – không Đà – la Thiên – quan Quý nhân Hoa cái
ÁCH Long tri Tiểu - hao Quan – phú Bệnh Hỏa - tinh	**DI** Thanh – long Thiếu – âm Suy.	**NÔ** Phượng - các Kinh – dương Tang – môn Đế - vương địa kiếp.	**QUAN** tử - vi thất – sát Hoá - quyền Thiên không Lộc - tồn Cô thần Thiên - hỷ

Thượng phụ, thượng quốc Công, Đại Đại Vương.

Thàn Mạnh đồng cung, Tham Vữ đồng hành tại tam hợp cục Hợi Mão Mùi Thuộc Mộc cục

Giáp Thai Tọa, giáp Quang Quý.

Tam Hoá liên châu cách, gia hội Phụ Bật, Sinh-Vượng.

TÀI BẠCH : Tả Hữu. Sinh Vượng Hội Đồng Đào Song Hỷ.

TƯỞNG TỔNG THỐNG
NHÀ CẦM QUYỀN LÂU ĐỜI NHẤT HIỆN ĐẠI

PHỤ L.Trinh Đ.Kiếp Th.long Đ.Không Tuế phá Hình Mã Đà	**PHÚC** Cự môn Hoá kỵ L.tồn Lg. Đức Tràng sinh	**ĐIỀN** Th Tướng Kh.Dương Khốc cái dưỡng	**QUAN** Th. Đồng Th.Lương H.Quyền Phg. Cao Thi, Đ ức B ính Thái
M ẠNH THÂN Thái Âm V.xương H.lộc Hg Loan 2. Đời Th.Long Ng. Đức Linh	Hợi Tý Sửu Dần Tuất Năm Nhâm Tuất Ngày 20, tháng 7, giờ Sửu Dương-Nam Thủy -Mệnh Thủy – Nhi - Cục Mão		**N Ô** Vũ khúc Th.Việt Th.sát Th.Quý Đ.hao Ri êu-Y Đ.Khách
HUYNH Thi ên ph ủ Long Trì T.Hao Cô thần Hoá ~~TRIỆT~~	Dậu Thìn Thân Mùi Ngọ Tỵ		**DI** Thái Dương V.Khúc mộ Th.Hỷ
THÊ Đế vương T.Thai Bật Ấm Tướng quân Th.Quan	**TỬ** Tử vi Phá quân Suy Tấu thư	**TAI** thiên cơ bát toạ H.khoa Tả phụ Đ.Hoa Th.Phu	**ÁCH** Th.khôi Phg Các Th.Tuế Quả tú Thi.Phúc

TU ẤN

Mạnh thân cách:

Âm dương hội xương khúc nhi đắc lực gia phù đào hồng hỷ, Thiên Nguyệt Đức.

Lộc cư Thân Mạnh, Khoa quyền tài Quan củng chiếu, danh dự chiêu chương.

Quan lộc cung cơ nguyệt Đồng Lương miếu tại tam hợp cục Thân Tý Thìn, hội Khoa quyền Lộc, Tả Hữu, Thai Toạ. Thai Phong, Tướng Ấn.

LÁ SỐ ĐỨC VẠN-THẾ-SƯ

NÔ Vũ khúc Phá quân Đại hao H.Quyền Long đức Thiên Quý	**DI** Thái dương H.Lộc Thai phụ Bạch hổ Th.Khôi Thiên phục	TRIỆT **ÁCH** Thiên phủ Quá tú Suy Th.Hình Th. Đức Đà la	**TÀI** Thái âm Thiên cơ Đ.khách H.kỵ Th.mã Th.khốc bệnh Lộc tồn
QUAN Thiên Đồng V.khúc Quan đới H.khoa Tuế phá	Hợi Tý Sửu Dần Tuất Năm Nhâm Tuất Ngày 20, tháng 7, giờ Sửu Dương-Nam Thủy -Mệnh Thủy – Nhi - Cục Mão		**TỬ** Tử vi Tham Lang K.dương Ân quanq Tử Trực phù
ĐIỀN Đào hoa Mộc dục Hỷ thần Tử phù Ng. Đức Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn			**THẾ** Cự môn V.xương Mộ Thái tuế Hoa cái Th.Long
~~**TUẦN**~~ **PHÚC** Phong cáo Tả phụ Lg.Tri Th.Việt Trg.Sinh T.Thái	**PHỤ** Liêm trinh Thất sát Tấu thư Th. Âm Dưỡng	**MẠNH THÂN** Thiên lương Tường quân Pg.các Bát tọa Hữu bật Tg. môn	**HUYNH** Thiên tướng Đ.kiếp Đ.Không Riêu Y Thiên quan Tiểu hoa

Văn chương quán thế:
Kỵ ngộ khoa tính Khổng Tử đắc quân dân sủng ái.
Năm 61 tuổi, gặp hạn kiếp không phùng Thiên thương bị tuyệt Lương tại tần.
Năm 73, hạn Thái Tuế, Thiên thương nhập địa võng; mạnh trung

LÁ SỐ HÁN CAO TỔ LƯU BANG

HUYNH Thiên – cơ Địa – không Địa - kiếp Tiểu – hao Trực – phú Tuyết	**MỆNH THÂN** Tử - vi Thái - tuế Tướng – quân Thai	**PHỤ - MẪU** Thiếu – dương Dưỡng Thiên - không Hình Tấu thư việt Thiên-quan Quy nhân	**PHÚC** Phá–quân Quyền Tang-Môn Phi – liêm Tràng-sinh Thiên-mã **TRIỆT**
THÊ Thất-sát Văn – xương Thang-long Mộ Phượng-các Điếu-kách	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Gi áp Ng ọ Ngày 13, tháng 11, giờ Ngọ Dương-Nam Kim - Mạnh Thổ – ngũ - Cục Hợi		**ĐIỀN** Thiếu-âm Hồng-loan Hỷ-thần Đường-phu Mộc-dục Thiên-phúc Quý-nhân
TỬ Thái-dương Thiên-lương Hóa-kỵ Kinh-dương Đào-hoa Ân-quan Thiên-hỷ Tử	Tỵ Tý Thìn Mão Dần Sửu		**QUAN** Thiên-phủ Liêm trinh Quan-phủ Long tử Bệnh-phú Hoa-cái Quan-tới Quốc-ân hoá-lộc Văn-khúc
TÀI Vũ khúc Thiên tướng bạch-hổ lộc-tồn bác-sỹ Hoá khoa Tả-phu Tam-thai Bệnh	**ÁCH** Thiên-đồng cự môn Long-đức Quan-phủ Đà-la Thiên-khôi suy	**RI** Tham lang Phục bina Thiên khóc Hữu bát Tuế-phá bát-toạ Thiên hư Đệ-vương	**NÔ** Thái-âm Nguyệt-đúc Tứ-phu Đại-hoa Thiên-quý Làm-quan Thiên-Riêu Thiên-Y

M ệnh thân đồng cung. Tử vi hội tướng quan, song lộc phụng nghinh cách

LÁ SỐ VUA LÊ - THÁNH - TÔN

THÊ Thiên - phủ Văn – khúc Thiên - việt Tuyết Hồng – loan Hoá – Khoa	**HUYNH** Thiên - đồng Thái – âm Bạch - hổ Thái Hỷ - thân Thiên – phúc Quý nhân	**MỆNH** Tham – lang Vũ – khúc Quả - tú Hoá - kỵ Dưỡng Quốc – ấn Phúc - đức Thiên - đức	**PHỤ** Thái – dương Cự - môn Đại - hao Thiên - mã Tràng - sinh Điếu - khách Thiên - khốc
TỬ Hữu bật Linh – tinh Tấu – thư Mộ.	Hợi Tý Sửu Dần Tuất Năm Nhâm Tuất Ngày 20, tháng 7, giờ Sửu Dương-Nam Thủy -Mệnh Thủy – Nhi - Cục Mão		**PHÚC THÂN** Thiên - tướng Văn - xương Phục binh Bát tọa Trực - phú Mộc - dục
TAI Liêm – trinh Phá - quân Nguyệt đức Thiên khôi Tử Thiên - hình Tương – quân ~~TRIỆT~~	Dậu Thân Mùi Ngọ Tỵ Thìn		**ĐIỀN** Thiên – cơ Thiên - tướng Tả - phụ Hoá - lộc Địa – không Đà – la Thiên – quan Quý nhân Hoa cái
ÁCH Long tri Tiểu - hao Quan – phú Bệnh Hỏa - tinh	**RI** Thanh – long Thiếu – âm Suy.	**NÔ** Phượng - các Kinh – dương Tang – môn Đế - vương địa kiếp.	**QUAN** tử - vi thất – sát Hoá - quyền Thiên không Lộc - tồn Cô thần Thiên - hỷ

Tham Vũ đồng hành hội hình kỵ, Thiên Nguyệt đức, tam phương quý, Ân, Quyền , Lộc.

LÁ SỐ BÀ LÃ HẬU

ĐIỀN **đồng** Linh Cô Đại - hao Lưu - niên Văn - tinh Thiếu - âm	**QUAN THÂN** **Phủ Vũ** Khoa Văn - khúc Tráng - sinh Long - trì tả phụ	**NÔ** **Âm dương** Việt Hỉ - thần Hỷ Nguyệt đức Hoá - kỵ	**RI** Tham Hữu bật Văn xương Phương - các Thái phu Tuế - phá Phí - liêm
PHÚC Phá – quân khốc quyền Cáo Phục - binh	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Giáp Dần Ngày 7, tháng 3, giờ Dầ n Dương-Nữ Thuý - Mệnh Hỏa – Lục - Cục Tỵ Thìn Mão Dần Sửu Hợi Tý		**ÁCH** Cự Cơ Địa - không Tấu như Long - đức Phá oái
PHỤ Kinh - dương Thiên - không Đào - hoa Thiếu - dương Riêu - Y ~~**TRIỆT**~~			**TAI** Tử Tướng Ấn mộ Tướng - quan Bạch - hổ Hoa - cái ~~**TUẦN**~~
MỆNH **Liêm Lộc** Lộc - tồn Đế - vương Bát - tọa Thái - tuế	**HUYNH** Khôi Hồng Quang Quy Đà - la Địa - kiếp Quả - tu.	**PHU** Thất - sát Thanh - long Đẩu Điếu Tam -thai	**TỬ** **Lương** Hoả Tiểu - hoa Kiếp - sát Kinh Thiên - đức Phúc - đức

Tử, phủ triều viên, Giáp sinh nhân song lộc. Lộc trùng phùng, hội tái tuế, chuyên quyền chi cách.

LÁ SỐ ĐẠI TƯ BẢN THẠCH - SÙNG

PHỤ MẪU Cự Tiểu hao Riêu - Y Lưu – niên Văn - tinh Phá toái Thiên quý	**PHÚC** **Liêm – Tướng** Hữu Khúc Lộc Tướng - quân Thái - tuế	**ĐiềN** **Lương** Việt Mộ Tấu - thư Thiếu - dương	**THÂN QUAN** **Sát** Xương Mã Tả - Cô Tang - môn **TRIỆT**
MỆNH **Tham – lang** Phượng Cáo Long - đức Quả - tú Bát - tọa Điếu - khách	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Gi áp Ng ọ Ngày 3, tháng 5, giờ Dầ n Dương-Nam Kim - Mệnh Mộc – Tam - Cục Hợi		**NÔ** **Đồng** Thai Hỉ Hồng Địa - Không Quang
HUYNH **Thái - âm** Đế - vượng Hỏa Hỷ - Kinh - Dương Đào Thiên - đức Phúc - đức	Tỵ Tỷ Thìn Mão Dần Sửu		**RI** **Vũ - khúc** Khoa ấn Tam thai Thanh - long Hoa - cái
THÊ Tử Phủ Lộc - tồn Bạch - hổ Đẩu - quân	**TỬ** **Thiên - cơ** Linh Quan Khôi Địa - Kiếp Đà - la Thiên - hình	**TÀI** **Phá - quân** Khốc Hư Quyền Phục - binh Tuế - phá	**ÁCH** **Thái - dương** Tràng - sinh Hoá - kỵ Đại - hao Nguyệt đức Kiếp - sát

Thạch - sùng đại - phú, Phá - quân Tý Ngọ bà Phù quyền Lộc Khốc Hư.

LÁ SỐ SỞ BÁ-VƯƠNG HẠNG VÕ

HUYNH Mã Cáo Đà-la Cô. Tang môn Quang Phá - toái	**MỆNH** **Thiên - cơ** Khoa lộc - tồn Hỏa Hỷ	**PHỤ** **Tử Phá** Xương Khúc Kinh - dương Thanh – long Cái	**PHÚC** Địa - không Phục - bình Riêu - Y Kiết - sát Nguyệt đức
THÊ **Thái - dương** Thiên - Hình Bát - tọa Thiếu dương	Mùi Thân Dậu Tuất Ngọ Năm Đinh - Mão Ngày 12, tháng 8, giờ Mão Âm - Nam Hỏa Mệnh Thùy Nhi Cục Tỵ Thìn Mão Dần Sửu		**ĐIỀN** **Thiên - phủ** Việt Đại - hao Tuế phá Thiên Lưu - niên Văn – tinh
TỬ **Vũ Sát** Hữu Khốc Tiểu hao			**QUAN** Thái – âm Lộc Tam - thái Long đức
~~**TRIỆT**~~			~~**TUẦN**~~
TAI **Đồng Lương** Quyền Địa - kiếp Tướng - quân Quốc ân	**ÁCH** **Thiên - tướng** Linh - tinh Tấu thư Quả tú Điếu khách	**RI THÂN** **Cự - môn** Hoá - kỵ Hồng - loan Đào hoa Phúc - đức Thiên đức	**NÔ** **Tham Liêm** Tả - phụ Khôi Bạch - hổ Hỷ - thần

Cự Cơ Tý Ngọ, Khoa Quyền Lộc phản vi kỳ.

LÁ SỐ THẦY-MẠNH-TỬ

PHỤ Thiên-Phủ Thiên-quý Tràng-sinh Đại-hao Thiên-đức	PHÚC Thiên-đồng Thái-âm Tả-Phu Tam-thai Khoa - khôi Kỵ	ĐIỀN Tham Vũ-khúc Đà Quyền	QUAN Thái-dương Cự-môn Hữu-bật Lộc-tồn Bát-tọa Thái-tuế Lộc
MẠNH THÂN Văn-khúc Bạch-hổ	Năm Canh Thân Ngày 1 tháng 3 giờ Tý Dương-Nam Mộc-Mệnh Kim-tứ-Cục		NÔ Thiên-tướng Ân-quang Đế-vượng Thiên-không Kình
HUYNH Liêm-trinh Phá-quân Hỷ-thần Long-đức			RI Thiên-cơ Lương Văn-xương Tang-môn Thanh-long Linh
THÊ Phi-liêm Tuế-phá Việt Thiên-Mã Điếu-khách Hỏa	TỬ Mộ Tấu thư Tử phù Nguyệt đức	TÀI Tướng-Quân Quan-phù	ÁCH Tử-vi Thất-sát Tiểu-hao Địa-không Địa-kiếp

Cơ Lương, Xương Khúc hội Thái-dương, song Lộc. Thái-tuế.

LÁ-SỐ TIÊU-HÀ

NÔ **Thái-âm** Bạch-hổ Tử Đà Lực.sỹ	DI **Tham-lang** Lộc-tồn Tả-phụ Cáo Văn-xương Đào.hoa Hồng loan Quyền	GIẢI **Thiên-đồng** **Cự-môn** Địa-không Suy Kình	TÀI THÂN **Vũ-khúc** **Thiên-tướng** Hữu-bật Việt Văn-khúc Lộc Đế-vượng Kỵ
QUAN **Thiên-phủ** **Liêm-trinh** Long-đức Mộ Thanh-long	Năm Kỷ Dậu Ngày 22, tháng 3 giờ Thìn Âm Nam — Thổ-Mệnh Thủy-Nhị-Cục		TRIỆT TỬ **Thái-dương** **Thiên-lương** Đại-hao Thái-tuế Lâm-quan Khoa
ĐIỀN Tuế.phá Tuyệt Tam-thai Địa-kiếp Tiểu-hao			THÊ **Thất-sát** Thiên-không Quan-đới Bệnh-phù
TUẦN PHÚC **Phá-quân** Thai Quang Trực-phù Tướng-quân	PHỤ Dưỡng Quan-phù Tấu-thư	MẠNH **Tử-vi** Phi-liêm Quý Khôi Tràng-sinh Thiếu-âm	HUYNH **Thiên-cơ** Hỷ-thần Bát-tọa Tang-môn Mộc-dục

Tử, Phủ Vũ Tướng hội Khôi Việt Đào-Hồng Tả, Hữu, Xương, Khúc, Quyền, Lộc, nhất triều phú quý vinh xương.

LÁ SỐ TRẦN - BÌNH

NÔ **Thiên-lương** Hồng-loan Đại-hao Lâm-quan Hỏa	RI **Thất-sát** Tả-phụ Văn-Xương Cáo Khôi Bạch-hổ Đế-vượng	ÁCH Đà-la Quan-phủ Suy Linh-tinh Địa-không	TÀI THÂN **Liêm-trinh** Hữu-bật Văn-khúc Lộc-tồn Thiên-Mã
QUAN **Tử-vi** **Thiên-tướng** Quý Bệnh-phù	Năm Canh Tuất Ngày 18, tháng 3 giờ Thìn Dương-Nam Kim-Mạnh Hỏa-Cục		TỬ Kình-dương Lực-sỹ Tử Trực-phù
ĐIỀU **Thiên-cơ** **Cự-môn** Hỷ-thần Đào-hoa Bát-tọa Địa-kiếp			THÊ **Phá-quân** Mộ Quang Thai Phụ Thang-long Thái-tuế
TUẦN PHÚC **Tham-lang** Việt Phi-liêm Tràng-sinh Long-trì	PHU **Thái-dương** **Thái-âm** Lộc Kỵ Tấu-thư Dưỡng	MỆNH **Vũ-khúc** **Thiên-Phủ** Quyền Tướng-quân Thái Tang-môn Phượng-các	HUYNH **Thiên-đồng** Khoa Thiên-không Tiểu-hao Tam-thai

Tử Phủ Vũ Tướng hội Tướng Quyền Xương Khúc, cơ mưu quyền biến chi nhân.

LÁ-SỐ TRƯƠNG TỬ-PHÒNG

ĐIỀN **Cự-môn** Tiểu-hao Hỏa Trực-phù TUẦN	QUAN **Liêm-Trinh** **Thiên-Tướng** Hữu-bật Lộc Tướng-quân Văn-Xương Thái-tuế Cáo	NÔ **Thiên-lương** Việt Địa-không Tấu-thư Thiên-không Linh	DI **Thất-sát** Tả-phụ Văn-khúc Thiên-Mã Tang-Môn TRIỆT
PHÚC **Tham-lang** Quý Phượng-các Thanh-long Điếu-khách	Năm Giáp Ngọ Ngày 6, Tháng 5, giờ Thìn Dương-Nam-Kim-Mệnh Hỏa Cục		GIẢI **Thiên-đồng** Hỷ-thần Thiếu-âm Hồng-loan
PHỤ **Thái-âm** Kình Lực-sỹ Địa-kiếp Phúc-đức Đào-hoa			TÀI THÂN **Vũ-khúc** Mộ Khoa Thai Quang Long-tri Quốc-ấn
MỆNH **Tử-vi** **Thiên-Phủ** Lộc-tồn Bạch-hổ Tràng-sinh	BÀO **Thiên-cơ** Tam-thai Khôi Bát-tọa Đà Long-đức	THÊ **Phá-Quân** Quyền Tuế-phá Phục-binh	TỬ **Thái-dương** Kỵ Tử-phù Đại-hao

Tử Phủ Vũ Tướng hội Tả Hữu Xương Khúc Sinh, Vượng song Lộc.

LÁ SỐ HÀN-TÍN

HUYNH **Cự-môn** Không Hồng-loan Tiểu-hao Kiếp Long-đức Tuyệt	MỆNH THÂN **Liêm-trinh** **Thiên-tướng** Tam-thai Lộc Tướng-quân Bạch-hổ	PHỤ **Thiên-lương** Ân-quang Thiên-Quý Việt Tấu-thư	PHÚC **Thất-sát** Bát-tọa Cáo Thiên-mã Tràng sinh Phi-liêm
THÊ **Tham-lang** Văn-xương Thanh long Tuế-phá Mộ	Năm Giáp Tuất Ngày 5 tháng 11 giờ Ngọ Dương - Nam Hỏa Mệnh Thổ - Ngũ - Cục.		TUẦN—TRIỆT ĐIỀN **Thiên-đồng** Hỷ-thần Mộc-dục Trực-phù
TỬ **Thái-âm** Đào-hoa Kình Lực-sỹ Tử			QUAN **Vũ-khúc** Văn-khúc Bệnh-phù Khoa Thái-tuế
TÀI **Tử-vi** **Thiên-phủ** Tả-phu Long-trì Lộc-tồn	GIẢI **Thiên-cơ** Khôi Thiếu-âm Đà Quan-phủ Suy	THIÊU RI **Phá-quân** Hữu-bật Thai-phụ Quyền Phượng-các Tang-môn Đế-vượng	NÔ **Thái-dương** Thiên-Hỷ Kỵ Đại-hao Thiên-không

Lưỡng Tướng Mạnh Thân hội song Lộc Phượng Long Tang Hổ.

LÁ SỐ BÁCH LÝ HỀ

ĐIỀN **Tử-Vi** **Thất-Sát** Hồng-loan Đại-hao Tuyệt Hỏa	QUAN Hữu-bật Văn-Xương Cáo Khôi Phục-binh Bạch-Hổ	NÔ Linh Phúc-đức Đà la Dưỡng Quan-phủ Địa-không	RI Tả-phụ Văn-khúc Lộc-tồn Thiên-Mã Điếu-khách Tràng-sinh
PHÚC **Thiên-cơ** **Thiên-lương** Mộ Bệnh-phù Quốc-ấn	Năm Canh-Tuất Ngày 20, tháng 5, giờ Thìn Dương-nam Kim-Mệnh Thổ Ngũ Cục		GIẢI **Liêm-trinh** **Phá-quân** Kình-dương Trực-phù
PHỤ **Thiên-tướng** Tam thai Địa-Kiếp Đào-hoa Hỷ-thần TUẦN			TÀI, THÂN Thai Thanh-long Hoa-Cái Thái-tuế
MỆNH **Thái-dương** **Cự-môn** Việt Quý Long-trì Lộc Phi-liêm	HUYNH **Tham-lang** **Vũ-khúc** Suy Quyền Tấu-thư	THÊ **Thiên-đồng** **Thái-âm** Tang-môn Quang Phượng-các Khoa Tướng-quân Kỵ	TỬ **Thiên-Phủ** Bát-tọa Thiên-hỷ Tiểu-hao Thiên-Không

Cự Nhật hội Xương Khúc Khôi Việt song Lộc Tả Hữu vi nhân đa học, đa năng.

LÁ SỐ LƯU.LINH

QUAN **Thiên-tướng** Thiên hỷ Tuyệt Tiểu-hao Thiên-không	NÔ **Thiên-lương** Phượng-các Thai Tướng-quân Tang-môn	RI **Liêm trinh** **Thất-sát** Việt Tấu-thư Dưỡng Hóa-Lộc	GIẢI Long-trì Linh Phi-liêm Quan phù Tràng-sinh TRIỆT
ĐIỀN **Cự-môn** Tam-thai Hoa cái Thanh-long Thái-tuế Mộ	Năm Giáp Thìn Ngày 4, tháng 10 giờ Tuất Dương Nam — Hỏa Mệnh Thủy-Nhị-Cục		TÀI THÀN Đào.hoa Địa-kiếp Hỷ-thần Tử-phù
PHÚC **Tử-vi** **Tham-lang** Kình Lực-sỹ TUẦN			TỬ **Thiên đồng** Bát-tọa Bệnh-phù Tuế-phá Quan-đới Quốc-ấn
PHỤ **Thiên-cơ** **Thái-âm** Văn-khúc Quang Điếu.khách Lộc-tồn Thiên-mã Thiên-khốc	MỆNH **Thiên-phủ** Tả.phụ Hữu bật Khôi Địa-không Đà	HUYNH **Thái-dương** Văn.xương Quý Cáo Bạch-hổ Hỏa Hỏa-Kỵ Đế-vượng Phục-binh	THÊ **Vũ-khúc** **Phá-quân** Hồng-loan Đại.Hao Hóa-Quyền Hóa-Khoa

Thiên.phủ mệnh viên, hội Tả Hữu Khôi Việt đãn hiềm Không Kiếp Đà.la.

LÁ SỐ NHẠC NGHỊ

QUAN	NÔ	RI	GIẢI
Tử-vi Thất-sát Bạch-hổ Lực-sỹ Đà-la Tử	Phúc-đức Lộc-tồn Bát-tọa Quang Đào-hoa Hồng-loan Bệnh	Điếu-khách Kình-dương Quan-phù Suy	Phục-bình Quý Trực-phù Đế-Vượng
ĐIỀN **Thiên cơ** **Thiên-lương** Thai Khoa Long-đức Thanh-long Mộ	Năm Kỷ Dậu Ngày 8, tháng 10 giờ Tuất Âm Nam Thổ-Mệnh Thủy Nhị Cục		TÀI THÂN **Liêm-trinh** **Phá Quân** Thiên-quan Đại-hao Việt Thái-tuế Địa-kiếp
PHÚC **Thiên-tướng** Tuế-Phá Tiểu-hao Tuyệt			TỬ Quan-đới Thiên-không Thiếu-dương Bệnh-phù
PHỤ **Thái-dương** **Cự-môn** Tướng-quân Văn-khúc Kỵ Tử-phù Thiên-phúc	MỆNH **Tham-lang** **Vũ-Khúc** Địa-không Hoa-cái Tả-phụ Hữubật Long-trì Phượng-các Lộc Quyền	HUYNH **Thiên-đồng** **Thái-âm** Trường-sinh Văn-Xương Cáo Khôi Thiên-Hỷ	THÊ **Thiên-phủ** Mộc-dục Tang-môn Hỷ thần Thiên-Mã

Tham Vũ đồng hành, Lộc Quyền Phượng Long Tả Hữu gia hợp Kình.dương, Bạch-hổ.

LÁ-SỐ CỬ-NHÂN

QUAN **Liêm-trinh** **Tham-lang** Tam-thai Thiếu-âm Đại-hao	NÔ **Cự-môn** Long-trì.Khôi Quan-phù Thiên-phúc Đế-vượng	TRIỆT-TUẦN	DI Thiên-Hỷ Tử-phù Suy Thu	GIẢI Phượng – các Tuế -phá Hoá khoa Lộc-tồn Thiên-Mã.

<table>
<tr><td>ĐIỀN
Thái-âm
Thai-phu
Tang-môn
Hóa-kỵ
Quan đới</td><td colspan="2" rowspan="2">Năm Canh-Dần

Ngày 5, tháng 10 giờ Tuất

Dương Nam Mộc Mệnh

Hỏa -lục Cục</td><td>TÀI THÂN

Bát-tọa
Long-đức
Hoá-quyền
Địa-kiếp</td></tr>
<tr><td>PHÚC
Thiên-phủ
Đào-hoa
Quang
Thiên-không
Hỷ-thần</td><td>TỬ

Bạch-hổ
Hoá-lộc
Thanh-long
Mộ</td></tr>
<tr><td>PHỤ

Văn-khúc
Việt
Thái-tuế
Phi-liêm
Tràng-sinh</td><td>MỆNH
Tử-vi
Phá-quân
Tả-phụ
Hữu-bật
Hồng-loan
Tấu-thư
Địa-không</td><td>HUYNH

Văn-xương
Phong-cáo
Thai
Tướng-quân</td><td>THÊ

Quý Phúc-đức
Thiên-quan
Tiểu-hao Tuyệt</td></tr>
</table>

Sát, Phá, Tham Tả Hữu Thai Tọa Hồng Hỷ hội Tấu Quyền, đãn hiềm Hồng-loan Kỵ Kiếp Không.

LÁ SỐ ĐIÊU-THUYỀN

<table>
<tr><td>PHỤ

Thái-âm
Bát tọa
Quang
Thiên-Việt
Phi-liêm</td><td>HUYNH

Tham-lang
Văn-khúc
Thiên-phúc
Bạch-hổ
Tấu thư</td><td colspan="2">MỆNH

Thiên-đồng
Cự-môn
Thiên-hỷ
Phúc đức
Suy
Tướng quân</td><td>PHỤ

Vũ-khúc
Thiên-tướng
Văn-xương
Thai-phục
Hóa-kỵ
tiểu-hao</td></tr>
<tr><td>TỬ

Liêm-trinh
Thiên-phủ
Phong-cáo
Hoá khoa
tuế-phá
Mộ</td><td colspan="3" rowspan="2">Năm Nhâm-Tuất

Ngày 23 tháng 8 giờ Dần

Dương Nữ, Thuỷ-Mệnh

Thuỷ-Nhị-Cục</td><td>PHÚC

Thái-dương
Thiên-lương
Tam-thai
Quý
Hóa-lộc
Thanh-long</td></tr>
<tr><td>TÀI

Hữu-bật
Thiên-khôi
Đào-hoa
Tử-phu
Tuyệt</td><td>ĐIỀN

Thất-sát
Thiên-quan
Thái-tuế
Đà
Lực-sỹ</td></tr>
<tr><td>TRIỆT
ÁCH

Phá-quân
Long trì
Quan-phù
Đại-hao
Thai</td><td>RI

Hồng-loan
Thiếu-âm
Phục-binh
Dưỡng</td><td>TU ẤN</td><td>NÔ

Tử-vi
Phượng-các
Hóa-Quyền
Tang-môn
Kình
Tràng-sinh</td><td>THÂN QUAN

Thiên-cơ
Tả-phụ
Thiên không
Lộc-tồn</td></tr>
</table>

Nữ Mệnh bất nghi Đào Hồng Hỷ Tướng Phúc Khúc Xương.

LÁ SỐ TIỂU NHI YỂU MỆNH

PHỤ **Liêm-trinh** **Tham-lang** Văn-xương An quang Hoá-quyền Đà la Tang-môn	PHÚC **Cự-môn** Thiên-hỷ Lộc-tồn, Bác-sỹ Thiếu-âm Địa-không	ĐIỀN **Thiên-tướng** Phong-cáo Kình-dương Quan-phủ Mộ	QUAN **Thiên-đồng** **Thiên-lương** Thiên-việt Hoá-khoa Phục-binh
MỆNH **Thái-âm** Thiên Hình Thiên-Không Thiếu-dương Địa kiếp Dưỡng	Năm Kỷ Mão Ngày 2 tháng 8 giờ Tỵ Âm-Nam Mộc Mệnh Mộc Tam Cục		TU ẦN -TRI ỆT N Ô **Vũ-khúc** **Thất-sát** Văn-khúc Thiên quý Hoá-lộc Hoá-kỵ
HUYNH **Thiên phủ** Hữu-bật Tiểu-hao Thái-tuế Tràng sinh			RI **Thái-dương** Bệnh-phù Long-đức Suy
THÊ THÂN Bát-tọa Tướng-quân Trực-phù Mộc-dục	TỬ **Tử-vi Phá-quân** Tấu-thư Điếu-khách Quan-đời	TÀI **Thiên-cơ** Tam-thai Đào-hoa Thiên-khôi hồng-loan Lâm-quan	ÁCH Tả-phụ Thai-phụ Hỷ-thần Bạch-hổ Đế-vượng

Nhật Nguyệt phản bối nhi hội Kiếp Không Thiên hình Hồng Đào.

LÁ SỐ NGƯỜI SƯƠNG PHỤ

ĐIỀN **Cự-môn** Phong-cáo Thiên-Việt Thiên-Phúc Hoá-quyền	QUAN **Liêm-trinh** **Thiên-tướng** Bát-tọa Thiên-quan Long-đức Phi-liêm	NÔ **Thiên-lương** Tả-phụ Hữu-bật Văn-xương Văn-khúc Quang Quý	DI THÂN **Thất-sát** Tam-thai Phúc-đức Bệnh-phù Địa-không
PHÚC **Tham-lang** Hồng-loan Hóa-kỵ Tử-phù Tướng-quân	Năm Quý Hợi Ngày 26, tháng 4 giờ Mão		ÁCH **Thiên-đồng** Thai-phụ Điếu khách Đại-hao
PHỤ **Thái-âm** Thiên-Khôi Hóa-khoa Quan-phù Tiểu-hao Long-trì	Âm Nữ Thủy Mệnh Thủy Nhị Cục		TÀI **Vũ-khúc** Thiên-hỷ Trực-phù Phục-binh
MỆNH **Tử-vi** **Thiên-phủ** Thiếu-âm Thanh-long Địa-kiếp	HUYNH **Thiên-cơ** Tang-môn Lực-sỹ Kình	TRIỆT TUẦN PHU **Phá-quân** Đào-hoa Hoá-lộc Thiên-hình Thiên-không Lộc-tồn	TỬ **Thái-dương** Thái-tuế Quan, phủ Đà Phượng-các

Phu cung Song Lộc phùng Không.

Đào-hoa ngộ Thiên-hình

mệnh đắc Tử Phủ đãm hiềm Kiếp Không xung phá.

TỬ-VI ĐẨU SỐ CHƯ TINH

Muốn lấy 1 lá số bằng chữ Hán, nên nghiên cứu các chữ sau đây.

Tử-vi

Thiên-cơ

Thái-dương

Vũ-khúc

Thiên-đồng

Liêm-trinh

Thiên-phủ

Thái-âm

Tham-lang

Cự-môn

Thiên-tướng

Thiên-lương

Thất-sát

Phá-quân

Tả-phụ

Hữu-bật

Văn-xương

Văn-khúc

Đào-hoa

Hồng-loan

Thiên-hỷ

Thiên-khôi

Thiên-việt

Long-trì

Phượng-các

Giải-thần

Tam-thai

Bát-tọa

Ân-quang

Thiên-quý

Thai-phụ

Phong-cáo

Thiên quan Quí nhân

Thiên phúc Quí nhân

Đường-phù

Quốc-ấn

Thiên-không

Quán-sách

Thái-tuế

Thiếu-dương

Tang-môn

Thiếu-âm

Quan-phù

Tử-phù

Tuế-phá

Long-đức

Bạch-hổ

Phúc-đức

Điếu khách

Trực-phù

Tràng-sinh

Mộc-dục

Quan-đới

Lâm-quan

Đế-vương

Suy

Bệnh

tử

Mộ

Tuyệt

Thai

Dưỡng

Lộc-tồn

Bác-sĩ

Lực-sĩ

Thanh-long

Tiểu-hao

Tướng-quân

Tấu-thư

Phi-liêm

Hỉ-thần

Bạch-phù

Đại-hao

Phục-sinh

Quan-phủ

Kình-dương

Đà-la

Thiên-đức

Nguyệt-đức

Cô-thần

Quả-tú

Thiên-giải

Địa-giải

Thiên-trù

Địa-không

Địa-kiếp

Hỏa-tinh

Linh-tinh

Thiên-hình

Phá-toái

Kiếp-sát

Lưu-hà

Thiên-mã

Hoa-cái

Hoá-lộc

Hoá-quyền

Hóa-khoa

Hoá-kỵ

Thiên-diêu

Thiên-y

Thiên-khốc

Thiên-hư

Thiên-thương

Thiên-sứ

Lưu niêu văn tinh

Triệt-lộ

Tuần-không

Thiên-la

Địa-võng

Sinh dương nam âm nữ

Sinh âm nam dương nữ

Ngũ cục

Thuỷ nhị cục

Mộc tam cục

Kim tứ cục

Thổ ngũ cục

Hỏa lục cục

Mười hai cung số

mạnh – viên (Thân cung)

Huynh đệ

Vợ, chồng

Tử-tức (con)

Tài-bạch

Tật-ách

Thiên-ry

Nô-bộc

Quan lộc

Điền trạch

Phúc đức

Phụ mẫu

Thân

Ngũ hành

Kim

Mộc

Thủy

Hỏa

Thổ

Niên

Nguyệt

Nhật

Thời

Nhập thiên can

Giáp

Ất

Bính

Đinh

Mậu

Kỷ

Canh

Tân

Nhâm

Quí

Thập nhi địa chi

Tí

Sửu

Dần

Mão

Thìn

Tỵ

Ngọ

Mùi

Thân

Dậu

Tuất

Hợi

NHẬN ĐỊNH CHUNG MÔN TỬ-VI ĐẨU SỐ

NIÊN, NGUYỆT, NHẬT,THỜI SINH

KHẮC NHAU

Về môn Tử-vi đẩu số, không nên quan niệm sinh được năm tốt nhưng hiểm vì mùa sinh xấu, hoặc được mùa sinh tốt nhưng phải tháng sinh xấu, hay là được ngày sinh tốt nhưng phải giờ sinh xấu, thành ra số mệnh bị chiết giảm.

Quan niệm như vậy là sai lạc.

Bởi vì, khoa tử vi lấy phương vị đẩu số làm căn bản để luận định, chứ không giống như khoa Bát-Tự, lấy ngày sinh là nhật nguyên, ví như cung mạnh ở môn Tử-vi, và lấy hàng can của ngày sinh để tính sinh khắc chữ với 7 chữ kia, mà năm tháng ngày giờ sinh là đại diện cho phụ mẫu, thê thiếp, huynh đệ,tử-túc, trong khi bên Tử-vi, Nô-bộc có cung riêng, Phúc-đức có cung riêng. Ở Bát-Tự, vì nhờ tính theo quy luật sinh khắc giữa năm, tháng,ngày,giờ mà biết được chính tài hay thiên tài, hay là huynh đệ xấu, tốt mà thôi, tuyệt không có sự luận phân tỷ mỷ như : mắt trái lé, tay phải có tỳ vết hay môi thâm, răng sứt được, vì Bát-Tự không có các trung tiểu tính đại diện cho việc luận đoán như vậy. Nhất là môn Bát-Tự để tính cho các ngày quan, hôn, tang tế thì thật chính xác.

Ở môn Tử-vi phải đủ niên, nguyệt, nhật thời mới hội đủ điều-kiện để có thể an được sao Tử-vi ở một cung nào, nếu sai đi dù một giờ hay bất kể ngày tháng năm, thời sao Tử-vi đã đóng vào cung khác rồi, và đã được phân chia thành 12 cung, thí dụ như huynh đệ biệt lập một cung, muốn luận xấu tốt là do các sao cư, chiếu thuộc ngũ hàag hh sinh kc nhau, và ngũ hành của sao có tương hợp với hành của bản Mạnh không, cho nên ngay hai sao chính-tinh cư trong Mạnh mà nhà Tử-vi học vẫn cho là vô chính diệu, vì việc nói vô chính diệu này có nghĩa là Bản Mạnh không có chính tinh nào đồng một hành với hành của Bản Mạnh cả, đấy là chỗ thâm sâu của Tử-vi, bởi các tinh đẩu chỉ là tượng hình hoặc tượng tính mà thôi, và đặt như vậy để có một ước lệ cho 12 cung số, chớ làm gì có ông Tử-vi hay ông sao Thiên-Phủ thật sự.

Và căn-bản tối thiết là các sao ấy thuộc hành nào mới quan trọng, và sự đoán sai Tử-vi, là do chưa quy định vào ngũ hành để phân luận.

Mạnh-Hành và Tinh-Đẩu

Cũng một vận hành cùng cư tại một cung số, đoán cho người này thấy đúng như in, khi luận cho người khác lại sai, hỏng cả, cho nên, phải lấy ngũ hành của tinh đẩu theo quy luật sinh khắc là : Vượng, Tướng, Hưu, Tù, tuyệt mới có thể tìm được mức độ cát, hung ra sao được. Nếu chỉ căn cứ vào tinh đẩu thì chỉ đúng được một phần mấy mươi mà thôi, vì mỗi người Bản mạnh 1 hành và chịu thêm Vượng, Tướng, Hưu, Tù, Tuyệt nữa,thời đã xa cách biết bao nhiêu rồi.

Cho nên, biết thêm được bao nhiêu, lại càng ao ước biết thêm hơn mãi, và vàng tôn phục sự linh mẫn của bậc Thánh Tổ, và cáng thấy mình tăm tối bấy nhiêu.

Vì vật việc luận cứ năm khắc tháng, ngày khắc giờ khiến số bị chết giảm, đối với Tử-vi học chẳng những đã là sai lạc, mà còn làm cho người học Tử-vi lẩn quẩn thêm.

Dương cư Âm vị
Âm cư Dương vị

Cũng như luận-cứ số bị chiết giảm vì năm tốt mùa xấu, hay tháng tốt ngày xấ, còn có luận-cứ Mạnh thuộc Dương hiềm cư Âm vị,hay Mạnh thuộc Âm hiềm cư cung Dương nên bị khắc chế mất nhiều.v.v…

Nên gạt bỏ luôn việc luận định này. nếu như Mạnh thuộc Dương,cư cung Dương cũng còn phải xét xem cung Dương ấy vượng hãm ra sao,cũng như Mạnh thuộc Âm cư cung Âm thời cung Âm này miếu hãm ra sao,bởi Mạnh Âm cư cung Âm cũng cứ là hãm-địa được và rất xấu.

Vả chăng việc lập Mjanh để biết quý, tiện, thọ yểu, thời phải căn cứ vào Mạnh hành ngồi ở cung nào là miếu hay bại địa và quy định vào các sao cư, chiếu để luận xét, vì thiếu gì trường hợp Âm-mạnh cư cung Dương vẫn phú quý, nhung lụa từ tuổi sơ sinh, và Âm mạh cư cung. Âm mà khổ từ lúc sơ-sinh cho tới lúc về chầu trời. cho nên, không thể nói bị khắc chế và chiết giảm vì năm, tháng, ngày, giờ, hoặc vì Dương mạnh cư cung Âm, hay Âm mạnh cư cung Dương được.

Hơn nữa, ở nhiều sách Tử-vi có nói : Mạnh Dương cư cung Dương nhưng vì Thân cư cung Âm nên bị khắc chế, chiết giảm v.v…

Thực ra, không bao giờ Mạnh cư cung Âm mà Thân cư cung Dương hoặc mạnh cư mà Thân cư cung Âm được. Vì 12 cung số, cứ tuần tự một cung Âm thời một cung Dương mà thân chỉ chư trên 6 cung mạnh, phu (Thê) Tài, di, Quan và phúc nếu như mạnh đã cư ở cung Âm, thời 5 cung kia cũng là cung Âm, và nếu cung Mạnh là cung Dương thời 5 cung kia tất cũng phải là Dương cả. như vật Mạnh thân nếu là Dương thì Dương cả,nếu là cung Âm thì là Âm cả, không nên nhầm lẫn.

Đông sinh nhân và Tây Bắc sinh nhân

Một điều quan trọng gặp trên các sách vở là Đông sinh nhân. Tây sinh nhân; Đông nam sinh nhân hay Tây Bắc sinh nhân là nguyên do hàng Can Chi thường được định hướng là :

Đông-phương	Giáp	Ất	mộc
Nam-phương	Bính	Định	hoả
Tây-phương	Canh	Tân	kim
Bắc-phương	Nhâm	quý	thuỷ
Trung-ương vi Mậu Kỷ thổ			

Thí dụ : NGƯỜI SINH NĂM ẤT-MÃO :

Trong các sách Tàu hoặc các thuật-số gia gọi là Đông-sinh nhân

Vì hàng Can ất là đông phương Chi Mão cũng phương đông

NGƯỜI SINH NĂM TÂN DẬU
thường gọi là Tây sinh nhân
Vì hàng Can tân thuộc tay phương
Hàng chi, Dậu cũng thuộc phương tây.

NGƯỜI SINH NĂM BÍNH-TUẤT

Thường gọi là Tây-nam sinh nhân, vì hàng Can Bính thuộc nam phương,hàng Chi Tuất thuộc phương Tây.

NGƯỜI SINH NĂM GIÁP NGỌ

Thường gọi là đông nam sinh nhân

vì hàng Can Giáp thuộc Đông phương hàng địa chi Ngọ thuộc Nam phương

Cũng ví như ở môn học địa lý Bát Trạch gồm các tứ dương trạch và tứ âm trạch cũng chỉ thường gọi là Dương Trạch hay Âm trạch

nhất là về Hán Tự thường nói và viết khác nhau, nhưng tựu trung phải hiểu rõ ý nghĩa Đông Tây Nam Bắc hay Tây-Bắc sinh nhân, là tại sự phối hợp hàng Can và Chi. Vì Can chi ấy ở phương vị nào, chớ không thể lầm lẫn sang việc sinh đẻ ở phương Đông, phương Nam, đông nam hay tây bắc được, giải nghĩa như vậy thì người học tử-vi không biết đâu là ranh giới phân luận cả, vì thí dụ nước nhật bản cư về phương đông của địa cầu, thì tất cả người nhật bản đều được hưởng sự hay hoặc là xấu của cả sao, nên xin hiểu lại vấn đề nêu trên, để tránh sự sai lạc về phương hướng sinh đẻ và sự cư ngụ theo hướng nữa. Còn về việc xây cất nhà cửa cổng ngõ là một môn địa lý dương trạch rất ky diệu và tỷ mỷ.

❋

VẤN ĐỀ SỬ LIỆU LƯU TRUYỀN HIỆN TẠ
ĐẠI HOÀNG ĐẾ TIÊN THỜI
ĐỨC ĐINH-TIÊN-HOÀNG

Cũng như dân ta đã bị sai lạc và thường đọc trong các sách Đức-Đinh-Tiên-Hoàng là con một con dái cá vì bà thân mẫu bị dái cá hiếp.

Thật là đau lòng một bậc anh hùng, một vị tiên vương của dân tộc ta, giá trị đã bị hạ thấp như thế.

Thực ra Đức-Đinh-Tiên-Hoàng là con quan Thứ-Sử Hoan-Châu Đinh-Công-Trứ, một vị quan rất phúc đức, thấy nước loạn, thời thường nhật luôn luôn khấn vái thiên-địa, xin được 1 vị anh hùng cứu dân, độ thế, cũng do tiên tích đức nhi hậu tầm long, mà sau này ngài gặp được cơ duyên, có thầy địa lý để cho một ngôi âm phần kết phát cho Đức-Đinh-Tiên-Hoàng.

Thời xưa, là vợ một vị quan thứ sử thời sự thâm nghiêm khuê các là sự hiển nhiên, bất kể du hành nơi nào, cũng phải có nghi vệ loan kiệu, cờ lọgn, kèn trống và vài chục quân gia tháp tùng thì làm sao một con dái cá bé nhỏ có thể hiếp được.

Sau khi thân mẫu mất, tiên hoàng về ở với chú ruột là ông đinh công dự cũng làm quan gia đình, chẳng những thuộc hàng quý tộc mà còn kiêm hào tộc ở đất Hoa lư nữa, Tiên vương trong lúc canh tác và giữ trâu đàn cho

Ngôi mà kết phát có địa đồ minh chứng là nơi sơn thanh thuỷ tú, thật thắng cảnh được ghi lại :

Huyệt an long phúc
Hữu thuỷ thuận giảng
Tả xa nghịch thăng
Hiềm sơn chiết cước
Nhất đại nhi chung

(Trích đinh gia ngọc phả)

Sau khi bị mưu sát cùng với con cả là Nam Việt Vương Đinh Liễn, quyền binh về tay thập-đạo tướng quân Lê Hoàn.

Hậu duệ của đại vương hiện nay là Đinh, Quách,Bạch, Hà rất đông đảo ở từ Hoà-Bình tới năm châu thanh hóa và đã di cư vào Nam , theo chế độ Lang-đạo cha truyền con nối.

Trải qua hơn một ngàn năm, nước nam mới thoát khỏi vòng nô-lệ, có một chính-thống triều đầu tiên, đã binh Chiêm và nhà Tống phải kiêng nể, sách phong, nên mới có các triều Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn hưng khởi sau nay.

❋

BÀ TỪ THỤC PHU NHÂN

Bà là con gái quan Hộ-Bộ Thượng thư Nhữ-văn-Lan, đâu đệ tam giáp Tiến-sĩ năm Quý Mùi, tức là niên hiệu Quang thuận thứ 4 (1463) thời vua Lê-Thánh-Tôn, người làng Yên-tử

hạ, nay là làng Tiên-Lãng thuộc Tỉnh Kiến-An, Bắc Việt, một vọng tộc mấy đời Tể Tướng triều Lê.

Tục truyền bà là người giỏi về văn chương, nhất là rành môn lý-học, tự xem tướng mình, sẽ sinh con đại quý làm tới bậc thiên tử, nên kén chồng, mãi tới ngoài 30 tuổi mới kết hôn với ông Văn-định-Công, người làm Cổ-Am, huyện Vĩnh-Lại, tỉnh Hải Dương, vì nhận thấy ông này có tướng sinh con đại quý.

Bà sinh được cụ Trình-quốc-Công năm Tân Hợi, dương lịch 1491, tức là triều vua lê-thánh-tôn,niên hiệu hồng-đức năm thứ 22

Bà xem tướng số,biết sau nay chỉ đỗ tới Trạng Nguyên và làm đến Tể Tướng là cùng, nên giao con cho ông Định Công và tái hôn với một người khác ở làng Phùng Xá (tức gọi là Làng Bùng) huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây, sinh ra ông Phùng-Khắc-Khoan, năm mậu tý, dương lịch 1528 đời Mạc-Đăng-Dung, niên hiệu Minh-Đức thứ 2.

Xét về phong tục nho giáo, thời không thể nào bà từ thục phu nhân có thể làm được việc kỳ quái này, và hơn nữa, ông văn định công đã có tới tước công của triều đình, biết vợ có tướng sinh con đại quý, lại có thể chấp nhận cho bà có thể chấp nhận cho bà có thể tái hôn được.

Giả như bà 36 tuổi sinh cụ Trạng Trinh năm 1491, lại sinh ông Trạng Phùng năm 1528, thời gian cách nhau 37 năm bà đã 73 tuổi, như vậy không có phụ nữ nào còn sinh nở vào tuổi cổ lai hy được.

Hơn nữa sử chép về ông Trạng Phùng Khắc Khoan thật rõ ràng; câu chuyện sinh 2 ông Trạng cùng một bà mẹ lưu truyền trong dân gian và thường thấy ở sách sử, không thể chấp nhận được vì quá thương tổn cho nền lý luận Đông-Phương

❋

ĐẠI VĂN NHO
TRẠNG NGUYÊN MẠC - ĐĨNH – CHI

Ông Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi, người xã Long Động, tổng Cao Đội, huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương là dòng dõi ông mạc biển tích và mạc kiến quan, đỗ đầu bảng Thái học sinh, cũng như Trạng nguyên, khoa Bính Dần và khoa Kỷ Tỵ là hai khoa thi đầu tiên của nước ta về triều nhà Lý, làm quan tới chức thương thư.

Ông Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Thìn, dương lịch 1304 đời vua Anh-Tôn-Triều Trần, cháu 7 đời của ông là vua Thái Tổ nhà Mạc, tức là vua Mạc Đăng Dung đã phong tặng : Kiến Thủy Khâm-Minh Văn Hoàng Đế cho ông Mạc Đĩnh Chi.

Từ khoa thi Kỷ Tỵ tới khoa Giáp Thìn cách nhau là 35 năm, 2 ông Mạc Hiển tích và Mạc Kiến Quan, quý hiển tột bực, Danh Văn Trạng Nguyên khai khoa nước Việt, chức Thượng Thư, thật là một danh gia vọng tộc, mà bà thân mẫu ông Mạc Đĩnh Chi lại nghèo hèn, phải đi kiếm củi, đến nỗi bị khỉ hiếp, thời sao có thể nuôi con ăn học đỗ tới Trạng nguyên được.

Hơn nữa,ngôi đất kết phát của dòng họ Mạc tại Long-Động, được phê là : " Mộc Bạng khai oa" kinh thiên bút, dài phỏng định 70 bước, nên mới đắc cách văn chương thanh hiển tột bực như thế, chỉ hiềm quá thiên sang đông phương, không kiêm được Tốn hướng nên Mạc triều mới không được xếp là chính-thống Triều đối với lịch sử.

❋

ĐỨC THÁI TỔ LÝ TRIỀU
LÝ CÔNG UẨN

Khi nhà đường bị loạn lạc mất ngôi, 2 Lý-Khánh-Vân và Lý-Khánh-Đản là hoàng thúc phải chạy qua Việt Nam lánh nạn, để tìm kế mưu phục tương lai, 2 ông đều là nhà thông thiên Việt Nam, đạt địa lý, nên khi đi qua miền từ Đình-Bản Bắc Ninh tới Thăng Long, tất nhiên không lọt qua được sự hiểu biết của 2 ông.

Hoàng thúc Lý-Khánh-Vân, vì hài cốt gia đình bị thất lạc trên đường lưu vong, nên mới ngầm kết hôn với một cô gái và để ngôi âm phần tường vân ấp nguyệt, chỉ kết phát cho

dòng ngoại, tại cánh đồng làng đình Bảng mà sau này gọi là rừng Bảng, tức là bà ngoại của Lý-Thái-Tổ.

Hai ông định xưng là Thiền-sư, đã dạy dỗ tán trợ và mưu đồ công nghiệp sau này.

Như vậy, Đức-Thái-Tổ-Lý triều đâu phải là con hoang, nhưng vì hoàn cảnh đương thời.

Khi ngôi báu về tay Trần-Cảnh, vì dòng họ Lý bị mưu sát tuyệt diệt bởi quân sự trần thủ độ, nên ông lý long tường là hoàng thúc bà lý chiêu hoàng, chức tư không kiêm binh bộ thượng thư, thu bài vị gia tiên và ấn tín xuống chiến thuyền cùng gia nhân thân tín, định qua trung quốc, không may bị bão bạt qua cao ly, ít năm sau thắng giặc Mông cổ được phong tặng chức bạch mã tướng công, dòng dõi thật là hiển đạt, cao sang, rất nhiều người đỗ trạng nguyên, tiến sỹ,kế tiếp tới nay là đời thứ 30, đóng góp một phần lớn cho nền văn hóa Hàn quốc.

Vọng đài làm trên núi từ lúc ông Lý Long Tường còn sinh tiền, để hàng ngày bái vọng nam phương cố quốc, và đền thờ rất nguy nga tráng lệ ở Hoa-sơn-Tỉnh, được trùng tu cẩn thận, đến nay vẫn là các di tích tồn cổ của Hàn Quốc.

Như vậy phải chăng con người biệt phân vạn vật, có tâm óc hướng thượng, tuy nhập thế, nhất trần bất nhiễm vô lao, nhưng cũng phải mưu đồ mới có công nghiệp được, còn sự thành bại, phải cộng thêm với yếu tố phong thủy, thời vận,nói chung là định mệnh, nhưng chỉ khác nhau, kẻ không biết tướng số, khi thất bại thì đau đớn vô cùng, mà người thông lý học được yên ủi, bởi lẽ cùng thông thái bĩ thái, biết đãi thời nhi phát, âu cũng là sự đại ích vậy.

Trên đay chỉ là các sự kiện, nêu lên để nhận xét được sự chân giả,để đính chính lại bao nhiêu gương anh hùng, tiết liệt của dân tộc ta đã bị bọn đô hộ chủ mưu xuyên tạc, và manh tâm băng hoại bằng văn hoá sai lạc, in các man thư để đầu độc, nên nhà minh đã sai các tướng trương phụ, hoàng phúc tận thu các sách vở quý báu của ta, và phải nộp cả đến những thợ thuyền thuộc các nghề tinh xảo vào các kỳ cống tuế nữa, kể cả các thầy bói danh tiếng, nói tóm lại tất cả các tinh hoa của dân tộc ta.

Thanh triều dưới thời càn long mới biệt thái giáo sư văn chính quốc công và minh thái sư vănthành thu nạp in các sách, dành riêng cho nhà vua, gọi là quân vương chi đạo, tể phu chi học mà các đại thần cũng không được biết tới, không thiếu chi những đại thần vì vi phạm đã bị tử hình.

Họ in các man thư để đầu độc Cửu Di, Bát Man và người bạc chủng, sự việc Càn Long du Giang Nam, phải chăng là càn long đã ngầm sợ sự lai vãng của ngag của nngười da trắng tây phương hiệp cùng Cửu Di , Bát Man để thôn tính thiên quốc Trung Hoa vậy.

HẾT
* * *